

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI HỌC KỲ
HỌC KỲ 25.1A

Phòng thi: 105 - Quang Trung

Học phần: Introduction to Corporate Communication and Organ

Lớp HP: ANH225DE02

Ngày thi: 29/12/2025

Giờ thi: 10:15

Sinh viên không dự thi, ghi chữ "vắng" rõ ràng vào ô sinh viên ký tên bên dưới.

STT	MSSV	Họ và Tên	Lớp ngành	Số tờ/Số file - dung lượng file	Sinh viên Ký tên	Điểm	Quyết định	Số hiệu lớp
1	2191120	Nguyễn Cao Ngọc Hương	TM19111				Hoãn thi 1641/QĐ-ĐHHS ký 23/7/2025	2103/2433

Tổng số SV trong DS:

Tổng số SV dự thi:

Ngày tháng.....năm 20...

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

Giảng viên phụ trách
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

Giám đốc chương trình
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

.....

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI HỌC KỲ
HỌC KỲ 25.1A
Phòng thi: 009 - Thành Thái

Học phần: Quản trị học

Lớp HP: BA104DV01

Ngày thi: 30/12/2025

Giờ thi: 10:15

Sinh viên không dự thi, ghi chữ "vắng" rõ ràng vào ô sinh viên ký tên bên dưới.

STT	MSSV	Họ và Tên	Lớp ngành	Số tờ/Số file - dung lượng file	Sinh viên Ký tên	Điểm	Quyết định	Số hiệu lớp
1	2193128	Cao Trần Diệu Linh	GF191				Hoãn thi 1608/QĐ-ĐHHS ký 26/7/2022	1408/2133

Tổng số SV trong DS:

Tổng số SV dự thi:

Ngày tháng.....năm 20...

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

Giảng viên phụ trách
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

Giám đốc chương trình
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

.....

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI HỌC KỲ
HỌC KỲ 25.1A

Phòng thi: 018 - Thành Thái

Học phần: Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh

Lớp HP: BA307DV01

Ngày thi: 30/12/2025

Giờ thi: 10:15

Sinh viên không dự thi, ghi chữ "vắng" rõ ràng vào ô sinh viên ký tên bên dưới.

STT	MSSV	Họ và Tên	Lớp ngành	Số tờ/Số file - dung lượng file	Sinh viên Ký tên	Điểm	Quyết định	Số hiệu lớp
1	2191407	Nguyễn Minh Kha	KS1911				Hoãn thi 1756/QĐ-ĐHHS ký 15/7/2024	1474/2333

Tổng số SV trong DS:

Tổng số SV dự thi:

Ngày tháng.....năm 20...

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

Giảng viên phụ trách
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

Giám đốc chương trình
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

.....

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI HỌC KỲ
HỌC KỲ 25.1A

Phòng thi: 021 - Thành Thái

Học phần: VB pháp luật và quy trình xin giấy phép trong ngành

Lớp HP: EM203DV01

Ngày thi: 31/12/2025

Giờ thi: 10:15

Sinh viên không dự thi, ghi chữ "vắng" rõ ràng vào ô sinh viên ký tên bên dưới.

STT	MSSV	Họ và Tên	Lớp ngành	Số tờ/Số file - dung lượng file	Sinh viên Ký tên	Điểm	Quyết định	Số hiệu lớp
1	22101262	Đinh Trương Minh Sơn	EM21111				Hoãn thi 101/QĐ-ĐHHS, ký 15/1/2025	1539/2431

Tổng số SV trong DS:

Tổng số SV dự thi:

Ngày tháng.....năm 20...

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

Giảng viên phụ trách
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

Giám đốc chương trình
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

.....

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI HỌC KỲ
HỌC KỲ 25.1A
Phòng thi: 012 - Thành Thái

Học phần: Vận tải quốc tế
Lớp HP: LG305DV01
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 10:15

Sinh viên không dự thi, ghi chữ "vắng" rõ ràng vào ô sinh viên ký tên bên dưới.

STT	MSSV	Họ và Tên	Lớp ngành	Số tờ/Số file - dung lượng file	Sinh viên Ký tên	Điểm	Quyết định	Số hiệu lớp
1	22105394	Lưu Ngọc Thảo Nguyên	LG21111				Hoãn thi 2006/QĐ-ĐHHS ký 29/9/2023	1342/2234

Tổng số SV trong DS:

Tổng số SV dự thi:

Ngày tháng.....năm 20...

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

Giảng viên phụ trách
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

Giám đốc chương trình
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

.....

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI HỌC KỲ
HỌC KỲ 25.1A

Phòng thi: 114 - Quang Trung

Học phần: Cấu trúc rời rạc
Lớp HP: AI101DV01
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 13:15

Sinh viên không dự thi, ghi chữ "vắng" rõ ràng vào ô sinh viên ký tên bên dưới.

STT	MSSV	Họ và Tên	Lớp ngành	Số tờ/Số file - dung lượng file	Sinh viên Ký tên	Điểm	Ghi chú	Số hiệu lớp
1	22402742	Nguyễn Phước Mai Bảo	AI24111				GV nhập điểm theo lớp dạy	1369/2531

Tổng số SV trong DS:

Tổng số SV dự thi:

Ngày tháng.....năm 20...

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

.....

Giảng viên phụ trách
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình
(ký và ghi rõ họ tên)

Trang Hồng Sơn

.....

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI HỌC KỲ
HỌC KỲ 25.1A

Phòng thi: 114 - Quang Trung

Học phần: Phân tích thiết kế hệ thống

Lớp HP: AI204DV01

Ngày thi: 31/12/2025

Giờ thi: 10:15

Sinh viên không dự thi, ghi chữ "vắng" rõ ràng vào ô sinh viên ký tên bên dưới.

STT	MSSV	Họ và Tên	Lớp ngành	Số tờ/Số file - dung lượng file	Sinh viên Ký tên	Điểm	Ghi chú	Số hiệu lớp
1	22402742	Nguyễn Phước Mai Bảo	AI24111				GV nhập điểm theo lớp dạy	1370/2531

Tổng số SV trong DS:

Tổng số SV dự thi:

Ngày tháng.....năm 20...

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

Giảng viên phụ trách
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

Giám đốc chương trình
(ký và ghi rõ họ tên)

Vũ Đình Khôi

.....

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI HỌC KỲ
HỌC KỲ 25.1A

Phòng thi: 114 - Quang Trung

Học phần: Mạng máy tính cơ sở

Lớp HP: CN103DV01

Ngày thi: 29/12/2025

Giờ thi: 10:15

Sinh viên không dự thi, ghi chữ "vắng" rõ ràng vào ô sinh viên ký tên bên dưới.

STT	MSSV	Họ và Tên	Lớp ngành	Số tờ/Số file - dung lượng file	Sinh viên Ký tên	Điểm	Ghi chú	Số hiệu lớp
1	22402742	Nguyễn Phước Mai Bảo	AI24111				GV nhập điểm theo lớp dạy	1442/2531

Tổng số SV trong DS:

Tổng số SV dự thi:

Ngày tháng.....năm 20...

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

Giảng viên phụ trách
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

Giám đốc chương trình
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Ngọc Như Hằng

.....

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI HỌC KỲ
HỌC KỲ 25.1A

Phòng thi: 114 - Quang Trung

Học phần: Cơ sở Dữ liệu
Lớp HP: IT201DV01
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 8:00

Sinh viên không dự thi, ghi chữ "vắng" rõ ràng vào ô sinh viên ký tên bên dưới.

STT	MSSV	Họ và Tên	Lớp ngành	Số tờ/Số file - dung lượng file	Sinh viên Ký tên	Điểm	Ghi chú	Số hiệu lớp
1	22402742	Nguyễn Phước Mai Bảo	AI24111				GV nhập điểm theo lớp dạy	1595/2531

Tổng số SV trong DS:

Tổng số SV dự thi:

Ngày tháng.....năm 20...

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

Giảng viên phụ trách
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

Giám đốc chương trình
(ký và ghi rõ họ tên)

Đặng Thanh Linh Phú

.....

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI LẠI
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Môn thi: **ANH404DE03 - English Semantics**
Phòng thi: Phòng 110 - CS Quang Trung 2
SV không dự thi, ghi chữ VẮNG rõ ràng

Ngày thi: 2025-12-29
Giờ thi: 15:30

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Số tờ/ Số file – dung lượng file	Chữ ký	Điểm	Số hiệu lớp - học kỳ	Ghi chú
1	22115965	Đồng Thanh Ngọc	11/7/2003	TE21111				1057 - 2333	1756.0000000000

Số SV trong danh sách: 1

Số SV dự thi: _____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi

Giám thị 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày_____tháng_____năm_____

Giám thị 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Văn Dương

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI LẠI
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Môn thi: **ANH404DE03 - English Semantics**
Phòng thi: Phòng 117 - CS Quang Trung 2
SV không dự thi, ghi chữ VẮNG rõ ràng

Ngày thi: 2025-12-29
Giờ thi: 15:30

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Số tờ/ Số file – dung lượng file	Chữ ký	Điểm	Số hiệu lớp - học kỳ	Ghi chú
1	22011798	Vũ Trần Minh Hằng	10/3/2002	TATL2011 1				1058 - 2331	124

Số SV trong danh sách: 1

Số SV dự thi: _____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi

Giám thị 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày_____tháng_____năm_____

Giám thị 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngô Thị Thanh Thanh

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI LẠI

Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Môn thi: **BA101DV01 - Kinh tế Vi mô**
Phòng thi: Phòng 031 - CS Thành Thái

Ngày thi: 2026-01-03
Giờ thi: 13:15

SV không dự thi, ghi chữ VẮNG rõ ràng

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Số tờ/ Số file – dung lượng file	Chữ ký	Điểm	Số hiệu lớp - học kỳ	Ghi chú
1	22114530	Đặng Anh Khoa	17/6/2003	MK21111				1390 - 2133	1647.0000000000

Số SV trong danh sách: 1

Số SV dự thi: _____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi

Giám thị 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Giám thị 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đinh Thị Lợi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI LẠI

Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Môn thi: **BA101DV01 - Kinh tế Vi mô**
Phòng thi: Phòng 031 - CS Thành Thái
SV không dự thi, ghi chữ VẮNG rõ ràng

Ngày thi: 2026-01-03
Giờ thi: 13:15

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Số tờ/ Số file – dung lượng file	Chữ ký	Điểm	Số hiệu lớp - học kỳ	Ghi chú
1	22113468	Trần Ngọc Yến Vy	19/8/2003	MC21111				1388 - 2133	1647.0000000000
2	22112581	Văn Viết Đình Bảo	24/1/2003	MK21111				1387 - 2133	1647.0000000000
3	22401663	Võ Hoàng Bảo Trâm	11/1/2006	NT24111				1363 - 2433	2150
4	22005784	Âu Trần Thanh Trúc	9/10/2002	NT20111				1465 - 2233	1423

Số SV trong danh sách: 4

Số SV dự thi: _____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi

Giám thị 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Giám thị 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đinh Thị Lợi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI LẠI

Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Môn thi: **BA102DV01 - Kinh tế Vĩ mô**
Phòng thi: Phòng 032 - CS Thành Thái
SV không dự thi, ghi chữ VẮNG rõ ràng

Ngày thi: 2025-12-31
Giờ thi: 13:15

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Số tờ/ Số file – dung lượng file	Chữ ký	Điểm	Số hiệu lớp - học kỳ	Ghi chú
1	22113218	Lê Hồng Hà	7/5/2003	KN21111				1404 - 2133	1487.0000000000

Số SV trong danh sách: 1

Số SV dự thi: _____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi

Giám thị 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày_____tháng_____năm_____

Giám thị 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đặng Hoàng Minh Quân

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI LẠI

Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Môn thi: **BA104DE01 - Introduction to Management**

Phòng thi: Phòng 043 - CS Thành Thái

SV không dự thi, ghi chữ VẮNG rõ ràng

Ngày thi: 2025-12-31

Giờ thi: 08:00

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Số tờ/ Số file – dung lượng file	Chữ ký	Điểm	Số hiệu lớp - học kỳ	Ghi chú
1	22118764	Nguyễn Lê Minh Anh	15/4/2003	LG21111				1137 - 2231	66
2	22005784	Âu Trần Thanh Trúc	9/10/2002	NT20111				1099 - 2331	46

Số SV trong danh sách: 2

Số SV dự thi: _____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi

Giám thị 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Giám thị 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Quốc Sĩ

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI LẠI
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Môn thi: **BA107DV01 - Kinh tế học**
Phòng thi: Phòng 006 - CS Thành Thái
SV không dự thi, ghi chữ VẮNG rõ ràng

Ngày thi: 2025-12-29
Giờ thi: 08:00

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Số tờ/ Số file – dung lượng file	Chữ ký	Điểm	Số hiệu lớp - học kỳ	Ghi chú
1	22301149	Dương Mỹ Đình	6/7/2005	TV23111				1430 - 2431	3469

Số SV trong danh sách: 1

Số SV dự thi: _____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi

Giám thị 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Giám thị 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Ngọc Đức

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI LẠI

Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Môn thi: **BA206DE01 - Organizational Behaviour**

Phòng thi: Phòng 044 - CS Thành Thái

SV không dự thi, ghi chữ VẮNG rõ ràng

Ngày thi: 2025-12-31

Giờ thi: 15:30

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Số tờ/ Số file – dung lượng file	Chữ ký	Điểm	Số hiệu lớp - học kỳ	Ghi chú
1	22101426	Lương Vĩ Hào	7/1/2003	TV21111				1113 - 2331	46
2	22101125	Phan Thị Ngọc Tỷ	2/5/2001	TV21111				1055 - 2433	2200
3	22112694	Thân Nguyễn Văn Khánh	5/10/2003	TV21111				1038 - 2234	2018
4	2180778	Vũ Minh Quân	21/5/2000	NL1811				1025 - 2434	3045

Số SV trong danh sách: 4

Số SV dự thi: _____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi

Giám thị 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Giám thị 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

Bùi Thị Vân Quỳnh

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI LẠI

Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Môn thi: **BA206DE01 - Organizational Behaviour**

Phòng thi: Phòng 003 - CS Thành Thái

SV không dự thi, ghi chữ VẮNG rõ ràng

Ngày thi: 2025-12-31

Giờ thi: 15:30

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Số tờ/ Số file – dung lượng file	Chữ ký	Điểm	Số hiệu lớp - học kỳ	Ghi chú
1	22115218	Bùi Ngọc Mỹ	13/9/2003	TV21111				1054 - 2433	2190

Số SV trong danh sách: 1

Số SV dự thi: _____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi

Giám thị 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Giám thị 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

Bùi Thị Vân Quỳnh

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI LẠI

Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Môn thi: **GS109DV02 - Thống kê ứng dụng**

Phòng thi: Phòng 112 - CS Quang Trung 2

SV không dự thi, ghi chữ VẮNG rõ ràng

Ngày thi: 2025-12-30

Giờ thi: 15:30

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Số tờ/ Số file – dung lượng file	Chữ ký	Điểm	Số hiệu lớp - học kỳ	Ghi chú
1	22002063	Huỳnh Kim Huyền	23/12/2002	TL20111				1777 - 2333	1954.0000000000

Số SV trong danh sách: 1

Số SV dự thi: _____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi

Giám thị 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Giám thị 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lâm Quốc Dũng

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI LẠI

Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Môn thi: **HM401DE01 - Man. Skills&Leadership in Hos.**

Ngày thi: 2025-12-31

Phòng thi: Phòng 013 - CS Thành Thái

Giờ thi: 08:00

SV không dự thi, ghi chữ VẮNG rõ ràng

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Số tờ/ Số file – dung lượng file	Chữ ký	Điểm	Số hiệu lớp - học kỳ	Ghi chú
1	22112855	Phạm Khắc Triệu	6/10/2003	NH21111				1035 - 2432	1000

Số SV trong danh sách: 1

Số SV dự thi: _____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Giám thị 1

Giám thị 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đinh Vạn Ngọc Hà

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI LẠI

Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Môn thi: **HRM203DV01 - Quản trị Nhân sự**

Phòng thi: **Phòng 044 - CS Thành Thái**

SV không dự thi, ghi chữ **VẮNG** rõ ràng

Ngày thi: 2026-01-03

Giờ thi: 08:00

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Số tờ/ Số file – dung lượng file	Chữ ký	Điểm	Số hiệu lớp - học kỳ	Ghi chú
1	22301661	Bùi Vạn Tín	27/11/2005	NL23111				1611 - 2433	2145
2	22102477	Đặng Minh Nhật	5/8/2003	MK21111				1162 - 2434	3047

Số SV trong danh sách: 2

Số SV dự thi: _____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi

Giám thị 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Giám thị 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Quốc Sĩ

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI LẠI

Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Môn thi: **KT305DE02 - Cst Infor for Descision making**

Phòng thi: Phòng 015 - CS Thành Thái

SV không dự thi, ghi chữ VẮNG rõ ràng

Ngày thi: 2025-12-30

Giờ thi: 08:00

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Số tờ/ Số file – dung lượng file	Chữ ký	Điểm	Số hiệu lớp - học kỳ	Ghi chú
1	22114515	Nguyễn Thị Bình Như	15/11/2003	KT21121				1280 - 2331	3154

Số SV trong danh sách: 1

Số SV dự thi: _____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi

Giám thị 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Giám thị 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phùng Thế Vinh

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI LẠI

Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Môn thi: **LG202DV01 - Logistics**
Phòng thi: Phòng 011 - CS Thành Thái
SV không dự thi, ghi chữ VẮNG rõ ràng

Ngày thi: 2025-12-30
Giờ thi: 13:15

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Số tờ/ Số file – dung lượng file	Chữ ký	Điểm	Số hiệu lớp - học kỳ	Ghi chú
1	22005784	Âu Trần Thanh Trúc	9/10/2002	NT20111				1977 - 2331	46

Số SV trong danh sách: 1

Số SV dự thi: _____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi

Giám thị 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày_____tháng_____năm_____

Giám thị 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Phương Liên

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI LẠI

Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Môn thi: **LG301DE01 - International Trans&Insurance**

Ngày thi: 2025-12-29

Phòng thi: Phòng 007 - CS Thành Thái

Giờ thi: 13:15

SV không dự thi, ghi chữ VẮNG rõ ràng

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Số tờ/ Số file – dung lượng file	Chữ ký	Điểm	Số hiệu lớp - học kỳ	Ghi chú
1	22117996	Lê Thị Thanh Trúc	12/1/2003	NT21111				1301 - 2331	124

Số SV trong danh sách: 1

Số SV dự thi: _____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Giám thị 1

Giám thị 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Lệ Dung

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI LẠI

Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Môn thi: **LG313DE01 - Multimodal transport (FIATA)**

Phòng thi: Phòng 005 - CS Thành Thái

SV không dự thi, ghi chữ VẮNG rõ ràng

Ngày thi: 2025-12-29

Giờ thi: 08:00

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Số tờ/ Số file – dung lượng file	Chữ ký	Điểm	Số hiệu lớp - học kỳ	Ghi chú
1	22009401	Đinh Kiều Vy	26/10/2002	LG20111				1181 - 2433	2145

Số SV trong danh sách: 1

Số SV dự thi: _____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi

Giám thị 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Giám thị 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Thị Trúc Lan

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI LẠI

Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Môn thi: **MK305DE02 - Marketing Channels Management**

Phòng thi: Phòng 013 - CS Thành Thái

SV không dự thi, ghi chữ VẮNG rõ ràng

Ngày thi: 2025-12-29

Giờ thi: 15:30

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Số tờ/ Số file – dung lượng file	Chữ ký	Điểm	Số hiệu lớp - học kỳ	Ghi chú
1	22122638	Nguyễn Thị Hằng	23/8/2003	MC21111				1191 - 2433	2190

Số SV trong danh sách: 1

Số SV dự thi: _____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi

Giám thị 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Giám thị 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trương Quang Cẩm

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI LẠI

Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Môn thi: **MK402DV01 - Quản trị Marketing B2B**

Phòng thi: Phòng 021 - CS Thành Thái

SV không dự thi, ghi chữ VẮNG rõ ràng

Ngày thi: 2025-12-30

Giờ thi: 10:15

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Số tờ/ Số file – dung lượng file	Chữ ký	Điểm	Số hiệu lớp - học kỳ	Ghi chú
1	22116818	Nguyễn Minh Hiếu	6/7/2003	MC21111				2107 - 2433	2199

Số SV trong danh sách: 1

Số SV dự thi: _____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi

Giám thị 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Giám thị 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Anh Chung

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI LẠI

Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Môn thi: **MK403DE02 - Customer Service & Management**

Ngày thi: 2025-12-29

Phòng thi: Phòng 049 - CS Thành Thái

Giờ thi: 10:15

SV không dự thi, ghi chữ VẮNG rõ ràng

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Số tờ/ Số file – dung lượng file	Chữ ký	Điểm	Số hiệu lớp - học kỳ	Ghi chú
1	22011617	Trần Trọng Nghĩa	6/1/2002	EM20111				1071 - 2434	3047

Số SV trong danh sách: 1

Số SV dự thi: _____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Giám thị 1

Giám thị 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lý Thị Mỹ Hạnh

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI LẠI

Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Môn thi: **MK409DE01 - Mobile Marketing**

Phòng thi: Phòng 016 - CS Thành Thái

SV không dự thi, ghi chữ VẮNG rõ ràng

Ngày thi: 2025-12-29

Giờ thi: 08:00

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Số tờ/ Số file – dung lượng file	Chữ ký	Điểm	Số hiệu lớp - học kỳ	Ghi chú
1	22205648	Lê Khả Hân	25/2/2004	DM22111				1210 - 2433	2101

Số SV trong danh sách: 1

Số SV dự thi: _____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi

Giám thị 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Giám thị 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Hải Đăng

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI LẠI

Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Môn thi: **MK410DV01 - Phân tích dữ liệu Marketing ĐT**

Phòng thi: Phòng 049 - CS Thành Thái

SV không dự thi, ghi chữ VẮNG rõ ràng

Ngày thi: 2025-12-29

Giờ thi: 15:30

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Số tờ/ Số file – dung lượng file	Chữ ký	Điểm	Số hiệu lớp - học kỳ	Ghi chú
1	22122485	La Hạnh Nguyên	31/7/2003	DM21111				1821 - 2433	2126
2	22105217	Phạm Thị Lan Anh	16/6/2003	DM21111				1821 - 2433	2167

Số SV trong danh sách: 2

Số SV dự thi: _____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi

Giám thị 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Giám thị 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hồng Quý

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI LẠI

Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Môn thi: **TC202DE01 - Corporate Finance**

Phòng thi: Phòng 006 - CS Thành Thái

SV không dự thi, ghi chữ VẮNG rõ ràng

Ngày thi: 2026-01-03

Giờ thi: 10:15

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Số tờ/ Số file – dung lượng file	Chữ ký	Điểm	Số hiệu lớp - học kỳ	Ghi chú
1	22101426	Lương Vĩ Hào	7/1/2003	TV21111				1160 - 2234	2072

Số SV trong danh sách: 1

Số SV dự thi: _____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi

Giám thị 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Giám thị 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

Bùi Phương Uyên

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI LẠI

Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Môn thi: **TC202DV01 - Tài chính Doanh nghiệp**

Phòng thi: Phòng 006 - CS Thành Thái

SV không dự thi, ghi chữ VẮNG rõ ràng

Ngày thi: 2026-01-02

Giờ thi: 10:15

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Số tờ/ Số file – dung lượng file	Chữ ký	Điểm	Số hiệu lớp - học kỳ	Ghi chú
1	2191105	Nguyễn Hoài Bảo	20/2/2001	TV19112				1972 - 2431	101

Số SV trong danh sách: 1

Số SV dự thi: _____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi

Giám thị 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Giám thị 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoàng Vi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI LẠI
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Môn thi: **TC304DE02 - Financial Management**
Phòng thi: Phòng 008 - CS Thành Thái
SV không dự thi, ghi chữ VẮNG rõ ràng

Ngày thi: 2025-12-31
Giờ thi: 08:00

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Số tờ/ Số file – dung lượng file	Chữ ký	Điểm	Số hiệu lớp - học kỳ	Ghi chú
1	22122675	Ngô Thị Diễm Quỳnh	7/12/2003	TC21111				1256 - 2433	2199

Số SV trong danh sách: 1

Số SV dự thi: _____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi

Giám thị 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Giám thị 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phan Trần Minh Hưng

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI LẠI

Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Môn thi: **TC304DV02 - Quản trị Tài chính**

Phòng thi: Phòng 007 - CS Thành Thái

SV không dự thi, ghi chữ VẮNG rõ ràng

Ngày thi: 2026-01-03

Giờ thi: 15:30

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Số tờ/ Số file – dung lượng file	Chữ ký	Điểm	Số hiệu lớp - học kỳ	Ghi chú
1	22112756	Nhâm Chí Hào	4/2/2003	TV21111				1381 - 2432	1000

Số SV trong danh sách: 1

Số SV dự thi: _____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi

Giám thị 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày_____tháng_____năm_____

Giám thị 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hồ Công Hưởng

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI LẠI

Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Môn thi: **TQ102DV03 - Tiếng Trung 2**
Phòng thi: Phòng 006 - CS Thành Thái
SV không dự thi, ghi chữ VẮNG rõ ràng

Ngày thi: 2026-01-03
Giờ thi: 15:30

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Số tờ/ Số file – dung lượng file	Chữ ký	Điểm	Số hiệu lớp - học kỳ	Ghi chú
1	22115965	Đồng Thanh Ngọc	11/7/2003	TE21111				2370 - 2331	95

Số SV trong danh sách: 1

Số SV dự thi: _____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi

Giám thị 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày_____tháng_____năm_____

Giám thị 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thành Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI LẠI

Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Môn thi: **TT204DV02 - Luật và đạo đức truyền thông**

Phòng thi: Phòng 043 - CS Thành Thái

SV không dự thi, ghi chữ VẮNG rõ ràng

Ngày thi: 2025-12-30

Giờ thi: 15:30

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Số tờ/ Số file – dung lượng file	Chữ ký	Điểm	Số hiệu lớp - học kỳ	Ghi chú
1	22303055	Huỳnh Lê Hoàng Yến	7/1/2005	PR23111				2015 - 2433	2199

Số SV trong danh sách: 1

Số SV dự thi: _____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi

Giám thị 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Giám thị 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Ngọc Nhã Trân

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐĂNG KÝ THI
(MÔN MIỄN HỌC PHẢI THI)**

Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Môn thi: BA101DV01 -Kinh tế Vi mô
Phòng thi: Phòng 031 - CS Thành Thái
SV không dự thi, ghi chữ VẮNG rõ ràng

Ngày thi: 2026-01-03
Giờ thi: 13:15

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Số tờ/ Số file – dung lượng file	Chữ ký	Điểm	Số hiệu lớp - học kỳ	Ghi chú
1	22500050	Võ Phạm Mỹ Duyên	16/2/2005	DM25111				1408 - 2531	QĐ số 2898/QĐ-Đ

Số SV trong danh sách: 1

Số SV dự thi: _____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi

Giám thị 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày_____tháng_____năm_____

Giám thị 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đinh Thị Lợi

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐĂNG KÝ THI
(MÔN MIỄN HỌC PHẢI THI)**

Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Môn thi: BA102DV01 -Kinh tế Vĩ mô
Phòng thi: Phòng 004 - CS Thành Thái
SV không dự thi, ghi chữ VẮNG rõ ràng

Ngày thi: 2025-12-31
Giờ thi: 13:15

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Số tờ/ Số file – dung lượng file	Chữ ký	Điểm	Số hiệu lớp - học kỳ	Ghi chú
1	22500050	Võ Phạm Mỹ Duyên	16/2/2005	DM25111				1411 - 2531	QĐ số 2898/QĐ-Đ

Số SV trong danh sách: 1

Số SV dự thi: _____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi

Giám thị 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày_____tháng_____năm_____

Giám thị 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Ngọc Đức

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐĂNG KÝ THI
(MÔN MIỄN HỌC PHẢI THI)**

Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Môn thi: BA102DV01 -Kinh tế Vĩ mô
Phòng thi: Phòng 008 - CS Thành Thái
SV không dự thi, ghi chữ VẮNG rõ ràng

Ngày thi: 2025-12-31
Giờ thi: 13:15

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Số tờ/ Số file – dung lượng file	Chữ ký	Điểm	Số hiệu lớp - học kỳ	Ghi chú
1	22403178	Nguyễn Xuân Quang	26/8/2001	TV24111				1416 - 2531	QĐ số 1337/QĐ-D

Số SV trong danh sách: 1

Số SV dự thi: _____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi

Giám thị 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày_____tháng_____năm_____

Giám thị 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

La Hoàng Lâm

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐĂNG KÝ THI
(MÔN MIỄN HỌC PHẢI THI)**

Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Môn thi: GS110DV01 -Xác suất Thống kê cho Kỹ sư
Phòng thi: Phòng 108 - CS Quang Trung 2
SV không dự thi, ghi chữ VẮNG rõ ràng

Ngày thi: 2025-12-31
Giờ thi: 10:15

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Số tờ/ Số file – dung lượng file	Chữ ký	Điểm	Số hiệu lớp - học kỳ	Ghi chú
1	22300121	Hoàng Gia Phúc	31/3/2002	PM23111				1549 - 2531	QĐ MH số 2400,

Số SV trong danh sách: 1

Số SV dự thi: _____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi

Giám thị 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày_____tháng_____năm_____

Giám thị 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đặng Công Tiên

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: English Reading and Writing 3 (ANH223DE02) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1030
Giảng viên: Trịnh Bình Thanh Sơn
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 106 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400166	VŨ ĐỨC	ANH	16/02/05	TE24111			
2	22400656	NGUYỄN TRƯƠNG NGỌC	ÁNH	22/11/06	TE24111			
3	22401099	BÁCH NHẬT	ĐĂNG	02/01/06	TE24111			
4	22401085	LÊ MINH	HẢI	30/07/06	TE24111			
5	22400325	NGUYỄN HUỲNH NGỌC	HÂN	17/02/06	TE24111			
6	22400101	PHAN ANH	HUY	22/01/06	TE24111			
7	22400393	ĐỖ TRUNG	KIÊN	23/06/06	TE24111			
8	22001065	DƯƠNG GIA	KỲ	16/12/01	TE20111			
9	22400889	NGUYỄN Y	LIN	10/04/06	TM24111			
10	22400757	VÕ LÊ TUỆ	MÃN	07/12/05	TE24111			
11	22400803	ĐẶNG HOÀNG	NAM	26/08/06	TM24111			
12	22400322	HUỲNH TRỌNG	NHÂN	29/09/02	TE24111			
13	22400328	NGUYỄN HOÀNG MINH	NHI	25/10/04	TE24111			
14	22402773	NGUYỄN HỒNG	PHONG	18/02/04	TM24111			
15	22300906	TRẦN NGỌC MỸ	TÂM	12/11/05	TE23111			
16	22205962	NGUYỄN DUY	THẮNG	08/08/04	TM22111			Cấm thi
17	22401117	TRẦN THỊ THỦY	TRINH	09/09/06	TE24111			
18	22400123	TRẦN QUANG	VINH	25/09/05	TM24111			
19	22400600	ĐOÀN TRÚC	VY	16/02/06	TE24111			
20	22007888	PHAN THẢO	VY	02/08/02	TE20111			
21	22123086	TRẦN BẢO KHÁNH	VY	04/11/03	TANT21111			Cấm thi

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: English Reading and Writing 3 (ANH223DE02) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1031
Giảng viên: Nguyễn Văn Chương
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 117 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402689	HOÀNG LÊ MINH	ANH	24/12/06	TM24111			
2	22402893	NGUYỄN HOÀNG THÁI	ANH	24/09/06	TE24111			
3	22402103	TRẦN PHƯỢNG	ANH	29/11/06	TM24111			
4	22402910	VŨ NGUYỄN	ANH	06/09/06	TM24111			Cấm thi
5	22205584	NGUYỄN HẢI	ÂU	25/09/04	TM22111			
6	22401727	ĐÌNH THỊ THU	DUYỄN	20/11/95	TE24111			
7	22200472	VŨ NGUYỄN PHƯƠNG	ĐAN	26/09/03	TM22111			
8	22401796	NGUYỄN HOÀNG	KHÔI	04/02/06	TE24111			Cấm thi
9	22402776	NGUYỄN TUẤN	KHÔI	28/06/06	TE24111			
10	22403099	NGUYỄN VĨNH	LỘC	04/10/05	TM24111			Cấm thi
11	22402997	HUỲNH THỊ MỸ	NGÂN	18/02/06	TM24111			
12	22402543	TRẦN NGUYỄN MINH	NGHIÊM	25/09/06	TE24111			
13	22402740	LÊ VÕ HỒNG	NGỌC	19/02/06	TE24111			
14	22403014	TRỊNH KIM	NGỌC	14/11/05	TM24111			
15	22400064	BÙI MINH	NHẬT	20/10/02	TE24111			
16	22401859	NGUYỄN HUỲNH BẢO	NHI	05/05/06	TE24111			
17	22403001	PHẠM NHỮ QUỲNH	NHƯ	20/10/06	TM24111			
18	22401652	TẶNG THẾ	TÀI	20/08/06	TM24111			Cấm thi
19	22400017	TRẦN LÊ	THANH	27/11/03	TE24111			
20	22200402	KHOANG HOÀNG ANH	TI	08/02/04	TM22111			
21	22207508	NGUYỄN ĐÌNH	TÍN	24/07/02	TM22111			
22	22402932	PHẠM THỊ THUỶ	TRANG	05/06/06	TM24111			
23	22402798	ĐỖ THANH	VY	19/07/06	TM24111			
24	22402724	TRẦN NGỌC NHƯ	Ý	17/11/06	TM24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Macroeconomics (BA102DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1071
Giảng viên: Lê Hữu Đức
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 014 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500297	BOUCHET	NÉO	27/07/05	QT225			
2	22110996	LÊ HỒ GIA	BẢO	03/09/03	TV21111			
3	22205893	ĐINH THỊ NGỌC	BÍCH	18/11/04	NT22111			
4	22201524	NGUYỄN TĂNG BẢO	DUY	12/11/04	NT22111			
5	22204482	PHAN TRẦN TIẾN	ĐẠT	14/10/04	TV22111			
6	22205915	NGUYỄN THỊ MINH	HIẾU	18/02/04	TV22111			
7	22202318	NGUYỄN DƯƠNG MINH	HOÀNG	24/09/04	DM22111			
8	22205474	NGUYỄN QUỐC	HUY	08/10/02	TV22111			
9	22108690	PHẠM NGỌC LAM	KHUÊ	13/04/03	TV21111			
10	22200287	VŨ PHẠM HỒNG	LOAN	17/08/03	KN22111			
11	22000041	TRẦN	LONG	24/10/00	TV20111			Cấm thi
12	2194001	TRỊNH TUYẾT	NHI	13/02/01	MK19111			
13	22122776	NGUYỄN ANH	PHÁP	05/12/03	DM21111			Cấm thi
14	22111990	NGUYỄN HỮU	PHÁT	12/03/03	TV21111			
15	22011759	PHẠM THỊ KIỀU	PHƯƠNG	28/07/02	NT20111			Cấm thi
16	22206698	LÊ THỊ TRÚC	QUYÊN	08/03/04	KN22111			
17	22122517	PHẠM VĂN VINH	SANG	30/10/03	MK21111			Cấm thi
18	22200018	NGUYỄN MINH	THÀNH	05/04/94	TV22111			
19	22207594	NGUYỄN QUỐC	THẮNG	02/09/03	TV22111			Cấm thi
20	22119178	ĐỖ CAO BẢO	THY	04/12/03	LG21111			
21	2181574	PHAN MINH	TUẤN	10/01/00	NL1811			
22	22205931	NGUYỄN THỊ	VÂN	16/12/03	DM22111			
23	22205730	ĐỖ ĐÌNH	VƯỢNG	03/01/04	TV22111			
24	22112436	NGUYỄN TRƯƠNG NHƯ	Ý	18/02/02	MC21111			Cấm thi

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Kinh tế học (BA107DV01) – Số tín chỉ: 6.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1422
Giảng viên: Lê Ngọc Đức
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 006 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22301965	VŨ	BẢO	17/12/02	TC23111			
2	22303190	NGUYỄN THIÊN	CHUYÊN	17/03/05	NL23111			
3	22206743	LÃ QUỲ	DUY	14/06/03	TV22111			
4	22112614	TRƯƠNG HOÀNG	DUY	01/02/03	TV21111			
5	22113850	BÙI HỒ HƯƠNG	GIANG	23/11/03	TV21111			
6	22123135	TRẦN PHƯƠNG	KHANH	23/07/03	TV21111			Cấm thi
7	22004530	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	06/07/02	DM20111			
8	22300170	PHÙ QUÁCH NGỌC	MAI	21/04/03	MK23111			
9	22301494	PHẠM HOÀNG BẢO	NGỌC	15/12/05	TC23111			
10	22205369	TRƯƠNG NHƯ	NGỌC	07/03/04	TV22111			
11	22114439	PHẠM PHÚ	PHI	22/09/03	TV21111			Cấm thi
12	22201152	LÊ THIÊN	PHÚC	25/05/04	TV22111			Cấm thi
13	22300550	LÊ BÁ	QUYỀN	07/02/01	MK23111			
14	22205321	PHAN THANH	TÂN	31/05/04	TV22111			
15	22109807	NGUYỄN HOÀI BẢO	THỨ	15/11/03	TV21111			
16	22302317	PHAN ANH	THỨ	29/09/05	NT23111			
17	22401612	NGUYỄN ANH	TÚ	22/06/05	EM24111			
18	22400714	NGUYỄN HỒ THANH	TÙNG	23/05/99	DL24111			Cấm thi
19	22301921	TRẦN NGUYỄN GIA	VỸ	01/01/05	MK23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Negotiation Skills (BA201DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1074
Giảng viên: Lê Tấn Lộc
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 010 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22201162	PHẠM NGUYỄN NHẬT	AN	01/02/04	TV22111			
2	22304139	LÊ NGỌC MINH	ANH	05/03/03	TV23111			
3	22116668	LƯƠNG NGỌC	ANH	01/06/03	TV21111			
4	22112755	NGUYỄN TRẦN QUỐC	ANH	14/05/03	TV21111			
5	22007947	HÀ CÔNG VIỆT	BẰNG	09/09/02	TV20111			
6	22206063	NGÔ PHÚ	CƯỜNG	25/09/04	TV22111			
7	22205337	VÕ THANH	DUY	08/12/04	TV22111			
8	22207394	PHẠM THỊ THU	ĐƯỢC	14/07/04	TV22111			
9	22400013	NGUYỄN TRÍ	ĐỨC	01/04/04	TV24111			
10	22205751	PHẠM ANH	ĐỨC	21/04/04	TV22111			
11	22205268	SHAKIRIN	HAKIM	24/06/03	TV22111			
12	22104460	ĐINH NGỌC BẢO	HÂN	26/12/03	TV21111			
13	22200469	CÙ TRẦN PHÚC	HẬU	28/12/04	TV22111			
14	22206540	NGUYỄN MINH	HIẾU	27/05/04	TV22111			
15	22400401	LÊ THỊ THANH	HIỀN	11/03/06	TV24111			
16	22207610	PHẠM XUÂN	HIỀN	16/09/04	TV22111			
17	22207336	ĐỖ ĐÌNH	HOÀNG	30/08/04	TV22111			
18	22014652	NGUYỄN HỮU	HOÀNG	11/10/02	TV20111			
19	22400081	ĐINH HUỲNH SONG	HUY	10/06/04	TV24111			
20	22205534	LÊ NGUYỄN ĐỨC	HUY	16/07/04	TV22111			
21	22205802	NGUYỄN PHẠM ANH	HUY	12/09/04	TV22111			
22	22400405	ĐẶNG THỊ MAI	HƯƠNG	14/10/06	TV24111			
23	22206031	DIỆC DŨNG	KHÁNH	09/02/04	TV22111			
24	22101455	HÀ NGUYỄN DUY	KHOA	04/03/03	TV21111			
25	22207644	PHẠM TRUNG	KIẾN	07/02/03	TV22111			
26	22204794	ĐẶNG HUỲNH ÁNH	KIM	14/08/04	TV22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Negotiation Skills (BA201DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1074
Giảng viên: Lê Tấn Lộc
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 011 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22200493	NGUYỄN HOÀNG	LỘC	02/07/04	TV22111			
2	22200713	NGÔ NGỌC THANH	MINH	11/02/04	TV22111			
3	22205222	NGUYỄN QUỐC	MINH	19/05/04	TV22111			
4	22200041	TRẦN NGUYỄN NHẬT	MINH	24/12/03	TV22111			
5	22101236	TRẦN VŨ KIỀU	MỸ	25/02/03	TV21111			
6	22115218	BÙI NGỌC	MỸ	13/09/03	TV21111			
7	22203823	ĐẶNG GIA	MỸ	23/03/04	TV22111			
8	22206707	ĐỖ TRƯỜNG	NAM	19/02/04	TV22111			
9	22111957	LÂM TRỌNG	NGHĨA	30/05/03	TV21111			Cấm thi
10	22205996	NGUYỄN HOÀNG THANH	NHÃ	17/06/04	TV22111			
11	2192286	LÊ HỮU	NHẠC	22/05/01	TV19111			
12	22206255	LÊ HỒ TẤN	PHÁT	15/10/04	TV22111			
13	22200428	LƯU GIA	PHÁT	13/08/04	TV22111			
14	22114611	NGUYỄN TRỌNG	PHÚC	13/05/03	TV21111			
15	22205278	TRẦN THỊ TIỀN	PHƯƠNG	12/07/03	TV22111			
16	22140248	VŨ MINH	QUANG	18/10/00	TV21111			
17	22206026	ĐỖ NHẬT ANH	QUÂN	26/11/04	TV22111			
18	22205756	ĐÀO ĐỨC	THÀNH	06/05/04	TV22111			
19	22204556	NGUYỄN ĐỨC	THẮNG	04/11/04	TV22111			
20	22205778	TRẦN ĐÌNH	THẮNG	02/12/04	TV22111			
21	22205599	TRẦN VIỆT	THẮNG	09/07/04	TV22111			
22	22115237	HỒ XUÂN NGUYỄN	THỤY	03/12/03	TV21111			
23	22200420	TRẦN BÙI NGỌC	TRÍ	17/03/04	TV22111			
24	22202243	DƯƠNG ANH	TUẤN	10/12/04	TV22111			
25	22206016	HỒNG GIA	TUẤN	10/09/04	TV22111			
26	2193172	PHẠM ANH	TUẤN	04/08/01	TV19111			
27	22205112	TRƯƠNG QUỐC	TUẤN	17/10/04	TV22111			
28	22206251	TRỊNH GIA	TƯỜNG	07/12/04	TV22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Bố trí Thí nghiệm và Phương pháp Xử lý Số liệu (CP021DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 2062
Giảng viên: Lê Nguyễn Tường Vy
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 08g00 **Phòng thi: Phòng 006 - CS Thành Thái**

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	2195266	LƯƠNG TRUNG	KIẾN	01/12/01	CP19111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Toán Rời rạc (GS102DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1545
Giảng viên: Nguyễn Lê Duy
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 108 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22204687	GIANG QUỐC	BỬU	04/08/04	PM22111			
2	22000212	TRẦN QUANG	DUY	23/06/99	QL20111			Cấm thi
3	22205840	NGUYỄN PHẠM QUỐC	HÙNG	16/07/04	QL22111			Cấm thi
4	22205797	NGUYỄN DUY	KHÁNH	05/05/04	PM22111			
5	22206176	LÂM XÊ	KHOA	27/10/04	QL22111			Cấm thi
6	22500193	NGUYỄN DƯƠNG	KHÔI	31/05/05	QL25111			Cấm thi
7	22117945	NGUYỄN	MINH	08/11/03	PM21111			
8	22207238	PHẠM NGUYỄN XUÂN	NAM	05/03/04	QL22111			
9	22140217	NGUYỄN MẠNH	QUÂN	04/03/97	QL21111			Cấm thi
10	22207197	LƯU TIẾN	SANG	06/03/04	QL22111			
11	22102933	HỒ NGỌC	TÂN	17/01/03	QL21111			Cấm thi
12	22123145	PHAN CẨM	TIẾN	05/12/03	QL21111			
13	22103116	TRẦN QUỐC	TIẾN	02/06/03	QL21111			Cấm thi

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Human Resource Development in Hospitality and Tourism (HM302DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1165
Giảng viên: Tôn Thất Khải
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 08g00
Phòng thi: Phòng 008 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22112657	NGUYỄN KIỀU	ANH	15/10/03	KS21111			
2	22206002	VÕ LÊ HOÀNG	ÂN	02/05/03	NH22111			
3	22206526	TRẦN VĂN QUỐC	BẢO	15/01/04	NH22111			
4	22111135	HỒ HỮU	CƯỜNG	05/07/03	NH21111			Cấm thi
5	22200398	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	26/12/03	NH22111			
6	22012625	PHẠM THẾ	HIỂN	23/04/02	NH20111			Cấm thi
7	22001318	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	30/08/02	KS20111			
8	22206692	TRẦN PHƯƠNG	KIÊN	06/02/04	KS22111			
9	2196846	TRẦN TUẤN	LONG	22/04/01	KS19111			Cấm thi
10	2191260	NGUYỄN MINH	LUÂN	13/07/01	NH19111			
11	22011617	TRẦN TRỌNG	NGHĨA	06/01/02	EM20111			
12	22100366	TRẦN VŨ HẠNH	NGUYỄN	13/11/03	KS21111			Cấm thi
13	22203130	PHẠM BẢO	NHI	01/12/04	NH22111			
14	22101262	ĐÌNH TRƯỞNG MINH	SƠN	02/07/02	EM21111			Cấm thi
15	22205196	NGUYỄN MẠNH	TÀI	29/08/04	NH22111			
16	22300674	LÊ NGUYỄN HỮU	TÂM	05/03/05	EM23111			
17	22105072	TRẦN MINH	THỨ	11/08/03	KS21111			
18	22111444	BÙI HUỲNH KHÁNH	VY	03/12/03	NH21111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: International Human Resource Management (HRM312DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1180
Giảng viên: Nguyễn Thị Bê
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 08g00
Phòng thi: Phòng 008 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500276	ZAJAC	QUANGMI NH	16/04/03	QT225			
2	22500277	NGUYEN	QUYNHAN H	01/09/03	QT225			
3	22500278	YEH	CHIAHSIN	13/02/04	QT225			
4	22206890	THÂN MAI KIM	KHÁNH	06/08/04	NL22111			
5	22206383	HOÀNG ĐĂNG	KHOA	19/09/04	NL22111			
6	2170431	NGUYỄN TUẤN	KIẾN	01/05/99	NL1711			
7	22206894	PHẠM HÀ DIỄM	QUỲNH	16/04/04	NL22111			
8	22204675	PHAN THỊ VY	THẢO	23/12/04	NL22111			
9	22206472	NGUYỄN MINH	THỨ	09/08/04	NL22111			
10	22207140	TRẦN LÊ KHÁNH	TƯỜNG	18/01/04	NL22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)
Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Multimodal transport (FIATA) (LG313DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1226
Giảng viên: Trần Thị Trúc Lan
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 005 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22206400	NGUYỄN VĂN	AN	06/08/04	LG22111			
2	22205867	PHẠM BẢO	AN	21/03/04	LG22111			
3	22207593	NGUYỄN MINH	ANH	10/06/04	LG22111			
4	22204976	QUÁCH KIM	ANH	19/06/03	LG22111			
5	22205589	TRẦN DƯƠNG PHƯỚC	ANH	05/04/04	LG22111			
6	22206574	DƯƠNG THIÊN	BẢO	06/08/04	LG22111			
7	22206204	PHAN QUỐC	BẢO	10/12/02	LG22111			
8	22205132	NGUYỄN NHẬT	BẰNG	06/06/04	LG22111			
9	22205190	NGUYỄN HUỖNH NHẬT	CHÂU	07/08/04	LG22111			
10	22206231	LÂM THÁI NGỌC	CHI	10/05/04	LG22111			
11	22205024	ĐỖ MẠNH	DŨNG	27/09/04	LG22111			
12	22202065	NGUYỄN ĐỖ QUỐC	DƯƠNG	29/07/04	LG22111			
13	22206810	NGUYỄN TRẦN TẤN	ĐẠT	21/10/04	LG22111			
14	22200487	NGUYỄN TRÍ	ĐỨC	30/11/04	LG22111			
15	22204751	ĐÀO KHÁNH	HÀ	06/01/04	LG22111			
16	22205208	BÀNH ĐĂNG	KHOA	21/10/04	LG22111			
17	22206184	CHU THỊ KHÁNH	LINH	05/08/04	LG22111			
18	22205803	LƯU KIM	LONG	01/02/04	LG22111			
19	22200282	LÊ PHẠM PHƯƠNG	MAI	03/10/03	LG22111			
20	22205267	NGUYỄN VŨ NGỌC	MAI	06/03/03	LG22111			
21	22205096	NGUYỄN PHƯƠNG	MY	31/05/04	LG22111			
22	22206589	NGUYỄN HOÀNG HẠNH	NGUYỄN	06/10/04	LG22111			
23	22300412	TRẦN NGỌC TAM	NGUYỄN	21/05/04	LG23111			
24	22201394	DƯƠNG THỊ THANH	NHÀN	18/09/04	LG22111			
25	22206814	ĐẶNG THANH	NHI	03/05/04	LG22111			
26	22001648	NGUYỄN LÊ GIA	PHONG	26/07/02	LG20111			
27	22200211	TRẦN THỊ MAI	PHƯƠNG	15/07/02	LG22111			
28	22206010	VŨ NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	19/07/04	LG22111			
29	22207399	VŨ THỊ	QUỲNH	01/01/04	LG22111			
30	22206799	TRẦN CAO PHÚ	SANG	30/10/04	LG22111			
31	22114424	VÕ THẾ	SON	09/05/03	LG21111			
32	22206803	TRẦN PHẠM VÂN	THANH	17/04/04	LG22111			
33	22200364	VY HẠ	THI	05/06/04	LG22111			
34	22206052	PHẠM PHƯƠNG	THÙY	02/11/04	LG22111			
35	22205392	TẶNG NGỌC ANH	THƯ	19/07/04	LG22111			
36	22205947	VŨ THÀNH	TÍN	29/10/04	LG22111			Cấm thi
37	22112403	PHẠM NGUYỄN BÁ	TRƯỜNG	27/11/02	LG21111			
38	22205804	NGUYỄN MINH	TUẤN	12/03/04	LG22111			
39	22200178	ĐÀO DUY	TÙNG	13/01/04	LG22111			
40	22202948	LÊ HOÀNG TÂM	UYÊN	23/10/04	LG22111			
41	22300023	NGUYỄN HUỖNH ANH	VŨ	05/06/01	LG23111			

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
42	22207552	VƯƠNG BẢO	YẾN	23/02/00	LG22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Mobile Marketing (MK409DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1265
Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 016 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22207216	HUỲNH TRẦN TÚ	ANH	10/08/04	DM22111			
2	22140236	NGÔ HOÀNG NGỌC	ANH	11/07/92	DM21111			
3	22112882	NGUYỄN THÀNH	DANH	05/06/03	DM21111			
4	22200646	NGUYỄN THỊ KIỀU	DIỄM	18/05/04	DM22111			
5	22205487	LÊ MỸ	DUYÊN	29/01/03	DM22111			
6	22205274	NGÔ PHAN ÁNH	DƯƠNG	18/07/03	DM22111			
7	22204054	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	ĐĂNG	20/05/04	MK22111			
8	22206738	TRẦN NGỌC	HÂN	21/09/04	DM22111			
9	22205601	ĐẶNG THỌ	HIẾU	31/10/04	MK22111			
10	22200328	CHU KHÁNH	NGÂN	28/05/02	DM22111			
11	22204679	THÁI NGỌC MINH	NGÂN	25/04/03	DM22111			
12	22205029	NGUYỄN PHƯƠNG	NGHI	04/07/04	DM22111			
13	22206115	NGUYỄN MINH	NGỌC	13/09/04	MK22111			
14	22203236	KHUU HOÀNG TỔ	NGUYỄN	11/04/04	DM22111			
15	22114425	TRẦN PHẠM MINH	PHÁT	21/03/03	DM21111			
16	22206276	NGUYỄN NGỌC NGÂN	PHƯƠNG	01/02/04	DM22111			
17	22114488	CAO ĐẶNG KIM	QUYÊN	02/10/03	DM21111			
18	22205595	NGUYỄN HOÀNG	THI	04/06/04	DM22111			
19	22204963	ĐOÀN VŨ ANH	THƯ	18/07/03	MK22111			
20	22206984	NGUYỄN HUỲNH MINH	THƯ	20/02/04	DM22111			
21	22203164	NGUYỄN VŨ MINH	THY	02/10/04	DM22111			
22	22205755	NGUYỄN DIỄM	TÚ	28/06/04	DM22111			
23	22205957	THÁI NGUYỄN NGỌC	UYÊN	14/04/04	DM22111			
24	22205628	NGUYỄN TRẦN NHƯ	Ý	18/06/04	DM22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Pháp 3 (PHAP103DV02) – Số tín chỉ: 4.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1795
Giảng viên: Võ Thị Tâm Phúc
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 110 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22204888	HOÀNG LÊ TUẤN	ANH	02/01/04	TM22111			
2	22207418	NGUYỄN VÕ XUÂN	BÁCH	10/08/04	TE22111			
3	22205492	NGUYỄN THIÊN	BẢO	21/05/04	TM22111			
4	2194077	LÂM THÁI HOÀNG	CHÂU	26/12/01	TM19111			Cấm thi
5	2198842	PHAN VÕ KIM	ĐĂNG	16/03/01	BP19112			
6	22122647	NGUYỄN TRẦN LAN	HƯƠNG	01/07/03	TM21111			
7	2192124	HOÀNG BẢO	KHANG	30/11/01	TM19111			
8	22114546	LÊ NGUYỄN	KHANG	19/08/03	TE21111			Cấm thi
9	22004510	LÊ TUẤN	KIỆT	22/03/02	TM20111			
10	22107212	TRẦN HUỖNH	NHƯ	22/04/03	TANT21111			
11	2193740	VÕ ANH	PHÁT	24/09/00	TE19112			
12	2191381	NGUYỄN HOÀI NHƯ	QUỖNH	22/03/01	TE19111			
13	22108467	NGUYỄN ĐỨC	TRỌNG	23/08/03	TE21111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Oenology (RM305DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1296
Giảng viên: Lê Hoàng Khánh Vi
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 013 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22119109	PHẠM TRÍ	ĐỨC	10/02/03	NH21111			
2	22110840	LÊ	HUY	29/11/03	NH21111			Cấm thi
3	22002590	NGÔ GIA	HUY	26/01/02	NH20111			
4	22002604	CAO TRƯỜNG THANH	HÙNG	26/04/02	NH20111			
5	22206197	CHU SƠN	KHANG	22/08/04	NH22111			
6	22205338	NGUYỄN LÊ HOÀNG	KHANG	10/01/04	NH22111			
7	2183780	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	22/11/99	NH1811			Cấm thi
8	2193241	PHẠM VƯƠNG HẢI	LONG	01/11/01	NH19111			Cấm thi
9	22008327	LÊ NGUYỄN GIA	LUÂN	12/05/02	NH20111			
10	22207166	LÊ KIỀU	PHONG	15/08/04	NH22111			
11	22000647	PHẠM TRẦN BẢO	PHÚC	21/01/99	NH20111			
12	22011968	CHU PHẠM THANH	THỦY	22/05/02	KS20111			
13	22206073	NGUYỄN HỮU	TRUNG	25/12/04	NH22111			
14	22400034	BÙI LONG THIÊN	TỨ	24/09/99	NH24111			Cấm thi
15	22206075	VÕ PHƯƠNG	VI	09/01/04	NH22111			
16	22012537	TRƯỜNG CHÍ	VINH	20/06/02	NH20111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Risk Management (TC306DE02) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1321
Giảng viên: Nguyễn Minh Triết
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 048 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500283	CUYVERS	NASH	18/02/03	QT225			
2	22500285	HARDY	ARNE	01/04/03	QT225			
3	22500292	BEZOMBES	ANAÏS	23/10/05	QT225			
4	22500301	LE DREFF	ALEX	13/03/03	QT225			
5	22500302	LEBRUN-GROS	LOUIS	08/11/05	QT225			
6	22302543	HUỖNH LÊ LAN	ANH	30/03/05	FT23111			
7	22303485	VĂN ĐỨC	DUY	25/03/05	FT23111			
8	22300857	NGUYỄN BẢO	ĐĂNG	28/05/05	FT23111			Cấm thi
9	22303177	ĐẶNG PHƯƠNG	ĐÔNG	07/08/05	FT23111			
10	22301000	TRƯƠNG TUẤN	HÀO	19/09/05	FT23111			
11	22302208	NGUYỄN TRUNG THU	HIỆN	16/12/05	FT23111			
12	22303929	HỒ NGỌC QUỐC	HUY	22/09/05	FT23111			
13	22303649	NGUYỄN ĐĂNG	HUY	16/09/02	FT23111			
14	22303690	TRẦN QUỲNH	HƯƠNG	20/11/05	FT23111			
15	22303824	MAI NGUYỄN GIA	KHÁNH	13/09/05	FT23111			
16	22303882	NGUYỄN VĂN	LONG	01/05/01	FT23111			Cấm thi
17	22303102	TRƯƠNG THỊ TRÚC	LY	11/10/05	FT23111			
18	22302299	ĐẶNG GIA	MINH	11/10/05	FT23111			
19	22302723	NGUYỄN ĐỨC	MINH	20/06/05	FT23111			
20	22302117	SƠN NHẬT	MINH	30/01/05	FT23111			
21	22301829	NGUYỄN TRỊNH KHÔI	NGUYỄN	12/06/05	FT23111			
22	22300109	LÊ THỊ THẢO	NHI	04/02/04	TC23111			
23	22303942	LÊ THỊ MỸ	NHUNG	08/02/05	FT23111			
24	22300841	NGUYỄN MAI LAN	PHƯƠNG	19/12/05	FT23111			
25	22014624	VÕ QUỐC	PHƯƠNG	03/02/02	KN20111			Cấm thi
26	2181188	NGUYỄN MINH	QUANG	23/04/00	GF1812			
27	22300743	PHẠM NGUYỄN TRUNG	QUÂN	22/11/05	FT23111			
28	22303889	NGÔ TẤN	TÀI	30/07/03	FT23111			
29	22301344	LÊ HOÀNG MAI	THANH	20/04/05	FT23111			
30	22207571	NGUYỄN DANH	THÁI	07/12/04	TC22111			
31	22300534	LÊ PHÚC	THÀNH	03/05/05	FT23111			
32	22303384	PHẠM QUANG	THÀNH	18/04/05	FT23111			
33	22301055	VÕ PHÚ	THỊNH	14/08/05	FT23111			
34	22301423	HUỖNH NGỌC	THỨ	09/12/05	FT23111			
35	22301061	HUỖNH NGUYỄN MINH	THỨ	11/11/05	TC23111			
36	22203947	TRẦN THỊ ANH	THỨ	07/06/04	TC22111			
37	22301776	NGUYỄN HOÀNG	THY	23/12/05	FT23111			
38	22300360	PHẠM NGỌC UYÊN	THY	07/11/05	FT23111			
39	22207458	TRẦN XUÂN	TRƯỜNG	12/07/03	TC22111			
40	22302213	TRẦN NHẢ	UYÊN	10/03/05	TC23111			
41	22301576	TRỊNH THỊ DẠ	YẾN	23/10/05	TC23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Risk Management (TC306DE02) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1322
Giảng viên: Nguyễn Minh Triết
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 044 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500282	DECALUWE	GUILLAUME	05/01/02	QT225			
2	22500289	DESUZINGE	ARNAUD	14/06/02	QT225			
3	22500295	BOISSONNET-MARQUET	CASSANDRA	03/10/05	QT225			
4	22301013	NGUYỄN TRÚC	ANH	04/10/05	TC23111			
5	22301425	VÕ MINH HOÀNG	ANH	18/04/05	TC23111			
6	22204615	CUNG HỒNG	ÂN	25/10/01	TC22111			
7	22302287	TRẦN NGỌC	BÍCH	15/08/05	TC23111			
8	22205470	NGUYỄN NGỌC MINH	CHÂU	16/03/04	KN22111			Cấm thi
9	22303740	NGUYỄN VÕ NGỌC	CHÂU	01/06/05	TC23111			
10	22301114	LÂM KIM	CHI	11/10/00	TC23111			
11	22304099	NGUYỄN HAI	ĐĂNG	07/03/02	TC23111			
12	22301192	LƯU KẾ	ĐIỀN	13/04/05	TC23111			
13	22300819	ĐOÀN THỌ HOÀNG	GIÁP	04/11/05	TC23111			
14	22301504	NGUYỄN TUẤN	HƯNG	01/11/05	TC23111			
15	22301832	NGUYỄN ANH	KHOA	03/11/05	TC23111			
16	22301927	TRẦN LÂM HUY	KIỆT	21/02/05	TC23111			
17	22205469	VÕ TUẤN	KIỆT	24/11/04	TC22111			
18	2191558	TRẦN NGỌC BẢO	LONG	29/11/99	GF19122			Cấm thi
19	22303944	NGÔ TẤN	MẠNH	03/10/95	TC23111			
20	22301394	PHÙ THỊ KHÁNH	MINH	26/06/04	TC23111			
21	22303891	NGUYỄN THỊ MINH	NGÂN	12/01/05	TC23111			
22	22301632	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	28/02/05	TC23111			
23	22303063	TRẦN TUYẾT	NHI	24/05/05	TC23111			
24	22303728	LÊ THỊ CẨM	NHUNG	03/09/05	TC23111			
25	22301004	ĐÀO THỊ HOÀNG	OANH	23/04/05	FT23111			
26	22204908	HUỲNH LÂM	PHƯỚC	19/08/03	TC22111			
27	22103129	TRẦN DUY	THANH	08/05/03	TC21111			
28	22300975	NGUYỄN HỒNG	THẨM	24/03/05	TC23111			
29	22303120	THÁI MINH	THỨ	04/02/05	TC23111			
30	22300028	NGUYỄN THU	TRANG	22/09/04	TC23111			
31	22303025	NGUYỄN NGỌC MỸ	TRÂN	10/02/05	FT23111			
32	22303786	TRẦN THANH	TRÚC	10/11/05	TC23111			
33	22303175	TRẦN ANH	TUẤN	17/06/05	TC23111			
34	22303434	NGUYỄN THỊ KIM	TUYỀN	13/02/05	TC23111			
35	22302108	PHẠM HOÀNG THANH	TÚ	17/10/05	TC23111			
36	22302163	NGUYỄN NGỌC THỦY	VÂN	13/02/05	TC23111			
37	22300495	HUỲNH ĐÀO THÁI	VINH	14/10/02	TC23111			
38	22303404	TRỊNH CHÍ	VĨ	29/03/05	TC23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Trung 3 (TQ103DV03) – Số tín chỉ: 4.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1917
Giảng viên: Trần Thị Cẩm Tú
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 105 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22205317	NGUYỄN NGỌC MAI	ĐĂNG	02/01/04	TE22111			
2	22300941	CHU GIA	HUY	29/08/03	TM23111			
3	22206406	LÊ QUỐC	HUY	26/11/03	TM22111			Cấm thi
4	22207455	HỒ NHỰT	HY	29/08/04	TE22111			
5	2194858	NGUYỄN ĐĂNG	KHÁNH	09/08/00	TM19112			Cấm thi
6	22116190	VÕ THỊ KIM	LỘC	21/06/03	TM21111			
7	22205410	MAI THỊ TUYẾT	NGÂN	16/05/99	TM22111			
8	22001348	HUỲNH TRỌNG	THÀNH	02/07/01	TM20111			
9	22108563	ĐOÀN DƯƠNG MINH	TRÍ	15/08/03	TM21111			
10	22206174	ĐỖ NGUYỄN THANH	VÂN	22/07/04	TM22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Contrastive Linguistics (ANH336DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1055
Giảng viên: Nguyễn Chí Duy Khương
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 105 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22205037	NGUYỄN QUỲNH MINH	ANH	28/07/04	TE22111			
2	22204969	PHÙNG NGUYỄN HOÀI	ÂN	06/10/96	TE22111			
3	22206021	PHẠM QUỐC	ĐẠT	10/09/04	TE22111			
4	22206527	NGUYỄN TRẦN GIA	HUY	27/08/03	TE22111			
5	22114206	NGUYỄN THỊ THANH	HƯƠNG	29/03/03	TE21111			
6	22114546	LÊ NGUYỄN	KHANG	19/08/03	TE21111			
7	2198968	NGUYỄN VŨ THẮNG	LONG	18/01/01	BP19111			
8	22011123	VÕ THÀNH	LONG	21/12/96	TE20111			
9	22000320	NGUYỄN THỊ SÔNG	NGÂN	05/04/01	TE20111			
10	22011531	PHẠM NGUYỄN KIM	NGÂN	25/10/02	TE20111			
11	22205413	HOÀNG LƯU QUỲNH	NHƯ	19/07/04	TE22111			
12	22205777	TRẦN NGỌC QUỲNH	NHƯ	06/08/04	TE22111			
13	22200043	CÁP HỮU	PHÁT	09/03/04	TE22111			
14	22207033	NGUYỄN TRẦN TÚ	PHƯƠNG	07/07/04	TE22111			
15	22114800	LÊ VŨ ANH	THỨ	23/04/03	TE21111			
16	22207158	NGUYỄN ANH	THỨ	15/02/04	TE22111			
17	22206717	HOÀNG THỊ	TRANG	10/11/95	TE22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Business Meeting and Negotiation Skills (ANH420DE01) – Số tín chỉ: 3.00

Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1067

Giảng viên: Võ Thị Kiều Loan

Ngày thi: 29/12/2025

Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 108 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22206349	PHẠM NGUYỄN HOÀI	ANH	17/11/04	TM22111			
2	22204737	NGUYỄN HOÀNG NGỌC	BÍCH	17/01/04	TM22111			
3	22014527	NGUYỄN HOÀNG	DUY	14/09/02	TATV20111			
4	22205415	LÊ TRÚC YÊN	GIANG	28/02/04	TM22111			
5	22205988	LĂNG TRẦN NGỌC	HÂN	25/07/03	TM22111			
6	22014697	NGÔ TRUNG	HIẾU	21/06/02	TM20111			
7	22206406	LÊ QUỐC	HUY	26/11/03	TM22111			
8	2194858	NGUYỄN ĐĂNG	KHÁNH	09/08/00	TM19112			Cấm thi
9	22207517	ĐÀO ANH	KIỆT	01/04/99	TM22111			
10	22206293	TRẦN TUẤN	KIỆT	14/12/02	TM22111			
11	22001378	PHẠM THỊ THÙY	LINH	17/07/02	TM20111			
12	22011650	PHẠM HUỲNH PHƯƠNG	NAM	12/07/02	TM20111			
13	22114924	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	04/04/00	TM21111			
14	22205952	NGUYỄN HUỲNH NGỌC	NHÂN	30/12/04	TM22111			
15	22204824	NGUYỄN NGỌC XUÂN	NHI	12/05/99	TM22111			
16	22206451	TRẦN THỊ YẾN	NHI	19/11/04	TM22111			
17	2197405	ĐINH TIẾN	PHÚC	04/12/00	TM19111			
18	22100239	TRẦN TẤN	TÀI	19/02/00	TM21111			
19	22001348	HUỲNH TRỌNG	THÀNH	02/07/01	TM20111			
20	22200019	VƯƠNG HIỀN	THẮNG	15/10/03	TM22111			
21	22012374	NGUYỄN HỮU KHANG	THỊNH	30/10/98	TM20111			
22	22012218	TRẦN VÕ TUYẾT	TRINH	16/01/02	TM20111			
23	22003607	PHAN MẠNH	TRUNG	24/04/02	TATV20111			
24	22205781	HỒ MINH	TÙNG	16/01/04	TM22111			
25	22012143	TRỊNH TƯỜNG	VI	23/09/00	TANT20111			
26	22011925	MAI NGUYỄN	VŨ	22/07/02	TANT20111			
27	22007022	VÕ THỊ TƯỜNG	VY	05/01/02	TM20111			
28	22010603	ĐỖ KIỀU PHI	YẾN	16/09/02	TM20111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Mạng máy tính cơ sở (CN103DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1442
Giảng viên: Nguyễn Ngọc Như Hằng
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 116 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401728	NGUYỄN CHU QUỲNH	ANH	04/05/05	AI24111			
2	22402742	NGUYỄN PHƯỚC MAI	BẢO	30/04/04	AI24111			
3	22403024	VŨ GIA	BẢO	04/12/06	QL24111			
4	22106132	CAO NGUYỄN	BÌNH	27/04/03	QL21111			Cấm thi
5	22300005	NGUYỄN TẤN	CƯỜNG	13/12/02	QL23111			Cấm thi
6	22400457	LÊ NGUYỄN THÀNH	DANH	07/07/06	PM24111			
7	22400173	NGUYỄN MAI NHẬT	DUY	28/08/06	PM24111			
8	22118945	PHẠM HOÀNG	GIANG	15/11/03	QL21111			
9	22402774	NGUYỄN TUẤN	HẢI	22/05/06	QL24111			
10	22402732	BÙI NGỌC	HÂN	12/03/03	AI24111			
11	22402764	LÊ NGUYỄN XUÂN	HIẾU	10/05/06	QL24111			
12	22400620	BẠCH KHÁNH	HIỀN	15/07/06	AI24111			
13	22402726	ĐẶNG THÁI	HÒA	25/09/06	QL24111			
14	22402782	NGUYỄN THÁI	HÒA	10/10/06	AI24111			
15	22400077	NGUYỄN GIA	HUY	06/04/06	PM24111			
16	22003730	NGUYỄN QUỐC	HUY	28/01/02	QL20111			Cấm thi
17	22300578	VŨ TUẤN	HUY	14/10/02	PM23111			
18	22302718	NGUYỄN LÂM	HÙNG	06/02/05	PM23111			
19	22401361	TRẦN KHÁNH	HƯNG	13/01/06	PM24111			
20	22401142	VŨ DOANH	HƯNG	21/04/06	AI24111			
21	22400898	LÊ HOÀNG	KHANG	07/12/06	PM24111			
22	22403007	TRƯƠNG TUẤN	KHANH	28/11/06	QL24111			
23	22401931	PHẠM MINH	KHÁNH	25/12/06	AI24111			
24	22206191	VŨ TRỌNG	KHẢI	02/07/04	AI22111			
25	22204882	LÊ ĐĂNG	KHOA	25/11/01	QL22111			
26	22400651	TẠ TRẦN ĐĂNG	KHÔI	23/03/06	AI24111			
27	22400343	ĐỖ NGUYỄN TUẤN	KIỆT	19/07/06	PM24111			
28	22400475	VŨ HUY	LẬP	06/01/06	QL24111			
29	22402784	NGUYỄN THÀNH	LIÊM	21/11/06	PM24111			
30	22400128	LÊ VĂN	LÍT	21/02/00	PM24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Mạng máy tính cơ sở (CN103DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1442
Giảng viên: Nguyễn Ngọc Như Hằng
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 117 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402896	NGUYỄN NGỌC HIẾU	MINH	31/08/06	AI24111			Cấm thi
2	22003208	TRẦN CÔNG	MINH	26/06/02	PM20111			
3	22402900	TRẦN MINH	NAM	26/06/06	PM24111			
4	22400100	VÕ HOÀI	NAM	10/08/95	AI24111			
5	22503676	NGUYỄN TRẦN THANH	NHI	15/07/04	PM25111			
6	22402806	HUỲNH DUY	PHÁT	14/11/06	AI24111			
7	22140183	KHUU NGOC	PHÁT	06/09/03	QL21111			
8	22402116	NGÔ ĐỖ ĐÌNH	PHÚ	21/09/06	PM24111			
9	22402301	NGUYỄN ĐOÀN	PHÚC	05/04/06	QL24111			
10	22400694	NGUYỄN THIÊN	PHÚC	23/08/06	PM24111			
11	22403050	ĐỖ NGỌC	QUANG	18/06/06	PM24111			
12	22402967	NGUYỄN MINH	QUANG	14/04/06	AI24111			
13	22118844	ĐẶNG ANH	QUÂN	18/08/03	QL21111			
14	22402755	LƯU MINH	QUÂN	02/05/06	PM24111			
15	22401862	TRẦN	QUYỀN	26/03/06	PM24111			Cấm thi
16	22400588	DƯƠNG NGUYỄN THANH	TÂM	29/08/06	AI24111			Cấm thi
17	22102933	HỒ NGỌC	TÂN	17/01/03	QL21111			Cấm thi
18	22402056	PHẠM NHỰT	TÂN	14/05/06	QL24111			
19	22206823	HOÀNG VĂN BẢO	THÁI	02/08/04	QL22111			
20	22301137	LÊ MINH	THÁI	20/02/05	QL23111			
21	22205110	LÊ XUÂN	THÀNH	09/01/04	PM22111			
22	22402748	NGUYỄN HOÀNG	THỊNH	21/02/01	AI24111			
23	22403072	PHẠM HOÀNG	THÔNG	21/07/96	PM24111			
24	22400051	VUU LIỆT	THUẬN	29/06/03	PM24111			
25	22103116	TRẦN QUỐC	TIẾN	02/06/03	QL21111			Cấm thi
26	22302312	LÊ THÀNH	TRUNG	18/01/05	QL23111			
27	22402743	NGUYỄN HÙNG	TRUNG	27/03/06	PM24111			
28	22403105	VÕ NHỰT	TRUNG	02/05/06	PM24111			
29	22400701	LƯƠNG ANH	TUẤN	18/10/06	PM24111			
30	22401608	DƯƠNG BUI THÀNH TUẤN	TÚ	28/08/06	AI24111			
31	22013149	VÕ TRƯỜNG	TÚ	11/02/02	PM20111			
32	22403124	LÊ MINH CÁT	TƯỜNG	18/05/06	QL24111			
33	22402745	ĐÀO HUỲNH ANH	VŨ	30/08/06	QL24111			
34	22402883	VÕ HOÀNG UYÊN	VY	10/10/06	AI24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Mạng máy tính cơ sở (CN103DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1445
Giảng viên: Nguyễn Ngọc Như Hằng
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 110 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400135	NGUYỄN NGỌC MINH	ANH	27/10/06	QL24111			
2	22400956	NGUYỄN QUỐC	ANH	06/11/06	QL24111			
3	22401934	ĐỖ GIA	BẢO	30/05/06	QL24111			Cấm thi
4	22403006	NGUYỄN PHƯƠNG	BẢO	12/05/06	QL24111			
5	22402554	ĐẶNG THÁI	BÌNH	18/07/06	QL24111			Cấm thi
6	22401369	PHẠM NGUYỄN MINH	CHÍ	28/01/06	QL24111			
7	22400823	CHU MẠNH	DANH	27/09/06	QL24111			
8	22401855	LA VĂN	DIỄN	28/05/06	QL24111			
9	22402891	NGUYỄN HẢI	DƯƠNG	26/12/06	QL24111			
10	22402201	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	30/09/06	QL24111			
11	22400911	ĐỖ THÁI HUY	HÀO	12/01/06	QL24111			
12	22401956	NGUYỄN GIA	HÀO	11/04/06	QL24111			Cấm thi
13	22401397	HÀ TRÍ	HẢI	04/04/05	QL24111			Cấm thi
14	22402836	HOÀNG THANH	HẢI	27/07/06	QL24111			
15	22401872	NGUYỄN VÕ	HIỆP	22/11/06	QL24111			
16	22400532	NGUYỄN ĐẮC	HOÀNG	19/03/06	QL24111			
17	22402933	NGÔ ĐỨC	HÒA	08/01/06	QL24111			
18	22400690	NGUYỄN MINH ANH	HUY	15/02/06	PM24111			
19	22401533	PHAN ĐẠT	HUY	21/09/05	QL24111			
20	22400712	TRẦN PHẠM MINH	HUY	13/08/06	QL24111			
21	22401613	NGUYỄN TRẦN	KHA	30/04/06	QL24111			
22	22401928	CHEA TRƯƠNG PHÚC	KHANG	17/07/06	QL24111			
23	22401112	HỨA DUY	KHẢI	18/03/06	QL24111			
24	22400598	NGUYỄN PHẠM THÀNH	KHOA	01/08/03	QL24111			
25	22401350	PHẠM ĐÌNH MINH	KHÔI	29/12/06	QL24111			Cấm thi
26	22402890	ĐỖ TUẤN	KIỆT	28/10/06	QL24111			
27	22400324	LÂM CHÍ	KIỆT	30/10/06	QL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Mạng máy tính cơ sở (CN103DV01) – Số tín chỉ: 3.00

Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1445

Giảng viên: Nguyễn Ngọc Như Hằng

Ngày thi: 29/12/2025

Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 111 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402977	THÁI HOÀNG	LONG	30/10/06	QL24111			Cấm thi
2	22402024	TRẦN NGUYỄN CHU	LONG	26/07/06	QL24111			
3	22401297	LAI KIM	MINH	01/11/06	QL24111			Cấm thi
4	22400853	LÊ QUỐC	NAM	30/01/06	QL24111			Cấm thi
5	22400073	NGÔ HOÀNG BẢO	NGỌC	01/01/06	QL24111			
6	22402023	DƯƠNG PHẠM KHÔI	NGUYỄN	23/06/06	QL24111			Cấm thi
7	22400464	NGUYỄN HOÀNG	NGUYỄN	19/12/05	QL24111			
8	22400877	PHẠM THÀNH	NHÂN	04/07/06	QL24111			
9	22401681	LÊ HOÀNG	NHẬT	03/07/06	QL24111			
10	22401358	LÊ QUANG	NHẬT	02/10/06	QL24111			
11	22401699	NGUYỄN PHÚ THÁI	PHONG	10/04/06	QL24111			Cấm thi
12	22401353	QUÁCH THIÊN	PHONG	11/04/06	QL24111			
13	22401698	NGUYỄN LÊ HỒNG	QUÂN	06/12/95	QL24111			
14	22401340	ĐỖ NGỌC	SƠN	23/08/06	QL24111			
15	22401164	HUYỀN TRẦN	TÀI	01/08/06	QL24111			Cấm thi
16	22400939	LÝ TUẤN	TÀI	14/08/06	QL24111			
17	22401270	NGUYỄN MINH	TÀI	17/09/06	QL24111			
18	22402902	ĐOÀN LIÊNG	THÀNH	24/03/06	QL24111			
19	22401590	TRẦN THÁI HỮU	THỊNH	11/02/06	QL24111			
20	22401639	LÊ VĂN	TIẾN	15/11/06	QL24111			Cấm thi
21	22401271	NGUYỄN BÁ	TOÀN	09/01/06	QL24111			Cấm thi
22	22400935	TRƯƠNG CÔNG	TRÚ	31/08/06	QL24111			Cấm thi
23	22401311	LÊ	TUYỀN	24/04/06	QL24111			
24	22400196	NGUYỄN THANH	TÙNG	28/10/06	QL24111			Cấm thi
25	22401359	NGUYỄN NHÂN	VĂN	04/11/06	QL24111			
26	22401947	NGUYỄN HOÀNG	VIỆT	03/12/06	QL24111			
27	22403166	NGUYỄN LÊ NHƯ	Ý	15/05/06	QL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: E-commerce Project Management (EC311DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1963
Giảng viên: Đỗ Thị Bích Ngọc
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 011 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22207230	HUỖNH HÀ BẢO	ANH	10/09/04	EC22111			
2	22204779	TỔ LAN	ANH	22/08/04	EC22111			
3	22201060	ĐINH CÔNG	HIỂU	15/05/04	EC22111			
4	22205434	LƯU TRỌNG	HIỂU	29/06/04	EC22111			
5	22101900	TRẦN QUỐC	KHÁNH	27/09/03	EC21111			
6	2193837	TRƯỜNG QUỐC ANH	KHOA	10/03/01	MD19111			
7	22115227	ĐOÀN NGỌC BÌNH	MAI	19/06/03	EC21111			
8	22108406	LÊ	MỸ	15/11/03	EC21111			
9	22201723	TỪ NHÂN	NGHĨA	06/02/04	EC22111			
10	22207529	HOÀNG BẢO	NGỌC	30/03/04	EC22111			
11	22205460	ĐẶNG KHÔI	NGUYỄN	12/11/04	EC22111			
12	22205896	LÊ MINH	NGUYỄN	23/09/04	EC22111			Cấm thi
13	22203670	NGUYỄN KHOA	NGUYỄN	02/01/04	EC22111			
14	22204701	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	09/07/04	EC22111			
15	22106996	PHẠM TUYẾT	NHI	26/07/03	EC21111			
16	22202296	LÊ HOÀNG	PHÚC	06/01/04	EC22111			
17	22207226	HUỖNH THỊ NHƯ	THỦY	15/12/04	EC22111			
18	22206694	PHAN MINH	THỨ	06/11/04	EC22111			
19	22205786	TRẦN NGỌC QUẾ	TRẦN	29/04/04	EC22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Hàn 1 (HAN101DV01) – Số tín chỉ: 4.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1550
Giảng viên: Nguyễn Thị Mỹ Duyên
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 019 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402335	TRẦN HỒNG MAI	ANH	18/07/06	EM24111			
2	22001372	TRẦN NGUYỄN HÙNG	ANH	21/11/02	TV20111			
3	22301867	TRẦN ĐỖ	ĐẠT	31/10/05	DL23111			
4	22012625	PHẠM THẾ	HIỂN	23/04/02	NH20111			Cấm thi
5	2198651	LÊ XUÂN	HOÀNG	14/12/01	KS19111			Cấm thi
6	22301703	LÊ MINH	KHANG	04/03/05	NH23111			Cấm thi
7	22300520	ĐÌNH VŨ ANH	KHOA	22/11/05	EM23111			Cấm thi
8	22012022	NGUYỄN PHÁT VĨNH	MY	22/02/02	TE20111			Cấm thi
9	22100366	TRẦN VŨ HẠNH	NGUYỄN	13/11/03	KS21111			Cấm thi
10	22111486	CAO DI NHƯ	QUÂN	10/11/03	TM21111			
11	2194103	NGUYỄN TRẦN DUY	TÂN	05/02/01	KS19111			
12	22110444	PHÙ NGỌC GIA	THẢO	05/11/03	TT21111			
13	2199152	BÙI THUỖ	TRINH	11/04/98	TM19112			
14	22122756	TRẦN NGỌC KIM	UYÊN	22/05/03	KS21111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Strategic Human Resource Management (HRM404DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1182
Giảng viên: Nguyễn Thị Bê
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 10g15
Phòng thi: Phòng 006 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22207426	HUỲNH THUỖ	AN	19/05/04	NL22111			
2	22014689	LÊ THỊ THUỖ	ANH	01/12/02	NL20111			
3	2192607	LÊ PHẠM MỸ	DUYÊN	08/10/01	NL19111			
4	22201991	PHAN MINH	KHA	13/10/04	NL22111			
5	22206383	HOÀNG ĐĂNG	KHOA	19/09/04	NL22111			
6	22000718	NGUYỄN PHAN THẢO	NHI	05/10/02	NL20111			
7	22204675	PHAN THỊ VY	THẢO	23/12/04	NL22111			
8	22206084	NGUYỄN HOÀNG	YẾN	30/01/04	NL22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Accounting Simulation (KT317DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1207
Giảng viên: Trần Thị Hoàng Phượng
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 040 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	2191799	HỒ HOÀNG	ANH	05/01/01	KT19111			
2	22001593	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	20/08/02	KT20111			
3	2192191	TRẦN DUY	BẢO	10/07/01	KT19111			
4	22206350	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	20/09/04	KT22111			
5	22108374	LÊ BẢO	KHANG	18/09/03	KT21121			
6	22111669	CHÂU MỸ	LINH	23/07/03	KT21121			
7	2194126	LÊ BẢO	NGÂN	10/01/01	KT19111			
8	22300026	BÙI HUY	NHẬT	14/02/02	KT23111			
9	22012511	LÝ GIA	NHƯ	28/02/02	KT20111			
10	22207419	NGÔ KIM	PHỤNG	12/04/01	KT22111			Cấm thi
11	22011520	NGUYỄN NGỌC	TUYẾT	24/05/02	KT20111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Sea Transport (FIATA) (LG314DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 3544
Giảng viên: Bạch Xuân Quang
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 010 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22104072	TRẦN NGUYỄN THẢO	AN	12/09/03	LG21111			
2	22114356	TRẦN DOÃN THÁI	ANH	14/11/03	LG21111			
3	22118758	LÊ THẾ	ÁNH	24/04/02	LG21111			
4	22206166	LÊ DUY	BẢO	12/06/04	LG22111			
5	22123048	VÕ VIỆT	CƯỜNG	24/11/00	LG21111			
6	22200040	VŨ PHẠM DUY	CƯỜNG	09/06/03	LG22111			
7	22118484	DƯƠNG ANH	DUY	14/08/03	LG21111			
8	22102067	NGUYỄN LÊ HOÀNG	LONG	01/01/03	LG21111			
9	22400040	VƯƠNG PHẠM HẢI	NAM	09/08/04	LG24111			
10	22201441	NGUYỄN HUỲNH TẤN	PHÁT	02/12/04	LG22111			
11	22206490	ĐẶNG THANH	PHONG	02/09/04	LG22111			
12	22122537	NGUYỄN TRANG HOÀNG	PHƯƠNG	11/04/03	LG21111			
13	22112448	TRẦN THỊ KIM	THẢO	02/01/02	LG21111			
14	22105524	TRẦN VŨ TI	TI	18/05/03	LG21111			
15	22115230	NGUYỄN HUỲNH HUY	TRƯỜNG	26/02/03	LG21111			
16	22109806	TRƯƠNG ANH	TÚ	09/08/03	LG21111			
17	22304097	VÕ ĐẶNG NGÂN	VI	11/06/91	LG23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Marketing Management (MK309DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1247
Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 006 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22203242	HUỲNH NGỌC MỸ	ANH	18/06/04	MK22111			
2	22202916	PHẠM ĐÀO QUỲNH	ANH	17/11/04	MK22111			
3	22010122	HỒ KHÁNH	DUY	07/07/02	MK20111			
4	22012386	TRẦN NGỌC ANH	DUY	15/05/00	MK20111			Cấm thi
5	22205920	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	10/05/04	MK22111			
6	22205601	ĐẶNG THỌ	HIẾU	31/10/04	MK22111			
7	22115944	PHÙNG ĐÌNH KHÁNH	NHƯ	21/12/03	MK21111			Cấm thi
8	22205027	PHAN VIỆT	PHI	19/10/04	MK22111			
9	22107478	LÊ QUỐC	THỊNH	23/06/99	MK21111			
10	22204722	NGUYỄN MINH	THỐNG	15/01/04	MK22111			
11	22206394	BÙI NGỌC ĐAN	THY	05/05/04	MK22111			
12	22204966	NGUYỄN CÔNG	TOÀN	21/09/00	MK22111			
13	22117318	NGUYỄN THANH	VINH	02/07/03	MK21111			
14	22207505	NGUYỄN THỊ TRIỆU	VY	08/04/03	MK22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Customer Service and Management (CSM) (MK403DE02) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1257
Giảng viên: Lý Thị Mỹ Hạnh
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 10g15
Phòng thi: Phòng 049 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500301	LE DREFF	ALEX	13/03/03	QT225			
2	22500302	LEBRUN-GROS	LOUIS	08/11/05	QT225			
3	22105474	ĐỖ RI	AN	24/03/03	EM21111			
4	22206028	NGUYỄN NAM	ANH	20/07/04	MK22111			
5	22110522	NGUYỄN THỊ MINH	ANH	22/11/03	DL21121			
6	22000663	NGUYỄN VÂN	ANH	18/11/02	KS20111			
7	22206526	TRẦN VĂN QUỐC	BẢO	15/01/04	NH22111			
8	22207227	NGUYỄN THỊ THANH	BÌNH	10/06/03	TV22111			
9	22200398	NGUYỄN THỊ THÚY	DƯƠNG	26/12/03	NH22111			
10	22119311	SÂM HIẾU	ĐỒNG	19/12/03	EM21111			
11	22200179	NGUYỄN MINH	HOÀNG	08/06/04	MK22111			
12	22108369	CHÂU ANH	HUY	29/04/03	EM21111			
13	22110860	NGUYỄN LÊ THÀNH	HUY	07/07/03	MK21111			
14	22002604	CAO TRƯƠNG THANH	HÙNG	26/04/02	NH20111			
15	22108410	DƯƠNG HIỆP	HƯNG	03/04/03	EM21111			
16	22207145	NGUYỄN THỊNH LÂM	KHANG	14/12/04	TV22111			
17	22112983	ĐÀO THY	KHANH	25/04/03	NH21111			
18	22100361	PHẠM NGUYỄN KIM	KHÁNH	13/04/01	KS21111			
19	2175202	DƯƠNG THÀNH	LONG	29/11/99	NH1711			
20	22204870	BÙI HUỲNH TUYẾT	NGÂN	07/05/02	KS22111			Cấm thi
21	2197280	LÊ HIỆP	NGUYỄN	29/08/01	KS19111			
22	22206037	NGUYỄN PHẠM UYÊN	NHI	12/10/04	MK22111			
23	22119236	NGUYỄN THỊ THẢO	NHI	08/10/03	EM21111			
24	22200126	TẶNG TRẦN HỒNG	NHUNG	08/11/00	MK22111			
25	22207166	LÊ KIỀU	PHONG	15/08/04	NH22111			
26	22207412	VÕ HUỲNH	PHƯỚC	02/11/04	TV22111			
27	22113706	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	QUYÊN	15/04/03	KS21111			
28	22205742	NGUYỄN THUẬN	THÀNH	27/08/04	TV22111			
29	22115257	TRẦN THANH	THẢO	30/10/03	NH21111			
30	22119031	NGUYỄN THỊ MỘNG	THƯƠNG	08/11/03	NH21111			
31	22206994	NGUYỄN NGỌC UYÊN	THY	19/06/03	TV22111			
32	22206601	NGUYỄN THỊ THÚY	TIẾN	08/01/04	EM22111			
33	22204628	TRẦN CÔNG	TIẾN	01/01/04	EM22111			
34	22207222	VŨ MINH	TRÍ	18/08/04	DL22121			
35	22012537	TRƯƠNG CHÍ	VINH	20/06/02	NH20111			
36	22114341	PHẠM HOÀNG	VĨNH	02/10/03	NH21111			
37	22202445	HUỲNH HÀ	VY	25/10/02	EM22111			
38	22206587	MAI THUÝ	VY	21/11/01	TV22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Customer Service and Management (CSM) (MK403DE02) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1258
Giảng viên: Trương Quang Vinh
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 10g15
Phòng thi: Phòng 044 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22200991	VÕ THỊ NGỌC	ANH	08/05/04	TV22111			
2	22140218	TÔ LÊ QUỐC	BẢO	01/10/03	NH21111			Cấm thi
3	22205673	LÝ NGỌC	DUNG	25/10/04	TV22111			
4	22205841	TRẦN HỮU	ĐAN	09/08/04	TV22111			
5	22207394	PHẠM THỊ THU	ĐƯỢC	14/07/04	TV22111			
6	22011033	LƯƠNG VĨNH	ĐỨC	29/11/02	NH20111			
7	22207183	TRẦN DUY	HOÀNG	11/07/04	KS22111			
8	22205534	LÊ NGUYỄN ĐỨC	HUY	16/07/04	TV22111			
9	22205550	NGUYỄN ĐỨC	HUY	26/04/04	TV22111			
10	22001178	NGUYỄN QUỐC	HƯNG	06/11/02	DM20111			
11	22206004	TRẦN PHÚC	KHANG	27/02/04	MK22111			
12	22205502	LÊ ANH	KHÔI	05/10/04	TV22111			
13	22011542	TRẦN KHÁNH	LAM	09/09/02	TADL20111			
14	22207431	LÊ BẢO TƯỜNG	LINH	18/06/04	KS22111			
15	22115095	HOÀNG NGỌC	MAI	19/12/03	DL21121			
16	22205608	ĐÀM QUANG	MINH	16/10/04	TV22111			
17	2191124	NGHIÊM PHƯƠNG	NAM	05/01/01	KS19111			
18	22205065	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	NGHI	08/08/04	NH22111			Cấm thi
19	22201636	NGUYỄN HUỲNH MINH	NHẬT	23/02/04	KS22111			
20	22112896	NGUYỄN HOÀNG	PHÁT	30/03/03	TV21111			
21	22116324	THÁI PHAN THIÊN	PHÚ	14/09/03	TV21111			
22	22117472	PHẠM HẢI	THANH	27/01/03	MK21111			
23	22206295	ĐỖ THU	TRANG	19/01/04	TV22111			
24	22114972	NGUYỄN HỮU MINH	TÚ	03/10/03	KS21111			Cấm thi
25	22200055	HOÀNG NGỌC BẢO	UYÊN	20/08/02	KS22111			
26	22206640	HUỲNH TRẦN QUỐC	VIỆT	25/04/04	TV22111			
27	22207184	LÊ HÙNG	VĨ	16/12/04	TV22111			
28	22111055	TRẦN HOÀNG PHƯƠNG	Y	10/09/03	NH21111			
29	22207018	NGÔ PHẠM TIỂU	YẾN	04/11/04	TV22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Marketing nền tảng di động (MK409DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1728
Giảng viên: Đỗ Trọng Danh
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 007 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22113801	HỒ TUẤN	ANH	24/05/03	DM21111			Cấm thi
2	22205016	NGUYỄN BẢO	BÌNH	05/01/01	DM22111			
3	22140048	NGUYỄN HOÀNG	DŨNG	26/09/03	DM21111			
4	22110948	TRƯƠNG NHẬT	LONG	22/11/03	DM21111			
5	22400544	BÙI XUÂN	MINH	31/01/05	DM24111			
6	22206665	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG	NAM	19/01/02	DM22111			
7	22206969	LÊ NGUYỄN THU	NGÂN	27/09/04	DM22111			
8	22207176	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	02/02/04	DM22111			
9	22205018	HUỲNH BẢO	NGHI	04/01/04	DM22111			
10	22111713	TRẦN KHANH THẢO	NGUYỄN	16/10/03	MK21111			
11	22206463	LÊ NGỌC	PHÁT	08/02/02	DM22111			
12	22200415	NGUYỄN BÁ ĐÔNG	THI	12/09/04	DM22111			
13	22206229	NGUYỄN TẤN	THỊNH	25/05/04	DM22111			
14	22116959	MAI KHẮC	THUẬN	16/11/03	DM21111			
15	22112401	PHẠM BÍCH THÙY	TRANG	20/02/02	DM21111			
16	22200318	BÙI HOÀNG BẢO	TRÂN	13/04/04	DM22111			
17	22207332	ĐOÀN THANH	TÚ	29/11/04	DM22111			
18	22140016	LÊ CHÂU THANH	TÚ	16/02/03	DM21111			
19	22200190	ĐÀO THANH	VY	08/07/04	DM22111			
20	22114933	ĐOÀN NGUYỄN NGỌC	VY	27/12/03	DM21111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: .Net Technologies (SW313DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1306
Giảng viên: Nguyễn Phương Hoàng
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 106 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22204687	GIANG QUỐC	BỬU	04/08/04	PM22111			
2	22207220	ĐỖ LINH	CHI	11/11/04	PM22111			
3	22205791	VÕ ĐỨC	CƯỜNG	27/10/04	PM22111			
4	22207189	ĐOÀN NGUYỄN KHƯƠNG	DUY	14/02/04	PM22111			
5	22206744	NGUYỄN VÕ MINH	DUY	05/06/04	QL22111			
6	22200433	NGUYỄN QUANG	DŨNG	16/04/04	PM22111			
7	22206443	CHÂU PHƯƠNG	ĐẠT	29/10/04	PM22111			
8	22206513	HỒ KHÁNH	ĐĂNG	07/11/04	PM22111			
9	22205593	HỒ ĐĂNG	KHOA	24/11/04	PM22111			
10	22205505	NGUYỄN LÊ ĐĂNG	KHOA	15/08/04	PM22111			
11	22206632	VÕ NGUYỄN TRUNG	KIẾN	26/01/04	PM22111			
12	22205579	HOÀNG MẠNH	LONG	16/08/04	PM22111			
13	22206866	HUỖNH CÔNG	MINH	15/07/04	PM22111			
14	22140153	NGUYỄN QUANG	MINH	20/01/03	PM21111			
15	22207238	PHẠM NGUYỄN XUÂN	NAM	05/03/04	QL22111			
16	22102113	TRƯƠNG VINH	PHONG	25/12/03	PM21111			
17	22112505	NGUYỄN TRỊNH NAM	QUÂN	11/08/03	PM21111			
18	22206235	HUỖNH TẤN	TÀI	16/01/04	QL22111			
19	22201650	NGUYỄN ĐẶNG GIA	TƯỜNG	01/01/04	PM22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Nhập môn về công nghệ tài chính và blockchain (TC336DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1878
Giảng viên: Ngô Kiều Khanh
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 10g15 **Phòng thi:** Phòng 043 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22302543	HUỲNH LÊ LAN	ANH	30/03/05	FT23111			
2	22303485	VĂN ĐỨC	DUY	25/03/05	FT23111			
3	22300857	NGUYỄN BẢO	ĐĂNG	28/05/05	FT23111			Cấm thi
4	22303177	ĐẶNG PHƯƠNG	ĐÔNG	07/08/05	FT23111			
5	22301000	TRƯƠNG TUẤN	HÀO	19/09/05	FT23111			Cấm thi
6	22302208	NGUYỄN TRUNG THU	HIỀN	16/12/05	FT23111			
7	22303929	HỒ NGỌC QUỐC	HUY	22/09/05	FT23111			
8	22303649	NGUYỄN ĐĂNG	HUY	16/09/02	FT23111			
9	22303690	TRẦN QUỲNH	HƯƠNG	20/11/05	FT23111			
10	22303824	MAI NGUYỄN GIA	KHÁNH	13/09/05	FT23111			
11	22303882	NGUYỄN VĂN	LONG	01/05/01	FT23111			Cấm thi
12	22303102	TRƯƠNG THỊ TRÚC	LY	11/10/05	FT23111			
13	22302299	ĐẶNG GIA	MINH	11/10/05	FT23111			
14	22302723	NGUYỄN ĐỨC	MINH	20/06/05	FT23111			
15	22302117	SƠN NHẬT	MINH	30/01/05	FT23111			
16	22301829	NGUYỄN TRỊNH KHÔI	NGUYỄN	12/06/05	FT23111			
17	22303942	LÊ THỊ MỸ	NHUNG	08/02/05	FT23111			
18	22301004	ĐÀO THỊ HOÀNG	OANH	23/04/05	FT23111			
19	22300841	NGUYỄN MAI LAN	PHƯƠNG	19/12/05	FT23111			
20	22300743	PHẠM NGUYỄN TRUNG	QUÂN	22/11/05	FT23111			
21	22303889	NGÔ TẤN	TÀI	30/07/03	FT23111			
22	22301344	LÊ HOÀNG MAI	THANH	20/04/05	FT23111			
23	22300534	LÊ PHÚC	THÀNH	03/05/05	FT23111			
24	22303384	PHẠM QUANG	THÀNH	18/04/05	FT23111			
25	22301055	VÕ PHÚ	THỊNH	14/08/05	FT23111			
26	22301423	HUỲNH NGỌC	THƯ	09/12/05	FT23111			
27	22301776	NGUYỄN HOÀNG	THY	23/12/05	FT23111			
28	22300360	PHẠM NGỌC UYÊN	THY	07/11/05	FT23111			
29	2193435	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	31/01/01	KN19111			
30	22303025	NGUYỄN NGỌC MỸ	TRÂN	10/02/05	FT23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Managing for Value Creation (TC430DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1328
Giảng viên: Trần Thị Hoàng Vi
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 017 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500300	DUPLAIX	CASSANDR E	07/10/05	QT225			
2	22206723	NGUYỄN TRÍ	DŨNG	02/11/03	KN22111			
3	22105272	HOÀNG NGUYỄN ÁNH	DƯƠNG	21/01/03	KN21111			
4	22206917	TRẦN THANH	ĐANG	28/04/04	TC22111			
5	22205898	LÊ TRẦN BẢO	HÂN	22/05/04	TC22111			
6	22204242	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	HOA	17/02/04	KN22111			
7	2193128	CAO TRẦN DIỆU	LINH	01/01/01	GF19122			
8	2191558	TRẦN NGỌC BẢO	LONG	29/11/99	GF19122			Cấm thi
9	22117847	KHEO THẢO	NGUYỄN	20/07/03	TC21111			
10	22300109	LÊ THỊ THẢO	NHI	04/02/04	TC23111			
11	22202653	LƯƠNG NGỌC YẾN	NHI	05/04/04	TC22111			
12	2194485	LÂM KIM	QUANG	30/04/01	TC19112			
13	2181188	NGUYỄN MINH	QUANG	23/04/00	GF1812			
14	22205954	LÊ VĂN	QUÝ	19/10/03	KN22111			
15	22400812	LÊ TẤN	TÀI	13/06/03	TC24111			
16	22201384	NGUYỄN KHIẾT	TÂM	27/08/04	TC22111			
17	22206751	NGUYỄN NGỌC MINH	TÂM	24/05/04	KN22111			
18	22103129	TRẦN DUY	THANH	08/05/03	TC21111			
19	22205921	NGÔ THỊ KIM	THÚ	15/01/04	TC22111			
20	22206470	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG	TRINH	20/05/04	TC22111			
21	22207458	TRẦN XUÂN	TRƯỜNG	12/07/03	TC22111			
22	22302213	TRẦN NHÃ	UYÊN	10/03/05	TC23111			
23	22200014	NGÔ THỊ	VIÊN	19/04/00	KN22111			
24	22123079	PHẠM THANH	VUI	17/01/03	TC21111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Microeconomics (BA101DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1070
Giảng viên: Lê Hữu Đức
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 010 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500296	BOIZIEAU	CARLA	21/04/05	QT225			
2	22500297	BOUCHET	NÉO	27/07/05	QT225			
3	22500303	MABOU NGUEMBEU	YOLENE	01/05/04	QT225			
4	22110754	CAO QUỐC	AN	13/08/03	LG21111			
5	22500179	TRƯƠNG NGỌC	ÁNH	05/01/03	TC25111			
6	22110996	LÊ HỒ GIA	BẢO	03/09/03	TV21111			Cấm thi
7	22206746	NGUYỄN XUÂN	DUNG	02/04/04	LG22111			
8	22001053	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	07/01/02	TV20111			
9	22207770	LÊ NHẬT	HUY	21/09/04	NT22111			
10	22114279	PHAN MAI ĐĂNG	KHOA	26/10/03	LG21111			
11	22207242	ĐÌNH TUẤN	KIỆT	28/08/04	NT22111			Cấm thi
12	22205792	ĐOÀN MINH	LONG	05/06/04	TV22111			
13	22106593	ĐOÀN THỊ TRÀ	MY	31/10/03	NT21111			
14	22206935	NGUYỄN THANH KHÁNH	NGÂN	10/05/04	NT22111			
15	22204599	ĐỖ THỊ MỸ	TÂM	10/01/04	NT22111			
16	22200018	NGUYỄN MINH	THÀNH	05/04/94	TV22111			
17	22117790	PHẠM XUÂN	TIỀN	13/11/03	TC21111			Cấm thi
18	22204982	LÝ THẾ	VINH	16/02/03	TV22111			
19	22206658	TRẦN THẾ	VŨ	14/11/04	NT22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Chinese Studies (CL206DC01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1367
Giảng viên: Du Quế Tiên
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 111 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22403118	BÙI THÚY	AN	08/05/01	CL24111			Cấm thi
2	22403153	BẾ DUY	ANH	09/03/04	CL24111			Cấm thi
3	22400882	HỒ THỊ HỒNG	ANH	29/03/05	CL24111			
4	22403084	ỨNG THỊ PHƯƠNG	ANH	04/03/05	CL24111			
5	22401416	ĐỖ QUỐC	BẢO	19/08/04	CL24111			Cấm thi
6	22402903	PHẠM THỊ KHÁNH	BẮNG	27/03/06	CL24111			
7	22402181	DƯƠNG LÊ	DUNG	13/07/06	CL24111			
8	22400717	NGUYỄN MINH	ĐĂNG	13/10/03	CL24111			
9	22400599	NGUYỄN NGỌC ANH	HIỂN	17/09/06	CL24111			
10	22400546	HUỲNH DUY	KHÁNH	17/01/06	CL24111			
11	22400468	NGUYỄN NGỌC THANH	LAM	28/06/04	CL24111			
12	22400433	TRẦN HỒNG	LỰA	09/04/06	CL24111			
13	22500185	TRẦN THỊ KHÁNH	LY	06/03/95	CL25111			
14	22403059	CAO THUY YẾN	NGA	10/10/02	CL24111			
15	22400448	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	14/07/06	CL24111			
16	22402797	ĐINH MỸ	NHƯ	10/03/06	CL24111			
17	22401752	TRƯƠNG KHẮC THIỆN	PHONG	28/11/03	CL24111			
18	22400096	NGÔ GIA	PHỤNG	03/10/06	CL24111			
19	22400603	HỒ THỊ MỸ	PHƯƠNG	16/06/06	CL24111			
20	22400832	NGUYỄN ĐỖ NAM	PHƯƠNG	23/11/06	CL24111			
21	22400617	NGUYỄN KHẢ	TÂM	08/07/06	CL24111			
22	22401822	LÊ THỊ LỆ	THÚY	27/08/06	CL24111			
23	22400426	LÊ THỊ BÍCH	TRÂM	02/08/06	CL24111			Cấm thi
24	22403199	VĂN NGỌC	TRÚC	27/11/04	CL24111			
25	22402073	NGUYỄN THÚY	VY	17/08/06	CL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Chinese Studies (CL206DC01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1368
Giảng viên: Du Quế Tiên
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 112 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401023	NGUYỄN LÝ HOÀNG	AN	28/01/06	CL24111			
2	22403136	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	ANH	16/09/02	CL24111			
3	22402734	LÊ THỊ NGỌC	ANH	06/05/06	CL24111			
4	22402971	PHAN THỊ NGỌC	ANH	15/09/96	CL24111			
5	22400771	TRẦN ĐẶNG VÂN	ANH	07/09/05	CL24111			
6	22401991	TRỊNH NGỌC TRÂM	ANH	28/09/06	CL24111			
7	22402965	MAI THỊ PHƯƠNG	DUNG	22/05/88	CL24111			
8	22401993	LÊ VŨ PHƯƠNG	HÀ	28/05/06	CL24111			
9	22400789	NGUYỄN THẢO	HIỀN	02/05/06	CL24111			
10	22401174	VŨ HUY	HOÀNG	04/01/06	CL24111			
11	22400594	TRẦN THỊ HIỀN	HÒA	28/01/06	CL24111			
12	22401516	ĐỒNG HOÀNG	HÙNG	04/09/06	CL24111			
13	22402983	NGUYỄN LÊ THANH	HƯƠNG	05/09/06	CL24111			Cấm thi
14	22401056	TẶNG VĂN	HƯỜNG	20/12/06	CL24111			Cấm thi
15	22401156	HỒNG BẢO ANH	KHOA	30/05/06	CL24111			
16	22401576	LÊ TRẦN ANH	KIỆT	29/08/06	CL24111			
17	22401143	HUỲNH MÃN	LỆ	19/02/06	CL24111			
18	22400210	LÝ TUYẾT	LINH	23/02/01	CL24111			
19	22402765	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	10/10/98	CL24111			
20	22402132	TRẦN NGUYỄN ÁNH	LY	26/10/06	CL24111			
21	22402149	BÙI THỊ KIỀU	MI	02/03/06	CL24111			
22	22401467	NGUYỄN DUY	MINH	28/12/06	CL24111			Cấm thi
23	22402019	TRẦN HOÀNG	NGÂN	22/08/06	CL24111			
24	22402937	VÕ ĐOÀN BẢO	NGỌC	11/07/06	CL24111			
25	22401791	TRẦN THÁI	NGUYỄN	24/03/06	CL24111			
26	22402695	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	QUỲNH	31/05/06	CL24111			
27	22400897	ĐẬU NỮ MI	SA	20/04/06	CL24111			
28	22400907	BÙI KHẮC TẤN	TÀI	26/12/06	CL24111			
29	22401531	DANH TRẦN PHƯƠNG	THẢO	03/06/06	CL24111			
30	22400374	HUỲNH PHÚC	THỊNH	10/08/06	CL24111			
31	22400445	HUỲNH THANH THỦY	TIỆN	11/05/04	CL24111			
32	22400796	LIÊU THỰC	TRÂN	17/03/06	CL24111			
33	22401703	TẶNG TUYẾT	TRINH	25/11/06	CL24111			
34	22401611	NÔNG THỊ THU	UYỀN	26/09/06	CL24111			
35	22401107	TRẦN THỊ THANH	XUÂN	30/01/05	CL24111			
36	22402105	XIAO JIA	YING	10/04/06	CL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Training and Development (HRM311DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1959
Giảng viên: Nguyễn Ngọc Uyên
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 006 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22014689	LÊ THỊ THÙY	ANH	01/12/02	NL20111			
2	22002295	VŨ MINH	HOÀNG	13/11/02	NL20111			
3	22207315	TRẦN BỘI	HUÊ	02/09/04	NL22111			
4	22112411	NGUYỄN XUÂN	HƯƠNG	06/01/01	TLNL21111			
5	22111180	NGUYỄN LÂM	KHANG	14/09/03	TLNL21111			
6	2170431	NGUYỄN TUẤN	KIỆN	01/05/99	NL1711			
7	22402812	BÙI HOÀNG SONG	NGHI	19/10/06	NL24111			
8	2182956	LÝ QUYÊN	QUYÊN	16/07/00	NL1811			
9	22206472	NGUYỄN MINH	THƯ	09/08/04	NL22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Investment Law (ILAW401DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1190
Giảng viên: Phạm Bá Thiên
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 012 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500286	MOLLEL	MICHELLE	11/12/00	QT225			
2	22122943	NGUYỄN THỊ MINH	ANH	01/11/00	IL21111			
3	22206876	ĐÀO NGUYỄN QUỐC	BẢO	22/10/04	BL22111			
4	22101231	NGÔ HOÀNG QUẾ	CHI	07/04/03	BL21111			
5	22206874	TRẦN TRỌNG	DUY	02/06/04	BL22111			
6	22301781	TRẦN	ĐẠT	02/12/03	BL23111			
7	22204683	LAI TÂM	ĐỨC	27/09/04	BL22111			
8	22206484	PHẠM NGUYỄN HUỲNH	GIANG	28/11/04	BL22111			
9	22207390	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÀ	02/01/04	BL22111			
10	22206660	HOÀNG THỰC KHẢ	HÂN	12/10/04	BL22111			
11	22205670	TRẦN THÁI	HƯNG	11/01/04	BL22111			
12	22205420	LÊ QUỲNH	HƯƠNG	03/08/04	BL22111			
13	22205643	NGUYỄN KHÁNH	LINH	29/10/04	BL22111			
14	22207100	CHẾ CÔNG	LỢI	19/10/04	BL22111			
15	22207368	HUỲNH THỊ CẨM	LY	24/10/04	BL22111			
16	22204543	VÕ HỒ XUÂN	MAI	21/05/04	BL22111			
17	22206734	NGUYỄN THỊ YẾN	NGA	07/01/04	BL22111			
18	22206562	ĐOÀN ANH THẢO	NGUYỄN	25/04/04	BL22111			
19	22206642	ĐẶNG HỮU	PHƯỚC	06/11/03	BL22111			
20	22207085	VÕ HÙNG	QUYẾN	14/11/04	BL22111			
21	22207138	VÕ NGỌC ANH	THƯ	12/03/04	BL22111			
22	22300084	NGUYỄN HUỲNH THỦY	TRANG	02/01/04	BL23111			
23	22207271	TRỊNH NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	25/04/04	BL22111			
24	22206580	VŨ PHƯƠNG	VI	06/07/04	BL22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Investment Law (ILAW401DE01) – Số tín chỉ: 3.00

Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1191

Giảng viên: Phạm Bá Thiên

Ngày thi: 29/12/2025

Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 016 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22304026	LÊ HOÀNG	AN	05/01/05	BL23111			
2	22302386	NGUYỄN NGỌC VÂN	ANH	20/11/05	BL23111			
3	22303519	PHẠM PHÚC NAM	ANH	14/03/05	BL23111			
4	22302552	TRẦN THIÊN	ANH	20/01/05	BL23111			
5	22301124	HUỲNH BÁ QUỐC	BẢO	17/04/05	BL23111			
6	22303797	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH	27/01/05	BL23111			
7	22301420	HỒ THANH	CAO	19/10/05	BL23111			
8	22300893	NGUYỄN NGỌC BẢO	CHÂU	28/09/05	BL23111			
9	22303133	VŨ NGUYỄN MINH	CHÂU	18/02/05	BL23111			
10	22303842	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	07/04/04	BL23111			
11	22303193	NGUYỄN THỊ THUY	DƯƠNG	30/01/05	BL23111			
12	22301278	NGUYỄN TRIỀU	DƯƠNG	02/09/04	BL23111			
13	22302285	NGUYỄN ĐÀO HÙNG	ĐÔNG	04/10/03	BL23111			
14	22301835	ĐÀO BÁ	ĐƯỢC	21/06/05	BL23111			
15	22303188	LÊ NHỰT	HÀO	28/11/05	BL23111			
16	22302242	NGUYỄN THUÝ	HIỆP	12/10/03	BL23111			
17	22302296	TRẦN THỊ THANH	HIỀN	21/12/04	BL23111			
18	22303679	TRẦN THU	HIỀN	14/09/05	BL23111			
19	22301851	NGUYỄN SỸ	HOÀNG	30/04/05	BL23111			
20	22301457	TRẦN MINH	HUY	30/07/05	BL23111			
21	22303998	NGUYỄN THỊ MỸ	HUYỀN	02/05/99	BL23111			
22	22303818	TRẦN NHẬT	KHANG	03/10/05	BL23111			
23	22301434	DƯƠNG QUỐC	KHÁNH	02/09/05	BL23111			
24	22301868	CAO THIÊN TỔNG	KHẢI	02/02/05	BL23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Investment Law (ILAW401DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1191
Giảng viên: Phạm Bá Thiên
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 017 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22303788	CHUNG CẢNH GIA	LINH	08/05/05	BL23111			
2	22301515	NGUYỄN XUÂN THÀNH	LONG	12/04/05	BL23111			
3	22300492	CHÂU GIA	LỢI	24/09/02	BL23111			
4	22300677	NGUYỄN TRẦN NHẬT	MINH	03/09/05	BL23111			
5	22303476	MA TRẦN BẢO	NGỌC	08/10/05	BL23111			
6	22303672	TRẦN PHÚC	NGUYỄN	26/02/05	BL23111			
7	22303482	LÝ GIA BẢO	NHI	26/11/05	BL23111			
8	22303381	PHAN LÊ YẾN	NHI	27/08/05	BL23111			
9	22303874	LÊ TUẤN	PHONG	06/05/05	BL23111			
10	22303817	LƯU HUỆ	PHƯƠNG	13/01/05	BL23111			
11	22302557	HỒ DIỄM	QUỲNH	17/12/05	BL23111			
12	22303699	LÊ CHÍ	TÂM	06/01/04	BL23111			
13	22301075	BÙI QUỐC	THẮNG	22/11/05	BL23111			
14	22301951	PHẠM THỊ MINH	THU	18/06/05	BL23111			
15	22303753	NGUYỄN HỒNG THANH	THUY	03/05/05	BL23111			Cấm thi
16	22303103	LÊ ANH	THƯ	13/05/05	BL23111			
17	22300729	PHẠM LÂM ANH	THƯ	24/04/05	BL23111			
18	22300948	HUỲNH NGUYỄN MINH	THƯƠNG	22/02/05	BL23111			
19	22301779	LÊ ĐỨC	TIẾN	27/04/05	BL23111			
20	22300614	LÊ THU	UYÊN	29/07/04	BL23111			
21	22303756	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	UYÊN	24/02/05	BL23111			
22	22303888	HUỲNH TƯỜNG	VY	15/05/05	BL23111			
23	22300896	NGUYỄN THUY HỒNG	VY	01/11/05	BL23111			
24	22301105	HÀ NGỌC NHƯ	Ý	21/09/05	BL23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Warehouse and Inventory Management (FIATA) (LG205DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1216
Giảng viên: Phạm Lệ Dung
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 13g15
Phòng thi: Phòng 044 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22300920	THÁI BÌNH	AN	02/04/05	LG23111			
2	22303437	NGUYỄN NGỌC LAN	ANH	24/08/05	LG23111			
3	22300561	HUỲNH GIA	BẢO	29/03/05	LG23111			
4	22300802	NGUYỄN ANH	DUY	02/10/03	LG23111			
5	22301065	DOÃN NGỌC	DŨNG	05/09/05	LG23111			
6	22300268	TRẦN THỊ	ĐIỆP	20/04/05	LG23111			
7	22301054	PHẠM ĐÔNG	ĐÔNG	23/11/05	LG23111			
8	22206157	LƯU NGỌC	HIỆU	11/03/04	LG22111			
9	22300352	TRẦN GIA	HÒA	15/08/05	LG23111			
10	22300842	PHẠM VŨ QUANG	HUY	03/03/03	LG23111			
11	22300633	VĂN HỮU	KHẢI	25/05/05	LG23111			
12	22300502	CAO NGỌC GIA	LINH	24/09/05	LG23111			
13	22300861	NGUYỄN VÕ MỸ	LINH	09/01/05	LG23111			
14	22301300	PHẠM KHÁNH	LINH	24/10/05	LG23111			
15	22302484	PHAN TẤT	LONG	20/09/05	LG23111			
16	22301023	NGUYỄN ĐỨC	MINH	19/06/05	LG23111			
17	22400040	VƯƠNG PHẠM HẢI	NAM	09/08/04	LG24111			
18	22301858	NGUYỄN NGỌC THANH	NGÂN	09/05/05	LG23111			
19	22300501	NGUYỄN KHÔI	NGUYỄN	17/11/05	LG23111			
20	22300211	NGUYỄN BÙI THANH	NHÃ	24/10/05	LG23111			
21	22300993	LÊ NGỌC AN	NHI	13/01/05	LG23111			
22	22300646	NGUYỄN NGỌC	PHÚ	17/03/05	LG23111			
23	22300831	HỒNG NGUYỆT	QUANG	24/02/05	LG23111			
24	22300897	HUỲNH TRUNG	QUÂN	03/06/02	LG23111			
25	22112579	LÊ ANH	QUÂN	12/08/03	LG21111			
26	22300512	NGUYỄN HỒ NHƯ	QUỲNH	24/03/05	LG23111			
27	22300761	BÙI HOÀNG ANH	THỨ	08/05/05	LG23111			
28	22300446	NGÔ HOÀNG ANH	THỨ	15/05/05	LG23111			
29	22300226	NGUYỄN MINH	THỨ	25/03/05	LG23111			
30	22301040	VŨ ANH	THỨ	21/08/05	LG23111			
31	22300695	NGUYỄN THỊ MỸ	TRÂM	30/10/05	LG23111			
32	22300981	LÊ HÙNG	VIỆT	07/04/05	LG23111			
33	22300772	HỒ TẤN QUANG	VINH	23/09/05	LG23111			
34	22110622	NGUYỄN THÚY	VY	14/10/03	LG21111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Warehouse and Inventory Management (FIATA) (LG205DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1217
Giảng viên: Phạm Lệ Dung
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 13g15
Phòng thi: Phòng 003 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22301591	LÊ ĐOÀN BẢO	AN	04/08/05	LG23111			
2	22302170	NGUYỄN TUẤN	ANH	07/06/05	LG23111			
3	22301090	VÕ BÌNH THIÊN	CHÂU	11/09/05	LG23111			
4	22301596	MÃ LÊ HOÀNG	DUY	18/11/05	LG23111			
5	22301443	NGUYỄN ANH	HUY	23/10/05	LG23111			
6	22200355	QUÁCH MINH	HUY	14/08/99	LG22111			
7	22301573	TRẦN NGUYỄN GIA	HUY	14/01/05	LG23111			
8	22301391	PHẠM AN	KHANG	19/09/05	LG23111			
9	22301397	LÊ ĐĂNG	KHOA	06/10/05	LG23111			
10	22301789	PHẠM TIẾN ĐĂNG	KHOA	09/01/05	LG23111			
11	22300466	NGUYỄN DƯƠNG	KHÔI	31/05/05	LG23111			
12	22301514	LÊ NGỌC THIÊN	KIM	26/01/05	LG23111			
13	22301837	BÙI HOÀNG	LÂM	16/11/05	LG23111			
14	22301371	LÝ UYÊN	LÂM	16/04/05	LG23111			
15	22301749	LÊ QUANG	LONG	03/02/05	LG23111			
16	22301118	NGUYỄN XUÂN	MAI	11/02/05	LG23111			
17	22301758	NGUYỄN LÊ MINH	NHẬT	02/11/05	LG23111			
18	22301607	NGUYỄN NGỌC UYÊN	NHI	14/08/02	LG23111			
19	22301777	TẶNG GIA	NHI	10/09/05	LG23111			
20	22301619	NGUYỄN NGỌC MINH	PHÚ	21/03/05	LG23111			
21	22301695	ĐẶNG NHƯ	QUỲNH	12/02/05	LG23111			
22	22301709	DIỆP TRẦN THANH	THẢO	07/07/05	LG23111			
23	22303022	PHẠM THỊ	THOM	19/05/05	LG23111			
24	22301334	NGÔ MINH	THÔNG	05/06/05	LG23111			
25	22301714	NGUYỄN THỊ ANH	THỨ	13/05/05	LG23111			
26	22300123	NGUYỄN MINH	TRUNG	11/12/00	LG23111			
27	22301788	BÙI THANH	TUẤN	18/09/05	LG23111			
28	22301628	HUỲNH NGỌC PHƯƠNG	UYÊN	09/12/05	LG23111			
29	22301688	NGUYỄN THẢO	VI	27/10/05	LG23111			
30	22301587	DƯƠNG HIỂN	VINH	21/09/00	LG23111			
31	22301286	HUỲNH THỊ HOÀNG	YẾN	22/11/05	LG23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Warehouse and Inventory Management (FIATA) (LG205DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0300 – Số hiệu lớp: 1218
Giảng viên: Phạm Lệ Dung
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 13g15
Phòng thi: Phòng 008 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22302277	DƯ BẢO	ANH	01/01/05	LG23111			
2	22302266	LÊ VŨ ĐỨC	ANH	10/03/05	LG23111			
3	22301923	TRẦN ĐẶNG PHƯƠNG	ANH	13/03/05	LG23111			
4	22300846	NGUYỄN NHẬT	HÀO	13/02/05	LG23111			
5	22300717	NGUYỄN THANH	HÀO	14/09/05	LG23111			
6	22302101	LÊ THỊ MỸ	HẠNH	16/01/05	LG23111			
7	22302145	NGUYỄN ĐẶNG GIA	HÂN	13/12/05	LG23111			
8	22303121	NGUYỄN ĐỖ GIA	HÂN	10/10/05	LG23111			
9	22301940	ĐẶNG PHƯỚC	HẬU	12/07/05	LG23111			
10	22302139	NGUYỄN VIỆT	HOÀNG	11/09/05	LG23111			
11	22302991	NGUYỄN CAO NHẬT	HUY	30/04/05	LG23111			
12	22302216	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	LINH	24/01/05	LG23111			
13	22302260	VÕ NGUYỄN NGUYỄN	LỘC	08/04/05	LG23111			
14	22302105	LÊ VĂN	LỢI	31/05/05	LG23111			
15	22302123	HUỲNH QUANG KỲ	NAM	16/05/05	LG23111			
16	22301926	TRẦN THÀNH	NAM	24/08/05	LG23111			
17	22302286	NGUYỄN NGỌC BẢO	NHI	17/04/05	LG23111			Cấm thi
18	22301849	PHAN THỊ THANH	PHÚC	22/09/05	LG23111			
19	22301705	NGÔ PHÚ	QUANG	28/01/05	LG23111			
20	22301803	VÕ HUỲNH XUÂN	THI	22/11/05	LG23111			
21	22302303	NGUYỄN NHỊ KIM	THƯ	23/12/05	LG23111			
22	22302276	NGUYỄN ĐỨC	TOÀN	27/12/05	LG23111			
23	22302304	PHẠM ANH	TUẤN	04/09/05	LG23111			
24	22302316	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VY	15/07/05	LG23111			
25	22302334	VÒNG HỒNG	YẾN	01/02/05	LG23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Warehouse and Inventory Management (FIATA) (LG205DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0400 – Số hiệu lớp: 1219
Giảng viên: Phạm Lệ Dung
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 13g15
Phòng thi: Phòng 048 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22206166	LÊ DUY	BẢO	12/06/04	LG22111			
2	22302523	NGUYỄN ĐOÀN MỸ	DUYÊN	23/02/05	LG23111			
3	22302351	HỒ TẤN	ĐẠT	08/05/05	LG23111			
4	22303178	ĐẶNG HOÀNG	HÀ	12/08/05	LG23111			
5	22302401	NGUYỄN ĐỖ NGỌC	HÂN	05/09/05	LG23111			
6	22303027	NGUYỄN GIA	HÂN	03/05/05	LG23111			
7	22303066	TRẦN GIA	HUY	17/11/05	LG23111			
8	22303038	TRƯƠNG THỊNH	HUY	08/12/05	LG23111			
9	22303030	NGUYỄN NHƯ	KHANG	26/06/05	LG23111			
10	22303100	PHÙNG VIỆT	KHANG	19/01/05	LG23111			
11	22115250	TRẦN THƯ	KỶ	03/11/03	LG21111			
12	22200282	LÊ PHẠM PHƯƠNG	MAI	03/10/03	LG22111			
13	22303123	ĐÌNH QUANG	MINH	22/06/05	LG23111			
14	22302393	LƯƠNG PHẠM HOÀNG	MINH	04/07/05	LG23111			
15	22302301	THÁI VÕ KIM	NGÂN	21/09/05	LG23111			
16	22302810	TRẦN NGỌC KIM	NGÂN	05/09/05	LG23111			
17	22303048	ĐẶNG HOÀNG PHƯƠNG	NGHI	11/02/05	LG23111			
18	22102514	PHAN HUỖNH MINH	NHẬT	28/01/03	LG21111			
19	22301945	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	25/10/05	LG23111			
20	22302765	VÕ MINH	PHONG	12/07/05	LG23111			
21	22301903	NGUYỄN HOÀNG VĨNH	PHÚC	19/11/05	LG23111			
22	22204974	TRẦN YẾN	QUÂN	25/04/02	LG22111			
23	22303210	TRẦN NGỌC	QUỲNH	27/03/05	LG23111			
24	22302367	ĐỖ VIỆT	SƠN	25/08/05	LG23111			
25	22302338	NGUYỄN HÀ	SƠN	06/01/04	LG23111			
26	22302501	ĐÌNH VŨ	THÁI	16/01/03	LG23111			
27	22302570	MAI TOÀN	THẮNG	09/08/05	LG23111			
28	22302546	LÊ THANH	THỨC	21/07/05	LG23111			
29	22001569	LÊ VIỆT	TOÀN	12/12/02	LG20111			
30	22302553	TRẦN ĐÌNH	TOÀN	12/07/05	LG23111			
31	22303176	NGUYỄN THÙY	TRÂM	27/12/05	LG23111			
32	2193222	BÙI MINH	TÚ	11/05/01	LG19112			
33	22303131	TRƯƠNG QUANG	VIỆT	18/03/05	LG23111			
34	22303035	LÂM HUỖNH TRÚC	VY	02/09/05	LG23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Warehouse and Inventory Management (FIATA) (LG205DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0500 – Số hiệu lớp: 1220
Giảng viên: Phạm Lệ Dung
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 13g15
Phòng thi: Phòng 043 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22303412	MAI QUỲNH	ANH	17/03/04	LG23111			
2	22303215	NGUYỄN THỊ MAI	ANH	10/07/05	LG23111			
3	22303915	ÔNG HỒNG QUỐC	ANH	13/06/05	LG23111			
4	22303792	NGUYỄN THANH	DUY	17/04/05	LG23111			
5	22303812	ĐỖ TRỌNG	HẢI	02/01/05	LG23111			
6	22400023	THÁI TƯỜNG	HOÀNG	27/10/99	LG24111			
7	22304112	NGUYỄN HOÀNG	HUY	23/02/00	LG23111			
8	22206801	NGUYỄN MINH	HUY	05/06/04	LG22111			
9	22303680	HOÀNG THU	HUYỀN	28/09/05	LG23111			
10	22303827	NGÔ ĐÀO BỬU	KHÁNH	05/02/05	LG23111			Cấm thi
11	22202346	HOÀNG ANH	KHOA	31/05/04	LG22111			
12	22303846	NGUYỄN ANH	KHÔI	15/07/05	LG23111			
13	22303734	LÊ CAO DUY	KHƯƠNG	29/03/05	LG23111			
14	22303676	NGUYỄN THỊ NGỌC	LÊN	04/08/05	LG23111			
15	22303852	NGUYỄN THỊ DIỆU	LOAN	10/05/05	LG23111			
16	22303563	NGUYỄN HUỲNH TRÚC	NGÂN	06/08/05	LG23111			
17	22302307	NGUYỄN THANH	NGÂN	07/07/05	LG23111			
18	22303741	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	NGHI	01/12/04	LG23111			
19	22301537	NGUYỄN HOÀNG ANH	NHÂN	08/10/05	LG23111			
20	22303616	TRẦN NGUYỆT	NHI	08/08/05	LG23111			
21	22303865	NGUYỄN PHẠM THÀNH	PHÁT	26/01/05	LG23111			
22	22303897	NGUYỄN HÙNG	PHI	04/04/05	LG23111			
23	22303854	NGÔ QUỐC	PHONG	06/12/05	LG23111			
24	22303673	PHAN THÀNH	THẮNG	19/08/05	LG23111			
25	22303997	NGUYỄN QUANG	TIẾN	28/04/05	LG23111			
26	22303684	TRẦN MAI HUYỀN	TRANG	10/06/05	LG23111			
27	22303757	VÕ ĐĂNG	TRÌNH	26/11/05	LG23111			
28	22201811	NGUYỄN NGỌC LÂM	TRƯỜNG	26/06/04	LG22111			
29	22303845	NGUYỄN TRƯỞNG CẨM	TÚ	20/05/05	LG23111			
30	22304097	VÕ ĐĂNG NGÂN	VI	11/06/91	LG23111			
31	22303838	PHẠM ĐỨC NGUYỄN	VŨ	31/05/05	LG23111			
32	22303863	NGUYỄN ĐẶNG KHÁNH	VY	08/02/05	LG23111			
33	22303794	CAO KIM	YẾN	24/09/05	LG23111			
34	22207552	VƯƠNG BẢO	YẾN	23/02/00	LG22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: International Transportation & Insurance (LG301DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1222
Giảng viên: Phạm Lệ Dung
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 13g15
Phòng thi: Phòng 007 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22207185	ĐẶNG HỒ BẢO	ANH	22/05/04	NT22111			
2	22206773	ĐỖ TRẦN ĐIẾP	ANH	14/05/04	NT22111			
3	22205827	NGUYỄN LÊ	ANH	17/12/02	NT22111			
4	22205611	NGUYỄN GIA	BẢO	22/11/04	NT22111			
5	22205656	NGUYỄN NGỌC VÂN	CHI	07/08/04	NT22111			
6	2190081	THÁI ĐÀI	DƯƠNG	03/07/97	NT19111			
7	22205982	LẠI PHƯƠNG	ĐÔNG	16/05/04	NT22111			
8	22206080	PHAN NGUYỄN NGỌC	HÂN	01/10/04	NT22111			
9	22207772	TRƯƠNG THỊ KIM	HƯƠNG	24/09/03	NT22111			
10	22206100	NGUYỄN MINH	KHANG	21/10/04	NT22111			
11	22200447	NGUYỄN HÀ GIA	KHIÊM	17/05/04	NT22111			
12	2193837	TRƯƠNG QUỐC ANH	KHOA	10/03/01	MD19111			
13	22207523	ĐỖ HỮU	KHÔI	08/10/04	NT22111			
14	22001902	LÂM TUẤN	KIỆT	25/08/02	NT20111			
15	22204993	PHAN XUÂN QUỲNH	MAI	08/03/04	NT22111			
16	22205503	LÊ HÀ PHƯƠNG	NAM	16/12/04	NT22111			
17	22206932	LÝ ĐỖ	NGUYỄN	10/11/04	NT22111			
18	22300039	NGUYỄN KỶ	NGUYỄN	12/02/00	NT23111			
19	22207143	NGUYỄN QUÁCH TUỆ	NHI	12/09/04	NT22111			
20	22205123	VŨ NGUYỄN THANH	NHƯ	28/04/04	NT22111			
21	2194215	LÊ THÀNH	PHÁT	20/12/99	NT19112			
22	22205468	CHUNG QUẾ	PHỤNG	20/12/04	NT22111			
23	22207366	NGUYỄN CHÍ	TÂM	17/08/04	NT22111			
24	22205644	VÕ HỒ THANH	TÂM	18/01/04	NT22111			
25	22204601	NGUYỄN TẤN	THÀNH	29/08/04	LG22111			
26	22205489	LÊ MINH	TUẤN	28/12/04	NT22111			
27	22206736	TRẦN GIA PHÚ	VĂN	15/07/04	NT22111			Cấm thi
28	22207206	TRẦN ANH	VINH	26/11/04	NT22111			
29	22011109	ĐINH BẢO	YẾN	13/07/01	LG20111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Digital Marketing Analytics (MK410DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1267
Giảng viên: Trương Quang Cẩm
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 006 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22206418	NGUYỄN MINH	KHANG	25/12/04	MK22111			
2	22206004	TRẦN PHÚC	KHANG	27/02/04	MK22111			
3	22202839	PHẠM BÙI TRÚC	LINH	21/10/04	MK22111			
4	22203184	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	MINH	04/12/04	MK22111			
5	22206665	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG	NAM	19/01/02	DM22111			
6	22200328	CHU KHÁNH	NGÂN	28/05/02	DM22111			
7	22114488	CAO ĐẶNG KIM	QUYÊN	02/10/03	DM21111			
8	22206499	NGUYỄN ĐẶNG BẢO	THI	08/07/04	MK22111			
9	22204868	DƯƠNG THỊ MINH	THƯ	12/10/04	MK22111			
10	22206188	LÊ THỊ NGỌC	THY	16/06/04	MK22111			
11	22206745	LÊ THU	TRANG	26/02/04	DM22111			
12	22205957	THÁI NGUYỄN NGỌC	UYÊN	14/04/04	DM22111			
13	22206961	NGÔ CAO TƯỜNG	VY	18/08/04	MK22111			
14	22206590	NGUYỄN NAM	VỸ	23/09/04	DM22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Cấu trúc Dữ liệu và Giải thuật (SW102DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1825
Giảng viên: Nguyễn Thị Thu Dự
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 117 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22113996	NGUYỄN MINH QUỐC	BẢO	10/06/03	PM21111			Cấm thi
2	22402985	NGUYỄN QUỐC	BẢO	05/04/02	QL24111			
3	22000212	TRẦN QUANG	DUY	23/06/99	QL20111			
4	22002533	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	17/10/01	PM20111			
5	22500264	PHAN QUANG	HẢI	21/12/99	PM25111			Cấm thi
6	22100664	TRẦN VIỆT	HƯNG	12/07/03	QL21111			
7	22122981	BÙI NGUYỄN PHI	LONG	10/01/03	PM21111			Cấm thi
8	22140183	KHUU NGOC	PHÁT	06/09/03	QL21111			
9	22118844	ĐẶNG ANH	QUÂN	18/08/03	QL21111			
10	22011255	NGUYỄN HOÀNG	QUÂN	22/02/02	QL20111			Cấm thi
11	22206690	BÙI TRẦN NHẬT	TÂN	22/06/02	QL22111			
12	22118831	NGUYỄN XUÂN	TÂY	28/01/03	QL21111			Cấm thi
13	22301963	VŨ ĐỨC	TRỌNG	08/07/05	PM23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Risk Management in Banks (TC407DE02) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1326
Giảng viên: Nghiêm Tấn Phong
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 049 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22301337	NGUYỄN THÁI	AN	06/07/05	KN23111			
2	22122740	Ô HOÀNG NGỌC	BÍCH	10/04/03	KN21111			
3	22303678	TRƯƠNG THỊ QUỲNH	CHI	14/01/05	KN23111			
4	22301369	DƯƠNG TIẾN	ĐẠT	25/08/05	KN23111			
5	22301811	TRẦN THANH HƯƠNG	GIANG	29/11/05	KN23111			
6	22302104	NGUYỄN THỊ KIM	HẰNG	27/07/05	KN23111			
7	22302973	PHẠM THỊ MỸ	HOÀ	24/02/05	KN23111			
8	22303671	NGUYỄN THỊ THU	HUỆ	25/09/05	KN23111			
9	22301827	PHẠM ĐỖ DIỆU	HUYỀN	22/10/05	KN23111			
10	22301078	NGUYỄN LÊ MINH	KHẢI	10/01/05	KN23111			
11	22303298	MAI SỸ ANH	KHOA	20/09/05	KN23111			
12	22200742	PHAN NGUYỄN NHẬT	LINH	21/01/04	KN22111			
13	22303737	TÔ CẨM	LOAN	23/03/05	KN23111			
14	22301310	HỒ HẢI	MY	19/10/04	KN23111			
15	22207463	VIÊN THỊ THẢO	MY	15/01/04	KN22111			
16	22207213	LÊ MINH BẢO	NGỌC	11/01/04	KN22111			
17	22303436	NGUYỄN THỊ THANH	NHÂN	23/10/05	KN23111			
18	22300973	NGUYỄN HOÀNG YẾN	NHI	21/09/05	KN23111			
19	22303173	TRƯƠNG NGỌC THANH	NHI	18/12/05	KN23111			
20	22301259	LÊ MINH	NHỰT	19/06/05	KN23111			
21	22302391	LƯU TÂM	NHƯ	22/09/05	KN23111			
22	22302199	DƯƠNG NGUYỄN PHƯƠNG	OANH	14/02/05	KN23111			
23	22302138	HUYỀN TẤN	PHÁT	27/07/05	KN23111			
24	22302288	NGUYỄN TẤN	PHÁT	18/03/05	KN23111			
25	22205532	TRANG THIÊN	PHONG	07/11/01	KN22111			
26	22300553	TRẦN HƯNG	PHÚ	17/05/05	KN23111			
27	22303691	HỒ BẢO	PHÚC	14/09/05	KN23111			
28	22200247	UÔNG VŨ HOÀNG	PHƯƠNG	12/07/04	KN22111			
29	22303072	NGUYỄN VĂN	PHƯỚC	26/05/05	KN23111			
30	22302132	NGUYỄN ĐÌNH	SƠN	03/04/05	KN23111			
31	22302268	GIÁP HÀ	TRANG	01/09/05	KN23111			
32	22204351	NGUYỄN HOÀI TỔ	UYÊN	16/12/02	KN22111			
33	22303057	ĐOÀN THỤY	VĂN	17/02/05	KN23111			
34	22200014	NGÔ THỊ	VIÊN	19/04/00	KN22111			
35	22300564	NGUYỄN TUYẾT	VY	23/09/04	KN23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Trung 4 (TQ201DV03) – Số tín chỉ: 4.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1976
Giảng viên: Trần Thế Hà
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 110 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22012017	NGUYỄN NGỌC THẢO	ANH	09/10/02	TM20111			
2	22114264	PHẠM GIA	BẢO	27/11/02	TATL21111			
3	22103702	NGUYỄN HOÀNG	CHÂU	29/08/03	TANT21111			
4	22114162	ĐÀM NGUYỄN KIM	DUNG	25/12/02	TATL21111			
5	22200472	VŨ NGUYỄN PHƯƠNG	ĐAN	26/09/03	TM22111			
6	22205102	DIỆP MINH	ĐỨC	12/09/04	TE22111			
7	22108767	LÊ GIA	HÂN	28/02/03	TE21111			
8	22106513	NGUYỄN THỊ MINH	HOÀNG	03/01/03	TM21111			
9	22206712	NGUYỄN TRẦN LONG	HỒ	23/07/04	TM22111			
10	22004404	THÁI GIA	HUY	16/08/02	TM20111			Cấm thi
11	22112569	NGUYỄN XUÂN	HÙNG	23/12/03	TE21111			
12	22206293	TRẦN TUẤN	KIỆT	14/12/02	TM22111			
13	22114086	HUYỀN ÁI	LINH	28/02/03	TM21111			
14	22114266	TRẦN TRỌNG	NGHĨA	13/12/02	TM21111			
15	22115965	ĐỒNG THANH	NGỌC	11/07/03	TE21111			
16	22110354	LÊ TRẦN BẢO	NGỌC	02/06/03	TM21111			
17	22206451	TRẦN THỊ YẾN	NHI	19/11/04	TM22111			
18	22201979	NGUYỄN VŨ THIÊN	PHÚC	18/05/04	TE22111			
19	22123172	NGUYỄN HOÀNG	SANG	05/11/02	TM21111			
20	22012204	CHÂU NGUYỄN LOAN	THẢO	20/10/02	TM20111			
21	22200019	VƯƠNG HIỀN	THẮNG	15/10/03	TM22111			
22	22115892	NGUYỄN MINH	THÔNG	15/10/03	TM21111			
23	22100053	NGUYỄN THỤY MINH	THƯ	14/09/99	TE21111			
24	22109675	PHAN THỊ ANH	THƯ	15/02/03	TATL21111			
25	22107472	TRẦN NGUYỄN THANH	TRÚC	16/10/00	TM21111			
26	22207109	NGÔ TRIỆU	VĨ	01/06/01	TE22111			
27	2194697	NGUYỄN THỤY TƯỜNG	VY	02/01/01	TM19112			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: English Semantics (ANH404DE03) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1059
Giảng viên: Trần Văn Dương
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 110 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22207468	NGUYỄN MAI HỒNG	AN	02/08/04	TM22111			
2	22204795	ĐÀO DUY	ANH	06/04/03	TM22111			
3	22114848	LÊ HÀ MINH	ANH	07/10/03	TATL21111			
4	22300701	NGUYỄN VIỆT	ANH	01/02/02	TE23111			
5	22302380	TỬ MINH THIÊN	ÂN	24/11/01	TM23111			
6	22114162	ĐÀM NGUYỄN KIM	DUNG	25/12/02	TATL21111			
7	22205565	NGUYỄN MINH	DUY	18/09/01	TE22111			Cấm thi
8	22207218	PHẠM TÂM	GIAO	25/08/04	TE22111			
9	22207215	PHẠM NGUYỄN GIA	HÂN	08/07/04	TE22111			
10	22004409	TRẦN GIA	HUY	25/10/02	TE20111			
11	22300052	NGUYỄN NGỌC	HUYỀN	04/08/04	TE23111			
12	22112569	NGUYỄN XUÂN	HÙNG	23/12/03	TE21111			
13	22107631	NGUYỄN LÊ ĐÔNG	HƯNG	05/03/98	TE21111			
14	22207041	HỒ VÕ ĐĂNG	KHOA	05/08/04	TM22111			Cấm thi
15	22206646	LÂM THẾ	KIỆT	31/10/99	TM22111			
16	22204369	HÀ TÚ	LINH	04/12/04	TM22111			
17	22300103	LÊ NGUYỄN TRÚC	LOAN	02/01/02	TE23111			
18	22300207	NGUYỄN HỒNG KIM	NGỌC	05/05/04	TE23111			
19	22201979	NGUYỄN VŨ THIÊN	PHÚC	18/05/04	TE22111			
20	22001368	NGUYỄN THỊ YẾN	PHƯƠNG	14/10/02	BP20111			
21	22109675	PHAN THỊ ANH	THƯ	15/02/03	TATL21111			
22	22200718	ĐỖ THỊ THỦY	TIẾN	15/10/04	TM22111			
23	22206717	HOÀNG THỊ	TRANG	10/11/95	TE22111			
24	22206074	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	TRINH	20/03/04	TM22111			
25	22207040	ĐỖ MINH	TRÍ	07/07/04	TM22111			
26	22200396	DƯƠNG UY	VŨ	29/12/04	TE22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: English Semantics (ANH404DE03) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1060
Giảng viên: Ngô Thị Thanh Thanh
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 117 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22206118	PHẠM TRẦN VÂN	ANH	15/09/04	TM22111			
2	22116064	QUÁCH QUỲNH	ANH	08/09/03	TE21111			
3	22204969	PHÙNG NGUYỄN HOÀI	ÂN	06/10/96	TE22111			
4	22207371	TRẦN NGỌC MỸ	CHÂU	22/04/03	TM22111			
5	22106453	NGUYỄN CAO KỲ	DUYÊN	28/12/03	TATL21111			
6	22300941	CHU GIA	HUY	29/08/03	TM23111			
7	22206034	BÙI TUẤN	KHANH	23/08/04	TM22111			
8	22206365	VÕ HỒ QUẢNG	LONG	22/12/04	TM22111			
9	22011123	VÕ THÀNH	LONG	21/12/96	TE20111			
10	22011650	PHẠM HUỲNH PHƯƠNG	NAM	12/07/02	TM20111			
11	22114924	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	04/04/00	TM21111			
12	22203855	NGUYỄN TẤN TRÍ	NGUYỄN	10/10/04	TM22111			
13	22400064	BÙI MINH	NHẬT	20/10/02	TE24111			
14	2185741	MAI NGUYỄN QUỐC	PHONG	26/10/00	TM1811			Cấm thi
15	22207033	NGUYỄN TRẦN TÚ	PHƯƠNG	07/07/04	TE22111			
16	22201824	ĐÌNH TIẾN	PHƯỚC	31/10/04	TM22111			
17	22400029	TRẦN KIM VY	PHƯỢNG	28/09/01	TE24111			
18	22007767	PHẠM ĐIỂM	QUỲNH	26/09/02	BP20111			
19	22205962	NGUYỄN DUY	THẮNG	08/08/04	TM22111			Cấm thi
20	22100100	TRẦN DIỆU	TRÂM	17/11/01	TANT21111			
21	22012218	TRẦN VÕ TUYẾT	TRINH	16/01/02	TM20111			
22	22206174	ĐỖ NGUYỄN THANH	VÂN	22/07/04	TM22111			
23	22500092	HOÀNG BÁ	VIỆT	02/10/02	TA251			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Change Management (BA204DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1075
Giảng viên: Bùi Thị Vân Quỳnh
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 044 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500290	GIRAUD	MATHIAS	13/08/02	QT225			
2	22200833	NGUYỄN THỊ KIM	ANH	22/06/04	TV22111			
3	22123108	NGUYỄN TRẦN TRÂM	ANH	05/12/03	TV21111			
4	22123030	VÕ THÁI VÂN	ANH	28/02/03	TATV21111			
5	22206063	NGÔ PHÚ	CƯỜNG	25/09/04	TV22111			
6	22206743	LÃ QUÝ	DUY	14/06/03	TV22111			
7	22206248	TRẦN MINH	DUY	22/10/03	TV22111			
8	22205927	VÕ THÀNH	ĐẠT	05/10/04	TV22111			
9	22116583	LÊ VÕ HƯƠNG	GIANG	05/08/03	TV21111			
10	22206050	HUỲNH THỊ NGỌC	HÀ	11/03/04	TV22111			
11	22200313	TRẦN MINH	HÀO	21/07/04	TV22111			
12	22207726	TRẦN NGUYỄN HUY	HOÀNG	22/09/02	TV22111			
13	22105892	LÝ NHÂM GIA	HUY	19/10/03	TV21111			
14	22206071	TRẦN ANH	HUY	10/01/04	TV22111			
15	22000133	NGUYỄN DUY	KHÁNH	14/09/01	TV20111			
16	22111307	NGUYỄN NGỌC	LINH	24/09/03	TATV21111			
17	22205530	PHAN MINH	LUÂN	29/08/04	TV22111			
18	22200022	TRẦN ĐẠI	MÃN	16/04/03	TV22111			Cấm thi
19	22207017	VÕ ĐÔNG	MY	06/05/04	TV22111			
20	22204630	NGUYỄN MINH	NHÃ	08/04/04	NL22111			
21	22000718	NGUYỄN PHAN THẢO	NHI	05/10/02	NL20111			
22	22111990	NGUYỄN HỮU	PHÁT	12/03/03	TV21111			
23	22205549	TRẦN THIÊN	PHÚC	28/01/04	TV22111			
24	22206272	NGUYỄN XUÂN	QUỲNH	20/01/04	NL22111			
25	22112490	PHẠM NHƯ	QUỲNH	09/04/03	TV21111			
26	22205923	BÙI THỊ THANH	THẢO	20/11/04	TV22111			
27	22204382	ĐÀO THANH	THẢO	21/08/04	NL22111			
28	22200085	KIỀU NGỌC THANH	THẢO	12/09/04	NL22111			
29	2192570	NGUYỄN THỊ THUY	TIẾN	06/12/01	TV19111			
30	22140039	NGUYỄN BẢO	TRÂM	29/08/03	TATV21111			
31	22205905	VŨ HẢI	TRIỀU	25/01/04	NL22111			
32	22105736	LÊ PHƯỚC	TRÍ	18/02/03	TV21111			Cấm thi
33	22205953	THÁI TRUNG	TUẤN	07/08/04	TV22111			
34	22207153	TRẦN ANH	TUẤN	28/01/04	TV22111			
35	22101125	PHAN THỊ NGỌC	TỶ	02/05/01	TV21111			
36	22107923	PHAN HOÀNG NGỌC	VĨ	11/03/03	TV21111			
37	22205730	ĐỖ ĐÌNH	VƯỢNG	03/01/04	TV22111			
38	22203653	VĂN LÊ LAN	VY	15/10/04	TV22111			
39	22206084	NGUYỄN HOÀNG	YẾN	30/01/04	NL22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Quản trị Sự Thay đổi (BA204DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1425
Giảng viên: Nguyễn Hoàng Tuấn
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 006 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22110509	NGUYỄN VŨ MINH	ANH	26/12/02	TV21111			
2	22205255	NGUYỄN THÁI	BÌNH	06/04/03	TV22111			Cấm thi
3	22014680	BÙI CAO THANH	HÀ	28/05/02	TV20111			Cấm thi
4	22109909	TRỊNH NGỌC GIA	HÂN	25/11/03	TV21111			
5	2199092	NGUYỄN MINH	HIỂN	03/03/01	TV19112			Cấm thi
6	22002454	ĐẬU THỊ THANH	HƯƠNG	14/01/02	TV20111			Cấm thi
7	22108690	PHẠM NGỌC LAM	KHUÊ	13/04/03	TV21111			
8	22000673	NGUYỄN HUỲNH NHÃ	LINH	17/07/02	NL20111			
9	22112896	NGUYỄN HOÀNG	PHÁT	30/03/03	TV21111			
10	22116324	THÁI PHAN THIÊN	PHÚ	14/09/03	TV21111			
11	22115132	LÊ NAM	PHƯƠNG	22/11/03	TV21111			
12	22011648	TRẦN NGUYỄN MINH	QUÂN	03/03/01	TV20111			
13	2191894	VŨ VĂN	QUYẾT	12/05/00	TV19112			Cấm thi
14	22114300	PHAN VĂN	TÂM	06/05/01	TV21111			
15	22114420	VÕ THỊ THANH	THẢO	10/10/03	TV21111			
16	22201010	TRẦN PHÚC	THỊNH	15/01/04	TV22111			
17	22118807	LÊ HOÀNG	THỨC	16/10/03	TV21111			
18	22113603	ĐÀO THỊ THÙY	TRÂM	02/06/03	TV21111			
19	22114379	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	VI	27/12/03	TV21111			Cấm thi

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Quản trị chuỗi cung ứng trong kinh doanh (BA401DV02) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0400 – Số hiệu lớp: 3337
Giảng viên: Hồ Trung Thảo
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 011 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22304139	LÊ NGỌC MINH	ANH	05/03/03	TV23111			
2	22200991	VÕ THỊ NGỌC	ANH	08/05/04	TV22111			
3	22140197	NGUYỄN HOÀNG	BẢO	17/12/03	LG21111			
4	22112484	DIỆP THANH	BÌNH	14/11/03	LG21111			
5	22123048	VÕ VIỆT	CƯỜNG	24/11/00	LG21111			Cấm thi
6	22205673	LÝ NGỌC	DUNG	25/10/04	TV22111			
7	22205841	TRẦN HỮU	ĐAN	09/08/04	TV22111			
8	2190984	TRẦN HUY	HOÀNG	18/04/01	TV19112			
9	22205550	NGUYỄN ĐỨC	HUY	26/04/04	TV22111			
10	22011608	NGUYỄN MINH	HUY	17/06/01	LG20111			
11	22122560	NGUYỄN THỊ NHƯ	HUYỀNH	30/03/03	LG21111			
12	22205502	LÊ ANH	KHÔI	05/10/04	TV22111			
13	22109506	ILIA THIÊN	NGUYỄN	13/07/03	LG21111			
14	22122749	NGUYỄN ÁI THỰC	NHI	17/10/03	LG21111			
15	22118624	NGUYỄN THÀNH	PHÁT	22/08/03	LG21111			
16	22014756	NGUYỄN NHỰT	PHI	20/10/01	LG20111			
17	22001648	NGUYỄN LÊ GIA	PHONG	26/07/02	LG20111			
18	22205418	NGUYỄN THỊ NGỌC	THI	13/03/03	TV22111			Cấm thi
19	22118584	LÊ THÀNH	THUẬN	15/06/03	LG21111			
20	22105524	TRẦN VŨ TI	TI	18/05/03	LG21111			
21	2191208	NGUYỄN TRẦN	TOÀN	29/04/01	LG19111			Cấm thi
22	22206295	ĐỖ THU	TRANG	19/01/04	TV22111			
23	22115230	NGUYỄN HUỲNH HUY	TRƯỜNG	26/02/03	LG21111			
24	22103276	HOÀNG THANH	VĂN	21/05/03	MC21111			
25	22206640	HUỲNH TRẦN QUỐC	VIỆT	25/04/04	TV22111			
26	22207184	LÊ HÙNG	VĨ	16/12/04	TV22111			
27	22207018	NGÔ PHẠM TIỂU	YẾN	04/11/04	TV22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Laws on Cybersecurity and Data Privacy (BLAW310DE01) – Số tín chỉ: 2.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1110
Giảng viên: Nguyễn Hoài Nam
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 15g30
Phòng thi: Phòng 043 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500286	MOLLEL	MICHELLE	11/12/00	QT225			
2	22500307	CHALEUNE	ELOISE	31/05/05	QT225			
3	22207157	NGUYỄN NGỌC	AN	28/05/04	BL22111			
4	22206386	LIÊN THỊ KIM	ANH	13/07/00	BL22111			
5	22206876	ĐÀO NGUYỄN QUỐC	BẢO	22/10/04	BL22111			
6	22114936	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	DUNG	12/11/03	BL21111			
7	22206874	TRẦN TRỌNG	DUY	02/06/04	BL22111			
8	22204683	LAI TÂM	ĐỨC	27/09/04	BL22111			
9	22206484	PHẠM NGUYỄN HUỲNH	GIANG	28/11/04	BL22111			
10	22207390	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÀ	02/01/04	BL22111			
11	22200017	LÊ THÀNH	HẢO	21/05/03	BL22111			Cấm thi
12	22206660	HOÀNG THỰC KHẢ	HÂN	12/10/04	BL22111			
13	22207201	BÙI NGUYỄN HOÀNG	HUY	26/01/04	BL22111			
14	22205524	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG	HUY	18/10/04	BL22111			
15	22205670	TRẦN THÁI	HƯNG	11/01/04	BL22111			
16	22205420	LÊ QUỲNH	HƯƠNG	03/08/04	BL22111			
17	22206190	NGUYỄN GIA	KIỆT	20/05/04	BL22111			
18	22205675	PHẠM BÙI BẢO	KIÊN	30/05/04	BL22111			
19	22206262	NGUYỄN THỊ KIỀU	LAM	01/05/04	BL22111			
20	22102280	LEE HỒNG	LÂM	10/05/03	BL21111			
21	22205643	NGUYỄN KHÁNH	LINH	29/10/04	BL22111			
22	22207368	HUỲNH THỊ CẨM	LY	24/10/04	BL22111			
23	22204543	VÕ HỒ XUÂN	MAI	21/05/04	BL22111			
24	22206734	NGUYỄN THỊ YẾN	NGA	07/01/04	BL22111			
25	22114886	PHẠM THỊ BẢO	NGỌC	16/02/03	BL21111			
26	22206562	ĐOÀN ANH THẢO	NGUYỄN	25/04/04	BL22111			
27	22106927	NGUYỄN TRUNG	NHÂN	04/10/03	BL21111			
28	22207420	NGUYỄN TÔ CHẤN	PHONG	14/12/03	BL22111			
29	22206642	ĐẶNG HỮU	PHƯỚC	06/11/03	BL22111			
30	22207085	VÕ HÙNG	QUYẾN	14/11/04	BL22111			
31	22202625	NGUYỄN LÝ THU	THẢO	08/06/04	BL22111			
32	22207138	VÕ NGỌC ANH	THỨ	12/03/04	BL22111			
33	22205870	VÕ VĂN	TOÀN	17/01/04	BL22111			
34	22207271	TRỊNH NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	25/04/04	BL22111			
35	22206580	VŨ PHƯƠNG	VI	06/07/04	BL22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếp xúc Hán Việt và Từ Hán - Việt (CL205DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1441
Giảng viên: Hồ Minh Quang
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 111 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401023	NGUYỄN LÝ HOÀNG	AN	28/01/06	CL24111			
2	22400882	HỒ THỊ HỒNG	ANH	29/03/05	CL24111			
3	22402734	LÊ THỊ NGỌC	ANH	06/05/06	CL24111			
4	22402971	PHAN THỊ NGỌC	ANH	15/09/96	CL24111			
5	22400771	TRẦN ĐẶNG VÂN	ANH	07/09/05	CL24111			
6	22401991	TRỊNH NGỌC TRÂM	ANH	28/09/06	CL24111			
7	22403084	ỨNG THỊ PHƯƠNG	ANH	04/03/05	CL24111			Cấm thi
8	22402965	MAI THỊ PHƯƠNG	DUNG	22/05/88	CL24111			
9	22400717	NGUYỄN MINH	ĐĂNG	13/10/03	CL24111			
10	22401993	LÊ VŨ PHƯƠNG	HÀ	28/05/06	CL24111			
11	22400789	NGUYỄN THẢO	HIỀN	02/05/06	CL24111			
12	22401174	VŨ HUY	HOÀNG	04/01/06	CL24111			
13	22400594	TRẦN THỊ HIỀN	HÒA	28/01/06	CL24111			
14	22401516	ĐỒNG HOÀNG	HÙNG	04/09/06	CL24111			
15	22402983	NGUYỄN LÊ THANH	HƯƠNG	05/09/06	CL24111			Cấm thi
16	22401056	TẶNG VĂN	HƯƠNG	20/12/06	CL24111			Cấm thi
17	22401156	HỒNG BẢO ANH	KHOA	30/05/06	CL24111			
18	22401576	LÊ TRẦN ANH	KIỆT	29/08/06	CL24111			
19	22401143	HUỲNH MÃN	LỆ	19/02/06	CL24111			
20	22400433	TRẦN HỒNG	LỰA	09/04/06	CL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếp xúc Hán Việt và Từ Hán - Việt (CL205DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1441
Giảng viên: Hồ Minh Quang
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 112 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402132	TRẦN NGUYỄN ÁNH	LY	26/10/06	CL24111			
2	22500185	TRẦN THỊ KHÁNH	LY	06/03/95	CL25111			
3	22402149	BÙI THỊ KIỀU	MI	02/03/06	CL24111			
4	22401467	NGUYỄN DUY	MINH	28/12/06	CL24111			Cấm thi
5	22403059	CAO THUY YẾN	NGA	10/10/02	CL24111			
6	22402937	VÕ ĐOÀN BẢO	NGỌC	11/07/06	CL24111			
7	22400448	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	14/07/06	CL24111			
8	22400096	NGÔ GIA	PHỤNG	03/10/06	CL24111			
9	22400603	HỒ THỊ MỸ	PHƯƠNG	16/06/06	CL24111			
10	22400832	NGUYỄN ĐỖ NAM	PHƯƠNG	23/11/06	CL24111			
11	22402695	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	QUỲNH	31/05/06	CL24111			
12	22400897	ĐÀU NỮ MI	SA	20/04/06	CL24111			
13	22400907	BÙI KHẮC TẤN	TÀI	26/12/06	CL24111			
14	22400617	NGUYỄN KHẢ	TÂM	08/07/06	CL24111			
15	22401531	DANH TRẦN PHƯƠNG	THẢO	03/06/06	CL24111			
16	22400374	HUỲNH PHÚC	THỊNH	10/08/06	CL24111			
17	22400426	LÊ THỊ BÍCH	TRÂM	02/08/06	CL24111			
18	22400796	LIÊU THỰC	TRÂN	17/03/06	CL24111			
19	22401703	TẶNG TUYẾT	TRINH	25/11/06	CL24111			
20	22401611	NÔNG THỊ THU	UYÊN	26/09/06	CL24111			
21	22401107	TRẦN THỊ THANH	XUÂN	30/01/05	CL24111			
22	22402105	XIAO JIA	YING	10/04/06	CL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: International Market Penetration Strategy (IB310DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1189
Giảng viên: Ngô Đình Đệ
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 15g30
Phòng thi: Phòng 008 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500282	DECALUWE	GUILLAUME	05/01/02	QT225			
2	22500292	BEZOMBES	ANAÏS	23/10/05	QT225			
3	22500295	BOISSONNET-MARQUET	CASSANDRA	03/10/05	QT225			
4	22500298	BRICARD	SARAH	26/07/05	QT225			
5	22500300	DUPLAIX	CASSANDRE	07/10/05	QT225			
6	22500304	DUCLOS	JONAH	30/07/05	QT225			
7	22206722	TRẦN ĐẶNG DIỆU	AN	14/03/04	NT22111			
8	22207185	ĐẶNG HỒ BẢO	ANH	22/05/04	NT22111			
9	22200316	NGÔ CHÂU VÂN	ANH	30/11/04	NT22111			
10	22206948	PHẠM TRƯƠNG NHÂN	ÁI	29/10/04	NT22111			
11	22205893	ĐINH THỊ NGỌC	BÍCH	18/11/04	NT22111			
12	22203705	NGUYỄN HOÀNG BẢO	CHÂU	03/08/04	NT22111			
13	22205656	NGUYỄN NGỌC VÂN	CHI	07/08/04	NT22111			
14	22200459	LÊ HOÀNG	DUNG	03/07/04	NT22111			
15	22201524	NGUYỄN TĂNG BẢO	DUY	12/11/04	NT22111			
16	22205561	TRƯƠNG NGÔ NHẤT	DUY	15/11/04	NT22111			
17	22205982	LẠI PHƯƠNG	ĐÔNG	16/05/04	NT22111			
18	22203543	VÒNG GIA	HÂN	26/10/04	NT22111			
19	22206408	ĐẶNG TRÍ	HOÀNG	09/12/03	NT22111			
20	22206100	NGUYỄN MINH	KHANG	21/10/04	NT22111			
21	22206945	PHẠM MINH	KHÔI	17/04/04	NT22111			
22	22204807	NGUYỄN TRẦN XUÂN	LAN	18/04/04	NT22111			
23	22204711	PHẠM HỒ XUÂN	MAI	15/07/04	NT22111			
24	22206181	TRƯƠNG HÀ	MY	06/09/04	NT22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: International Market Penetration Strategy (IB310DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1189
Giảng viên: Ngô Đình Đệ
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 15g30
Phòng thi: Phòng 009 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22206203	LÊ THỊ KIM	NGA	28/11/04	NT22111			
2	22207598	LÊ NGUYỄN KIM	NGÂN	08/02/03	NT22111			
3	22200082	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	NGÂN	16/06/02	NT22111			
4	22206935	NGUYỄN THANH KHÁNH	NGÂN	10/05/04	NT22111			
5	22205012	NGUYỄN HỒNG	NGỌC	04/03/04	NT22111			
6	22206932	LÝ ĐỖ	NGUYỄN	10/11/04	NT22111			
7	22207143	NGUYỄN QUÁCH TUỆ	NHI	12/09/04	NT22111			
8	22206061	LƯƠNG TRÚC	NHƯ	04/09/04	NT22111			
9	22205649	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	09/06/04	NT22111			
10	22205468	CHUNG QUẾ	PHỤNG	20/12/04	NT22111			
11	22207135	NGUYỄN MAI	PHƯƠNG	05/01/04	NT22111			
12	22206661	NGUYỄN TẤN	PHƯỚC	17/11/04	NT22111			
13	2182105	NGUYỄN THỊ HOÀNG	PHƯỢNG	31/05/00	NT1811			
14	22205796	NGUYỄN ĐẶNG KHÁNH	QUỲNH	05/12/04	NT22111			
15	22205574	PHẠM TRƯƠNG NHI	QUỲNH	11/09/04	NT22111			
16	22205258	GIÁ LÊ TIẾN	THÀNH	20/06/03	NT22111			
17	22200192	TRỊNH THỊ PHƯƠNG	THẢO	15/01/04	NT22111			
18	22204216	NGUYỄN QUỲNH	TRÂM	05/05/04	NT22111			
19	22201355	NGÔ THỊ PHƯƠNG	UYÊN	14/03/04	NT22111			
20	22205135	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	UYÊN	23/09/04	NT22111			
21	22206448	PHAN THỊ NGỌC	VẠN	02/10/04	NT22111			
22	22207206	TRẦN ANH	VINH	26/11/04	NT22111			
23	22205597	HUỲNH THỊ NGỌC	VY	27/07/04	NT22111			
24	22206650	SƠN LÂM NGUYỄN ĐA	VY	04/11/04	NT22111			
25	22207415	TRẦN NGỌC TƯỜNG	VY	03/10/04	NT22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: International Market Penetration Strategy (IB310DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 2052
Giảng viên: Ngô Đình Đệ
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 15g30
Phòng thi: Phòng 010 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22205827	NGUYỄN LÊ	ANH	17/12/02	NT22111			
2	22205611	NGUYỄN GIA	BẢO	22/11/04	NT22111			
3	22206154	HUYỀN NGUYỄN QUÍ	ĐÔNG	25/02/04	NT22111			
4	22207147	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	21/11/02	NT22111			
5	22200447	NGUYỄN HÀ GIA	KHIÊM	17/05/04	NT22111			
6	22200036	ĐẶNG ĐẶNG	KHOA	21/02/02	NT22111			
7	22206227	NGUYỄN DUY	KHÔI	30/01/04	NT22111			
8	22206046	PHẠM NGUYỄN THẢO	MY	27/10/04	NT22111			
9	22205913	LƯU PHƯƠNG	NHI	28/07/04	NT22111			
10	22204599	ĐỖ THỊ MỸ	TÂM	10/01/04	NT22111			
11	22206206	PHAN THƯỢNG	THUẬN	26/03/04	NT22111			
12	22205489	LÊ MINH	TUẤN	28/12/04	NT22111			
13	22206285	VÕ NGỌC TƯỜNG	VI	14/09/04	NT22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Hệ quản trị Cơ sở Dữ liệu (IT202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1601
Giảng viên: Đặng Thanh Linh Phú
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 106 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22002526	TRƯƠNG TRƯỜNG	AN	22/10/01	PM20111			Cấm thi
2	22001141	TỔNG NGUYỄN HOÀI	ÂN	23/09/02	QL20111			
3	22402985	NGUYỄN QUỐC	BẢO	05/04/02	QL24111			
4	22011781	ĐẶNG	DUY	01/02/02	QL20111			
5	22116183	LÊ QUỐC	DUY	21/05/03	QL21111			
6	22140149	HUYỀN HẢI	ĐẶNG	03/11/01	HQ21111			
7	22118945	PHẠM HOÀNG	GIANG	15/11/03	QL21111			
8	22206732	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	11/11/04	PM22111			
9	22111585	CAO ĐÌNH	HIẾU	30/06/03	QL21111			
10	22503278	ĐẶNG HOÀNG GIA	HUY	29/09/02	QL25111			
11	22003730	NGUYỄN QUỐC	HUY	28/01/02	QL20111			Cấm thi
12	22200068	TRẦN BẢO	HUY	24/07/99	QL22111			
13	22207209	VŨ NGUYỄN ĐẶNG	KHOA	05/11/04	QL22111			Cấm thi
14	22202525	TRẦN THỊ PHƯƠNG	LINH	13/01/04	QL22111			
15	22006412	PHẠM LƯU NGỌC	MINH	28/11/02	HQ20111			
16	22206617	NGUYỄN ĐẶNG SONG	NGÂN	18/08/04	QL22111			
17	22206025	NGUYỄN MINH	PHÚC	03/08/04	QL22111			
18	22207328	TRẦN MINH	QUÂN	17/02/04	QL22111			
19	22207167	TRẦN QUỐC	THÁI	09/10/04	AI22111			
20	22205903	NGUYỄN TRUNG	THÀNH	13/03/04	QL22111			
21	22206765	NGUYỄN TRẦN	TOÀN	18/09/04	QL22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Marketing Channels Management (MK305DE02) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1239
Giảng viên: Trương Quang Cẩm
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 013 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500291	BEAUFILS	JUSTINE	02/09/03	QT225			
2	2192173	ĐẶNG VÕ DUY	ANH	21/04/01	MK19111			
3	22205918	NGÔ THỊ KHẢ	ÁI	16/02/04	MK22111			
4	22200351	NGUYỄN NGỌC THANH	CHÂU	20/05/04	MK22111			
5	22206088	PHẠM HOÀNG	DÌN	01/03/04	MK22111			
6	22205920	NGUYỄN HẢI	ĐẶNG	10/05/04	MK22111			
7	22206962	TRẦN THỊ BÍCH	NGỌC	31/05/04	MK22111			
8	22207413	NGUYỄN TƯ HOÀNG	NHI	18/10/04	MK22111			
9	22205950	PHẠM THỊ ÁI	NHƯ	30/06/04	MK22111			
10	2198887	NGUYỄN THỊ DIỄM	PHÚC	24/12/01	MK19112			
11	22205906	NGUYỄN MAI	PHƯƠNG	22/05/04	MK22111			
12	22201695	NGUYỄN THÀNH	TÀI	28/02/04	MK22111			
13	22206185	TẶNG MINH	TÂM	12/03/04	MK22111			
14	22201143	TRẦN NHẬT	THĂNG	13/12/04	MK22111			
15	22206967	HỒ PHƯƠNG	THỦY	15/11/04	MK22111			
16	22206039	HOÀNG MINH	THƯ	28/04/04	MK22111			
17	22206957	NGUYỄN TRẦN ANH	THƯ	24/09/04	MK22111			
18	22206263	PHẠM THỊ ANH	THƯ	27/12/03	MK22111			
19	22204143	LƯƠNG TRẦN MỸ	TIẾN	25/02/04	MK22111			
20	22204966	NGUYỄN CÔNG	TOÀN	21/09/00	MK22111			
21	22205215	ĐOÀN THỊ THIỀN	TRANG	18/12/04	MK22111			
22	22205387	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	05/11/04	MK22111			
23	22207440	NGUYỄN CHÂU HUYỀN	TRINH	01/06/04	MK22111			
24	22207087	TRẦN ĐẶNG DIỄM	TRINH	04/04/04	MK22111			
25	22200185	PHẠM HOÀNG BẢO	UYÊN	01/08/04	MK22111			
26	22201089	NGUYỄN PHÚC	VINH	25/02/04	MK22111			
27	22207128	NGUYỄN PHƯƠNG BẢO	VY	26/12/04	MK22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Quản trị Marketing (MK309DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1717
Giảng viên: Lê Anh Chung
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 012 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22108473	TRƯƠNG NGỌC QUỐC	AN	01/06/03	MK21111			
2	22105697	NGUYỄN HỒNG	CHƯƠNG	27/12/03	MK21111			
3	22116868	NGUYỄN BẢO	DUY	31/08/03	MK21111			
4	22123069	NGUYỄN THỊ NGỌC	HIỀN	04/08/03	MK21111			
5	22116820	PHẠM LÊ KIM	HIỀN	28/11/03	MK21111			
6	22102204	NGUYỄN PHÁT	HUY	19/09/03	MK21111			
7	22110694	HỒ THỊ XUÂN	LAM	17/08/03	MK21111			
8	22123157	ĐÀO PHẠM ÁI	MY	29/11/03	MK21111			
9	22106288	HỒ LÊ YẾN	NGÂN	06/10/03	MK21111			
10	22115944	PHÙNG ĐÌNH KHÁNH	NHƯ	21/12/03	MK21111			
11	22006965	ÂU DƯƠNG CẨM	THANH	29/11/02	MK20111			
12	22110185	TRẦN DƯƠNG QUỐC	THANH	22/06/03	MK21111			
13	22115199	LÊ NHƯ QUỐC	THÁI	28/09/03	MK21111			
14	22108182	BÙI MINH	THÀNH	31/01/03	MK21111			
15	22104754	LÊ SONG	THƯƠNG	02/06/03	MK21111			
16	22117370	TRƯƠNG THÁI THỰC	TRINH	10/03/03	MK21111			
17	22114626	HUỲNH THANH	TUYỀN	10/03/03	MK21111			
18	22014558	NGUYỄN VĂN	TÚ	27/11/02	MK20111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Phân tích dữ liệu Marketing điện tử (MK410DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1729
Giảng viên: Hồng Quý
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 049 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22207216	HUỲNH TRẦN TÚ	ANH	10/08/04	DM22111			
2	22122812	LÊ VŨ HOÀNG	ANH	17/06/02	DM21111			
3	22201241	NGÔ QUỲNH	ANH	14/09/04	DM22111			
4	22102620	PHÙNG QUỐC	BẢO	30/07/03	DM21111			
5	22205535	TRẦN QUỲNH	CHI	05/08/04	DM22111			
6	22204861	TỪ VĂN ANH	CHƯƠNG	08/12/01	DM22111			
7	22112882	NGUYỄN THÀNH	DANH	05/06/03	DM21111			
8	22122623	NGUYỄN AN	DUY	10/08/02	DM21111			
9	22201777	NGUYỄN THANH	DUY	15/06/04	DM22111			
10	22206414	NINH CHÍ	ĐẠT	10/10/04	DM22111			
11	22014476	NGUYỄN NGỌC HẢI	ĐÔNG	21/11/02	DM20111			
12	22205648	LÊ KHÁ	HÂN	25/02/04	DM22111			
13	22206738	TRẦN NGỌC	HÂN	21/09/04	DM22111			
14	22207369	PHẠM THỊ MINH	HUYỀN	02/05/04	DM22111			
15	22206450	LÊ PHÚC	KHANG	11/09/04	DM22111			
16	22205525	NGUYỄN QUÂN	KỶ	02/03/04	DM22111			
17	22206572	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	18/05/03	DM22111			
18	22200455	VAN GIA	LINH	26/10/04	DM22111			
19	22206209	NGUYỄN DANH	LONG	25/08/04	DM22111			
20	22205009	TRƯƠNG BÍCH	NGỌC	01/02/01	DM22111			
21	22206463	LÊ NGỌC	PHÁT	08/02/02	DM22111			
22	22114425	TRẦN PHẠM MINH	PHÁT	21/03/03	DM21111			
23	22203261	LƯU KỶ	QUÂN	09/08/04	DM22111			
24	22100884	TRẦN VĂN THÀNH	QUÂN	15/10/03	DM21111			
25	22205647	NGUYỄN LÊ GIA	QUÍ	01/01/04	DM22111			
26	22207204	LƯU THÁI	THÀNH	04/03/03	DM22111			
27	22003560	NGUYỄN HOÀNG MINH	THÔNG	11/11/02	DM20111			
28	22203164	NGUYỄN VÕ MINH	THY	02/10/04	DM22111			
29	22116954	THIỆU QUANG	TRƯỜNG	20/06/03	DM21111			
30	22140016	LÊ CHÂU THANH	TÚ	16/02/03	DM21111			
31	22114933	ĐOÀN NGUYỄN NGỌC	VY	27/12/03	DM21111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Nhập môn Lập trình (SW101DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1823
Giảng viên: Dương Tố Hương
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 105 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22206051	MAI THẠCH	ANH	19/11/04	QL22111			
2	22011657	VÕ VIỆT	ANH	29/09/02	HQ20111			
3	22113996	NGUYỄN MINH QUỐC	BẢO	10/06/03	PM21111			
4	22002533	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	17/10/01	PM20111			
5	22205826	TRƯƠNG VĂN	HUY	13/03/04	QL22111			
6	22205840	NGUYỄN PHẠM QUỐC	HÙNG	16/07/04	QL22111			
7	22205932	BÙI DUY	KHANG	28/11/04	QL22111			
8	22204689	NGUYỄN VĂN	KHANG	05/03/04	QL22111			
9	22206176	LÂM XÊ	KHOA	27/10/04	QL22111			
10	22204882	LÊ ĐĂNG	KHOA	25/11/01	QL22111			
11	22500193	NGUYỄN DƯƠNG	KHÔI	31/05/05	QL25111			Cấm thi
12	22205603	NGUYỄN TRẦN ĐÌNH	KHÔI	17/05/04	QL22111			
13	22205562	PHẠM DƯƠNG NHẬT	LÂM	19/06/04	QL22111			
14	22140153	NGUYỄN QUANG	MINH	20/01/03	PM21111			
15	22400853	LÊ QUỐC	NAM	30/01/06	QL24111			
16	22011118	PHẠM TRẦN GIA	NGHĨA	01/01/02	PM20111			Cấm thi
17	22200876	TRẦN SƠN	NGUYỄN	27/10/04	QL22111			
18	22503676	NGUYỄN TRẦN THANH	NHI	15/07/04	PM25111			
19	22102113	TRƯƠNG VINH	PHONG	25/12/03	PM21111			
20	22206823	HOÀNG VĂN BẢO	THÁI	02/08/04	QL22111			
21	22301137	LÊ MINH	THÁI	20/02/05	QL23111			
22	22200430	ĐẶNG NHỰT	TRƯỜNG	11/02/04	QL22111			
23	22201680	TRỊNH HUỖNH NGỌC	TUẤN	11/07/04	QL22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Finance in Multi-national Corporation (TC419DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1327
Giảng viên: Phạm Nhật Bảo Quyền
Ngày thi: 29/12/2025
Giờ thi: 15g30
Phòng thi: Phòng 007 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500305	LE GUERN	AGATHE	15/02/05	QT225			
2	22500306	DUFER	MORGANE	20/08/05	QT225			
3	22122672	PHẠM NGUYỄN PHÚC	ANH	06/03/03	KT21121			
4	22206289	TRẦN ANH	ĐÀO	18/10/04	TC22111			
5	22205898	LÊ TRẦN BẢO	HÂN	22/05/04	TC22111			
6	22114428	TRẦN ĐÌNH	HOÀNG	20/06/03	TC21111			
7	22200742	PHAN NGUYỄN NHẬT	LINH	21/01/04	KN22111			
8	22200287	VŨ PHẠM HỒNG	LOAN	17/08/03	KN22111			
9	22207463	VIÊN THỊ THẢO	MY	15/01/04	KN22111			
10	2194126	LÊ BẢO	NGÂN	10/01/01	KT19111			
11	22011769	TRẦN THỊ THANH	NGÂN	14/01/02	TC20111			
12	22204283	LƯU THỊ MINH	PHƯƠNG	15/10/04	TC22111			
13	22200247	UÔNG VŨ HOÀNG	PHƯƠNG	12/07/04	KN22111			
14	22206698	LÊ THỊ TRÚC	QUYÊN	08/03/04	KN22111			
15	22205333	TRẦN KIM	THANH	04/06/04	TC22111			
16	22207571	NGUYỄN DANH	THÁI	07/12/04	TC22111			
17	22205921	NGÔ THỊ KIM	THỨ	15/01/04	TC22111			
18	22203947	TRẦN THỊ ANH	THỨ	07/06/04	TC22111			
19	22006873	NGUYỄN HOÀN MỸ	TRẦN	23/01/02	GF20121			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Practical Artificial Intelligence Programming (AI402DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1013
Giảng viên: Phan Hồng Trung
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 08g00
Phòng thi: Phòng 117 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22206246	PHAN PHÚC	AN	27/09/02	QL22111			
2	22204606	LÊ QUANG	ANH	28/03/00	QL22111			
3	22200363	NGUYỄN HOÀNG LAM	ANH	17/06/04	PM22111			
4	22206265	NGUYỄN PHƯƠNG	BÌNH	29/01/04	QL22111			
5	22204687	GIANG QUỐC	BỬU	04/08/04	PM22111			
6	22207278	ĐÌNH NGỌC	DÌNH	29/02/04	QL22111			
7	22200498	HỒ NGUYỄN HẢI	DƯƠNG	05/02/00	QL22111			
8	22108002	LÊ THỊ THÙY	DƯƠNG	09/07/03	PM21111			
9	22206513	HỒ KHÁNH	ĐĂNG	07/11/04	PM22111			
10	22200212	LÊ ĐĂNG NGUYỄN MINH	HẢI	17/06/01	PM22111			
11	22203643	TRỊNH Tú	HẢO	04/08/04	QL22111			
12	22202147	NGUYỄN HUY	HOÀNG	16/05/04	QL22111			
13	22206501	NGUYỄN TRỊNH TRẦN	HUY	11/11/96	QL22111			
14	22207191	HỨA QUỐC	KHÁNH	30/01/04	QL22111			
15	22114833	BÙI ĐỨC ĐĂNG	KHOA	21/04/03	PM21111			Cấm thi
16	22205783	HÀ TUẤN	KIỆT	27/09/04	PM22111			
17	22205772	NGUYỄN HOÀNG QUANG	KIỆT	19/06/04	QL22111			
18	22206393	NGUYỄN TẤN	LỘC	02/01/04	QL22111			
19	22206409	TRỊNH HỮU	LỢI	12/10/04	PM22111			
20	22206866	HUỲNH CÔNG	MINH	15/07/04	PM22111			
21	22207197	LƯU TIẾN	SANG	06/03/04	QL22111			
22	22206863	TRƯƠNG ĐỊNH	TÂM	05/04/04	QL22111			
23	22204783	ĐẬU MINH	TÂN	23/04/04	QL22111			
24	22206708	ĐIỀN VĂN	THÀNH	29/11/04	PM22111			
25	22206599	DƯƠNG TRẦN DUY	TRƯỜNG	02/10/04	QL22111			
26	22200244	NGUYỄN TRẦN BẢO	TUẤN	08/10/04	PM22111			
27	22140123	QUAN KỲ	TƯỚC	08/03/03	PM21111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Quản trị Dự án (BA303DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1432
Giảng viên: Đặng Hoàng Minh Quân
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 007 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22114925	NGUYỄN HOÀNG NHƯ	BĂNG	28/03/02	DM21111			
2	22205255	NGUYỄN THÁI	BÌNH	06/04/03	TV22111			Cấm thi
3	22014476	NGUYỄN NGỌC HẢI	ĐÔNG	21/11/02	DM20111			
4	22014680	BÙI CAO THANH	HÀ	28/05/02	TV20111			Cấm thi
5	22012061	TRẦN HOÀNG	HUY	29/05/02	TV20111			
6	22122591	PHẠM TÚ	KIM	13/12/03	DM21111			
7	22107814	NGUYỄN KHÁNH	LINH	07/11/03	TV21111			
8	22116987	VŨ NGỌC	LONG	24/07/03	DM21111			
9	22114441	NGUYỄN HỮU NHẬT	MINH	14/07/03	DM21111			
10	22206648	NGUYỄN NGỌC BÍCH	NGUYỆT	12/11/04	DM22111			
11	22114932	PHAN PHẠM PHƯƠNG	NHƯ	24/10/03	TV21111			
12	22116324	THÁI PHAN THIÊN	PHÚ	14/09/03	TV21111			
13	2191894	VŨ VĂN	QUYẾT	12/05/00	TV19112			Cấm thi
14	22111684	NGUYỄN THÚY	QUỲNH	02/03/03	TV21111			
15	22111395	NGUYỄN THANH	SANG	09/08/03	DM21111			
16	22200750	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	03/11/04	DM22111			
17	22500005	TRẦN NHẬT	TÂN	14/01/02	MK25111			
18	22302493	TRẦN THỊ ANH	THƯ	20/11/03	EM23111			
19	22117102	PHẠM HUYỀN	TRẦN	21/11/03	TV21111			
20	22105736	LÊ PHƯỚC	TRÍ	18/02/03	TV21111			
21	2198265	NGUYỄN TRẦN MINH	TRUNG	05/04/01	TV19111			
22	2193172	PHẠM ANH	TUẤN	04/08/01	TV19111			
23	22010104	HUYỀN TÚ	UYÊN	28/09/02	TV20111			
24	22014963	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG	VY	12/07/02	DM20111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Leadership (BA308DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1104
Giảng viên: Bùi Thị Vân Quỳnh
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 021 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500280	KUSMIERCZYK	ZUZANNA	18/03/05	QT225			
2	22500281	FERENC	MALWINA	16/08/02	QT225			
3	22500282	DECALUWE	GUILLAUME	05/01/02	QT225			
4	22500290	GIRAUD	MATHIAS	13/08/02	QT225			
5	22500295	BOISSONNET-MARQUET	CASSANDRA	03/10/05	QT225			
6	22500304	DUCLOS	JONAH	30/07/05	QT225			
7	22302360	TẮT QUỐC	AN	02/09/05	TV23111			
8	22304078	ĐÀO YẾN	ANH	23/05/04	TV23111			
9	22304107	BÙI THẾ	BẢO	09/06/05	TV23111			Cấm thi
10	22303071	HUYỀN BẢO	DUY	07/04/05	TV23111			
11	22303903	VÕ MAI OANH	ĐÀO	21/12/05	TV23111			
12	22303826	TRẦN NGUYỄN CÁT	ĐẠI	28/04/99	TV23111			
13	22113850	BÙI HỒ HƯƠNG	GIANG	23/11/03	TV21111			Cấm thi
14	22302565	PHẠM NGUYỄN TRẦN	HOÀNG	01/10/05	TV23111			
15	22302410	DU MỸ	HOA	24/02/05	TV23111			
16	22303813	NGUYỄN TRỌNG KHÁNH	HOÀNG	21/09/05	TV23111			
17	22304080	HOÀNG ĐỨC	HUY	16/02/05	TV23111			
18	22303925	TRỊNH THỊ THU	HƯƠNG	19/03/05	TV23111			
19	22304048	HSU CHIH	JYE	01/09/02	TV23111			
20	22302726	HUYỀN DUY	KHA	23/05/05	TV23111			
21	22303825	TRẦN ĐÀM DUY	KHANG	10/09/05	TV23111			
22	22302461	NGUYỄN ANH	KHOA	04/12/05	TV23111			
23	22302518	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	14/01/05	TV23111			
24	22303809	VŨ	KIỆT	21/11/05	TV23111			
25	22302540	TRẦN HOÀNG	LONG	03/05/05	TV23111			
26	22303233	NGUYỄN PHÁT	LỘC	30/01/05	TV23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Leadership (BA308DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1104
Giảng viên: Bùi Thị Vân Quỳnh
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 022 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22303904	TRẦN NGỌC	NGÂN	28/04/05	TV23111			
2	22302327	TRẦN MỸ	NGÂN	04/11/04	TV23111			
3	22302203	NGUYỄN ĐẶNG CHÍ	NGHĨA	10/04/05	TV23111			Cấm thi
4	22303949	VĂN CHẤN	NGHĨA	16/11/03	TV23111			
5	22302566	NGUYỄN VĂN MINH	NHẬT	25/10/05	TV23111			
6	22302459	BÙI NGUYỄN TUYẾT	NHI	03/04/03	TV23111			
7	22302253	NGUYỄN VIỆT ANH	QUÂN	21/05/05	TV23111			
8	22303790	PHẠM NGUYỄN THANH	TÂM	04/05/05	TV23111			
9	22304022	ĐÌNH GIA	THÀNH	27/09/05	TV23111			
10	22302449	HÀ CÔNG	THÀNH	30/01/05	TV23111			Cấm thi
11	22303836	NGUYỄN PHÚ	THỊNH	11/08/05	TV23111			
12	22302416	LÊ PHƯỚC	THÔNG	05/10/05	TV23111			
13	22304083	NGUYỄN THỊ DIỆU	THUY	24/10/05	TV23111			
14	22302559	DƯƠNG TẤN BẢO	THÚY	29/12/05	TV23111			
15	22304075	ĐÌNH NGUYỄN NGỌC	THỨ	28/06/03	TV23111			
16	22303053	NGUYỄN MINH	THỨ	08/06/05	TV23111			
17	22303118	NHÂM VĂN	THỨ	31/10/05	TV23111			
18	22303936	NGUYỄN ANH	TIẾN	12/02/03	TV23111			
19	22303729	TRẦN QUỲNH	TRÂM	04/06/05	TV23111			
20	22303074	DƯƠNG ĐÌNH	TRI	16/08/05	TV23111			
21	22303060	TRẦN CHÍ	TRƯỜNG	20/03/05	TV23111			
22	22302569	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	TUYỀN	13/02/05	TV23111			
23	22303807	NGUYỄN THANH	TUYỀN	05/02/05	TV23111			
24	22303662	NGUYỄN THỤY THỰC	UYÊN	07/04/05	TV23111			
25	22302573	BÙI TƯỜNG	VY	15/01/05	TV23111			
26	22303426	NGUYỄN THUẬN	VY	30/11/05	TV23111			
27	22303209	LÊ HỒNG	YẾN	06/12/05	TV23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Leadership (BA308DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1105
Giảng viên: Lê Tấn Lộc
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 023 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500284	DALIL	YOUNES	25/06/03	QT225			
2	22301360	TRẦN PHƯỚC	AN	21/10/05	TV23111			
3	22301615	HOÀNG TRẦN QUỐC	ANH	27/09/05	TV23111			
4	22301579	HOÀNG TUẤN	ANH	05/01/05	TV23111			
5	22302095	LÊ PHÚC PHƯƠNG	ANH	15/02/05	TV23111			
6	22302140	NGUYỄN DƯƠNG QUỲNH	ANH	05/04/05	TV23111			
7	22301683	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	28/09/05	TV23111			
8	22301486	LÊ HOÀNG	BẢO	26/11/05	TV23111			
9	22300420	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	11/06/05	TV23111			
10	22301950	PHAN THÀNH	ĐẠT	02/09/00	TV23111			
11	22301755	NGHIÊM XUÂN	ĐỨC	05/07/05	TV23111			
12	22302136	HỒNG GIA	HÂN	09/12/05	TV23111			
13	22301398	HỒ HOÀNG	HIỆP	22/08/05	TV23111			
14	22301833	ĐẶNG QUỐC	HUY	27/11/05	TV23111			
15	22301635	PHAN NGUYỄN QUỐC	HUY	01/04/05	TV23111			
16	22301498	NGUYỄN KIỀU DIỄM	HƯƠNG	14/11/05	TV23111			
17	22302076	BÙI TẤN	KHANG	09/09/05	TV23111			
18	22301702	LÊ NGỌC PHƯƠNG	KHÁNH	18/03/05	TV23111			
19	22301483	NGÔ GIA	KHÁNH	17/01/05	TV23111			
20	22206383	HOÀNG ĐĂNG	KHOA	19/09/04	NL22111			
21	22301706	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	24/04/05	TV23111			
22	22301506	HUYỀN VĂN TRUNG	KIẾN	08/08/05	TV23111			
23	22301672	ĐÌNH NGỌC QUỲNH	MY	28/10/05	TV23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Leadership (BA308DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1105
Giảng viên: Lê Tấn Lộc
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 024 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22111957	LÂM TRỌNG	NGHĨA	30/05/03	TV21111			Cấm thi
2	22301561	TÔ KHÁNH	NGỌC	03/11/05	TV23111			
3	22301564	TRẦN THỊ QUỲNH	NHƯ	15/10/05	TV23111			
4	22301671	NGUYỄN HOÀNG	PHÚ	16/11/05	TV23111			
5	22301541	LÊ THANH	QUANG	23/03/05	TV23111			
6	22301575	TRẦN ĐÌNH BẢO	QUỐC	17/01/05	TV23111			
7	22301383	TRẦN LÊ TRÚC	QUỲNH	30/06/05	TV23111			Cấm thi
8	22301315	NGÔ LÊ HỒNG	TÂM	08/12/05	TV23111			
9	22301847	PHAN NGUYỄN THANH	THẢO	28/03/05	TV23111			
10	22301716	TIỀN MINH	THẢO	18/07/05	TV23111			
11	22301752	LẠI ĐỨC	THẮNG	26/01/04	TV23111			
12	22301674	NGUYỄN NĂNG MINH	THẮNG	22/04/05	TV23111			
13	22301353	BÙI DUY	THỊNH	25/12/00	TV23111			
14	22301824	CAO DƯƠNG GIA	THỊNH	07/12/03	TV23111			
15	22301414	PHẠM HIẾU	THUẬN	21/10/05	TV23111			
16	22301866	NGÔ GIA CÁT	TIỀN	20/06/05	TV23111			
17	22302148	MAI TRẦN THỊ BÍCH	TRÂM	25/10/03	TV23111			
18	22301223	TRẦN THỊ TÚ	UYÊN	05/10/05	TV23111			
19	22301743	VÕ PHAN CẨM	VÂN	11/07/05	TV23111			
20	22301436	ÂN HOÀNG	VY	24/04/05	TV23111			
21	22301382	LIÊU TRẦN NHẬT	VY	16/09/05	TV23111			
22	22301580	NGUYỄN XUÂN HOÀI	VY	15/06/05	TV23111			
23	22301977	LÊ THANH TRIỆU	VỸ	10/12/05	TV23111			
24	22301526	PHẠM NGUYỄN THANH	XUÂN	24/04/05	TV23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Leadership (BA308DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0300 – Số hiệu lớp: 1106
Giảng viên: Lê Tấn Lộc
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 044 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500301	LE DREFF	ALEX	13/03/03	QT225			
2	22500302	LEBRUN-GROS	LOUIS	08/11/05	QT225			
3	22014648	ĐINH HOÀNG LAN	ANH	08/01/02	TV20111			
4	22304087	TRƯƠNG QUỐC	CƯƠNG	29/03/01	TV23111			
5	22008580	MAI NGUYỄN CAO KỲ	DUYÊN	18/08/02	TV20111			
6	22300685	TRẦN NGUYỄN ANH	DŨNG	30/08/05	TV23111			
7	22301149	DƯƠNG MỸ	ĐÌNH	06/07/05	TV23111			
8	22300848	VŨ VĂN	ĐỘ	28/11/05	TV23111			
9	22300510	TRƯƠNG ANH	ĐỨC	21/11/05	TV23111			
10	22200313	TRẦN MINH	HÀO	21/07/04	TV22111			
11	22003790	NGÔ THANH	HẢI	31/03/02	NL20111			
12	22301167	TRẦN TRÍ	HẢI	10/08/05	TV23111			
13	22301095	LÃ ĐỨC	HIỆU	13/06/05	TV23111			
14	22013989	NGUYỄN MINH	HIỆU	06/04/02	TV20111			
15	22300799	HUỲNH VINH	KHANG	04/01/05	TV23111			
16	22300585	NGUYỄN DUY	KHANG	18/09/05	TV23111			
17	22300818	PHAN NGUYỄN PHÚC	KHANG	16/03/03	TV23111			
18	22112694	THÂN NGUYỄN VĂN	KHÁNH	05/10/03	TV21111			
19	22101455	HÀ NGUYỄN DUY	KHOA	04/03/03	TV21111			
20	22301222	LÊ CHÍ	LĨNH	11/03/05	TV23111			
21	22301152	CHÂU THÀNH	LONG	03/11/05	TV23111			
22	22200713	NGÔ NGỌC THANH	MINH	11/02/04	TV22111			
23	22300017	TRẦN	NGHĨA	16/01/03	TV23111			Cấm thi
24	22301185	ĐẶNG SỸ	NGUYỄN	03/09/05	TV23111			
25	22300965	HỒ HƯNG	NGUYỄN	12/12/05	TV23111			
26	22300225	NGUYỄN TRƯƠNG THẢO	NHI	11/01/05	TV23111			
27	22200428	LƯU GIA	PHÁT	13/08/04	TV22111			
28	22300506	LÊ HUỲNH TUẤN	PHI	23/05/05	TV23111			
29	22300658	NGUYỄN DUY HOÀNG	PHÚC	06/01/05	TV23111			
30	22300364	HUỲNH NGUYỄN THANH	PHƯƠNG	04/07/03	TV23111			
31	22300793	NGUYỄN THỊ MAI	THANH	01/03/05	TV23111			
32	22205778	TRẦN ĐÌNH	THẮNG	02/12/04	TV22111			
33	22300946	LÊ PHẠM MINH	THUY	07/11/05	TV23111			
34	22115237	HỒ XUÂN NGUYỄN	THỤY	03/12/03	TV21111			
35	22301217	PHẠM MINH	TIẾN	16/08/05	TV23111			
36	22300668	NGUYỄN TRẦN HUYỀN	TRANG	15/08/05	TV23111			
37	22300419	PHAN BẢO	TRUNG	31/01/05	TV23111			
38	22300999	VÕ THỊ MỸ	UYÊN	24/10/03	TV23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Leadership (BA308DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0400 – Số hiệu lớp: 2041
Giảng viên: Nguyễn Ngọc Uyên
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 020 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22014689	LÊ THỊ THÙY	ANH	01/12/02	NL20111			
2	22102218	ĐẶNG TIỂU	BẢO	09/11/03	TV21111			
3	22207099	NGUYỄN QUỐC	BẢO	20/12/03	TV22111			
4	22300218	NGUYỄN THÙY	DUNG	06/09/02	TV23111			
5	22200434	TRẦN NGỌC BẢO	DUY	20/07/04	TV22111			
6	22201987	ĐẶNG HUỲNH CÔNG	ĐÌNH	28/09/04	TV22111			
7	22207726	TRẦN NGUYỄN HUY	HOÀNG	22/09/02	TV22111			
8	2182160	VŨ TIẾN	HOÀNG	30/10/00	TV1811			
9	22300020	BÙI BÌNH MINH	KHUÊ	21/03/03	TV23111			
10	22300358	HUỲNH TUẤN	KIỆT	11/07/04	TV23111			
11	22205530	PHAN MINH	LUÂN	29/08/04	TV22111			
12	22300862	PHẠM HÀ	NGUYỄN	17/11/05	TV23111			
13	22103027	TRẦN GIA	PHÁT	25/04/03	TV21111			
14	22205136	THÔNG TIỂU	PHƯƠNG	16/09/03	TV22111			
15	22108888	TRẦN NGỌC THU	PHƯƠNG	02/11/03	TV21111			
16	22140248	VŨ MINH	QUANG	18/10/00	TV21111			
17	22014611	NGUYỄN VŨ TÚ	QUYÊN	25/02/02	TV20111			
18	22300073	LÊ HỒNG	THÁI	19/01/03	TV23111			
19	22300568	NGUYỄN THỊ THUỖ	TRANG	18/04/03	TV23111			
20	22113881	PHAN NGÔ THANH	TRÀ	20/11/02	NL21111			
21	22300342	TÔ THỊ HUYỀN	TRÂN	17/10/04	TV23111			
22	22207217	ĐÀO QUANG	TUẤN	02/01/04	TV22111			
23	2181574	PHAN MINH	TUẤN	10/01/00	NL1811			
24	22207153	TRẦN ANH	TUẤN	28/01/04	TV22111			
25	2195212	TRẦN QUỲNH GIA	UY	08/11/01	TV19111			
26	22206644	VŨ TRẦN QUỐC	VIỆT	17/07/04	TV22111			
27	2198462	NGUYỄN CÔNG TRƯỜNG	VŨ	13/01/01	TV19111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Laws on E-commerce (BLAW309DE01) – Số tín chỉ: 2.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1109
Giảng viên: Dương Văn Học
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 049 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500286	MOLLEL	MICHELLE	11/12/00	QT225			
2	22207157	NGUYỄN NGỌC	AN	28/05/04	BL22111			
3	22206386	LIÊN THỊ KIM	ANH	13/07/00	BL22111			
4	22205005	NGUYỄN NAM	ANH	24/07/03	BL22111			
5	22122943	NGUYỄN THỊ MINH	ANH	01/11/00	IL21111			
6	22206876	ĐÀO NGUYỄN QUỐC	BẢO	22/10/04	BL22111			
7	22114936	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	DUNG	12/11/03	BL21111			
8	22206874	TRẦN TRỌNG	DUY	02/06/04	BL22111			
9	22204683	LAI TÂM	ĐỨC	27/09/04	BL22111			
10	22206484	PHẠM NGUYỄN HUỲNH	GIANG	28/11/04	BL22111			
11	22207390	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÀ	02/01/04	BL22111			
12	22206660	HOÀNG THỰC KHẢ	HÂN	12/10/04	BL22111			
13	22207201	BÙI NGUYỄN HOÀNG	HUY	26/01/04	BL22111			
14	22205524	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG	HUY	18/10/04	BL22111			
15	22205670	TRẦN THÁI	HƯNG	11/01/04	BL22111			
16	22205420	LÊ QUỲNH	HƯƠNG	03/08/04	BL22111			
17	22206190	NGUYỄN GIA	KIỆT	20/05/04	BL22111			
18	22205675	PHẠM BÙI BẢO	KIÊN	30/05/04	BL22111			
19	22206262	NGUYỄN THỊ KIỀU	LAM	01/05/04	BL22111			
20	22205643	NGUYỄN KHÁNH	LINH	29/10/04	BL22111			
21	22207368	HUỲNH THỊ CẨM	LY	24/10/04	BL22111			
22	22204543	VÕ HỒ XUÂN	MAI	21/05/04	BL22111			
23	22402940	BÙI ANH	MINH	28/03/00	BL24111			
24	22206734	NGUYỄN THỊ YẾN	NGA	07/01/04	BL22111			
25	22114886	PHẠM THỊ BẢO	NGỌC	16/02/03	BL21111			
26	22206562	ĐOÀN ANH THẢO	NGUYỄN	25/04/04	BL22111			
27	22207420	NGUYỄN TÔ CHẤN	PHONG	14/12/03	BL22111			
28	22206243	TRẦN THU	PHƯƠNG	01/03/04	BL22111			
29	22207085	VÕ HÙNG	QUYẾN	14/11/04	BL22111			
30	22206238	LÊ PHƯƠNG	THANH	07/03/04	BL22111			
31	22202625	NGUYỄN LÝ THU	THẢO	08/06/04	BL22111			
32	22206217	PHAN THỊ MINH	THỨ	07/09/01	BL22111			
33	22207138	VÕ NGỌC ANH	THỨ	12/03/04	BL22111			
34	22205870	VÕ VĂN	TOÀN	17/01/04	BL22111			
35	22206385	TRẦN THỊ MINH	TRANG	28/09/98	BL22111			
36	22205509	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG	UYÊN	01/11/04	BL22111			
37	22206236	TRẦN LINH THỰC	UYÊN	17/03/02	BL22111			
38	22207271	TRỊNH NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	25/04/04	BL22111			
39	22206580	VŨ PHƯƠNG	VI	06/07/04	BL22111			
40	22204710	BẠCH THẢO	VY	09/04/04	BL22111			
41	22205101	DƯƠNG TRIỆU	VY	19/04/04	BL22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Digital Media (DM305DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1125
Giảng viên: Trần Thị Mỹ Hạnh
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 003 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500303	MABOU NGUEMBEU	YOLENE	01/05/04	QT225			
2	22300251	HÀ QUỲNH	ANH	24/09/05	DM23111			
3	22301531	NGUYỄN NGỌC HOÀNG	ANH	01/06/05	DM23111			
4	22301489	TRẦN TUẤN	ANH	04/05/05	DM23111			
5	22300810	NGUYỄN GIA	ĐẠT	10/04/05	DM23111			
6	22301458	TRẦN HUỲNH TỨ	HẢI	30/06/05	DM23111			
7	22302174	BÙI HỮU	HIẾU	16/01/05	DM23111			
8	22302168	PHAN THANH	HIỂN	11/01/05	DM23111			
9	22301955	ĐINH MỸ	HOA	20/07/05	DM23111			
10	22301855	ĐINH HUY	HOÀNG	02/02/04	DM23111			
11	22207705	PHAN THÀNH	KHANG	08/05/03	MK22111			
12	22301764	ĐỖ QUỐC	KHẢI	30/10/05	DM23111			
13	22301470	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	29/06/05	DM23111			
14	22202839	PHẠM BÙI TRÚC	LINH	21/10/04	MK22111			
15	22301471	QUÁCH QUÝ	LONG	05/11/05	DM23111			
16	22301817	ĐOÀN THỊ KIM	LỘC	11/06/05	DM23111			
17	22301618	BÙI TRIỆU TRIỆU	MÃN	26/01/05	DM23111			
18	22301790	NGUYỄN BẢO DUY	MINH	03/08/05	DM23111			
19	22203184	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	MINH	04/12/04	MK22111			
20	22301770	ĐINH GIA	NGHI	06/01/05	DM23111			
21	22301888	NGUYỄN MINH	NGỌC	19/04/05	DM23111			
22	22301745	NGUYỄN PHƯƠNG	NGỌC	28/07/05	DM23111			
23	22301325	LÊ HOÀNG KIM	NGUYỄN	30/04/05	DM23111			
24	22301897	PHẠM NGỌC DƯƠNG	NHÂN	31/10/05	DM23111			
25	22301916	ĐOÀN THANH THẢO	NHƯ	07/08/05	DM23111			
26	22301437	TRẦN THỊ TUYẾT	NHƯ	25/03/05	DM23111			
27	22301865	NGUYỄN TRƯỜNG	PHÁT	10/04/05	DM23111			
28	22301512	HỒ ĐẠI	QUANG	09/12/04	DM23111			
29	22300691	NGUYỄN HỒNG	QUÂN	22/07/05	DM23111			
30	22301600	NGÔ VŨ NHƯ	QUỲNH	22/04/05	DM23111			
31	22301359	NGÔ THANH	SANG	09/06/05	DM23111			Cấm thi
32	22301652	TẠ DUY	TÂN	12/12/05	DM23111			
33	22302134	HOÀNG PHƯƠNG	THẢO	30/03/05	DM23111			
34	22206499	NGUYỄN ĐẶNG BẢO	THI	08/07/04	MK22111			
35	22301806	PHẠM NGỌC	THIỆN	27/12/05	DM23111			Cấm thi
36	22301545	LƯU NGUYỄN HÒA	THUẬN	05/06/05	DM23111			
37	22204868	DƯƠNG THỊ MINH	THƯ	12/10/04	MK22111			
38	22301707	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	19/10/05	DM23111			
39	22400528	PHẠM HOÀNG MINH	THƯ	09/03/05	DM24111			
40	22206188	LÊ THỊ NGỌC	THY	16/06/04	MK22111			
41	22301859	TRẦN THỊ THANH	TÚ	20/11/05	DM23111			

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
42	22206961	NGÔ CAO TƯỜNG	VY	18/08/04	MK22111			
43	22301943	NGUYỄN THỊ NGỌC	YẾN	22/04/05	DM23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Digital Media (DM305DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1126
Giảng viên: Nguyễn Vũ Diệu Linh
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 005 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22206187	VÕ THỊ NGỌC	ÁNH	16/12/04	MK22111			
2	22300593	VŨ MINH	BÁCH	18/11/05	DM23111			
3	22112882	NGUYỄN THÀNH	DANH	05/06/03	DM21111			
4	22300605	NGUYỄN NGỌC	DIỆU	06/03/05	DM23111			
5	22140048	NGUYỄN HOÀNG	DŨNG	26/09/03	DM21111			
6	22300823	LÊ TRIỀU	DƯƠNG	14/02/05	DM23111			
7	22105924	NGUYỄN QUANG	ĐẠO	12/03/03	DM21111			
8	22300369	KIỀU NGUYỄN MINH	ĐỨC	01/06/05	DM23111			
9	22300508	PHẠM NGUYỄN CHÂU	GIANG	01/08/05	DM23111			
10	22300566	HUYNH NHẬT	HÀO	31/05/05	DM23111			Cấm thi
11	22301003	LÊ ANH	HUY	26/08/05	DM23111			
12	22117005	NGUYỄN QUANG	HUY	30/12/02	DM21111			Cấm thi
13	22301178	TRẦN CHẤN	HUY	12/12/05	DM23111			
14	22300650	BÙI THỊ MỸ	HUYỀN	24/03/05	DM23111			
15	22300194	TRẦN NGỌC LAM	HUYỀN	29/11/05	DM23111			
16	22301704	NGUYỄN HOÀNG	HỮU	02/08/05	DM23111			
17	22300440	TRƯƠNG PHÚ	KHANG	29/12/05	DM23111			
18	22300927	NGUYỄN NGỌC	KHẢI	11/04/05	DM23111			
19	22300602	NGUYỄN LÊ THANH	MAI	23/02/05	DM23111			
20	22300116	VŨ NGUYỄN HOÀI	MY	26/09/00	DM23111			
21	22301050	PHÙNG HẢI	NAM	26/02/05	DM23111			
22	22300421	LÂM NGUYỄN GIA	NGHI	17/04/05	DM23111			
23	22303122	TRẦN NGUYỄN BÍCH	NGỌC	12/11/05	DM23111			
24	22300755	ĐỖ VŨ UYÊN	NHI	10/05/03	DM23111			
25	22300426	NGUYỄN NGỌC YẾN	NHI	05/04/05	DM23111			
26	22300961	QUÁCH KHẢ	NHI	27/02/05	DM23111			
27	22301121	LÊ TRỊNH UYÊN	NI	24/06/05	DM23111			
28	22114425	TRẦN PHẠM MINH	PHÁT	21/03/03	DM21111			
29	22301255	HOÀNG THIÊN	PHÚC	14/02/03	DM23111			
30	22200401	NGUYỄN ĐÌNH BẢO	QUANG	04/01/04	TT22111			
31	22300943	ĐỖ GIA	QUYÊN	03/09/05	DM23111			
32	22301324	DƯƠNG ĐỖ NGỌC	QUYÊN	11/09/03	DM23111			
33	22301148	MÃ HƯƠNG	QUỲNH	22/04/05	DM23111			
34	22300212	TRẦN THỊ LAM	QUỲNH	20/09/05	DM23111			
35	22301289	NGUYỄN PHÚ	SANG	31/08/05	DM23111			
36	22300953	NGUYỄN HÀ	THANH	12/09/05	DM23111			
37	22302830	HỒ TRẦN QUỐC	THÁI	20/06/05	DM23111			
38	22300376	ĐOÀN PHÚC	THỊNH	11/11/05	DM23111			
39	22300855	NGUYỄN MINH	THƯ	23/04/05	DM23111			
40	22401690	HUYNH PHÚC	TIẾN	11/10/05	DM24111			
41	22300188	NGUYỄN NGỌC	TRANG	21/04/05	DM23111			

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
42	22300621	NGUYỄN NGỌC ĐOAN	TRANG	09/08/05	DM23111			
43	22300401	THÁI TRẦN BẢO	TRÂN	05/03/05	DM23111			
44	22301925	CAO NGỌC PHƯƠNG	UYỄN	01/06/05	DM23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Digital Media (DM305DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0300 – Số hiệu lớp: 1127
Giảng viên: Nguyễn Thành Lữ
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 048 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22122812	LÊ VŨ HOÀNG	ANH	17/06/02	DM21111			
2	22303743	NGUYỄN MAI	ANH	29/12/03	DM23111			
3	22205093	NGUYỄN VÂN	ANH	25/04/04	MK22111			
4	22102620	PHÙNG QUỐC	BẢO	30/07/03	DM21111			
5	22303798	NGUYỄN MINH	CHÁNH	14/02/04	DM23111			
6	22100733	LÊ QUANG MINH	CHIẾN	22/08/03	DM21111			
7	22303182	HUỲNH NHẤT THÀNH	ĐẠT	01/12/05	DM23111			
8	22302479	TRẦN QUANG	ĐẠT	15/03/05	DM23111			
9	22302223	HOÀNG VÂN	HẰNG	07/01/05	DM23111			
10	22204842	HUỲNH GIA	HUY	04/06/04	MK22111			
11	22302392	TRỊNH LÊ ĐỨC	HUY	31/08/05	DM23111			
12	22303778	VŨ NHẬT	HUY	05/07/05	DM23111			
13	22302977	NGUYỄN THỊ MỸ	HUYỀN	12/06/05	DM23111			
14	22303872	NGUYỄN HƯƠNG	KHANH	03/02/04	DM23111			
15	22302366	NGUYỄN VĨNH	KHÁNH	07/12/04	DM23111			
16	22303040	NGUYỄN HỮU	KHÔI	14/07/05	DM23111			
17	22303083	HỒ NGUYỄN TUẤN	KIỆT	11/08/04	DM23111			
18	22302447	NGUYỄN MINH	LÂM	04/01/05	DM23111			
19	22303478	NGUYỄN KHÁNH	LINH	30/10/05	DM23111			
20	22303354	NGUYỄN THUỖ	LINH	09/02/05	DM23111			
21	22303701	ĐỖ QUANG	LÝ	04/09/05	DM23111			Cấm thi
22	22206766	VŨ QUỲNH	MAI	30/09/04	MK22111			
23	22302444	NGUYỄN NGỌC	MY	29/04/05	DM23111			
24	22104056	LỤC PHƯƠNG	NGHI	30/10/03	DM21111			
25	22303045	PHAN ĐẶNG PHƯƠNG	NGHI	31/08/05	DM23111			
26	22302463	PHẠM NGUYỄN BẢO	NGHI	02/04/05	DM23111			
27	22206532	TRẦN THỊ NHƯ	NGỌC	29/10/04	MK22111			
28	22303553	GIANG THỊ YẾN	NHI	08/01/05	DM23111			
29	22303019	NGUYỄN Ý	NHI	27/10/05	DM23111			
30	22303716	TRƯƠNG NGỌC YẾN	NHI	30/08/05	DM23111			
31	22303050	NGUYỄN THÀNH	NHỤT	27/06/05	DM23111			
32	22303782	NGUYỄN THỊ XUÂN	NHƯ	08/12/05	DM23111			
33	22303766	PHẠM MAI QUỲNH	NHƯ	21/06/05	DM23111			
34	22303128	NGUYỄN THỊ THANH	PHƯƠNG	17/02/05	DM23111			
35	22303096	TRẦN THÁI THIÊN	QUÂN	08/03/05	DM23111			
36	22303747	ĐẶNG QUỐC	THÁI	28/05/05	DM23111			
37	22303843	DƯƠNG MINH	THUẬN	06/07/05	DM23111			
38	22303823	LÊ NGUYỄN HOÀI	THƯƠNG	06/04/05	DM23111			
39	22122498	CAO NGUYỄN THÀNH	TÍN	22/10/03	DM21111			
40	22302437	CÙ THẢO	VÂN	07/07/05	DM23111			
41	22303261	PHẠM KIỀU	VY	21/06/05	DM23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Digital technology in Global Business (EC203DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1138
Giảng viên: Ngô Minh Trà
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 08g00
Phòng thi: Phòng 019 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22206722	TRẦN ĐẶNG DIỆU	AN	14/03/04	NT22111			
2	22206773	ĐỖ TRẦN ĐIỆP	ANH	14/05/04	NT22111			
3	22206719	TRẦN GIA	BẢO	23/09/04	LG22111			
4	22205893	ĐINH THỊ NGỌC	BÍCH	18/11/04	NT22111			
5	22206746	NGUYỄN XUÂN	DUNG	02/04/04	LG22111			Cấm thi
6	22201524	NGUYỄN TĂNG BẢO	DUY	12/11/04	NT22111			
7	22207467	TRẦN QUANG	ĐẠT	19/11/04	NT22111			
8	22207770	LÊ NHẬT	HUY	21/09/04	NT22111			
9	22207772	TRƯƠNG THỊ KIM	HƯƠNG	24/09/03	NT22111			
10	22207523	ĐỖ HỮU	KHÔI	08/10/04	NT22111			
11	22207242	ĐINH TUẤN	KIỆT	28/08/04	NT22111			Cấm thi
12	22204807	NGUYỄN TRẦN XUÂN	LAN	18/04/04	NT22111			
13	22204711	PHẠM HỒ XUÂN	MAI	15/07/04	NT22111			
14	22207598	LÊ NGUYỄN KIM	NGÂN	08/02/03	NT22111			
15	22200082	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	NGÂN	16/06/02	NT22111			
16	22205468	CHUNG QUẾ	PHỤNG	20/12/04	NT22111			
17	22201330	ĐÀO DUY	QUANG	07/09/04	LG22111			
18	22201802	ĐÀO MINH	QUÂN	16/09/04	EC22111			Cấm thi
19	22207476	ĐÀO TRẦN KHÁNH	QUỲNH	28/10/99	NT22111			
20	22205796	NGUYỄN ĐẶNG KHÁNH	QUỲNH	05/12/04	NT22111			
21	22204599	ĐỖ THỊ MỸ	TÂM	10/01/04	NT22111			
22	22206079	TĂNG NGỌC	VÂN	29/08/04	NT22111			
23	22206658	TRẦN THẾ	VŨ	14/11/04	NT22111			
24	22207415	TRẦN NGỌC TUỜNG	VY	03/10/04	NT22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: E-Commerce Security (EC305DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1139
Giảng viên: Nguyễn Ngọc Tú
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 006 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22205544	LÂM TRẦN NGỌC	CHÂU	23/04/04	EC22111			
2	2193837	TRƯƠNG QUỐC ANH	KHOA	10/03/01	MD19111			
3	22106996	PHẠM TUYẾT	NHI	26/07/03	EC21111			
4	22107629	CHUNG GIA	PHÁT	18/11/03	EC21111			
5	22202296	LÊ HOÀNG	PHÚC	06/01/04	EC22111			
6	22207226	HUỲNH THỊ NHƯ	THỦY	15/12/04	EC22111			
7	22205786	TRẦN NGỌC QUẾ	TRÂN	29/04/04	EC22111			
8	22112022	TRƯƠNG THÙY PHƯƠNG	UYÊN	21/07/03	EC21111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Performance Management (HRM305DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1177
Giảng viên: Nguyễn Ngọc Uyên
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 006 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22200047	NGUYỄN HẢI	AN	26/02/04	NL22111			
2	22114112	NGUYỄN DƯƠNG MINH	ANH	08/09/03	NL21111			
3	22205379	PHAN THANH	BÌNH	07/01/04	NL22111			
4	22002295	VŨ MINH	HOÀNG	13/11/02	NL20111			Cấm thi
5	22111180	NGUYỄN LÂM	KHANG	14/09/03	TLNL21111			
6	22102890	DƯƠNG ANH	KHOA	16/07/03	NL21111			
7	22109687	VŨ NGỌC PHƯƠNG	LINH	15/01/03	NL21111			
8	22204630	NGUYỄN MINH	NHÃ	08/04/04	NL22111			
9	22205462	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	19/04/04	NL22111			
10	22206272	NGUYỄN XUÂN	QUỲNH	20/01/04	NL22111			
11	22107384	ĐỖ DUY	TÂN	19/11/03	NL21111			
12	22204382	ĐÀO THANH	THẢO	21/08/04	NL22111			
13	22206472	NGUYỄN MINH	THỨ	09/08/04	NL22111			
14	22205905	VŨ HẢI	TRIỀU	25/01/04	NL22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Cơ sở Dữ liệu (IT201DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1595
Giảng viên: Đặng Thanh Linh Phú
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 105 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401728	NGUYỄN CHU QUỲNH	ANH	04/05/05	AI24111			
2	22402742	NGUYỄN PHƯỚC MAI	BẢO	30/04/04	AI24111			
3	22403024	VŨ GIA	BẢO	04/12/06	QL24111			
4	22300005	NGUYỄN TẤN	CƯỜNG	13/12/02	QL23111			Cấm thi
5	22400457	LÊ NGUYỄN THÀNH	DANH	07/07/06	PM24111			
6	22400173	NGUYỄN MAI NHẬT	DUY	28/08/06	PM24111			
7	22000212	TRẦN QUANG	DUY	23/06/99	QL20111			Cấm thi
8	22206830	PHẠM PHÚC DUY	ĐĂNG	18/04/04	QL22111			
9	22207102	TRẦN GIA	HÀO	10/10/04	PM22111			
10	22402774	NGUYỄN TUẤN	HẢI	22/05/06	QL24111			
11	22500264	PHAN QUANG	HẢI	21/12/99	PM25111			Cấm thi
12	22402732	BÙI NGỌC	HÂN	12/03/03	AI24111			
13	22102242	MAI MINH	HIỆP	19/08/03	QL21111			
14	22402764	LÊ NGUYỄN XUÂN	HIẾU	10/05/06	QL24111			
15	22400620	BẠCH KHÁNH	HIỀN	15/07/06	AI24111			
16	22400097	LÊ QUANG	HOÀNG	10/01/01	PM24111			Cấm thi
17	22402726	ĐẶNG THÁI	HÒA	25/09/06	QL24111			
18	22402782	NGUYỄN THÁI	HÒA	10/10/06	AI24111			
19	22105739	BÙI TẤN	HUY	22/07/03	QL21111			Cấm thi
20	22400077	NGUYỄN GIA	HUY	06/04/06	PM24111			
21	22118911	NGUYỄN THÀNH	HƯNG	16/09/03	QL21111			Cấm thi
22	22401361	TRẦN KHÁNH	HƯNG	13/01/06	PM24111			
23	22401142	VŨ DOANH	HƯNG	21/04/06	AI24111			
24	22400898	LÊ HOÀNG	KHANG	07/12/06	PM24111			
25	22400640	MẠC MINH	KHANG	08/08/04	AI24111			
26	22206381	NGUYỄN LÂM DƯƠNG	KHANG	12/12/04	PM22111			Cấm thi
27	22403007	TRƯƠNG TUẤN	KHANH	28/11/06	QL24111			
28	22205797	NGUYỄN DUY	KHÁNH	05/05/04	PM22111			
29	22401931	PHẠM MINH	KHÁNH	25/12/06	AI24111			
30	22205401	TRẦN QUANG	KHÁNH	15/11/02	PM22111			Cấm thi
31	22400651	TẠ TRẦN ĐĂNG	KHÔI	23/03/06	AI24111			
32	22400343	ĐỖ NGUYỄN TUẤN	KIỆT	19/07/06	PM24111			
33	22400475	VÕ HUY	LẬP	06/01/06	QL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Cơ sở Dữ liệu (IT201DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1595
Giảng viên: Đặng Thanh Linh Phú
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 110 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402784	NGUYỄN THÀNH	LIÊM	21/11/06	PM24111			
2	22402896	NGUYỄN NGỌC HIẾU	MINH	31/08/06	AI24111			Cấm thi
3	22206095	NGUYỄN TRƯƠNG TRÀ	MY	10/09/04	QL22111			
4	22402900	TRẦN MINH	NAM	26/06/06	PM24111			
5	22400100	VÕ HOÀI	NAM	10/08/95	AI24111			
6	22011118	PHẠM TRẦN GIA	NGHĨA	01/01/02	PM20111			Cấm thi
7	22402806	HUỲNH DUY	PHÁT	14/11/06	AI24111			
8	22402116	NGÔ ĐỖ ĐÌNH	PHÚ	21/09/06	PM24111			
9	22402301	NGUYỄN ĐOÀN	PHÚC	05/04/06	QL24111			
10	22400694	NGUYỄN THIÊN	PHÚC	23/08/06	PM24111			
11	22403050	ĐỖ NGỌC	QUANG	18/06/06	PM24111			
12	22402967	NGUYỄN MINH	QUANG	14/04/06	AI24111			
13	22110739	NGUYỄN THANH	QUANG	02/01/03	QL21111			
14	22402755	LƯU MINH	QUÂN	02/05/06	PM24111			
15	22401862	TRẦN	QUYỀN	26/03/06	PM24111			Cấm thi
16	22102061	PHẠM MINH	TÀI	09/08/03	QL21111			
17	22400588	DƯƠNG NGUYỄN THANH	TÂM	29/08/06	AI24111			
18	22402056	PHẠM NHỰT	TÂN	14/05/06	QL24111			
19	22118831	NGUYỄN XUÂN	TÂY	28/01/03	QL21111			Cấm thi
20	22206823	HOÀNG VĂN BẢO	THÁI	02/08/04	QL22111			
21	22205110	LÊ XUÂN	THÀNH	09/01/04	PM22111			
22	22108420	VÕ MINH	THẮNG	29/12/03	QL21111			Cấm thi
23	22402748	NGUYỄN HOÀNG	THỊNH	21/02/01	AI24111			
24	22123023	LÊ NGUYỄN QUỲNH	THOẠI	30/05/03	QL21111			
25	22403072	PHẠM HOÀNG	THÔNG	21/07/96	PM24111			
26	22204631	PHẠM NGUYỄN GIA	THUẦN	21/11/04	PM22111			
27	22400051	VŨ LIỆT	THUẬN	29/06/03	PM24111			
28	22402743	NGUYỄN HÙNG	TRUNG	27/03/06	PM24111			
29	22403105	VÕ NHỰT	TRUNG	02/05/06	PM24111			
30	22400701	LƯƠNG ANH	TUẤN	18/10/06	PM24111			
31	22401608	DƯƠNG BÙI THÀNH TUẤN	TÚ	28/08/06	AI24111			
32	22403124	LÊ MINH CÁT	TƯỜNG	18/05/06	QL24111			
33	22402745	ĐÀO HUỲNH ANH	VŨ	30/08/06	QL24111			
34	22402883	VÕ HOÀNG UYÊN	VY	10/10/06	AI24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Cơ sở Dữ liệu (IT201DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1598
Giảng viên: Dương Tố Hương
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 111 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400135	NGUYỄN NGỌC MINH	ANH	27/10/06	QL24111			
2	22400956	NGUYỄN QUỐC	ANH	06/11/06	QL24111			
3	22401934	ĐỖ GIA	BẢO	30/05/06	QL24111			Cấm thi
4	22403006	NGUYỄN PHƯƠNG	BẢO	12/05/06	QL24111			
5	22402554	ĐẶNG THÁI	BÌNH	18/07/06	QL24111			Cấm thi
6	22401369	PHẠM NGUYỄN MINH	CHÍ	28/01/06	QL24111			
7	22400823	CHU MẠNH	DANH	27/09/06	QL24111			
8	22401855	LA VĂN	DIỄN	28/05/06	QL24111			
9	22402891	NGUYỄN HẢI	DƯƠNG	26/12/06	QL24111			
10	22402201	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	30/09/06	QL24111			
11	22400911	ĐỖ THÁI HUY	HÀO	12/01/06	QL24111			
12	22401956	NGUYỄN GIA	HÀO	11/04/06	QL24111			Cấm thi
13	22401397	HÀ TRÍ	HẢI	04/04/05	QL24111			
14	22402836	HOÀNG THANH	HẢI	27/07/06	QL24111			
15	22401872	NGUYỄN VÕ	HIỆP	22/11/06	QL24111			
16	22400532	NGUYỄN ĐẮC	HOÀNG	19/03/06	QL24111			
17	22402933	NGÔ ĐỨC	HÒA	08/01/06	QL24111			
18	22400690	NGUYỄN MINH ANH	HUY	15/02/06	PM24111			
19	22401533	PHAN ĐẠT	HUY	21/09/05	QL24111			
20	22400712	TRẦN PHẠM MINH	HUY	13/08/06	QL24111			
21	22401613	NGUYỄN TRẦN	KHA	30/04/06	QL24111			
22	22401928	CHEA TRƯƠNG PHÚC	KHANG	17/07/06	QL24111			
23	22114830	NGUYỄN PHÚC	KHANG	07/07/03	QL21111			
24	22401112	HỨA DUY	KHẢI	18/03/06	QL24111			
25	22204882	LÊ ĐĂNG	KHOA	25/11/01	QL22111			
26	22400598	NGUYỄN PHẠM THÀNH	KHOA	01/08/03	QL24111			
27	22112919	TRẦN HUỲNH ĐĂNG	KHOA	12/09/03	QL21111			
28	22401350	PHẠM ĐÌNH MINH	KHÔI	29/12/06	QL24111			
29	22402890	ĐỖ TUẤN	KIỆT	28/10/06	QL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Cơ sở Dữ liệu (IT201DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1598
Giảng viên: Dương Tố Hương
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 112 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400324	LÂM CHÍ	KIỆT	30/10/06	QL24111			
2	22122981	BÙI NGUYỄN PHI	LONG	10/01/03	PM21111			
3	22402977	THÁI HOÀNG	LONG	30/10/06	QL24111			
4	22402024	TRẦN NGUYỄN CHU	LONG	26/07/06	QL24111			
5	22401297	LAI KIM	MINH	01/11/06	QL24111			
6	22400073	NGÔ HOÀNG BẢO	NGỌC	01/01/06	QL24111			
7	22402023	DƯƠNG PHẠM KHÔI	NGUYỄN	23/06/06	QL24111			Cấm thi
8	22400464	NGUYỄN HOÀNG	NGUYỄN	19/12/05	QL24111			
9	22400877	PHẠM THÀNH	NHÂN	04/07/06	QL24111			
10	22401681	LÊ HOÀNG	NHẬT	03/07/06	QL24111			
11	22401358	LÊ QUANG	NHẬT	02/10/06	QL24111			
12	22503676	NGUYỄN TRẦN THANH	NHI	15/07/04	PM25111			
13	22401699	NGUYỄN PHÚ THÁI	PHONG	10/04/06	QL24111			
14	22401353	QUÁCH THIÊN	PHONG	11/04/06	QL24111			
15	22110905	NGUYỄN ĐẶNG HOÀNG	PHÚC	28/07/03	QL21111			
16	22401698	NGUYỄN LÊ HỒNG	QUÂN	06/12/95	QL24111			
17	22401340	ĐỖ NGỌC	SƠN	23/08/06	QL24111			
18	22401164	HUYỀN TRẦN	TÀI	01/08/06	QL24111			
19	22400939	LÝ TUẤN	TÀI	14/08/06	QL24111			
20	22401270	NGUYỄN MINH	TÀI	17/09/06	QL24111			
21	22402902	ĐOÀN LIÊNG	THÀNH	24/03/06	QL24111			
22	22401590	TRẦN THÁI HỮU	THỊNH	11/02/06	QL24111			
23	22401639	LÊ VĂN	TIẾN	15/11/06	QL24111			
24	22401271	NGUYỄN BÁ	TOÀN	09/01/06	QL24111			
25	22302312	LÊ THÀNH	TRUNG	18/01/05	QL23111			
26	22400935	TRƯƠNG CÔNG	TRÚ	31/08/06	QL24111			
27	22401311	LÊ	TUYỀN	24/04/06	QL24111			
28	22400196	NGUYỄN THANH	TÙNG	28/10/06	QL24111			Cấm thi
29	22401359	NGUYỄN NHÂN	VĂN	04/11/06	QL24111			
30	22401947	NGUYỄN HOÀNG	VIỆT	03/12/06	QL24111			
31	22403166	NGUYỄN LÊ NHƯ	Ý	15/05/06	QL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Cost Information for Decision Making (KT305DE02) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1204
Giảng viên: Phùng Thế Vinh
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 015 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22207392	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	26/01/04	KT22111			
2	22206350	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	20/09/04	KT22111			
3	22207127	LÊ ĐỨC	HUY	23/03/04	KT22111			
4	22111669	CHÂU MỸ	LINH	23/07/03	KT21121			
5	22207729	PHẠM PHI	LONG	30/09/02	KT22111			
6	2194126	LÊ BẢO	NGÂN	10/01/01	KT19111			
7	22300026	BÙI HUY	NHẬT	14/02/02	KT23111			
8	22207637	LÊ MINH	NHẬT	23/04/04	KT22111			
9	22200424	BÙI HOÀNG	PHÚ	04/06/04	KT22111			
10	2193920	CHÂU TIẾN	THÀNH	12/08/01	KT19111			
11	22011436	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRINH	09/03/02	KT20121			
12	22011520	NGUYỄN NGỌC	TUYẾT	24/05/02	KT20111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Seaports management and operate (LG303DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1224
Giảng viên: Đặng Huỳnh Anh Duy
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 015 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22118764	NGUYỄN LÊ MINH	ANH	15/04/03	LG21111			
2	22114356	TRẦN DOÃN THÁI	ANH	14/11/03	LG21111			
3	22205331	HOÀNG ĐỨC GIA	BẢO	15/09/04	LG22111			
4	22012194	HUỲNH TRỌNG	BIÊN	15/12/02	LG20111			
5	22118484	DƯƠNG ANH	DUY	14/08/03	LG21111			
6	22115094	LÊ DUY	HÀO	21/10/03	LG21111			
7	22206662	BÙI THANH	HẢI	15/02/04	LG22111			
8	22118700	NGUYỄN QUỐC	HUY	28/10/03	LG21111			
9	22118699	PHẠM ĐĂNG	HUY	18/10/03	LG21111			
10	22004420	NGUYỄN TẤN BẢO	KHANG	08/12/02	LG20111			
11	22114279	PHAN MAI ĐĂNG	KHOA	26/10/03	LG21111			
12	22011277	NGUYỄN ĐỖ MINH	KHÔI	15/10/02	LG20111			
13	22109598	NGUYỄN HỮU	NGHĨA	04/07/03	LG21111			
14	22114424	VÕ THẾ	SƠN	09/05/03	LG21111			
15	22119178	ĐỖ CAO BẢO	THY	04/12/03	LG21111			
16	22112403	PHẠM NGUYỄN BÁ	TRƯỜNG	27/11/02	LG21111			
17	22003779	NGUYỄN THÁI	VINH	21/08/02	LG20111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: B2B Marketing Management (MK402DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1256
Giảng viên: Phan Minh Tuấn
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 017 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22108473	TRƯƠNG NGỌC QUỐC	AN	01/06/03	MK21111			
2	22202916	PHẠM ĐÀO QUỲNH	ANH	17/11/04	MK22111			
3	22206486	LƯƠNG THÀNH	ĐẠT	30/11/04	MK22111			
4	22205920	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	10/05/04	MK22111			
5	22204054	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	ĐĂNG	20/05/04	MK22111			
6	22119311	SÂM HIẾU	ĐỒNG	19/12/03	EM21111			
7	22116761	VŨ TUẤN ĐĂNG	KHOA	08/11/02	MK21111			
8	22119236	NGUYỄN THỊ THẢO	NHI	08/10/03	EM21111			
9	22101262	ĐINH TRƯƠNG MINH	SƠN	02/07/02	EM21111			Cấm thi
10	22207370	NGUYỄN THÀNH	TÀI	12/06/04	DM22111			
11	22205552	NGÔ NGUYỄN GIA	THIỆN	07/10/04	MK22111			
12	22204722	NGUYỄN MINH	THỐNG	15/01/04	MK22111			
13	22200288	LÊ TRẦN ANH	THƯ	12/10/03	MK22111			
14	22207098	NGUYỄN ANH	THƯ	12/01/04	MK22111			
15	22204838	NGUYỄN ĐOÀN THANH	THƯ	27/06/04	MK22111			
16	22200457	TRẦN NGUYỄN QUỲNH	THƯ	21/02/04	MK22111			
17	22206394	BÙI NGỌC ĐAN	THY	05/05/04	MK22111			
18	22204966	NGUYỄN CÔNG	TOÀN	21/09/00	MK22111			
19	22207505	NGUYỄN THỊ TRIỆU	VY	08/04/03	MK22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Marketing Dịch vụ (MK404DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1726
Giảng viên: Nguyễn Minh Trường
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 010 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22205918	NGÔ THỊ KHẢ	ÁI	16/02/04	MK22111			
2	22105697	NGUYỄN HỒNG	CHƯƠNG	27/12/03	MK21111			
3	22000017	TÔ KHẢI	DÂN	08/05/01	MC20111			
4	22012386	TRẦN NGỌC ANH	DUY	15/05/00	MK20111			Cấm thi
5	22206069	TRẦN NGỌC THẢO	HIỀN	23/05/04	MK22111			
6	22110694	HỒ THỊ XUÂN	LAM	17/08/03	MK21111			
7	22102669	LÊ NGUYỄN	MINH	03/02/03	MK21111			
8	22122482	VÕ HOÀI	NAM	26/06/03	MK21111			
9	22106288	HỒ LÊ YẾN	NGÂN	06/10/03	MK21111			
10	22200314	TRẦN QUỲNH	NHI	30/08/04	MK22111			
11	22400419	LÊ HOÀI	PHƯƠNG	02/03/03	MK24111			
12	22114995	VĂN DI	QUÂN	21/02/03	MK21111			
13	22400033	LÊ THIÊN	THANH	09/12/04	MK24111			
14	22117472	PHẠM HẢI	THANH	27/01/03	MK21111			
15	22100035	LƯU ĐỨC	THẮNG	29/05/02	MK21111			
16	22207203	PHÓ KHÍ BẢO	THIÊN	12/07/04	MK22111			
17	22206967	HỒ PHƯƠNG	THUY	15/11/04	MK22111			
18	22204143	LƯƠNG TRẦN MỸ	TIÊN	25/02/04	MK22111			
19	22114979	NGUYỄN HOÀNG	TUẤN	19/11/03	MK21111			
20	22014558	NGUYỄN VĂN	TÚ	27/11/02	MK20111			
21	22400105	LƯƠNG NGUYỄN THU	UYÊN	20/08/03	MK24111			
22	22206242	NGUYỄN HOÀNG	VŨ	20/12/04	MK22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Pháp 2 (PHAP102DV02) – Số tín chỉ: 4.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1793
Giảng viên: Võ Thị Tâm Phúc
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 043 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22304119	PHẠM KHÁNH	AN	21/06/02	EM23111			
2	22302155	TRẦN NGỌC NGUYỆT	AN	07/03/05	TM23111			
3	22205492	NGUYỄN THIÊN	BẢO	21/05/04	TM22111			
4	22000857	NGUYỄN QUỐC	BÌNH	31/10/02	DL20121			
5	22206452	PHAN KHÁNH	DUY	01/09/04	TM22111			
6	22000106	TRẦN THÁI ANH	DUY	12/07/02	NH20111			Cấm thi
7	22106453	NGUYỄN CAO KỲ	DUYÊN	28/12/03	TATL21111			
8	2184285	NGUYỄN TẤN	ĐẠT	02/04/00	NH1811			
9	22303646	LƯƠNG NHẬT	HẠ	08/06/05	TE23111			
10	22205322	VÒNG VĨNH MỸ	HẰNG	30/04/04	TM22111			
11	22302356	VÕ MINH	KHÔI	23/04/03	TE23111			
12	2191230	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	LINH	12/10/01	KS19111			Cấm thi
13	22010947	HUYỀN PHI	LONG	20/10/02	DL20121			
14	22003376	PHẠM THIÊN	LONG	21/08/02	DL20121			Cấm thi
15	22011123	VÕ THÀNH	LONG	21/12/96	TE20111			
16	22304073	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LY	01/12/02	TE23111			
17	2191124	NGHIÊM PHƯƠNG	NAM	05/01/01	KS19111			
18	22303026	HUYỀN	NGÂN	15/08/05	TM23111			
19	22301156	TRƯƠNG BÍCH	NGỌC	28/09/97	TM23111			
20	22301104	HOÀNG TRẦN MINH	NHẬT	03/10/05	TE23111			
21	22004106	NGUYỄN BIÊN THIÊN	PHÚC	01/08/02	KS20111			
22	2199001	LÊ MINH	QUANG	22/08/00	DL19121			Cấm thi
23	22300205	ĐÀO NHƯ	THẢO	19/07/05	TM23111			
24	22300119	NGUYỄN HÙNG	THẮNG	14/05/05	TM23111			
25	22204739	NGUYỄN THỊ AN	THƠ	06/09/04	TE22111			
26	22301099	NGUYỄN ANH	THỨ	27/07/05	TE23111			
27	22300539	TRẦN NGỌC ANH	THỨ	24/06/05	TM23111			
28	22203035	NGUYỄN THANH	TRÀ	25/11/04	KS22111			
29	2198140	NGUYỄN NGỌC	TRẦN	27/10/01	BP19111			
30	2192329	TỬ TRƯỜNG	TRÍ	07/10/01	NH19111			
31	22003314	PHẠM TRỊNH ANH	TUẤN	07/10/02	KS20111			
32	2198367	LẠI PHƯƠNG	UYÊN	29/11/01	KS19111			Cấm thi
33	22302571	LÊ NGUYỄN BẢO	VIỆT	20/03/05	TM23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Pháp 2 (PHAP102DV02) – Số tín chỉ: 4.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1794
Giảng viên: Võ Thị Tâm Phúc
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 009 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22303130	NGUYỄN THIÊN	BẢO	19/05/05	NH23111			
2	22009670	CAO HOÀNG	CHÂU	25/02/02	DL20121			
3	22101444	LÊ ĐÀI	DƯƠNG	02/02/03	TANT21111			
4	22301388	NGUYỄN QUỐC	ĐẠT	14/12/03	DL23111			
5	22300227	LÊ THANH	HUY	19/01/05	NH23111			
6	22109798	LÊ TRƯỜNG	HUY	27/11/03	NH21111			
7	22300803	BÙI UY	HÙNG	13/10/05	NH23111			
8	2196473	PHẠM TIẾN	HÙNG	04/04/01	BP19111			
9	22302748	TRỊNH PHÚC	KHANG	08/06/04	NH23111			
10	2183780	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	22/11/99	NH1811			Cấm thi
11	22303669	PHAN NGUYỄN NGỌC	KHÔI	08/05/05	NH23111			
12	22303241	NGUYỄN HUỲNH XUÂN	MAI	01/03/05	KS23111			
13	22302510	ĐẶNG LÊ PHƯƠNG	MINH	15/03/05	NH23111			
14	22303965	NGUYỄN THỊ	NHƯỜNG	17/09/95	TE23111			
15	22304018	NGUYỄN NGỌC THÀNH	PHÁT	27/07/05	NH23111			Cấm thi
16	22303044	NGÔ HỒNG	PHÚC	06/03/05	NH23111			
17	22101061	ĐẶNG MINH	TẠO	11/07/03	NH21111			Cấm thi
18	22301020	LÊ THỊ NGỌC	TRÂM	01/10/03	NH23111			
19	22108467	NGUYỄN ĐỨC	TRỌNG	23/08/03	TE21111			
20	22300444	TRẦN ANH MINH	TUẤN	14/10/05	DL23111			
21	2181778	TRẦN TÚ	UYÊN	14/08/00	NH1811			
22	22200396	DƯƠNG UY	VŨ	29/12/04	TE22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Options, Futures and other Derivatives (TC301DE02) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1316
Giảng viên: Nguyễn Minh Triết
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 08g00
Phòng thi: Phòng 008 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500300	DUPLAIX	CASSANDR E	07/10/05	QT225			
2	22112097	LÊ MAI PHƯƠNG	ANH	31/10/03	KN21111			
3	22104232	HỒ THỊ NGỌC	HẰNG	05/07/03	KN21111			
4	2193128	CAO TRẦN DIỆU	LINH	01/01/01	GF19122			
5	2191558	TRẦN NGỌC BẢO	LONG	29/11/99	GF19122			Cấm thi
6	22207463	VIÊN THỊ THẢO	MY	15/01/04	KN22111			
7	22207213	LÊ MINH BẢO	NGỌC	11/01/04	KN22111			
8	22107452	NGUYỄN THANH	NHỰT	17/04/03	KN21111			
9	22200247	UÔNG VŨ HOÀNG	PHƯƠNG	12/07/04	KN22111			
10	2181188	NGUYỄN MINH	QUANG	23/04/00	GF1812			Cấm thi
11	22200218	TRƯƠNG ANH	QUÂN	08/06/00	TC22111			
12	22207640	NGUYỄN ĐÌNH VIỆT	THÁI	19/08/01	KN22111			Cấm thi
13	22203947	TRẦN THỊ ANH	THỨ	07/06/04	TC22111			
14	22001022	NGUYỄN TRỌNG	TÍN	30/12/99	TC20111			
15	22207458	TRẦN XUÂN	TRƯỜNG	12/07/03	TC22111			
16	22204351	NGUYỄN HOÀI TỔ	UYÊN	16/12/02	KN22111			
17	22200014	NGÔ THỊ	VIÊN	19/04/00	KN22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: English Listening and Speaking 2 (ANH102DE03) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1024
Giảng viên: Vũ Thị Hoàng Yến
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 105 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22206850	NGUYỄN MINH	ĐỨC	12/09/04	TM22111			
2	22500090	ĐẶNG KHÁNH	HUYỀN	24/02/06	TA251			
3	22100167	NGUYỄN HOÀNG	KHANG	28/12/01	TM21111			
4	22500021	PHAN THANH THIÊN	KIM	27/04/02	TA251			
5	22500184	LÝ THẢO	NGUYỄN	05/09/91	TA251			
6	22500098	TRẦN THỊ YẾN	NHI	10/03/01	TA251			
7	22011561	NGUYỄN HOÀNG	PHÁT	27/11/02	TM20111			
8	22500181	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	28/10/04	TA251			
9	22207033	NGUYỄN TRẦN TÚ	PHƯƠNG	07/07/04	TE22111			
10	22400017	TRẦN LÊ	THANH	27/11/03	TE24111			
11	22500373	HUỲNH CƯỜNG	THỊNH	10/01/05	TA251			
12	22207508	NGUYỄN ĐÌNH	TÍN	24/07/02	TM22111			
13	22503047	NGUYỄN NGỌC NHƯ	Ý	28/03/07	TA251			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: English Grammar in Use (ANH229DE02) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1034
Giảng viên: Trần Nhật Linh Chi
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 112 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22123004	HUỲNH VÕ XUÂN	ANH	22/02/01	TM21111			
2	22105635	VÕ QUỐC	BẢO	26/07/03	TATL21111			
3	22200279	ĐỖ QUANG	DUY	05/03/04	TE22111			
4	22206293	TRẦN TUẤN	KIỆT	14/12/02	TM22111			
5	22012022	NGUYỄN PHÁT VĨNH	MY	22/02/02	TE20111			Cấm thi
6	22122968	BÙI PHƯƠNG	NGÂN	04/07/03	TE21111			
7	22014133	ĐỖ CAO ÁNH	NHƯ	19/08/02	TE20111			
8	2190132	NGUYỄN CÔNG	THÀNH	06/08/99	TE19112			
9	22115168	TRẦN THANH	THẢO	05/07/00	TM21111			
10	22201739	NGUYỄN HỮU	TOÀN	04/02/04	TM22111			
11	22108485	LÊ DƯƠNG THÀNH	TRUNG	07/12/03	TM21111			
12	22010895	TRẦN MARIA	VÔNGA	10/10/02	TE20111			
13	22007888	PHAN THẢO	VY	02/08/02	TE20111			
14	22140224	TRẦN NGỌC TUỜNG	VY	10/09/02	TE21111			Cấm thi

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Project Management (BA303DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1089
Giảng viên: Hồ Trung Thảo
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 018 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22300593	VŨ MINH	BÁCH	18/11/05	DM23111			
2	22300605	NGUYỄN NGỌC	DIỆU	06/03/05	DM23111			
3	22300823	LÊ TRIỀU	DƯƠNG	14/02/05	DM23111			
4	22300810	NGUYỄN GIA	ĐẠT	10/04/05	DM23111			
5	22300369	KIỀU NGUYỄN MINH	ĐỨC	01/06/05	DM23111			
6	22300508	PHẠM NGUYỄN CHÂU	GIANG	01/08/05	DM23111			
7	22300566	HUỲNH NHẬT	HÀO	31/05/05	DM23111			Cấm thi
8	22301003	LÊ ANH	HUY	26/08/05	DM23111			
9	22301178	TRẦN CHẤN	HUY	12/12/05	DM23111			
10	22300650	BÙI THỊ MỸ	HUYỀN	24/03/05	DM23111			
11	22300194	TRẦN NGỌC LAM	HUYỀN	29/11/05	DM23111			
12	22300440	TRƯƠNG PHÚ	KHANG	29/12/05	DM23111			
13	22300927	NGUYỄN NGỌC	KHẢI	11/04/05	DM23111			
14	22300602	NGUYỄN LÊ THANH	MAI	23/02/05	DM23111			
15	22301050	PHÙNG HẢI	NAM	26/02/05	DM23111			
16	22300421	LÂM NGUYỄN GIA	NGHI	17/04/05	DM23111			
17	22303122	TRẦN NGUYỄN BÍCH	NGỌC	12/11/05	DM23111			
18	22300755	ĐỖ VŨ UYÊN	NHI	10/05/03	DM23111			
19	22300426	NGUYỄN NGỌC YẾN	NHI	05/04/05	DM23111			
20	22300961	QUÁCH KHẢ	NHI	27/02/05	DM23111			
21	22301121	LÊ TRỊNH UYÊN	NI	24/06/05	DM23111			
22	22110863	TRẦN	PHÁT	27/10/03	TV21111			Cấm thi
23	22301255	HOÀNG THIÊN	PHÚC	14/02/03	DM23111			
24	22300943	ĐỖ GIA	QUYÊN	03/09/05	DM23111			
25	22301324	DƯƠNG ĐỖ NGỌC	QUYÊN	11/09/03	DM23111			
26	22301148	MÃ HƯƠNG	QUỲNH	22/04/05	DM23111			
27	22300212	TRẦN THỊ LAM	QUỲNH	20/09/05	DM23111			
28	22301289	NGUYỄN PHÚ	SANG	31/08/05	DM23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Project Management (BA303DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1089
Giảng viên: Hồ Trung Thảo
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 024 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22300953	NGUYỄN HÀ	THANH	12/09/05	DM23111			
2	22205923	BÙI THỊ THANH	THẢO	20/11/04	TV22111			
3	22300376	ĐOÀN PHÚC	THỊNH	11/11/05	DM23111			
4	22300855	NGUYỄN MINH	THỨ	23/04/05	DM23111			
5	22300188	NGUYỄN NGỌC	TRANG	21/04/05	DM23111			
6	22300621	NGUYỄN NGỌC ĐOÀN	TRANG	09/08/05	DM23111			
7	22300401	THÁI TRẦN BẢO	TRẦN	05/03/05	DM23111			
8	22301925	CAO NGỌC PHƯƠNG	UYÊN	01/06/05	DM23111			
9	22302213	TRẦN NHÃ	UYÊN	10/03/05	TC23111			
10	22301576	TRỊNH THỊ DẠ	YẾN	23/10/05	TC23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Project Management (BA303DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1090
Giảng viên: Hồ Trung Thảo
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 009 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500277	NGUYEN	QUYNHAN H	01/09/03	QT225			
2	22301531	NGUYỄN NGỌC HOÀNG	ANH	01/06/05	DM23111			
3	22301489	TRẦN TUẤN	ANH	04/05/05	DM23111			
4	22203859	HUYỀN GIA	BẢO	07/12/04	TV22111			
5	22204482	PHAN TRẦN TIẾN	ĐẠT	14/10/04	TV22111			
6	22301458	TRẦN HUỲNH TỬ	HẢI	30/06/05	DM23111			
7	22302174	BÙI HỮU	HIẾU	16/01/05	DM23111			
8	2199092	NGUYỄN MINH	HIỀN	03/03/01	TV19112			
9	22302168	PHAN THANH	HIỀN	11/01/05	DM23111			
10	22301955	ĐINH MỸ	HOA	20/07/05	DM23111			
11	22301855	ĐINH HUY	HOÀNG	02/02/04	DM23111			
12	22301764	ĐỖ QUỐC	KHẢI	30/10/05	DM23111			
13	22301470	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	29/06/05	DM23111			
14	22301471	QUÁCH QUÝ	LONG	05/11/05	DM23111			
15	22301817	ĐOÀN THỊ KIM	LỘC	11/06/05	DM23111			
16	22301618	BÙI TRIỆU TRIỆU	MÃN	26/01/05	DM23111			
17	22301790	NGUYỄN BẢO DUY	MINH	03/08/05	DM23111			
18	22301770	ĐINH GIA	NGHI	06/01/05	DM23111			
19	22301888	NGUYỄN MINH	NGỌC	19/04/05	DM23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Project Management (BA303DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1090
Giảng viên: Hồ Trung Thảo
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 010 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22301745	NGUYỄN PHƯƠNG	NGỌC	28/07/05	DM23111			
2	22301325	LÊ HOÀNG KIM	NGUYỄN	30/04/05	DM23111			
3	22301897	PHẠM NGỌC DƯƠNG	NHÂN	31/10/05	DM23111			
4	22301916	ĐOÀN THANH THẢO	NHƯ	07/08/05	DM23111			
5	22301437	TRẦN THỊ TUYẾT	NHƯ	25/03/05	DM23111			
6	22301865	NGUYỄN TRƯỜNG	PHÁT	10/04/05	DM23111			
7	22301512	HỒ ĐẠI	QUANG	09/12/04	DM23111			
8	22300691	NGUYỄN HỒNG	QUÂN	22/07/05	DM23111			
9	22301600	NGÔ VŨ NHƯ	QUỲNH	22/04/05	DM23111			
10	22301359	NGÔ THANH	SANG	09/06/05	DM23111			
11	22301652	TẠ DUY	TÂN	12/12/05	DM23111			
12	22300793	NGUYỄN THỊ MAI	THANH	01/03/05	TV23111			
13	22302134	HOÀNG PHƯƠNG	THẢO	30/03/05	DM23111			
14	22301806	PHẠM NGỌC	THIỆN	27/12/05	DM23111			
15	22301545	LƯU NGUYỄN HÒA	THUẬN	05/06/05	DM23111			
16	22301707	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	19/10/05	DM23111			
17	22301859	TRẦN THỊ THANH	TÚ	20/11/05	DM23111			
18	22206725	ĐẶNG PHÚ	VINH	14/04/03	TV22111			
19	22301943	NGUYỄN THỊ NGỌC	YẾN	22/04/05	DM23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Project Management (BA303DE01) – Số tín chỉ: 3.00

Lớp học phần: 0300 – Số hiệu lớp: 1091

Giảng viên: Hồ Trung Thảo

Ngày thi: 30/12/2025

Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 049 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22303743	NGUYỄN MAI	ANH	29/12/03	DM23111			
2	22303798	NGUYỄN MINH	CHÁNH	14/02/04	DM23111			
3	22303182	HUYỀN NHẤT THÀNH	ĐẠT	01/12/05	DM23111			
4	22302479	TRẦN QUANG	ĐẠT	15/03/05	DM23111			
5	22302223	HOÀNG VÂN	HĂNG	07/01/05	DM23111			
6	22302392	TRỊNH LÊ ĐỨC	HUY	31/08/05	DM23111			
7	22303778	VŨ NHẬT	HUY	05/07/05	DM23111			
8	22302977	NGUYỄN THỊ MỸ	HUYỀN	12/06/05	DM23111			
9	22303872	NGUYỄN HƯƠNG	KHANH	03/02/04	DM23111			
10	22302366	NGUYỄN VĨNH	KHÁNH	07/12/04	DM23111			
11	22303040	NGUYỄN HỮU	KHÔI	14/07/05	DM23111			
12	22303083	HỒ NGUYỄN TUẤN	KIỆT	11/08/04	DM23111			
13	22302447	NGUYỄN MINH	LÂM	04/01/05	DM23111			
14	22303478	NGUYỄN KHÁNH	LINH	30/10/05	DM23111			
15	22303354	NGUYỄN THUỖ	LINH	09/02/05	DM23111			
16	22303701	ĐỖ QUANG	LÝ	04/09/05	DM23111			Cấm thi
17	22302444	NGUYỄN NGỌC	MY	29/04/05	DM23111			
18	22303045	PHAN ĐẶNG PHƯƠNG	NGHI	31/08/05	DM23111			
19	22302463	PHẠM NGUYỄN BẢO	NGHI	02/04/05	DM23111			
20	22303553	GIANG THỊ YẾN	NHI	08/01/05	DM23111			
21	22303019	NGUYỄN Ý	NHI	27/10/05	DM23111			
22	22303716	TRƯƠNG NGỌC YẾN	NHI	30/08/05	DM23111			
23	22303050	NGUYỄN THÀNH	NHỤT	27/06/05	DM23111			
24	22303782	NGUYỄN THỊ XUÂN	NHƯ	08/12/05	DM23111			
25	22205768	PHAN NGUYỄN THU	NHƯ	04/10/04	TV22111			
26	22303766	PHẠM MAI QUỲNH	NHƯ	21/06/05	DM23111			
27	22303128	NGUYỄN THỊ THANH	PHƯƠNG	17/02/05	DM23111			
28	22303096	TRẦN THÁI THIÊN	QUÂN	08/03/05	DM23111			
29	22303747	ĐẶNG QUỐC	THÁI	28/05/05	DM23111			
30	22303843	DƯƠNG MINH	THUẬN	06/07/05	DM23111			
31	22300357	NGUYỄN LÊ MINH	THUẬN	07/06/03	TV23111			
32	22303823	LÊ NGUYỄN HOÀI	THƯƠNG	06/04/05	DM23111			
33	22302437	CÙ THẢO	VÂN	07/07/05	DM23111			
34	22207016	TRƯƠNG TRIỀU	VINH	14/03/04	TV22111			
35	22205605	ĐẶNG THỊ LAN	VY	05/02/04	TV22111			
36	22303261	PHẠM KIỀU	VY	21/06/05	DM23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Project Management (BA303DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0400 – Số hiệu lớp: 1092
Giảng viên: Lê Tấn Lộc
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 003 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500276	ZAJAC	QUANGMI NH	16/04/03	QT225			
2	22500290	GIRAUD	MATHIAS	13/08/02	QT225			
3	22302543	HUYỀN LÊ LAN	ANH	30/03/05	FT23111			
4	22302095	LÊ PHÚC PHƯƠNG	ANH	15/02/05	TV23111			
5	22302140	NGUYỄN DƯƠNG QUỲNH	ANH	05/04/05	TV23111			
6	22303485	VĂN ĐỨC	DUY	25/03/05	FT23111			
7	22301950	PHAN THÀNH	ĐẠT	02/09/00	TV23111			
8	22300857	NGUYỄN BẢO	ĐĂNG	28/05/05	FT23111			Cấm thi
9	22303177	ĐĂNG PHƯƠNG	ĐÔNG	07/08/05	FT23111			
10	22301000	TRƯƠNG TUẤN	HÀO	19/09/05	FT23111			
11	22302136	HỒNG GIA	HÂN	09/12/05	TV23111			
12	22303929	HỒ NGỌC QUỐC	HUY	22/09/05	FT23111			
13	22303649	NGUYỄN ĐĂNG	HUY	16/09/02	FT23111			
14	22303690	TRẦN QUỲNH	HƯƠNG	20/11/05	FT23111			
15	22302076	BÙI TẤN	KHANG	09/09/05	TV23111			
16	22206034	BÙI TUẤN	KHANH	23/08/04	TM22111			
17	22303824	MAI NGUYỄN GIA	KHÁNH	13/09/05	FT23111			
18	22301724	PHẠM THỊ KHÁNH	LINH	03/09/05	KT23111			
19	22303882	NGUYỄN VĂN	LONG	01/05/01	FT23111			Cấm thi
20	22303102	TRƯƠNG THỊ TRÚC	LY	11/10/05	FT23111			
21	22302299	ĐĂNG GIA	MINH	11/10/05	FT23111			
22	22302723	NGUYỄN ĐỨC	MINH	20/06/05	FT23111			
23	22302117	SƠN NHẬT	MINH	30/01/05	FT23111			
24	22301829	NGUYỄN TRỊNH KHÔI	NGUYỄN	12/06/05	FT23111			Cấm thi
25	22303942	LÊ THỊ MỸ	NHUNG	08/02/05	FT23111			
26	22301004	ĐÀO THỊ HOÀNG	OANH	23/04/05	FT23111			
27	22300841	NGUYỄN MAI LAN	PHƯƠNG	19/12/05	FT23111			
28	22300743	PHẠM NGUYỄN TRUNG	QUÂN	22/11/05	FT23111			
29	22303889	NGÔ TẤN	TÀI	30/07/03	FT23111			
30	22301344	LÊ HOÀNG MAI	THANH	20/04/05	FT23111			
31	22300534	LÊ PHÚC	THÀNH	03/05/05	FT23111			
32	22303384	PHẠM QUANG	THÀNH	18/04/05	FT23111			
33	22301055	VÕ PHÚ	THỊNH	14/08/05	FT23111			
34	22301423	HUYỀN NGỌC	THƯ	09/12/05	FT23111			
35	22301776	NGUYỄN HOÀNG	THY	23/12/05	FT23111			
36	22301866	NGÔ GIA CÁT	TIỀN	20/06/05	TV23111			
37	22302148	MAI TRẦN THỊ BÍCH	TRÂM	25/10/03	TV23111			
38	22303025	NGUYỄN NGỌC MỸ	TRÂN	10/02/05	FT23111			
39	22301977	LÊ THANH TRIỆU	VỸ	10/12/05	TV23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Project Management (BA303DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0500 – Số hiệu lớp: 1093
Giảng viên: Lê Tấn Lộc
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 043 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500284	DALIL	YOUNES	25/06/03	QT225			
2	22500289	DESUZINGE	ARNAUD	14/06/02	QT225			
3	22301337	NGUYỄN THÁI	AN	06/07/05	KN23111			
4	22001372	TRẦN NGUYỄN HÙNG	ANH	21/11/02	TV20111			
5	21911105	NGUYỄN HOÀI	BẢO	20/02/01	TV19112			
6	22303678	TRƯƠNG THỊ QUỲNH	CHI	14/01/05	KN23111			
7	22301369	DƯƠNG TIẾN	ĐẠT	25/08/05	KN23111			
8	22301811	TRẦN THANH HƯƠNG	GIANG	29/11/05	KN23111			
9	22302104	NGUYỄN THỊ KIM	HẰNG	27/07/05	KN23111			
10	22302973	PHẠM THỊ MỸ	HOÀ	24/02/05	KN23111			
11	22303671	NGUYỄN THỊ THU	HUỆ	25/09/05	KN23111			
12	22301078	NGUYỄN LÊ MINH	KHẢI	10/01/05	KN23111			
13	22303298	MAI SỸ ANH	KHOA	20/09/05	KN23111			
14	22303737	TÔ CẨM	LOAN	23/03/05	KN23111			
15	22301310	HỒ HẢI	MỸ	19/10/04	KN23111			
16	22111957	LÂM TRỌNG	NGHĨA	30/05/03	TV21111			Cấm thi
17	22303436	NGUYỄN THỊ THANH	NHÂN	23/10/05	KN23111			
18	22300973	NGUYỄN HOÀNG YẾN	NHI	21/09/05	KN23111			
19	22303173	TRƯƠNG NGỌC THANH	NHI	18/12/05	KN23111			
20	22301259	LÊ MINH	NHỰT	19/06/05	KN23111			
21	22302391	LƯU TÂM	NHƯ	22/09/05	KN23111			
22	22302199	DƯƠNG NGUYỄN PHƯƠNG	OANH	14/02/05	KN23111			
23	22302138	HUYỀN TẤN	PHÁT	27/07/05	KN23111			
24	22302288	NGUYỄN TẤN	PHÁT	18/03/05	KN23111			
25	22300553	TRẦN HƯNG	PHÚ	17/05/05	KN23111			
26	22303691	HỒ BẢO	PHÚC	14/09/05	KN23111			
27	22303072	NGUYỄN VĂN	PHƯỚC	26/05/05	KN23111			
28	22302132	NGUYỄN ĐÌNH	SƠN	03/04/05	KN23111			
29	22302830	HỒ TRẦN QUỐC	THÁI	20/06/05	DM23111			
30	22301870	DƯƠNG ĐÌNH	THUẬN	03/02/01	DM23111			
31	22105049	HOÀNG THUY MINH	THỨ	16/10/03	TV21111			
32	22205088	LÝ HUỲNH ANH	THỨ	31/05/04	TV22111			
33	22302268	GIÁP HÀ	TRANG	01/09/05	KN23111			
34	22204841	HÀ THỊ KIỀU	TRINH	16/09/03	TV22111			
35	22303057	ĐOÀN THUY	VĂN	17/02/05	KN23111			
36	22300564	NGUYỄN TUYẾT	VY	23/09/04	KN23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Project Management (BA303DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0600 – Số hiệu lớp: 1094
Giảng viên: Lê Tấn Lộc
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 013 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22304078	ĐÀO YẾN	ANH	23/05/04	TV23111			
2	22304107	BÙI THẾ	BẢO	09/06/05	TV23111			
3	22301400	TRẦN THỊ BẢO	CHÂU	28/09/05	KT23111			
4	22301848	NGUYỄN PHẠM MINH	ĐAN	24/08/05	KT23111			
5	22303732	LÊ NGUYỄN MINH	ĐẠT	14/07/05	KT23111			
6	22301872	NGUYỄN NGỌC GIA	HÂN	08/12/05	KT23111			
7	22301617	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	HOA	27/01/05	KT23111			
8	22304080	HOÀNG ĐỨC	HUY	16/02/05	TV23111			
9	22301772	NGUYỄN ĐỨC	HƯNG	17/10/05	KT23111			
10	22303925	TRỊNH THỊ THU	HƯƠNG	19/03/05	TV23111			
11	22304048	HSU CHIH	JYE	01/09/02	TV23111			
12	22303615	NGUYỄN THỊ HỒNG	KHANH	02/01/05	KT23111			
13	22301699	HUỲNH NGỌC THIÊN	KIM	29/01/05	KT23111			
14	22301968	NGUYỄN LÊ THANH	NGÂN	16/09/05	KT23111			
15	22303904	TRẦN NGỌC	NGÂN	28/04/05	TV23111			
16	22402812	BÙI HOÀNG SONG	NGHI	19/10/06	NL24111			
17	22303949	VĂN CHẤN	NGHĨA	16/11/03	TV23111			
18	22304022	ĐINH GIA	THÀNH	27/09/05	TV23111			
19	22304083	NGUYỄN THỊ DIỆU	THUY	24/10/05	TV23111			
20	22304075	ĐINH NGUYỄN NGỌC	THỰ	28/06/03	TV23111			
21	22205942	TRỊNH ANH	THỰ	11/04/04	TV22111			
22	22303936	NGUYỄN ANH	TIẾN	12/02/03	TV23111			
23	22300664	HUỲNH THANH	TRÚC	25/09/05	KT23111			
24	22303807	NGUYỄN THANH	TUYỀN	05/02/05	TV23111			
25	22303112	NGUYỄN NGỌC THANH	VY	02/11/05	KT23111			
26	22303179	NGUYỄN THỊ TRÚC	VY	03/06/05	KT23111			
27	22301179	TRẦN THÚY	VY	11/11/05	KT23111			
28	22206213	PHẠM HOÀNG	YẾN	16/04/04	TV22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Project Management (BA303DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0700 – Số hiệu lớp: 1095
Giảng viên: Nguyễn Thanh Nam
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 005 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22300686	PHẠM NHẬT DUY	AN	21/10/05	MK23111			
2	22300251	HÀ QUỲNH	ANH	24/09/05	DM23111			
3	22300500	NGUYỄN LÊ ĐỨC	ANH	21/10/05	MK23111			
4	22300791	TRẦN QUỐC	ANH	12/12/05	MK23111			
5	22301195	NGUYỄN NGỌC MINH	CHÂU	27/11/05	MK23111			
6	22300784	LÊ ĐẮC	DIỄN	08/08/05	MK23111			
7	22301154	NGUYỄN XUÂN	ĐÀO	08/07/04	MK23111			
8	22300392	PHẠM NGUYỄN ANH	HÀO	03/08/04	MK23111			
9	22300859	BÙI NGỌC	HẢO	04/03/05	MK23111			
10	22301060	LÊ GIA	HUY	29/07/05	MK23111			
11	22300881	NGUYỄN QUỐC	HUY	24/02/05	MK23111			
12	22300851	NINH NHẬT	HUY	17/03/05	MK23111			
13	22300815	VÕ HUỲNH BẢO	HUY	11/10/05	MK23111			
14	22300734	VÕ THIÊN	HƯƠNG	17/06/02	MK23111			
15	22300814	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	06/07/05	MK23111			
16	22301163	ĐẶNG THANH	LONG	16/04/03	MK23111			
17	22303868	TRẦN VĂN NHẬT	LONG	21/09/05	MK23111			
18	22300507	MAI XUÂN TRƯỜNG	MINH	13/06/05	MK23111			
19	22301070	NGUYỄN HỒNG	NGỌC	10/11/05	MK23111			
20	22301176	PHẠM MỸ	NGỌC	15/09/05	MK23111			
21	22300661	NGUYỄN HOÀNG GIA	NHI	31/07/05	MK23111			
22	22301115	TRẦN THIÊN	NHI	19/08/05	MK23111			
23	22111990	NGUYỄN HỮU	PHÁT	12/03/03	TV21111			
24	22205500	TRỊNH HUỲNH THIÊN	PHÚC	02/08/04	TV22111			
25	22300832	LÊ NGỌC	PHƯƠNG	26/11/05	MK23111			
26	22300243	NGUYỄN THỊ THANH	PHƯƠNG	06/04/05	MK23111			
27	22300690	NGUYỄN THỊ LAN	THANH	04/05/05	MK23111			
28	22205599	TRẦN VIỆT	THẮNG	09/07/04	TV22111			
29	22301021	LÊ HỮU	THỊNH	16/06/05	MK23111			
30	22300509	HÀ ANH	THƯ	16/09/05	MK23111			
31	22300606	LÊ THỊ ĐOAN	TRANG	26/11/05	MK23111			
32	22300406	NGUYỄN KIM THUỖ	TRANG	17/04/05	MK23111			
33	22301210	ĐÀO PHƯƠNG	TRINH	10/12/05	MK23111			
34	22301092	NGUYỄN HỮU	TRÍ	03/03/05	MK23111			
35	22300739	TRẦN HOÀN BỬU	TUYẾT	09/05/05	MK23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Project Management (BA303DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0800 – Số hiệu lớp: 1096
Giảng viên: Nguyễn Thanh Nam
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 044 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22301816	ĐÌNH VIỆT	AN	06/02/05	MK23111			
2	22301544	DƯƠNG HOÀNG PHƯƠNG	ANH	21/12/05	MK23111			
3	22101393	BÙI HOÀNG	DANH	17/05/03	TV21111			
4	22114296	GIAO THẮNG QUANG	DŨNG	11/12/03	TV21111			
5	22301341	NGUYỄN TRÙNG	DƯƠNG	09/12/05	MK23111			
6	22301730	PHẠM THỊ THUỶ	DƯƠNG	25/02/05	MK23111			
7	22301546	PHẠM BÍCH	ĐÀO	24/01/05	MK23111			
8	22301516	TRẦN NGỌC BẢO	HÂN	02/02/05	MK23111			
9	22301367	HUỲNH TRUNG	HẬU	04/07/05	MK23111			
10	22301435	LÝ MỸ	HOA	07/07/05	MK23111			
11	22301460	NGUYỄN GIA	HUY	31/10/05	DM23111			
12	22301499	BÙI AN	KHANG	27/08/05	MK23111			
13	22301389	TRƯƠNG ĐĂNG	KHÔI	07/10/05	MK23111			
14	22301527	PHẠM LÊ THẢO	LINH	26/07/05	MK23111			
15	22301839	NGÔ HẢI	LONG	08/10/05	MK23111			
16	22301841	BÙI HOÀI	NAM	12/05/05	MK23111			
17	22301823	PHẠM KIM	NGÂN	27/09/05	MK23111			
18	22301590	PHAN GIA	NGHI	22/05/05	NL23111			
19	22205194	NGUYỄN NGHĨA	NHÂN	02/05/04	TV22111			
20	22301559	BÙI THỊ YẾN	NHI	21/11/05	MK23111			
21	22303052	BÙI THỊ TÂM	NHƯ	15/11/05	MK23111			
22	22301317	HÀ ÁNH	NHƯ	29/05/05	MK23111			
23	22301277	NGUYỄN TẤN	PHÁT	27/05/05	MK23111			
24	22301574	LÊ QUANG	THỊNH	10/02/04	MK23111			
25	22301322	NGUYỄN ĐẮC	THỊNH	03/10/05	MK23111			
26	22300360	PHẠM NGỌC UYÊN	THY	07/11/05	FT23111			
27	22301712	LÊ MỸ	TIẾN	14/10/05	MK23111			
28	22301351	NGÔ PHAN THUY	TRANG	16/12/05	MK23111			
29	22301320	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	11/07/05	MK23111			
30	22301552	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	28/10/05	MK23111			
31	22301613	ĐẶNG TRẦN PHƯƠNG	VÂN	25/07/05	MK23111			
32	22302495	DƯƠNG NGUYỄN THẢO	VY	26/09/05	MK23111			
33	22301473	NGUYỄN THANH THÚY	VY	28/06/05	MK23111			
34	22301882	TRẦN BẢO	VY	20/03/05	MK23111			
35	22301366	TRẦN KIM	Y	14/05/05	MK23111			
36	22301644	PHẠM THỊ HẢI	YẾN	18/08/05	MK23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Project Management (BA303DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0900 – Số hiệu lớp: 1097
Giảng viên: Nguyễn Thanh Nam
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 048 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22206048	NGUYỄN THÚY	AN	12/03/04	DM22111			
2	22302384	ĐẶNG QUỲNH	ANH	01/08/05	MK23111			
3	22302291	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	24/11/05	MK23111			
4	22302225	TRẦN QUANG	ANH	26/07/05	MK23111			
5	22301965	VŨ	BẢO	17/12/02	TC23111			
6	22302143	NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	17/09/05	MK23111			
7	22300110	NGUYỄN HUYỀN	DIU	15/04/03	MK23111			
8	22304054	NGUYỄN HOÀNG	DUNG	24/10/05	MK23111			
9	22300218	NGUYỄN THỦY	DUNG	06/09/02	TV23111			
10	22201777	NGUYỄN THANH	DUY	15/06/04	DM22111			
11	22303800	LÊ PHÚC	ĐÌNH	26/01/05	MK23111			
12	22302175	NGUYỄN MINH	KHÔI	30/08/05	MK23111			
13	22302331	ĐINH TUẤN	KIỆT	30/10/05	MK23111			
14	22300358	HUỲNH TUẤN	KIỆT	11/07/04	TV23111			
15	22302102	NGÔ HOÀNG ANH	KIỆT	05/06/05	MK23111			
16	22301961	VÕ ANH	KIỆT	24/05/05	MK23111			
17	22302290	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	21/05/05	MK23111			
18	22303709	PHẠM THỊ KIM	NGÂN	18/06/05	MK23111			
19	22206282	VÕ CHÍ	NGHĨA	23/05/01	TV22111			
20	22303877	PHẠM XUÂN	NGHỊ	01/07/05	MK23111			
21	22200495	NGUYỄN TRƯƠNG HOÀNG	PHÁT	27/08/04	DM22111			
22	22300591	NGUYỄN THỊ NHẬT	QUỲNH	28/10/05	MK23111			
23	22300854	NGUYỄN LÊ NHẬT	THANH	24/06/02	TC23111			
24	22302320	TRẦN NGUYỄN TÂM	THANH	03/01/04	MK23111			
25	22301938	NGUYỄN CHÂU TRƯỜNG	THỊNH	15/08/05	MK23111			
26	22301061	HUỲNH NGUYỄN MINH	THƯ	11/11/05	TC23111			
27	22301393	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯƠNG	03/02/05	MK23111			
28	22300568	NGUYỄN THỊ THUỖ	TRANG	18/04/03	TV23111			
29	22300342	TÔ THỊ HUYỀN	TRẦN	17/10/04	TV23111			
30	22302248	TRẦN NGỌC BẢO	TRẦN	16/12/05	MK23111			
31	22302358	LÊ QUANG	TUỆ	23/02/05	MK23111			
32	22301952	NGUYỄN VĂN CHU	TUỆ	29/08/05	MK23111			
33	22302537	NGUYỄN THỊ NGỌC	TÙNG	30/01/05	MK23111			
34	22111021	TRẦN THANH	TÙNG	08/09/03	TV21111			
35	22301974	LÊ ĐOÀN THẢO	UYÊN	18/08/05	MK23111			
36	22301894	CHÂU GIANG BẢO	VÂN	04/08/05	MK23111			
37	22302163	NGUYỄN NGỌC THỦY	VÂN	13/02/05	TC23111			
38	22301883	HUỲNH NGUYỄN KHÁNH	VY	26/11/05	MK23111			
39	22302079	LÊ HOÀNG	YẾN	16/03/05	MK23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Project Management (BA303DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 1000 – Số hiệu lớp: 1098
Giảng viên: Nguyễn Thanh Nam
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 023 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22303132	NGUYỄN LÂM	ANH	16/09/05	MK23111			
2	22303119	NGUYỄN ĐÌNH GIA	BẢO	30/08/05	MK23111			
3	22300559	NGUYỄN HUỲNH NGỌC	BÍCH	19/02/05	MK23111			
4	22303567	NGUYỄN HUY	BÌNH	04/08/04	MK23111			
5	22302560	NGUYỄN CÔNG	DANH	22/06/05	MK23111			
6	22303780	PHẠM NGUYỄN ĐỨC	DŨNG	02/05/05	MK23111			
7	22302572	PHAN GIA	HÂN	13/03/05	MK23111			
8	22301827	PHẠM ĐỖ DIỆU	HUYỀN	22/10/05	KN23111			
9	22303300	ĐẶNG NGỌC GIA	HƯNG	21/08/05	MK23111			
10	22303501	ĐẶNG HUY	KHOA	27/08/05	MK23111			
11	22303024	CHÂU MỸ	LINH	24/02/05	MK23111			
12	22303064	PHẠM KHÁNH	LINH	13/08/05	MK23111			
13	22304023	TRƯƠNG HUỲNH BAÒ	LONG	03/02/05	MK23111			
14	22302703	BÙI ĐỨC	MINH	02/10/05	MK23111			
15	22303806	LÊ KIM	NGÂN	10/12/05	MK23111			
16	22300770	LÝ KHÁNH	NGHI	03/07/05	MK23111			
17	22303107	NGUYỄN YẾN	NHI	21/06/05	MK23111			
18	22303029	NGUYỄN PHẠM ÁI	NHƯ	17/10/05	MK23111			
19	22303880	CAO MINH	PHÚ	25/04/05	MK23111			
20	22303454	NGÔ BÙI THANH	PHƯƠNG	07/06/05	MK23111			
21	22303683	NGUYỄN DUY	PHƯƠNG	12/12/05	MK23111			
22	22303336	TẶNG NGUYỄN LINH	PHƯƠNG	29/04/05	MK23111			
23	22205672	TRẦN NGUYỄN	PHƯỚC	21/04/04	TV22111			
24	22303023	TRƯƠNG NHẬT	TÂN	26/03/05	MK23111			
25	22303042	NGUYỄN THỊ	THANH	08/12/04	MK23111			
26	22000040	NGUYỄN LẬP	THÀNH	17/01/00	TV20111			Cấm thi
27	22302881	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	21/08/05	MK23111			
28	22207594	NGUYỄN QUỐC	THẮNG	02/09/03	TV22111			Cấm thi

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Project Management (BA303DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 1000 – Số hiệu lớp: 1098
Giảng viên: Nguyễn Thanh Nam
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 024 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22302282	TÔN LONG	THIỆN	02/06/01	TV23111			
2	22303681	NGUYỄN TRỊNH ANH	THUY	06/12/05	MK23111			
3	22300091	TRƯƠNG HUỲNH NGỌC	TIỀN	27/03/03	MK23111			
4	22205953	THÁI TRUNG	TUẤN	07/08/04	TV22111			
5	22303697	TÔ KIẾN	TƯỜNG	22/07/05	MK23111			
6	22303104	NGUYỄN VĂN	TÝ	08/02/05	MK23111			
7	22302219	ĐÀO NGỌC THANH	VY	05/05/05	MK23111			
8	22303910	NGUYỄN NGỌC YẾN	VY	11/11/05	MK23111			
9	22303758	HUỲNH THỊ MINH	XUÂN	16/11/05	MK23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Quản trị vận hành doanh nghiệp (BA304DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1433
Giảng viên: Trần Duy Nghiêm Luật
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 007 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22304139	LÊ NGỌC MINH	ANH	05/03/03	TV23111			
2	22014680	BÙI CAO THANH	HÀ	28/05/02	TV20111			Cấm thi
3	22500018	TRẦN PHÚC NGỌC CHÂU	HÂN	15/09/04	TV251			
4	22122496	NGUYỄN ĐỨC	HẬU	29/05/03	TV21111			
5	22011687	NGUYỄN THANH	HƯNG	19/11/02	TV20111			
6	22108349	NINH TƯỜNG LÂM	HƯNG	13/05/03	TV21111			
7	22102496	NGUYỄN MINH	KHÔI	01/10/03	TV21111			
8	22108690	PHẠM NGỌC LAM	KHUÊ	13/04/03	TV21111			
9	22107814	NGUYỄN KHÁNH	LINH	07/11/03	TV21111			
10	22100959	NGUYỄN NGỌC	MỸ	22/11/03	TV21111			
11	22114932	PHAN PHẠM PHƯƠNG	NHƯ	24/10/03	TV21111			
12	22112896	NGUYỄN HOÀNG	PHÁT	30/03/03	TV21111			Cấm thi
13	22200232	LIÊN GIA	QUÂN	20/11/03	TV22111			
14	22104988	LÊ THỊ PHƯƠNG	QUYÊN	16/11/03	TV21111			
15	2191894	VŨ VĂN	QUYẾT	12/05/00	TV19112			Cấm thi
16	22114828	LƯU TUẤN	THÀNH	01/08/03	TV21111			
17	22205418	NGUYỄN THỊ NGỌC	THI	13/03/03	TV22111			Cấm thi
18	22207153	TRẦN ANH	TUẤN	28/01/04	TV22111			
19	22010104	HUỲNH TÚ	UYÊN	28/09/02	TV20111			
20	22003485	LÊ NHƯ QUỐC	VƯƠNG	06/01/02	TV20111			
21	22117040	NGUYỄN ĐẶNG TƯỜNG	VY	08/05/02	TV21111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Truyền thông kỹ thuật số (DM305DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1481
Giảng viên: Đỗ Trọng Danh
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 022 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22113876	ĐOÀN LÊ TUẤN	DUY	02/09/01	DM21111			
2	22122623	NGUYỄN AN	DUY	10/08/02	DM21111			
3	22301956	LÝ THỤC	HÂN	12/06/05	EM23111			
4	22102351	LẠI QUỐC	KHÁNH	02/09/03	DM21111			
5	22011982	ĐÀO XUÂN NHẬT	MINH	01/03/02	TV20111			
6	22114441	NGUYỄN HỮU NHẬT	MINH	14/07/03	DM21111			
7	22300445	GIANG TIỂU	MY	04/08/05	EM23111			
8	22300429	DƯƠNG XUÂN	NGÂN	21/03/05	EM23111			
9	22101594	NGUYỄN BÁ PHƯỚC	NGUYỄN	22/08/03	DM21111			
10	22303185	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	14/10/05	EM23111			
11	22300176	HUỲNH KIM	NHƯ	12/03/05	EM23111			
12	22114593	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	12/07/03	DM21111			
13	22114446	HUỲNH VĨNH	PHÁT	26/05/03	DM21111			
14	22302418	TRIỆU BỘI	QUÂN	07/10/05	EM23111			
15	22201451	VŨ NGỌC MỸ	TÂM	17/05/04	MK22111			
16	22302433	NGUYỄN LÊ THANH	THẢO	20/06/05	EM23111			
17	22116959	MAI KHẮC	THUẬN	16/11/03	DM21111			
18	22300789	VŨ NGUYỄN DIỄM	THUY	13/01/05	EM23111			
19	22111126	LÊ NGUYỄN TRUNG	TIẾN	26/09/03	DM21111			
20	22116954	THIỆU QUANG	TRƯỜNG	20/06/03	DM21111			
21	22140016	LÊ CHÂU THANH	TÚ	16/02/03	DM21111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính trong Khách sạn, Nhà hàng (HM402DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1558
Giảng viên: Trần Thị Hoàng Phượng
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 011 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22112657	NGUYỄN KIỀU	ANH	15/10/03	KS21111			
2	22009708	HUỲNH GIA	BẢO	22/10/02	NH20111			
3	22111135	HỒ HỮU	CƯỜNG	05/07/03	NH21111			Cấm thi
4	22009885	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	19/11/02	KS20111			
5	22205616	HOÀNG THỊ NGỌC	HUYỀN	20/07/04	KS22111			
6	22002604	CAO TRƯỜNG THANH	HÙNG	26/04/02	NH20111			
7	22119092	HÀ PHAN ANH	KHÔI	09/10/03	NH21111			
8	22206692	TRẦN PHƯƠNG	KIÊN	06/02/04	KS22111			
9	22206788	PHAN NGUYỄN HOÀNG	LONG	29/01/04	KS22111			Cấm thi
10	2192369	PHẠM HOÀNG CHIÊU	MINH	13/09/01	KS19111			
11	22123015	THI KIM	PHỤNG	22/10/03	NH21111			
12	22012033	CHUNG ÁI	PHƯƠNG	31/08/02	KS20111			
13	22113706	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	QUYÊN	15/04/03	KS21111			
14	2194106	TRƯƠNG NHẬT	TÂN	11/11/01	KS19111			
15	22105072	TRẦN MINH	THỨ	11/08/03	KS21111			
16	22119031	NGUYỄN THỊ MỘNG	THƯƠNG	08/11/03	NH21111			
17	22203035	NGUYỄN THANH	TRÀ	25/11/04	KS22111			
18	2190436	NGUYỄN THANH	TUẤN	06/02/99	KS19112			
19	22200055	HOÀNG NGỌC BẢO	UYÊN	20/08/02	KS22111			
20	2193939	TRẦN LÊ TÚ	UYÊN	11/10/01	KS19111			
21	22206786	PHAN HUỲNH NHƯ	Ý	13/02/04	KS22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Import-Export Management (IB402DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 2011
Giảng viên: Ngô Đình Đệ
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 006 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22205527	NGUYỄN CHÍ	HÙNG	24/05/04	NT22111			
2	22207772	TRƯƠNG THỊ KIM	HƯƠNG	24/09/03	NT22111			
3	22201329	HÀ TUẤN	KIỆT	09/08/04	NT22111			
4	22108833	NGÔ THÁI	LIÊN	14/03/03	NT21111			
5	22205408	BÙI TUYẾT	MINH	03/11/03	NT22111			
6	22205641	ĐOÀN THY	NHÃ	03/01/04	NT22111			
7	22205617	TRẦN MINH	NHỰT	18/09/04	NT22111			
8	22205649	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	09/06/04	NT22111			
9	22200321	LÂM NHUẬN	PHÁT	07/08/04	NT22111			
10	2194215	LÊ THÀNH	PHÁT	20/12/99	NT19112			
11	22200381	TRƯƠNG HOÀNG	PHONG	11/11/01	NT22111			
12	22206943	VŨ MINH	QUÂN	05/01/04	NT22111			
13	22302278	LÊ DUY	THANH	21/12/03	NT23111			
14	22206376	TRẦN ANH	THƯ	27/06/04	NT22111			
15	22205528	NGUYỄN HOÀNG MINH	THY	05/12/03	NT22111			
16	22206049	PHAN QUỲNH CẨM	THY	23/07/04	NT22111			
17	22205531	BẢO HƯƠNG	TRÀ	10/08/04	NT22111			
18	22200324	LƯƠNG ĐỨC	TRỌNG	20/10/99	NT22111			
19	22207410	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	02/09/04	NT22111			
20	22207206	TRẦN ANH	VINH	26/11/04	NT22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Luật Sở hữu Trí tuệ (LAW206DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1643
Giảng viên: Võ Nguyên Hoàng Phúc
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 015 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22304026	LÊ HOÀNG	AN	05/01/05	BL23111			
2	22302386	NGUYỄN NGỌC VÂN	ANH	20/11/05	BL23111			
3	22303519	PHẠM PHÚC NAM	ANH	14/03/05	BL23111			
4	22302552	TRẦN THIÊN	ANH	20/01/05	BL23111			
5	22301124	HUỲNH BÁ QUỐC	BẢO	17/04/05	BL23111			
6	22303797	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH	27/01/05	BL23111			
7	22301420	HỒ THANH	CAO	19/10/05	BL23111			
8	22300893	NGUYỄN NGỌC BẢO	CHÂU	28/09/05	BL23111			
9	22303133	VŨ NGUYỄN MINH	CHÂU	18/02/05	BL23111			
10	22303842	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	07/04/04	BL23111			
11	22303193	NGUYỄN THỊ THUY	DƯƠNG	30/01/05	BL23111			
12	22301278	NGUYỄN TRIỀU	DƯƠNG	02/09/04	BL23111			
13	22301781	TRẦN	ĐẠT	02/12/03	BL23111			
14	22302285	NGUYỄN ĐÀO HÙNG	ĐÔNG	04/10/03	BL23111			
15	22301835	ĐÀO BÁ	ĐƯỢC	21/06/05	BL23111			
16	22303188	LÊ NHỰT	HÀO	28/11/05	BL23111			
17	22302242	NGUYỄN THUỶ	HIỆP	12/10/03	BL23111			
18	22302296	TRẦN THỊ THANH	HIỀN	21/12/04	BL23111			
19	22303679	TRẦN THU	HIỀN	14/09/05	BL23111			
20	22301851	NGUYỄN SỸ	HOÀNG	30/04/05	BL23111			
21	22301457	TRẦN MINH	HUY	30/07/05	BL23111			
22	22303998	NGUYỄN THỊ MỸ	HUYỀN	02/05/99	BL23111			
23	22303818	TRẦN NHẬT	KHANG	03/10/05	BL23111			
24	22301434	DƯƠNG QUỐC	KHÁNH	02/09/05	BL23111			
25	22301868	CAO THIÊN TỔNG	KHẢI	02/02/05	BL23111			
26	22108044	NGUYỄN CHÍ	KIỆT	01/11/03	BL21111			
27	22303788	CHUNG CẢNH GIA	LINH	08/05/05	BL23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Luật Sở hữu Trí tuệ (LAW206DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1643
Giảng viên: Võ Nguyên Hoàng Phúc
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 016 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22301515	NGUYỄN XUÂN THÀNH	LONG	12/04/05	BL23111			
2	22300492	CHÂU GIA	LỢI	24/09/02	BL23111			
3	22300677	NGUYỄN TRẦN NHẬT	MINH	03/09/05	BL23111			
4	22206734	NGUYỄN THỊ YẾN	NGA	07/01/04	BL22111			
5	22303476	MA TRẦN BẢO	NGỌC	08/10/05	BL23111			
6	22303672	TRẦN PHÚC	NGUYỄN	26/02/05	BL23111			
7	22303482	LÝ GIA BẢO	NHI	26/11/05	BL23111			
8	22303381	PHAN LÊ YẾN	NHI	27/08/05	BL23111			
9	22303874	LÊ TUẤN	PHONG	06/05/05	BL23111			
10	22303817	LƯU HUỆ	PHƯƠNG	13/01/05	BL23111			
11	22206243	TRẦN THU	PHƯƠNG	01/03/04	BL22111			
12	22302557	HỒ DIỄM	QUỲNH	17/12/05	BL23111			
13	22303699	LÊ CHÍ	TÂM	06/01/04	BL23111			
14	22301075	BÙI QUỐC	THẮNG	22/11/05	BL23111			
15	22301951	PHẠM THỊ MINH	THU	18/06/05	BL23111			
16	22115220	NGUYỄN MINH	THUẬN	05/11/03	BL21111			
17	22303753	NGUYỄN HỒNG THANH	THUY	03/05/05	BL23111			Cấm thi
18	22303103	LÊ ANH	THƯ	13/05/05	BL23111			
19	22300729	PHẠM LÂM ANH	THƯ	24/04/05	BL23111			
20	22300948	HUỲNH NGUYỄN MINH	THƯƠNG	22/02/05	BL23111			
21	22301779	LÊ ĐỨC	TIẾN	27/04/05	BL23111			Cấm thi
22	22300084	NGUYỄN HUỲNH THUY	TRANG	02/01/04	BL23111			
23	22302466	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	09/08/05	BL23111			
24	22300614	LÊ THU	UYÊN	29/07/04	BL23111			
25	22303756	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	UYÊN	24/02/05	BL23111			
26	22303888	HUỲNH TƯỜNG	VY	15/05/05	BL23111			
27	22300896	NGUYỄN THUY HỒNG	VY	01/11/05	BL23111			
28	22301105	HÀ NGỌC NHƯ	Ý	21/09/05	BL23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Techniques of International Trade (FIATA) (LG311DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1996
Giảng viên: Trần Thị Trúc Lan
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 10g15
Phòng thi: Phòng 012 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22205589	TRẦN DƯƠNG PHƯỚC	ANH	05/04/04	LG22111			
2	22206574	DƯƠNG THIÊN	BẢO	06/08/04	LG22111			
3	22206204	PHAN QUỐC	BẢO	10/12/02	LG22111			
4	22205132	NGUYỄN NHẬT	BẰNG	06/06/04	LG22111			
5	22206746	NGUYỄN XUÂN	DUNG	02/04/04	LG22111			
6	22204751	ĐÀO KHÁNH	HÀ	06/01/04	LG22111			
7	22300846	NGUYỄN NHẬT	HÀO	13/02/05	LG23111			
8	22201978	TRẦN DUY	HIỆU	10/09/04	LG22111			
9	22204846	MÀNH THỊ THẢO	HIỆN	19/03/00	LG22111			
10	22205486	ĐỖ THÀNH	KHANG	11/03/04	LG22111			
11	22302514	VÕ THÀNH	LỘC	31/05/05	LG23111			
12	22200282	LÊ PHẠM PHƯƠNG	MAI	03/10/03	LG22111			
13	22400040	VƯƠNG PHẠM HẢI	NAM	09/08/04	LG24111			
14	22102514	PHAN HUỲNH MINH	NHẬT	28/01/03	LG21111			
15	22201441	NGUYỄN HUỲNH TẤN	PHÁT	02/12/04	LG22111			
16	22122537	NGUYỄN TRANG HOÀNG	PHƯƠNG	11/04/03	LG21111			
17	22200211	TRẦN THỊ MAI	PHƯƠNG	15/07/02	LG22111			
18	22300897	HUỲNH TRUNG	QUÂN	03/06/02	LG23111			
19	22204974	TRẦN YẾN	QUÂN	25/04/02	LG22111			
20	22206010	VŨ NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	19/07/04	LG22111			
21	22204845	NGUYỄN THÀNH	TÀI	24/03/03	LG22111			
22	22500063	HỒ NHẬT ANH	TUẤN	02/05/03	LG25111			
23	22012990	NGUYỄN PHẠM VĂN	TƯỜNG	20/02/02	LG20111			
24	22300023	NGUYỄN HUỲNH ANH	VŨ	05/06/01	LG23111			
25	22110622	NGUYỄN THÚY	VY	14/10/03	LG21111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Chiến lược và Chiến thuật Phương tiện Truyền thông (MK312DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1719
Giảng viên: Đỗ Huỳnh Lâm Thịnh
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 10g15
Phòng thi: Phòng 020 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	2190270	BÙI HOÀNG	ANH	21/03/00	TT19112			Cấm thi
2	22205569	LƯƠNG NGỌC MINH	ANH	06/05/03	DM22111			
3	22001154	BÙI QUANG	BÌNH	06/09/02	TT20111			
4	2190157	HUỲNH NGỌC BẢO	CHÂU	03/12/00	TT19111			
5	22206103	NGUYỄN HUỲNH	ĐỨC	15/03/04	MK22111			
6	22011268	NGUYỄN KIM	HẬU	11/05/02	TT20111			
7	22001096	TRẦN HOÀNG GIA	HUY	04/03/02	DM20111			
8	22207553	NGUYỄN TRƯỜNG MINH	KHUÊ	18/10/03	DM22111			
9	22000682	VÕ HỒNG BẢO	NGỌC	25/06/01	TT20111			
10	22001159	TRẦN HUYỀN	NHI	04/11/02	TT20111			
11	22011592	TRẦN NGUYỄN NHẬT	QUANG	26/01/00	TT20111			
12	22011849	NGUYỄN TRÍ	TÀI	11/12/02	TT20111			
13	22014698	VŨ THỊ ANH	THƯ	15/02/02	DM20111			
14	22108193	NGUYỄN QUANG	VINH	29/05/03	PR21111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Quản trị Marketing B2B (MK402DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1724
Giảng viên: Lê Anh Chung
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 021 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22014619	NGÔ THỊ MAI	ANH	30/03/02	MK20111			
2	22105697	NGUYỄN HỒNG	CHƯƠNG	27/12/03	MK21111			
3	22115166	PHAN TUẤN	KHÔI	11/09/03	MK21111			
4	22110694	HỒ THỊ XUÂN	LAM	17/08/03	MK21111			
5	22122482	VÕ HOÀI	NAM	26/06/03	MK21111			
6	22115944	PHÙNG ĐÌNH KHÁNH	NHƯ	21/12/03	MK21111			
7	22117533	PHÙNG BÁ	PHÁT	22/03/03	MK21111			
8	2198887	NGUYỄN THỊ DIỄM	PHÚC	24/12/01	MK19112			
9	22206280	TRỊNH NHÃ	PHƯƠNG	25/10/04	DM22111			
10	22117500	PHẠM MINH	QUÂN	01/10/03	MK21111			
11	22114265	TRẦN MINH	QUÂN	14/05/02	MK21111			
12	22114995	VĂN DI	QUÂN	21/02/03	MK21111			
13	22006965	ÂU DƯƠNG CẨM	THANH	29/11/02	MK20111			
14	22110185	TRẦN DƯƠNG QUỐC	THANH	22/06/03	MK21111			
15	22108182	BÙI MINH	THÀNH	31/01/03	MK21111			
16	22207648	LÊ VŨ TRƯỜNG	THÀNH	13/04/03	DM22111			
17	22100035	LƯU ĐỨC	THẮNG	29/05/02	MK21111			
18	22107478	LÊ QUỐC	THỊNH	23/06/99	MK21111			
19	22106911	ĐẶNG NHẬT	TOÀN	24/10/03	TT21111			
20	22113107	CAO THỊ THANH	VÂN	11/06/03	MK21111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Lập trình Hướng đối tượng (SW103DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1827
Giảng viên: Nguyễn Bá Trung
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 110 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22002526	TRƯƠNG TRƯỜNG	AN	22/10/01	PM20111			Cấm thi
2	22113996	NGUYỄN MINH QUỐC	BẢO	10/06/03	PM21111			Cấm thi
3	22000212	TRẦN QUANG	DUY	23/06/99	QL20111			
4	22114163	TRẦN NGỌC	DƯƠNG	14/10/03	QL21111			
5	22206830	PHẠM PHÚC DUY	ĐĂNG	18/04/04	QL22111			
6	22100664	TRẦN VIỆT	HƯNG	12/07/03	QL21111			
7	22205401	TRẦN QUANG	KHÁNH	15/11/02	PM22111			Cấm thi
8	22500193	NGUYỄN DƯƠNG	KHÔI	31/05/05	QL25111			Cấm thi
9	22107346	NGUYỄN MAI	LINH	25/04/03	QL21111			Cấm thi
10	22003208	TRẦN CÔNG	MINH	26/06/02	PM20111			
11	22206086	TRẦN MINH	QUÂN	15/08/04	QL22111			
12	22205110	LÊ XUÂN	THÀNH	09/01/04	PM22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Quản trị Dự án Đầu tư (TC309DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1874
Giảng viên: Trần Linh Đăng
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 017 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22005437	ĐẶNG MINH	ANH	13/02/02	TC20111			
2	22102517	NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	20/08/03	TC21111			
3	22206917	TRẦN THANH	ĐANG	28/04/04	TC22111			
4	22205898	LÊ TRẦN BẢO	HÂN	22/05/04	TC22111			
5	22206266	TRẦN DŨ	HUY	12/10/04	TC22111			
6	22011983	TRẦN THỊ THU	MAI	18/02/02	TC20111			
7	22011769	TRẦN THỊ THANH	NGÂN	14/01/02	TC20111			
8	22206024	NGUYỄN TÂM NHƯ	NGỌC	14/01/03	KN22111			
9	22117847	KHEO THẢO	NGUYỄN	20/07/03	TC21111			
10	22202653	LƯƠNG NGỌC YẾN	NHI	05/04/04	TC22111			
11	2183168	NGUYỄN NGỌC	NHI	12/02/00	TC1811			
12	22012084	HỒ KHẢI	PHAN	20/11/02	TC20111			
13	22101645	ĐỖ THIÊN	PHÚC	11/05/03	PB21111			
14	22204283	LƯU THỊ MINH	PHƯƠNG	15/10/04	TC22111			
15	2194485	LÂM KIM	QUANG	30/04/01	TC19112			
16	22400812	LÊ TẤN	TÀI	13/06/03	TC24111			
17	22201384	NGUYỄN KHIẾT	TÂM	27/08/04	TC22111			
18	22114943	HỒ THỊ ANH	THỨ	08/11/03	TC21111			
19	22205921	NGÔ THỊ KIM	THỨ	15/01/04	TC22111			
20	22203947	TRẦN THỊ ANH	THỨ	07/06/04	TC22111			
21	22122631	NGUYỄN BẢO	TRANG	18/11/03	TC21111			
22	2193435	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	31/01/01	KN19111			
23	22206470	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG	TRINH	20/05/04	TC22111			
24	22013425	NGUYỄN THANH	TRÚC	12/11/02	TC20111			
25	22207458	TRẦN XUÂN	TRƯỜNG	12/07/03	TC22111			
26	22011324	NGUYỄN KIM	TUYỀN	22/10/02	TC20111			
27	22004780	VŨ PHƯƠNG	UYÊN	05/07/02	TC20111			
28	22109261	NGUYỄN KHIẾT	VY	19/10/03	TC21111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Trung 1 (TQ101DV02) – Số tín chỉ: 4.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1912
Giảng viên: Huỳnh Tiểu Ngọc
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 108 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22119143	ĐẶNG THỊ THÚY	AN	25/04/03	NH21111			
2	22114485	TRẦN THỊ KIỀU	ANH	24/02/03	TM21111			
3	22301231	NGUYỄN QUỐC	CƯỜNG	10/05/05	KS23111			
4	22205565	NGUYỄN MINH	DUY	18/09/01	TE22111			Cấm thi
5	2192339	NGUYỄN ĐÌNH	ĐÔNG	06/12/01	DL19121			Cấm thi
6	22004229	CHUNG ĐẶNG MINH	HOÀNG	11/11/02	NH20111			
7	22110840	LÊ	HUY	29/11/03	NH21111			Cấm thi
8	22400046	ĐẶNG GIA	KHÁNH	23/03/03	TM24111			Cấm thi
9	22014172	PHẠM THIÊN	KHIÊM	25/01/02	TM20111			
10	2180191	TRƯƠNG ANH	KHOA	01/03/99	TM1811			
11	22103031	VÕ MINH	LÂN	30/09/03	NH21111			
12	2175202	DƯƠNG THÀNH	LONG	29/11/99	NH1711			
13	2193241	PHẠM VƯƠNG HẢI	LONG	01/11/01	NH19111			Cấm thi
14	2196846	TRẦN TUẤN	LONG	22/04/01	KS19111			Cấm thi
15	2180072	NGÔ TRƯƠNG TUẤN	MINH	04/03/98	NH1811			
16	22101065	PHAN TRỌNG	NGHĨA	09/08/03	TM21111			
17	2181068	NGUYỄN NGỌC UYÊN	NHI	18/11/00	TM1811			
18	22205777	TRẦN NGỌC QUỲNH	NHƯ	06/08/04	TE22111			
19	22001368	NGUYỄN THỊ YẾN	PHƯƠNG	14/10/02	BP20111			
20	22205042	ĐỖ VIỆT	SĨ	07/10/04	NH22111			Cấm thi
21	2190955	LÊ CAO THANH	SƠN	24/02/01	KS19111			
22	22205962	NGUYỄN DUY	THẮNG	08/08/04	TM22111			Cấm thi
23	22207642	NGUYỄN ĐỨC	THUẬN	29/05/03	NH22111			Cấm thi
24	22200718	ĐỖ THỊ THỦY	TIẾN	15/10/04	TM22111			
25	2198665	ĐỖ BÙI QUỐC	TIẾN	07/05/01	TE19112			
26	2190598	VÕ THỊ THÙY	TRANG	27/01/96	KS19112			
27	22206076	TRẦN MINH	TRÍ	19/08/04	NH22111			
28	22114972	NGUYỄN HỮU MINH	TÚ	03/10/03	KS21111			
29	22011044	TRẦN KHÁNH	UYÊN	17/11/02	DL20121			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Cấu trúc rời rạc (AI101DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1369
Giảng viên: Trang Hồng Sơn
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 111 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401728	NGUYỄN CHU QUỲNH	ANH	04/05/05	AI24111			
2	22402742	NGUYỄN PHƯỚC MAI	BẢO	30/04/04	AI24111			
3	22402732	BÙI NGỌC	HÂN	12/03/03	AI24111			
4	22400620	BẠCH KHÁNH	HIỀN	15/07/06	AI24111			
5	22402782	NGUYỄN THÁI	HÒA	10/10/06	AI24111			
6	22401142	VŨ DOANH	HƯNG	21/04/06	AI24111			
7	22400640	MAC MINH	KHANG	08/08/04	AI24111			
8	22401931	PHẠM MINH	KHÁNH	25/12/06	AI24111			
9	22201742	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	01/08/04	AI22111			
10	22400651	TẠ TRẦN ĐĂNG	KHÔI	23/03/06	AI24111			
11	22402896	NGUYỄN NGỌC HIẾU	MINH	31/08/06	AI24111			Cấm thi
12	22400100	VÕ HOÀI	NAM	10/08/95	AI24111			
13	22402806	HUỲNH DUY	PHÁT	14/11/06	AI24111			
14	22402967	NGUYỄN MINH	QUANG	14/04/06	AI24111			
15	22400588	DƯƠNG NGUYỄN THANH	TÂM	29/08/06	AI24111			
16	22402748	NGUYỄN HOÀNG	THỊNH	21/02/01	AI24111			
17	22401608	DƯƠNG BUI THÀNH TUẤN	TÚ	28/08/06	AI24111			
18	22402883	VÕ HOÀNG UYÊN	VY	10/10/06	AI24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Hành vi Tổ chức (BA206DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1428
Giảng viên: Lê Ngọc Đức
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 016 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	2194460	NGUYỄN DUY	ANH	15/08/01	NL19111			
2	22113610	NGUYỄN THỊ KIM	CƯƠNG	15/12/03	NL21111			
3	22101393	BÙI HOÀNG	DANH	17/05/03	TV21111			
4	22114296	GIAO THẮNG QUANG	DŨNG	11/12/03	TV21111			
5	22205059	NGUYỄN HỒ PHƯƠNG	HÀ	12/02/03	TV22111			
6	22122496	NGUYỄN ĐỨC	HẬU	29/05/03	TV21111			
7	22111103	NGUYỄN	HOÀNG	27/02/03	TV21111			
8	2190948	NGUYỄN LÊ	HOÀNG	19/05/01	TV19112			Cấm thi
9	22114203	LÊ NGUYỄN QUỐC	HUY	24/10/03	TV21111			
10	22105892	LÝ NHÂM GIA	HUY	19/10/03	TV21111			
11	22000827	NGUYỄN HOÀNG GIA	HUY	16/04/01	TV20111			
12	22103102	PHẠM GIA	HƯNG	23/10/03	TV21111			
13	22112411	NGUYỄN XUÂN	HƯƠNG	06/01/01	TLNL21111			
14	22102387	TRƯƠNG BẢO	KHANG	13/12/03	NL21111			
15	2181250	NGUYỄN LÝ HỒNG	NGỌC	07/04/00	NL1811			
16	22114439	PHẠM PHÚ	PHI	22/09/03	TV21111			Cấm thi
17	22205909	TRƯƠNG HỮU	TÍNH	09/02/04	TV22111			
18	22107470	NGUYỄN ĐỨC	TOÀN	31/03/00	TV21111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Project Management (BA303DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 1100 – Số hiệu lớp: 1099
Giảng viên: Nguyễn Thanh Nam
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 043 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500293	BENTALEB	ZAKARY	16/01/04	QT225			
2	22301360	TRẦN PHƯỚC	AN	21/10/05	TV23111			
3	22301615	HOÀNG TRẦN QUỐC	ANH	27/09/05	TV23111			
4	22301579	HOÀNG TUẤN	ANH	05/01/05	TV23111			
5	22301683	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	28/09/05	TV23111			
6	22301486	LÊ HOÀNG	BẢO	26/11/05	TV23111			
7	22301398	HỒ HOÀNG	HIỆP	22/08/05	TV23111			
8	22301635	PHAN NGUYỄN QUỐC	HUY	01/04/05	TV23111			
9	22301498	NGUYỄN KIỀU DIỄM	HƯƠNG	14/11/05	TV23111			
10	22301702	LÊ NGỌC PHƯƠNG	KHÁNH	18/03/05	TV23111			
11	22301483	NGÔ GIA	KHÁNH	17/01/05	TV23111			
12	22301706	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	24/04/05	TV23111			
13	22301506	HUYỀN VĂN TRUNG	KIỆN	08/08/05	TV23111			
14	22207644	PHẠM TRUNG	KIỆN	07/02/03	TV22111			
15	22301672	ĐINH NGỌC QUỲNH	MY	28/10/05	TV23111			
16	22301561	TÔ KHÁNH	NGỌC	03/11/05	TV23111			
17	22103049	PHẠM HẠO	NHIÊN	28/03/03	TV21111			
18	22301564	TRẦN THỊ QUỲNH	NHƯ	15/10/05	TV23111			
19	22301671	NGUYỄN HOÀNG	PHÚ	16/11/05	TV23111			
20	22301541	LÊ THANH	QUANG	23/03/05	TV23111			
21	22301575	TRẦN ĐÌNH BẢO	QUỐC	17/01/05	TV23111			
22	22301383	TRẦN LÊ TRÚC	QUỲNH	30/06/05	TV23111			Cấm thi
23	22301315	NGÔ LÊ HỒNG	TÂM	08/12/05	TV23111			
24	22301716	TIỀN MINH	THẢO	18/07/05	TV23111			
25	22301674	NGUYỄN NĂNG MINH	THẮNG	22/04/05	TV23111			
26	22301353	BÙI DUY	THỊNH	25/12/00	TV23111			
27	22301414	PHẠM HIẾU	THUẬN	21/10/05	TV23111			
28	22204364	NGUYỄN LÊ THANH	TRÚC	20/08/04	TV22111			
29	22301223	TRẦN THỊ TÚ	UYÊN	05/10/05	TV23111			
30	22300999	VÕ THỊ MỸ	UYÊN	24/10/03	TV23111			
31	22301743	VÕ PHAN CẨM	VÂN	11/07/05	TV23111			
32	22301436	ÂN HOÀNG	VY	24/04/05	TV23111			
33	22300463	HÀ MẪN	VY	14/01/05	MK23111			
34	22301382	LIÊU TRẦN NHẬT	VY	16/09/05	TV23111			
35	22301580	NGUYỄN XUÂN HOÀI	VY	15/06/05	TV23111			
36	22301526	PHẠM NGUYỄN THANH	XUÂN	24/04/05	TV23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Project Management (BA303DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 1200 – Số hiệu lớp: 1100
Giảng viên: Nguyễn Thanh Nam
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 049 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500291	BEAUFILS	JUSTINE	02/09/03	QT225			
2	22200833	NGUYỄN THỊ KIM	ANH	22/06/04	TV22111			
3	22301013	NGUYỄN TRÚC	ANH	04/10/05	TC23111			
4	22301425	VÕ MINH HOÀNG	ANH	18/04/05	TC23111			
5	22302287	TRẦN NGỌC	BÍCH	15/08/05	TC23111			
6	22303740	NGUYỄN VÕ NGỌC	CHÂU	01/06/05	TC23111			
7	22301114	LÂM KIM	CHI	11/10/00	TC23111			
8	22304099	NGUYỄN HAI	ĐĂNG	07/03/02	TC23111			
9	22301192	LƯU KẾ	ĐIỀN	13/04/05	TC23111			
10	22300819	ĐOÀN THỌ HOÀNG	GIÁP	04/11/05	TC23111			
11	22205268	SHAKIRIN	HAKIM	24/06/03	TV22111			
12	22302208	NGUYỄN TRUNG THU	HIỀN	16/12/05	FT23111			
13	22301504	NGUYỄN TUẤN	HƯNG	01/11/05	TC23111			
14	22206558	PHAN SU	HY	12/06/04	TV22111			
15	22301832	NGUYỄN ANH	KHOA	03/11/05	TC23111			
16	22206559	CHÂU HOÀNG THIÊN	LỘC	30/10/04	TV22111			
17	22303944	NGÔ TẤN	MẠNH	03/10/95	TC23111			
18	22301394	PHÙ THỊ KHÁNH	MINH	26/06/04	TC23111			
19	22207017	VÕ ĐÔNG	MY	06/05/04	TV22111			Cấm thi
20	22303891	NGUYỄN THỊ MINH	NGÂN	12/01/05	TC23111			
21	22301632	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	28/02/05	TC23111			
22	22301494	PHẠM HOÀNG BẢO	NGỌC	15/12/05	TC23111			
23	22303063	TRẦN TUYẾT	NHI	24/05/05	TC23111			
24	22303728	LÊ THỊ CẨM	NHUNG	03/09/05	TC23111			
25	22205321	PHAN THANH	TÂN	31/05/04	TV22111			
26	22207204	LƯU THÁI	THÀNH	04/03/03	DM22111			
27	22300975	NGUYỄN HỒNG	THẨM	24/03/05	TC23111			
28	22303120	THÁI MINH	THƯ	04/02/05	TC23111			
29	22300028	NGUYỄN THU	TRANG	22/09/04	TC23111			
30	22303786	TRẦN THANH	TRÚC	10/11/05	TC23111			
31	22303175	TRẦN ANH	TUẤN	17/06/05	TC23111			
32	22303434	NGUYỄN THỊ KIM	TUYỀN	13/02/05	TC23111			
33	22302108	PHẠM HOÀNG THANH	TÚ	17/10/05	TC23111			
34	22300495	HUỲNH ĐÀO THÁI	VINH	14/10/02	TC23111			
35	22303404	TRỊNH CHÍ	VĨ	29/03/05	TC23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Project Management (BA303DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 1300 – Số hiệu lớp: 1101
Giảng viên: Nguyễn Thanh Nam
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 048 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22300930	ĐỖ BẢO	ANH	25/07/05	NL23111			
2	22301022	NGUYỄN KHÁNH MAI	ANH	21/08/05	NL23111			
3	22300689	VĂN BỘI	BỘI	08/09/05	NL23111			
4	22303190	NGUYỄN THIÊN	CHUYÊN	17/03/05	NL23111			
5	22301934	LÊ KHÁNH	DUY	07/08/05	NL23111			
6	22301669	NGUYỄN NGỌC KỲ	DUYỀN	01/02/05	NL23111			
7	22004677	LÊ NGỌC KHÁNH	ĐAN	14/02/02	TV20111			
8	22301399	TRẦN NGUYỄN THỊ NGỌC	HẰNG	24/12/05	NL23111			
9	22302542	ĐÌNH GIA	HUY	20/10/05	MK23111			
10	22300816	NGUYỄN ĐỖ MINH	HƯNG	02/01/05	NL23111			
11	22301738	NGUYỄN ÁI MỸ	KIM	15/01/04	NL23111			
12	22302516	PHẠM HƯƠNG	LAN	06/05/05	MK23111			
13	22300604	TRẦN TÚ	LINH	14/11/05	NL23111			
14	22301658	NGUYỄN HỒNG	LOAN	12/09/05	NL23111			
15	22302426	ĐẶNG BÁ ĐẠI	NAM	11/05/05	MK23111			
16	22303811	MAI THANH	NHÃ	17/01/05	NL23111			
17	22400372	DIỆP TRƯƠNG KHÁNH	NHI	15/08/04	TC24111			
18	22302400	HẠ TUYẾT	NHI	07/07/05	MK23111			
19	22300781	HUỲNH YẾN	NHI	11/01/05	MK23111			
20	22300389	NGUYỄN HỒNG	NHUNG	06/08/05	NL23111			
21	22302512	PHAN THỊ TUYẾT	NHUNG	03/03/05	MK23111			
22	22301321	VÕ NGỌC QUỲNH	NHƯ	12/12/05	NL23111			
23	22301896	LÊ KHẮC HOÀNG	PHONG	06/04/05	NL23111			
24	22303263	MAI PHƯỚC GIA	PHÚC	04/10/05	NL23111			
25	22300546	NGUYỄN DƯƠNG BÌNH	PHƯƠNG	08/07/05	NL23111			
26	22300592	NGUYỄN THỊ ÁNH	PHƯƠNG	15/07/05	NL23111			
27	22300515	DƯƠNG HẢI BẢO	QUỲNH	16/08/05	NL23111			
28	22301900	THÁI NGỌC NHƯ	QUỲNH	20/10/05	NL23111			
29	22302413	VŨ NHƯ	QUỲNH	09/10/05	MK23111			
30	22301981	NGUYỄN NHẬT	TÂN	23/02/05	NL23111			
31	22304086	NGUYỄN THỊ	THẢO	20/02/04	NL23111			
32	22302470	NGUYỄN QUỐC	THẮNG	08/07/05	MK23111			
33	22300895	ĐÀO NGỌC TRÚC	THI	05/03/05	NL23111			
34	22300267	NGUYỄN HUỲNH ANH	THƯ	09/10/05	NL23111			
35	22301661	BÙI VẠN	TÍN	27/11/05	NL23111			
36	22302407	LÊ NGUYỄN BẢO	TRÂN	26/11/05	MK23111			
37	22302448	ĐẶNG LÊ TƯỜNG	VI	25/04/05	MK23111			
38	22301982	LÊ NHẬT	VƯƠNG	29/06/05	NL23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Project Management (BA303DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 1400 – Số hiệu lớp: 1102
Giảng viên: Nguyễn Thanh Nam
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 005 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500308	LORY	YUNA	22/04/05	QT225			
2	22302360	TẮT QUỐC	AN	02/09/05	TV23111			
3	22303071	HUYỀN BẢO	DUY	07/04/05	TV23111			
4	22303903	VÕ MAI OANH	ĐÀO	21/12/05	TV23111			
5	22303826	TRẦN NGUYỄN CÁT	ĐẠI	28/04/99	TV23111			
6	22302565	PHẠM NGUYỄN TRẦN	HOÀNG	01/10/05	TV23111			
7	22302410	DU MỸ	HOA	24/02/05	TV23111			
8	22202318	NGUYỄN DƯƠNG MINH	HOÀNG	24/09/04	DM22111			
9	22303813	NGUYỄN TRỌNG KHÁNH	HOÀNG	21/09/05	TV23111			
10	22302726	HUYỀN DUY	KHA	23/05/05	TV23111			
11	22303825	TRẦN ĐÀM DUY	KHANG	10/09/05	TV23111			
12	22302461	NGUYỄN ANH	KHOA	04/12/05	TV23111			
13	22302518	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	14/01/05	TV23111			
14	22303809	VŨ	KIỆT	21/11/05	TV23111			
15	22302540	TRẦN HOÀNG	LONG	03/05/05	TV23111			
16	22303233	NGUYỄN PHÁT	LỘC	30/01/05	TV23111			
17	22116458	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	10/11/03	TV21111			Cấm thi
18	22302327	TRẦN MỸ	NGÂN	04/11/04	TV23111			
19	22302203	NGUYỄN ĐẶNG CHÍ	NGHĨA	10/04/05	TV23111			
20	22302566	NGUYỄN VĂN MINH	NHẬT	25/10/05	TV23111			
21	22302459	BÙI NGUYỄN TUYẾT	NHI	03/04/03	TV23111			
22	22302253	NGUYỄN VIỆT ANH	QUÂN	21/05/05	TV23111			
23	22303790	PHẠM NGUYỄN THANH	TÂM	04/05/05	TV23111			
24	22302449	HÀ CÔNG	THÀNH	30/01/05	TV23111			
25	22303836	NGUYỄN PHÚ	THỊNH	11/08/05	TV23111			
26	22302416	LÊ PHƯỚC	THÔNG	05/10/05	TV23111			
27	22302559	DƯƠNG TẤN BẢO	THÚY	29/12/05	TV23111			
28	22303053	NGUYỄN MINH	THƯ	08/06/05	TV23111			
29	22303118	NHÂM VÂN	THƯ	31/10/05	TV23111			
30	22303729	TRẦN QUỲNH	TRÂM	04/06/05	TV23111			
31	22303074	DƯƠNG ĐÌNH	TRI	16/08/05	TV23111			
32	22303060	TRẦN CHÍ	TRƯỜNG	20/03/05	TV23111			
33	22302569	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	TUYỀN	13/02/05	TV23111			
34	22303662	NGUYỄN THỤY THỰC	UYÊN	07/04/05	TV23111			
35	22205730	ĐỖ ĐÌNH	VƯỢNG	03/01/04	TV22111			
36	22302573	BÙI TƯỜNG	VY	15/01/05	TV23111			
37	22303426	NGUYỄN THUẬN	VY	30/11/05	TV23111			
38	22303209	LÊ HỒNG	YẾN	06/12/05	TV23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Project Management (BA303DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 1500 – Số hiệu lớp: 1103
Giảng viên: Nguyễn Thanh Nam
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 044 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500292	BEZOMBES	ANAÏS	23/10/05	QT225			
2	22500294	AMARENCO	TESSA	15/07/05	QT225			
3	22011584	ĐẶNG QUANG	DUY	13/10/02	TV20111			
4	22300685	TRẦN NGUYỄN ANH	DŨNG	30/08/05	TV23111			
5	22300420	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	11/06/05	TV23111			
6	22301149	DƯƠNG MỸ	ĐÌNH	06/07/05	TV23111			
7	22300848	VŨ VĂN	ĐỘ	28/11/05	TV23111			
8	22301755	NGHIÊM XUÂN	ĐỨC	05/07/05	TV23111			
9	22300510	TRƯƠNG ANH	ĐỨC	21/11/05	TV23111			
10	22301167	TRẦN TRÍ	HẢI	10/08/05	TV23111			
11	22301095	LÃ ĐỨC	HIẾU	13/06/05	TV23111			
12	22301833	ĐẶNG QUỐC	HUY	27/11/05	TV23111			Cấm thi
13	22300799	HUỲNH VĨNH	KHANG	04/01/05	TV23111			
14	22300585	NGUYỄN DUY	KHANG	18/09/05	TV23111			
15	22300818	PHAN NGUYỄN PHÚC	KHANG	16/03/03	TV23111			
16	22301222	LÊ CHÍ	LĨNH	11/03/05	TV23111			
17	22301152	CHÂU THÀNH	LONG	03/11/05	TV23111			Cấm thi
18	22300116	VŨ NGUYỄN HOÀI	MY	26/09/00	DM23111			Cấm thi
19	22300017	TRẦN	NGHĨA	16/01/03	TV23111			
20	22301185	ĐẶNG SỸ	NGUYỄN	03/09/05	TV23111			
21	22300965	HỒ HƯNG	NGUYỄN	12/12/05	TV23111			
22	22400386	HUỲNH NGỌC KHÔI	NGUYỄN	08/10/03	TC24111			Cấm thi
23	22300225	NGUYỄN TRƯƠNG THẢO	NHI	11/01/05	TV23111			
24	22300506	LÊ HUỲNH TUẤN	PHI	23/05/05	TV23111			
25	22300658	NGUYỄN DUY HOÀNG	PHÚC	06/01/05	TV23111			
26	22300364	HUỲNH NGUYỄN THANH	PHƯƠNG	04/07/03	TV23111			
27	22300550	LÊ BÁ	QUYỀN	07/02/01	MK23111			Cấm thi
28	22301847	PHAN NGUYỄN THANH	THẢO	28/03/05	TV23111			
29	22301752	LẠI ĐỨC	THẮNG	26/01/04	TV23111			
30	22301824	CAO DƯƠNG GIA	THỊNH	07/12/03	TV23111			
31	22300946	LÊ PHẠM MINH	THUY	07/11/05	TV23111			
32	22301217	PHẠM MINH	TIẾN	16/08/05	TV23111			
33	22300668	NGUYỄN TRẦN HUỲNH	TRANG	15/08/05	TV23111			
34	22300419	PHAN BẢO	TRUNG	31/01/05	TV23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Introduction to Digital Marketing (DM304DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1124
Giảng viên: Nguyễn Thành Lữ
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 024 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22140236	NGÔ HOÀNG NGỌC	ANH	11/07/92	DM21111			
2	22207614	LÊ NGUYỄN HOÀNG	HÀ	19/04/01	DM22111			
3	22202416	HÀ THẾ	HÀO	24/12/04	DM22111			
4	22204632	NGUYỄN GIA	HÀO	14/02/04	DM22111			
5	22114928	NGUYỄN NGỌC	HIẾU	16/09/03	DM21111			
6	22200561	LÊ LỤC	LINH	19/01/04	DM22111			
7	22110948	TRƯƠNG NHẬT	LONG	22/11/03	DM21111			
8	22116987	VŨ NGỌC	LONG	24/07/03	DM21111			
9	22114639	LÊ THANH	MAI	08/06/03	DM21111			
10	22400544	BÙI XUÂN	MINH	31/01/05	DM24111			
11	22111713	TRẦN KHANH THẢO	NGUYỄN	16/10/03	MK21111			
12	22100204	LÊ MINH	NHẬT	27/09/01	DM21111			
13	22206020	NGÔ THỊ NGỌC	NHUNG	17/01/04	DM22111			
14	22203261	LƯU KỶ	QUÂN	09/08/04	DM22111			
15	22114488	CAO ĐẶNG KIM	QUYÊN	02/10/03	DM21111			
16	22205060	PHẠM THANH	THIÊN	25/01/04	DM22111			Cấm thi
17	22206229	NGUYỄN TẤN	THỊNH	25/05/04	DM22111			
18	22206605	PHẠM ANH	THƯ	22/05/04	DM22111			
19	22112401	PHẠM BÍCH THUY	TRANG	20/02/02	DM21111			
20	22204520	NGÔ YẾN	VI	15/03/04	DM22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Đại số Tuyến tính (GS104DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1546
Giảng viên: Nguyễn Văn Lộc
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 112 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22403024	VŨ GIA	BẢO	04/12/06	QL24111			
2	22206315	VŨ THẾ	BẢO	24/03/04	QL22111			
3	22400457	LÊ NGUYỄN THÀNH	DANH	07/07/06	PM24111			Cấm thi
4	22400173	NGUYỄN MAI NHẬT	DUY	28/08/06	PM24111			
5	22114163	TRẦN NGỌC	DƯƠNG	14/10/03	QL21111			
6	22206732	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	11/11/04	PM22111			
7	22402774	NGUYỄN TUẤN	HẢI	22/05/06	QL24111			
8	22402764	LÊ NGUYỄN XUÂN	HIỆU	10/05/06	QL24111			
9	22402726	ĐẶNG THÁI	HÒA	25/09/06	QL24111			
10	22105739	BÙI TẤN	HUY	22/07/03	QL21111			Cấm thi
11	22205164	ĐỖ LÊ GIA	HUY	06/12/04	QL22111			Cấm thi
12	22400077	NGUYỄN GIA	HUY	06/04/06	PM24111			
13	22302718	NGUYỄN LÂM	HÙNG	06/02/05	PM23111			Cấm thi
14	22118911	NGUYỄN THÀNH	HƯNG	16/09/03	QL21111			Cấm thi
15	22401361	TRẦN KHÁNH	HƯNG	13/01/06	PM24111			
16	22400898	LÊ HOÀNG	KHANG	07/12/06	PM24111			
17	22114830	NGUYỄN PHÚC	KHANG	07/07/03	QL21111			
18	22403007	TRƯƠNG TUẤN	KHANH	28/11/06	QL24111			
19	22207191	HỨA QUỐC	KHÁNH	30/01/04	QL22111			
20	22205797	NGUYỄN DUY	KHÁNH	05/05/04	PM22111			
21	22112919	TRẦN HUỖNH ĐĂNG	KHOA	12/09/03	QL21111			
22	22400343	ĐỖ NGUYỄN TUẤN	KIỆT	19/07/06	PM24111			
23	22205933	VÕ NGUYỄN NGUYỄN	LÀNH	05/03/04	QL22111			
24	22400475	VÕ HUY	LẬP	06/01/06	QL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Đại số Tuyến tính (GS104DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1546
Giảng viên: Nguyễn Văn Lộc
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 117 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402784	NGUYỄN THÀNH	LIÊM	21/11/06	PM24111			
2	22107346	NGUYỄN MAI	LINH	25/04/03	QL21111			Cấm thi
3	22206541	ĐỖ HOÀNG	MINH	22/12/04	QL22111			
4	22117945	NGUYỄN	MINH	08/11/03	PM21111			
5	22402900	TRẦN MINH	NAM	26/06/06	PM24111			
6	22401699	NGUYỄN PHÚ THÁI	PHONG	10/04/06	QL24111			Cấm thi
7	22402116	NGÔ ĐỖ ĐÌNH	PHÚ	21/09/06	PM24111			
8	22110905	NGUYỄN ĐẶNG HOÀNG	PHÚC	28/07/03	QL21111			
9	22400694	NGUYỄN THIÊN	PHÚC	23/08/06	PM24111			
10	22403050	ĐỖ NGỌC	QUANG	18/06/06	PM24111			
11	22402755	LƯU MINH	QUÂN	02/05/06	PM24111			
12	22401698	NGUYỄN LÊ HỒNG	QUÂN	06/12/95	QL24111			
13	22401862	TRẦN	QUYỀN	26/03/06	PM24111			Cấm thi
14	22207197	LƯU TIẾN	SANG	06/03/04	QL22111			
15	22402056	PHẠM NHỰT	TÂN	14/05/06	QL24111			
16	22301137	LÊ MINH	THÁI	20/02/05	QL23111			
17	22500816	NGUYỄN HỒNG	THÁI	08/02/03	QL25111			
18	22403072	PHẠM HOÀNG	THÔNG	21/07/96	PM24111			
19	22103116	TRẦN QUỐC	TIẾN	02/06/03	QL21111			Cấm thi
20	22402743	NGUYỄN HÙNG	TRUNG	27/03/06	PM24111			
21	22403105	VÕ NHỰT	TRUNG	02/05/06	PM24111			
22	22400701	LƯƠNG ANH	TUẤN	18/10/06	PM24111			Cấm thi
23	22200244	NGUYỄN TRẦN BẢO	TUẤN	08/10/04	PM22111			
24	22403124	LÊ MINH CÁT	TƯỜNG	18/05/06	QL24111			
25	22402745	ĐÀO HUỲNH ANH	VŨ	30/08/06	QL24111			
26	22403166	NGUYỄN LÊ NHƯ	Ý	15/05/06	QL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Đại số Tuyến tính (GS104DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1547
Giảng viên: Nguyễn Lê Duy
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 105 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400135	NGUYỄN NGỌC MINH	ANH	27/10/06	QL24111			
2	22400956	NGUYỄN QUỐC	ANH	06/11/06	QL24111			
3	22401934	ĐỖ GIA	BẢO	30/05/06	QL24111			Cấm thi
4	22403006	NGUYỄN PHƯƠNG	BẢO	12/05/06	QL24111			
5	22402554	ĐẶNG THÁI	BÌNH	18/07/06	QL24111			Cấm thi
6	22401369	PHẠM NGUYỄN MINH	CHÍ	28/01/06	QL24111			
7	22400823	CHU MẠNH	DANH	27/09/06	QL24111			
8	22401855	LA VĂN	DIỄN	28/05/06	QL24111			
9	22402891	NGUYỄN HẢI	DƯƠNG	26/12/06	QL24111			Cấm thi
10	22402201	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	30/09/06	QL24111			
11	22400911	ĐỖ THÁI HUY	HÀO	12/01/06	QL24111			
12	22401956	NGUYỄN GIA	HÀO	11/04/06	QL24111			Cấm thi
13	22207102	TRẦN GIA	HÀO	10/10/04	PM22111			
14	22401397	HÀ TRÍ	HẢI	04/04/05	QL24111			Cấm thi
15	22402836	HOÀNG THANH	HẢI	27/07/06	QL24111			
16	22401872	NGUYỄN VÕ	HIỆP	22/11/06	QL24111			
17	22400532	NGUYỄN ĐẮC	HOÀNG	19/03/06	QL24111			
18	22402933	NGÔ ĐỨC	HÒA	08/01/06	QL24111			
19	22400690	NGUYỄN MINH ANH	HUY	15/02/06	PM24111			
20	22401533	PHAN ĐẠT	HUY	21/09/05	QL24111			
21	22400712	TRẦN PHẠM MINH	HUY	13/08/06	QL24111			
22	22401613	NGUYỄN TRẦN	KHA	30/04/06	QL24111			
23	22401928	CHEA TRƯƠNG PHÚC	KHANG	17/07/06	QL24111			
24	22401112	HỨA DUY	KHẢI	18/03/06	QL24111			
25	22400598	NGUYỄN PHẠM THÀNH	KHOA	01/08/03	QL24111			
26	22401350	PHẠM ĐÌNH MINH	KHÔI	29/12/06	QL24111			
27	22402890	ĐỖ TUẤN	KIỆT	28/10/06	QL24111			
28	22400324	LÂM CHÍ	KIỆT	30/10/06	QL24111			
29	22400128	LÊ VĂN	LÍT	21/02/00	PM24111			
30	22402977	THÁI HOÀNG	LONG	30/10/06	QL24111			Cấm thi

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Đại số Tuyến tính (GS104DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1547
Giảng viên: Nguyễn Lê Duy
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 110 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402024	TRẦN NGUYỄN CHU	LONG	26/07/06	QL24111			
2	22401297	LAI KIM	MINH	01/11/06	QL24111			
3	22400853	LÊ QUỐC	NAM	30/01/06	QL24111			
4	22400073	NGÔ HOÀNG BẢO	NGỌC	01/01/06	QL24111			
5	22402023	DƯƠNG PHẠM KHÔI	NGUYỄN	23/06/06	QL24111			Cấm thi
6	22400464	NGUYỄN HOÀNG	NGUYỄN	19/12/05	QL24111			
7	22207130	VƯƠNG ĐĂNG KHÔI	NGUYỄN	09/01/04	QL22111			
8	22205461	LÊ DANH	NHÂN	07/05/04	QL22111			
9	22400877	PHẠM THÀNH	NHÂN	04/07/06	QL24111			
10	22401681	LÊ HOÀNG	NHẬT	03/07/06	QL24111			
11	22401358	LÊ QUANG	NHẬT	02/10/06	QL24111			
12	22401353	QUÁCH THIÊN	PHONG	11/04/06	QL24111			
13	22402301	NGUYỄN ĐOÀN	PHÚC	05/04/06	QL24111			
14	22206025	NGUYỄN MINH	PHÚC	03/08/04	QL22111			Cấm thi
15	22401340	ĐỖ NGỌC	SƠN	23/08/06	QL24111			
16	22401164	HUỲNH TRẦN	TÀI	01/08/06	QL24111			Cấm thi
17	22400939	LÝ TUẤN	TÀI	14/08/06	QL24111			
18	22401270	NGUYỄN MINH	TÀI	17/09/06	QL24111			
19	22102933	HỒ NGỌC	TÂN	17/01/03	QL21111			Cấm thi
20	22118831	NGUYỄN XUÂN	TÂY	28/01/03	QL21111			Cấm thi
21	22402902	ĐOÀN LIÊNG	THÀNH	24/03/06	QL24111			
22	22205903	NGUYỄN TRUNG	THÀNH	13/03/04	QL22111			Cấm thi
23	22401590	TRẦN THÁI HỮU	THỊNH	11/02/06	QL24111			
24	22401639	LÊ VĂN	TIẾN	15/11/06	QL24111			Cấm thi
25	22401271	NGUYỄN BÁ	TOÀN	09/01/06	QL24111			Cấm thi
26	22206765	NGUYỄN TRẦN	TOÀN	18/09/04	QL22111			
27	22400935	TRƯƠNG CÔNG	TRÚ	31/08/06	QL24111			Cấm thi
28	22401311	LÊ	TUYÊN	24/04/06	QL24111			
29	22400196	NGUYỄN THANH	TÙNG	28/10/06	QL24111			Cấm thi
30	22401359	NGUYỄN NHÂN	VĂN	04/11/06	QL24111			
31	22401947	NGUYỄN HOÀNG	VIỆT	03/12/06	QL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Hệ thống thông tin và phân tích dữ liệu (KT321DV01) – Số tín chỉ: 6.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1635
Giảng viên: Trần Thị Hoàng Phượng
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 006 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22300053	NGUYỄN QUỲNH	ANH	24/04/03	KT23111			
2	22301400	TRẦN THỊ BẢO	CHÂU	28/09/05	KT23111			
3	22301848	NGUYỄN PHẠM MINH	ĐAN	24/08/05	KT23111			
4	22303732	LÊ NGUYỄN MINH	ĐẠT	14/07/05	KT23111			
5	22301872	NGUYỄN NGỌC GIA	HÂN	08/12/05	KT23111			
6	22300868	NGUYỄN LÊ	HIỆN	12/08/02	KT23111			
7	22301617	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	HOA	27/01/05	KT23111			
8	22301772	NGUYỄN ĐỨC	HƯNG	17/10/05	KT23111			
9	22303615	NGUYỄN THỊ HỒNG	KHANH	02/01/05	KT23111			
10	22301699	HUỲNH NGỌC THIÊN	KIM	29/01/05	KT23111			
11	22301724	PHẠM THỊ KHÁNH	LINH	03/09/05	KT23111			
12	22300102	TRẦN THỊ PHƯƠNG	LINH	04/12/04	KT23111			
13	22304036	TRẦN HOÀNG UYỄN	MI	03/01/02	KT23111			
14	22301968	NGUYỄN LÊ THANH	NGÂN	16/09/05	KT23111			
15	22300026	BÙI HUY	NHẬT	14/02/02	KT23111			
16	22300664	HUỲNH THANH	TRÚC	25/09/05	KT23111			
17	22303112	NGUYỄN NGỌC THANH	VY	02/11/05	KT23111			
18	22303179	NGUYỄN THỊ TRÚC	VY	03/06/05	KT23111			
19	22301179	TRẦN THÚY	VY	11/11/05	KT23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Logistics (LG202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1651
Giảng viên: Nguyễn Phương Liên
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 011 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	2193988	VÕ NGỌC TRÂM	ANH	29/08/01	NT19112			
2	22117213	VŨ HOÀNG	KHANG	02/07/03	NT21111			
3	22204992	LÊ ĐÀO ĐĂNG	KHOA	28/03/03	LG22111			
4	22107693	NGUYỄN NGỌC PHI	LONG	25/08/00	NT21111			
5	22011345	LÊ BẢO	MỸ	18/11/02	LG20111			
6	22109506	ILIA THIÊN	NGUYỄN	13/07/03	LG21111			
7	22102235	ĐẶNG QUANG	NHẤT	14/05/03	NT21111			
8	22115061	NGUYỄN NGỌC	NHI	02/04/03	NT21111			
9	2194215	LÊ THÀNH	PHÁT	20/12/99	NT19112			
10	22107465	ĐỖ DƯƠNG LINH	TÂM	17/07/03	NT21111			
11	22014568	LÊ TẤN	THÀNH	04/05/02	NT20111			
12	2191208	NGUYỄN TRẦN	TOÀN	29/04/01	LG19111			Cấm thi
13	22108320	NGUYỄN XUÂN	VĨNH	27/03/03	LG21111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Quản trị Bán lẻ (MK306DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1715
Giảng viên: Nguyễn Hải Đăng
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 011 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	2193861	BÙI NGUYỄN QUỲNH	ANH	01/11/01	KS19111			
2	2190081	THÁI ĐÀI	DƯƠNG	03/07/97	NT19111			
3	22101491	PHẠM MINH	ĐỨC	14/07/03	MC21111			
4	22011197	LƯU VŨ HOÀNG	HUY	12/01/02	NT20111			
5	22103089	NGUYỄN	HUY	04/11/03	NT21111			
6	22014583	TRẦN NGUYỄN DUY	KHƯƠNG	13/10/02	MC20111			
7	22001902	LÂM TUẤN	KIỆT	25/08/02	NT20111			
8	22103152	NGUYỄN NHƯ	MINH	29/12/02	NT21111			
9	2199133	PHẠM ANH	NGUYỄN	18/03/01	NT19111			
10	2190527	BÙI THỊ PHƯƠNG	NHÃ	18/08/98	NT19112			
11	22000003	NGUYỄN TẤN	PHÚC	24/02/01	NT20111			
12	2198887	NGUYỄN THỊ DIỄM	PHÚC	24/12/01	MK19112			
13	22122673	HÀ NGỌC TUYẾT	TRINH	06/05/03	NT21111			
14	22102979	HUỲNH PHƯỚC	TRỌNG	19/11/03	MC21111			
15	22104415	LÊ PHAN THANH	VY	22/05/03	MC21111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Nhật 2 (NHAT102DV03) – Số tín chỉ: 4.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1735
Giảng viên: Phạm Thị Minh Tâm
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 013 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22300524	PHẠM NGỌC MINH	CHÂU	25/06/05	EM23111			
2	22300765	TRẦN MINH	CHIẾN	24/04/05	TM23111			
3	22303948	ĐẶNG HỒNG	HÂN	20/09/05	TE23111			
4	22206222	TRẦN VŨ ANH	HÓN	13/07/03	TM22111			
5	2199466	VŨ HOÀI PHƯƠNG	LINH	18/07/99	KS19112			Cấm thi
6	22301261	NGUYỄN HOÀNG	LONG	10/06/00	TM23111			
7	22300445	GIANG TIỂU	MY	04/08/05	EM23111			
8	22303808	LÊ PHAN KHÁNH	NGỌC	09/11/05	TM23111			
9	22109596	NGUYỄN LÊ	NIÊN	11/09/03	TM21111			
10	22014679	DƯƠNG TẤN	PHÁT	18/08/02	TM20111			
11	22000029	VƯƠNG MINH	QUÂN	12/11/01	TM20111			Cấm thi
12	22300478	NGUYỄN TRANG	THANH	04/10/05	TM23111			
13	22301892	BÙI NGỌC THỦY	TIỀN	28/02/04	TE23111			
14	22303605	NGUYỄN HUỲNH THU	TRANG	27/06/05	TE23111			
15	22302564	NGUYỄN LÊ QUỲNH	TRÂM	16/04/05	TM23111			
16	22301279	NGUYỄN ĐƯỢC MINH	TUỆ	24/07/05	TE23111			
17	22304095	NGUYỄN VĨNH	TƯỜNG	15/12/03	TM23111			
18	22301097	ĐÀO HÀ HUY	VĂN	20/11/05	TM23111			
19	22301507	CHU THỰC	VY	02/03/05	TE23111			
20	22301582	NGUYỄN KIỀU HẢI	YẾN	13/06/05	TE23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Nhật 2 (NHAT102DV03) – Số tín chỉ: 4.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1736
Giảng viên: Phạm Thị Minh Tâm
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 015 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22205760	NGUYỄN NGỌC TUYẾT	ANH	24/01/04	NH22111			
2	22301347	PHẠM PHAN HỒNG	ANH	20/06/05	DL23111			
3	22303398	TRẦN NHẬT	DUY	29/09/05	DL23111			
4	22303666	CAO NGUYỄN MINH	HIẾU	21/09/05	DL23111			
5	22200532	PHAN THANH PHƯƠNG	KHANH	01/05/04	TM22111			
6	22004338	ĐÌNH ĐỨC MINH	KHÔI	09/07/02	TE20111			
7	22301642	NGUYỄN THANH	KIỆT	23/06/04	DL23111			Cấm thi
8	22301581	TRỊNH NGUYỄN MAI	LY	09/12/00	NH23111			
9	22014155	HỒ HUỖNH MINH	MỸ	31/05/02	TM20111			
10	22300375	NGUYỄN VÕ LỢI	PHÁT	08/12/02	TE23111			
11	22301345	NGUYỄN MINH	PHÚC	27/08/05	DL23111			Cấm thi
12	22302441	LÊ VĂN	SAM	21/09/05	DL23111			
13	22207037	ĐẶNG QUỐC	THỤY	26/03/04	TE22111			
14	22301151	LÊ LÂM ANH	THƯ	07/05/05	NH23111			
15	22302153	PHẠM HOÀI	THƯƠNG	20/07/04	NH23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Quản trị Chiến lược (BA302DV01) – **Số tín chỉ:** 3.00
Lớp học phần: 0100 – **Số hiệu lớp:** 1430
Giảng viên: Châu Tấn Lực
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 008 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22112614	TRƯƠNG HOÀNG	DUY	01/02/03	TV21111			Cấm thi
2	22000827	NGUYỄN HOÀNG GIA	HUY	16/04/01	TV20111			
3	22012061	TRẦN HOÀNG	HUY	29/05/02	TV20111			
4	22116478	VÕ THÁI	LÂM	21/06/03	TV21111			
5	22012297	HỒ HOÀNG	LONG	15/03/02	TV20111			
6	22000041	TRẦN	LONG	24/10/00	TV20111			
7	22003391	LƯƠNG TUẤN	LUÂN	23/02/02	TV20111			
8	22204711	PHẠM HỒ XUÂN	MAI	15/07/04	NT22111			
9	22500039	LÊ NGỌC GIÁNG	MY	01/09/06	MK25111			
10	22113839	CAO HỒNG	NGÂN	07/09/03	TV21111			
11	22014717	MAI THẢO	NHI	09/12/01	EM20111			
12	22103967	TRẦN KIỀU DIỄM	QUỲNH	25/12/03	TV21111			
13	22207399	VŨ THỊ	QUỲNH	01/01/04	LG22111			
14	22114300	PHAN VĂN	TÂM	06/05/01	TV21111			
15	22500005	TRẦN NHẬT	TÂN	14/01/02	MK25111			
16	22114828	LIÊU TUẤN	THÀNH	01/08/03	TV21111			
17	22123122	HUỲNH CHÍ	TOÀN	29/03/03	TV21111			
18	22101125	PHAN THỊ NGỌC	TỶ	02/05/01	TV21111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Trung Quốc 3 (CL203DV01) – Số tín chỉ: 3.00

Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1439

Giảng viên: Lý Hồng Dung

Ngày thi: 30/12/2025

Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 105 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22403118	BÙI THÚY	AN	08/05/01	CL24111			Cấm thi
2	22403153	BẾ DUY	ANH	09/03/04	CL24111			Cấm thi
3	22400882	HỒ THỊ HỒNG	ANH	29/03/05	CL24111			
4	22403084	ỨNG THỊ PHƯƠNG	ANH	04/03/05	CL24111			
5	22401416	ĐỖ QUỐC	BẢO	19/08/04	CL24111			
6	22402903	PHẠM THỊ KHÁNH	BĂNG	27/03/06	CL24111			
7	22402181	DƯƠNG LÊ	DUNG	13/07/06	CL24111			
8	22402965	MAI THỊ PHƯƠNG	DUNG	22/05/88	CL24111			
9	22400717	NGUYỄN MINH	ĐĂNG	13/10/03	CL24111			
10	22400599	NGUYỄN NGỌC ANH	HIỂN	17/09/06	CL24111			
11	22400546	HUỲNH DUY	KHÁNH	17/01/06	CL24111			
12	22400468	NGUYỄN NGỌC THANH	LAM	28/06/04	CL24111			
13	22402765	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	10/10/98	CL24111			
14	22400433	TRẦN HỒNG	LỰA	09/04/06	CL24111			
15	22402019	TRẦN HOÀNG	NGÂN	22/08/06	CL24111			
16	22401791	TRẦN THÁI	NGUYỄN	24/03/06	CL24111			
17	22400448	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	14/07/06	CL24111			
18	22402797	ĐINH MỸ	NHƯ	10/03/06	CL24111			
19	22401752	TRƯƠNG KHẮC THIÊN	PHONG	28/11/03	CL24111			
20	22400096	NGÔ GIA	PHỤNG	03/10/06	CL24111			
21	22400603	HỒ THỊ MỸ	PHƯƠNG	16/06/06	CL24111			
22	22400832	NGUYỄN ĐỖ NAM	PHƯƠNG	23/11/06	CL24111			
23	22400617	NGUYỄN KHẢ	TÂM	08/07/06	CL24111			
24	22400374	HUỲNH PHÚC	THỊNH	10/08/06	CL24111			
25	22401822	LÊ THỊ LÊ	THÚY	27/08/06	CL24111			
26	22400426	LÊ THỊ BÍCH	TRÂM	02/08/06	CL24111			
27	22403199	VĂN NGỌC	TRÚC	27/11/04	CL24111			
28	22402073	NGUYỄN THÚY	VY	17/08/06	CL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Trung Quốc 3 (CL203DV01) – Số tín chỉ: 3.00

Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1440

Giảng viên: Lý Hồng Dung

Ngày thi: 30/12/2025

Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 110 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401023	NGUYỄN LÝ HOÀNG	AN	28/01/06	CL24111			
2	22403136	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	ANH	16/09/02	CL24111			
3	22402734	LÊ THỊ NGỌC	ANH	06/05/06	CL24111			
4	22402971	PHAN THỊ NGỌC	ANH	15/09/96	CL24111			
5	22400771	TRẦN ĐẶNG VÂN	ANH	07/09/05	CL24111			
6	22401991	TRỊNH NGỌC TRÂM	ANH	28/09/06	CL24111			
7	22401993	LÊ VŨ PHƯƠNG	HÀ	28/05/06	CL24111			
8	22400789	NGUYỄN THẢO	HIỀN	02/05/06	CL24111			
9	22401174	VŨ HUY	HOÀNG	04/01/06	CL24111			
10	22400594	TRẦN THỊ HIỀN	HÒA	28/01/06	CL24111			
11	22401516	ĐỒNG HOÀNG	HÙNG	04/09/06	CL24111			
12	22402983	NGUYỄN LÊ THANH	HƯƠNG	05/09/06	CL24111			Cấm thi
13	22401056	TẶNG VĂN	HƯƠNG	20/12/06	CL24111			Cấm thi
14	22401156	HỒNG BẢO ANH	KHOA	30/05/06	CL24111			
15	22401576	LÊ TRẦN ANH	KIỆT	29/08/06	CL24111			
16	22401143	HUỲNH MÃN	LÊ	19/02/06	CL24111			
17	22400210	LÝ TUYẾT	LINH	23/02/01	CL24111			
18	22402132	TRẦN NGUYỄN ÁNH	LY	26/10/06	CL24111			
19	22402149	BÙI THỊ KIỀU	MI	02/03/06	CL24111			
20	22401467	NGUYỄN DUY	MINH	28/12/06	CL24111			Cấm thi
21	22403059	CAO THUY YẾN	NGA	10/10/02	CL24111			
22	22402937	VÕ ĐOÀN BẢO	NGỌC	11/07/06	CL24111			
23	22402695	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	QUỲNH	31/05/06	CL24111			
24	22400897	ĐẬU NỮ MI	SA	20/04/06	CL24111			
25	22400907	BÙI KHẮC TẤN	TÀI	26/12/06	CL24111			
26	22401531	DANH TRẦN PHƯƠNG	THẢO	03/06/06	CL24111			
27	22400445	HUỲNH THANH THỦY	TIỀN	11/05/04	CL24111			
28	22400796	LIÊU THỰC	TRÂN	17/03/06	CL24111			
29	22401703	TẶNG TUYẾT	TRÌNH	25/11/06	CL24111			
30	22401611	NÔNG THỊ THU	UYÊN	26/09/06	CL24111			
31	22401107	TRẦN THỊ THANH	XUÂN	30/01/05	CL24111			
32	22402105	XIAO JIA	YING	10/04/06	CL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Thống kê ứng dụng (GS109DV02) – Số tín chỉ: 3.00

Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1548

Giảng viên: Lâm Quốc Dũng

Ngày thi: 30/12/2025

Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 112 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22006412	PHẠM LƯU NGỌC	MINH	28/11/02	HQ20111			
2	22205065	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	NGHI	08/08/04	NH22111			Cấm thi
3	22200745	TRƯƠNG THÚY BẢO	NGỌC	02/09/04	MK22111			
4	22116377	TRẦN TUẤN	NGUYỄN	09/07/03	TV21111			
5	22207637	LÊ MINH	NHẬT	23/04/04	KT22111			
6	22201636	NGUYỄN HUỲNH MINH	NHẬT	23/02/04	KS22111			
7	22202918	NGUYỄN PHẠM XUÂN	NHI	15/11/04	DM22111			
8	22107452	NGUYỄN THANH	NHỰT	17/04/03	KN21111			
9	22200891	VÕ NGUYỄN KHÁNH	NHƯ	10/01/04	NH22111			
10	22401948	LÝ DIỄM	PHONG	23/02/06	DM24111			Cấm thi
11	22206405	VÕ NGỌC THIÊN	PHÚC	17/01/04	NL22111			
12	22207300	PHẠM VÕ NỮ KIỀU	PHỤNG	31/01/04	MK22111			
13	22207475	NGUYỄN KHÁNH THIÊN	PHƯƠNG	03/11/04	KT22111			
14	22113282	NGUYỄN HỮU	PHƯỚC	24/05/03	TV21111			
15	22205672	TRẦN NGUYỄN	PHƯỚC	21/04/04	TV22111			
16	22122600	NGUYỄN NHẬT	TÂM	16/01/02	NT21111			
17	22207594	NGUYỄN QUỐC	THẮNG	02/09/03	TV22111			
18	22500046	LIÊNG ĐỨC	THỊNH	15/09/03	DM25111			
19	22201010	TRẦN PHÚC	THỊNH	15/01/04	TV22111			
20	22304031	NGUYỄN HOÀNG DUY	THÔNG	26/05/01	DM23111			Cấm thi
21	22012083	NGUYỄN HỮU	THUẬN	07/11/02	TV20111			Cấm thi
22	22011968	CHU PHẠM THANH	THÚY	22/05/02	KS20111			
23	22117439	BÙI TRẦN ANH	THƯ	16/12/03	MK21111			
24	22119178	ĐỖ CAO BẢO	THY	04/12/03	LG21111			
25	22117790	PHẠM XUÂN	TIỀN	13/11/03	TC21111			Cấm thi
26	22117126	HUỲNH ĐỨC	TÍN	05/10/03	TV21111			Cấm thi
27	22206765	NGUYỄN TRẦN	TOÀN	18/09/04	QL22111			
28	22500636	NGUYỄN TRẦN NGỌC	TRANG	17/05/00	TC25111			
29	22012146	NGUYỄN ĐỨC	TRUNG	18/06/02	NL20111			
30	22205006	VŨ NGUYỄN THANH	TRUNG	05/10/04	TV22111			
31	22115230	NGUYỄN HUỲNH HUY	TRƯỜNG	26/02/03	LG21111			Cấm thi
32	2181574	PHAN MINH	TUẤN	10/01/00	NL1811			
33	22011324	NGUYỄN KIM	TUYỀN	22/10/02	TC20111			Cấm thi
34	22200187	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	29/08/03	NH22111			
35	22111021	TRẦN THANH	TÙNG	08/09/03	TV21111			
36	22200006	VŨ THU	UYÊN	11/02/00	TV22111			
37	22204122	NGUYỄN TÔ ĐỨC	VINH	03/05/04	NL22111			
38	22122759	ĐÀO NGUYỄN TƯỜNG	VY	18/08/03	KN21111			
39	22402712	NGÔ PHƯƠNG	VY	13/08/05	MK24111			
40	22014963	NGUYỄN TRÂM PHƯƠNG	VY	12/07/02	DM20111			Cấm thi
41	22111055	TRẦN HOÀNG PHƯƠNG	Y	10/09/03	NH21111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Thống kê ứng dụng (GS109DV02) – Số tín chỉ: 3.00

Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1548

Giảng viên: Lâm Quốc Dũng

Ngày thi: 30/12/2025

Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 117 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22114335	LÊ TRÂM	ANH	10/11/03	TATV21111			
2	22106180	LÊ TRÚC HỒNG	ANH	29/11/03	DL21121			
3	2192884	TRẦN NGỌC LAN	ANH	29/06/01	TL1911			
4	22110996	LÊ HỒ GIA	BẢO	03/09/03	TV21111			
5	22114264	PHẠM GIA	BẢO	27/11/02	TATL21111			
6	22007947	HÀ CÔNG VIỆT	BẰNG	09/09/02	TV20111			
7	22204809	NGUYỄN LƯƠNG BẢO	CHÂU	29/11/04	NL22111			
8	22102517	NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	20/08/03	TC21111			
9	22118484	DƯƠNG ANH	DUY	14/08/03	LG21111			
10	22140048	NGUYỄN HOÀNG	DŨNG	26/09/03	DM21111			
11	22500087	ĐẶNG TIẾN	ĐẠT	16/12/88	FT25111			
12	22204482	PHAN TRẦN TIẾN	ĐẠT	14/10/04	TV22111			
13	22200125	TRẦN HỒNG	ĐĂNG	07/04/04	NL22111			
14	22002812	DƯƠNG ĐẠI	ĐỒNG	10/05/02	KS20111			
15	22119109	PHẠM TRÍ	ĐỨC	10/02/03	NH21111			Cấm thi
16	22200265	NGUYỄN QUỐC	HÀN	09/04/04	NL22111			
17	22204039	HUỲNH TRƯỜNG	HẢI	17/09/04	MK22111			
18	22205834	LÊ CÔNG ĐẠI	HẢI	24/10/00	NH22111			
19	2199467	HÀ GIA	HÂN	14/03/99	TC19112			
20	22011798	VŨ TRẦN MINH	HẰNG	10/03/02	TATL20111			
21	22206157	LƯU NGỌC	HIẾU	11/03/04	LG22111			Cấm thi
22	22205915	NGUYỄN THỊ MINH	HIẾU	18/02/04	TV22111			
23	22200394	TRẦN MINH	HOÀNG	16/05/04	NH22111			
24	22102021	NGUYỄN HOÀNG	HUY	23/06/03	DL21121			
25	22111063	TRƯƠNG QUANG	HUY	07/05/03	NT21111			
26	22011687	NGUYỄN THANH	HƯNG	19/11/02	TV20111			
27	22013037	VŨ DUY	KHANG	16/12/01	LG20111			
28	22500019	NGUYỄN QUANG	KHÁNH	25/03/05	SE25111			
29	2183780	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	22/11/99	NH1811			Cấm thi
30	22207539	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	30/01/03	MK22111			
31	22140234	TÔ ĐĂNG	KHOA	18/04/01	TV21111			Cấm thi
32	2192021	ĐẶNG ANH	KHÔI	26/02/01	TV19111			Cấm thi
33	22119092	HÀ PHAN ANH	KHÔI	09/10/03	NH21111			Cấm thi
34	22002837	VÕ ANH	KHÔI	12/11/02	KT20111			
35	22207242	ĐINH TUẤN	KIỆT	28/08/04	NT22111			Cấm thi
36	22206692	TRẦN PHƯƠNG	KIỆN	06/02/04	KS22111			Cấm thi
37	22206632	VÕ NGUYỄN TRUNG	KIỆN	26/01/04	PM22111			
38	22205507	TRẦN HOÀNG	LONG	29/09/04	TV22111			
39	2196846	TRẦN TUẤN	LONG	22/04/01	KS19111			Cấm thi
40	22113283	NGUYỄN HỮU	LỘC	24/05/03	TV21111			
41	22205608	ĐÀM QUANG	MINH	16/10/04	TV22111			

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
42	22102669	LÊ NGUYỄN	MINH	03/02/03	MK21111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Marketing Strategy (MK317DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1248
Giảng viên: Trương Quang Cẩm
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 048 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500301	LE DREFF	ALEX	13/03/03	QT225			
2	22500302	LEBRUN-GROS	LOUIS	08/11/05	QT225			
3	22117020	BÙI THỊ VÂN	ANH	06/02/03	DM21111			
4	22207227	NGUYỄN THỊ THANH	BÌNH	10/06/03	TV22111			
5	22201173	LÊ THỊ NGỌC	CHÂM	08/12/04	MK22111			
6	22200646	NGUYỄN THỊ KIỀU	DIỄM	18/05/04	DM22111			
7	22205274	NGÔ PHAN ÁNH	DƯƠNG	18/07/03	DM22111			
8	22200237	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	03/04/04	TT22111			
9	22205920	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	10/05/04	MK22111			
10	22202318	NGUYỄN DƯƠNG MINH	HOÀNG	24/09/04	DM22111			
11	22122655	TRẦN THỌ	HUY	19/05/03	TATV21111			
12	22207145	NGUYỄN THỊNH LÂM	KHANG	14/12/04	TV22111			
13	22207705	PHAN THÀNH	KHANG	08/05/03	MK22111			
14	22004428	NGUYỄN TRÍ ANH	KHOA	25/03/02	MK20111			Cấm thi
15	22200066	NGUYỄN ẨMH	KHÔI	23/05/04	MK22111			
16	22206598	HUỲNH KIẾN	LUÂN	29/09/04	MK22111			
17	22207406	VŨ NGUYỄN CÁT	LƯỢNG	29/11/04	MK22111			
18	22205194	NGUYỄN NGHĨA	NHÂN	02/05/04	TV22111			
19	22200413	PHẠM TƯỜNG CÁT	NHIÊN	09/06/04	TT22111			
20	22205549	TRẦN THIÊN	PHÚC	28/01/04	TV22111			
21	22206185	TẶNG MINH	TÂM	12/03/04	MK22111			
22	22201143	TRẦN NHẬT	THĂNG	13/12/04	MK22111			
23	22204963	ĐOÀN VŨ ANH	THƯ	18/07/03	MK22111			
24	22205942	TRỊNH ANH	THƯ	11/04/04	TV22111			
25	22206994	NGUYỄN NGỌC UYÊN	THY	19/06/03	TV22111			
26	22207440	NGUYỄN CHÂU HUYỀN	TRINH	01/06/04	MK22111			
27	22205755	NGUYỄN DIỄM	TÚ	28/06/04	DM22111			
28	22206644	VŨ TRẦN QUỐC	VIỆT	17/07/04	TV22111			
29	22201089	NGUYỄN PHÚC	VINH	25/02/04	MK22111			
30	22206587	MAI THUÝ	VY	21/11/01	TV22111			
31	22206300	TRIỆU ÁI	VY	17/08/04	MK22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Marketing Strategy (MK317DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1249
Giảng viên: Đinh Như Ý
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 015 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22206156	NGUYỄN LÊ HÀ	ANH	21/11/04	TV22111			
2	22205918	NGÔ THỊ KHẢ	ÁI	16/02/04	MK22111			
3	22205016	NGUYỄN BẢO	BÌNH	05/01/01	DM22111			
4	22206063	NGÔ PHÚ	CƯỜNG	25/09/04	TV22111			
5	22010122	HỒ KHÁNH	DUY	07/07/02	MK20111			
6	22115108	HUỖNH	ĐẠI	14/03/03	DM21111			
7	22116855	TRẦN MINH	ĐẠO	19/08/03	MK21111			
8	22014652	NGUYỄN HỮU	HOÀNG	11/10/02	TV20111			
9	22001178	NGUYỄN QUỐC	HƯNG	06/11/02	DM20111			
10	22000597	LAI TUẤN	HỠ	11/10/02	TV20111			
11	22207432	TRƯƠNG VĨ	KHANG	08/05/03	TV22111			
12	22113856	HỒ VĂN QUANG	KHẢI	27/07/03	TV21111			
13	22205530	PHAN MINH	LUÂN	29/08/04	TV22111			
14	22206115	NGUYỄN MINH	NGỌC	13/09/04	MK22111			
15	22205904	TRẦN GIA	NGỌC	12/03/04	MK22111			
16	22200033	LÊ NGỌC QUỲNH	NHI	08/03/03	DM22111			
17	22200061	LÂM THỊ TIẾN	PHƯƠNG	14/11/02	TV22111			
18	22206967	HỒ PHƯƠNG	THỦY	15/11/04	MK22111			
19	22206263	PHẠM THỊ ANH	THƯ	27/12/03	MK22111			
20	22204143	LƯƠNG TRẦN MỸ	TIẾN	25/02/04	MK22111			
21	22205909	TRƯƠNG HỮU	TÍNH	09/02/04	TV22111			
22	22105736	LÊ PHƯỚC	TRÍ	18/02/03	TV21111			Cấm thi
23	2193172	PHẠM ANH	TUẤN	04/08/01	TV19111			
24	22011311	LÊ HOÀNG THẢO	VY	27/01/02	TV20111			
25	22203653	VĂN LÊ LAN	VY	15/10/04	TV22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Marketing Strategy (MK317DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0300 – Số hiệu lớp: 1250
Giảng viên: Huỳnh Thị Thanh Thúy
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 049 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500277	NGUYEN	QUYNHAN H	01/09/03	QT225			
2	22206028	NGUYỄN NAM	ANH	20/07/04	MK22111			
3	22204861	TỬ VĂN ANH	CHƯƠNG	08/12/01	DM22111			
4	22011988	PHAN HOÀNG	DIỄM	29/04/02	MK20111			
5	22207394	PHẠM THỊ THU	ĐƯỢC	14/07/04	TV22111			
6	22205268	SHAKIRIN	HAKIM	24/06/03	TV22111			
7	22200681	HOÀNG NGỌC	HÀ	07/01/04	TV22111			
8	22205059	NGUYỄN HỒ PHƯƠNG	HÀ	12/02/03	TV22111			
9	22115000	LÊ TRUNG	HIẾU	28/03/03	MC21111			
10	22206069	TRẦN NGỌC THẢO	HIỀN	23/05/04	MK22111			
11	22206767	NGUYỄN HUY	HOÀNG	06/10/04	MK22111			
12	22200179	NGUYỄN MINH	HOÀNG	08/06/04	MK22111			
13	22200386	NGUYỄN MINH	HUY	20/05/04	DM22111			
14	22002454	ĐẬU THỊ THANH	HƯƠNG	14/01/02	TV20111			
15	22206558	PHAN SU	HY	12/06/04	TV22111			
16	22206559	CHÂU HOÀNG THIÊN	LỘC	30/10/04	TV22111			
17	22205346	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	24/01/04	TV22111			
18	2194001	TRỊNH TUYẾT	NHI	13/02/01	MK19111			
19	22205136	THÔNG TIỂU	PHƯƠNG	16/09/03	TV22111			
20	22205099	NGUYỄN MẠNH	QUANG	03/01/03	DM22111			
21	22207351	TRƯƠNG PHƯƠNG	QUYÊN	01/09/04	MK22111			
22	22110185	TRẦN DƯƠNG QUỐC	THANH	22/06/03	MK21111			
23	22205756	ĐÀO ĐỨC	THÀNH	06/05/04	TV22111			
24	22207203	PHÓ KHÍ BẢO	THIÊN	12/07/04	MK22111			
25	22206742	CHÂU TRƯỜNG	THỊNH	08/11/04	MK22111			
26	22201578	HUYỀN MINH	THUẬN	23/02/04	MK22111			
27	22105049	HOÀNG THUY MINH	THƯ	16/10/03	TV21111			
28	22200288	LÊ TRẦN ANH	THƯ	12/10/03	MK22111			
29	22207098	NGUYỄN ANH	THƯ	12/01/04	MK22111			
30	22206968	NGUYỄN MỘNG	THƯ	10/10/04	DM22111			
31	22200420	TRẦN BÙI NGỌC	TRÍ	17/03/04	TV22111			
32	22204364	NGUYỄN LÊ THANH	TRÚC	20/08/04	TV22111			
33	22201830	NGUYỄN ANH	TUẤN	13/08/04	MK22111			
34	22204643	TRẦN HUỲNH ANH	TUẤN	06/01/04	MK22111			
35	22206251	TRỊNH GIA	TƯỜNG	07/12/04	TV22111			
36	22205815	NGUYỄN PHAN HOÀNG	VŨ	15/04/04	MK22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Luật và đạo đức truyền thông (TT204DV02) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1921
Giảng viên: Trần Ngọc Nhã Trân
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 012 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401452	NGÔ NGỌC QUỲNH	ANH	20/10/06	MC24111			
2	22400828	TRẦN QUỲNH	ANH	15/03/06	MC24111			
3	22400371	VŨ HOÀNG QUỲNH	ANH	29/09/06	MC24111			
4	22401294	NGUYỄN LÊ THIÊN	BẢO	10/10/06	MC24111			
5	22400576	LÊ HOÀNG	CHÂU	06/08/05	MC24111			
6	22402185	NGUYỄN PHẠM NGỌC	CHÂU	30/04/06	MC24111			
7	22402016	LƯƠNG DUYÊN THÙY	DUNG	27/03/06	MC24111			
8	22400841	VÕ THUẬN	DUY	15/08/06	MC24111			
9	22400648	VĂN KIM	ĐIỀN	13/05/06	MC24111			
10	22401061	HUỲNH NGỌC BẢO	HÂN	12/06/06	MC24111			
11	22400580	HỒ NGUYỄN QUỲNH	HƯƠNG	16/04/06	MC24111			
12	22402875	NGUYỄN THỊNH	KHANG	06/05/06	MC24111			
13	22400181	NGUYỄN TRẦN BẢO	KHANG	04/11/06	MC24111			
14	22401524	HỒ LÊ UYÊN	KHANH	27/11/06	MC24111			
15	22402963	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	31/05/02	MC24111			
16	22401021	TRẦN LÊ ANH	KHOA	09/01/06	MC24111			
17	22400481	TRẦN MINH	KHÔI	16/12/06	MC24111			
18	22402723	HỨA HOÀNG THÁI	KIỆT	27/12/03	MC24111			
19	22400168	PHÙNG THUÝ	LAM	29/07/06	MC24111			
20	22400447	LÊ ĐOÀN KHÁNH	LINH	09/01/04	MC24111			
21	22401145	NGUYỄN ĐỨC	MINH	04/04/06	MC24111			
22	22400646	PHÙNG GIA	MINH	08/01/06	MC24111			
23	22400867	VÕ NGỌC YẾN	MY	21/05/06	MC24111			
24	22400854	NGUYỄN HOÀNG	NAM	20/09/06	MC24111			
25	22400973	THÂN VĂN ĐẠI	NAM	07/04/06	MC24111			
26	22400766	LÊ NGỌC THẢO	NGÂN	08/06/06	MC24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Luật và đạo đức truyền thông (TT204DV02) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1921
Giảng viên: Trần Ngọc Nhã Trân
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 013 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402979	LÊ NGUYỄN BẢO	NGUYỄN	21/11/06	MC24111			
2	22402158	ĐỖ YẾN	NHI	15/02/06	MC24111			
3	22400444	NGUYỄN THỤY YẾN	NHI	14/11/04	MC24111			
4	22401286	NGUYỄN TRỌNG	PHÁT	01/05/06	MC24111			
5	22400164	TRẦN HÀ	PHƯƠNG	05/12/06	MC24111			
6	22401095	VÕ MINH	SANG	01/07/06	MC24111			
7	22401044	VÕ TẤN	TÀI	31/05/06	MC24111			
8	22400339	NGUYỄN THANH THIÊN	TÂN	18/03/06	MC24111			
9	22402930	VÕ NGỌC NHƯ	THẢO	14/06/06	MC24111			
10	22401585	LÂM TOÀN	THẮNG	19/02/06	MC24111			
11	22400478	LÊ MINH	THIỆN	13/12/06	MC24111			
12	22401630	NGUYỄN HỮU	THUẬN	19/11/06	MC24111			
13	22401367	PHAN VŨ	THUẬN	29/09/06	MC24111			
14	22401871	TRẦN ĐÀO HOÀI	THƯƠNG	08/08/06	MC24111			
15	22400504	LÊ TRỌNG	TÍN	27/07/06	MC24111			
16	22402914	PHẠM NGỌC UYÊN	TRANG	18/10/06	MC24111			
17	22401691	NGUYỄN TRẦN MAI	TRINH	15/11/06	MC24111			
18	22400626	PHAN THỊ NGỌC	TRÚC	21/05/06	MC24111			
19	22400086	NGUYỄN THANH	TÙNG	05/01/04	MC24111			
20	22400798	TRẦN MINH	TƯỜNG	23/01/06	MC24111			
21	22107664	VŨ NGUYỄN MỸ	UYÊN	12/12/01	TT21111			Cấm thi
22	22401649	MÃ UYÊN	VĂN	29/03/06	MC24111			
23	22400353	BÙI HOÀN	VY	19/01/06	MC24111			
24	22300093	ĐINH TÙNG	VY	17/07/04	TT23111			
25	22402183	NGUYỄN BẢO	VY	13/01/06	MC24111			
26	22400888	NGUYỄN TƯỜNG	VY	28/11/06	MC24111			
27	22403011	NGUYỄN YẾN	VY	23/12/06	MC24111			
28	22400831	TRẦN THÚY	VY	21/12/06	MC24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Luật và đạo đức truyền thông (TT204DV02) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1922
Giảng viên: Trần Ngọc Nhã Trân
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 019 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22301505	NGUYỄN NGỌC BÍCH	ANH	30/11/05	TT23111			
2	22300923	NGUYỄN NGỌC THẾ	ANH	30/11/05	TT23111			
3	22300434	TRƯƠNG NGỌC	ANH	02/07/05	TT23111			
4	22400055	TRẦN NGỌC GIA	BAO	10/05/06	TT24111			
5	22401259	NGÔ GIA	BẢO	13/05/06	TT24111			
6	22400780	NGUYỄN DUY	BIN	01/02/06	TT24111			
7	22301446	ĐỖ KHÁNH	DUNG	18/07/05	TT23111			
8	22300667	HỨA KHẮC	ĐIỀN	22/05/05	TT23111			
9	22300840	ĐỒNG VIỆT ANH	HÀO	14/05/05	TT23111			
10	22303736	LƯU HỒNG	HẠNH	02/02/05	TT23111			
11	22011268	NGUYỄN KIM	HẬU	11/05/02	TT20111			
12	22300687	ĐOÀN KHÁNH	HIẾU	31/05/05	TT23111			
13	22300983	TRẦN MINH	HIẾU	07/06/05	TT23111			
14	22300483	NGUYỄN ĐỨC	HUY	04/06/05	TT23111			
15	22301362	NGUYỄN THỊ DIỄM	HUYỀNH	16/02/04	TT23111			
16	22300162	TRƯƠNG VĨNH	HÙNG	04/05/05	TT23111			
17	22402931	TẶNG PHÚC	HƯNG	10/11/06	TT24111			
18	22206502	TRẦN NGUYỄN BẢO	KHÁNH	20/06/04	TT22111			
19	22401373	PHAN NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	09/05/06	TT24111			
20	22400850	NGUYỄN THỊ KIM	LINH	22/11/04	TT24111			
21	22300768	HÀNG ÁI	MINH	01/11/05	TT23111			
22	22300955	TẠ DUY	MINH	10/07/05	TT23111			
23	22300493	TRƯƠNG NHẬT THANH	MINH	15/07/05	TT23111			
24	22401769	TRƯƠNG QUANG	MINH	14/07/06	TT24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Luật và đạo đức truyền thông (TT204DV02) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1922
Giảng viên: Trần Ngọc Nhã Trân
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 043 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22200372	NGUYỄN HOÀNG	MY	26/08/03	TT22111			
2	22401543	DƯƠNG NGỌC	NGÂN	10/01/06	TT24111			
3	22301496	LÊ KIM	NGÂN	06/04/05	TT23111			
4	22402692	PHAN CHÍ	NGHĨA	06/12/04	TT24111			
5	22303725	NGUYỄN KIM	NGỌC	18/09/05	TT23111			
6	22301066	NGUYỄN TRẦN BẢO	NGỌC	12/11/05	TT23111			
7	22401500	HỒ MINH	NGUYỆT	02/02/01	TT24111			Cấm thi
8	22400059	NGÔ TUYẾT	PHƯƠNG	06/02/04	TT24111			
9	22301271	NGUYỄN NGỌC LINH	PHƯƠNG	08/05/05	TT23111			
10	22200652	NGUYỄN THỊ MINH	PHƯƠNG	11/09/04	PR22111			
11	22302180	PHAN THỊ LAN	PHƯƠNG	24/04/05	TT23111			
12	22303523	NGUYỄN THỊ HỒNG	PHƯƠNG	21/05/05	TT23111			
13	22300347	NGUYỄN THỊ MỸ	QUYÊN	24/12/04	TT23111			
14	22300185	LÊ THANH	SƠN	29/09/05	TT23111			
15	22401573	TRẦN THÀNH	TÀI	15/11/06	TT24111			
16	22400167	NGUYỄN CÔNG	THÀNH	21/02/06	TT24111			
17	22301287	NGUYỄN THANH	THẢO	14/01/05	TT23111			
18	22301006	NGUYỄN LÊ MAI	THI	15/08/05	TT23111			
19	22300399	TRẦN MINH	TOÀN	22/03/05	TT23111			
20	22401282	TRẦN THU	TRANG	01/08/06	TT24111			
21	22301373	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	05/07/05	TT23111			
22	22300373	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	TRINH	22/11/04	TT23111			
23	22300663	TRẦN HOÀNG NGỌC	TRINH	04/12/05	TT23111			
24	22300451	NGUYỄN CHÍ	TRUNG	13/07/05	TT23111			
25	22300427	TRẦN VĂN	TUẤN	05/05/04	TT23111			
26	22401360	NGUYỄN NGỌC MỸ	TƯỜNG	05/12/06	MC24111			
27	22301343	NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	20/10/05	TT23111			
28	22301662	PHẠM LƯƠNG NGUYỆT	VÂN	29/05/05	TT23111			
29	22115207	HOÀNG VŨ MINH	VI	19/12/03	TT21111			
30	22300964	DƯƠNG THẢO	VY	18/03/05	TT23111			
31	22300414	LÂM TƯỜNG	VY	07/04/05	TT23111			
32	22303018	TRẦN NGỌC MAI	VY	02/02/05	TT23111			
33	22301232	VŨ NGỌC KHÁNH	VY	19/09/05	TT23111			
34	22300216	PHẠM HỒNG	YẾN	13/05/05	TT23111			
35	22301194	LÊ PHÙNG NHƯ	Ý	13/06/05	TT23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Luật và đạo đức truyền thông (TT204DV02) – Số tín chỉ: 3.00

Lớp học phần: 0300 – Số hiệu lớp: 1923

Giảng viên: Võ Nguyên Hoàng Phúc

Ngày thi: 30/12/2025

Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 005 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22301718	NGUYỄN THỊ KIỀU	ANH	07/10/05	TT23111			
2	22303768	PHẠM NGUYỄN HOÀNG	ANH	06/06/05	TT23111			
3	22301915	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	08/07/05	TT23111			
4	22205925	LÂM THIÊN	ÂN	26/02/04	TT22111			
5	22302067	TRẦN QUỐC	BẢO	01/11/04	TT23111			
6	22301584	VÕ THANH	BÌNH	13/09/05	TT23111			
7	22300601	BÙI NGỌC	CHÂU	18/01/05	TT23111			
8	22301732	TRẦN HẢI	ĐĂNG	18/09/05	TT23111			
9	22301807	NGUYỄN THÁI	ĐÌNH	19/02/05	TT23111			
10	22301047	LÊ ĐOÀN KHÁNH	HÂN	18/04/05	TT23111			
11	22303352	NGUYỄN THUÝ	HẰNG	07/08/05	TT23111			
12	22302535	NGUYỄN QUANG	HUY	22/08/05	TT23111			
13	22303084	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	14/11/05	TT23111			
14	22303054	NGUYỄN HOÀNG NGỌC	KHÁNH	30/08/05	TT23111			
15	22206382	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	19/05/04	TT22111			
16	22303191	HUỲNH NGUYỄN	KHẢI	01/03/05	TT23111			
17	22303344	ĐỖ TUẤN	KIỆT	16/08/05	TT23111			
18	22304032	LƯƠNG HOÀNG TRÚC	LINH	30/03/04	TT23111			
19	22300460	PHẠM KHÁNH	LỘC	08/12/05	TT23111			
20	22303890	LÊ ĐỨC	MẠNH	06/09/05	TT23111			
21	22301453	NGUYỄN THẢO	MINH	27/05/05	TT23111			
22	22301691	NGUYỄN HUỲNH TRÀ	MY	03/11/05	TT23111			Cấm thi
23	22302093	LÊ GIA	NGHI	21/05/05	TT23111			
24	22000535	NGUYỄN NHƯ	NGỌC	13/12/00	TT20111			Cấm thi
25	22206439	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	12/08/04	TT22111			
26	22301757	LÊ THÀNH	NHÂN	06/07/05	TT23111			Cấm thi
27	22112898	PHẠM BÁ	PHÚC	20/07/03	TT21111			Cấm thi
28	22205668	HÀ VÕ HUỲNH	PHƯƠNG	06/02/04	TT22111			
29	22204971	LÝ LY	PHƯƠNG	02/01/01	FB22121			
30	22301689	MAI THU	PHƯƠNG	10/11/05	TT23111			
31	22303449	LÊ DANH HẢI	QUÂN	07/04/05	TT23111			
32	22303032	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	04/09/05	TT23111			
33	22302350	NGUYỄN TRẦN THANH	TÂM	09/12/05	TT23111			
34	22302833	TRẦN CÔNG	THÀNH	04/10/05	TT23111			
35	22302326	PHẠM THỊ THANH	THẢO	03/01/05	TT23111			
36	22303607	DƯƠNG NGỌC MINH	THỨ	02/08/05	TT23111			
37	22206399	HUỲNH NGỌC ANH	THỨ	07/05/04	PR22111			
38	22200489	NGUYỄN NGỌC ANH	THỨ	11/07/03	TT22111			
39	22301815	PHAN KHÁNH	TRANG	24/09/05	TT23111			
40	2192399	TRẦN THỊ MINH	TRANG	04/03/01	TT19112			
41	22301240	NGUYỄN QUẾ	TRÂN	17/10/05	TT23111			

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
42	22303832	BÙI QUANG	TRÍ	20/09/05	TT23111			
43	22207766	CHÂU BẢO	UYÊN	06/09/03	PR22111			
44	22206151	LÊ GIA BẢO	UYÊN	03/01/04	PR22111			
45	22203280	NGUYỄN LAN	VY	22/09/04	PR22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Luật và đạo đức truyền thông (TT204DV02) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0400 – Số hiệu lớp: 1924
Giảng viên: Võ Nguyên Hoàng Phúc
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 017 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401312	NGUYỄN ĐOÀN KHÁNH	AN	28/11/06	TT24111			
2	22400922	TRẦN LÊ BÌNH	AN	25/05/06	PR24111			
3	22400590	NGUYỄN CAO PHƯƠNG	ANH	24/09/06	PR24111			
4	22400710	NGUYỄN NGỌC	ANH	03/04/06	TT24111			
5	22400755	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	05/09/05	PR24111			
6	22400203	LÊ THỊ HOÀI	ÂN	22/08/06	PR24111			
7	22205859	PHẠM HOÀNG GIA	BẢO	20/02/04	PR22111			
8	22400414	NGUYỄN SỸ	CHUYÊN	25/12/06	TT24111			
9	22401604	LÊ PHƯƠNG	DANH	25/03/00	PR24111			
10	22400035	ĐOÀN KHƯƠNG	DUY	30/01/03	PR24111			
11	22401331	VÕ NGỌC	DUYÊN	11/10/05	TT24111			
12	22400516	BÙI HOÀNG Y	ĐÌNH	13/10/06	PR24111			
13	22401058	ÂU DƯƠNG KHẮC	ĐÔNG	13/10/03	TT24111			
14	22402218	MAI NGUYỄN GIA	HÂN	25/06/06	PR24111			
15	22400593	NGUYỄN GIA	HÂN	04/06/06	TT24111			
16	22400997	NGUYỄN HOÀNG BẢO	HÂN	05/08/06	PR24111			
17	22400383	DƯƠNG GIA	HY	16/06/06	PR24111			
18	22400470	HUYỀN PHẠM ĐĂNG	KHOA	22/10/06	PR24111			
19	22402994	OH NAM	KIẾU	17/11/04	PR24111			
20	22400761	NGUYỄN BẢO	LINH	10/04/06	TT24111			
21	22402404	NGUYỄN THỤY NHẬT	LINH	15/09/06	PR24111			
22	22401030	LÊ HOÀNG NHẬT	MINH	12/07/06	TT24111			
23	22402839	LÊ HUY HOÀNG	MY	12/04/06	PR24111			
24	22105572	NGUYỄN THẢO	MY	30/04/03	TT21111			
25	22301241	NGUYỄN TRÀ	MY	13/02/05	TT23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Luật và đạo đức truyền thông (TT204DV02) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0400 – Số hiệu lớp: 1924
Giảng viên: Võ Nguyên Hoàng Phúc
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 018 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402818	TRƯƠNG QUỲNH	MY	27/02/06	PR24111			
2	22401973	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	NGHI	28/04/06	PR24111			Cấm thi
3	22400756	NGUYỄN PHẠM GIA	NGHI	22/09/06	PR24111			
4	22400959	TRẦN GIA	NGHI	23/06/06	PR24111			
5	22402715	NGUYỄN KHÁNH	NGỌC	29/04/05	PR24111			Cấm thi
6	22401795	VÕ THU	NGUYỆT	25/08/06	PR24111			
7	22400417	LÊ TRẦN THẢO	NHI	13/06/04	PR24111			
8	22400090	NGUYỄN HOÀNG	NHI	09/06/06	TT24111			
9	22401848	DƯƠNG NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	08/11/06	TT24111			
10	22401323	HUỲNH XUÂN	PHÁT	12/01/06	PR24111			
11	22400530	TRẦN LÊ MINH	PHƯƠNG	23/04/06	TT24111			
12	22403029	TRẦN HOÀNG MỸ	QUYÊN	27/06/05	PR24111			
13	22402089	NGHÊ THỰC	TÂM	30/03/06	PR24111			
14	22401386	NGUYỄN TRẦN DUY	TẤN	07/01/05	PR24111			
15	22400613	NGUYỄN NHƯ HẢI	THANH	19/03/06	PR24111			
16	22401551	PHẠM NGHĨA	THÀNH	07/06/06	TT24111			
17	22400632	NGUYỄN KIM	THẢO	08/06/06	PR24111			
18	22400552	PHÙNG ANH	THƯ	02/03/06	PR24111			
19	22402880	LÂM PHƯƠNG	THY	23/09/06	PR24111			
20	22400777	HỒ THỊ BÍCH	TIỀN	17/02/05	PR24111			
21	22402080	NGUYỄN NGỌC THẢO	TIỀN	02/07/06	PR24111			
22	22400152	TRẦN NGỌC ĐOAN	TRANG	02/01/04	PR24111			Cấm thi
23	22402799	TRƯƠNG ĐÌNH	TRÍ	18/02/06	PR24111			
24	22402886	VÕ QUỐC HƯƠNG	TRÚC	05/12/06	PR24111			
25	22400760	NGUYỄN NGỌC THẢO	VY	07/08/06	TT24111			
26	22401402	TRẦN THANH	XUÂN	02/01/06	PR24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Luật và đạo đức truyền thông (TT204DV02) – Số tín chỉ: 3.00

Lớp học phần: 0500 – Số hiệu lớp: 1925

Giảng viên: Võ Nguyên Hoàng Phúc

Ngày thi: 30/12/2025

Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 020 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401644	NGUYỄN TẤN	AN	20/04/05	MC24111			
2	22400522	NGUYỄN KIM	ANH	23/02/06	MC24111			
3	22401015	PHẠM TUẤN	ANH	25/01/02	MC24111			
4	22400134	VÕ HOÀNG MINH	ANH	07/12/06	MC24111			
5	22400994	HỒNG NGỌC	BỘI	04/10/06	MC24111			
6	22400770	HỨA MỸ	CHÂU	01/06/06	MC24111			
7	22400477	NGUYỄN KHÁNH	DUY	18/01/04	MC24111			
8	22400825	TẶNG VĂN	ĐẶNG	14/01/06	MC24111			
9	22401381	TRỊNH PHÁT	ĐẠT	07/02/06	MC24111			Cấm thi
10	22400962	LAİ GIA	HÂN	04/10/06	MC24111			
11	22400728	LÊ PHẠM GIA	HÂN	31/08/06	MC24111			
12	22401468	MAI MINH	HIẾU	15/04/06	MC24111			
13	22402825	HÀ TUẤN	HIỀN	27/08/06	MC24111			
14	22400876	CAO HOÀNG PHI	HÙNG	17/01/06	MC24111			
15	22400860	HUYỀN THANH	HƯƠNG	05/11/05	MC24111			
16	22300075	TRẦN THỊ THÙY	HƯƠNG	02/02/03	TT23111			
17	22401140	ĐẶNG BẢO	KHANG	26/03/06	MC24111			
18	22403082	NGUYỄN HOÀNG MINH	KHÔI	15/07/03	MC24111			
19	22401129	VÕ BÁ	KHÔI	12/02/06	MC24111			
20	22401100	NGUYỄN NGỌC DUY	KIỆT	22/08/06	MC24111			
21	22400223	LÊ HẢI	KIM	16/01/03	MC24111			
22	22302322	NGÔ TRÚC	LAM	03/12/04	TT23111			
23	22401481	NGUYỄN	MÃN	07/05/06	MC24111			Cấm thi
24	22400320	LỖ HẠ	MY	26/03/06	MC24111			
25	22402188	NGUYỄN NHẬT	NAM	25/02/06	MC24111			
26	22400920	TRẦN KIM	NGUYỄN	31/07/06	MC24111			
27	22401626	LÊ ĐÀM QUANG	NHẬT	26/08/06	MC24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Luật và đạo đức truyền thông (TT204DV02) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0500 – Số hiệu lớp: 1925
Giảng viên: Võ Nguyên Hoàng Phúc
Ngày thi: 30/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 021 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401096	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	06/12/06	MC24111			
2	22402083	LÊ NGỌC QUỲNH	NHƯ	14/10/06	MC24111			
3	22401454	NGUYỄN LÊ QUỲNH	NHƯ	03/09/06	MC24111			
4	22401718	BÙI ĐÌNH	PHÁT	09/06/06	MC24111			
5	22401104	DƯƠNG HÀ	PHƯƠNG	29/06/06	MC24111			
6	22400628	TRƯƠNG THỊ	PHƯƠNG	11/02/06	MC24111			Cấm thi
7	22400739	ĐẶNG THÚY	QUỲNH	15/10/05	MC24111			
8	22400501	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	22/05/06	MC24111			
9	22400553	LÊ PHÚC	THÀNH	04/12/06	MC24111			
10	22401000	LÊ THANH	THẢO	08/12/06	MC24111			
11	22402844	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	08/05/05	MC24111			
12	22400515	LÊ THỊ HỒNG	THẨM	15/12/06	MC24111			
13	22401310	VĂN THỊ NGỌC	THỊNH	08/01/06	MC24111			
14	22401372	BÙI THỊ THANH	THUY	16/02/06	MC24111			
15	22401511	LƯ NGUYỄN PHƯƠNG	THUY	10/05/06	MC24111			
16	22401057	LƯ KIM	THÚY	01/09/06	MC24111			
17	22400216	NGUYỄN LÝ MINH	THƯ	18/05/06	MC24111			
18	22400356	NGUYỄN THẢO ANH	THƯ	28/03/06	MC24111			
19	22401175	TRẦN THỊ ANH	THƯ	06/01/06	MC24111			
20	22401581	NGUYỄN LAM	THY	28/03/06	MC24111			
21	22400762	LA NGUYỄN NHẬT	TIẾN	07/09/05	MC24111			
22	22401090	NGUYỄN GIA YẾN	TRANG	15/12/06	MC24111			
23	22400773	PHAN UYÊN	TRANG	04/02/06	MC24111			
24	22401028	NGUYỄN PHẠM MINH	TUẤN	30/07/06	MC24111			
25	22401870	LÂM PHƯƠNG	UYÊN	07/08/06	MC24111			
26	22400864	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	UYÊN	23/10/06	MC24111			
27	22401005	HUỲNH THẢO MINH	VY	17/02/06	MC24111			
28	22402838	NGUYỄN HOÀNG NHƯ	Ý	13/04/06	MC24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: English Syntax and Morphology (ANH303DE03) – Số tín chỉ: 3.00

Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1035

Giảng viên:

Ngày thi: 31/12/2025

Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 044 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22300998	ĐỖ HỒNG NHẬT	ANH	21/12/05	TE23111			
2	22303694	NGUYỄN CHÂU	ANH	07/04/05	TE23111			Cấm thi
3	22302527	VÕ NGỌC QUỲNH	ANH	07/05/05	TE23111			
4	22303620	MAI HỒNG	ÂN	28/02/05	TE23111			
5	22302244	LÊ KIM HỒNG	CHÂU	28/11/03	TE23111			
6	22303039	TRẦN NGỌC BẢO	CHÂU	04/05/05	TE23111			
7	22114829	LÊ MINH	DUY	30/10/03	TM21111			
8	22301141	LÊ NGUYỄN BẢO	DUY	28/11/05	TE23111			
9	22301547	HỒ KỲ	DUYÊN	15/02/05	TE23111			
10	22303089	BÙI NGUYỄN THUỖ	DƯƠNG	07/05/05	TE23111			
11	22205102	DIỆP MINH	ĐỨC	12/09/04	TE22111			
12	22303646	LƯƠNG NHẬT	HẠ	08/06/05	TE23111			
13	22303948	ĐẶNG HỒNG	HÂN	20/09/05	TE23111			
14	22206520	LA AN	HI	04/04/04	TM22111			
15	22303522	PHAN NGỌC KIM	HOÀNG	07/03/05	TE23111			
16	22300994	LÊ THỊ THU	HÒA	11/03/03	TE23111			
17	22301348	LÊ VĨNH AN	KHANG	08/12/05	TM23111			
18	22304142	LÊ QUỐC	KHÁNH	25/06/05	TE23111			Cấm thi
19	22500013	HUỲNH NGỌC MINH	KHÔI	02/10/03	TA251			
20	22302356	VÕ MINH	KHÔI	23/04/03	TE23111			
21	22304073	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LY	01/12/02	TE23111			
22	22301621	TRƯƠNG PHẠM THẢO	MINH	11/11/04	TE23111			
23	22301104	HOÀNG TRẦN MINH	NHẬT	03/10/05	TE23111			
24	22303965	NGUYỄN THỊ	NHUỜNG	17/09/95	TE23111			
25	22301513	PHẠM THỊ THU	QUYÊN	17/07/05	TE23111			
26	22300594	TRƯƠNG VĨNH	THỤY	09/12/04	TE23111			
27	22301099	NGUYỄN ANH	THỨ	27/07/05	TE23111			
28	22300654	LƯU ANH	THY	19/07/05	TE23111			
29	22301892	BÙI NGỌC THỦY	TIẾN	28/02/04	TE23111			
30	22303605	NGUYỄN HUỲNH THU	TRANG	27/06/05	TE23111			
31	22109521	CAO NGUYỄN MINH	TRÍ	06/01/03	TM21111			
32	22301279	NGUYỄN DƯỢC MINH	TUỆ	24/07/05	TE23111			
33	22303334	PHAN HOÀNG CÁT	TƯỜNG	23/12/05	TE23111			
34	22500092	HOÀNG BÁ	VIỆT	02/10/02	TA251			
35	22301361	NGHIÊM HUY	VŨ	19/05/05	TE23111			Cấm thi
36	22301507	CHU THỤC	VY	02/03/05	TE23111			
37	22303821	DƯƠNG TƯỜNG	VY	26/07/05	TE23111			
38	22301582	NGUYỄN KIỀU HẢI	YẾN	13/06/05	TE23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: English Syntax and Morphology (ANH303DE03) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1036
Giảng viên: Ngô Thị Thanh Thanh
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 048 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22302155	TRẦN NGỌC NGUYỆT	AN	07/03/05	TM23111			
2	22116064	QUÁCH QUỲNH	ANH	08/09/03	TE21111			
3	22300567	NGUYỄN VƯƠNG GIA	CÁT	09/12/05	TM23111			
4	22303723	HUỲNH HỒNG	CHÂU	24/02/05	TM23111			
5	22300765	TRẦN MINH	CHIẾN	24/04/05	TM23111			
6	22012269	NGUYỄN BÁ THÀNH	ĐẠT	09/09/02	TE20111			
7	22303873	PHÙNG LÊ NGỌC	HÂN	19/11/05	TM23111			
8	22301631	PHẠM NGUYỄN KIM	HIỀN	12/05/05	TM23111			
9	22300826	NGUYỄN VÕ NHẬT	HUY	09/10/05	TM23111			
10	22303049	TRẦN CAO VÂN	KỶ	14/01/05	TM23111			
11	22301261	NGUYỄN HOÀNG	LONG	10/06/00	TM23111			
12	22207302	NGUYỄN HẢI	MINH	07/05/04	TE22111			
13	22012022	NGUYỄN PHÁT VĨNH	MY	22/02/02	TE20111			Cấm thi
14	22303026	HUỲNH	NGÂN	15/08/05	TM23111			
15	22205410	MAI THỊ TUYẾT	NGÂN	16/05/99	TM22111			
16	22303808	LÊ PHAN KHÁNH	NGỌC	09/11/05	TM23111			
17	22301156	TRƯƠNG BÍCH	NGỌC	28/09/97	TM23111			
18	22300375	NGUYỄN VÕ LỢI	PHÁT	08/12/02	TE23111			
19	2185741	MAI NGUYỄN QUỐC	PHONG	26/10/00	TM1811			Cấm thi
20	22000029	VƯƠNG MINH	QUÂN	12/11/01	TM20111			
21	22301536	NGUYỄN NGỌC NHƯ	QUỲNH	13/05/05	TM23111			
22	22302549	TRỊNH MINH	TÂM	15/09/05	TM23111			
23	22300478	NGUYỄN TRANG	THANH	04/10/05	TM23111			
24	22300205	ĐÀO NHƯ	THẢO	19/07/05	TM23111			
25	22115168	TRẦN THANH	THẢO	05/07/00	TM21111			
26	22300119	NGUYỄN HÙNG	THẮNG	14/05/05	TM23111			
27	22206106	NGUYỄN PHÚ	THỊNH	28/12/04	TM22111			
28	22207037	ĐẶNG QUỐC	THỤY	26/03/04	TE22111			
29	22300539	TRẦN NGỌC ANH	THƯ	24/06/05	TM23111			
30	22106187	NGUYỄN THỊ THÙY	TIỀN	21/12/03	TE21111			
31	22302564	NGUYỄN LÊ QUỲNH	TRÂM	16/04/05	TM23111			
32	22108467	NGUYỄN ĐỨC	TRỌNG	23/08/03	TE21111			
33	22304095	NGUYỄN VĨNH	TƯỜNG	15/12/03	TM23111			
34	22207528	LÝ HOÀNG PHƯƠNG	UYÊN	09/09/04	TM22111			
35	22301097	ĐÀO HÀ HUY	VĂN	20/11/05	TM23111			
36	22302571	LÊ NGUYỄN BẢO	VIỆT	20/03/05	TM23111			
37	22109655	NAY ÁNH	VY	29/06/03	TM21111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: English Syntax and Morphology (ANH303DE03) – Số tín chỉ: 3.00

Lớp học phần: 0300 – Số hiệu lớp: 1037

Giảng viên: Trần Ngọc Dung

Ngày thi: 31/12/2025

Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 004 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22303742	ĐỖ VŨ VÂN	ANH	26/06/05	TM23111			
2	22302206	PHAN NGỌC PHƯƠNG	ANH	07/04/05	TM23111			
3	22012030	TRẦN NAM	ANH	05/07/02	TANT20111			Cấm thi
4	22114485	TRẦN THỊ KIỀU	ANH	24/02/03	TM21111			
5	22303087	TRẦN TIẾN	BẢO	04/04/05	TE23111			
6	22300719	TUOT	HARDY	17/06/05	TM23111			
7	22206093	PHẠM VÕ GIA	HUY	12/07/04	TM22111			
8	22301653	NGUYỄN NHƯ NGỌC	KHÁNH	02/09/05	TM23111			
9	22301033	PHẠM THỊ VÂN	KHÁNH	18/08/03	TE23111			
10	22302551	LÊ NGUYỄN THẢO	LAN	16/10/05	TM23111			
11	22302328	TRẦN NGỌC	LAN	01/09/03	TM23111			Cấm thi
12	22301193	ĐÀO KHÁNH	LINH	17/04/02	TE23111			
13	22302548	LƯU UYỄN	NGHI	31/08/05	TM23111			Cấm thi
14	22300902	NGUYỄN THỊ BẢO	NGỌC	15/10/05	TM23111			
15	22300494	DƯƠNG NGỌC	NHI	26/06/05	TM23111			
16	22300753	LÊ UYỄN	NHI	07/09/05	TM23111			
17	22303076	HUỲNH TUẤN	PHÁT	16/09/05	TM23111			
18	2194066	SUÔNG	PHÁT	09/12/00	TM19112			
19	22300798	PHAN NGUYỄN HOÀNG	PHONG	14/09/05	TM23111			
20	22303484	LÊ HỒNG	QUÂN	06/03/05	TM23111			
21	22303789	LÊ NGỌC PHƯƠNG	QUYÊN	20/01/05	TE23111			
22	22300906	TRẦN NGỌC MỸ	TÂM	12/11/05	TE23111			
23	22205962	NGUYỄN DUY	THẮNG	08/08/04	TM22111			Cấm thi
24	22301654	TRẦN ANH	THƯ	11/12/05	TM23111			
25	22301256	VŨ MINH	THƯ	11/07/05	TE23111			
26	22302357	NGUYỄN VĨNH HOÀNG	THY	20/04/05	TE23111			
27	22204896	PHẠM NGỌC THUỶ	TIẾN	16/06/04	TM22111			
28	22303114	TRỊNH PHƯƠNG	TRANG	17/06/05	TM23111			
29	22303670	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	UYỄN	23/05/05	TM23111			
30	22303578	VÕ THỊ ÁI	VÂN	12/04/05	TM23111			
31	22301565	ĐẶNG NGUYỄN KHÁNH	VY	27/09/05	TM23111			
32	22303033	ĐỖ MINH	VY	14/05/05	TM23111			
33	22300812	VŨ HÀ BẢO	VY	14/04/05	TM23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Introduction to Management (BA104DE01) – Số tín chỉ: 3.00

Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1073

Giảng viên: Nguyễn Quốc Sĩ

Ngày thi: 31/12/2025

Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 043 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22102620	PHÙNG QUỐC	BẢO	30/07/03	DM21111			
2	22206693	NGUYỄN NGỌC THANH	BÌNH	24/12/02	TV22111			
3	22123022	TRẦN NHƯ	BÌNH	28/08/03	LG21111			
4	22100733	LÊ QUANG MINH	CHIẾN	22/08/03	DM21111			
5	22010005	NGÔ ĐỨC	DUY	12/11/02	MD20111			
6	22122623	NGUYỄN AN	DUY	10/08/02	DM21111			
7	22117248	PHẠM	DUY	28/02/03	NT21111			
8	22112614	TRƯƠNG HOÀNG	DUY	01/02/03	TV21111			Cấm thi
9	22100404	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	18/08/03	NT21111			
10	22200386	NGUYỄN MINH	HUY	20/05/04	DM22111			Cấm thi
11	22014777	NGUYỄN TRÂM QUANG	HUY	07/09/00	NT20111			
12	22200387	NGUYỄN PHẠM NGỌC	KHÁNH	04/02/04	DM22111			
13	22207096	HỒNG TUẤN	KHÔI	08/11/04	DM22111			
14	22207531	MAI PHAN HOÀNG	MINH	31/01/04	LG22111			Cấm thi
15	22106593	ĐOÀN THỊ TRÀ	MY	31/10/03	NT21111			
16	22109506	ILIA THIÊN	NGUYỄN	13/07/03	LG21111			
17	22200033	LÊ NGỌC QUỲNH	NHI	08/03/03	DM22111			
18	22201152	LÊ THIÊN	PHÚC	25/05/04	TV22111			Cấm thi
19	22122517	PHẠM VĂN VINH	SANG	30/10/03	MK21111			Cấm thi
20	22204601	NGUYỄN TẤN	THÀNH	29/08/04	LG22111			
21	22013517	TẶNG CHÍ	THÀNH	20/03/01	LG20111			Cấm thi
22	22205997	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	THẢO	04/10/04	TT22111			
23	22207133	ĐỖ MINH	THI	26/07/04	DM22111			
24	22100854	ĐẶNG TRỌNG	THIỆN	14/08/03	NT21111			
25	22119178	ĐỖ CAO BẢO	THY	04/12/03	LG21111			
26	22005784	ÂU TRẦN THANH	TRÚC	09/10/02	NT20111			
27	22201811	NGUYỄN NGỌC LÂM	TRƯỜNG	26/06/04	LG22111			
28	22014530	HUỲNH PHẠM NHÃ	UYÊN	18/09/02	NT20111			
29	22122484	NGUYỄN HỒNG THẢO	VÂN	10/05/03	LG21111			
30	22205931	NGUYỄN THỊ	VÂN	16/12/03	DM22111			
31	22206889	PHẠM BÙI QUỐC	VIỆT	24/04/04	NL22111			Cấm thi
32	22114933	ĐOÀN NGUYỄN NGỌC	VY	27/12/03	DM21111			
33	22205929	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VY	22/07/04	DM22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Kỹ thuật Thương lượng (BA201DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1424
Giảng viên: Trần Duy Nghiêm Luật
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 009 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22014619	NGÔ THỊ MAI	ANH	30/03/02	MK20111			
2	22102982	NGUYỄN HỒ NHẬT	ANH	26/12/03	TV21111			
3	22116586	THÂN TRỌNG	ĐỨC	21/08/03	TV21111			
4	22206739	MẠCH VĨ	HÀO	22/02/04	TV22111			
5	22122496	NGUYỄN ĐỨC	HẬU	29/05/03	TV21111			
6	22000827	NGUYỄN HOÀNG GIA	HUY	16/04/01	TV20111			
7	22000133	NGUYỄN DUY	KHÁNH	14/09/01	TV20111			
8	22009934	NGUYỄN NGỌC XUÂN	MAI	06/12/02	TV20111			
9	22206678	NGUYỄN THỊ THU	NGA	29/07/04	TV22111			
10	22207255	LÊ TRẦN KIM	NGÂN	06/12/04	TV22111			
11	22200937	NGUYỄN KHÔI	NGUYỄN	18/02/04	TV22111			
12	2191464	ĐẶNG HỮU	PHÚC	20/12/01	TV19111			
13	2191894	VŨ VĂN	QUYẾT	12/05/00	TV19112			Cấm thi
14	22205054	HỒ DIỆP MINH	THI	04/02/01	TV22111			
15	22114735	HUỖNH MAI	THỦY	16/12/03	TV21111			
16	22200054	LÊ THANH HẢI	THỦY	08/11/02	TV22111			
17	22140256	TRIỆU ANH	THỨ	10/09/02	TV21111			
18	22500241	PHAN NGỌC	TUYẾT	20/12/05	TV251			
19	22011576	NGUYỄN BÁCH	TÙNG	11/04/02	TV20111			
20	2198462	NGUYỄN CÔNG TRƯỜNG	VŨ	13/01/01	TV19111			
21	22110048	NGUYỄN LÊ	VY	27/11/03	TV21111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Laws on Fintech (BLAW402DE01) – Số tín chỉ: 2.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1111
Giảng viên: Bùi Lê Thực Linh
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 003 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500286	MOLLEL	MICHELLE	11/12/00	QT225			
2	22207157	NGUYỄN NGỌC	AN	28/05/04	BL22111			
3	22206386	LIÊN THỊ KIM	ANH	13/07/00	BL22111			
4	22205005	NGUYỄN NAM	ANH	24/07/03	BL22111			
5	22206876	ĐÀO NGUYỄN QUỐC	BẢO	22/10/04	BL22111			
6	22114936	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	DUNG	12/11/03	BL21111			
7	22206874	TRẦN TRỌNG	DUY	02/06/04	BL22111			
8	22204683	LAI TÂM	ĐỨC	27/09/04	BL22111			
9	22206484	PHẠM NGUYỄN HUỖNH	GIANG	28/11/04	BL22111			
10	22207390	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÀ	02/01/04	BL22111			
11	22206660	HOÀNG THỰC KHẢ	HÂN	12/10/04	BL22111			
12	22207201	BÙI NGUYỄN HOÀNG	HUY	26/01/04	BL22111			
13	22205524	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG	HUY	18/10/04	BL22111			
14	22205670	TRẦN THÁI	HƯNG	11/01/04	BL22111			
15	22205420	LÊ QUỲNH	HƯƠNG	03/08/04	BL22111			
16	22206190	NGUYỄN GIA	KIỆT	20/05/04	BL22111			
17	22205675	PHẠM BÙI BẢO	KIÊN	30/05/04	BL22111			Cấm thi
18	22206262	NGUYỄN THỊ KIỀU	LAM	01/05/04	BL22111			
19	22102280	LEE HỒNG	LÂM	10/05/03	BL21111			
20	22205643	NGUYỄN KHÁNH	LINH	29/10/04	BL22111			
21	22207100	CHẾ CÔNG	LỢI	19/10/04	BL22111			
22	22207368	HUỖNH THỊ CẨM	LY	24/10/04	BL22111			
23	22204543	VÕ HỒ XUÂN	MAI	21/05/04	BL22111			
24	22206734	NGUYỄN THỊ YẾN	NGA	07/01/04	BL22111			
25	22114886	PHẠM THỊ BẢO	NGỌC	16/02/03	BL21111			
26	22206562	ĐOÀN ANH THẢO	NGUYỄN	25/04/04	BL22111			
27	22207420	NGUYỄN TÔ CHẤN	PHONG	14/12/03	BL22111			
28	22206243	TRẦN THU	PHƯƠNG	01/03/04	BL22111			
29	22206642	ĐẶNG HỮU	PHƯỚC	06/11/03	BL22111			
30	22207085	VÕ HÙNG	QUYẾN	14/11/04	BL22111			
31	22206238	LÊ PHƯƠNG	THANH	07/03/04	BL22111			
32	22202625	NGUYỄN LÝ THU	THẢO	08/06/04	BL22111			
33	22206217	PHAN THỊ MINH	THƯ	07/09/01	BL22111			
34	22207138	VÕ NGỌC ANH	THƯ	12/03/04	BL22111			
35	22205870	VÕ VĂN	TOÀN	17/01/04	BL22111			
36	22206385	TRẦN THỊ MINH	TRANG	28/09/98	BL22111			
37	22118126	HUỖNH MINH	TUẤN	17/12/03	BL21111			Cấm thi
38	22205509	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG	UYÊN	01/11/04	BL22111			
39	22206236	TRẦN LINH THỰC	UYÊN	17/03/02	BL22111			
40	22207271	TRỊNH NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	25/04/04	BL22111			
41	22206580	VŨ PHƯƠNG	VI	06/07/04	BL22111			

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
42	22204710	BẠCH THẢO	VY	09/04/04	BL22111			
43	22205101	DƯƠNG TRIỆU	VY	19/04/04	BL22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Managerial Skills and Leadership in Hospitality (HM401DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1171
Giảng viên: Đinh Vạn Ngọc Hà
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 08g00
Phòng thi: Phòng 013 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500301	LE DREFF	ALEX	13/03/03	QT225			
2	22500302	LEBRUN-GROS	LOUIS	08/11/05	QT225			
3	22205615	TRẦN QUỲNH	ANH	08/06/04	DL22121			
4	22012055	NGUYỄN VĂN	BÁCH	29/01/02	NH20111			
5	22009708	HUỲNH GIA	BẢO	22/10/02	NH20111			Cấm thi
6	22206526	TRẦN VĂN QUỐC	BẢO	15/01/04	NH22111			
7	22203723	VÕ THỊ KIM	HẠNH	03/06/04	NH22111			
8	22205616	HOÀNG THỊ NGỌC	HUYỀN	20/07/04	KS22111			
9	2199138	CHÂU CHÍ	KHANG	30/03/01	KS19112			
10	22206197	CHU SƠN	KHANG	22/08/04	NH22111			
11	22205338	NGUYỄN LÊ HOÀNG	KHANG	10/01/04	NH22111			
12	22207568	HỨA THANH	KHẢ	30/11/01	DL22121			
13	22207431	LÊ BẢO TƯỜNG	LINH	18/06/04	KS22111			
14	2193241	PHẠM VƯƠNG HẢI	LONG	01/11/01	NH19111			Cấm thi
15	22115095	HOÀNG NGỌC	MAI	19/12/03	DL21121			
16	2192369	PHẠM HOÀNG CHIỀU	MINH	13/09/01	KS19111			
17	22008491	HUỲNH LÊ KHÁNH	MY	02/07/02	NH20111			Cấm thi
18	22204870	BÙI HUỲNH TUYẾT	NGÂN	07/05/02	KS22111			
19	22205366	NGUYỄN THANH	PHƯƠNG	24/09/04	KS22111			
20	22113974	LÊ ĐẶNG NHƯ	TẤN	14/04/02	DL21121			
21	22205941	ĐẶNG TRƯỜNG	THẮNG	11/03/04	DL22121			
22	22119031	NGUYỄN THỊ MỘNG	THƯƠNG	08/11/03	NH21111			
23	22206073	NGUYỄN HỮU	TRUNG	25/12/04	NH22111			
24	22114972	NGUYỄN HỮU MINH	TÚ	03/10/03	KS21111			
25	22200055	HOÀNG NGỌC BẢO	UYÊN	20/08/02	KS22111			
26	22200016	TRẦN NGUYỄN MỸ	UYÊN	07/11/02	NH22111			
27	22206075	VÕ PHƯƠNG	VI	09/01/04	NH22111			
28	22012537	TRƯƠNG CHÍ	VINH	20/06/02	NH20111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Recruitment and Selection (HRM310DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1179
Giảng viên: Nguyễn Thùy Giang
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 049 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500279	LIAO	RUPING	23/09/03	QT225			
2	22500280	KUSMIERCZYK	ZUZANNA	18/03/05	QT225			
3	22500281	FERENC	MALWINA	16/08/02	QT225			
4	22500293	BENTALEB	ZAKARY	16/01/04	QT225			
5	22500296	BOIZIEAU	CARLA	21/04/05	QT225			
6	22300930	ĐỖ BẢO	ANH	25/07/05	NL23111			
7	22014689	LÊ THỊ THÙY	ANH	01/12/02	NL20111			
8	22301022	NGUYỄN KHÁNH MAI	ANH	21/08/05	NL23111			
9	22300689	VĂN BỘI	BỘI	08/09/05	NL23111			
10	22303190	NGUYỄN THIÊN	CHUYÊN	17/03/05	NL23111			
11	22301934	LÊ KHÁNH	DUY	07/08/05	NL23111			
12	22301669	NGUYỄN NGỌC KỶ	DUYÊN	01/02/05	NL23111			
13	22005474	TRẦN NGUYỄN MAI NGỌC	ĐỨC	09/04/02	NL20111			Cấm thi
14	22400851	BÙI TRUNG	HẢI	21/01/06	NL24111			
15	22301399	TRẦN NGUYỄN THỊ NGỌC	HẰNG	24/12/05	NL23111			
16	22207315	TRẦN BỘI	HUÊ	02/09/04	NL22111			
17	22300816	NGUYỄN ĐỖ MINH	HƯNG	02/01/05	NL23111			
18	22122796	NGUYỄN NỮ LINH	KHA	28/05/03	NL21111			
19	22301738	NGUYỄN ÁI MỸ	KIM	15/01/04	NL23111			
20	22000673	NGUYỄN HUỖNH NHÃ	LINH	17/07/02	NL20111			
21	22300604	TRẦN TÚ	LINH	14/11/05	NL23111			
22	22301658	NGUYỄN HỒNG	LOAN	12/09/05	NL23111			
23	22303831	LÊ HỒNG	NGỌC	14/04/05	NL23111			
24	22303811	MAI THANH	NHÃ	17/01/05	NL23111			
25	22300389	NGUYỄN HỒNG	NHUNG	06/08/05	NL23111			
26	22301321	VÕ NGỌC QUỲNH	NHƯ	12/12/05	NL23111			
27	22301896	LÊ KHẮC HOÀNG	PHONG	06/04/05	NL23111			
28	22303263	MAI PHƯỚC GIA	PHÚC	04/10/05	NL23111			
29	22300546	NGUYỄN DƯƠNG BÌNH	PHƯƠNG	08/07/05	NL23111			
30	22300592	NGUYỄN THỊ ÁNH	PHƯỢNG	15/07/05	NL23111			
31	22008076	NGUYỄN TRẦN NHỰT	QUANG	08/02/02	NL20111			
32	22300515	DƯƠNG HẢI BẢO	QUỲNH	16/08/05	NL23111			
33	22206272	NGUYỄN XUÂN	QUỲNH	20/01/04	NL22111			
34	22206894	PHẠM HÀ DIỄM	QUỲNH	16/04/04	NL22111			
35	22301900	THÁI NGỌC NHƯ	QUỲNH	20/10/05	NL23111			
36	22107384	ĐỖ DUY	TÂN	19/11/03	NL21111			
37	22301981	NGUYỄN NHẬT	TÂN	23/02/05	NL23111			
38	22204382	ĐÀO THANH	THẢO	21/08/04	NL22111			
39	22304086	NGUYỄN THỊ	THẢO	20/02/04	NL23111			
40	22300895	ĐÀO NGỌC TRÚC	THI	05/03/05	NL23111			
41	22300267	NGUYỄN HUỖNH ANH	THƯ	09/10/05	NL23111			

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
42	22301661	BÙI VẠN	TÍN	27/11/05	NL23111			
43	22301982	LÊ NHẬT	VƯƠNG	29/06/05	NL23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Phân tích Thiết kế Hướng đối tượng (IT206DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1603
Giảng viên: Dương Tố Hường
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 108 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22207384	NGUYỄN QUANG	BẢO	10/11/04	PM22111			
2	22402985	NGUYỄN QUỐC	BẢO	05/04/02	QL24111			
3	22403024	VŨ GIA	BẢO	04/12/06	QL24111			
4	2191239	ĐỖ MẠNH	CƯỜNG	07/04/01	QL19111			
5	22400457	LÊ NGUYỄN THÀNH	DANH	07/07/06	PM24111			
6	22011781	ĐẶNG	DUY	01/02/02	QL20111			
7	22116183	LÊ QUỐC	DUY	21/05/03	QL21111			
8	22400173	NGUYỄN MAI NHẬT	DUY	28/08/06	PM24111			
9	22002533	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	17/10/01	PM20111			
10	22206065	CHÂU NGỌC	ĐỨC	23/08/04	QL22111			
11	22012217	HÀ MINH	ĐỨC	20/11/02	QL20111			
12	22118945	PHẠM HOÀNG	GIANG	15/11/03	QL21111			
13	22402774	NGUYỄN TUẤN	HẢI	22/05/06	QL24111			
14	22402764	LÊ NGUYỄN XUÂN	HIẾU	10/05/06	QL24111			
15	22402726	ĐẶNG THÁI	HÒA	25/09/06	QL24111			
16	22400077	NGUYỄN GIA	HUY	06/04/06	PM24111			
17	22400690	NGUYỄN MINH ANH	HUY	15/02/06	PM24111			
18	22118915	VÕ QUỐC	HUY	31/10/03	QL21111			
19	22401361	TRẦN KHÁNH	HƯNG	13/01/06	PM24111			
20	22114676	HUỖNH GIA	KHANG	15/11/03	QL21111			
21	22400898	LÊ HOÀNG	KHANG	07/12/06	PM24111			
22	22403007	TRƯƠNG TUẤN	KHANH	28/11/06	QL24111			
23	22400598	NGUYỄN PHẠM THÀNH	KHOA	01/08/03	QL24111			
24	22207209	VŨ NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	05/11/04	QL22111			Cấm thi
25	22400343	ĐỖ NGUYỄN TUẤN	KIỆT	19/07/06	PM24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Phân tích Thiết kế Hướng đối tượng (IT206DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1603
Giảng viên: Dương Tố Hường
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 116 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400475	VÕ HUY	LẬP	06/01/06	QL24111			
2	22402784	NGUYỄN THÀNH	LIÊM	21/11/06	PM24111			
3	22122981	BÙI NGUYỄN PHI	LONG	10/01/03	PM21111			
4	22402900	TRẦN MINH	NAM	26/06/06	PM24111			
5	22206207	HUỲNH TUẤN	NGHĨA	17/10/04	QL22111			
6	22200876	TRẦN SƠN	NGUYỄN	27/10/04	QL22111			
7	22201569	LƯU TÙNG	PHONG	08/02/04	QL22111			
8	22401699	NGUYỄN PHÚ THÁI	PHONG	10/04/06	QL24111			Cấm thi
9	22205004	HỨA HUỲNH KIM	PHÚ	30/10/04	PM22111			
10	22402116	NGÔ ĐỖ ĐÌNH	PHÚ	21/09/06	PM24111			
11	22400694	NGUYỄN THIỆN	PHÚC	23/08/06	PM24111			
12	22403050	ĐỖ NGỌC	QUANG	18/06/06	PM24111			
13	22402755	LƯU MINH	QUÂN	02/05/06	PM24111			
14	22401698	NGUYỄN LÊ HỒNG	QUÂN	06/12/95	QL24111			
15	22401862	TRẦN	QUYỀN	26/03/06	PM24111			Cấm thi
16	22402056	PHẠM NHỰT	TÂN	14/05/06	QL24111			
17	22205903	NGUYỄN TRUNG	THÀNH	13/03/04	QL22111			Cấm thi
18	22403072	PHẠM HOÀNG	THÔNG	21/07/96	PM24111			
19	22400051	VŨU LIỆT	THUẬN	29/06/03	PM24111			
20	22402743	NGUYỄN HÙNG	TRUNG	27/03/06	PM24111			
21	22403105	VÕ NHỰT	TRUNG	02/05/06	PM24111			
22	22200430	ĐẶNG NHỰT	TRƯỜNG	11/02/04	QL22111			
23	22400701	LƯƠNG ANH	TUẤN	18/10/06	PM24111			
24	22207438	LÝ VĨNH	TUẤN	26/05/04	PM22111			
25	22201680	TRỊNH HUỲNH NGỌC	TUẤN	11/07/04	QL22111			
26	22403124	LÊ MINH CÁT	TƯỜNG	18/05/06	QL24111			
27	22402745	ĐÀO HUỲNH ANH	VŨ	30/08/06	QL24111			
28	22403166	NGUYỄN LÊ NHƯ	Ý	15/05/06	QL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Phân tích Thiết kế Hướng đối tượng (IT206DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1606
Giảng viên: Võ Thị Thu Hà
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 111 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400135	NGUYỄN NGỌC MINH	ANH	27/10/06	QL24111			
2	22400956	NGUYỄN QUỐC	ANH	06/11/06	QL24111			
3	22401934	ĐỖ GIA	BẢO	30/05/06	QL24111			Cấm thi
4	22003040	LÊ HOÀNG	BẢO	12/03/02	QL20111			
5	22403006	NGUYỄN PHƯƠNG	BẢO	12/05/06	QL24111			
6	22402554	ĐẶNG THÁI	BÌNH	18/07/06	QL24111			Cấm thi
7	22401369	PHẠM NGUYỄN MINH	CHÍ	28/01/06	QL24111			
8	22400823	CHU MẠNH	DANH	27/09/06	QL24111			
9	22401855	LA VĂN	DIỄN	28/05/06	QL24111			
10	22207189	ĐOÀN NGUYỄN KHƯƠNG	DUY	14/02/04	PM22111			
11	22206582	MAI TUẤN	DŨNG	14/09/04	QL22111			
12	22200433	NGUYỄN QUANG	DŨNG	16/04/04	PM22111			
13	22402891	NGUYỄN HẢI	DƯƠNG	26/12/06	QL24111			
14	22402201	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	30/09/06	QL24111			
15	22400911	ĐỖ THÁI HUY	HÀO	12/01/06	QL24111			
16	22401956	NGUYỄN GIA	HÀO	11/04/06	QL24111			Cấm thi
17	22401397	HÀ TRÍ	HẢI	04/04/05	QL24111			
18	22402836	HOÀNG THANH	HẢI	27/07/06	QL24111			
19	22401872	NGUYỄN VÕ	HIỆP	22/11/06	QL24111			
20	22400532	NGUYỄN ĐẮC	HOÀNG	19/03/06	QL24111			
21	22402933	NGÔ ĐỨC	HÒA	08/01/06	QL24111			
22	22401533	PHAN ĐẠT	HUY	21/09/05	QL24111			
23	22400712	TRẦN PHẠM MINH	HUY	13/08/06	QL24111			
24	22401613	NGUYỄN TRẦN	KHA	30/04/06	QL24111			
25	22401928	CHEA TRƯƠNG PHÚC	KHANG	17/07/06	QL24111			
26	22114830	NGUYỄN PHÚC	KHANG	07/07/03	QL21111			
27	22401112	HỨA DUY	KHẢI	18/03/06	QL24111			
28	22205593	HỒ ĐĂNG	KHOA	24/11/04	PM22111			
29	22401350	PHẠM ĐÌNH MINH	KHÔI	29/12/06	QL24111			
30	22402890	ĐỖ TUẤN	KIỆT	28/10/06	QL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Phân tích Thiết kế Hướng đối tượng (IT206DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1606
Giảng viên: Võ Thị Thu Hà
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 112 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400324	LÂM CHÍ	KIỆT	30/10/06	QL24111			
2	22205579	HOÀNG MẠNH	LONG	16/08/04	PM22111			
3	22402977	THÁI HOÀNG	LONG	30/10/06	QL24111			
4	22402024	TRẦN NGUYỄN CHU	LONG	26/07/06	QL24111			
5	22401297	LAI KIM	MINH	01/11/06	QL24111			Cấm thi
6	22400073	NGÔ HOÀNG BẢO	NGỌC	01/01/06	QL24111			
7	22402023	DƯƠNG PHẠM KHÔI	NGUYỄN	23/06/06	QL24111			Cấm thi
8	22400464	NGUYỄN HOÀNG	NGUYỄN	19/12/05	QL24111			
9	22400877	PHẠM THÀNH	NHÂN	04/07/06	QL24111			
10	22401681	LÊ HOÀNG	NHẬT	03/07/06	QL24111			
11	22401358	LÊ QUANG	NHẬT	02/10/06	QL24111			
12	22401353	QUÁCH THIÊN	PHONG	11/04/06	QL24111			
13	22402301	NGUYỄN ĐOÀN	PHÚC	05/04/06	QL24111			
14	22011760	NHÂM MẠNH	QUÂN	18/07/02	PM20111			Cấm thi
15	22207328	TRẦN MINH	QUÂN	17/02/04	QL22111			
16	22401340	ĐỖ NGỌC	SƠN	23/08/06	QL24111			
17	22401164	HUỲNH TRẦN	TÀI	01/08/06	QL24111			
18	22400939	LÝ TUẤN	TÀI	14/08/06	QL24111			
19	22205894	NAM THÀNH	TÀI	22/03/04	PM22111			
20	22401270	NGUYỄN MINH	TÀI	17/09/06	QL24111			
21	22102933	HỒ NGỌC	TÂN	17/01/03	QL21111			Cấm thi
22	22500816	NGUYỄN HỒNG	THÁI	08/02/03	QL25111			
23	22402902	ĐOÀN LIÊNG	THÀNH	24/03/06	QL24111			
24	22401590	TRẦN THÁI HỮU	THỊNH	11/02/06	QL24111			
25	22401639	LÊ VĂN	TIẾN	15/11/06	QL24111			Cấm thi
26	22401271	NGUYỄN BÁ	TOÀN	09/01/06	QL24111			
27	22400935	TRƯƠNG CÔNG	TRÚ	31/08/06	QL24111			
28	22401311	LÊ	TUYỀN	24/04/06	QL24111			
29	22400196	NGUYỄN THANH	TÙNG	28/10/06	QL24111			Cấm thi
30	22401359	NGUYỄN NHÂN	VĂN	04/11/06	QL24111			
31	22401947	NGUYỄN HOÀNG	VIỆT	03/12/06	QL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Thị trường Chứng khoán (TC210DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1871
Giảng viên: Nguyễn Minh Triết
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 08g00 **Phòng thi:** Phòng 007 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22102170	ĐỖ PHAN GIA	BẢO	28/08/03	TC21111			
2	22201096	NGÔ DUY	BẢO	27/11/04	TC22111			
3	22207602	QUÁCH THÀNH	ĐẠT	03/05/04	TC22111			
4	22205898	LÊ TRẦN BẢO	HÂN	22/05/04	TC22111			
5	22117878	HUỲNH NGỌC THÚY	HƯƠNG	13/12/03	TC21111			
6	22200873	NGUYỄN ĐỨC	MINH	08/08/04	TC22111			
7	22204283	LƯU THỊ MINH	PHƯƠNG	15/10/04	TC22111			
8	22200218	TRƯƠNG ANH	QUÂN	08/06/00	TC22111			
9	22205921	NGÔ THỊ KIM	THƯ	15/01/04	TC22111			
10	22203947	TRẦN THỊ ANH	THƯ	07/06/04	TC22111			
11	22001022	NGUYỄN TRỌNG	TÍN	30/12/99	TC20111			
12	22206584	TRẦN ĐỖ MINH	TRÍ	09/12/04	TC22111			
13	22004780	VŨ PHƯƠNG	UYÊN	05/07/02	TC20111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)
Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Financial Management (TC304DE02) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0300 – Số hiệu lớp: 1319
Giảng viên: Phan Trần Minh Hưng
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 008 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22200833	NGUYỄN THỊ KIM	ANH	22/06/04	TV22111			
2	22204242	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	HOA	17/02/04	KN22111			
3	22205345	ONG ĐỨC	HUY	21/09/04	TV22111			
4	22207266	HUỲNH THỊ THU	HƯƠNG	20/08/03	TV22111			
5	22207145	NGUYỄN THỊNH LÂM	KHANG	14/12/04	TV22111			
6	22205157	PHẠM TUYẾT	KHẢ	26/02/04	TV22111			
7	2191558	TRẦN NGỌC BẢO	LONG	29/11/99	GF19122			Cấm thi
8	22205319	ĐẶNG THỊ THANH	NGA	18/07/04	TV22111			
9	22205137	NGUYỄN THANH	NGÂN	19/04/04	TV22111			
10	22205445	BÙI THỊ HỒNG	NGỌC	19/11/04	TV22111			
11	22400372	DIỆP TRƯƠNG KHÁNH	NHI	15/08/04	TC24111			
12	22205500	TRỊNH HUỲNH THIÊN	PHÚC	02/08/04	TV22111			
13	2181188	NGUYỄN MINH	QUANG	23/04/00	GF1812			
14	22206751	NGUYỄN NGỌC MINH	TÂM	24/05/04	KN22111			
15	22203734	TRẦN NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	UYÊN	02/04/04	TV22111			
16	22122759	ĐÀO NGUYỄN TƯỜNG	VY	18/08/03	KN21111			Cấm thi

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Financial Management (TC304DE02) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0400 – Số hiệu lớp: 1320
Giảng viên: Phạm Nhật Bảo Quyên
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 010 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500305	LE GUERN	AGATHE	15/02/05	QT225			
2	22500306	DUFER	MORGANE	20/08/05	QT225			
3	2192191	TRẦN DUY	BẢO	10/07/01	KT19111			
4	22205470	NGUYỄN NGỌC MINH	CHÂU	16/03/04	KN22111			Cấm thi
5	22206350	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	20/09/04	KT22111			
6	22200278	TRẦN TRỌNG	ĐẠT	14/11/04	TV22111			
7	22206540	NGUYỄN MINH	HIẾU	27/05/04	TV22111			
8	22207336	ĐỖ ĐÌNH	HOÀNG	30/08/04	TV22111			
9	22207378	TRẦN MINH	HUY	03/07/04	KN22111			
10	22205771	HOÀNG HẢI	LÂM	14/03/04	TV22111			
11	22200477	HUỲNH NGỌC THẢO	LINH	18/06/04	TC22111			
12	22207463	VIÊN THỊ THẢO	MY	15/01/04	KN22111			
13	22206024	NGUYỄN TÂM NHƯ	NGỌC	14/01/03	KN22111			
14	22117847	KHEO THẢO	NGUYỄN	20/07/03	TC21111			
15	22206255	LÊ HỒ TẤN	PHÁT	15/10/04	TV22111			
16	22206413	NGUYỄN THÀNH	PHÁT	15/02/03	TC22111			
17	22205532	TRANG THIÊN	PHONG	07/11/01	KN22111			
18	22200247	UÔNG VŨ HOÀNG	PHƯƠNG	12/07/04	KN22111			
19	22201384	NGUYỄN KHIẾT	TÂM	27/08/04	TC22111			
20	22205333	TRẦN KIM	THANH	04/06/04	TC22111			
21	22204556	NGUYỄN ĐỨC	THẮNG	04/11/04	TV22111			
22	22200081	NGUYỄN MINH	THUẬN	15/03/03	TV22111			
23	22205917	ĐỖ NGUYỄN ANH	THƯ	22/10/04	TV22111			
24	22205088	LÝ HUỲNH ANH	THƯ	31/05/04	TV22111			
25	22205909	TRƯƠNG HỮU	TÍNH	09/02/04	TV22111			
26	22204841	HÀ THỊ KIỀU	TRINH	16/09/03	TV22111			
27	22206444	NGUYỄN THANH THẢO	UYÊN	17/02/04	KN22111			
28	22200014	NGÔ THỊ	VIÊN	19/04/00	KN22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính quốc tế trong các tập đoàn đa quốc gia (TC335DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1876
Giảng viên: Đỗ Thị Hồng Hà
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 005 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22301337	NGUYỄN THÁI	AN	06/07/05	KN23111			
2	22300264	NGUYỄN TRÚC	ANH	22/02/95	TC23111			
3	22400070	NGHIÊM THỊ NGỌC	ÁNH	09/02/04	TC24111			Cấm thi
4	22301965	VŨ	BẢO	17/12/02	TC23111			Cấm thi
5	22301114	LÂM KIM	CHI	11/10/00	TC23111			
6	22303678	TRƯƠNG THỊ QUỲNH	CHI	14/01/05	KN23111			
7	22301369	DƯƠNG TIẾN	ĐẠT	25/08/05	KN23111			
8	22301811	TRẦN THANH HƯƠNG	GIANG	29/11/05	KN23111			
9	22300819	ĐOÀN THỌ HOÀNG	GIÁP	04/11/05	TC23111			
10	22302104	NGUYỄN THỊ KIM	HẰNG	27/07/05	KN23111			
11	22302973	PHẠM THỊ MỸ	HOÀ	24/02/05	KN23111			
12	22303671	NGUYỄN THỊ THU	HUỆ	25/09/05	KN23111			
13	22301827	PHẠM ĐỖ DIỆU	HUYỀN	22/10/05	KN23111			
14	22303298	MAI SỸ ANH	KHOA	20/09/05	KN23111			
15	22303737	TÔ CẨM	LOAN	23/03/05	KN23111			
16	22301394	PHÙ THỊ KHÁNH	MINH	26/06/04	TC23111			
17	22301310	HỒ HẢI	MY	19/10/04	KN23111			
18	22303891	NGUYỄN THỊ MINH	NGÂN	12/01/05	TC23111			
19	22301632	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	28/02/05	TC23111			
20	2175189	THIẾU HOÀNG	NGUYỄN	22/10/99	NT1711			
21	22303436	NGUYỄN THỊ THANH	NHÀN	23/10/05	KN23111			
22	22300109	LÊ THỊ THẢO	NHI	04/02/04	TC23111			
23	22300973	NGUYỄN HOÀNG YẾN	NHI	21/09/05	KN23111			
24	22303173	TRƯƠNG NGỌC THANH	NHI	18/12/05	KN23111			
25	22301259	LÊ MINH	NHỰT	19/06/05	KN23111			
26	22302391	LƯU TÂM	NHƯ	22/09/05	KN23111			
27	22302199	DƯƠNG NGUYỄN PHƯƠNG	OANH	14/02/05	KN23111			
28	22302138	HUYỀNH TẤN	PHÁT	27/07/05	KN23111			
29	22302288	NGUYỄN TẤN	PHÁT	18/03/05	KN23111			
30	22300553	TRẦN HƯNG	PHÚ	17/05/05	KN23111			
31	22303691	HỒ BẢO	PHÚC	14/09/05	KN23111			
32	22303072	NGUYỄN VĂN	PHƯỚC	26/05/05	KN23111			
33	22302132	NGUYỄN ĐÌNH	SƠN	03/04/05	KN23111			
34	22400812	LÊ TẤN	TÀI	13/06/03	TC24111			
35	22400045	NGUYỄN LÊ VĨNH	THANH	01/11/02	TC24111			
36	22302268	GIÁP HÀ	TRANG	01/09/05	KN23111			
37	22300028	NGUYỄN THU	TRANG	22/09/04	TC23111			
38	22302213	TRẦN NHÃ	UYÊN	10/03/05	TC23111			
39	22302163	NGUYỄN NGỌC THÙY	VĂN	13/02/05	TC23111			
40	22303057	ĐOÀN THỤY	VĂN	17/02/05	KN23111			
41	22303404	TRỊNH CHÍ	VĨ	29/03/05	TC23111			

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
42	22300564	NGUYỄN TUYẾT	VY	23/09/04	KN23111			
43	22301576	TRỊNH THỊ DẠ	YẾN	23/10/05	TC23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính quốc tế trong các tập đoàn đa quốc gia (TC335DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1877
Giảng viên: Đỗ Thị Hồng Hà
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 08g00 **Phòng thi:** Phòng 006 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22301013	NGUYỄN TRÚC	ANH	04/10/05	TC23111			
2	22301425	VÕ MINH HOÀNG	ANH	18/04/05	TC23111			
3	22302287	TRẦN NGỌC	BÍCH	15/08/05	TC23111			
4	22303740	NGUYỄN VÕ NGỌC	CHÂU	01/06/05	TC23111			
5	22304099	NGUYỄN HAI	ĐĂNG	07/03/02	TC23111			
6	22301192	LƯU KẾ	ĐIỀN	13/04/05	TC23111			
7	22301504	NGUYỄN TUẤN	HƯNG	01/11/05	TC23111			
8	22301078	NGUYỄN LÊ MINH	KHẢI	10/01/05	KN23111			
9	22301832	NGUYỄN ANH	KHOA	03/11/05	TC23111			
10	22303944	NGÔ TẤN	MẠNH	03/10/95	TC23111			
11	22302090	LÂM VÂN	NGHI	15/07/05	TC23111			Cấm thi
12	22301494	PHẠM HOÀNG BẢO	NGỌC	15/12/05	TC23111			
13	22303063	TRẦN TUYẾT	NHI	24/05/05	TC23111			
14	22303728	LÊ THỊ CẨM	NHUNG	03/09/05	TC23111			
15	22300016	LÂM KIỀU	PHƯƠNG	16/10/03	TC23111			
16	22300854	NGUYỄN LÊ NHẬT	THANH	24/06/02	TC23111			
17	22300975	NGUYỄN HỒNG	THẨM	24/03/05	TC23111			
18	22301061	HUYỀNH NGUYỄN MINH	THƯ	11/11/05	TC23111			
19	22303120	THÁI MINH	THƯ	04/02/05	TC23111			
20	22303786	TRẦN THANH	TRÚC	10/11/05	TC23111			
21	22303175	TRẦN ANH	TUẤN	17/06/05	TC23111			
22	22303434	NGUYỄN THỊ KIM	TUYỀN	13/02/05	TC23111			
23	22302108	PHẠM HOÀNG THANH	TÚ	17/10/05	TC23111			
24	22300495	HUYỀNH ĐÀO THÁI	VINH	14/10/02	TC23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Phân tích thiết kế hệ thống (AI204DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1370
Giảng viên: Vũ Đình Khôi
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 105 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401728	NGUYỄN CHU QUỲNH	ANH	04/05/05	AI24111			
2	22402742	NGUYỄN PHƯỚC MAI	BẢO	30/04/04	AI24111			
3	22402732	BÙI NGỌC	HÂN	12/03/03	AI24111			
4	22400620	BẠCH KHÁNH	HIỀN	15/07/06	AI24111			
5	22402782	NGUYỄN THÁI	HÒA	10/10/06	AI24111			
6	22401142	VŨ DOANH	HƯNG	21/04/06	AI24111			
7	22400640	MAC MINH	KHANG	08/08/04	AI24111			
8	22401931	PHẠM MINH	KHÁNH	25/12/06	AI24111			
9	22201742	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	01/08/04	AI22111			
10	22400651	TẠ TRẦN ĐĂNG	KHÔI	23/03/06	AI24111			
11	22402896	NGUYỄN NGỌC HIẾU	MINH	31/08/06	AI24111			Cấm thi
12	22400100	VÕ HOÀI	NAM	10/08/95	AI24111			
13	22402806	HUYỀN DUY	PHÁT	14/11/06	AI24111			
14	22402967	NGUYỄN MINH	QUANG	14/04/06	AI24111			
15	22400588	DƯƠNG NGUYỄN THANH	TÂM	29/08/06	AI24111			
16	22402748	NGUYỄN HOÀNG	THỊNH	21/02/01	AI24111			
17	22401608	DƯƠNG BUI THÀNH TUẤN	TÚ	28/08/06	AI24111			
18	22402883	VÕ HOÀNG UYÊN	VY	10/10/06	AI24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Introduction to Linguistics (ANH220DE02) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1029
Giảng viên: Phan Thị Thanh Thủy
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 106 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22403118	BÙI THÚY	AN	08/05/01	CL24111			Cấm thi
2	22403153	BẾ DUY	ANH	09/03/04	CL24111			Cấm thi
3	22403136	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	ANH	16/09/02	CL24111			
4	22401416	ĐỖ QUỐC	BẢO	19/08/04	CL24111			
5	22402903	PHẠM THỊ KHÁNH	BĂNG	27/03/06	CL24111			
6	22402181	DƯƠNG LÊ	DUNG	13/07/06	CL24111			
7	22402965	MAI THỊ PHƯƠNG	DUNG	22/05/88	CL24111			
8	22200279	ĐỖ QUANG	DUY	05/03/04	TE22111			
9	22400717	NGUYỄN MINH	ĐĂNG	13/10/03	CL24111			
10	22400599	NGUYỄN NGỌC ANH	HIỀN	17/09/06	CL24111			
11	22400546	HUỲNH DUY	KHÁNH	17/01/06	CL24111			
12	22400468	NGUYỄN NGỌC THANH	LAM	28/06/04	CL24111			
13	22400210	LÝ TUYẾT	LINH	23/02/01	CL24111			
14	22402765	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	10/10/98	CL24111			
15	22402019	TRẦN HOÀNG	NGÂN	22/08/06	CL24111			
16	22401791	TRẦN THÁI	NGUYỄN	24/03/06	CL24111			
17	22402797	ĐINH MỸ	NHƯ	10/03/06	CL24111			
18	22401752	TRƯƠNG KHẮC THIÊN	PHONG	28/11/03	CL24111			
19	22400832	NGUYỄN ĐỖ NAM	PHƯƠNG	23/11/06	CL24111			
20	22500015	NGUYỄN SỸ	THÀNH	02/09/91	CL25111			
21	22400374	HUỲNH PHÚC	THỊNH	10/08/06	CL24111			
22	22401822	LÊ THỊ LÊ	THÚY	27/08/06	CL24111			
23	22400445	HUỲNH THANH THỦY	TIỀN	11/05/04	CL24111			
24	22403199	VĂN NGỌC	TRÚC	27/11/04	CL24111			
25	22402073	NGUYỄN THÚY	VY	17/08/06	CL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Business Supply Chain Management (BA401DE02) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0300 – Số hiệu lớp: 3338
Giảng viên: Hồ Trung Thảo
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 048 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500289	DESUZINGE	ARNAUD	14/06/02	QT225			
2	22500290	GIRAUD	MATHIAS	13/08/02	QT225			
3	22500291	BEAUFILS	JUSTINE	02/09/03	QT225			
4	22100337	NGUYỄN HOÀNG	ANH	15/05/03	TANT21111			
5	22203859	HUYỀN GIA	BẢO	07/12/04	TV22111			
6	22207227	NGUYỄN THỊ THANH	BÌNH	10/06/03	TV22111			
7	22010005	NGÔ ĐỨC	DUY	12/11/02	MD20111			
8	22205268	SHAKIRIN	HAKIM	24/06/03	TV22111			
9	22207131	LƯƠNG PHƯỚC	HIẾU	30/01/04	TV22111			
10	22206540	NGUYỄN MINH	HIẾU	27/05/04	TV22111			
11	22207336	ĐỖ ĐÌNH	HOÀNG	30/08/04	TV22111			
12	22206071	TRẦN ANH	HUY	10/01/04	TV22111			
13	22206558	PHAN SU	HY	12/06/04	TV22111			
14	22207145	NGUYỄN THỊNH LÂM	KHANG	14/12/04	TV22111			
15	22207223	ĐẶNG QUANG	KHÁNH	01/07/04	TV22111			
16	22207644	PHẠM TRUNG	KIỆN	07/02/03	TV22111			
17	22205771	HOÀNG HẢI	LÂM	14/03/04	TV22111			
18	22206559	CHÂU HOÀNG THIÊN	LỘC	30/10/04	TV22111			
19	22206707	ĐỖ TRƯỜNG	NAM	19/02/04	TV22111			
20	22206282	VÕ CHÍ	NGHĨA	23/05/01	TV22111			
21	22122728	NGUYỄN BẢO	NGỌC	02/02/03	MC21111			
22	22206255	LÊ HỒ TẤN	PHÁT	15/10/04	TV22111			
23	22013015	QUÁCH GIA	PHÚC	09/06/02	LG20111			
24	22205500	TRỊNH HUỲNH THIÊN	PHÚC	02/08/04	TV22111			
25	22205136	THÔNG TIỂU	PHƯƠNG	16/09/03	TV22111			
26	22205672	TRẦN NGUYỄN	PHƯỚC	21/04/04	TV22111			
27	22207412	VÕ HUỲNH	PHƯỚC	02/11/04	TV22111			
28	22205756	ĐÀO ĐỨC	THÀNH	06/05/04	TV22111			
29	22205599	TRẦN VIỆT	THẮNG	09/07/04	TV22111			
30	22206606	ĐỖ MINH	THIỆN	17/03/04	TV22111			
31	22205088	LÝ HUỲNH ANH	THỨ	31/05/04	TV22111			
32	22114568	NGUYỄN HOÀNG ANH	THỨ	26/02/03	TANT21111			
33	22206994	NGUYỄN NGỌC UYÊN	THY	19/06/03	TV22111			
34	22204841	HÀ THỊ KIỀU	TRINH	16/09/03	TV22111			
35	22205006	VŨ NGUYỄN THANH	TRUNG	05/10/04	TV22111			
36	22207153	TRẦN ANH	TUẤN	28/01/04	TV22111			
37	22205112	TRƯƠNG QUỐC	TUẤN	17/10/04	TV22111			
38	22206251	TRỊNH GIA	TƯỜNG	07/12/04	TV22111			
39	22206725	ĐẶNG PHÚ	VINH	14/04/03	TV22111			
40	22206587	MAI THUÝ	VY	21/11/01	TV22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Business Supply Chain Management (BA401DE02) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0400 – Số hiệu lớp: 3339
Giảng viên: Hồ Trung Thảo
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 049 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22206091	VÕ NGUYỄN VÂN	ANH	23/08/04	TV22111			
2	22206063	NGÔ PHÚ	CƯỜNG	25/09/04	TV22111			
3	22101444	LÊ ĐÀI	DƯƠNG	02/02/03	TANT21111			
4	22204482	PHAN TRẦN TIẾN	ĐẠT	14/10/04	TV22111			
5	22200681	HOÀNG NGỌC	HÀ	07/01/04	TV22111			
6	22200469	CÙ TRẦN PHÚC	HẬU	28/12/04	TV22111			
7	22207610	PHẠM XUÂN	HIỀN	16/09/04	TV22111			
8	22205802	NGUYỄN PHẠM ANH	HUY	12/09/04	TV22111			
9	22205474	NGUYỄN QUỐC	HUY	08/10/02	TV22111			
10	22200277	NGÔ GIA	HỠ	18/05/04	TV22111			
11	22206031	DIỆC DỪNG	KHÁNH	09/02/04	TV22111			
12	22205792	ĐOÀN MINH	LONG	05/06/04	TV22111			
13	22201331	NGUYỄN BẢO MINH	LỘC	22/04/04	TV22111			
14	22200493	NGUYỄN HOÀNG	LỘC	02/07/04	TV22111			
15	22205222	NGUYỄN QUỐC	MINH	19/05/04	TV22111			
16	22205346	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	24/01/04	TV22111			
17	22207017	VÕ ĐÔNG	MY	06/05/04	TV22111			
18	22205319	ĐẶNG THỊ THANH	NGA	18/07/04	TV22111			
19	22205137	NGUYỄN THANH	NGÂN	19/04/04	TV22111			
20	22205369	TRƯƠNG NHƯ	NGỌC	07/03/04	TV22111			
21	22207198	ĐOÀN NGUYỄN TRỌNG	NGUYỄN	27/10/04	TV22111			
22	22207597	HUỲNH KIM	NHI	17/03/04	TV22111			
23	22205768	PHAN NGUYỄN THU	NHƯ	04/10/04	TV22111			
24	22205278	TRẦN THỊ TIỀN	PHƯƠNG	12/07/03	TV22111			
25	22207009	LÊ HỮU	QUỐC	11/02/04	TV22111			
26	22205321	PHAN THANH	TÂN	31/05/04	TV22111			
27	22205923	BÙI THỊ THANH	THẢO	20/11/04	TV22111			
28	22205942	TRỊNH ANH	THƯ	11/04/04	TV22111			
29	22203734	TRẦN NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	UYÊN	02/04/04	TV22111			
30	22206644	VŨ TRẦN QUỐC	VIỆT	17/07/04	TV22111			
31	22207016	TRƯƠNG TRIỀU	VINH	14/03/04	TV22111			
32	22205605	ĐẶNG THỊ LAN	VY	05/02/04	TV22111			
33	22203653	VĂN LÊ LAN	VY	15/10/04	TV22111			
34	22011109	ĐÌNH BẢO	YẾN	13/07/01	LG20111			
35	22206213	PHẠM HOÀNG	YẾN	16/04/04	TV22111			
36	22207352	TRẦN LÂM THIÊN	Ý	09/05/04	TV22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Dẫn nhập môn Marketing kỹ thuật số (DM304DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1480
Giảng viên: Đỗ Trọng Danh
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 009 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22109050	VÕ PHÚC NHẬT	AN	29/11/03	DM21111			
2	22117012	VĂN KIM	DUYÊN	23/09/03	DM21111			
3	22140048	NGUYỄN HOÀNG	DŨNG	26/09/03	DM21111			
4	22111606	VŨ MINH	ĐỨC	02/12/03	DM21111			Cấm thi
5	22102351	LẠI QUỐC	KHÁNH	02/09/03	DM21111			
6	22205384	NGÔ QUANG	KHẢI	21/09/04	DM22111			
7	22206969	LÊ NGUYỄN THU	NGÂN	27/09/04	DM22111			
8	22205009	TRƯƠNG BÍCH	NGỌC	01/02/01	DM22111			
9	22206136	TỬ NGỌC MINH	NHƯ	16/05/04	DM22111			
10	22116968	PHẠM TRỊNH MINH	PHÚC	24/09/03	DM21111			
11	22206280	TRỊNH NHÃ	PHƯƠNG	25/10/04	DM22111			
12	22206180	NGUYỄN NGỌC MINH	THỨ	03/07/04	DM22111			
13	22116954	THIỆU QUANG	TRƯỜNG	20/06/03	DM21111			
14	22205153	NGUYỄN KHÁNH	VY	13/09/04	DM22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Xác suất Thống kê cho Kỹ sư (GS110DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1549
Giảng viên: Đặng Công Tiên
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 108 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22204606	LÊ QUANG	ANH	28/03/00	QL22111			
2	22106132	CAO NGUYỄN	BÌNH	27/04/03	QL21111			Cấm thi
3	22205826	TRƯƠNG VĂN	HUY	13/03/04	QL22111			
4	22100664	TRẦN VIỆT	HƯNG	12/07/03	QL21111			
5	22114830	NGUYỄN PHÚC	KHANG	07/07/03	QL21111			
6	22207191	HỨA QUỐC	KHÁNH	30/01/04	QL22111			
7	22205797	NGUYỄN DUY	KHÁNH	05/05/04	PM22111			
8	22206191	VŨ TRỌNG	KHẢI	02/07/04	AI22111			
9	22204882	LÊ ĐĂNG	KHOA	25/11/01	QL22111			
10	22500193	NGUYỄN DƯƠNG	KHÔI	31/05/05	QL25111			Cấm thi
11	2170431	NGUYỄN TUẤN	KIỆN	01/05/99	NL1711			
12	22205562	PHẠM DƯƠNG NHẬT	LÂM	19/06/04	QL22111			
13	22205449	LÊ BẢO	LÂN	17/04/03	QL22111			Cấm thi
14	22403076	BÙI QUANG	MINH	09/08/02	PM24111			
15	22206036	LƯU NGỌC	MINH	27/01/04	QL22111			
16	22503676	NGUYỄN TRẦN THANH	NHI	15/07/04	PM25111			
17	22102061	PHẠM MINH	TÀI	09/08/03	QL21111			
18	22301137	LÊ MINH	THÁI	20/02/05	QL23111			
19	22118829	NGUYỄN CÔNG	THÁI	15/10/03	QL21111			Cấm thi
20	22205110	LÊ XUÂN	THÀNH	09/01/04	PM22111			
21	22207519	NGUYỄN KHÁNH	TRUNG	23/03/97	PM22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Hàn 2 (HAN102DV01) – Số tín chỉ: 4.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1551
Giảng viên: Trần Nguyễn Nguyên Hân
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 006 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22301629	ĐÀO QUANG	AN	22/08/05	DL23111			
2	2190302	VŨ NGỌC	AN	14/12/97	TM19112			
3	22303745	TÔ MAI	ANH	17/04/05	NH23111			
4	22207129	TẶNG ĐẶNG GIA	BẢO	20/10/04	TM22111			
5	22107274	CAO BĂNG	BĂNG	26/06/03	KS21111			
6	22012269	NGUYỄN BÁ THÀNH	ĐẠT	09/09/02	TE20111			
7	22300826	NGUYỄN VÕ NHẬT	HUY	09/10/05	TM23111			Cấm thi
8	22300224	BÙI VĨNH	KHANG	13/04/05	DL23111			
9	22301033	PHẠM THỊ VÂN	KHÁNH	18/08/03	TE23111			
10	22303049	TRẦN CAO VÂN	KỶ	14/01/05	TM23111			
11	22301193	ĐÀO KHÁNH	LINH	17/04/02	TE23111			
12	22301936	VŨ NGỌC GIA	NGHI	14/12/05	NH23111			
13	22303789	LÊ NGỌC PHƯƠNG	QUYÊN	20/01/05	TE23111			
14	2183343	ĐOÀN TRÚC	QUỲNH	16/04/00	NH1811			
15	22301536	NGUYỄN NGỌC NHƯ	QUỲNH	13/05/05	TM23111			
16	22302549	TRỊNH MINH	TÂM	15/09/05	TM23111			Cấm thi
17	22105642	NGUYỄN BÌNH LOAN	THỤY	21/10/03	TATL21111			Cấm thi
18	22301256	VŨ MINH	THƯ	11/07/05	TE23111			
19	22302357	NGUYỄN VĨNH HOÀNG	THY	20/04/05	TE23111			
20	22303739	NGUYỄN HOÀNG BẢO	TRẦN	17/09/05	NH23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Hàn 2 (HAN102DV01) – Số tín chỉ: 4.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1552
Giảng viên: Trần Nguyễn Nguyên Hân
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 007 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22123004	HUỲNH VÕ XUÂN	ANH	22/02/01	TM21111			
2	22301041	TẶNG ÂN	ÂN	30/03/04	EM23111			
3	22301966	PHAN GIA	BẢO	15/07/05	KS23111			
4	22300378	LÊ BỘI	BỘI	29/08/03	KS23111			
5	22303602	NGUYỄN KHẢ	DOANH	16/09/05	EM23111			
6	22301465	NGUYỄN GIA	HÂN	31/12/05	EM23111			
7	22301863	NGUYỄN NGUYỆT	HÂN	17/12/05	EM23111			
8	22301593	NGUYỄN TRƯƠNG GIA	HÂN	24/08/05	KS23111			
9	22010198	VÕ THỊ THÚY	LIỄU	26/04/02	NH20111			
10	22301009	DƯƠNG KIM	NGÂN	27/07/05	EM23111			
11	22300176	HUỲNH KIM	NHƯ	12/03/05	EM23111			
12	22303515	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	21/09/05	EM23111			
13	22302433	NGUYỄN LÊ THANH	THẢO	20/06/05	EM23111			
14	22304103	NGUYỄN TRẦN CHUNG	THỦY	29/10/05	KS23111			
15	22301530	KHA TÚ	TRINH	18/06/03	DL23111			
16	22301517	ĐẶNG TÚ	UYÊN	06/08/05	KS23111			
17	22200055	HOÀNG NGỌC BẢO	UYÊN	20/08/02	KS22111			
18	22107059	LÊ YẾN	VY	22/03/03	KS21111			
19	22300263	NGUYỄN HOÀNG	YẾN	26/09/04	EM23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Labor Relations (HRM306DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1178
Giảng viên: Nguyễn Thùy Giang
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 009 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500296	BOIZIEAU	CARLA	21/04/05	QT225			
2	22014689	LÊ THỊ THÙY	ANH	01/12/02	NL20111			
3	22102890	DƯƠNG ANH	KHOA	16/07/03	NL21111			
4	22000673	NGUYỄN HUỖNH NHÃ	LINH	17/07/02	NL20111			
5	22109687	VŨ NGỌC PHƯƠNG	LINH	15/01/03	NL21111			
6	22402812	BÙI HOÀNG SONG	NGHI	19/10/06	NL24111			
7	22204630	NGUYỄN MINH	NHÃ	08/04/04	NL22111			
8	22000718	NGUYỄN PHAN THẢO	NHI	05/10/02	NL20111			
9	22012012	PHẠM NGỌC UYÊN	PHƯƠNG	08/03/02	NL20111			Cấm thi
10	22206894	PHẠM HÀ DIỄM	QUỲNH	16/04/04	NL22111			
11	22204675	PHAN THỊ VY	THẢO	23/12/04	NL22111			
12	2181162	NGUYỄN HOÀNG	THUẬN	12/11/00	NL1811			Cấm thi
13	22204122	NGUYỄN TÔ ĐỨC	VINH	03/05/04	NL22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: International Payment (IB306DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1184
Giảng viên: Trần Phong
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 003 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22300525	ĐỖ DUY	ANH	14/05/05	NT23111			
2	22206773	ĐỖ TRẦN ĐIẾP	ANH	14/05/04	NT22111			
3	22300899	NGUYỄN HUỲNH ĐỨC	ANH	09/01/03	NT23111			
4	22301358	NGUYỄN NGỌC LAN	ANH	02/01/05	NT23111			
5	22301199	NGUYỄN VŨ TUẤN	ANH	01/12/05	NT23111			
6	22300702	TRẦN KIM	ANH	22/11/05	NT23111			
7	22300079	TRẦN PHƯƠNG	ANH	05/12/03	NT23111			
8	22301275	PHẠM GIA	BẢO	11/09/05	NT23111			
9	22300666	LÊ CHÍ	CƯỜNG	26/06/05	NT23111			
10	22301283	PHẠM THỊ BÍCH	DIỄM	01/02/05	NT23111			
11	22300184	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	06/09/05	NT23111			
12	22300839	NGUYỄN MINH	HẠNH	25/04/05	NT23111			
13	22300519	LÊ HOÀNG	KHANG	10/06/04	NT23111			Cấm thi
14	22301328	HUỲNH THIÊN	KIM	17/12/05	NT23111			
15	22300894	NGUYỄN NHẬT	LAM	02/05/05	NT23111			
16	2193128	CAO TRẦN DIỆU	LINH	01/01/01	GF19122			
17	22300459	NGUYỄN NGỌC THANH	NGÂN	19/09/05	NT23111			
18	22300039	NGUYỄN KỶ	NGUYỄN	12/02/00	NT23111			
19	22300987	NGUYỄN TRÚC	NGUYỄN	16/01/05	NT23111			
20	22301198	NGUYỄN THỊ THẢO	NHI	06/09/05	NT23111			
21	22300960	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NHI	24/03/05	NT23111			
22	22301747	VÕ TUYẾT	NHI	30/11/05	NT23111			
23	22300544	TẠ TẤN	TÀI	31/01/04	NT23111			
24	22300907	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	30/08/05	NT23111			
25	22302278	LÊ DUY	THANH	21/12/03	NT23111			
26	22300694	NGUYỄN NGỌC THANH	THẢO	28/09/05	NT23111			
27	22301083	NGUYỄN LÊ THIÊN THANH	THẢO	07/12/05	NT23111			
28	22300909	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	18/10/05	NT23111			
29	22300911	TẠ NGUYỄN PHƯƠNG	THÙY	21/04/05	NT23111			
30	22300542	TRẦN LÂM NHỰT	TIẾN	06/04/05	NT23111			
31	22303061	TRƯƠNG NGỌC	TRÂM	19/08/05	NT23111			
32	22301155	NGUYỄN QUỐC	TRUNG	10/10/05	NT23111			
33	22300577	NGUYỄN TRẦN BÍCH	TUYỀN	24/04/05	NT23111			
34	22301162	NGUYỄN CAO CÁT	TƯỜNG	24/05/05	NT23111			
35	22300958	NGUYỄN THỊ	VÂN	08/10/05	NT23111			
36	22301212	TRƯƠNG THỊ MỸ	VÂN	19/11/04	NT23111			
37	22300705	KHA THẢO	VY	05/06/05	NT23111			
38	22300873	NGUYỄN THẢO	VY	28/10/05	NT23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: International Payment (IB306DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1185
Giảng viên: Huỳnh Đăng Khoa
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 004 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500305	LE GUERN	AGATHE	15/02/05	QT225			
2	22500306	DUFER	MORGANE	20/08/05	QT225			
3	22301876	THÁI THỊ PHƯƠNG	AN	11/03/05	NT23111			
4	22301875	LÊ VŨ PHƯƠNG	ANH	03/08/05	NT23111			
5	22301625	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	05/09/05	NT23111			
6	22301611	VŨ THỊ NGỌC	ÁNH	28/06/05	NT23111			
7	22301678	BÙI GIA	BẢO	07/10/05	NT23111			
8	22301932	NGUYỄN KIM	CHI	06/03/05	NT23111			
9	22302146	LÊ THỊ MỸ	HẠNH	21/10/05	NT23111			
10	22301638	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	20/06/02	NT23111			
11	22301645	PHẠM THỊ THÚY	HIỀN	10/10/05	NT23111			
12	22301893	TRẦN GIA	HUY	25/10/05	NT23111			
13	22201508	LÊ THỊ	HUYỀN	02/09/04	NT22111			
14	22301713	TRẦN HOÀNG	KHIÊM	07/09/05	NT23111			
15	22207523	ĐỖ HỮU	KHÔI	08/10/04	NT22111			
16	22303058	HỒ THỊ DIỆU	LINH	01/06/05	NT23111			
17	22301627	TRẦN BÍCH	LINH	13/10/05	NT23111			
18	22301960	NGUYỄN TRẦN THIÊN	LỘC	05/11/05	NT23111			
19	22301597	TRẦN KIM	NGÂN	04/07/05	NT23111			
20	22301937	HỒ GIA	NGHI	19/09/05	NT23111			
21	22301880	TRƯƠNG KHÁNH ĐÔNG	NGHI	20/12/05	NT23111			
22	22301975	HỒ LÊ XUÂN	NGỌC	20/08/04	NT23111			
23	22301805	TRẦN NGUYỄN THUÝ	NHI	11/04/05	NT23111			
24	22301771	LAY NGỌC	QUANG	27/04/05	NT23111			
25	22302417	HUỲNH TRẦN THÚY	QUYÊN	17/11/05	NT23111			
26	22302221	ĐỖ NHƯ	QUỲNH	30/09/05	NT23111			
27	22207640	NGUYỄN ĐÌNH VIỆT	THÁI	19/08/01	KN22111			
28	22112795	TRỊNH QUỐC	THÁI	13/11/03	NT21111			Cấm thi
29	22301686	TÔ MINH	THIỆN	11/03/05	NT23111			
30	22301753	NGUYỄN MINH	THƯ	26/05/05	NT23111			
31	22300365	VŨ MINH	THƯ	14/09/05	NT23111			
32	22302435	NGUYỄN VŨ HOÀNG	TRINH	21/04/05	NT23111			
33	22300725	THÁI NGUYỄN ANH	TUẤN	11/04/05	NT23111			
34	22302262	HUỲNH TRẦN DUY	UYÊN	02/06/05	NT23111			
35	22303451	TRẦN HUỲNH THANH	VÂN	28/09/05	NT23111			
36	22302160	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	VI	22/01/01	NT23111			
37	22301782	NGUYỄN HỮU	VINH	21/03/05	NT23111			
38	22300474	VŨ BÁ	VƯƠNG	05/09/02	NT23111			
39	22301634	TRẦN TRIỆU	VY	04/09/05	NT23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: International Payment (IB306DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0300 – Số hiệu lớp: 1186
Giảng viên: Trần Phong
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 043 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22302857	BẠCH NGUYỄN TUẤN	ANH	29/08/05	NT23111			
2	22302321	ĐÀO VƯƠNG QUỐC	ANH	10/02/05	NT23111			
3	22301306	PHẠM THỊ KIM	ANH	20/09/05	NT23111			
4	22206154	HUỲNH NGUYỄN QUÍ	ĐÔNG	25/02/04	NT22111			
5	22301543	TRẦN THUÝ	HÀ	18/01/04	NT23111			
6	22201978	TRẦN DUY	HIẾU	10/09/04	LG22111			
7	22302530	ĐỒNG KIM	HOA	25/05/05	NT23111			
8	22207378	TRẦN MINH	HUY	03/07/04	KN22111			
9	22301323	TRẦN ĐÀO	HƯNG	18/01/05	NT23111			
10	22303717	TRẦN NGỌC PHI	HƯNG	23/04/05	NT23111			
11	22205486	ĐỖ THÀNH	KHANG	11/03/04	LG22111			
12	22302455	PHẠM TƯỜNG	KHOA	09/10/05	NT23111			
13	22302568	PHẠM XUÂN DUY	KHOA	30/11/05	NT23111			
14	22301588	NGUYỄN VĨ	KIỆT	17/07/05	NT23111			
15	22302318	LÂM NHUẬN	MINH	07/11/05	NT23111			
16	22301511	VÕ	NAM	28/11/05	NT23111			
17	22500363	TRƯƠNG HOÀNG KIM	NGÂN	16/11/02	NT25111			
18	22302529	QUẢNG TRỌNG	NGHỊ	25/09/05	NT23111			
19	22206024	NGUYỄN TÂM NHƯ	NGỌC	14/01/03	KN22111			
20	22301568	HỒ TUYẾT	NHI	30/05/05	NT23111			
21	22205649	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	09/06/04	NT22111			
22	22302310	HUỲNH TÂN	PHÁT	02/11/05	NT23111			
23	22302500	NGUYỄN QUỐC	PHONG	28/10/05	NT23111			
24	22302513	TRẦN PHAN GIA	PHÚC	09/01/05	NT23111			Cấm thi
25	22014624	VÕ QUỐC	PHƯƠNG	03/02/02	KN20111			Cấm thi
26	22302317	PHAN ANH	THƯ	29/09/05	NT23111			
27	22205528	NGUYỄN HOÀNG MINH	THY	05/12/03	NT22111			
28	22206927	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	UYÊN	01/02/04	NT22111			
29	22206444	NGUYỄN THANH THẢO	UYÊN	17/02/04	KN22111			
30	22206285	VÕ NGỌC TƯỜNG	VI	14/09/04	NT22111			
31	22302292	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	VY	28/04/05	NT23111			
32	22301298	PHẠM THẢO	VY	09/06/05	NT23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: International Payment (IB306DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0400 – Số hiệu lớp: 1187
Giảng viên: Huỳnh Đăng Khoa
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 025 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22303366	PHAN MẠNH	DUY	12/04/05	NT23111			
2	22303078	HOÀNG TUẤN	DŨNG	06/10/05	NT23111			
3	22303172	TRẦN TRÍ	ĐẠI	09/11/05	NT23111			
4	22303021	PHAN TẤN	ĐẠT	26/09/05	NT23111			
5	22301077	VŨ HỒ PHƯƠNG	GIAO	03/05/05	NT23111			
6	22303349	NGUYỄN ĐỨC BẢO	HÂN	12/12/05	NT23111			
7	22303187	LÝ TÍN	HIỀN	28/05/05	NT23111			
8	22303070	VŨ	HOÀNG	30/04/05	NT23111			
9	22303347	PHẠM THỊ XUÂN	HÒA	09/09/05	NT23111			
10	22303401	ĐÀO XUÂN	KHANG	07/06/05	NT23111			
11	22301759	PHẠM MINH	KHÔI	13/06/04	NT23111			
12	22303115	NGUYỄN NGỌC	LINH	27/10/05	NT23111			
13	22303415	NGÔ THỊ HÀ	MY	03/04/05	NT23111			
14	22206935	NGUYỄN THANH KHÁNH	NGÂN	10/05/04	NT22111			
15	22303529	LÊ ĐÌNH	NGHI	16/02/05	NT23111			
16	22303086	NGUYỄN TRẦN NHƯ	NGỌC	20/10/05	NT23111			
17	22303181	PHẠM THẢO	NHI	06/04/05	NT23111			
18	2181188	NGUYỄN MINH	QUANG	23/04/00	GF1812			
19	22303378	BÙI THỊ NHƯ	QUỲNH	22/06/05	NT23111			
20	22303282	LÊ NGỌC PHƯƠNG	QUỲNH	02/02/05	NT23111			
21	22301469	MAI NGUYỄN NGỌC	THẢO	09/05/05	NT23111			
22	22302263	NGUYỄN DƯƠNG THỊ ANH	THỨ	21/10/05	NT23111			
23	22303091	TRẦN THỊ ANH	THỨ	13/11/05	NT23111			
24	22303285	LÊ THU	TRANG	02/06/05	NT23111			
25	22207580	NGUYỄN LÊ THIÊN	TRANG	12/02/04	NT22111			
26	22003756	NGUYỄN HỒNG KIẾN	VĂN	23/02/02	KN20111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: International Payment (IB306DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0500 – Số hiệu lớp: 1188
Giảng viên: Huỳnh Đăng Khoa
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 044 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22303536	PHAN NGUYỄN VÂN	ANH	20/07/05	NT23111			
2	22303573	TÔN NỮ PHƯƠNG	ANH	23/10/05	NT23111			
3	22303864	HỒ QUỐC	BẢO	19/08/05	NT23111			
4	22303738	HỒ GIA	DOANH	10/06/05	NT23111			
5	22303028	NGUYỄN HẢI	DUY	19/08/05	LG23111			
6	22206723	NGUYỄN TRÍ	DŨNG	02/11/03	KN22111			
7	22301976	TRẦN KHẢI	ĐÌNH	10/07/05	NT23111			
8	22303702	PHAN TẤN	ĐÔNG	11/10/05	NT23111			
9	22303731	PHẠM HOÀN	HAO	02/10/05	NT23111			
10	22303920	NGUYỄN TRUNG	HIỂU	08/08/05	NT23111			
11	22303113	NGUYỄN LƯƠNG MỸ	HOA	15/06/05	NT23111			
12	22303452	ĐÌNH THỊ HỒNG	HUỆ	03/08/05	NT23111			
13	22303930	NGUYỄN THỊ MINH	HUYỀN	10/08/05	NT23111			
14	22303537	NGUYỄN NGỌC VÂN	KHANH	01/01/05	NT23111			Cấm thi
15	22303779	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	20/07/05	NT23111			
16	22301183	NGUYỄN YẾN	LINH	29/11/05	NT23111			
17	22303696	ĐẶNG QUANG	MINH	27/10/05	NT23111			
18	22303622	ĐÀO NGUYỄN KIM	NGÂN	03/10/05	NT23111			
19	22303839	ĐẶNG BỘI	NHƯ	20/08/05	NT23111			
20	22303754	LƯƠNG Ý	NHƯ	01/11/05	NT23111			
21	22303108	HỒ HUỲNH XUÂN	PHƯƠNG	26/11/05	NT23111			
22	22303964	VÕ THỊ MỸ	QUYÊN	21/10/05	NT23111			
23	22011955	LƯU THỊ NHƯ	QUỲNH	08/05/02	NT20111			
24	22304063	NGUYỄN HOÀNG THÚY	QUỲNH	15/05/04	NT23111			
25	22302499	NGUYỄN TRẦN MỸ	TÂM	25/03/05	NT23111			
26	22303051	NGUYỄN NGỌC PHÚ	TÂN	04/02/05	NT23111			
27	22303908	LÊ PHƯƠNG	THẢO	08/04/04	NT23111			
28	22303986	PHẠM MINH	THƠ	23/10/03	NT23111			
29	22303899	ĐỖ NGUYỄN ANH	THƯ	30/08/05	NT23111			Cấm thi
30	22304043	NGUYỄN NGỌC ANH	THƯ	16/11/05	NT23111			
31	22303034	DƯƠNG NHẬT	TƯỜNG	25/05/05	NT23111			
32	22303853	TRẦN MỸ	UYÊN	17/04/05	NT23111			
33	22302502	TRẦN NGỌC THANH	VY	01/04/05	NT23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Những vấn đề chung về Luật Dân sự (LAW104DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1638
Giảng viên: Trần Ngọc Nhã Trân
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 012 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401267	VÕ THỊ KHÁNH	BĂNG	17/06/06	LW24111			
2	22400863	NGUYỄN THỊ THANH	DIỆU	06/01/06	BL24111			
3	22401349	VÕ NHẤT	DUY	22/07/06	LW24111			
4	22400400	LÊ NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	12/05/06	BL24111			
5	22400484	LỮ THIÊN	ĐĂNG	20/03/05	LW24111			
6	22401273	ĐỖ NGỌC KHÁNH	HÂN	01/11/06	BL24111			
7	22400970	NGÔ GIA	HÂN	25/11/06	LW24111			
8	22402888	TẠ LÊ NGỌC	HÂN	24/04/06	BL24111			
9	22401260	TRẦN NGUYỄN MAI	HÂN	20/06/06	BL24111			
10	22401051	NGUYỄN VIỆT MINH	HIẾU	24/01/02	LW24111			
11	22401024	NGUYỄN MINH	HOÀNG	20/01/06	BL24111			
12	22400725	BÙI DUY	HƯNG	13/05/06	BL24111			
13	22401808	PHẠM ĐỖ GIA	HƯNG	13/01/06	BL24111			
14	22400360	LÊ XUÂN	HƯƠNG	24/05/06	BL24111			
15	22401070	PHAN THANH	HƯƠNG	14/06/06	BL24111			
16	22401405	NGUYỄN LỮ ĐĂNG	KHOA	14/09/06	LW24111			
17	22402630	LÊ MAI	KHÔI	10/11/05	BL24111			
18	22401983	NGUYỄN TRẦN MINH	KHUÊ	22/12/06	BL24111			
19	22400031	NGUYỄN KHA TUẤN	KIỆT	08/07/03	LW24111			
20	22207100	CHẾ CÔNG	LỢI	19/10/04	BL22111			
21	22401098	NGUYỄN THẮNG	LỢI	16/04/06	LW24111			
22	22402912	LÊ CÔNG NGUYỄN	MINH	20/02/06	LW24111			
23	22402876	VÕ LÊ NGỌC	MINH	02/12/06	BL24111			
24	22402801	NGUYỄN LÂM GIA	NGHI	25/10/06	LW24111			
25	22401352	NGUYỄN HỒNG BẢO	NGỌC	17/09/06	BL24111			
26	22400827	PHẠM THỊ KIM	NGỌC	14/04/06	LW24111			
27	22400358	NGUYỄN THANH THẢO	NGUYỄN	15/11/06	BL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Những vấn đề chung về Luật Dân sự (LAW104DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1638
Giảng viên: Trần Ngọc Nhã Trân
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 019 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401264	PHAN THỊ THẢO	NGUYỄN	03/06/06	LW24111			
2	22401501	TRẦN KIM	NGUYỄN	04/12/06	LW24111			
3	22400945	LÊ PHONG	NHÃ	08/04/06	BL24111			
4	22402849	LÊ THỊ YẾN	NHI	02/12/06	LW24111			
5	22400976	NGUYỄN LÊ UYÊN	NHI	10/04/06	BL24111			
6	22401154	NGUYỄN NGỌC THANH	NHI	20/02/06	BL24111			
7	22401514	NGUYỄN NGỌC Ý	NHI	31/07/05	LW24111			
8	22401623	THẠCH THỤY MỸ	NHUNG	26/03/06	LW24111			
9	22402972	LÂM GIA	PHÚ	10/11/06	LW24111			
10	22400649	NGUYỄN THỊ THANH	THANH	10/06/06	BL24111			
11	22400057	BÙI NGUYỄN	THÀNH	02/09/02	LW24111			
12	22401974	GIANG TRẦN NGỌC	THẢO	22/05/06	BL24111			
13	22401730	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	THẢO	08/10/06	BL24111			
14	22401981	NGUYỄN LÊ ANH	THƯ	12/07/06	LW24111			
15	22402772	TRẦN THỊ HOÀI	THƯƠNG	21/01/06	LW24111			
16	22400698	HUỲNH ĐẶNG CẨM	TIẾN	27/04/06	BL24111			
17	22401563	ĐINH KHẮC HOÀNG	TIẾN	22/06/06	LW24111			
18	22401020	NGUYỄN HOÀNG	TIẾN	01/12/06	LW24111			
19	22401324	ĐỖ HOÀNG UYÊN	TRANG	24/06/06	BL24111			
20	22401408	LÊ THỊ THÙY	TRANG	29/09/06	BL24111			
21	22302466	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	09/08/05	BL23111			
22	22402321	LƯƠNG QUỲNH	TRÂM	20/06/06	LW24111			
23	22401992	NGUYỄN NGỌC CẨM	TÚ	13/10/06	LW24111			
24	22403121	TRẦN CẨM	TÚ	11/08/04	BL24111			
25	22401638	ÂU HẢI KHÁNH	VY	02/09/04	BL24111			
26	22402771	NGUYỄN KIM THẢO	VY	11/04/06	BL24111			
27	22402184	NGUYỄN MAI	VY	20/06/06	LW24111			
28	22401488	CÙ HOÀNG	YẾN	01/09/03	BL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Service Marketing (MK404DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1259
Giảng viên: Huỳnh Thị Thùy Dương
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 021 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22014619	NGÔ THỊ MAI	ANH	30/03/02	MK20111			
2	22010122	HỒ KHÁNH	DUY	07/07/02	MK20111			
3	22201150	LÊ QUANG THÀNH	ĐẠT	24/03/04	MK22111			
4	22204842	HUỲNH GIA	HUY	04/06/04	MK22111			
5	22207705	PHAN THÀNH	KHANG	08/05/03	MK22111			
6	22207539	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	30/01/03	MK22111			
7	22200066	NGUYỄN ẨMH	KHÔI	23/05/04	MK22111			
8	22206598	HUỲNH KIẾN	LUÂN	29/09/04	MK22111			
9	22206766	VŨ QUỲNH	MAI	30/09/04	MK22111			
10	22206115	NGUYỄN MINH	NGỌC	13/09/04	MK22111			
11	22205904	TRẦN GIA	NGỌC	12/03/04	MK22111			
12	22206532	TRẦN THỊ NHƯ	NGỌC	29/10/04	MK22111			
13	22205036	TRƯƠNG THANH	NHÃ	26/02/04	MK22111			
14	22115225	KHUU CHÂU ĐỨC	NHÂN	12/10/03	MK21111			
15	22117527	NGUYỄN TRẦN HOÀNG	PHÚ	18/11/03	MK21111			
16	22201578	HUỲNH MINH	THUẬN	23/02/04	MK22111			
17	22104754	LÊ SONG	THƯƠNG	02/06/03	MK21111			
18	22205823	NGUYỄN HỒ NGỌC	TRINH	16/09/04	MK22111			
19	22117370	TRƯƠNG THÁI THỰC	TRINH	10/03/03	MK21111			
20	22201830	NGUYỄN ANH	TUẤN	13/08/04	MK22111			
21	22204643	TRẦN HUỲNH ANH	TUẤN	06/01/04	MK22111			
22	22206300	TRIỆU ÁI	VY	17/08/04	MK22111			
23	22204096	TRƯƠNG THÀNH	VỸ	14/02/04	MK22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Các Mô hình Tài chính (TC402DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1879
Giảng viên: Nguyễn Tường Minh
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 035 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	2195185	MAI ĐÌNH QUỐC	ANH	30/04/00	KN19112			
2	22102517	NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	20/08/03	TC21111			
3	22114141	NGUYỄN KHẮC PHƯƠNG	ĐÔNG	10/08/03	TC21111			
4	22113888	CAO NGỌC	HÂN	12/01/03	TC21111			
5	22122592	ĐINH KHÁNH	HÂN	10/02/03	TC21111			
6	22117879	ĐỖ QUỐC	HƯNG	31/12/03	KN21111			
7	22101298	QUÁCH TUẤN	KIỆT	24/11/02	KN21111			
8	22140129	LÊ HUỖNH PHƯƠNG	NGÂN	01/06/03	KN21111			
9	22117829	NGUYỄN TẤN	PHÁT	11/06/03	KN21111			
10	2183377	HUỖNH THỊ BÍCH	PHƯƠNG	15/12/00	TC1811			
11	22122675	NGÔ THỊ DIỄM	QUỲNH	07/12/03	TC21111			Cấm thi
12	22400812	LÊ TẤN	TÀI	13/06/03	TC24111			
13	22001022	NGUYỄN TRỌNG	TÍN	30/12/99	TC20111			
14	22122631	NGUYỄN BẢO	TRANG	18/11/03	TC21111			
15	2193435	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	31/01/01	KN19111			
16	22000146	NGUYỄN THỊ NHẬT	TRÂM	14/07/02	KN20111			
17	22013425	NGUYỄN THANH	TRÚC	12/11/02	TC20111			
18	22011324	NGUYỄN KIM	TUYỀN	22/10/02	TC20111			Cấm thi

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Kinh tế Vĩ mô (BA102DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1411
Giảng viên: Lê Ngọc Đức
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 004 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401329	DƯƠNG KIỀU	ANH	21/01/06	DM24111			
2	22401332	HUỖNH CHÂU	ANH	10/01/06	DM24111			
3	22401664	LÊ NGỌC	ANH	02/06/06	DM24111			
4	22401629	HÀ GIA	ÂN	01/01/06	DM24111			
5	22401614	LÔ GIA	BẢO	23/03/06	DM24111			
6	22400413	PHẠM GIA	BẢO	08/02/06	DM24111			
7	22402889	VÕ BẢO	CHÂU	18/12/06	DM24111			
8	22401356	NGUYỄN VĂN KHƯƠNG	DUY	29/08/06	DM24111			
9	22401375	VÕ MINH	DUY	13/02/00	NL24111			Cấm thi
10	22140048	NGUYỄN HOÀNG	DŨNG	26/09/03	DM21111			
11	22115070	ĐẶNG CÔNG	ĐẠT	26/04/03	NT21111			
12	22400366	LÊ NGUYỄN	ĐĂNG	14/05/05	DM24111			
13	22402922	NGUYỄN THỊ THANH	HÀ	27/01/06	DM24111			
14	22400373	NGUYỄN NHƯ	HIỀN	13/04/06	DM24111			
15	22400993	HÀ BẢO	HOÀNG	04/08/04	DM24111			
16	22101016	HUỖNH PHAN GIA	HUY	14/11/03	NT21111			
17	22402465	NGUYỄN MINH	HUY	02/10/06	DM24111			
18	22301704	NGUYỄN HOÀNG	HỮU	02/08/05	DM23111			
19	22400816	NGUYỄN DUY	KHANG	24/09/06	DM24111			
20	22014533	PHAN NHẬT	KHANG	28/01/02	MK20111			
21	22401674	TRƯƠNG HIẾU	KHÁNH	24/05/06	DM24111			
22	22401669	PHAN NHẬT	KHÔI	07/10/06	DM24111			
23	22402898	ĐÀO NGỌC BẢO	LINH	20/05/06	DM24111			
24	22401284	LƯU THỊ CHÍ	LINH	05/06/06	DM24111			
25	22400788	NGUYỄN KHÁNH	LINH	06/03/06	DM24111			
26	22400871	ĐỖ ANH	LONG	05/11/06	DM24111			
27	22402741	LÊ QUANG	LONG	28/07/06	DM24111			
28	22400312	TRỊNH MINH	LỢI	02/09/06	DM24111			Cấm thi
29	22402398	ĐẶNG GIA	MÃN	28/01/06	DM24111			
30	22116430	TRẦN GIA	MINH	29/08/03	TV21111			
31	22402122	CAO BÍCH KIM	NGÂN	26/05/06	DM24111			
32	22401407	TRƯƠNG MỸ	NGÂN	31/01/06	DM24111			
33	22402018	VÕ LÊ THIÊN	NGÂN	14/06/06	DM24111			
34	22402001	TRẦN LÊ THIÊN	NGHI	13/12/06	DM24111			
35	22402187	HUỖNH KHÁNH	NGỌC	18/07/06	DM24111			
36	22401339	NGUYỄN HỒNG	NGỌC	11/01/06	DM24111			
37	22105856	NGUYỄN TRI	NHÂN	14/05/03	TLNL21111			
38	22401169	CAO THANH	NHẤT	01/01/06	DM24111			
39	22401319	CHƯƠNG ĐỒNG	PHI	07/12/06	DM24111			
40	22402911	ĐỖ GIA	PHÚ	19/08/06	DM24111			
41	22403214	TẠ GIA	PHÚC	31/10/04	DM24111			

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
42	22401018	PHẠM THỊ MỸ	PHƯỢNG	01/03/06	DM24111			
43	22400032	HỒ TẤN MINH	QUÂN	20/01/03	DM24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Kinh tế Vĩ mô (BA102DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1411
Giảng viên: Lê Ngọc Đức
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 006 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401936	NGUYỄN ĐOÀN MINH	QUÂN	07/07/06	DM24111			
2	22401897	HOÀNG THỊ TRÚC	QUỲNH	11/12/06	DM24111			
3	22400144	LÊ NGỌC	QUỲNH	20/11/03	DM24111			Cấm thi
4	22401917	NGUYỄN DƯƠNG NHƯ	QUỲNH	15/09/06	DM24111			
5	22401705	DƯƠNG MINH	TÀI	13/02/05	DM24111			
6	22400924	HOÀNG ANH	TÀI	18/07/06	DM24111			
7	22400058	NGUYỄN TƯỚNG	TÀI	18/09/04	DM24111			
8	22401635	ĐÀO DUY	THÁI	25/01/06	DM24111			
9	22401622	NGUYỄN NGỌC MAI	THI	23/11/06	DM24111			
10	22402003	NGUYỄN THỊ NGỌC	THOA	21/07/06	DM24111			
11	22400219	DƯƠNG NGUYỄN MINH	THƯ	27/12/05	DM24111			
12	22400119	HUỲNH MINH	THƯ	22/04/06	DM24111			
13	22401149	NGUYỄN NGỌC THUỶ	TIỀN	03/07/06	DM24111			
14	22101287	LÊ THÀNH	TIẾN	04/01/02	TV21111			
15	22401491	LƯƠNG HUỲNH THÙY	TRANG	02/03/06	DM24111			
16	22401055	NGUYỄN HƯƠNG	TRÀ	22/05/06	DM24111			
17	22402846	LÊ NGỌC	TRÂM	15/01/06	DM24111			
18	22400215	TRẦN HỮU	TRỌNG	01/04/06	DM24111			
19	22401289	NGUYỄN ĐÌNH	TRUNG	30/05/06	DM24111			
20	22400574	NGUYỄN TRẦN THANH	TRÚC	13/12/06	MK24111			
21	22400404	HUỲNH GIA	TUẤN	18/06/06	DM24111			
22	22012522	VÕ ĐĂNG THANH	TUYỀN	26/07/02	DM20111			
23	22401696	PHẠM HOÀNG PHƯƠNG	UYÊN	16/02/06	DM24111			
24	22402271	TRỊNH KỶ	VĂN	28/10/06	DM24111			
25	22401701	NGUYỄN PHẠM TƯỜNG	VI	18/04/06	DM24111			
26	22401102	VŨ KHẮC NGUYỄN	VŨ	24/06/06	DM24111			
27	22401396	BÙI NGUYỄN HẠ	VY	26/11/06	DM24111			
28	22402758	VĂN TẤN	VỸ	12/08/05	DM24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Kinh tế Vĩ mô (BA102DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1412
Giảng viên: Đặng Hoàng Minh Quân
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 032 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400811	LÊ HOÀNG MINH	AN	03/05/06	DM24111			
2	22401471	ĐỖ HOÀNG	ANH	02/12/06	EC24111			
3	22402100	HOÀNG MINH	ANH	11/06/06	EC24111			
4	22400873	LÃ HỒNG	ANH	25/06/06	DM24111			
5	22402139	LƯƠNG TÂM	ANH	07/02/06	EC24111			
6	22205875	PHẠM QUỐC NAM	ANH	06/12/04	NT22111			
7	22400513	TRẦN KIỀU	ANH	26/09/06	DM24111			
8	22403010	TRẦN NHẬT	ANH	05/07/04	EC24111			
9	22400314	NGUYỄN QUANG	CẢNH	27/02/01	DM24111			
10	22401288	NGUY KHẢI	DOANH	09/10/06	DM24111			
11	22400143	NGUYỄN THỊ NGỌC	DUNG	04/07/02	NT24111			Cấm thi
12	22402874	QUAN MỸ	DUYÊN	17/11/06	EC24111			
13	22402328	NGUYỄN CÔNG THÀNH	ĐÔ	03/08/06	EC24111			
14	22401327	LÊ MINH	ĐỨC	17/06/06	DM24111			
15	22400013	NGUYỄN TRÍ	ĐỨC	01/04/04	TV24111			
16	22400151	PHAN HUỲNH THIÊN	ĐỨC	29/05/06	EC24111			
17	22401087	TRẦN THANH	HẢI	18/07/06	DM24111			
18	22401333	NGUYỄN NGỌC	HIỀN	08/05/06	DM24111			
19	22400081	ĐINH HUỲNH SONG	HUY	10/06/04	TV24111			
20	22205534	LÊ NGUYỄN ĐỨC	HUY	16/07/04	TV22111			
21	22402974	NGÔ NGUYỄN QUỐC	HUY	01/10/06	EC24111			
22	22206031	DIỆC DŨNG	KHÁNH	09/02/04	TV22111			
23	22401469	VŨ QUỐC	KHÁNH	14/06/06	EC24111			
24	22400332	CHÂU ĐĂNG	KHOA	15/05/06	DM24111			
25	22009272	ĐINH NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	01/03/02	LG20111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Kinh tế Vĩ mô (BA102DV01) – Số tín chỉ: 3.00

Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1412

Giảng viên: Đặng Hoàng Minh Quân

Ngày thi: 31/12/2025

Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 044 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402556	LÊ ĐĂNG	KHÔI	06/10/06	EC24111			
2	22401557	NGUYỄN THỊ DIỆU	LINH	24/11/06	EC24111			
3	22403026	TRỊNH GIA	LINH	03/02/06	EC24111			
4	22012297	HỒ HOÀNG	LONG	15/03/02	TV20111			
5	22400661	NGUYỄN PHƯỚC HOÀNG	LỘC	23/12/04	DM24111			Cấm thi
6	22400544	BÙI XUÂN	MINH	31/01/05	DM24111			
7	22403196	LÝ VĨ	MINH	18/07/06	EC24111			
8	22200041	TRẦN NGUYỄN NHẬT	MINH	24/12/03	TV22111			
9	22400826	NGÔ XUÂN HOÀNG	NGÂN	25/05/06	EC24111			
10	22400837	LÊ NGUYỄN BẢO	NGỌC	04/08/02	DM24111			
11	22400879	PHẠM THANH	NGỌC	23/01/06	EC24111			
12	22400662	TRẦN THỊ THANH	NHÂN	18/07/06	DM24111			
13	22401008	PHẠM THỊ QUỲNH	NHƯ	26/10/06	EC24111			
14	22401266	NGUYỄN LÊ QUANG	PHÁT	20/10/06	DM24111			
15	22400554	ĐỖ HIỆP	PHONG	12/04/05	DM24111			Cấm thi
16	22401066	HUYỀNH MAI	PHƯƠNG	17/11/06	DM24111			
17	22401170	NGUYỄN LƯU	PHƯƠNG	28/11/06	DM24111			
18	2194485	LÂM KIM	QUANG	30/04/01	TC19112			
19	22401564	TRƯƠNG HOÀNG	SAN	08/11/06	EC24111			Cấm thi
20	22400319	NGUYỄN TẤN	SANG	20/09/05	EC24111			
21	22111395	NGUYỄN THANH	SANG	09/08/03	DM21111			
22	22401777	HỒ THANH	THẢO	08/01/06	EC24111			
23	22401330	NGUYỄN GIA	THỊNH	25/11/06	DM24111			
24	22401034	THÁI BẢO HOÀI	THU	13/07/06	DM24111			
25	22400678	VÕ TRẦN MINH	THỨ	14/10/06	EC24111			
26	22400399	NGUYỄN HOÀI	THƯƠNG	04/06/05	EC24111			
27	22400402	NGUYỄN NGỌC THUỶ	TIẾN	23/11/05	LG24111			
28	22114671	TRẦN MINH	TIẾN	12/10/03	NT21111			
29	22401128	NGUYỄN ĐỖ BẢO	TRÂM	17/02/06	DM24111			
30	22006873	NGUYỄN HOÀN MỸ	TRÂN	23/01/02	GF20121			
31	22207217	ĐÀO QUANG	TUẤN	02/01/04	TV22111			
32	22400785	LÊ ANH	TUẤN	07/11/06	EC24111			
33	22401137	MẠCH KHẢI	TUẤN	15/06/06	DM24111			
34	22011166	NGUYỄN THANH	TÙNG	21/10/01	MK20111			
35	22401940	NGUYỄN ÁI NHÂN	VIỆT	06/02/06	EC24111			
36	22400731	NGUYỄN NHẬT	VŨ	13/12/06	EC24111			
37	22115245	LÊ TƯỜNG KHÁNH	VY	18/11/03	TV21111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Kinh tế Vĩ mô (BA102DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0300 – Số hiệu lớp: 1413
Giảng viên: Đặng Hoàng Minh Quân
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 031 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22403160	NGUYỄN HẢI	ANH	10/08/99	LG24111			
2	22401562	NGUYỄN NGỌC MINH	ANH	18/07/06	TC24111			
3	22402225	NGUYỄN TRẦN QUỲNH	ANH	11/03/06	TC24111			
4	22400742	LƯU ĐIỀU	ÁI	29/05/03	TC24111			
5	22401004	VƯƠNG QUỐC	BẢO	03/12/06	TC24111			
6	22401513	TẠ QUANG QUỐC	CƯỜNG	31/10/06	FT24111			
7	22400944	NGUYỄN KHẢI	DUY	25/02/05	FT24111			
8	22401343	LÊ TIẾN	DŨNG	10/11/06	FT24111			
9	22400965	NGUYỄN QUỐC	ĐẶNG	02/05/06	FT24111			
10	22400957	LÂM HẢI	ĐĂNG	27/07/05	FT24111			
11	22400549	PHAN THÀNH	ĐỨC	24/07/06	TC24111			
12	22401631	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	03/06/06	FT24111			
13	22402611	LÊ QUỐC	HÀO	21/10/06	TC24111			
14	22402635	NGUYỄN HÙNG	HẬU	29/08/06	TC24111			
15	22401527	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	31/01/06	FT24111			
16	22402829	NGUYỄN VĂN	HIẾU	29/06/06	TC24111			Cấm thi
17	22400401	LÊ THỊ THANH	HIỀN	11/03/06	TV24111			
18	22401002	HỒ ĐẶNG VĂN	HUY	04/05/06	TC24111			
19	22402861	NGUYỄN TRẦN GIA	HUY	08/10/06	TC24111			
20	22402716	NGUYỄN VŨ THIÊN	HÙNG	18/02/06	FT24111			
21	22400405	ĐẶNG THỊ MAI	HƯƠNG	14/10/06	TV24111			
22	22400189	ĐOÀN XUÂN	HƯƠNG	01/08/04	TC24111			
23	22402924	NGUYỄN HOÀNG GIA	KHANG	20/01/06	TC24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Kinh tế Vĩ mô (BA102DV01) – Số tín chỉ: 3.00

Lớp học phần: 0300 – Số hiệu lớp: 1413

Giảng viên: Đặng Hoàng Minh Quân

Ngày thi: 31/12/2025

Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 049 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400473	BÙI CHÍ	KHANH	25/01/06	FT24111			
2	22402011	HOÀNG GIA	KHANH	29/12/06	TC24111			
3	22204992	LÊ ĐÀO ĐĂNG	KHOA	28/03/03	LG22111			
4	22403045	PHẠM HOÀNG ĐĂNG	KHOA	18/03/06	FT24111			
5	22140234	TÔ ĐĂNG	KHOA	18/04/01	TV21111			Cấm thi
6	22401038	TRƯƠNG DUY	LỢI	08/12/06	FT24111			
7	22400810	LƯU TIỂU	MÃN	12/03/06	TC24111			
8	22402108	HỒ THỊ TRÀ	MY	18/04/06	TC24111			
9	22401354	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	03/07/06	TC24111			
10	22401316	NGUYỄN TRỌNG	NGHĨA	22/08/05	FT24111			
11	22401776	TRẦN NHÂN	NGHĨA	17/03/06	FT24111			
12	22402699	NGUYỄN QUỲNH BẢO	NGỌC	16/11/06	TC24111			
13	22400923	NGUYỄN HOÀNG KHÔI	NGUYỄN	20/01/06	TV24111			
14	22402751	ĐINH NGUYỄN MINH	NHẬT	03/04/06	FT24111			
15	22401938	LƯU TẤN	NHẬT	19/10/06	TC24111			
16	22012511	LÝ GIA	NHƯ	28/02/02	KT20111			
17	22011517	PHẠM TRẦN TẤN	PHÁT	18/08/02	MD20111			
18	22401526	NGUYỄN GIA	PHÚ	06/02/06	FT24111			
19	22401923	NGUYỄN HỒNG	PHƯỚC	08/08/02	TC24111			
20	22401569	NGUYỄN PHÙNG CÁT	PHƯỢNG	22/01/06	TC24111			
21	22400916	NGUYỄN DUY	QUANG	28/05/06	TC24111			
22	22400567	CHÂU MỸ	TÂM	06/03/06	TC24111			
23	22402878	NGUYỄN THỊ NGỌC	THẢO	21/07/06	TC24111			
24	22402299	LÂM SƠN	THẮNG	30/04/06	TC24111			
25	22400817	NGUYỄN NGỌC MINH	THUY	26/07/06	TC24111			
26	22401040	HỨA NGUYỄN MINH	THƯ	21/08/06	FT24111			
27	22401748	LÊ NGUYỄN MINH	THƯ	10/02/04	FT24111			
28	22400743	ĐINH THỊ THUY	TRANG	20/11/05	TC24111			
29	22401368	TẠ THUY	TRANG	10/05/06	FT24111			
30	22400587	HOÀNG NGỌC	TRÂM	22/11/06	TC24111			
31	22400942	NGÔ HOÀNG	TUẤN	05/03/06	TC24111			
32	22402006	TRẦN THỊ CẨM	TÚ	13/02/06	TC24111			
33	22402917	LÊ PHƯƠNG	UYÊN	28/10/06	TC24111			
34	22402736	PHAN QUANG	VINH	26/04/06	TC24111			
35	22401582	KA LÔ IT LÊ	VY	28/11/06	TC24111			
36	22402094	NGUYỄN BẢO	VY	16/10/06	TC24111			
37	22402860	TRẦN ĐINH KHÁNH	VY	11/03/06	FT24111			
38	22401793	LÊ KIM MỸ	YÊN	23/09/06	FT24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Kinh tế Vĩ mô (BA102DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0400 – Số hiệu lớp: 1414
Giảng viên: Nguyễn Minh Cao Hoàng
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 019 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401022	ĐẶNG NGỌC QUỲNH	ANH	15/09/06	LG24111			
2	22401120	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG	ANH	26/10/06	LG24111			
3	22401606	NGUYỄN VƯƠNG QUỐC	ANH	27/01/06	LG24111			
4	22402943	TRẦN THỊ KIM	CHI	05/08/06	LG24111			
5	22402130	HUYỀN QUỐC	CƯỜNG	11/06/06	LG24111			
6	22401027	DƯƠNG NGỌC THUY	DUNG	24/08/06	LG24111			
7	22400806	LÊ ĐĂNG	ĐẠT	18/11/06	FT24111			
8	22402950	TRẦN TUẤN	ĐẠT	11/11/05	LG24111			
9	22400527	ĐÀO BÁ	ĐỨC	13/02/05	NT24111			
10	22400953	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	13/06/06	LG24111			
11	22403102	DƯƠNG NGUYỄN HUY	HOÀNG	21/01/05	NT24111			
12	22400517	NGUYỄN CAO QUANG	HUY	07/04/06	LG24111			
13	22401833	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	27/04/06	LG24111			
14	22002837	VŨ ANH	KHÔI	12/11/02	KT20111			
15	22400768	LÒ THUY BẢO	KHUYỀN	13/06/06	LG24111			
16	22401084	TRẦN ANH	KIỆT	07/10/06	LG24111			
17	22403019	OBA	KIÊN	09/02/04	LG24111			
18	22402866	BÙI THỊ THUY	LINH	25/01/06	LG24111			
19	22401338	TRẦN VŨ HOÀNG	LUÂN	07/03/06	LG24111			
20	22403111	VŨ KIM	NGÂN	19/08/06	LG24111			
21	22400519	VŨ HOÀNG KHÁNH	NGÂN	28/11/06	LG24111			
22	22401068	LƯƠNG QUÍ TRUNG	NGHĨA	17/10/06	LG24111			
23	22400848	NGUYỄN HUỲNH THÁI	NGỌC	27/11/06	LG24111			
24	22401089	NGUYỄN MINH BẢO	NGỌC	04/08/06	LG24111			
25	22400616	NGUYỄN THỊ MINH	NGỌC	07/10/03	LG24111			
26	22401968	NGUYỄN THÁI HIỀN	NHI	24/01/06	LG24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Kinh tế Vĩ mô (BA102DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0400 – Số hiệu lớp: 1414
Giảng viên: Nguyễn Minh Cao Hoàng
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 020 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402482	TRẦN PHẠM THẢO	NHI	23/12/06	LG24111			
2	22401537	NGUYỄN PHAN QUỲNH	NHƯ	25/01/06	LG24111			
3	22400809	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	15/01/06	LG24111			
4	22116345	NGUYỄN THỊ YẾN	NHƯ	24/04/03	TV21111			
5	22402272	LÊ LÂM HOÀNG	OANH	17/10/06	LG24111			
6	22400494	ĐOÀN TRƯỜNG	PHÁT	17/08/02	LG24111			Cấm thi
7	22402884	BÙI THỊ BÍCH	PHƯỢNG	28/02/06	LG24111			
8	22402976	NGUYỄN CHÍ	QUANG	17/05/06	LG24111			
9	22401073	TRANG THANH	QUANG	10/06/06	LG24111			
10	22402739	ĐỖ MINH	QUÂN	24/01/06	LG24111			
11	22401645	TRẦN HỮU	SANG	05/07/06	LG24111			
12	22402817	NGUYỄN TRƯỜNG	SƠN	27/11/06	LG24111			
13	22400608	TRƯƠNG TUYẾT	SƯƠNG	29/07/06	LG24111			
14	22401525	PHẠM ANH	TÀI	23/04/06	LG24111			
15	22400499	NGUYỄN TUẤN	THANH	28/10/06	LG24111			
16	22400724	NGUYỄN LÊ	THUẬN	06/03/06	LG24111			
17	22401845	PHẠM NGUYỄN MINH	TIẾN	16/11/06	LG24111			
18	22403108	LÊ VŨ HIỀN	TRANG	15/07/06	LG24111			
19	22401007	NGUYỄN KIỀU	TRINH	03/01/06	LG24111			
20	22400943	NGUYỄN NGỌC TÚ	TRINH	14/12/05	LG24111			
21	22400833	TRẦN NGUYỄN TÚ	TRINH	21/09/06	LG24111			
22	2198265	NGUYỄN TRẦN MINH	TRUNG	05/04/01	TV19111			
23	22401746	NGUYỄN TRỌNG	TRƯỜNG	26/05/06	LG24111			
24	22400983	HUỲNH ANH	TUẤN	15/10/06	LG24111			
25	22401029	NGÔ LÊ	VÂN	28/04/06	LG24111			
26	22402787	NGUYỄN QUANG	VINH	18/10/06	LG24111			
27	22400975	NGUYỄN THẢO KHÁNH	VY	12/02/03	LG24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Kinh tế Vĩ mô (BA102DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0500 – Số hiệu lớp: 1415
Giảng viên: Châu Tấn Lực
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 033 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400570	BÌ TỐ	ANH	07/12/06	LG24111			
2	22400609	DƯƠNG HỒNG	ANH	20/04/06	LG24111			
3	22400127	MAI LÊ LAN	ANH	20/01/06	LG24111			
4	22400469	NGUYỄN HUY	ANH	21/05/99	EM24111			
5	22400431	NGUYỄN THẾ HOÀNG	ANH	22/06/06	LG24111			
6	22402821	PHẠM DƯƠNG GIA	BẢO	25/04/06	LG24111			
7	22122623	NGUYỄN AN	DUY	10/08/02	DM21111			
8	22403061	NGUYỄN THUỖ	DƯƠNG	05/09/05	LG24111			
9	22207614	LÊ NGUYỄN HOÀNG	HÀ	19/04/01	DM22111			
10	22402766	LÊ HÀ HỒNG	HẠNH	13/05/06	LG24111			
11	22400951	HUỲNH HỮU	HÂN	21/07/06	LG24111			
12	22400396	NGUYỄN HOÀNG GIA	HÂN	26/10/06	LG24111			
13	22401559	LÊ ĐÌNH	HẬU	07/05/06	LG24111			
14	22401384	LÊ TRẦN ANH	HUY	10/05/06	LG24111			
15	22205527	NGUYỄN CHÍ	HÙNG	24/05/04	NT22111			
16	22402800	NGUYỄN GIA	HƯNG	10/01/06	LG24111			
17	22207154	BÙI THỊ THU	HƯỜNG	23/12/03	KT22111			
18	22401944	NGUYỄN HỮU	KHANG	29/06/06	LG24111			
19	22004420	NGUYỄN TẤN BẢO	KHANG	08/12/02	LG20111			
20	22401802	TRẦN QUỐC	KHẢI	13/01/06	LG24111			
21	22400654	NGUYỄN LÊ TUẤN	KHOA	13/03/06	LG24111			
22	22400337	BÙI HOÀNG	KHÔI	23/01/06	LG24111			
23	22011277	NGUYỄN ĐỖ MINH	KHÔI	15/10/02	LG20111			
24	22201329	HÀ TUẤN	KIỆT	09/08/04	NT22111			
25	22400932	LÊ ANH	KIỆT	05/09/06	LG24111			
26	22402781	VÒNG TUẤN	KIỆT	07/11/06	LG24111			
27	22400887	TRẦN TRỌNG	KỶ	13/11/06	LG24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Kinh tế Vĩ mô (BA102DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0500 – Số hiệu lớp: 1415
Giảng viên: Châu Tấn Lực
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 043 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401935	HỒ BẢO	LONG	08/07/06	LG24111			
2	22401632	NGUYỄN LỮ KHÁNH	LY	25/01/06	LG24111			
3	22400980	HÀ KIM	NGÂN	29/08/06	LG24111			
4	22402812	BÙI HOÀNG SONG	NGHI	19/10/06	NL24111			
5	22402809	NGUYỄN TRẦN HOÀNG	NHÂN	25/08/06	TV24111			Cấm thi
6	22401147	NGUYỄN TRỌNG	NHÂN	22/10/06	LG24111			
7	22400681	UNG THÀNH	NHÂN	02/04/03	LG24111			
8	22403004	HUYỀN QUỲNH	NHƯ	14/10/06	LG24111			
9	22400450	HỒ GIA	PHÁT	26/07/06	LG24111			
10	22402906	NGUYỄN TẤN	PHÁT	10/10/06	LG24111			
11	22401568	PHẠM HOÀNG LAN	PHƯƠNG	15/04/06	LG24111			
12	22201802	ĐÀO MINH	QUÂN	16/09/04	EC22111			
13	22400335	LÊ MINH	TÂN	10/12/02	LG24111			
14	22400033	LÊ THIÊN	THANH	09/12/04	MK24111			Cấm thi
15	22401017	ĐẶNG NGUYỄN ĐÌNH	THÁI	15/12/06	LG24111			
16	22112795	TRỊNH QUỐC	THÁI	13/11/03	NT21111			
17	22112620	NGUYỄN LẬP DANH	THÀNH	07/01/03	TV21111			
18	22400050	TRẦN BÌNH	THÀNH	16/01/05	LG24111			
19	22402688	NGUYỄN TRỌNG	THẾ	12/09/06	LG24111			
20	22400423	TRẦN PHÚ	THỊNH	18/04/05	LG24111			
21	22402805	NGUYỄN TRIẾT	THUẬN	23/09/02	LG24111			
22	22400153	VÕ THỊ MỸ	THUẬN	24/01/06	LG24111			
23	22400340	NGUYỄN HUỲNH ANH	THƯ	29/08/03	NL24111			
24	22400977	LÊ PHAN QUỲNH	TIẾN	13/08/06	LG24111			
25	22403175	NGUYỄN QUANG	TIẾN	24/12/06	LG24111			
26	22401313	NGÔ GIA	TÍN	13/06/04	KT24111			
27	22402802	TRẦN TRUNG	TÍN	03/03/06	LG24111			
28	22400607	VÕ HỮU	TOÀN	23/10/06	LG24111			
29	22400645	NGUYỄN BẢO	TRỌNG	05/11/06	LG24111			
30	22402013	NGUYỄN HỒNG THANH	TRÚC	11/04/06	LG24111			
31	2193172	PHẠM ANH	TUẤN	04/08/01	TV19111			
32	22401580	VÕ THỊ CẨM	TÚ	31/10/06	LG24111			
33	22402958	NGUYỄN TẤN	VIỆT	07/11/06	LG24111			
34	22400394	NGUYỄN THẾ	VINH	16/10/06	LG24111			
35	22108320	NGUYỄN XUÂN	VĨNH	27/03/03	LG21111			
36	22114933	ĐOÀN NGUYỄN NGỌC	VY	27/12/03	DM21111			
37	22402712	NGÔ PHƯƠNG	VY	13/08/05	MK24111			
38	22400391	PHẠM HOÀI PHƯƠNG	VY	16/09/06	LG24111			
39	22400493	TRẦN PHI	YẾN	17/03/06	LG24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Kinh tế Vĩ mô (BA102DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0600 – Số hiệu lớp: 1416
Giảng viên: La Hoàng Lâm
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 008 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22110509	NGUYỄN VŨ MINH	ANH	26/12/02	TV21111			
2	22402152	PHAN QUỲNH	ANH	10/01/06	MK24111			
3	22402335	TRẦN HỒNG MAI	ANH	18/07/06	EM24111			
4	22401039	TRẦN NGUYỄN LAN	ANH	25/01/06	MK24111			
5	22400733	LÊ NGUYỆT	ÁNH	19/09/06	MK24111			
6	22206166	LÊ DUY	BẢO	12/06/04	LG22111			
7	22401675	HOÀNG TRỊNH THỰC	CHÂN	09/06/05	MK24111			
8	22401671	TRẦN DIỆU	CHÂU	05/01/06	MK24111			
9	22401592	TRẦN DƯƠNG MINH	CHÂU	25/09/06	MK24111			
10	22401694	VŨ NGỌC LINH	CHI	14/02/06	MK24111			
11	22402045	NGUYỄN CÔNG	DANH	10/08/06	MK24111			
12	22402962	PHẠM HOÀNG	DANH	19/08/06	MK24111			
13	22403021	ĐOÀN THỊ NGỌC	DUNG	16/07/03	NT24111			
14	22205673	LÝ NGỌC	DUNG	25/10/04	TV22111			
15	22400775	ĐỖ THÀNH TRIỆU	DUỠ	09/10/06	TV24111			
16	22402717	NGUYỄN CAO BÁ	ĐẠT	06/01/06	MK24111			
17	22403008	NGUYỄN HOÀNG CHÂU	GIANG	29/08/05	LG24111			
18	22401387	ĐẶNG THI	HẠNH	22/04/06	MK24111			
19	22401392	PHẠM HOÀNG	HẠC	24/11/06	MK24111			
20	22400713	NGUYỄN TRẦN GIA	HÂN	28/05/06	MK24111			
21	22205601	ĐẶNG THỌ	HIẾU	31/10/04	MK22111			
22	22400154	HỨA GIA	HIỀN	25/09/06	MK24111			
23	22403070	VŨ THỊ DIỆU	HIỀN	29/12/05	NT24111			
24	22401299	CAO TUYẾT	HOA	04/05/06	MK24111			
25	22011529	TRẦN MINH	HOÀNG	16/04/02	TANT20111			
26	22206223	PHẠM KHÁNH	HUY	26/11/04	MK22111			
27	22400684	VŨ VĂN QUANG	HUY	06/09/06	MK24111			
28	22500051	VŨ BÁ KIM	HƯƠNG	16/08/06	MK25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Kinh tế Vĩ mô (BA102DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0600 – Số hiệu lớp: 1416
Giảng viên: La Hoàng Lâm
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 048 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400995	VÕ NGỌC THIÊN	KIM	20/01/06	MK24111			
2	22401830	BÙI HÀ	LAN	26/04/06	TV24111			
3	22200302	PHẠM MAI	LAN	22/03/01	LG22111			
4	22402077	HÀ PHƯƠNG	LINH	13/07/06	LG24111			
5	22402780	NGUYỄN BÁ	LỘC	06/07/06	MK24111			
6	22402078	NGUYỄN THỊ THẢO	MI	05/05/06	MK24111			
7	22401685	ĐẶNG BÌNH	MINH	07/02/06	MK24111			
8	22206085	ĐẶNG KHÃ	MINH	11/10/04	NT22111			
9	22500039	LÊ NGỌC GIÁNG	MY	01/09/06	MK25111			
10	22402832	NGUYỄN TRÀ	MY	19/11/06	MK24111			
11	22206046	PHẠM NGUYỄN THẢO	MY	27/10/04	NT22111			
12	22400579	TRẦN ÁNH	MY	05/02/06	MK24111			Cấm thi
13	22400795	NGUYỄN THỊ KIM	MỸ	05/08/06	MK24111			
14	22401080	TRẦN KIM	NGÂN	06/11/06	MK24111			
15	22401754	VÕ CẨM	NGHI	29/01/06	MK24111			
16	22402856	BÙI THỊ MINH	NGỌC	27/03/06	MK24111			
17	22400386	HUỲNH NGỌC KHÔI	NGUYỄN	08/10/03	TC24111			
18	22109506	ILIA THIÊN	NGUYỄN	13/07/03	LG21111			
19	22500014	NGUYỄN THANH	NHÃ	21/07/04	MK25111			
20	22400792	HUỲNH PHƯƠNG	NHI	01/03/06	MK24111			
21	22401719	ĐỖ XUÂN	PHÚC	02/08/06	MK24111			
22	22401788	LÂM MINH	PHÚC	30/08/06	MK24111			
23	22403152	LÊ NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	13/08/06	MK24111			
24	22400807	LÊ NGUYỄN NGỌC	PHƯƠNG	30/03/06	MK24111			
25	22500036	NGUYỄN NGỌC	SANG	01/03/03	TV251			
26	22401125	ĐẶNG PHƯƠNG	THẢO	16/10/06	MK24111			
27	22401636	NGUYỄN HOÀNG HƯNG	THỊNH	09/11/06	MK24111			
28	22401082	TRẦN HƯNG	THỊNH	12/11/06	MK24111			
29	22400938	NGUYỄN VÕ LAN	THY	11/01/06	MK24111			
30	22500636	NGUYỄN TRẦN NGỌC	TRANG	17/05/00	TC25111			
31	22401118	NGUYỄN HUỲNH MAI	TRÂM	24/01/06	MK24111			
32	22400955	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	01/01/06	MK24111			
33	22402448	NGUYỄN NHẬT	TRÂN	11/11/06	TV24111			
34	22400435	VÕ THỊ NGỌC	TRÂN	29/06/06	MK24111			
35	22400753	TRẦN QUỐC	TRÍ	05/08/05	MK24111			
36	22400079	ĐẶNG QUANG	TRUNG	09/12/02	TV24111			
37	22403022	NGUYỄN NGỌC THANH	TUYỀN	06/12/06	NT24111			
38	22206285	VÕ NGỌC TƯỜNG	VI	14/09/04	NT22111			
39	22401256	BỒ ĐẠI	VĨNH	28/08/06	MK24111			Cấm thi
40	22401567	LÊ THỊ YẾN	VY	27/10/06	MK24111			
41	22402633	MAI TUYẾT	VY	25/12/06	NT24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Lương, thưởng, phúc lợi và quản trị thành tích (HRM315DV01) – Số tín chỉ: 6.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1566
Giảng viên: Nguyễn Thanh Vân
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 13g15 **Phòng thi:** Phòng 007 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22300930	ĐỖ BẢO	ANH	25/07/05	NL23111			
2	22301022	NGUYỄN KHÁNH MAI	ANH	21/08/05	NL23111			
3	22300689	VĂN BỘI	BỘI	08/09/05	NL23111			
4	22303190	NGUYỄN THIÊN	CHUYÊN	17/03/05	NL23111			
5	22301934	LÊ KHÁNH	DUY	07/08/05	NL23111			
6	22301669	NGUYỄN NGỌC KỲ	DUYỀN	01/02/05	NL23111			
7	22301399	TRẦN NGUYỄN THỊ NGỌC	HẰNG	24/12/05	NL23111			
8	22300816	NGUYỄN ĐỖ MINH	HƯNG	02/01/05	NL23111			
9	22301738	NGUYỄN ÁI MỸ	KIM	15/01/04	NL23111			
10	22300604	TRẦN TÚ	LINH	14/11/05	NL23111			
11	22301658	NGUYỄN HỒNG	LOAN	12/09/05	NL23111			
12	22301590	PHAN GIA	NGHI	22/05/05	NL23111			
13	22303831	LÊ HỒNG	NGỌC	14/04/05	NL23111			
14	22303811	MAI THANH	NHÃ	17/01/05	NL23111			
15	22300389	NGUYỄN HỒNG	NHUNG	06/08/05	NL23111			
16	22301321	VÕ NGỌC QUỲNH	NHƯ	12/12/05	NL23111			
17	22301896	LÊ KHẮC HOÀNG	PHONG	06/04/05	NL23111			
18	22303263	MAI PHƯỚC GIA	PHÚC	04/10/05	NL23111			
19	22300546	NGUYỄN DƯƠNG BÌNH	PHƯƠNG	08/07/05	NL23111			
20	22300592	NGUYỄN THỊ ÁNH	PHƯỢNG	15/07/05	NL23111			
21	22300515	DƯƠNG HẢI BẢO	QUỲNH	16/08/05	NL23111			
22	22301900	THÁI NGỌC NHƯ	QUỲNH	20/10/05	NL23111			
23	22301981	NGUYỄN NHẬT	TÂN	23/02/05	NL23111			
24	22304086	NGUYỄN THỊ	THẢO	20/02/04	NL23111			
25	22300895	ĐÀO NGỌC TRÚC	THỊ	05/03/05	NL23111			
26	22300267	NGUYỄN HUỲNH ANH	THƯ	09/10/05	NL23111			
27	22301661	BÙI VẠN	TÍN	27/11/05	NL23111			
28	22301982	LÊ NHẬT	VƯƠNG	29/06/05	NL23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Customer Behavior (MK202DE02) – Số tín chỉ: 3.00

Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1235

Giảng viên: Đinh Như Ý

Ngày thi: 31/12/2025

Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 005 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500293	BENTALEB	ZAKARY	16/01/04	QT225			Cấm thi
2	22205569	LƯƠNG NGỌC MINH	ANH	06/05/03	DM22111			
3	22003091	NGUYỄN HOÀNG	ANH	03/01/02	TV20111			
4	22112755	NGUYỄN TRẦN QUỐC	ANH	14/05/03	TV21111			
5	22205925	LÂM THIÊN	ÂN	26/02/04	TT22111			
6	22205174	PHẠM NGUYỄN HOÀNG	DUNG	06/12/04	TT22111			
7	22206743	LÃ QUÝ	DUY	14/06/03	TV22111			
8	22205511	ĐỖ HUỲNH MỸ	DUYÊN	23/09/04	TT22111			
9	22115156	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	08/03/03	DM21111			
10	22400083	PHAN VŨ THUY MINH	ĐOAN	22/03/06	MK24111			
11	22122496	NGUYỄN ĐỨC	HẬU	29/05/03	TV21111			
12	22302474	NGUYỄN BẢO	KHA	08/07/05	MK23111			
13	22206418	NGUYỄN MINH	KHANG	25/12/04	MK22111			
14	22102351	LẠI QUỐC	KHÁNH	02/09/03	DM21111			
15	22116761	VŨ TUẤN ĐĂNG	KHOA	08/11/02	MK21111			
16	22200066	NGUYỄN ẨMH	KHÔI	23/05/04	MK22111			
17	22207553	NGUYỄN TRƯƠNG MINH	KHUÊ	18/10/03	DM22111			
18	22200561	LÊ LỤC	LINH	19/01/04	DM22111			
19	22122630	LÊ THỊ MỸ	LINH	19/08/03	DM21111			
20	22116458	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	10/11/03	TV21111			Cấm thi
21	22205416	TRẦN MINH	MÃN	22/02/04	DM22111			
22	22206665	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG	NAM	19/01/02	DM22111			
23	22100204	LÊ MINH	NHẬT	27/09/01	DM21111			
24	22207413	NGUYỄN TƯ HOÀNG	NHI	18/10/04	MK22111			
25	22205902	TRẦN THỊ HUỲNH	NHI	22/09/04	DM22111			
26	22206136	TỪ NGỌC MINH	NHƯ	16/05/04	DM22111			
27	22117500	PHẠM MINH	QUÂN	01/10/03	MK21111			
28	22207351	TRƯƠNG PHƯƠNG	QUYÊN	01/09/04	MK22111			Cấm thi
29	22110185	TRẦN DƯƠNG QUỐC	THANH	22/06/03	MK21111			
30	22205060	PHẠM THANH	THIÊN	25/01/04	DM22111			
31	22117439	BÙI TRẦN ANH	THỨ	16/12/03	MK21111			
32	22109128	QUẦN THỊ MINH	THỨ	01/03/03	MK21111			
33	22400502	TRẦN HOÀI	THỨ	02/03/00	MK24111			
34	22207087	TRẦN ĐẶNG DIỄM	TRINH	04/04/04	MK22111			
35	22205153	NGUYỄN KHÁNH	VY	13/09/04	DM22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Brand Management (MK401DE02) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1253
Giảng viên: Trần Phương Bảo Uyên
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 009 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500276	ZAJAC	QUANGMI NH	16/04/03	QT225			
2	22500277	NGUYEN	QUYNHAN H	01/09/03	QT225			
3	22500280	KUSMIERCZYK	ZUZANNA	18/03/05	QT225			
4	22500281	FERENC	MALWINA	16/08/02	QT225			
5	22500283	CUYVERS	NASH	18/02/03	QT225			
6	22500285	HARDY	ARNE	01/04/03	QT225			
7	22500288	MÜHL	DORINE	18/06/02	QT225			
8	22500292	BEZOMBES	ANAÏS	23/10/05	QT225			
9	22500304	DUCLOS	JONAH	30/07/05	QT225			
10	22205975	NGUYỄN VĂN	AN	11/09/04	MK22111			
11	22116907	TRẦN VÕ HOÀI	ANH	15/07/03	MK21111			
12	22206117	NGUYỄN HOÀNG	ĐĂNG	23/03/01	MK22111			
13	22206457	HUỲNH NGỌC	HÂN	21/06/04	PR22111			
14	22114928	NGUYỄN NGỌC	HIỆU	16/09/03	DM21111			
15	22203415	ĐỖ KIM	HOÀN	26/01/04	DM22111			
16	22206498	NGUYỄN BÁCH	HỢP	08/07/04	TT22111			
17	22204842	HUỲNH GIA	HUY	04/06/04	MK22111			
18	22205043	VÕ KHÁNH	LINH	11/04/04	PR22111			
19	22201223	PHAN LÊ NGỌC	MAI	30/03/04	PR22111			
20	22206766	VŨ QUỲNH	MAI	30/09/04	MK22111			
21	22200372	NGUYỄN HOÀNG	MY	26/08/03	TT22111			
22	22206884	HỒ TRỌNG	NGHỊ	05/12/04	TT22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Brand Management (MK401DE02) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1253
Giảng viên: Trần Phương Bảo Uyên
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 010 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22206115	NGUYỄN MINH	NGỌC	13/09/04	MK22111			
2	22206532	TRẦN THỊ NHƯ	NGỌC	29/10/04	MK22111			
3	22115225	KHUU CHÂU ĐỨC	NHÂN	12/10/03	MK21111			
4	22206407	NGUYỄN MINH	NHẬT	12/01/04	DM22111			
5	22112894	TRẦN ANH QUỐC	PHÁP	21/10/03	MK21111			Cấm thi
6	22117533	PHÙNG BÁ	PHÁT	22/03/03	MK21111			
7	22117527	NGUYỄN TRẦN HOÀNG	PHÚ	18/11/03	MK21111			
8	22101364	ĐỒNG HUỖNH	PHƯỚC	05/04/03	MK21111			
9	22202231	TRẦN BẢO	THẠCH	05/09/04	TT22111			
10	22201143	TRẦN NHẬT	THĂNG	13/12/04	MK22111			
11	22205595	NGUYỄN HOÀNG	THI	04/06/04	DM22111			
12	22206742	CHÂU TRƯỜNG	THỊNH	08/11/04	MK22111			
13	22206399	HUỖNH NGỌC ANH	THỨ	07/05/04	PR22111			
14	22206651	LÊ LẠI ANH	THỨ	24/05/04	PR22111			
15	22206029	NGUYỄN NGỌC MINH	THỨ	28/11/04	PR22111			
16	22200758	ĐOÀN THỊ THUỖ	TRANG	12/05/04	MK22111			
17	22206083	NGUYỄN LÊ THỦY	TRANG	02/05/04	PR22111			
18	22205120	LÊ NGỌC TUYẾT	TRINH	17/02/04	TT22111			
19	22201830	NGUYỄN ANH	TUẤN	13/08/04	MK22111			
20	22204643	TRẦN HUỖNH ANH	TUẤN	06/01/04	MK22111			
21	22202513	LÊ THỊ THỦY	VÂN	21/01/04	MK22111			
22	22206675	PHAN HẠ	VY	10/02/04	MK22111			
23	22206300	TRIỆU ÁI	VY	17/08/04	MK22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Brand Management (MK401DE02) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1254
Giảng viên: Trương Quang Cẩm
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 011 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22012386	TRẦN NGỌC ANH	DUY	15/05/00	MK20111			Cấm thi
2	22206966	ĐÀNG THỰC	HUỆ	04/11/04	MK22111			
3	22203792	NGUYỄN QUANG NHẬT	HUY	21/11/04	TT22111			
4	22207436	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	04/06/04	MK22111			
5	22207705	PHAN THÀNH	KHANG	08/05/03	MK22111			
6	22207524	NGUYỄN VŨ MINH	KHÔI	09/09/04	TT22111			
7	22200135	TRẦN HỒNG PHƯƠNG	LINH	24/11/02	TT22111			
8	22110948	TRƯƠNG NHẬT	LONG	22/11/03	DM21111			
9	22205062	VÕ NGỌC BẢO	NGÂN	05/01/04	MK22111			
10	22011617	TRẦN TRỌNG	NGHĨA	06/01/02	EM20111			
11	22111713	TRẦN KHANH THẢO	NGUYỄN	16/10/03	MK21111			
12	22302254	TRẦN NGÂN	PHỤNG	31/03/02	PR23111			
13	22400668	TRẦN MAI PHƯƠNG	THẢO	08/04/06	PR24111			
14	22002410	HUỲNH THỊ NGỌC	TRÂN	29/01/02	EM20111			
15	22204743	NGUYỄN NHẬT KIM	TUYỀN	02/11/04	PR22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Kinh tế Vĩ mô (BA102DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0700 – Số hiệu lớp: 1417
Giảng viên: Lê Ngọc Đức
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 033 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402762	HÀ NGỌC MỸ	ANH	01/05/06	MK24111			
2	22401069	NGUYỄN NGỌC VÂN	ANH	14/01/06	MK24111			
3	22401320	PHÙNG THỊ LAN	ANH	08/06/06	MK24111			
4	22400981	LÊ NGỌC	BÍCH	15/03/06	MK24111			
5	22402869	NGUYỄN TUYẾT NGOC	CHÂU	31/05/06	MK24111			
6	22401388	NGUYỄN THỤY KIM	DUNG	13/04/06	NT24111			
7	22205847	PHẠM HOÀNG	HẢI	11/03/04	NT22111			
8	22402820	NGUYỄN NGỌC BẢO	HÂN	12/04/06	MK24111			
9	22401806	PHÙNG LÂM	HÂN	10/01/06	MK24111			
10	22400197	NGUYỄN QUỐC	HUY	17/01/06	MK24111			
11	22401108	DƯƠNG QUỐC	HƯNG	21/12/04	MK24111			
12	22400406	LÊ QUANG	KHÁNH	19/01/06	MK24111			
13	22400357	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	17/08/04	TV24111			
14	22401749	VŨ HOÀNG ANH	KHOA	09/01/06	MK24111			
15	22400933	VÕ VĂN	KIỆT	26/09/06	MK24111			
16	22400503	VÕ HUỲNH KHÚC	LAN	08/10/02	MK24111			
17	22401281	DƯƠNG KHÁNH	LINH	01/01/06	DM24111			
18	22401086	TRẦN LÊ TRÚC	LINH	07/05/06	MK24111			
19	22006412	PHẠM LƯU NGỌC	MINH	28/11/02	HQ20111			
20	22402179	ĐỖ UYÊN	MY	07/11/06	MK24111			
21	22401692	PHAN VÕ HÀ	MY	15/04/06	MK24111			
22	22401307	LƯU GIA	MỸ	20/12/06	MK24111			
23	22206466	LÊ NHẬT	NAM	08/12/04	NT22111			
24	22400381	TRẦN THANH	NAM	17/07/05	LG24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Kinh tế Vĩ mô (BA102DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0700 – Số hiệu lớp: 1417
Giảng viên: Lê Ngọc Đức
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 043 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400985	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	NGÂN	27/04/06	MK24111			
2	22400331	NGUYỄN NGỌC THUỶ	NGÂN	02/02/06	MK24111			
3	22401653	PHẠM TĂNG THANH	NGÂN	19/12/06	MK24111			
4	22401035	ĐẶNG TRUNG	NGHĨA	17/06/04	NT24111			
5	22206946	MAI TRẦN BẢO	NGỌC	01/10/04	NT22111			
6	22014636	NGUYỄN QUỲNH BẢO	NGỌC	17/12/02	NL20111			
7	22400904	PHAN DIỄM	NGỌC	07/07/06	MK24111			
8	22400179	ĐÀO THANH	NGUYỆT	14/03/06	MK24111			
9	22401716	NGUYỄN HỒNG THANH	NHI	02/06/04	NT24111			Cấm thi
10	22402173	TRẦN HOÀNG PHƯƠNG	NHI	16/03/06	MK24111			Cấm thi
11	22401811	NGUYỄN NGỌC THÙY	NHIÊN	11/12/06	MK24111			
12	22402901	LÊ NGỌC QUỲNH	NHƯ	10/08/06	MK24111			
13	22400982	NGUYỄN HUỲNH BẢO	NHƯ	24/11/06	MK24111			
14	22401753	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	09/07/06	MK24111			
15	22402728	HOÀNG THỊ LÂM	OANH	14/04/06	MK24111			
16	22402868	LÃ DUY	PHÚC	26/04/06	MK24111			
17	22401295	NGUYỄN ANH	PHƯƠNG	16/12/06	MK24111			
18	22112437	HÀ LÊ	QUÂN	02/07/96	NT21111			
19	22401768	NGUYỄN THỊ MỸ	QUYÊN	05/01/05	MK24111			
20	22402873	NGUYỄN NGỌC NHƯ	QUỲNH	04/08/06	MK24111			
21	22402680	LƯƠNG VĨNH	SANH	13/10/06	MK24111			
22	22403220	TRẦN TUẤN	TÀI	08/07/03	MK24111			
23	22400918	NGUYỄN TRUNG	THÀNH	14/12/05	MK24111			
24	22400085	NGUYỄN MINH	THĂNG	15/01/05	MK24111			
25	22013505	NINH TRẦN BẢO	THỨ	27/05/02	MD20111			
26	22401053	HOÀNG DUY	THỨC	08/08/06	MK24111			
27	22400195	TRẦN MAI THỦY	TIẾN	18/03/06	MK24111			
28	22401988	HUỲNH TÚ	TRANG	10/09/06	MK24111			
29	22401025	TRẦN THỊ BẢO	TRẦN	27/11/06	MK24111			
30	22400489	NGUYỄN ANH HUY	TÚ	15/01/06	NT24111			
31	22402180	TRẦN HUỲNH TÚ	UYÊN	09/03/06	MK24111			
32	22402904	LÝ KHÁNH	VÂN	12/01/06	MK24111			
33	22400936	HÀ KIẾN	VINH	15/10/06	NT24111			
34	22401914	LÊ KHÁNH	VY	02/09/04	MK24111			
35	22401413	NGUYỄN NGỌC NHƯ	Ý	27/05/06	MK24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Kinh tế Vĩ mô (BA102DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0800 – Số hiệu lớp: 1418
Giảng viên: Lê Hữu Đức
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 011 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401542	TRẦN HOÀNG	NGUYỄN	24/01/06	NT24111			
2	22401480	NGUYỄN LÊ QUANG	NHẬT	03/03/06	NL24111			
3	22402701	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	16/02/06	NT24111			
4	22400093	HUỲNH PHẠM YẾN	NHƯ	06/10/06	KT24111			
5	22400205	LƯƠNG MỸ	NHƯ	30/03/06	KT24111			
6	22400098	TRẦN QUỲNH	NHƯ	17/03/06	NT24111			
7	22400868	NGUYỄN TẤN	PHÁT	04/07/06	KT24111			
8	22402032	TRẦN NGỌC	PHỤNG	21/11/06	NL24111			
9	22402754	VĂN THỊ MỸ	PHƯỚC	18/01/06	KT24111			
10	22402960	VÕ PHẠM MINH	QUÂN	25/07/06	NT24111			
11	22402968	BÙI THỊ NHƯ	QUỲNH	06/11/06	KT24111			
12	22401570	ĐẶNG CHÂU NHƯ	QUỲNH	22/04/06	KT24111			
13	22402778	NGUYỄN TẤN	SANG	20/08/06	NL24111			
14	22401074	NGUYỄN LƯƠNG MỸ	TÂM	03/11/06	NT24111			
15	22400463	LÊ THUY PHƯƠNG	THẢO	20/05/06	NL24111			
16	22401291	PHAN TẠ BẢO	THIỆN	19/02/06	NL24111			
17	22402686	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	THUY	08/04/06	NL24111			
18	22400677	BÙI NGỌC ANH	THƯ	13/09/06	NL24111			
19	22400676	HỒ LÊ MINH	THƯ	09/10/06	NL24111			
20	22401304	QUÁCH NGỌC MINH	THƯ	02/01/06	NT24111			
21	22402830	LƯƠNG VÕ HOÀNG NGỌC	TIẾN	09/08/06	KT24111			
22	22400929	HUỲNH HỒ QUANG	TIẾN	18/09/06	TV24111			
23	22401409	ĐÀO KIỂU	TRANG	08/03/06	NT24111			
24	22401261	ĐINH NGỌC	TRÂM	26/07/06	TV24111			
25	22400971	NGUYỄN HUỲNH NGỌC	TRÂM	24/10/06	NT24111			
26	22403256	TRẦN BÁ HIẾU	TRUNG	07/10/05	KT24111			Cấm thi
27	22402054	NGUYỄN PHẠM NGỌC	TỶ	24/05/06	NL24111			
28	22401657	PHAN THỊ MỸ	UYÊN	26/09/06	KT24111			
29	22400142	NGUYỄN THÚY	VÂN	07/08/06	KT24111			
30	22400978	ĐỖ ÁNH GIA	VY	04/03/04	NL24111			
31	22401583	NGUYỄN NGỌC THUÝ	VY	30/06/06	NL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Kinh tế Vĩ mô (BA102DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0800 – Số hiệu lớp: 1418
Giảng viên: Lê Hữu Đức
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 012 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401456	NGUYỄN QUỐC	AN	22/04/04	NL24111			
2	22400558	ĐÀO DUY	ANH	05/12/06	NT24111			
3	22401012	HUỖNH NHỰT VÂN	ANH	27/10/06	NT24111			
4	22402729	NGÔ HỨA PHƯƠNG	ANH	10/10/06	NL24111			
5	22401747	NGUYỄN HOÀNG	ANH	02/07/06	KT24111			
6	22401124	LÊ THỊ NGỌC	GIÀU	11/08/06	NT24111			
7	22400851	BÙI TRUNG	HẢI	21/01/06	NL24111			
8	22401764	NGÔ THANH	HIỀN	23/03/06	NL24111			
9	22400160	BẰNG LƯU QUANG	HUY	21/12/06	NL24111			
10	22400917	NGUYỄN QUỐC	HUY	08/06/00	KT24111			
11	22400883	NGUYỄN NGỌC	HƯNG	04/08/06	NT24111			
12	22400998	HUỖNH THIÊN	HƯƠNG	21/05/06	NT24111			
13	22401832	BÙI VĂN	KHẢI	13/06/06	NL24111			
14	22401518	NGUYỄN NGỌC MAI	KHÔI	03/12/06	KT24111			
15	22402833	NGUYỄN TRUNG BẢO	KHÔI	12/10/06	NL24111			
16	22403168	TRẦN KIỀU THIÊN	KIM	21/02/06	NL24111			
17	22402565	HỒ ÁNH	LINH	27/12/06	KT24111			
18	22400416	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	16/04/04	KT24111			
19	22402585	HUỖNH NHẬT	MAI	14/12/06	KT24111			
20	22402872	NGUYỄN THỊ TRIỆU	MÃN	28/01/06	KT24111			
21	22401091	NGUYỄN HOÀNG	MINH	08/04/06	NT24111			
22	22400914	TRẦN HOÀNG TRÀ	MY	13/03/06	NT24111			
23	22401101	LÊ HOÀNG PHƯƠNG	NGA	03/08/06	NT24111			
24	22403000	HỒ NGUYỄN MINH	NGÂN	17/07/06	KT24111			
25	22401385	HUỖNH KIM	NGÂN	16/11/06	NL24111			
26	22402828	HUỖNH SONG	NGÂN	25/10/06	NL24111			
27	22401994	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	02/09/06	KT24111			
28	22401451	MÃ NGỌC	NGHI	06/04/06	NL24111			
29	22401677	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGỌC	18/12/06	NL24111			
30	22400858	VÕ PHAN ÁNH	NGUYỆT	10/07/06	NL24111			
31	22400559	LÝ THUẬN	NGUYỄN	28/12/06	NT24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Kinh tế Vĩ mô (BA102DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0900 – Số hiệu lớp: 1419
Giảng viên: La Hoàng Lâm
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 007 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22205867	PHẠM BẢO	AN	21/03/04	LG22111			
2	22203242	HUỲNH NGỌC MỸ	ANH	18/06/04	MK22111			
3	22401088	NGUYỄN NGỌC MINH	ANH	14/01/06	NT24111			
4	22401724	NGUYỄN NGUYỄN TRÚC	ANH	20/05/06	NT24111			
5	22401290	PHẠM HUỲNH PHƯƠNG	ANH	12/04/06	NT24111			
6	22400611	NGÔ KIM	BẢO	12/05/06	NT24111			
7	22402793	TRẦN VŨ MINH	CHUYỀN	28/12/06	NT24111			
8	22401383	HÀ KIM	CƯƠNG	02/06/06	NT24111			
9	22401395	NGUYỄN MINH	CƯỜNG	07/12/06	NT24111			
10	22400819	TẶNG BỘI	DU	19/11/06	NT24111			
11	22400718	TRẦN KHÁNH	DUY	18/07/05	NT24111			
12	22402720	ĐỖ THỊ	DUYÊN	10/12/06	NT24111			
13	22400652	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DUYÊN	27/04/06	NT24111			
14	22206810	NGUYỄN TRẦN TẤN	ĐẠT	21/10/04	LG22111			
15	22402744	PHAN NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	20/04/06	NT24111			
16	22402747	LAI KA YAN FAUSTINA	GABRIELLE	03/02/06	NT24111			
17	22402092	NGUYỄN GIA	HÂN	16/10/06	NT24111			
18	22403249	NGUYỄN NGỌC THẢO	HIỀN	31/07/05	NT24111			
19	22401171	PHAN HỒ VĨNH	HOÀNG	16/06/06	NT24111			
20	22403003	TRẦN NHẬT	HUY	01/02/06	NT24111			
21	22401293	NGUYỄN THỊ MỸ	HUYỀN	20/07/06	NT24111			
22	22004488	QUÁCH TRƯƠNG MINH	HƯNG	14/10/02	NT20111			
23	22400908	LÝ NGỌC	HƯƠNG	22/09/06	NT24111			
24	22400813	NGUYỄN CHÍ	KHANG	03/05/05	NT24111			
25	22207432	TRƯƠNG VĨ	KHANG	08/05/03	TV22111			
26	22401544	VÕ LÝ AN	KHANG	27/01/06	TV24111			
27	22403040	TRẦN CAM	LINH	15/08/06	NT24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Kinh tế Vĩ mô (BA102DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0900 – Số hiệu lớp: 1419
Giảng viên: La Hoàng Lâm
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 048 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401737	NGUYỄN THANH XUÂN	MAI	26/01/06	NT24111			
2	22402088	TRƯƠNG TUỆ	MÃN	18/10/05	NT24111			Cấm thi
3	22402789	NGUYỄN LÊ ANH	MINH	10/04/06	NT24111			
4	22400635	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	MY	19/01/06	NT24111			
5	22402777	HỒ HOÀNG	NAM	20/07/06	NT24111			
6	22401634	NGUYỄN THÀNH	NAM	09/04/06	NT24111			
7	22400040	VƯƠNG PHẠM HẢI	NAM	09/08/04	LG24111			
8	22403237	NGUYỄN THỊ THANH	NGÂN	11/09/06	NT24111			
9	22401739	NGUYỄN ĐÔNG	NGHI	14/08/06	NT24111			
10	22401997	TRẦN BỘI	NGHI	10/01/06	NT24111			
11	22401814	VÕ TRỌNG	NGHĨA	02/06/06	NT24111			
12	2181250	NGUYỄN LÝ HỒNG	NGỌC	07/04/00	NL1811			
13	22402792	NGUYỄN MINH	NGỌC	06/12/06	NT24111			
14	22401412	NGUYỄN PHƯƠNG	NGUYỄN	19/05/06	NT24111			
15	22401528	NGUYỄN ĐẶNG UYÊN	NHI	19/01/06	NT24111			
16	22401393	TRƯƠNG THỊ HỒNG	NHUNG	13/08/06	NT24111			
17	22401476	VĂN THANH HỒNG	NHUNG	27/02/06	TV24111			
18	22402918	HUỲNH THỊ QUỲNH	NHƯ	22/02/05	NT24111			
19	22403188	PHAN THỊ HUỲNH	NHƯ	13/04/06	NT24111			
20	22400116	PHAN THUY HUỲNH	NHƯ	08/12/05	NT24111			
21	22401826	NGUYỄN THỊ KHÁNH	NINH	10/02/06	LG24111			
22	22400602	LÊ VŨ GIA	PHONG	13/06/05	NT24111			
23	22402164	NGUYỄN NGỌC NHƯ	PHÚC	11/08/06	NT24111			
24	22401579	NGUYỄN HẢI	PHƯƠNG	16/12/06	NT24111			
25	22402690	LÊ MINH	QUANG	16/02/06	NT24111			
26	22402333	TRƯƠNG NHẬT	QUỲNH	23/02/06	NT24111			
27	22401165	NGUYỄN BẢO	SANG	21/04/06	NT24111			
28	22006965	ÂU DƯƠNG CẨM	THANH	29/11/02	MK20111			
29	22400834	NGUYỄN HOÀN GIA	THÀNH	19/07/06	NT24111			
30	22401553	BÙI TRẦN THANH	THẢO	28/07/05	NT24111			
31	22400491	ĐẶNG QUAN	THẠNH	09/07/04	NT24111			
32	22402202	NGUYỄN ĐỨC	THẮNG	23/01/06	NT24111			
33	22401148	TÔ PHÁT	THỊNH	29/10/06	NT24111			
34	22401873	ĐỖ NGỌC HÀ	THY	19/08/06	NT24111			
35	22401678	TRẦN THỊ CẨM	TIỀN	28/11/06	NT24111			
36	22402908	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	25/10/06	NT24111			
37	22400192	LÝ QUỲNH	TRÂM	28/10/06	NT24111			
38	22401049	NGUYỄN QUAN	TRƯỜNG	10/04/06	NT24111			
39	22401351	LÊ HÀ ANH	TUẤN	13/09/06	NT24111			
40	22402589	VŨ LÊ HOÀNG	TƯỐC	01/07/06	NT24111			
41	22401672	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	VÂN	23/05/05	NT24111			

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
42	22401400	PHAN PHÚ	VINH	28/09/06	NT24111			
43	22401495	ĐỖ THỊ THUÝ	VY	02/09/06	NT24111			
44	22402923	TRẦN PHẠM HÀ	VY	15/05/06	NT24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Kinh tế Vĩ mô (BA102DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 1000 – Số hiệu lớp: 1420
Giảng viên: Lê Hữu Đức
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 013 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401485	THÁI QUANG	ANH	16/09/03	SE24111			
2	22400915	LƯU TRƯỜNG	CHÍ	20/11/06	TV24111			
3	22402939	NGUYỄN KHÁNH	DUY	15/11/06	SE24111			
4	22401457	THÁI THƯỢNG	DUY	03/08/06	TV24111			
5	22401713	TRẦN BẢO	DUY	11/04/06	TV24111			
6	22401725	HUYỀN TUẤN	ĐẠT	11/10/06	TV24111			
7	22401586	LẠI ĐÌNH THÀNH	ĐẠT	15/05/06	TV24111			
8	22401092	HÀ KIẾN	HÀO	05/10/06	TV24111			
9	22401743	TRẦN DUY	HẢI	02/03/06	SE24111			
10	22401157	NGUYỄN CÔNG	HẬU	28/02/06	TV24111			
11	22402952	TRẦN PHƯỚC	HIỆP	18/02/06	SE24111			
12	22402837	ĐÌNH TRUNG	HIẾU	15/09/05	TV24111			
13	22400896	HUYỀN LÊ CHÍ	HIẾU	11/04/06	TV24111			
14	22402920	TRẦN VĂN	HIẾU	11/03/06	TV24111			
15	22014652	NGUYỄN HỮU	HOÀNG	11/10/02	TV20111			
16	22401121	LÊ TRẦN TƯỜNG	HY	01/11/06	TV24111			
17	22400615	LÊ THIỆU	KHANG	19/01/06	SE24111			
18	22401258	LÊ TUẤN	KIỆT	17/12/06	TV24111			
19	22402061	LÊ TRẦN PHÚ	NGÂN	07/09/06	TV24111			
20	22402165	HỒNG BỘI	NGHI	14/08/06	TV24111			
21	22401298	LÂM XUÂN	NGHI	04/12/06	TV24111			
22	22104056	LỤC PHƯƠNG	NGHI	30/10/03	DM21111			Cấm thi
23	22402969	TRƯƠNG GIA	NGHI	01/03/06	TV24111			
24	22402246	LƯU BẢO	NGỌC	23/09/06	TV24111			
25	22403018	VÕ LÊ BÍCH	NGỌC	12/01/06	TV24111			
26	22401364	NGUYỄN GIA	NGUYỄN	10/09/06	TV24111			
27	22401262	PHAN THẾ	PHONG	01/01/06	SE24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Kinh tế Vĩ mô (BA102DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 1000 – Số hiệu lớp: 1420
Giảng viên: Lê Hữu Đức
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 014 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22115132	LÊ NAM	PHƯƠNG	22/11/03	TV21111			
2	22400961	VÕ CHÂU ÁI	PHƯƠNG	09/09/06	LG24111			
3	22400474	HOÀNG QUỐC	QUÂN	15/07/05	TV24111			Cấm thi
4	22402719	HUỲNH PHÚ	QUÍ	01/09/06	SE24111			
5	22010889	HOÀNG ANH	QUỐC	20/06/02	TV20111			
6	22402841	BÙI NGUYỄN DẠ	QUYÊN	16/06/06	TV24111			
7	22402733	PHẠM NGỌC	QUÝ	12/06/06	TV24111			
8	22403207	SÒI NGỌC	SON	05/09/04	SE24111			
9	22402700	CAO QUỐC	THÁI	15/09/06	SE24111			
10	22401489	PHAN HOÀNG	THÁI	05/09/06	TV24111			
11	22401842	PHẠM PHƯƠNG	THẢO	11/11/06	TV24111			
12	22201143	TRẦN NHẬT	THĂNG	13/12/04	MK22111			
13	22402944	NGUYỄN	THĂNG	31/07/06	SE24111			
14	22401136	QUÁCH HẠNH	THI	09/03/06	TV24111			
15	22401366	PHẠM PHÚ	THỊNH	16/04/06	TV24111			
16	22401720	VŨ NGUYỄN CA	THUY	11/02/06	TV24111			
17	22400941	TỬ CÔNG	THỬA	04/12/06	TV24111			
18	22402031	TRẦN THỊ THUY	TIỀN	10/08/06	TV24111			
19	22401663	VÕ HOÀNG BẢO	TRÂM	11/01/06	NT24111			
20	22401667	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRẦN	08/09/06	TV24111			
21	22403056	HUỲNH MAI PHƯƠNG	TRINH	11/07/06	TV24111			
22	22401676	NGUYỄN BẢO	TRINH	18/12/06	TV24111			
23	22402959	HOÀNG QUỐC	TUẤN	02/12/06	TV24111			
24	22401687	NGUYỄN	TÚ	11/02/05	SE24111			
25	22010104	HUỲNH TÚ	UYÊN	28/09/02	TV20111			
26	22204520	NGÔ YẾN	VI	15/03/04	DM22111			
27	22401151	DƯƠNG PHONG	VINH	23/01/06	SE24111			
28	22400869	HỒ NGỌC KHÁNH	VY	23/11/06	TV24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Kinh tế Vĩ mô (BA102DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 1100 – Số hiệu lớp: 1421
Giảng viên: Lê Ngọc Đức
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 015 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402718	HUỲNH NGỌC TUYẾT	ANH	17/10/06	TV24111			
2	22400586	NGUYỄN ĐỨC PHƯỚC	ANH	14/11/06	TV24111			
3	22400555	PHẠM VÂN	ANH	04/10/06	TV24111			
4	22401530	PHÙNG VÂN	ANH	17/02/06	TV24111			
5	22400577	KHUU HIỀN	ÂN	24/09/05	TV24111			
6	22401558	NGUYỄN ĐỨC GIA	BẢO	22/02/06	TV24111			
7	22400037	PHẠM LINH	CHI	18/10/05	TV24111			
8	22400891	TRANG MINH	CHIẾN	24/06/06	TV24111			
9	22400655	CHU SÙNG	DUY	22/12/04	TV24111			
10	22401538	ĐINH TRẦN TRÍ	DŨNG	22/06/06	TV24111			
11	22401122	NGUYỄN HỮU	ĐỨC	03/03/06	TV24111			
12	22401640	TRẦN MINH	HIỂU	24/08/06	TV24111			
13	2190984	TRẦN HUY	HOÀNG	18/04/01	TV19112			
14	22401113	NGUYỄN LỮ	HỒNG	02/08/06	TV24111			
15	22400787	NGUYỄN TUẤN	HUY	17/03/06	TV24111			
16	22402882	NGUYỄN VIẾT DUY	HƯNG	21/12/06	TV24111			
17	22400461	PHẠM THỊ TUYẾT	LAN	17/10/06	TV24111			
18	22400535	LƯƠNG THANH	LỄ	08/04/06	TV24111			
19	22401783	HOÀNG KHÁNH	LINH	18/08/06	TV24111			
20	22400347	NGUYỄN KHÁNH	LINH	17/06/06	TV24111			
21	22400709	ĐỖ HUY	LONG	24/05/06	TV24111			
22	22403047	PHẠM QUỐC	LONG	05/12/03	TV24111			
23	22400715	TRẦN PHI	LONG	27/10/06	TV24111			
24	22401654	BÙI GIA	LỘC	29/06/06	TV24111			
25	22109384	NGUYỄN LÊ ĐỨC	MẠNH	17/12/03	TV21111			
26	22400759	HỒ TRẦN NHẬT	MINH	25/11/05	TV24111			
27	22401659	LÊ THỊ KIM	NGÂN	05/12/06	TV24111			
28	22402118	VÕ THIÊN GIA	NGHI	14/04/06	TV24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Kinh tế Vĩ mô (BA102DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 1100 – Số hiệu lớp: 1421
Giảng viên: Lê Ngọc Đức
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 016 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402753	TRẦN TRỌNG	NGHĨA	05/06/06	TV24111			
2	22400471	ĐOÀN THANH	NGỌC	24/10/06	TV24111			
3	22401823	ĐỒNG ÁNH	NGUYỆT	22/05/06	TV24111			
4	22400829	TRẦN ĐOÀN PHƯỚC	NGUYỄN	31/10/06	TV24111			
5	22400088	NGUYỄN MINH	NHẬT	10/11/02	TV24111			Cấm thi
6	22401404	TRẦN LÊ Ý	NHƯ	24/12/06	TV24111			
7	22400150	TRẦN HOÀNG	PHÚC	29/10/06	TV24111			
8	22400175	NGÔ VÕ MINH	QUÂN	26/06/06	TV24111			
9	22402992	NGUYỄN ĐÌNH MINH	QUÂN	16/11/06	TV24111			Cấm thi
10	22400791	LÊ PHÚ	TÀI	16/06/04	TV24111			
11	22401546	PHẠM THỊ THANH	TÂM	26/05/06	DM24111			
12	22400822	VIÊN ĐỨC	THÀNH	06/05/06	TV24111			
13	22400538	LÝ UYÊN	THẢO	22/08/06	TV24111			
14	22402676	PHẠM HỒNG	THIỆN	06/02/06	TV24111			
15	22401045	NGUYỄN TRUNG	THÔNG	17/09/06	TV24111			
16	22402160	NGUYỄN ANH	THƯ	12/09/06	TV24111			
17	22401050	NGUYỄN MINH	THƯ	17/10/06	TV24111			
18	22402017	PHAN THỊ MINH	THƯ	01/02/06	TV24111			
19	22140256	TRIỆU ANH	THƯ	10/09/02	TV21111			
20	22400429	LÊ THỊ GIÁNG	TIỀN	25/04/06	TV24111			
21	22400902	NGUYỄN ĐỨC	TRỌNG	27/05/06	TV24111			Cấm thi
22	22114498	NGUYỄN HUỲNH THANH	TRÚC	04/08/03	NT21111			
23	22400354	PHẠM MINH	TRÚC	19/04/06	TV24111			
24	22400711	CHU THANH	VĂN	28/09/06	TV24111			
25	22401083	DƯƠNG THANH	VY	18/05/06	NT24111			
26	22400421	HỒ THỊ THẢO	VY	10/12/05	TV24111			
27	22400591	NGUYỄN TRANG PHƯƠNG	VY	18/01/06	TV24111			
28	22400211	VÕ HOÀNG BẢO	VY	10/01/05	TV24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Organizational Behaviour (BA206DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1076
Giảng viên: Bùi Thị Vân Quỳnh
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 044 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22304078	ĐÀO YẾN	ANH	23/05/04	TV23111			
2	22302095	LÊ PHÚC PHƯƠNG	ANH	15/02/05	TV23111			
3	22302140	NGUYỄN DƯƠNG QUỲNH	ANH	05/04/05	TV23111			
4	22304107	BÙI THẾ	BẢO	09/06/05	TV23111			Cấm thi
5	22301950	PHAN THÀNH	ĐẠT	02/09/00	TV23111			
6	22301755	NGHIÊM XUÂN	ĐỨC	05/07/05	TV23111			
7	22302136	HỒNG GIA	HÂN	09/12/05	TV23111			
8	22301833	ĐẶNG QUỐC	HUY	27/11/05	TV23111			
9	22304080	HOÀNG ĐỨC	HUY	16/02/05	TV23111			
10	22303925	TRỊNH THỊ THU	HƯƠNG	19/03/05	TV23111			
11	22304048	HSU CHIH	JYE	01/09/02	TV23111			
12	22302076	BÙI TẤN	KHANG	09/09/05	TV23111			
13	22108690	PHẠM NGỌC LAM	KHUÊ	13/04/03	TV21111			
14	22303904	TRẦN NGỌC	NGÂN	28/04/05	TV23111			
15	22303949	VĂN CHẨN	NGHĨA	16/11/03	TV23111			
16	22110863	TRẦN	PHÁT	27/10/03	TV21111			Cấm thi
17	22205136	THÔNG TIỂU	PHƯƠNG	16/09/03	TV22111			
18	22114300	PHAN VĂN	TÂM	06/05/01	TV21111			
19	22304022	ĐÌNH GIA	THÀNH	27/09/05	TV23111			
20	22301847	PHAN NGUYỄN THANH	THẢO	28/03/05	TV23111			
21	22302282	TÔN LONG	THIỆN	02/06/01	TV23111			
22	22301824	CAO DƯƠNG GIA	THỊNH	07/12/03	TV23111			
23	22304083	NGUYỄN THỊ DIỆU	THUY	24/10/05	TV23111			
24	22304075	ĐÌNH NGUYỄN NGỌC	THƯ	28/06/03	TV23111			
25	22205942	TRỊNH ANH	THƯ	11/04/04	TV22111			
26	22301866	NGÔ GIA CÁT	TIỀN	20/06/05	TV23111			
27	22303936	NGUYỄN ANH	TIẾN	12/02/03	TV23111			
28	22300568	NGUYỄN THỊ THUY	TRANG	18/04/03	TV23111			
29	22302148	MAI TRẦN THỊ BÍCH	TRÂM	25/10/03	TV23111			
30	22300342	TÔ THỊ HUYỀN	TRÂN	17/10/04	TV23111			
31	22105736	LÊ PHƯỚC	TRÍ	18/02/03	TV21111			Cấm thi
32	22205953	THÁI TRUNG	TUẤN	07/08/04	TV22111			
33	22303807	NGUYỄN THANH	TUYỀN	05/02/05	TV23111			
34	22301977	LÊ THANH TRIỆU	VỸ	10/12/05	TV23111			
35	22206213	PHẠM HOÀNG	YẾN	16/04/04	TV22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Organizational Behaviour (BA206DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1077
Giảng viên: Bùi Thị Vân Quỳnh
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 003 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500278	YEH	CHIAHSIN	13/02/04	QT225			
2	22500298	BRICARD	SARAH	26/07/05	QT225			
3	22500300	DUPLAIX	CASSANDR E	07/10/05	QT225			
4	22301360	TRẦN PHƯỚC	AN	21/10/05	TV23111			
5	22301615	HOÀNG TRẦN QUỐC	ANH	27/09/05	TV23111			
6	22301579	HOÀNG TUẤN	ANH	05/01/05	TV23111			
7	22206156	NGUYỄN LÊ HÀ	ANH	21/11/04	TV22111			
8	22301683	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	28/09/05	TV23111			
9	22301486	LÊ HOÀNG	BẢO	26/11/05	TV23111			
10	22301398	HỒ HOÀNG	HIỆP	22/08/05	TV23111			
11	22301635	PHAN NGUYỄN QUỐC	HUY	01/04/05	TV23111			
12	22301498	NGUYỄN KIỀU DIỄM	HƯƠNG	14/11/05	TV23111			
13	2190361	TRẦN ĐÌNH	KHANG	18/09/00	TV19111			
14	22301483	NGÔ GIA	KHÁNH	17/01/05	TV23111			
15	22301706	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	24/04/05	TV23111			
16	22301506	HUYỀN VĂN TRUNG	KIẾN	08/08/05	TV23111			
17	22204794	ĐẶNG HUỲNH ÁNH	KIM	14/08/04	TV22111			
18	22107814	NGUYỄN KHÁNH	LINH	07/11/03	TV21111			
19	22200557	NGUYỄN KHÁNH	LINH	24/12/04	TV22111			
20	22203823	ĐẶNG GIA	MỸ	23/03/04	TV22111			
21	22205554	BÙI PHƯƠNG	NAM	19/07/04	TV22111			
22	22111957	LÂM TRỌNG	NGHĨA	30/05/03	TV21111			
23	22301564	TRẦN THỊ QUỲNH	NHƯ	15/10/05	TV23111			
24	22205549	TRẦN THIÊN	PHÚC	28/01/04	TV22111			
25	22010827	LÊ NHẬT	PHƯƠNG	04/05/02	TV20111			
26	22301575	TRẦN ĐÌNH BẢO	QUỐC	17/01/05	TV23111			
27	2191894	VŨ VĂN	QUYẾT	12/05/00	TV19112			Cấm thi
28	22301383	TRẦN LÊ TRÚC	QUỲNH	30/06/05	TV23111			Cấm thi
29	22301315	NGÔ LÊ HỒNG	TÂM	08/12/05	TV23111			
30	22301716	TIỀN MINH	THẢO	18/07/05	TV23111			
31	22301752	LẠI ĐỨC	THẮNG	26/01/04	TV23111			
32	22301674	NGUYỄN NĂNG MINH	THẮNG	22/04/05	TV23111			
33	22301353	BÙI DUY	THỊNH	25/12/00	TV23111			
34	22300357	NGUYỄN LÊ MINH	THUẬN	07/06/03	TV23111			
35	22301414	PHẠM HIẾU	THUẬN	21/10/05	TV23111			
36	22109778	ĐÌNH THỊ MỸ	THƯ	27/09/03	TV21111			
37	22106066	TRẦN MINH	TIẾN	05/06/03	TV21111			
38	22301223	TRẦN THỊ TÚ	UYÊN	05/10/05	TV23111			
39	22301743	VÕ PHAN CẨM	VÂN	11/07/05	TV23111			
40	22301436	ÂN HOÀNG	VY	24/04/05	TV23111			
41	22301382	LIÊU TRẦN NHẬT	VY	16/09/05	TV23111			

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
42	22301580	NGUYỄN XUÂN HOÀI	VY	15/06/05	TV23111			
43	22301526	PHẠM NGUYỄN THANH	XUÂN	24/04/05	TV23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Organizational Behaviour (BA206DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0300 – Số hiệu lớp: 1078
Giảng viên: Bùi Thị Vân Quỳnh
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 004 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22302360	TẮT QUỐC	AN	02/09/05	TV23111			
2	22205379	PHAN THANH	BÌNH	07/01/04	NL22111			
3	22303071	HUYỀN BẢO	DUY	07/04/05	TV23111			
4	22206248	TRẦN MINH	DUY	22/10/03	TV22111			
5	22303903	VÕ MAI OANH	ĐÀO	21/12/05	TV23111			
6	22303826	TRẦN NGUYỄN CÁT	ĐẠI	28/04/99	TV23111			
7	22302565	PHẠM NGUYỄN TRẦN	HOÀNG	01/10/05	TV23111			
8	22302410	DU MỸ	HOA	24/02/05	TV23111			
9	22303813	NGUYỄN TRỌNG KHÁNH	HOÀNG	21/09/05	TV23111			
10	22302726	HUYỀN DUY	KHA	23/05/05	TV23111			
11	22303825	TRẦN ĐÀM DUY	KHANG	10/09/05	TV23111			
12	22302461	NGUYỄN ANH	KHOA	04/12/05	TV23111			
13	22302518	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	14/01/05	TV23111			
14	22303809	VŨ	KIỆT	21/11/05	TV23111			
15	22302540	TRẦN HOÀNG	LONG	03/05/05	TV23111			
16	22303233	NGUYỄN PHÁT	LỘC	30/01/05	TV23111			
17	22205608	ĐÀM QUANG	MINH	16/10/04	TV22111			
18	22302327	TRẦN MỸ	NGÂN	04/11/04	TV23111			
19	22302203	NGUYỄN ĐẶNG CHÍ	NGHĨA	10/04/05	TV23111			
20	22302566	NGUYỄN VĂN MINH	NHẬT	25/10/05	TV23111			
21	22302459	BÙI NGUYỄN TUYẾT	NHI	03/04/03	TV23111			
22	22205768	PHAN NGUYỄN THU	NHƯ	04/10/04	TV22111			
23	22302253	NGUYỄN VIỆT ANH	QUÂN	21/05/05	TV23111			
24	22207009	LÊ HỮU	QUỐC	11/02/04	TV22111			
25	22303790	PHẠM NGUYỄN THANH	TÂM	04/05/05	TV23111			
26	22302449	HÀ CÔNG	THÀNH	30/01/05	TV23111			
27	22303836	NGUYỄN PHÚ	THỊNH	11/08/05	TV23111			
28	22302416	LÊ PHƯỚC	THÔNG	05/10/05	TV23111			
29	22302559	DƯƠNG TẤN BẢO	THÚY	29/12/05	TV23111			
30	22303053	NGUYỄN MINH	THƯ	08/06/05	TV23111			
31	22303118	NHÂM VÂN	THƯ	31/10/05	TV23111			
32	22303729	TRẦN QUỲNH	TRÂM	04/06/05	TV23111			
33	22303074	DƯƠNG ĐÌNH	TRI	16/08/05	TV23111			
34	22303060	TRẦN CHÍ	TRƯỜNG	20/03/05	TV23111			
35	22302569	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	TUYỀN	13/02/05	TV23111			
36	22303662	NGUYỄN THỤY THỤC	UYÊN	07/04/05	TV23111			
37	22206889	PHẠM BÙI QUỐC	VIỆT	24/04/04	NL22111			
38	22207016	TRƯƠNG TRIỀU	VINH	14/03/04	TV22111			
39	22302573	BÙI TƯỜNG	VY	15/01/05	TV23111			
40	22205605	ĐẶNG THỊ LAN	VY	05/02/04	TV22111			
41	22303426	NGUYỄN THUẬN	VY	30/11/05	TV23111			

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
42	22303209	LÊ HỒNG	YẾN	06/12/05	TV23111			
43	22207352	TRẦN LÂM THIÊN	Ý	09/05/04	TV22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Organizational Behaviour (BA206DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0400 – Số hiệu lớp: 1079
Giảng viên: Bùi Thị Vân Quỳnh
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 049 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500288	MÜHL	DORINE	18/06/02	QT225			
2	22500291	BEAUFILS	JUSTINE	02/09/03	QT225			
3	22200833	NGUYỄN THỊ KIM	ANH	22/06/04	TV22111			
4	22123030	VÕ THÁI VÂN	ANH	28/02/03	TATV21111			
5	22300218	NGUYỄN THÙY	DUNG	06/09/02	TV23111			
6	22200434	TRẦN NGỌC BẢO	DUY	20/07/04	TV22111			
7	22300685	TRẦN NGUYỄN ANH	DŨNG	30/08/05	TV23111			
8	22300420	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	11/06/05	TV23111			
9	22300848	VŨ VĂN	ĐỘ	28/11/05	TV23111			
10	22300510	TRƯƠNG ANH	ĐỨC	21/11/05	TV23111			
11	22206050	HUỲNH THỊ NGỌC	HÀ	11/03/04	TV22111			
12	22301167	TRẦN TRÍ	HẢI	10/08/05	TV23111			
13	22301095	LÃ ĐỨC	HIỆU	13/06/05	TV23111			
14	22200277	NGÔ GIA	HỠ	18/05/04	TV22111			
15	22300799	HUỲNH VĨNH	KHANG	04/01/05	TV23111			
16	22300585	NGUYỄN DUY	KHANG	18/09/05	TV23111			
17	22300818	PHAN NGUYỄN PHÚC	KHANG	16/03/03	TV23111			
18	22204668	PHẠM TUẤN	KHANH	23/11/04	TV22111			
19	22301702	LÊ NGỌC PHƯƠNG	KHÁNH	18/03/05	TV23111			
20	22000133	NGUYỄN DUY	KHÁNH	14/09/01	TV20111			
21	22300358	HUỲNH TUẤN	KIỆT	11/07/04	TV23111			
22	22111307	NGUYỄN NGỌC	LINH	24/09/03	TATV21111			
23	22301222	LÊ CHÍ	LĨNH	11/03/05	TV23111			
24	22301152	CHÂU THÀNH	LONG	03/11/05	TV23111			Cấm thi
25	22000041	TRẦN	LONG	24/10/00	TV20111			Cấm thi
26	22300017	TRẦN	NGHĨA	16/01/03	TV23111			Cấm thi
27	22301185	ĐẶNG SỸ	NGUYỄN	03/09/05	TV23111			
28	22300965	HỒ HƯNG	NGUYỄN	12/12/05	TV23111			
29	22300225	NGUYỄN TRƯƠNG THẢO	NHI	11/01/05	TV23111			
30	22300658	NGUYỄN DUY HOÀNG	PHÚC	06/01/05	TV23111			
31	22301541	LÊ THANH	QUANG	23/03/05	TV23111			
32	22207647	NGUYỄN VĂN PHÚ	QUỐC	12/10/02	TV22111			
33	22107005	LÊ MINH	TÂN	01/10/03	TV21111			
34	22300793	NGUYỄN THỊ MAI	THANH	01/03/05	TV23111			
35	22000040	NGUYỄN LẬP	THÀNH	17/01/00	TV20111			Cấm thi
36	22300946	LÊ PHẠM MINH	THÙY	07/11/05	TV23111			
37	22105049	HOÀNG THUY MINH	THỨ	16/10/03	TV21111			
38	22301217	PHẠM MINH	TIẾN	16/08/05	TV23111			
39	22300668	NGUYỄN TRẦN HUYỀN	TRANG	15/08/05	TV23111			
40	22140039	NGUYỄN BẢO	TRÂM	29/08/03	TATV21111			
41	22300419	PHAN BẢO	TRUNG	31/01/05	TV23111			

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
42	22300999	VŨ THỊ MỸ	UYÊN	24/10/03	TV23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Hospitality Sales Coach (HM308DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1169
Giảng viên: Phạm Thị Hoàng Liên
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 017 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22205946	HOÀNG MINH	ANH	04/11/04	NH22111			
2	22009708	HUỖNH GIA	BẢO	22/10/02	NH20111			
3	22140218	TÔ LÊ QUỐC	BẢO	01/10/03	NH21111			Cấm thi
4	22119109	PHẠM TRÍ	ĐỨC	10/02/03	NH21111			
5	22112983	ĐÀO THY	KHANH	25/04/03	NH21111			
6	22206777	MAI VĂN	KIỆT	02/10/04	NH22111			
7	22010198	VÕ THỊ THÚY	LIỄU	26/04/02	NH20111			
8	22206788	PHAN NGUYỄN HOÀNG	LONG	29/01/04	KS22111			Cấm thi
9	2191504	TRẦN GIA	LONG	01/08/01	KS19112			
10	22008327	LÊ NGUYỄN GIA	LUÂN	12/05/02	NH20111			
11	2197280	LÊ HIỆP	NGUYỄN	29/08/01	KS19111			
12	22123015	THI KIM	PHỤNG	22/10/03	NH21111			
13	22202478	NGUYỄN VŨ NHƯ	QUỲNH	25/07/03	NH22111			Cấm thi
14	22205042	ĐỖ VIỆT	SĨ	07/10/04	NH22111			Cấm thi
15	22000315	PHAN TẤN	VINH	02/10/01	NH20111			
16	22107059	LÊ YẾN	VY	22/03/03	KS21111			
17	22111055	TRẦN HOÀNG PHƯƠNG	Y	10/09/03	NH21111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Luật Hành chính và Tổ tụng Hành chính (LAW110DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1641
Giảng viên: Nguyễn Hoài Nam
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 15g30
Phòng thi: Phòng 005 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401267	VÕ THỊ KHÁNH	BẰNG	17/06/06	LW24111			
2	22400863	NGUYỄN THỊ THANH	DIỆU	06/01/06	BL24111			
3	22114936	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	DUNG	12/11/03	BL21111			
4	22401349	VÕ NHẤT	DUY	22/07/06	LW24111			
5	22400400	LÊ NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	12/05/06	BL24111			
6	22400484	LỮ THIÊN	ĐĂNG	20/03/05	LW24111			
7	22401273	ĐỖ NGỌC KHÁNH	HÂN	01/11/06	BL24111			
8	22400970	NGÔ GIA	HÂN	25/11/06	LW24111			
9	22402888	TẠ LÊ NGỌC	HÂN	24/04/06	BL24111			
10	22401260	TRẦN NGUYỄN MAI	HÂN	20/06/06	BL24111			
11	22401051	NGUYỄN VIỆT MINH	HIẾU	24/01/02	LW24111			
12	22401024	NGUYỄN MINH	HOÀNG	20/01/06	BL24111			
13	22400725	BÙI DUY	HƯNG	13/05/06	BL24111			
14	22401808	PHẠM ĐỖ GIA	HƯNG	13/01/06	BL24111			
15	22400360	LÊ XUÂN	HƯƠNG	24/05/06	BL24111			
16	22401070	PHAN THANH	HƯƠNG	14/06/06	BL24111			
17	22401405	NGUYỄN LỮ ĐĂNG	KHOA	14/09/06	LW24111			
18	22402630	LÊ MAI	KHÔI	10/11/05	BL24111			
19	22401983	NGUYỄN TRẦN MINH	KHUÊ	22/12/06	BL24111			
20	22400031	NGUYỄN KHA TUẤN	KIỆT	08/07/03	LW24111			
21	22205675	PHẠM BÙI BẢO	KIỆN	30/05/04	BL22111			
22	22401098	NGUYỄN THẮNG	LỢI	16/04/06	LW24111			
23	22402912	LÊ CÔNG NGUYỄN	MINH	20/02/06	LW24111			
24	22402876	VÕ LÊ NGỌC	MINH	02/12/06	BL24111			
25	22402801	NGUYỄN LÂM GIA	NGHI	25/10/06	LW24111			
26	22401352	NGUYỄN HỒNG BẢO	NGỌC	17/09/06	BL24111			
27	22400827	PHẠM THỊ KIM	NGỌC	14/04/06	LW24111			
28	22400358	NGUYỄN THANH THẢO	NGUYỄN	15/11/06	BL24111			
29	22401264	PHAN THỊ THẢO	NGUYỄN	03/06/06	LW24111			
30	22401501	TRẦN KIM	NGUYỄN	04/12/06	LW24111			
31	22400945	LÊ PHONG	NHÃ	08/04/06	BL24111			
32	22106927	NGUYỄN TRUNG	NHÂN	04/10/03	BL21111			
33	22402849	LÊ THỊ YẾN	NHI	02/12/06	LW24111			
34	22400976	NGUYỄN LÊ UYÊN	NHI	10/04/06	BL24111			
35	22401154	NGUYỄN NGỌC THANH	NHI	20/02/06	BL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Luật Hành chính và Tổ tụng Hành chính (LAW110DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1641
Giảng viên: Nguyễn Hoài Nam
Ngày thi: 31/12/2025
Giờ thi: 15g30
Phòng thi: Phòng 006 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401514	NGUYỄN NGỌC Ý	NHI	31/07/05	LW24111			
2	22401623	THẠCH THỤY MỸ	NHUNG	26/03/06	LW24111			
3	22402972	LÂM GIA	PHÚ	10/11/06	LW24111			
4	22400649	NGUYỄN THỊ THANH	THANH	10/06/06	BL24111			
5	22400057	BÙI NGUYỄN	THÀNH	02/09/02	LW24111			
6	22401974	GIANG TRẦN NGỌC	THẢO	22/05/06	BL24111			
7	22401730	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	THẢO	08/10/06	BL24111			
8	22115220	NGUYỄN MINH	THUẬN	05/11/03	BL21111			
9	22401981	NGUYỄN LÊ ANH	THƯ	12/07/06	LW24111			
10	22402772	TRẦN THỊ HOÀI	THƯƠNG	21/01/06	LW24111			
11	22400698	HUỲNH ĐẶNG CẨM	TIẾN	27/04/06	BL24111			
12	22401563	ĐINH KHẮC HOÀNG	TIẾN	22/06/06	LW24111			
13	22401020	NGUYỄN HOÀNG	TIẾN	01/12/06	LW24111			
14	22401324	ĐỖ HOÀNG UYẾN	TRANG	24/06/06	BL24111			
15	22401408	LÊ THỊ THÙY	TRANG	29/09/06	BL24111			
16	22302466	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	09/08/05	BL23111			
17	22402321	LƯƠNG QUỲNH	TRÂM	20/06/06	LW24111			
18	22401992	NGUYỄN NGỌC CẨM	TÚ	13/10/06	LW24111			
19	22403121	TRẦN CẨM	TÚ	11/08/04	BL24111			
20	22401638	ÂU HẢI KHÁNH	VY	02/09/04	BL24111			
21	22402771	NGUYỄN KIM THẢO	VY	11/04/06	BL24111			
22	22402184	NGUYỄN MAI	VY	20/06/06	LW24111			
23	22401488	CÙ HOÀNG	YẾN	01/09/03	BL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Lý thuyết Hệ điều hành (CN203DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1448
Giảng viên: Phan Đình Thế Huân
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 108 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22002526	TRƯƠNG TRƯỜNG	AN	22/10/01	PM20111			Cấm thi
2	22113887	ĐỖ TRẦN QUỐC	ANH	07/09/03	QL21111			
3	22011637	PHẠM NGỌC	ANH	23/03/02	QL20111			
4	22114919	PHẠM THÁI	BẢO	26/09/03	QL21111			
5	22206315	VŨ THẾ	BẢO	24/03/04	QL22111			
6	22301301	PHẠM TẤN	ĐẠT	06/06/05	PM23111			
7	22206065	CHÂU NGỌC	ĐỨC	23/08/04	QL22111			
8	22118948	TRƯƠNG CÔNG	ĐỨC	20/03/03	QL21111			
9	22118945	PHẠM HOÀNG	GIANG	15/11/03	QL21111			
10	22111585	CAO ĐÌNH	HIẾU	30/06/03	QL21111			
11	22102144	NGUYỄN VĂN BẢO	HOÀN	08/12/03	QL21111			
12	22100664	TRẦN VIỆT	HƯNG	12/07/03	QL21111			
13	22114830	NGUYỄN PHÚC	KHANG	07/07/03	QL21111			
14	22204689	NGUYỄN VĂN	KHANG	05/03/04	QL22111			
15	22101260	NGUYỄN TÔN NAM	KHÁNH	20/02/02	QL21111			
16	22206176	LÂM XÊ	KHOA	27/10/04	QL22111			
17	22201887	NGUYỄN TRẦN ĐĂNG	KHOA	11/12/04	QL22111			
18	22205603	NGUYỄN TRẦN ĐÌNH	KHÔI	17/05/04	QL22111			
19	22000352	NGUYỄN HOÀNG	KIM	21/02/97	QL20111			Cấm thi
20	22205933	VÕ NGUYỄN NGUYỄN	LÀNH	05/03/04	QL22111			
21	22003208	TRẦN CÔNG	MINH	26/06/02	PM20111			
22	22205332	TRẦN NGUYỄN QUANG	MINH	23/08/04	QL22111			
23	22503676	NGUYỄN TRẦN THANH	NHI	15/07/04	PM25111			
24	22206690	BÙI TRẦN NHẬT	TẤN	22/06/02	QL22111			
25	22301137	LÊ MINH	THÁI	20/02/05	QL23111			
26	22101928	HUỲNH HOÀNG	THỊNH	29/11/03	QL21111			
27	22110213	PHẠM HUỲNH TRƯỜNG	THỊNH	31/07/03	QL21111			
28	22112886	LỤC CHẤN	TOÀN	18/09/03	QL21111			
29	22114545	TRỊNH GIA	TRÌNH	01/09/03	QL21111			
30	22013149	VÕ TRƯỜNG	TÚ	11/02/02	PM20111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Phân tích định lượng (MIS214DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1664
Giảng viên: Bùi Ngọc Lê
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 116 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22114112	NGUYỄN DƯƠNG MINH	ANH	08/09/03	NL21111			
2	22123108	NGUYỄN TRẦN TRÂM	ANH	05/12/03	TV21111			
3	22110509	NGUYỄN VŨ MINH	ANH	26/12/02	TV21111			
4	22123030	VŨ THÁI VÂN	ANH	28/02/03	TATV21111			
5	22110996	LÊ HỒ GIA	BẢO	03/09/03	TV21111			
6	2191105	NGUYỄN HOÀI	BẢO	20/02/01	TV19112			
7	22207169	PHAN THỊ PHƯỚC	DIỄM	03/09/04	KT22111			
8	2191874	NGUYỄN XUÂN	DĨ	24/07/01	TV19112			Cấm thi
9	22122623	NGUYỄN AN	DUY	10/08/02	DM21111			
10	22206289	TRẦN ANH	ĐÀO	18/10/04	TC22111			
11	22010866	HUỲNH KIỂM	HÀO	09/02/02	TV20111			
12	22104232	HỒ THỊ NGỌC	HẰNG	05/07/03	KN21111			
13	2199092	NGUYỄN MINH	HIỂN	03/03/01	TV19112			Cấm thi
14	22014652	NGUYỄN HỮU	HOÀNG	11/10/02	TV20111			
15	22207127	LÊ ĐỨC	HUY	23/03/04	KT22111			
16	22105892	LÝ NHÂM GIA	HUY	19/10/03	TV21111			
17	22000827	NGUYỄN HOÀNG GIA	HUY	16/04/01	TV20111			
18	22001096	TRẦN HOÀNG GIA	HUY	04/03/02	DM20111			
19	22011687	NGUYỄN THANH	HƯNG	19/11/02	TV20111			
20	22115119	NGUYỄN MINH	KHANG	24/12/03	TV21111			
21	22123135	TRẦN PHƯƠNG	KHANH	23/07/03	TV21111			Cấm thi
22	22113856	HỒ VĂN QUANG	KHẢI	27/07/03	TV21111			
23	22102890	DƯƠNG ANH	KHOA	16/07/03	NL21111			
24	22004428	NGUYỄN TRÍ ANH	KHOA	25/03/02	MK20111			Cấm thi
25	22002837	VŨ ANH	KHÔI	12/11/02	KT20111			
26	22014583	TRẦN NGUYỄN DUY	KHƯƠNG	13/10/02	MC20111			
27	22204440	NGUYỄN LÊ THIÊN	KIM	09/07/04	KT22111			
28	22205125	PHẠM AN	KỶ	05/08/04	KT22111			
29	2193128	CAO TRẦN DIỆU	LINH	01/01/01	GF19122			
30	22111307	NGUYỄN NGỌC	LINH	24/09/03	TATV21111			
31	22117864	PHẠM ĐỨC	LINH	27/01/03	KN21111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Phân tích định lượng (MIS214DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1664
Giảng viên: Bùi Ngọc Lê
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 117 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22205889	VŨ KHÁNH	LINH	16/03/04	KT22111			
2	22200287	VŨ PHẠM HỒNG	LOAN	17/08/03	KN22111			
3	22012297	HỒ HOÀNG	LONG	15/03/02	TV20111			
4	22105006	NGUYỄN ĐÌNH	LONG	06/12/03	TV21111			
5	22116458	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	10/11/03	TV21111			Cấm thi
6	2199284	HUỲNH BÌNH	MINH	10/03/01	NL19111			
7	22102181	VŨ THÀNH	NAM	21/09/03	TV21111			
8	22014587	CAO THANH	NGÂN	07/12/02	DM20111			
9	22200328	CHU KHÁNH	NGÂN	28/05/02	DM22111			
10	22114466	TRẦN NGUYỄN BẢO	NGỌC	18/11/03	TV21111			
11	2192286	LÊ HỮU	NHẠC	22/05/01	TV19111			
12	22207637	LÊ MINH	NHẬT	23/04/04	KT22111			
13	22103049	PHẠM HẠO	NHIÊN	28/03/03	TV21111			
14	22207475	NGUYỄN KHÁNH THIÊN	PHƯƠNG	03/11/04	KT22111			
15	22114955	VŨ LÂM	QUANG	09/05/03	DM21111			Cấm thi
16	22104655	DIỆP THOẠI	QUYÊN	30/09/03	TV21111			
17	22206698	LÊ THỊ TRÚC	QUYÊN	08/03/04	KN22111			
18	22122517	PHẠM VĂN VINH	SANG	30/10/03	MK21111			Cấm thi
19	22110185	TRẦN DƯƠNG QUỐC	THANH	22/06/03	MK21111			
20	22205333	TRẦN KIM	THANH	04/06/04	TC22111			
21	22117439	BÙI TRẦN ANH	THƯ	16/12/03	MK21111			
22	22105049	HOÀNG THUY MINH	THƯ	16/10/03	TV21111			
23	22203947	TRẦN THỊ ANH	THƯ	07/06/04	TC22111			
24	22118807	LÊ HOÀNG	THỨC	16/10/03	TV21111			
25	22107470	NGUYỄN ĐỨC	TOÀN	31/03/00	TV21111			
26	22140039	NGUYỄN BẢO	TRÂM	29/08/03	TATV21111			
27	22205143	NGUYỄN ĐÌNH BẢO	TRUNG	01/06/04	DM22111			
28	2181574	PHAN MINH	TUẤN	10/01/00	NL1811			
29	22014558	NGUYỄN VĂN	TÚ	27/11/02	MK20111			
30	22101125	PHAN THỊ NGỌC	TỶ	02/05/01	TV21111			
31	22010104	HUỲNH TÚ	UYÊN	28/09/02	TV20111			
32	22205957	THÁI NGUYỄN NGỌC	UYÊN	14/04/04	DM22111			
33	22011311	LÊ HOÀNG THẢO	VY	27/01/02	TV20111			
34	22113896	PHẠM HỒ PHƯƠNG	VY	05/10/02	TV21111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1846
Giảng viên: Nguyễn Tường Minh
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 006 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22301629	ĐÀO QUANG	AN	22/08/05	DL23111			
2	22303174	NGUYỄN THỊ THÚY	AN	14/05/05	KS23111			
3	22300344	NGUYỄN TUẤN	AN	20/11/05	KS23111			
4	22302388	HÀ PHẠM ĐỨC	ANH	22/09/05	KS23111			
5	22301347	PHẠM PHAN HỒNG	ANH	20/06/05	DL23111			
6	22301966	PHAN GIA	BẢO	15/07/05	KS23111			
7	22300378	LÊ BỘI	BỘI	29/08/03	KS23111			
8	22302092	TRẦN KHẢ	DOANH	31/08/05	KS23111			
9	22303398	TRẦN NHẬT	DUY	29/09/05	DL23111			
10	22301502	LÊ NGỌC MỸ	DUYÊN	19/12/05	KS23111			
11	22301388	NGUYỄN QUỐC	ĐẠT	14/12/03	DL23111			
12	22301519	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	GIANG	27/03/05	KS23111			
13	22301384	LÊ NGỌC	HÂN	10/02/05	DL23111			
14	22301593	NGUYỄN TRƯƠNG GIA	HÂN	24/08/05	KS23111			
15	22303666	CAO NGUYỄN MINH	HIỆU	21/09/05	DL23111			
16	22301941	NGÔ THỊ KHÁNH	HUYỀN	08/01/04	KS23111			
17	22300224	BÙI VĨNH	KHANG	13/04/05	DL23111			
18	22302521	PHẠM THỊ NGỌC	KHÁNH	15/04/05	KS23111			
19	22304136	LÊ PHÚC	KHẢI	28/07/02	KS23111			
20	22302526	NGUYỄN THẾ	KHIÊM	05/10/05	KS23111			
21	22302207	NGUYỄN DUY	KHÔI	24/12/05	KS23111			Cấm thi
22	22301642	NGUYỄN THANH	KIỆT	23/06/04	DL23111			
23	22301973	TRẦN NGỌC	LAM	15/06/05	DL23111			
24	22302504	NGUYỄN THÙY	LINH	25/11/05	DL23111			
25	22302339	TRẦN THỊ	LINH	18/04/05	KS23111			
26	22301685	TRƯƠNG TẤN	LỘC	01/09/05	DL23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1846
Giảng viên: Nguyễn Tường Minh
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 007 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22303241	NGUYỄN HUỖNH XUÂN	MAI	01/03/05	KS23111			
2	22301698	LÝ GIA	MÃN	14/08/05	KS23111			
3	22304017	LÝ HUỆ	MÃN	30/05/05	DL23111			
4	22303744	BÙI THANH	NGÂN	27/04/05	DL23111			
5	22301224	TRẦN KIM	NHUNG	16/12/05	KS23111			
6	22301345	NGUYỄN MINH	PHÚC	27/08/05	DL23111			
7	22302149	ĐÀO LƯƠNG HOÀNG	QUÂN	17/12/05	KS23111			
8	22302916	NGÔ MINH	QUÂN	15/09/05	KS23111			
9	22302441	LÊ VĂN	SAM	21/09/05	DL23111			
10	22301813	NGUYỄN MINH	THÀNH	21/09/05	KS23111			
11	22302354	LƯU ĐIỀU	THÔNG	28/03/03	KS23111			Cấm thi
12	22304103	NGUYỄN TRẦN CHUNG	THUY	29/10/05	KS23111			
13	22301530	KHA TÚ	TRINH	18/06/03	DL23111			
14	22301314	NGUYỄN BẢO	TRỌN	11/05/04	DL23111			
15	22303105	PHAN NGỌC ANH	TUẤN	03/02/03	DL23111			
16	22300444	TRẦN ANH MINH	TUẤN	14/10/05	DL23111			
17	22301528	KHA TÚ	TÚ	26/02/05	DL23111			
18	22301081	LẠI MINH	TÚ	11/04/01	DL23111			
19	22301109	LÊ THỊ CẨM	TÚ	19/06/05	KS23111			
20	22301517	ĐẶNG TÚ	UYÊN	06/08/05	KS23111			
21	22300496	TRẦN GIA	UYÊN	08/10/05	KS23111			
22	22301448	VÕ ĐÌNH MINH	VI	01/05/05	DL23111			
23	22300237	PHẠM TẤN	VINH	09/03/05	DL23111			
24	22301830	UTHAI SAEN KIM	VUI	16/12/05	DL23111			
25	22302200	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	VY	21/03/05	KS23111			
26	22301605	NGUYỄN BÙI MINH	XUÂN	03/04/05	KS23111			Cấm thi

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1847
Giảng viên: Nghiêm Tấn Phong
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 008 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22300593	VŨ MINH	BÁCH	18/11/05	DM23111			
2	22300605	NGUYỄN NGỌC	DIỆU	06/03/05	DM23111			
3	22300823	LÊ TRIỀU	DƯƠNG	14/02/05	DM23111			
4	22300810	NGUYỄN GIA	ĐẠT	10/04/05	DM23111			
5	22302479	TRẦN QUANG	ĐẠT	15/03/05	DM23111			
6	22300508	PHẠM NGUYỄN CHÂU	GIANG	01/08/05	DM23111			
7	22300566	HUỲNH NHẬT	HÀO	31/05/05	DM23111			Cấm thi
8	22302223	HOÀNG VÂN	HẰNG	07/01/05	DM23111			
9	22301003	LÊ ANH	HUY	26/08/05	DM23111			
10	22301178	TRẦN CHẤN	HUY	12/12/05	DM23111			
11	22302392	TRỊNH LÊ ĐỨC	HUY	31/08/05	DM23111			
12	22300650	BÙI THỊ MỸ	HUYỀN	24/03/05	DM23111			
13	22302977	NGUYỄN THỊ MỸ	HUYỀN	12/06/05	DM23111			
14	22300194	TRẦN NGỌC LAM	HUYỀN	29/11/05	DM23111			
15	22300440	TRƯƠNG PHÚ	KHANG	29/12/05	DM23111			
16	22302366	NGUYỄN VĨNH	KHÁNH	07/12/04	DM23111			
17	22300927	NGUYỄN NGỌC	KHẢI	11/04/05	DM23111			
18	22300466	NGUYỄN DƯƠNG	KHÔI	31/05/05	LG23111			
19	22303040	NGUYỄN HỮU	KHÔI	14/07/05	DM23111			
20	22301927	TRẦN LÂM HUY	KIỆT	21/02/05	TC23111			
21	22303083	HỒ NGUYỄN TUẤN	KIỆT	11/08/04	DM23111			
22	22302447	NGUYỄN MINH	LÂM	04/01/05	DM23111			
23	22400091	HUỲNH MỸ	LINH	01/06/04	MK24111			
24	22205071	LÂM TRÚC	LINH	20/12/04	KN22111			Cấm thi
25	22300602	NGUYỄN LÊ THANH	MAI	23/02/05	DM23111			
26	22302444	NGUYỄN NGỌC	MY	29/04/05	DM23111			
27	22301050	PHÙNG HẢI	NAM	26/02/05	DM23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1847
Giảng viên: Nghiêm Tấn Phong
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 009 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22300421	LÂM NGUYỄN GIA	NGHI	17/04/05	DM23111			
2	22303045	PHAN ĐẶNG PHƯƠNG	NGHI	31/08/05	DM23111			
3	22302463	PHẠM NGUYỄN BẢO	NGHI	02/04/05	DM23111			
4	22300755	ĐỖ VŨ UYÊN	NHI	10/05/03	DM23111			
5	22300426	NGUYỄN NGỌC YẾN	NHI	05/04/05	DM23111			
6	22300961	QUÁCH KHẢ	NHI	27/02/05	DM23111			
7	22303050	NGUYỄN THÀNH	NHỰT	27/06/05	DM23111			
8	22301121	LÊ TRỊNH UYÊN	NI	24/06/05	DM23111			
9	22500059	ĐẶNG NGỌC THIÊN	PHÚ	05/08/05	TV251			Cấm thi
10	22301255	HOÀNG THIÊN	PHÚC	14/02/03	DM23111			
11	22300691	NGUYỄN HỒNG	QUÂN	22/07/05	DM23111			
12	22303096	TRẦN THÁI THIÊN	QUÂN	08/03/05	DM23111			
13	22300943	ĐỖ GIA	QUYÊN	03/09/05	DM23111			
14	22301324	DƯƠNG ĐỖ NGỌC	QUYÊN	11/09/03	DM23111			
15	22011955	LƯU THỊ NHƯ	QUỲNH	08/05/02	NT20111			
16	22301148	MÃ HƯƠNG	QUỲNH	22/04/05	DM23111			
17	22300212	TRẦN THỊ LAM	QUỲNH	20/09/05	DM23111			
18	22301289	NGUYỄN PHÚ	SANG	31/08/05	DM23111			
19	22114424	VÕ THẾ	SƠN	09/05/03	LG21111			Cấm thi
20	22300953	NGUYỄN HÀ	THANH	12/09/05	DM23111			
21	22302830	HỒ TRẦN QUỐC	THÁI	20/06/05	DM23111			
22	22300376	ĐOÀN PHÚC	THỊNH	11/11/05	DM23111			
23	22300855	NGUYỄN MINH	THƯ	23/04/05	DM23111			
24	22300188	NGUYỄN NGỌC	TRANG	21/04/05	DM23111			
25	22300621	NGUYỄN NGỌC ĐOAN	TRANG	09/08/05	DM23111			
26	22300401	THÁI TRẦN BẢO	TRÂN	05/03/05	DM23111			
27	22112403	PHẠM NGUYỄN BÁ	TRƯỜNG	27/11/02	LG21111			Cấm thi
28	22302437	CÙ THẢO	VÂN	07/07/05	DM23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0300 – Số hiệu lớp: 1848
Giảng viên: Lê Hồng Nam
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 010 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22303743	NGUYỄN MAI	ANH	29/12/03	DM23111			
2	22301531	NGUYỄN NGỌC HOÀNG	ANH	01/06/05	DM23111			
3	22300049	NGUYỄN NGỌC VÂN	ANH	10/09/02	NH23111			
4	22301489	TRẦN TUẤN	ANH	04/05/05	DM23111			
5	22303798	NGUYỄN MINH	CHÁNH	14/02/04	DM23111			
6	22303182	HUỲNH NHẬT THÀNH	ĐẠT	01/12/05	DM23111			
7	22400806	LÊ ĐĂNG	ĐẠT	18/11/06	FT24111			
8	22301458	TRẦN HUỲNH TỨ	HẢI	30/06/05	DM23111			
9	22302174	BÙI HỮU	HIẾU	16/01/05	DM23111			
10	22302168	PHAN THANH	HIỂN	11/01/05	DM23111			
11	22301955	ĐÌNH MỸ	HOA	20/07/05	DM23111			
12	22301855	ĐÌNH HUY	HOÀNG	02/02/04	DM23111			
13	22303778	VŨ NHẬT	HUY	05/07/05	DM23111			
14	22301764	ĐỖ QUỐC	KHẢI	30/10/05	DM23111			
15	22301470	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	29/06/05	DM23111			
16	22303478	NGUYỄN KHÁNH	LINH	30/10/05	DM23111			
17	22303354	NGUYỄN THUỖ	LINH	09/02/05	DM23111			
18	22301471	QUÁCH QUÝ	LONG	05/11/05	DM23111			
19	22301817	ĐOÀN THỊ KIM	LỘC	11/06/05	DM23111			
20	22303701	ĐỖ QUANG	LÝ	04/09/05	DM23111			Cấm thi
21	22301618	BÙI TRIỆU TRIỆU	MÃN	26/01/05	DM23111			
22	22300632	LÊ KHAI	MÃN	11/10/05	DL23111			
23	22301790	NGUYỄN BẢO DUY	MINH	03/08/05	DM23111			
24	22301770	ĐÌNH GIA	NGHI	06/01/05	DM23111			
25	22301888	NGUYỄN MINH	NGỌC	19/04/05	DM23111			
26	22301745	NGUYỄN PHƯƠNG	NGỌC	28/07/05	DM23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0300 – Số hiệu lớp: 1848
Giảng viên: Lê Hồng Nam
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 011 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22303122	TRẦN NGUYỄN BÍCH	NGỌC	12/11/05	DM23111			
2	22301325	LÊ HOÀNG KIM	NGUYỄN	30/04/05	DM23111			
3	22301897	PHẠM NGỌC DƯƠNG	NHÂN	31/10/05	DM23111			
4	22303553	GIANG THỊ YẾN	NHI	08/01/05	DM23111			
5	22303019	NGUYỄN Ý	NHI	27/10/05	DM23111			
6	22303716	TRƯƠNG NGỌC YẾN	NHI	30/08/05	DM23111			
7	22301916	ĐOÀN THANH THẢO	NHƯ	07/08/05	DM23111			
8	22303782	NGUYỄN THỊ XUÂN	NHƯ	08/12/05	DM23111			
9	22303766	PHẠM MAI QUỲNH	NHƯ	21/06/05	DM23111			
10	22301437	TRẦN THỊ TUYẾT	NHƯ	25/03/05	DM23111			
11	22301865	NGUYỄN TRƯỜNG	PHÁT	10/04/05	DM23111			
12	22303128	NGUYỄN THỊ THANH	PHƯƠNG	17/02/05	DM23111			
13	22301512	HỒ ĐẠI	QUANG	09/12/04	DM23111			
14	22301600	NGÔ VŨ NHƯ	QUỲNH	22/04/05	DM23111			
15	22301359	NGÔ THANH	SANG	09/06/05	DM23111			Cấm thi
16	22301652	TẠ DUY	TÂN	12/12/05	DM23111			
17	22303747	ĐẶNG QUỐC	THÁI	28/05/05	DM23111			
18	22302134	HOÀNG PHƯƠNG	THẢO	30/03/05	DM23111			
19	22301806	PHẠM NGỌC	THIỆN	27/12/05	DM23111			
20	22303843	DƯƠNG MINH	THUẬN	06/07/05	DM23111			
21	22301545	LƯU NGUYỄN HÒA	THUẬN	05/06/05	DM23111			
22	22401389	LƯU ANH	THƯ	03/01/06	TV24111			
23	22301707	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	19/10/05	DM23111			
24	22303823	LÊ NGUYỄN HOÀI	THƯƠNG	06/04/05	DM23111			
25	22301859	TRẦN THỊ THANH	TÚ	20/11/05	DM23111			
26	22301925	CAO NGỌC PHƯƠNG	UYÊN	01/06/05	DM23111			
27	22303261	PHẠM KIỀU	VY	21/06/05	DM23111			
28	22301943	NGUYỄN THỊ NGỌC	YẾN	22/04/05	DM23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0400 – Số hiệu lớp: 1849
Giảng viên: Lê Hồng Nam
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 012 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22301895	ĐÀO NGỌC DUY	AN	27/01/05	EC23111			
2	22301409	NGUYỄN CHÂU QUỲNH	ANH	09/03/05	EC23111			
3	22301051	NGUYỄN TRẦN QUỐC	ANH	09/07/04	EC23111			
4	22300951	PHÙNG HOÀNG DUY	ANH	06/04/05	EC23111			
5	22302475	TRẦN TÚ	ANH	28/06/05	EC23111			
6	2193988	VÕ NGỌC TRÂM	ANH	29/08/01	NT19112			
7	22500017	MÃ NGUYỄN DUY	BẢO	19/08/05	NT25111			
8	22301845	NGUYỄN QUẾ	CHÂU	07/04/05	EC23111			
9	22303028	NGUYỄN HẢI	DUY	19/08/05	LG23111			
10	22300683	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	22/12/05	EC23111			
11	22301976	TRẦN KHẢI	ĐÌNH	10/07/05	NT23111			
12	22014680	BÙI CAO THANH	HÀ	28/05/02	TV20111			Cấm thi
13	22301741	ĐOÀN QUANG	HẢI	07/04/05	EC23111			Cấm thi
14	22301067	ĐẶNG THỊ THANH	HOÀ	25/12/05	EC23111			
15	22304114	NGUYỄN MINH	HOÀNG	27/05/02	EC23111			
16	22200355	QUÁCH MINH	HUY	14/08/99	LG22111			
17	22301034	TIẾT CHÍ	HUY	31/10/03	EC23111			
18	22303487	NGUYỄN NÔNG XUÂN	HUYỀN	01/11/05	EC23111			
19	22301704	NGUYỄN HOÀNG	HỮU	02/08/05	DM23111			
20	22300358	HUỲNH TUẤN	KIỆT	11/07/04	TV23111			
21	22303489	NGUYỄN HIẾU	KIỆT	04/02/05	EC23111			
22	22500027	NGUYỄN VŨ NGỌC	LINH	24/03/05	NT25111			
23	22300533	NGUYỄN HUY NHẬT	MINH	22/05/05	EC23111			
24	22300116	VŨ NGUYỄN HOÀI	MY	26/09/00	DM23111			Cấm thi
25	22302176	NGUYỄN PHÚC BẢO	NGUYỄN	27/10/05	EC23111			
26	22301668	NGUYỄN VŨ THIỆN	NHÂN	11/09/05	EC23111			
27	22301873	LÊ THẢO	NHI	27/11/05	KS23111			
28	22205800	TRẦN CHÍ	PHONG	31/07/04	NT22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0400 – Số hiệu lớp: 1849
Giảng viên: Lê Hồng Nam
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 013 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22301903	NGUYỄN HOÀNG VĨNH	PHÚC	19/11/05	LG23111			
2	22302482	PHẠM THỊ THU	PHƯƠNG	17/05/05	EC23111			
3	22303667	PHẠM MINH	QUÂN	14/07/05	EC23111			
4	22300591	NGUYỄN THỊ NHẬT	QUỲNH	28/10/05	MK23111			
5	22302257	TRẦN ANH	TÀI	09/11/05	EC23111			
6	22302499	NGUYỄN TRẦN MỸ	TÂM	25/03/05	NT23111			
7	22500007	TIÊU ĐẶNG MINH	TÂM	01/06/06	NT25111			
8	22301836	TRẦN THỊ THANH	THẢO	31/07/05	EC23111			
9	22304031	NGUYỄN HOÀNG DUY	THÔNG	26/05/01	DM23111			Cấm thi
10	22300357	NGUYỄN LÊ MINH	THUẬN	07/06/03	TV23111			
11	22400026	NGUYỄN LÊ MINH	THƯ	20/08/05	NT24111			
12	22301182	VÕ ANH	THƯ	03/08/05	EC23111			
13	22301802	VÕ HUỖNH XUÂN	THƯ	22/11/05	EC23111			
14	22302194	SẦM ĐẮNG	TÍN	07/09/05	EC23111			
15	22300568	NGUYỄN THỊ THUỶ	TRANG	18/04/03	TV23111			
16	22400015	LIỄU Ý	TRÂN	16/08/05	MK24111			
17	22300342	TÔ THỊ HUYỀN	TRÂN	17/10/04	TV23111			
18	22301094	NGUYỄN ĐỨC	TRÍ	27/04/05	EC23111			
19	22205006	VŨ NGUYỄN THANH	TRUNG	05/10/04	TV22111			
20	22302319	TRẦN XUÂN	TRƯỜNG	15/11/05	EC23111			
21	22207217	ĐÀO QUANG	TUẤN	02/01/04	TV22111			
22	22303034	DƯƠNG NHẬT	TƯỜNG	25/05/05	NT23111			
23	22301472	HUỖNH THỊ CẨM	VÂN	12/04/05	EC23111			
24	22300669	NGUYỄN TUẤN	VIỆT	22/10/05	EC23111			
25	22302502	TRẦN NGỌC THANH	VY	01/04/05	NT23111			
26	22400069	NGUYỄN BÙI NHƯ	Ý	31/08/05	TV24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0500 – Số hiệu lớp: 1850
Giảng viên: Trần Thị Hoàng Vi
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 003 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22300787	NGUYỄN TẤN DUY	AN	11/06/05	EM23111			
2	22304119	PHẠM KHÁNH	AN	21/06/02	EM23111			
3	22303101	PHẠM KIM TÚ	ANH	05/01/05	EM23111			
4	22301041	TẶNG ÂN	ÂN	30/03/04	EM23111			
5	22302453	LÊ PHẠM BẢO	CHÂU	30/07/05	EM23111			
6	22300455	NGUYỄN NGỌC MINH	CHÂU	07/03/05	EM23111			
7	22300524	PHẠM NGỌC MINH	CHÂU	25/06/05	EM23111			Cấm thi
8	22301213	TRẦN NGỌC BẢO	CHÂU	26/12/04	EM23111			
9	22303602	NGUYỄN KHẢ	DOANH	16/09/05	EM23111			
10	22303702	PHAN TẤN	ĐÔNG	11/10/05	NT23111			
11	22301954	LÊ THANH	HÀ	13/05/05	EM23111			
12	22301956	LÝ THỰC	HÂN	12/06/05	EM23111			
13	22301465	NGUYỄN GIA	HÂN	31/12/05	EM23111			
14	22301863	NGUYỄN NGUYỆT	HÂN	17/12/05	EM23111			
15	22302541	PHẠM MAI NHƯ	HẰNG	18/11/05	EM23111			
16	22301827	PHẠM ĐỖ DIỆU	HUYỀN	22/10/05	KN23111			
17	22301029	BÙI MINH	KHANG	23/09/04	EM23111			
18	22303184	HUYỀN NHẤT	KHANG	02/12/05	EM23111			
19	22300804	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	20/08/05	EM23111			
20	22303470	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	22/12/03	EM23111			
21	22301572	LÃ THUỖ	LINH	08/06/05	EM23111			
22	22304082	VÕ TẤN	LỘC	04/11/05	EM23111			
23	22300445	GIANG TIỂU	MY	04/08/05	EM23111			
24	22301009	DƯƠNG KIM	NGÂN	27/07/05	EM23111			
25	22300429	DƯƠNG XUÂN	NGÂN	21/03/05	EM23111			
26	22302496	LÂM MỸ	NGÂN	02/02/05	EM23111			
27	22300498	ĐỖ MỘNG GIA	NGHI	10/03/05	EM23111			Cấm thi
28	22301227	VŨ PHƯƠNG	NGHI	19/08/05	EM23111			
29	22300412	TRẦN NGỌC TAM	NGUYỄN	21/05/04	LG23111			
30	22301595	NGUYỄN GIA	NHI	23/09/05	EM23111			
31	22303185	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	14/10/05	EM23111			
32	22302411	ĐÀO NGUYỄN TUYẾT	NHUNG	29/09/05	EM23111			
33	22300176	HUYỀN KIM	NHƯ	12/03/05	EM23111			
34	22303515	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	21/09/05	EM23111			
35	22303212	TRẦN THỊ NGỌC	NHƯ	29/03/05	EM23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0500 – Số hiệu lớp: 1850
Giảng viên: Trần Thị Hoàng Vi
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 014 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22300469	ĐẶNG MINH	PHÚC	02/03/05	EM23111			
2	22302087	TẶNG MỸ	PHỤNG	17/12/05	EM23111			
3	22300473	LÊ CHÂU MỸ	PHƯỚC	05/10/04	EM23111			
4	22302418	TRIỆU BỘI	QUÂN	07/10/05	EM23111			
5	22301933	TRƯƠNG NGỌC DIỄM	QUỲNH	28/01/05	EM23111			
6	22302433	NGUYỄN LÊ THANH	THẢO	20/06/05	EM23111			
7	22302282	TÔN LONG	THIỆN	02/06/01	TV23111			
8	22300671	NGUYỄN HƯNG	THỊNH	09/06/05	EM23111			
9	22301922	NGUYỄN ĐÌNH	THÔNG	11/06/05	EM23111			
10	22300789	VŨ NGUYỄN DIỄM	THUY	13/01/05	EM23111			
11	22302493	TRẦN THỊ ANH	THƯ	20/11/03	EM23111			
12	22301773	ĐẶNG HOÀI	THƯƠNG	02/04/05	EM23111			
13	22302431	VÕ HOÀNG CÁT	TIỀN	16/04/05	EM23111			
14	22114979	NGUYỄN HOÀNG	TUẤN	19/11/03	MK21111			
15	22300786	LÊ SƠN	TÙNG	28/07/05	EM23111			
16	22300463	HÀ MẪN	VY	14/01/05	MK23111			
17	22300649	HUỲNH THANH THẢO	VY	11/04/05	EM23111			
18	22301603	LÊ THẢO	VY	28/06/05	EM23111			
19	22300174	NGUYỄN PHẠM TƯỜNG	VY	29/05/05	EM23111			
20	22302247	VÕ THUY	VY	01/08/05	EM23111			Cấm thi
21	22300263	NGUYỄN HOÀNG	YẾN	26/09/04	EM23111			
22	22301576	TRỊNH THỊ DẠ	YẾN	23/10/05	TC23111			
23	22303796	MAI THỊ NHƯ	Ý	26/08/05	EM23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0600 – Số hiệu lớp: 1851
Giảng viên: Trần Thị Hoàng Vi
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 015 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22302543	HUỲNH LÊ LAN	ANH	30/03/05	FT23111			
2	22303485	VĂN ĐỨC	DUY	25/03/05	FT23111			
3	22300685	TRẦN NGUYỄN ANH	DŨNG	30/08/05	TV23111			
4	22300420	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	11/06/05	TV23111			
5	22301730	PHẠM THỊ THUỖ	DƯƠNG	25/02/05	MK23111			
6	22300857	NGUYỄN BẢO	ĐĂNG	28/05/05	FT23111			
7	22300848	VŨ VĂN	ĐỘ	28/11/05	TV23111			
8	22303177	ĐẶNG PHƯƠNG	ĐÔNG	07/08/05	FT23111			
9	22300510	TRƯƠNG ANH	ĐỨC	21/11/05	TV23111			
10	22301000	TRƯƠNG TUẤN	HÀO	19/09/05	FT23111			
11	22301167	TRẦN TRÍ	HẢI	10/08/05	TV23111			
12	22301095	LÃ ĐỨC	HIẾU	13/06/05	TV23111			
13	22300868	NGUYỄN LÊ	HIỀN	12/08/02	KT23111			
14	22503593	HUỲNH NGỌC	HỒNG	31/05/01	TV251			Cấm thi
15	22303929	HỒ NGỌC QUỐC	HUY	22/09/05	FT23111			
16	22303649	NGUYỄN ĐĂNG	HUY	16/09/02	FT23111			
17	22303690	TRẦN QUỲNH	HƯƠNG	20/11/05	FT23111			
18	22300799	HUỲNH VĨNH	KHANG	04/01/05	TV23111			
19	22300585	NGUYỄN DUY	KHANG	18/09/05	TV23111			
20	22300818	PHAN NGUYỄN PHÚC	KHANG	16/03/03	TV23111			
21	22303824	MAI NGUYỄN GIA	KHÁNH	13/09/05	FT23111			
22	22301724	PHẠM THỊ KHÁNH	LINH	03/09/05	KT23111			
23	22301222	LÊ CHÍ	LĨNH	11/03/05	TV23111			
24	22301152	CHÂU THÀNH	LONG	03/11/05	TV23111			Cấm thi
25	22303882	NGUYỄN VĂN	LONG	01/05/01	FT23111			Cấm thi
26	22303102	TRƯƠNG THỊ TRÚC	LY	11/10/05	FT23111			
27	22302299	ĐẶNG GIA	MINH	11/10/05	FT23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0600 – Số hiệu lớp: 1851
Giảng viên: Trần Thị Hoàng Vi
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 016 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22302723	NGUYỄN ĐỨC	MINH	20/06/05	FT23111			
2	22302117	SƠN NHẬT	MINH	30/01/05	FT23111			
3	22300017	TRẦN	NGHĨA	16/01/03	TV23111			
4	22301185	ĐẶNG SỸ	NGUYỄN	03/09/05	TV23111			
5	22300965	HỒ HƯNG	NGUYỄN	12/12/05	TV23111			
6	22301829	NGUYỄN TRỊNH KHÔI	NGUYỄN	12/06/05	FT23111			
7	22300225	NGUYỄN TRƯƠNG THẢO	NHI	11/01/05	TV23111			
8	22303942	LÊ THỊ MỸ	NHUNG	08/02/05	FT23111			
9	22300506	LÊ HUỖNH TUẤN	PHI	23/05/05	TV23111			
10	22300658	NGUYỄN DUY HOÀNG	PHÚC	06/01/05	TV23111			
11	22300364	HUỖNH NGUYỄN THANH	PHƯƠNG	04/07/03	TV23111			
12	22300841	NGUYỄN MAI LAN	PHƯƠNG	19/12/05	FT23111			
13	22301541	LÊ THANH	QUANG	23/03/05	TV23111			
14	22300743	PHẠM NGUYỄN TRUNG	QUÂN	22/11/05	FT23111			
15	22303889	NGÔ TẤN	TÀI	30/07/03	FT23111			
16	22301344	LÊ HOÀNG MAI	THANH	20/04/05	FT23111			
17	22300793	NGUYỄN THỊ MAI	THANH	01/03/05	TV23111			
18	22300534	LÊ PHÚC	THÀNH	03/05/05	FT23111			
19	22303384	PHẠM QUANG	THÀNH	18/04/05	FT23111			
20	22301055	VÕ PHÚ	THỊNH	14/08/05	FT23111			
21	22300946	LÊ PHẠM MINH	THUY	07/11/05	TV23111			
22	22301423	HUỖNH NGỌC	THỨ	09/12/05	FT23111			
23	22301776	NGUYỄN HOÀNG	THY	23/12/05	FT23111			
24	22301712	LÊ MỸ	TIẾN	14/10/05	MK23111			
25	22301217	PHẠM MINH	TIẾN	16/08/05	TV23111			
26	22300668	NGUYỄN TRẦN HUYỀN	TRANG	15/08/05	TV23111			
27	22500006	NGUYỄN HIẾU	TRUNG	26/09/03	NT25111			
28	22300419	PHAN BẢO	TRUNG	31/01/05	TV23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0700 – Số hiệu lớp: 1852
Giảng viên: Nghiêm Tấn Phong
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 017 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22301337	NGUYỄN THÁI	AN	06/07/05	KN23111			
2	22300930	ĐỖ BẢO	ANH	25/07/05	NL23111			
3	22301022	NGUYỄN KHÁNH MAI	ANH	21/08/05	NL23111			
4	22500260	LƯƠNG VĂN TUẤN	BẢO	08/07/03	MK25111			
5	22303678	TRƯƠNG THỊ QUỲNH	CHI	14/01/05	KN23111			
6	22303190	NGUYỄN THIÊN	CHUYỀN	17/03/05	NL23111			
7	22301934	LÊ KHÁNH	DUY	07/08/05	NL23111			
8	22301669	NGUYỄN NGỌC KỲ	DUYÊN	01/02/05	NL23111			
9	22301369	DƯƠNG TIẾN	ĐẠT	25/08/05	KN23111			
10	22301811	TRẦN THANH HƯƠNG	GIANG	29/11/05	KN23111			
11	22302104	NGUYỄN THỊ KIM	HẰNG	27/07/05	KN23111			
12	22301399	TRẦN NGUYỄN THỊ NGỌC	HẰNG	24/12/05	NL23111			
13	22302973	PHẠM THỊ MỸ	HOÀ	24/02/05	KN23111			
14	22303671	NGUYỄN THỊ THU	HUỆ	25/09/05	KN23111			
15	22300816	NGUYỄN ĐỖ MINH	HƯNG	02/01/05	NL23111			
16	22303872	NGUYỄN HƯƠNG	KHANH	03/02/04	DM23111			
17	22301738	NGUYỄN ÁI MỸ	KIM	15/01/04	NL23111			
18	22300604	TRẦN TÚ	LINH	14/11/05	NL23111			
19	22301658	NGUYỄN HỒNG	LOAN	12/09/05	NL23111			
20	22303737	TÔ CẨM	LOAN	23/03/05	KN23111			
21	22301310	HỒ HẢI	MY	19/10/04	KN23111			
22	22303436	NGUYỄN THỊ THANH	NHÂN	23/10/05	KN23111			
23	22303811	MAI THANH	NHÃ	17/01/05	NL23111			
24	22300973	NGUYỄN HOÀNG YẾN	NHI	21/09/05	KN23111			
25	22303173	TRƯƠNG NGỌC THANH	NHI	18/12/05	KN23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0700 – Số hiệu lớp: 1852
Giảng viên: Nghiêm Tấn Phong
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 018 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22300389	NGUYỄN HỒNG	NHUNG	06/08/05	NL23111			
2	22301259	LÊ MINH	NHỤT	19/06/05	KN23111			
3	22301321	VÕ NGỌC QUỲNH	NHƯ	12/12/05	NL23111			
4	22302199	DƯƠNG NGUYỄN PHƯƠNG	OANH	14/02/05	KN23111			
5	22302138	HUYỀN TẤN	PHÁT	27/07/05	KN23111			
6	22302288	NGUYỄN TẤN	PHÁT	18/03/05	KN23111			
7	22301896	LÊ KHẮC HOÀNG	PHONG	06/04/05	NL23111			
8	22300553	TRẦN HƯNG	PHÚ	17/05/05	KN23111			
9	22303691	HỒ BẢO	PHÚC	14/09/05	KN23111			
10	22303263	MAI PHƯỚC GIA	PHÚC	04/10/05	NL23111			
11	22300546	NGUYỄN DƯƠNG BÌNH	PHƯƠNG	08/07/05	NL23111			
12	22303072	NGUYỄN VĂN	PHƯỚC	26/05/05	KN23111			
13	22300592	NGUYỄN THỊ ÁNH	PHƯỢNG	15/07/05	NL23111			
14	22300515	DƯƠNG HẢI BẢO	QUỲNH	16/08/05	NL23111			
15	22301900	THÁI NGỌC NHƯ	QUỲNH	20/10/05	NL23111			
16	22302132	NGUYỄN ĐÌNH	SƠN	03/04/05	KN23111			
17	22301981	NGUYỄN NHẬT	TẤN	23/02/05	NL23111			
18	22304086	NGUYỄN THỊ	THẢO	20/02/04	NL23111			
19	22300895	ĐÀO NGỌC TRÚC	THỊ	05/03/05	NL23111			
20	22300267	NGUYỄN HUỲNH ANH	THỨ	09/10/05	NL23111			
21	22400941	TỪ CÔNG	THỪA	04/12/06	TV24111			
22	22301661	BÙI VẠN	TÍN	27/11/05	NL23111			
23	22302268	GIÁP HÀ	TRANG	01/09/05	KN23111			
24	22303057	ĐOÀN THỤY	VĂN	17/02/05	KN23111			
25	22301982	LÊ NHẬT	VƯƠNG	29/06/05	NL23111			
26	22300564	NGUYỄN TUYẾT	VY	23/09/04	KN23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Kiểm thử Phần mềm (IT207DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1609
Giảng viên: Nguyễn Thị Thu Dự
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 116 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22140165	NGUYỄN HẢI	ANH	08/10/03	QL21111			
2	22206848	TRẦN PHƯỚC	ANH	31/05/04	QL22111			
3	22207384	NGUYỄN QUANG	BẢO	10/11/04	PM22111			
4	22207591	NGUYỄN QUỐC	BẢO	22/04/04	QL22111			
5	22140166	NGUYỄN HỮU VĂN	CHƯƠNG	25/11/03	QL21111			
6	22112897	ĐÌNH QUỐC	CƯỜNG	10/04/03	QL21111			
7	22207189	ĐOÀN NGUYỄN KHƯƠNG	DUY	14/02/04	PM22111			
8	22116183	LÊ QUỐC	DUY	21/05/03	QL21111			
9	22114163	TRẦN NGỌC	DƯƠNG	14/10/03	QL21111			
10	22122785	NGUYỄN HOÀNG QUỐC	ĐẠT	18/10/03	QL21111			
11	22206749	PHẠM TẤN	ĐẠT	26/09/04	PM22111			
12	22111585	CAO ĐÌNH	HIẾU	30/06/03	QL21111			
13	22122659	HUYỀN NHẬT	HÒA	16/01/03	QL21111			
14	22114807	ĐOÀN PHAN ANH	HUY	30/04/03	QL21111			Cấm thi
15	2182947	HOÀNG KHÁNH	HUY	28/08/00	QL1811			
16	22003730	NGUYỄN QUỐC	HUY	28/01/02	QL20111			Cấm thi
17	22101347	HỒNG BẢO	KHANG	16/02/03	PM21111			
18	22114676	HUYỀN GIA	KHANG	15/11/03	QL21111			Cấm thi
19	22011246	NGUYỄN ĐỨC	KHÁNH	26/08/02	QL20111			
20	22117945	NGUYỄN	MINH	08/11/03	PM21111			
21	22207424	LÊ THÀNH	NHÂN	13/08/04	PM22111			
22	22206868	NGUYỄN HOÀNG TRỌNG	NHÂN	08/05/04	PM22111			
23	22118865	NGUYỄN THÀNH	NHÂN	15/01/03	QL21111			
24	22206070	TRẦN NGUYỄN DUY	PHÚC	19/03/04	QL22111			
25	22200474	CHÂU TÙNG	PHƯỚC	12/03/04	QL22111			
26	22205586	NGUYỄN THANH	QUÂN	19/04/04	QL22111			
27	22200226	LÊ NGUYỄN THẢO	QUYNH	20/08/04	QL22111			
28	22102061	PHẠM MINH	TÀI	09/08/03	QL21111			
29	22118831	NGUYỄN XUÂN	TÂY	28/01/03	QL21111			Cấm thi
30	22118796	NGUYỄN MẠNH	TRÍ	30/03/03	QL21111			Cấm thi
31	22207519	NGUYỄN KHÁNH	TRUNG	23/03/97	PM22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0800 – Số hiệu lớp: 1853
Giảng viên: Trần Thị Hoàng Vi
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 006 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22301013	NGUYỄN TRÚC	ANH	04/10/05	TC23111			
2	22301425	VÕ MINH HOÀNG	ANH	18/04/05	TC23111			
3	22302287	TRẦN NGỌC	BÍCH	15/08/05	TC23111			
4	22303740	NGUYỄN VÕ NGỌC	CHÂU	01/06/05	TC23111			Cấm thi
5	22301400	TRẦN THỊ BẢO	CHÂU	28/09/05	KT23111			
6	22301114	LÂM KIM	CHI	11/10/00	TC23111			
7	22304054	NGUYỄN HOÀNG	DUNG	24/10/05	MK23111			
8	22301848	NGUYỄN PHẠM MINH	ĐAN	24/08/05	KT23111			
9	22303732	LÊ NGUYỄN MINH	ĐẠT	14/07/05	KT23111			
10	22304099	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	07/03/02	TC23111			
11	22301192	LƯU KẾ	ĐIỀN	13/04/05	TC23111			
12	22300369	KIỀU NGUYỄN MINH	ĐỨC	01/06/05	DM23111			
13	22300819	ĐOÀN THỌ HOÀNG	GIÁP	04/11/05	TC23111			
14	22301872	NGUYỄN NGỌC GIA	HÂN	08/12/05	KT23111			
15	22400401	LÊ THỊ THANH	HIỀN	11/03/06	TV24111			
16	22301617	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	HOA	27/01/05	KT23111			
17	22301772	NGUYỄN ĐỨC	HƯNG	17/10/05	KT23111			
18	22301504	NGUYỄN TUẤN	HƯNG	01/11/05	TC23111			
19	22400405	ĐẶNG THỊ MAI	HƯƠNG	14/10/06	TV24111			
20	22303615	NGUYỄN THỊ HỒNG	KHANH	02/01/05	KT23111			
21	22301832	NGUYỄN ANH	KHOA	03/11/05	TC23111			
22	22400357	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	17/08/04	TV24111			
23	22301699	HUỲNH NGỌC THIÊN	KIM	29/01/05	KT23111			
24	22303944	NGÔ TẤN	MẠNH	03/10/95	TC23111			
25	22301394	PHÙ THỊ KHÁNH	MINH	26/06/04	TC23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0800 – Số hiệu lớp: 1853
Giảng viên: Trần Thị Hoàng Vi
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 007 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22301968	NGUYỄN LÊ THANH	NGÂN	16/09/05	KT23111			
2	22303891	NGUYỄN THỊ MINH	NGÂN	12/01/05	TC23111			
3	22303709	PHẠM THỊ KIM	NGÂN	18/06/05	MK23111			
4	22303877	PHẠM XUÂN	NGHỊ	01/07/05	MK23111			
5	22301632	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	28/02/05	TC23111			
6	22303063	TRẦN TUYẾT	NHI	24/05/05	TC23111			
7	22303728	LÊ THỊ CẨM	NHUNG	03/09/05	TC23111			
8	22303052	BÙI THỊ TÂM	NHƯ	15/11/05	MK23111			
9	22302391	LƯU TÂM	NHƯ	22/09/05	KN23111			
10	22500230	TRỊNH PHI	PHI	09/07/05	TC25111			
11	22300975	NGUYỄN HỒNG	THẨM	24/03/05	TC23111			
12	22301870	DƯƠNG ĐÌNH	THUẬN	03/02/01	DM23111			
13	22303120	THÁI MINH	THƯ	04/02/05	TC23111			
14	22401663	VÕ HOÀNG BẢO	TRÂM	11/01/06	NT24111			
15	22300664	HUYỀN THANH	TRÚC	25/09/05	KT23111			
16	22303786	TRẦN THANH	TRÚC	10/11/05	TC23111			
17	22303175	TRẦN ANH	TUẤN	17/06/05	TC23111			
18	22303434	NGUYỄN THỊ KIM	TUYỀN	13/02/05	TC23111			
19	22302108	PHẠM HOÀNG THANH	TÚ	17/10/05	TC23111			
20	22206041	BÙI NGUYỄN NGỌC	VI	30/08/04	MK22111			
21	22300495	HUYỀN ĐÀO THÁI	VINH	14/10/02	TC23111			
22	22303404	TRỊNH CHÍ	VĨ	29/03/05	TC23111			
23	22108320	NGUYỄN XUÂN	VĨNH	27/03/03	LG21111			
24	22303112	NGUYỄN NGỌC THANH	VY	02/11/05	KT23111			
25	22303179	NGUYỄN THỊ TRÚC	VY	03/06/05	KT23111			
26	22301179	TRẦN THÚY	VY	11/11/05	KT23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0900 – Số hiệu lớp: 1854
Giảng viên: Nguyễn Tường Minh
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 008 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22302277	DƯ BẢO	ANH	01/01/05	LG23111			
2	22302266	LÊ VŨ ĐỨC	ANH	10/03/05	LG23111			
3	22303915	ÔNG HỒNG QUỐC	ANH	13/06/05	LG23111			Cấm thi
4	22301923	TRẦN ĐẶNG PHƯƠNG	ANH	13/03/05	LG23111			
5	22301090	VÕ BÌNH THIÊN	CHÂU	11/09/05	LG23111			
6	22303792	NGUYỄN THANH	DUY	17/04/05	LG23111			
7	22303812	ĐỖ TRỌNG	HẢI	02/01/05	LG23111			
8	22302101	LÊ THỊ MỸ	HẠNH	16/01/05	LG23111			
9	22302145	NGUYỄN ĐẶNG GIA	HÂN	13/12/05	LG23111			
10	22303121	NGUYỄN ĐỖ GIA	HÂN	10/10/05	LG23111			
11	22301940	ĐẶNG PHƯỚC	HẬU	12/07/05	LG23111			
12	22303920	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	08/08/05	NT23111			
13	22302139	NGUYỄN VIỆT	HOÀNG	11/09/05	LG23111			
14	22304112	NGUYỄN HOÀNG	HUY	23/02/00	LG23111			
15	22302991	NGUYỄN CAO NHẬT	HUY	30/04/05	LG23111			
16	22303680	HOÀNG THU	HUYỀN	28/09/05	LG23111			
17	22303827	NGÔ ĐÀO BỬU	KHÁNH	05/02/05	LG23111			Cấm thi
18	22303846	NGUYỄN ANH	KHÔI	15/07/05	LG23111			
19	22303734	LÊ CAO DUY	KHƯƠNG	29/03/05	LG23111			
20	22400643	LÊ HỮU	LÂM	06/11/02	FT24111			Cấm thi
21	22303676	NGUYỄN THỊ NGỌC	LÊN	04/08/05	LG23111			
22	22302216	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	LINH	24/01/05	LG23111			
23	22303852	NGUYỄN THỊ DIỆU	LOAN	10/05/05	LG23111			
24	22302260	VÕ NGUYỄN NGUYỄN	LỘC	08/04/05	LG23111			Cấm thi
25	22302105	LÊ VĂN	LỢI	31/05/05	LG23111			
26	22302123	HUỲNH QUANG KỲ	NAM	16/05/05	LG23111			
27	22301926	TRẦN THÀNH	NAM	24/08/05	LG23111			
28	22302307	NGUYỄN THANH	NGÂN	07/07/05	LG23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0900 – Số hiệu lớp: 1854
Giảng viên: Nguyễn Tường Minh
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 009 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22303741	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	NGHI	01/12/04	LG23111			
2	22301590	PHAN GIA	NGHI	22/05/05	NL23111			
3	22302286	NGUYỄN NGỌC BẢO	NHI	17/04/05	LG23111			Cấm thi
4	22301945	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	25/10/05	LG23111			
5	22303865	NGUYỄN PHẠM THÀNH	PHÁT	26/01/05	LG23111			
6	22105784	NGUYỄN HUỲNH LONG	PHI	04/11/03	MC21111			Cấm thi
7	22303897	NGUYỄN HÙNG	PHI	04/04/05	LG23111			
8	22303854	NGÔ QUỐC	PHONG	06/12/05	LG23111			
9	22200232	LIÊN GIA	QUÂN	20/11/03	TV22111			
10	22303673	PHAN THÀNH	THẮNG	19/08/05	LG23111			
11	22303022	PHẠM THỊ	THOM	19/05/05	LG23111			
12	22302303	NGUYỄN NHỊ KIM	THƯ	23/12/05	LG23111			
13	22303997	NGUYỄN QUANG	TIẾN	28/04/05	LG23111			
14	22401313	NGÔ GIA	TÍN	13/06/04	KT24111			
15	22302276	NGUYỄN ĐỨC	TOÀN	27/12/05	LG23111			
16	22303684	TRẦN MAI HUYỀN	TRANG	10/06/05	LG23111			
17	22303757	VÕ ĐĂNG	TRÌNH	26/11/05	LG23111			
18	22300123	NGUYỄN MINH	TRUNG	11/12/00	LG23111			
19	22400354	PHẠM MINH	TRÚC	19/04/06	TV24111			
20	22302304	PHẠM ANH	TUẤN	04/09/05	LG23111			
21	22303845	NGUYỄN TRƯỞNG CẨM	TÚ	20/05/05	LG23111			
22	22400711	CHU THANH	VÂN	28/09/06	TV24111			
23	22303838	PHẠM ĐỨC NGUYỄN	VŨ	31/05/05	LG23111			
24	22300474	VŨ BÁ	VƯƠNG	05/09/02	NT23111			Cấm thi
25	22303863	NGUYỄN ĐẶNG KHÁNH	VY	08/02/05	LG23111			
26	22302316	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VY	15/07/05	LG23111			
27	22303794	CAO KIM	YẾN	24/09/05	LG23111			
28	22302334	VÒNG HỒNG	YẾN	01/02/05	LG23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 1000 – Số hiệu lớp: 1855
Giảng viên: Trần Thị Hoàng Vi
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 010 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22301591	LÊ ĐOÀN BẢO	AN	04/08/05	LG23111			
2	22300521	ĐẶNG NGUYỄN KIM	ANH	18/03/05	EC23111			
3	22303695	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	ÁNH	04/05/05	EC23111			
4	22304087	TRƯƠNG QUỐC	CƯƠNG	29/03/01	TV23111			
5	22301596	MÃ LÊ HOÀNG	DUY	18/11/05	LG23111			
6	22302523	NGUYỄN ĐOÀN MỸ	DUYÊN	23/02/05	LG23111			
7	22301077	VŨ HỒ PHƯƠNG	GIAO	03/05/05	NT23111			
8	22303178	ĐẶNG HOÀNG	HÀ	12/08/05	LG23111			
9	22303027	NGUYỄN GIA	HÂN	03/05/05	LG23111			
10	22123069	NGUYỄN THỊ NGỌC	HIỀN	04/08/03	MK21111			
11	22301443	NGUYỄN ANH	HUY	23/10/05	LG23111			
12	22102204	NGUYỄN PHÁT	HUY	19/09/03	MK21111			
13	22303066	TRẦN GIA	HUY	17/11/05	LG23111			
14	22301573	TRẦN NGUYỄN GIA	HUY	14/01/05	LG23111			
15	22303038	TRƯƠNG THỊNH	HUY	08/12/05	LG23111			
16	22303030	NGUYỄN NHƯ	KHANG	26/06/05	LG23111			
17	22301391	PHẠM AN	KHANG	19/09/05	LG23111			
18	22303100	PHÙNG VIỆT	KHANG	19/01/05	LG23111			
19	22301397	LÊ ĐĂNG	KHOA	06/10/05	LG23111			
20	22301789	PHẠM TIẾN ĐĂNG	KHOA	09/01/05	LG23111			
21	22301514	LÊ NGỌC THIÊN	KIM	26/01/05	LG23111			
22	22301371	LÝ UYÊN	LÂM	16/04/05	LG23111			
23	22301749	LÊ QUANG	LONG	03/02/05	LG23111			
24	22303123	ĐINH QUANG	MINH	22/06/05	LG23111			
25	22303194	HUỲNH THỊ THANH	NGÂN	13/10/05	EC23111			
26	22302810	TRẦN NGỌC KIM	NGÂN	05/09/05	LG23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 1000 – Số hiệu lớp: 1855
Giảng viên: Trần Thị Hoàng Vi
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 011 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22303048	ĐẶNG HOÀNG PHƯƠNG	NGHI	11/02/05	LG23111			
2	22402165	HỒNG BỘI	NGHI	14/08/06	TV24111			
3	22301696	ĐẶNG LÊ MINH	NGỌC	13/06/05	EC23111			
4	22301537	NGUYỄN HOÀNG ANH	NHÂN	08/10/05	LG23111			
5	22301758	NGUYỄN LÊ MINH	NHẬT	02/11/05	LG23111			
6	22301607	NGUYỄN NGỌC UYÊN	NHI	14/08/02	LG23111			
7	22301777	TẶNG GIA	NHI	10/09/05	LG23111			
8	22302765	VÕ MINH	PHONG	12/07/05	LG23111			
9	22301619	NGUYỄN NGỌC MINH	PHÚ	21/03/05	LG23111			
10	22304008	ĐÀO NGUYỄN	PHƯƠNG	07/02/96	EC23111			
11	22301695	ĐẶNG NHƯ	QUỲNH	12/02/05	LG23111			
12	22303210	TRẦN NGỌC	QUỲNH	27/03/05	LG23111			
13	22302501	ĐINH VŨ	THÁI	16/01/03	LG23111			
14	22301709	DIỆP TRẦN THANH	THẢO	07/07/05	LG23111			
15	22302570	MAI TOÀN	THẮNG	09/08/05	LG23111			
16	22301714	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	13/05/05	LG23111			
17	22302546	LÊ THANH	THỨC	21/07/05	LG23111			
18	22302556	CHÂU UYÊN	THY	19/06/05	EC23111			
19	22300360	PHẠM NGỌC UYÊN	THY	07/11/05	FT23111			
20	22302553	TRẦN ĐÌNH	TOÀN	12/07/05	LG23111			
21	22303176	NGUYỄN THÙY	TRÂM	27/12/05	LG23111			
22	22301788	BÙI THANH	TUẤN	18/09/05	LG23111			
23	22301628	HUYỀN NGỌC PHƯƠNG	UYÊN	09/12/05	LG23111			
24	22301688	NGUYỄN THẢO	VI	27/10/05	LG23111			
25	22303131	TRƯƠNG QUANG	VIỆT	18/03/05	LG23111			
26	22301587	DƯƠNG HIỂN	VINH	21/09/00	LG23111			
27	22303035	LÂM HUỲNH TRÚC	VY	02/09/05	LG23111			
28	22301379	VƯƠNG NGUYỄN HOÀNG	VY	26/06/05	EC23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 1100 – Số hiệu lớp: 1856
Giảng viên: Phạm Nhật Bảo Quyên
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 012 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22300920	THÁI BÌNH	AN	02/04/05	LG23111			
2	22303412	MAI QUỲNH	ANH	17/03/04	LG23111			
3	22303437	NGUYỄN NGỌC LAN	ANH	24/08/05	LG23111			
4	22303215	NGUYỄN THỊ MAI	ANH	10/07/05	LG23111			
5	22300561	HUYỀN GIA	BẢO	29/03/05	LG23111			
6	22300802	NGUYỄN ANH	DUY	02/10/03	LG23111			
7	22301065	ĐOÀN NGỌC	DŨNG	05/09/05	LG23111			
8	22302351	HỒ TẤN	ĐẠT	08/05/05	LG23111			
9	22300268	TRẦN THỊ	ĐIỆP	20/04/05	LG23111			
10	22301054	PHẠM ĐÔNG	ĐÔNG	23/11/05	LG23111			
11	22302401	NGUYỄN ĐỖ NGỌC	HÂN	05/09/05	LG23111			
12	22300352	TRẦN GIA	HÒA	15/08/05	LG23111			
13	22300842	PHẠM VŨ QUANG	HUY	03/03/03	LG23111			
14	22300633	VĂN HỮU	KHẢI	25/05/05	LG23111			
15	22301837	BÙI HOÀNG	LÂM	16/11/05	LG23111			
16	22300502	CAO NGỌC GIA	LINH	24/09/05	LG23111			
17	22300861	NGUYỄN VÕ MỸ	LINH	09/01/05	LG23111			
18	22301300	PHẠM KHÁNH	LINH	24/10/05	LG23111			
19	22302484	PHAN TẤT	LONG	20/09/05	LG23111			
20	22301118	NGUYỄN XUÂN	MAI	11/02/05	LG23111			
21	22302393	LƯƠNG PHẠM HOÀNG	MINH	04/07/05	LG23111			
22	22301023	NGUYỄN ĐỨC	MINH	19/06/05	LG23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 1100 – Số hiệu lớp: 1856
Giảng viên: Phạm Nhật Bảo Quyền
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 013 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22303563	NGUYỄN HUỖNH TRÚC	NGÂN	06/08/05	LG23111			
2	22301858	NGUYỄN NGỌC THANH	NGÂN	09/05/05	LG23111			
3	22300501	NGUYỄN KHÔI	NGUYỄN	17/11/05	LG23111			
4	22300862	PHẠM HÀ	NGUYỄN	17/11/05	TV23111			Cấm thi
5	22300211	NGUYỄN BÙI THANH	NHÃ	24/10/05	LG23111			
6	22300993	LÊ NGỌC AN	NHI	13/01/05	LG23111			
7	22303616	TRẦN NGUYỆT	NHI	08/08/05	LG23111			
8	22300646	NGUYỄN NGỌC	PHÚ	17/03/05	LG23111			
9	22301849	PHAN THỊ THANH	PHÚC	22/09/05	LG23111			
10	22400419	LÊ HOÀI	PHƯƠNG	02/03/03	MK24111			
11	22300831	HỒNG NGUYỆT	QUANG	24/02/05	LG23111			
12	22300512	NGUYỄN HỒ NHƯ	QUỲNH	24/03/05	LG23111			
13	22302367	ĐỖ VIỆT	SƠN	25/08/05	LG23111			
14	22302338	NGUYỄN HÀ	SƠN	06/01/04	LG23111			
15	22301803	VÕ HUỖNH XUÂN	THI	22/11/05	LG23111			
16	22301334	NGÔ MINH	THÔNG	05/06/05	LG23111			
17	22300761	BÙI HOÀNG ANH	THỨ	08/05/05	LG23111			
18	22300446	NGÔ HOÀNG ANH	THỨ	15/05/05	LG23111			
19	22300226	NGUYỄN MINH	THỨ	25/03/05	LG23111			
20	22301040	VŨ ANH	THỨ	21/08/05	LG23111			
21	22300695	NGUYỄN THỊ MỸ	TRÂM	30/10/05	LG23111			
22	22300981	LÊ HÙNG	VIỆT	07/04/05	LG23111			
23	22300772	HỒ TẤN QUANG	VINH	23/09/05	LG23111			
24	22301286	HUỖNH THỊ HOÀNG	YẾN	22/11/05	LG23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 1300 – Số hiệu lớp: 1858
Giảng viên: Đinh Thị Thúy Hằng
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 043 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22301816	ĐINH VIỆT	AN	06/02/05	MK23111			
2	22303132	NGUYỄN LÂM	ANH	16/09/05	MK23111			
3	22303119	NGUYỄN ĐÌNH GIA	BẢO	30/08/05	MK23111			
4	22303567	NGUYỄN HUY	BÌNH	04/08/04	MK23111			Cấm thi
5	22302560	NGUYỄN CÔNG	DANH	22/06/05	MK23111			
6	22303780	PHẠM NGUYỄN ĐỨC	DŨNG	02/05/05	MK23111			
7	22302572	PHAN GIA	HÂN	13/03/05	MK23111			
8	22114203	LÊ NGUYỄN QUỐC	HUY	24/10/03	TV21111			Cấm thi
9	22303300	ĐẶNG NGỌC GIA	HƯNG	21/08/05	MK23111			
10	22303501	ĐẶNG HUY	KHOA	27/08/05	MK23111			
11	22303024	CHÂU MỸ	LINH	24/02/05	MK23111			
12	22303064	PHẠM KHÁNH	LINH	13/08/05	MK23111			
13	22301839	NGÔ HẢI	LONG	08/10/05	MK23111			
14	22303868	TRẦN VĂN NHẬT	LONG	21/09/05	MK23111			
15	22304023	TRƯƠNG HUỲNH BẢO	LONG	03/02/05	MK23111			Cấm thi
16	22302703	BÙI ĐỨC	MINH	02/10/05	MK23111			
17	22301841	BÙI HOÀI	NAM	12/05/05	MK23111			
18	22303806	LÊ KIM	NGÂN	10/12/05	MK23111			
19	22301823	PHẠM KIM	NGÂN	27/09/05	MK23111			Cấm thi
20	22301559	BÙI THỊ YẾN	NHI	21/11/05	MK23111			
21	22303107	NGUYỄN YẾN	NHI	21/06/05	MK23111			
22	22303029	NGUYỄN PHẠM ÁI	NHƯ	17/10/05	MK23111			
23	22303880	CAO MINH	PHÚ	25/04/05	MK23111			
24	22303454	NGÔ BUI THANH	PHƯƠNG	07/06/05	MK23111			
25	22303683	NGUYỄN DUY	PHƯƠNG	12/12/05	MK23111			Cấm thi
26	22303336	TẶNG NGUYỄN LINH	PHƯƠNG	29/04/05	MK23111			
27	22303023	TRƯƠNG NHẬT	TÂN	26/03/05	MK23111			
28	22303042	NGUYỄN THỊ	THANH	08/12/04	MK23111			
29	22302881	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	21/08/05	MK23111			
30	22301574	LÊ QUANG	THỊNH	10/02/04	MK23111			
31	22303697	TÔ KIẾN	TƯỜNG	22/07/05	MK23111			
32	22303104	NGUYỄN VĂN	TÝ	08/02/05	MK23111			
33	22301613	ĐẶNG TRẦN PHƯƠNG	VÂN	25/07/05	MK23111			
34	22302219	ĐÀO NGỌC THANH	VY	05/05/05	MK23111			
35	22303910	NGUYỄN NGỌC YẾN	VY	11/11/05	MK23111			
36	22301882	TRẦN BẢO	VY	20/03/05	MK23111			
37	22301921	TRẦN NGUYỄN GIA	VỸ	01/01/05	MK23111			
38	22301644	PHẠM THỊ HẢI	YẾN	18/08/05	MK23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 1400 – Số hiệu lớp: 1859
Giảng viên: Lê Hồng Nam
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 017 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22300686	PHẠM NHẬT DUY	AN	21/10/05	MK23111			
2	22300500	NGUYỄN LÊ ĐỨC	ANH	21/10/05	MK23111			
3	22300791	TRẦN QUỐC	ANH	12/12/05	MK23111			
4	22300559	NGUYỄN HUỲNH NGỌC	BÍCH	19/02/05	MK23111			
5	22205255	NGUYỄN THÁI	BÌNH	06/04/03	TV22111			Cấm thi
6	22301195	NGUYỄN NGỌC MINH	CHÂU	27/11/05	MK23111			
7	22300784	LÊ ĐẮC	DIỄN	08/08/05	MK23111			
8	22301341	NGUYỄN TRÙNG	DƯƠNG	09/12/05	MK23111			
9	22301154	NGUYỄN XUÂN	ĐÀO	08/07/04	MK23111			
10	22400527	ĐÀO BÁ	ĐỨC	13/02/05	NT24111			
11	22300392	PHẠM NGUYỄN ANH	HÀO	03/08/04	MK23111			
12	22300859	BÙI NGỌC	HẢO	04/03/05	MK23111			
13	22301367	HUỲNH TRUNG	HẬU	04/07/05	MK23111			
14	22403102	DƯƠNG NGUYỄN HUY	HOÀNG	21/01/05	NT24111			
15	2190984	TRẦN HUY	HOÀNG	18/04/01	TV19112			
16	22303080	BÙI QUANG	HUY	06/11/05	LG23111			Cấm thi
17	22301060	LÊ GIA	HUY	29/07/05	MK23111			
18	22300881	NGUYỄN QUỐC	HUY	24/02/05	MK23111			
19	22300851	NINH NHẤT	HUY	17/03/05	MK23111			
20	22300815	VÕ HUỲNH BẢO	HUY	11/10/05	MK23111			
21	22300734	VÕ THIÊN	HƯƠNG	17/06/02	MK23111			
22	22301389	TRƯƠNG ĐĂNG	KHÔI	07/10/05	MK23111			
23	22300814	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	06/07/05	MK23111			
24	22300102	TRẦN THỊ PHƯƠNG	LINH	04/12/04	KT23111			
25	22301163	ĐẶNG THANH	LONG	16/04/03	MK23111			
26	22300507	MAI XUÂN TRƯỜNG	MINH	13/06/05	MK23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 1400 – Số hiệu lớp: 1859
Giảng viên: Lê Hồng Nam
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 018 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22300770	LÝ KHÁNH	NGHI	03/07/05	MK23111			
2	22301070	NGUYỄN HỒNG	NGỌC	10/11/05	MK23111			
3	22301176	PHẠM MỸ	NGỌC	15/09/05	MK23111			
4	22205904	TRẦN GIA	NGỌC	12/03/04	MK22111			
5	22300661	NGUYỄN HOÀNG GIA	NHI	31/07/05	MK23111			
6	22301115	TRẦN THIÊN	NHI	19/08/05	MK23111			
7	22301317	HÀ ÁNH	NHƯ	29/05/05	MK23111			
8	2194215	LÊ THÀNH	PHÁT	20/12/99	NT19112			
9	22301277	NGUYỄN TẤN	PHÁT	27/05/05	MK23111			
10	22300832	LÊ NGỌC	PHƯƠNG	26/11/05	MK23111			
11	22300243	NGUYỄN THỊ THANH	PHƯƠNG	06/04/05	MK23111			
12	22300690	NGUYỄN THỊ LAN	THANH	04/05/05	MK23111			
13	22301021	LÊ HỮU	THỊNH	16/06/05	MK23111			
14	22301322	NGUYỄN ĐẮC	THỊNH	03/10/05	MK23111			
15	22303681	NGUYỄN TRỊNH ANH	THUY	06/12/05	MK23111			
16	22300509	HÀ ANH	THƯ	16/09/05	MK23111			
17	22300606	LÊ THỊ ĐOAN	TRANG	26/11/05	MK23111			
18	22301351	NGÔ PHAN THÙY	TRANG	16/12/05	MK23111			
19	22300406	NGUYỄN KIM THUY	TRANG	17/04/05	MK23111			
20	22301320	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRẦN	11/07/05	MK23111			
21	22301210	ĐÀO PHƯƠNG	TRINH	10/12/05	MK23111			
22	22301092	NGUYỄN HỮU	TRÍ	03/03/05	MK23111			
23	22400079	ĐẶNG QUANG	TRUNG	09/12/02	TV24111			
24	22300739	TRẦN HOÀN BỬU	TUYẾT	09/05/05	MK23111			
25	22303758	HUỲNH THỊ MINH	XUÂN	16/11/05	MK23111			
26	22301366	TRẦN KIM	Y	14/05/05	MK23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 1500 – Số hiệu lớp: 1860
Giảng viên: Trần Linh Đăng
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 019 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22301360	TRẦN PHƯỚC	AN	21/10/05	TV23111			
2	22301615	HOÀNG TRẦN QUỐC	ANH	27/09/05	TV23111			
3	22301579	HOÀNG TUẤN	ANH	05/01/05	TV23111			
4	22302095	LÊ PHÚC PHƯƠNG	ANH	15/02/05	TV23111			
5	22302140	NGUYỄN DƯƠNG QUỲNH	ANH	05/04/05	TV23111			
6	22301683	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	28/09/05	TV23111			
7	22301486	LÊ HOÀNG	BẢO	26/11/05	TV23111			
8	22301950	PHAN THÀNH	ĐẠT	02/09/00	TV23111			
9	22301755	NGHIÊM XUÂN	ĐỨC	05/07/05	TV23111			
10	22302136	HỒNG GIA	HÂN	09/12/05	TV23111			
11	22301398	HỒ HOÀNG	HIỆP	22/08/05	TV23111			
12	22301833	ĐẶNG QUỐC	HUY	27/11/05	TV23111			
13	22301635	PHAN NGUYỄN QUỐC	HUY	01/04/05	TV23111			
14	22301498	NGUYỄN KIỀU DIỄM	HƯƠNG	14/11/05	TV23111			
15	22302076	BÙI TẤN	KHANG	09/09/05	TV23111			
16	22301702	LÊ NGỌC PHƯƠNG	KHÁNH	18/03/05	TV23111			
17	22301483	NGÔ GIA	KHÁNH	17/01/05	TV23111			
18	22301706	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	24/04/05	TV23111			
19	22301506	HUỲNH VĂN TRUNG	KIỆN	08/08/05	TV23111			
20	22301672	ĐÌNH NGỌC QUỲNH	MY	28/10/05	TV23111			
21	22301561	TÔ KHÁNH	NGỌC	03/11/05	TV23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 1500 – Số hiệu lớp: 1860
Giảng viên: Trần Linh Đăng
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 020 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22301564	TRẦN THỊ QUỲNH	NHƯ	15/10/05	TV23111			
2	22301671	NGUYỄN HOÀNG	PHÚ	16/11/05	TV23111			
3	22301575	TRẦN ĐÌNH BẢO	QUỐC	17/01/05	TV23111			
4	22301383	TRẦN LÊ TRÚC	QUỲNH	30/06/05	TV23111			Cấm thi
5	22301315	NGÔ LÊ HỒNG	TÂM	08/12/05	TV23111			
6	22301847	PHAN NGUYỄN THANH	THẢO	28/03/05	TV23111			
7	22301716	TIỀN MINH	THẢO	18/07/05	TV23111			
8	22301752	LẠI ĐỨC	THẮNG	26/01/04	TV23111			
9	22301674	NGUYỄN NĂNG MINH	THẮNG	22/04/05	TV23111			
10	22301353	BÙI DUY	THỊNH	25/12/00	TV23111			
11	22301824	CAO DƯƠNG GIA	THỊNH	07/12/03	TV23111			
12	22301414	PHẠM HIẾU	THUẬN	21/10/05	TV23111			
13	22301866	NGÔ GIA CÁT	TIỀN	20/06/05	TV23111			
14	22302148	MAI TRẦN THỊ BÍCH	TRÂM	25/10/03	TV23111			
15	22301223	TRẦN THỊ TÚ	UYÊN	05/10/05	TV23111			
16	22301743	VÕ PHAN CẨM	VÂN	11/07/05	TV23111			
17	22301436	ÂN HOÀNG	VY	24/04/05	TV23111			
18	22301382	LIÊU TRẦN NHẬT	VY	16/09/05	TV23111			
19	22301580	NGUYỄN XUÂN HOÀI	VY	15/06/05	TV23111			
20	22301977	LÊ THANH TRIỆU	VỸ	10/12/05	TV23111			
21	22301526	PHẠM NGUYỄN THANH	XUÂN	24/04/05	TV23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 1600 – Số hiệu lớp: 1861
Giảng viên: Phùng Thế Vinh
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 044 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22303536	PHAN NGUYỄN VÂN	ANH	20/07/05	NT23111			
2	22303573	TÔN NỮ PHƯƠNG	ANH	23/10/05	NT23111			
3	22303864	HỒ QUỐC	BẢO	19/08/05	NT23111			
4	22303738	HỒ GIA	DOANH	10/06/05	NT23111			
5	22303366	PHAN MẠNH	DUY	12/04/05	NT23111			
6	22303078	HOÀNG TUẤN	DŨNG	06/10/05	NT23111			
7	22303172	TRẦN TRÍ	ĐẠI	09/11/05	NT23111			
8	22303021	PHAN TẤN	ĐẠT	26/09/05	NT23111			
9	22303731	PHẠM HOÀN	HAO	02/10/05	NT23111			
10	22303349	NGUYỄN ĐỨC BẢO	HÂN	12/12/05	NT23111			
11	22303187	LÝ TÍN	HIỀN	28/05/05	NT23111			
12	22303070	VŨ	HOÀNG	30/04/05	NT23111			
13	22303347	PHẠM THỊ XUÂN	HÒA	09/09/05	NT23111			
14	22303452	ĐINH THỊ HỒNG	HUỆ	03/08/05	NT23111			
15	22303401	ĐÀO XUÂN	KHANG	07/06/05	NT23111			
16	22303115	NGUYỄN NGỌC	LINH	27/10/05	NT23111			
17	22303779	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	20/07/05	NT23111			
18	22301183	NGUYỄN YẾN	LINH	29/11/05	NT23111			
19	22303415	NGÔ THỊ HÀ	MY	03/04/05	NT23111			
20	22303622	ĐÀO NGUYỄN KIM	NGÂN	03/10/05	NT23111			
21	22303529	LÊ ĐÌNH	NGHI	16/02/05	NT23111			
22	22303086	NGUYỄN TRẦN NHƯ	NGỌC	20/10/05	NT23111			
23	22303181	PHẠM THẢO	NHI	06/04/05	NT23111			
24	22303754	LƯƠNG Ý	NHƯ	01/11/05	NT23111			
25	22303108	HỒ HUỲNH XUÂN	PHƯƠNG	26/11/05	NT23111			
26	22303964	VÕ THỊ MỸ	QUYÊN	21/10/05	NT23111			
27	22303378	BÙI THỊ NHƯ	QUỲNH	22/06/05	NT23111			
28	22303282	LÊ NGỌC PHƯƠNG	QUỲNH	02/02/05	NT23111			
29	22304063	NGUYỄN HOÀNG THÚY	QUỲNH	15/05/04	NT23111			
30	22303051	NGUYỄN NGỌC PHÚ	TÂN	04/02/05	NT23111			
31	22303908	LÊ PHƯƠNG	THẢO	08/04/04	NT23111			
32	22303899	ĐỖ NGUYỄN ANH	THƯ	30/08/05	NT23111			Cấm thi
33	22304043	NGUYỄN NGỌC ANH	THƯ	16/11/05	NT23111			
34	22302263	NGUYỄN DƯƠNG THỊ ANH	THƯ	21/10/05	NT23111			
35	22303091	TRẦN THỊ ANH	THƯ	13/11/05	NT23111			
36	22303285	LÊ THU	TRANG	02/06/05	NT23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Thị trường đầu tư quốc tế (IB308DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1589
Giảng viên: Tô Thị Tú Trang
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 010 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22205827	NGUYỄN LÊ	ANH	17/12/02	NT22111			Cấm thi
2	22205656	NGUYỄN NGỌC VÂN	CHI	07/08/04	NT22111			
3	22207467	TRẦN QUANG	ĐẠT	19/11/04	NT22111			
4	22206154	HUỲNH NGUYỄN QUÍ	ĐÔNG	25/02/04	NT22111			
5	22205438	VŨ NGUYỄN BẢO	HÂN	29/09/04	NT22111			
6	22207147	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	21/11/02	NT22111			
7	22200036	ĐẶNG ĐĂNG	KHOA	21/02/02	NT22111			
8	22207523	ĐỖ HỮU	KHÔI	08/10/04	NT22111			
9	22207187	NGUYỄN PHƯỚC ĐỊNH	LONG	21/11/03	NT22111			
10	22204993	PHAN XUÂN QUỲNH	MAI	08/03/04	NT22111			
11	22206085	ĐẶNG KHÃ	MINH	11/10/04	NT22111			
12	22205503	LÊ HÀ PHƯƠNG	NAM	16/12/04	NT22111			
13	22206203	LÊ THỊ KIM	NGA	28/11/04	NT22111			
14	22207350	NGUYỄN TRẦN THÚY	NGÂN	24/08/03	NT22111			
15	22205493	VÕ MÃN	NGHI	12/02/04	NT22111			
16	22205437	LÊ NGỌC QUỲNH	NHƯ	06/10/04	NT22111			
17	22205123	VŨ NGUYỄN THANH	NHƯ	28/04/04	NT22111			
18	22207476	ĐÀO TRẦN KHÁNH	QUỲNH	28/10/99	NT22111			
19	22204599	ĐỖ THỊ MỸ	TÂM	10/01/04	NT22111			
20	22205644	VÕ HỒ THANH	TÂM	18/01/04	NT22111			
21	22204987	NGUYỄN QUANG	TÙNG	18/07/04	NT22111			
22	22206927	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	UYÊN	01/02/04	NT22111			
23	22206464	NGUYỄN THẢO	VÂN	02/05/04	NT22111			
24	22206079	TẶNG NGỌC	VÂN	29/08/04	NT22111			
25	22207415	TRẦN NGỌC TƯỜNG	VY	03/10/04	NT22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Thị trường đầu tư quốc tế (IB308DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1590
Giảng viên: Tô Thị Tú Trang
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 044 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22207185	ĐẶNG HỒ BẢO	ANH	22/05/04	NT22111			
2	22200316	NGÔ CHÂU VÂN	ANH	30/11/04	NT22111			
3	22206948	PHẠM TRƯƠNG NHÂN	ÁI	29/10/04	NT22111			
4	22207144	UÔNG GIA	BẢO	10/02/04	NT22111			
5	22205982	LẠI PHƯƠNG	ĐÔNG	16/05/04	NT22111			
6	22206080	PHAN NGUYỄN NGỌC	HÂN	01/10/04	NT22111			
7	22207770	LÊ NHẬT	HUY	21/09/04	NT22111			
8	22205527	NGUYỄN CHÍ	HÙNG	24/05/04	NT22111			
9	22206534	ĐỖ MINH	HƯNG	22/01/04	NT22111			Cấm thi
10	22206100	NGUYỄN MINH	KHANG	21/10/04	NT22111			
11	22201329	HÀ TUẤN	KIỆT	09/08/04	NT22111			
12	22206046	PHẠM NGUYỄN THẢO	MY	27/10/04	NT22111			
13	22207645	HUYỀN THỊ BÍCH	NGÂN	11/04/03	NT22111			
14	22206935	NGUYỄN THANH KHÁNH	NGÂN	10/05/04	NT22111			
15	22205012	NGUYỄN HỒNG	NGỌC	04/03/04	NT22111			
16	22205641	ĐOÀN THY	NHÃ	03/01/04	NT22111			
17	22206061	LƯƠNG TRÚC	NHƯ	04/09/04	NT22111			
18	22205649	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	09/06/04	NT22111			
19	22205800	TRẦN CHÍ	PHONG	31/07/04	NT22111			
20	22200381	TRƯƠNG HOÀNG	PHONG	11/11/01	NT22111			
21	22207135	NGUYỄN MAI	PHƯƠNG	05/01/04	NT22111			
22	22206943	VŨ MINH	QUÂN	05/01/04	NT22111			
23	22207366	NGUYỄN CHÍ	TÂM	17/08/04	NT22111			
24	22205610	HỒ XUÂN	THỊNH	14/09/02	NT22111			
25	22206376	TRẦN ANH	THỨ	27/06/04	NT22111			
26	22205528	NGUYỄN HOÀNG MINH	THY	05/12/03	NT22111			
27	22206049	PHAN QUỲNH CẨM	THY	23/07/04	NT22111			
28	22207580	NGUYỄN LÊ THIÊN	TRANG	12/02/04	NT22111			
29	22205531	BẢO HƯƠNG	TRÀ	10/08/04	NT22111			
30	22204216	NGUYỄN QUỲNH	TRÂM	05/05/04	NT22111			
31	22200324	LƯƠNG ĐỨC	TRỌNG	20/10/99	NT22111			
32	22207410	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	02/09/04	NT22111			
33	22201355	NGÔ THỊ PHƯƠNG	UYÊN	14/03/04	NT22111			
34	22205135	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	UYÊN	23/09/04	NT22111			
35	22206736	TRẦN GIA PHÚ	VĂN	15/07/04	NT22111			Cấm thi
36	22207206	TRẦN ANH	VINH	26/11/04	NT22111			
37	22206658	TRẦN THẾ	VŨ	14/11/04	NT22111			
38	22205597	HUYỀN THỊ NGỌC	VY	27/07/04	NT22111			
39	22206650	SƠN LÂM NGUYỄN ĐA	VY	04/11/04	NT22111			
40	22207094	VŨ NGỌC NHƯ	Ý	25/07/04	NT22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Quản lý và chăm sóc khách hàng (MK403DV02) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1725
Giảng viên: Lý Thị Mỹ Hạnh
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 015 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22205975	NGUYỄN VĂN	AN	11/09/04	MK22111			
2	22206156	NGUYỄN LÊ HÀ	ANH	21/11/04	TV22111			
3	22206187	VÕ THỊ NGỌC	ÁNH	16/12/04	MK22111			
4	22105697	NGUYỄN HỒNG	CHƯƠNG	27/12/03	MK21111			
5	22112614	TRƯƠNG HOÀNG	DUY	01/02/03	TV21111			Cấm thi
6	22116855	TRẦN MINH	ĐẠO	19/08/03	MK21111			
7	22206117	NGUYỄN HOÀNG	ĐĂNG	23/03/01	MK22111			
8	22014476	NGUYỄN NGỌC HẢI	ĐÔNG	21/11/02	DM20111			
9	22011763	TIẾT KHÁI	ĐÔNG	14/10/02	MK20111			
10	22200469	CÙ TRẦN PHÚC	HẬU	28/12/04	TV22111			
11	2199092	NGUYỄN MINH	HIỂN	03/03/01	TV19112			Cấm thi
12	22111103	NGUYỄN	HOÀNG	27/02/03	TV21111			
13	22107980	NGUYỄN MINH	HOÀNG	05/09/03	TV21111			
14	22103074	TÔ GIA	KHÁNH	27/09/03	TV21111			
15	22101455	HÀ NGUYỄN DUY	KHOA	04/03/03	TV21111			
16	22102496	NGUYỄN MINH	KHÔI	01/10/03	TV21111			
17	22105592	ĐINH THỊ THANH	LAM	02/11/03	TV21111			
18	22110694	HỒ THỊ XUÂN	LAM	17/08/03	MK21111			
19	22107956	NGUYỄN GIA	LẬP	07/09/03	TV21111			
20	22112452	NGÔ XUÂN	LINH	03/10/02	TV21111			
21	22200557	NGUYỄN KHÁNH	LINH	24/12/04	TV22111			
22	22012297	HỒ HOÀNG	LONG	15/03/02	TV20111			
23	22116430	TRẦN GIA	MINH	29/08/03	TV21111			
24	22109247	PHẠM NGUYỄN HẠ	MY	24/07/03	TV21111			
25	22101236	TRẦN VŨ KIỀU	MY	25/02/03	TV21111			
26	22106288	HỒ LÊ YẾN	NGÂN	06/10/03	MK21111			
27	22111957	LÂM TRỌNG	NGHĨA	30/05/03	TV21111			
28	22114466	TRẦN NGUYỄN BẢO	NGỌC	18/11/03	TV21111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Quản lý và chăm sóc khách hàng (MK403DV02) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1725
Giảng viên: Lý Thị Mỹ Hạnh
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 019 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22011964	HỒ THỊ UYỂN	NHI	02/04/02	TV20111			
2	22105784	NGUYỄN HUỖNH LONG	PHI	04/11/03	MC21111			
3	2198887	NGUYỄN THỊ DIỄM	PHÚC	24/12/01	MK19112			
4	22114611	NGUYỄN TRỌNG	PHÚC	13/05/03	TV21111			
5	22205549	TRẦN THIÊN	PHÚC	28/01/04	TV22111			
6	22205672	TRẦN NGUYỄN	PHƯỚC	21/04/04	TV22111			
7	22114995	VĂN DI	QUÂN	21/02/03	MK21111			
8	22010889	HOÀNG ANH	QUỐC	20/06/02	TV20111			
9	22205935	NGUYỄN DUY	QUÝ	01/01/04	MK22111			
10	22116286	PHẠM NHƯ	QUỲNH	28/03/03	TV21111			
11	22122782	LÊ QUANG	THÁI	28/10/03	TV21111			
12	22012083	NGUYỄN HỮU	THUẬN	07/11/02	TV20111			
13	22011741	CAO LÊ PHƯƠNG	THỦY	04/08/02	TV20111			
14	22205917	ĐỖ NGUYỄN ANH	THƯ	22/10/04	TV22111			
15	22205088	LÝ HUỖNH ANH	THƯ	31/05/04	TV22111			
16	22109128	QUẦN THỊ MINH	THƯ	01/03/03	MK21111			
17	22117118	LÊ VĂN	TRÀ	18/10/03	TV21111			
18	22122689	PHAN THỊ BÍCH	TRÂM	03/10/03	TV21111			Cấm thi
19	22117102	PHẠM HUỖNH	TRẦN	21/11/03	TV21111			
20	22204841	HÀ THỊ KIỀU	TRÌNH	16/09/03	TV22111			
21	22014618	VÕ TRỌNG	TRÍ	11/08/02	TV20111			
22	22204364	NGUYỄN LÊ THANH	TRÚC	20/08/04	TV22111			
23	22114979	NGUYỄN HOÀNG	TUẤN	19/11/03	MK21111			
24	22011576	NGUYỄN BÁCH	TÙNG	11/04/02	TV20111			
25	22111021	TRẦN THANH	TÙNG	08/09/03	TV21111			
26	2198462	NGUYỄN CÔNG TRƯỜNG	VŨ	13/01/01	TV19111			
27	22205730	ĐỖ ĐÌNH	VƯỢNG	03/01/04	TV22111			
28	2193641	PHAN THỊ THẢO	VY	27/11/01	TV19111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 1200 – Số hiệu lớp: 1857
Giảng viên: Lê Hồng Nam
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 048 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22301544	DƯƠNG HOÀNG PHƯƠNG	ANH	21/12/05	MK23111			
2	22302384	ĐẶNG QUỲNH	ANH	01/08/05	MK23111			
3	22302291	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	24/11/05	MK23111			
4	22302225	TRẦN QUANG	ANH	26/07/05	MK23111			
5	22102218	ĐẶNG TIỂU	BẢO	09/11/03	TV21111			Cấm thi
6	22302143	NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	17/09/05	MK23111			
7	22301546	PHẠM BÍCH	ĐÀO	24/01/05	MK23111			
8	22301867	TRẦN ĐỖ	ĐẠT	31/10/05	DL23111			
9	22303800	LÊ PHÚC	ĐÌNH	26/01/05	MK23111			
10	22301516	TRẦN NGỌC BẢO	HÂN	02/02/05	MK23111			
11	22301435	LÝ MỸ	HOA	07/07/05	MK23111			
12	22302542	ĐÌNH GIA	HUY	20/10/05	MK23111			
13	22301499	BÙI AN	KHANG	27/08/05	MK23111			
14	22302175	NGUYỄN MINH	KHÔI	30/08/05	MK23111			
15	22302331	ĐÌNH TUẤN	KIỆT	30/10/05	MK23111			
16	22302102	NGÔ HOÀNG ANH	KIỆT	05/06/05	MK23111			
17	22301961	VÕ ANH	KIỆT	24/05/05	MK23111			
18	22302516	PHẠM HƯƠNG	LAN	06/05/05	MK23111			
19	22301527	PHẠM LÊ THẢO	LINH	26/07/05	MK23111			
20	22105006	NGUYỄN ĐÌNH	LONG	06/12/03	TV21111			
21	22302426	ĐẶNG BÁ ĐẠI	NAM	11/05/05	MK23111			
22	22302290	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	21/05/05	MK23111			
23	22302400	HẠ TUYẾT	NHI	07/07/05	MK23111			
24	22300781	HUỲNH YẾN	NHI	11/01/05	MK23111			
25	22302512	PHAN THỊ TUYẾT	NHUNG	03/03/05	MK23111			
26	22302413	VŨ NHƯ	QUỲNH	09/10/05	MK23111			
27	22302320	TRẦN NGUYỄN TÂM	THANH	03/01/04	MK23111			
28	22302470	NGUYỄN QUỐC	THẮNG	08/07/05	MK23111			
29	22301938	NGUYỄN CHÂU TRƯỜNG	THỊNH	15/08/05	MK23111			
30	22301393	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯƠNG	03/02/05	MK23111			
31	22302407	LÊ NGUYỄN BẢO	TRÂN	26/11/05	MK23111			
32	22301552	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	28/10/05	MK23111			
33	22302248	TRẦN NGỌC BẢO	TRÂN	16/12/05	MK23111			
34	22302358	LÊ QUANG	TUỆ	23/02/05	MK23111			
35	22301952	NGUYỄN VĂN CHU	TUỆ	29/08/05	MK23111			
36	22302116	TRẦN NGỌC BÍCH	TUYỀN	23/11/04	MK23111			
37	22302537	NGUYỄN THỊ NGỌC	TÙNG	30/01/05	MK23111			
38	22301974	LÊ ĐOÀN THẢO	UYÊN	18/08/05	MK23111			
39	22301894	CHÂU GIANG BẢO	VÂN	04/08/05	MK23111			
40	22302448	ĐẶNG LÊ TƯỜNG	VI	25/04/05	MK23111			
41	22302495	DƯƠNG NGUYỄN THẢO	VY	26/09/05	MK23111			

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
42	22301883	HUỲNH NGUYỄN KHÁNH	VY	26/11/05	MK23111			
43	22301473	NGUYỄN THANH THÚY	VY	28/06/05	MK23111			
44	22302079	LÊ HOÀNG	YẾN	16/03/05	MK23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00

Lớp học phần: 1700 – Số hiệu lớp: 1862

Giảng viên: Trần Linh Đăng

Ngày thi: 02/01/2026

Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 006 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22301876	THÁI THỊ PHƯƠNG	AN	11/03/05	NT23111			
2	22302857	BACH NGUYỄN TUẤN	ANH	29/08/05	NT23111			
3	22302321	ĐÀO VƯƠNG QUỐC	ANH	10/02/05	NT23111			
4	22301875	LÊ VŨ PHƯƠNG	ANH	03/08/05	NT23111			
5	22301199	NGUYỄN VŨ TUẤN	ANH	01/12/05	NT23111			
6	22301625	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	05/09/05	NT23111			
7	22301611	VŨ THỊ NGỌC	ÁNH	28/06/05	NT23111			
8	22301678	BÙI GIA	BẢO	07/10/05	NT23111			
9	22301932	NGUYỄN KIM	CHI	06/03/05	NT23111			
10	22302146	LÊ THỊ MỸ	HANH	21/10/05	NT23111			
11	22301638	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	20/06/02	NT23111			
12	22301645	PHẠM THỊ THÚY	HIỀN	10/10/05	NT23111			
13	22302530	ĐỒNG KIM	HOA	25/05/05	NT23111			
14	22301893	TRẦN GIA	HUY	25/10/05	NT23111			
15	22303717	TRẦN NGỌC PHI	HƯNG	23/04/05	NT23111			
16	22300519	LÊ HOÀNG	KHANG	10/06/04	NT23111			Cấm thi
17	22301713	TRẦN HOÀNG	KHIÊM	07/09/05	NT23111			
18	22303298	MAI SỸ ANH	KHOA	20/09/05	KN23111			
19	22302455	PHẠM TƯỜNG	KHOA	09/10/05	NT23111			
20	22302568	PHẠM XUÂN DUY	KHOA	30/11/05	NT23111			Cấm thi
21	22303058	HỒ THỊ DIỆU	LINH	01/06/05	NT23111			
22	22301627	TRẦN BÍCH	LINH	13/10/05	NT23111			
23	22302514	VÕ THÀNH	LỘC	31/05/05	LG23111			
24	22302318	LÂM NHUẬN	MINH	07/11/05	NT23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 1700 – Số hiệu lớp: 1862
Giảng viên: Trần Linh Đăng
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 007 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22301937	HỒ GIA	NGHI	19/09/05	NT23111			
2	22301880	TRƯƠNG KHÁNH ĐÔNG	NGHI	20/12/05	NT23111			Cấm thi
3	22302529	QUÃNG TRỌNG	NGHI	25/09/05	NT23111			
4	22301975	HỒ LÊ XUÂN	NGỌC	20/08/04	NT23111			
5	22301805	TRẦN NGUYỄN THUÝ	NHI	11/04/05	NT23111			
6	22301747	VÕ TUYẾT	NHI	30/11/05	NT23111			
7	22301004	ĐÀO THỊ HOÀNG	OANH	23/04/05	FT23111			
8	22302310	HUYỀNH TÂN	PHÁT	02/11/05	NT23111			
9	22302500	NGUYỄN QUỐC	PHONG	28/10/05	NT23111			
10	22302513	TRẦN PHAN GIA	PHÚC	09/01/05	NT23111			Cấm thi
11	22301771	LAY NGỌC	QUANG	27/04/05	NT23111			
12	22400474	HOÀNG QUỐC	QUÂN	15/07/05	TV24111			Cấm thi
13	22302221	ĐỖ NHƯ	QUYNH	30/09/05	NT23111			
14	2181162	NGUYỄN HOÀNG	THUẬN	12/11/00	NL1811			Cấm thi
15	22301753	NGUYỄN MINH	THỨ	26/05/05	NT23111			
16	22302317	PHAN ANH	THỨ	29/09/05	NT23111			
17	22012326	BÙI THỊ QUẾ	TRÂN	07/11/02	NT20111			
18	22303025	NGUYỄN NGỌC MỸ	TRÂN	10/02/05	FT23111			
19	22302435	NGUYỄN VŨ HOÀNG	TRINH	21/04/05	NT23111			
20	22302262	HUYỀNH TRẦN DUY	UYÊN	02/06/05	NT23111			
21	22302160	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	VI	22/01/01	NT23111			
22	22301782	NGUYỄN HỮU	VINH	21/03/05	NT23111			
23	22302292	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	VY	28/04/05	NT23111			
24	22301634	TRẦN TRIỆU	VY	04/09/05	NT23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 1800 – Số hiệu lớp: 1863
Giảng viên: Nguyễn Tường Minh
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 008 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22300525	ĐỖ DUY	ANH	14/05/05	NT23111			
2	22300899	NGUYỄN HUỲNH ĐỨC	ANH	09/01/03	NT23111			
3	22301358	NGUYỄN NGỌC LAN	ANH	02/01/05	NT23111			
4	22301306	PHẠM THỊ KIM	ANH	20/09/05	NT23111			
5	22300702	TRẦN KIM	ANH	22/11/05	NT23111			
6	22300079	TRẦN PHƯƠNG	ANH	05/12/03	NT23111			Cấm thi
7	22301275	PHẠM GIA	BẢO	11/09/05	NT23111			
8	22300666	LÊ CHÍ	CƯỜNG	26/06/05	NT23111			
9	22301283	PHẠM THỊ BÍCH	DIỄM	01/02/05	NT23111			
10	22300184	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	06/09/05	NT23111			
11	22301543	TRẦN THUÝ	HÀ	18/01/04	NT23111			
12	22300839	NGUYỄN MINH	HẠNH	25/04/05	NT23111			
13	22303930	NGUYỄN THỊ MINH	HUYỀN	10/08/05	NT23111			
14	22301323	TRẦN ĐÀO	HƯNG	18/01/05	NT23111			
15	22301759	PHẠM MINH	KHÔI	13/06/04	NT23111			
16	22301588	NGUYỄN VĨ	KIỆT	17/07/05	NT23111			
17	22301328	HUỲNH THIÊN	KIM	17/12/05	NT23111			
18	22300894	NGUYỄN NHẬT	LAM	02/05/05	NT23111			
19	22303696	ĐẶNG QUANG	MINH	27/10/05	NT23111			
20	22301511	VÕ	NAM	28/11/05	NT23111			Cấm thi
21	22300459	NGUYỄN NGỌC THANH	NGÂN	19/09/05	NT23111			
22	22301597	TRẦN KIM	NGÂN	04/07/05	NT23111			Cấm thi
23	22117584	NGUYỄN ĐOÀN KHÔI	NGUYỄN	24/07/03	MK21111			Cấm thi
24	22300987	NGUYỄN TRÚC	NGUYỄN	16/01/05	NT23111			
25	22301568	HỒ TUYẾT	NHI	30/05/05	NT23111			
26	22301198	NGUYỄN THỊ THẢO	NHI	06/09/05	NT23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 1800 – Số hiệu lớp: 1863
Giảng viên: Nguyễn Tường Minh
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 009 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22300960	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NHI	24/03/05	NT23111			
2	22303839	ĐẶNG BỘI	NHƯ	20/08/05	NT23111			
3	22402894	NGUYỄN TẤN	PHÁT	13/03/05	TC24111			
4	22302417	HUỲNH TRẦN THÚY	QUYÊN	17/11/05	NT23111			
5	22300544	TẠ TẤN	TÀI	31/01/04	NT23111			
6	22300907	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	30/08/05	NT23111			
7	22301469	MAI NGUYỄN NGỌC	THẢO	09/05/05	NT23111			
8	22300694	NGUYỄN NGỌC THANH	THẢO	28/09/05	NT23111			
9	22301083	NGUYỄN LÊ THIÊN THANH	THẢO	07/12/05	NT23111			Cấm thi
10	22300909	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	18/10/05	NT23111			Cấm thi
11	22301686	TÔ MINH	THIỆN	11/03/05	NT23111			
12	22300911	TẠ NGUYỄN PHƯƠNG	THUY	21/04/05	NT23111			
13	22300365	VŨ MINH	THƯ	14/09/05	NT23111			
14	22300542	TRẦN LÂM NHỰT	TIẾN	06/04/05	NT23111			
15	22303061	TRƯƠNG NGỌC	TRÂM	19/08/05	NT23111			
16	22301155	NGUYỄN QUỐC	TRUNG	10/10/05	NT23111			
17	22300725	THÁI NGUYỄN ANH	TUẤN	11/04/05	NT23111			
18	22300577	NGUYỄN TRẦN BÍCH	TUYỀN	24/04/05	NT23111			
19	22301162	NGUYỄN CAO CÁT	TƯỜNG	24/05/05	NT23111			
20	22303853	TRẦN MỸ	UYÊN	17/04/05	NT23111			
21	22300958	NGUYỄN THỊ	VÂN	08/10/05	NT23111			
22	22303451	TRẦN HUỲNH THANH	VÂN	28/09/05	NT23111			
23	22301212	TRƯƠNG THỊ MỸ	VÂN	19/11/04	NT23111			
24	22302201	LÊ THÀNH	VŨ	30/09/05	MK23111			
25	22300705	KHA THẢO	VY	05/06/05	NT23111			
26	22300873	NGUYỄN THẢO	VY	28/10/05	NT23111			
27	22301298	PHẠM THẢO	VY	09/06/05	NT23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 1900 – Số hiệu lớp: 1864
Giảng viên: Phùng Thế Vinh
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 043 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401747	NGUYỄN HOÀNG	ANH	02/07/06	KT24111			
2	22400555	PHẠM VÂN	ANH	04/10/06	TV24111			
3	22400787	NGUYỄN TUẤN	HUY	17/03/06	TV24111			
4	22401518	NGUYỄN NGỌC MAI	KHÔI	03/12/06	KT24111			
5	22402565	HỒ ÁNH	LINH	27/12/06	KT24111			
6	22400347	NGUYỄN KHÁNH	LINH	17/06/06	TV24111			
7	22400416	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	16/04/04	KT24111			
8	22402585	HUYỀN NHẬT	MAI	14/12/06	KT24111			
9	22402872	NGUYỄN THỊ TRIỆU	MÃN	28/01/06	KT24111			
10	22400759	HỒ TRẦN NHẬT	MINH	25/11/05	TV24111			
11	22403000	HỒ NGUYỄN MINH	NGÂN	17/07/06	KT24111			
12	22401994	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	02/09/06	KT24111			
13	22400093	HUYỀN PHẠM YẾN	NHƯ	06/10/06	KT24111			
14	22400205	LƯƠNG MỸ	NHƯ	30/03/06	KT24111			
15	22400868	NGUYỄN TẤN	PHÁT	04/07/06	KT24111			
16	22117527	NGUYỄN TRẦN HOÀNG	PHÚ	18/11/03	MK21111			
17	22400150	TRẦN HOÀNG	PHÚC	29/10/06	TV24111			
18	22101364	ĐỒNG HUỖNH	PHƯỚC	05/04/03	MK21111			
19	22402754	VĂN THỊ MỸ	PHƯỚC	18/01/06	KT24111			
20	22403178	NGUYỄN XUÂN	QUANG	26/08/01	TV24111			
21	22402968	BÙI THỊ NHƯ	QUỲNH	06/11/06	KT24111			
22	22401570	ĐẶNG CHÂU NHƯ	QUỲNH	22/04/06	KT24111			
23	22400538	LÝ UYÊN	THẢO	22/08/06	TV24111			
24	22400429	LÊ THỊ GIÁNG	TIẾN	25/04/06	TV24111			
25	22402830	LƯƠNG VÕ HOÀNG NGỌC	TIẾN	09/08/06	KT24111			
26	22400562	PHAN NHỰT	TIẾN	24/02/97	SE24111			
27	22400902	NGUYỄN ĐỨC	TRỌNG	27/05/06	TV24111			Cấm thi
28	22403256	TRẦN BÁ HIẾU	TRUNG	07/10/05	KT24111			Cấm thi
29	22401657	PHAN THỊ MỸ	UYÊN	26/09/06	KT24111			
30	22400142	NGUYỄN THÚY	VÂN	07/08/06	KT24111			
31	22400591	NGUYỄN TRANG PHƯƠNG	VY	18/01/06	TV24111			
32	22400211	VÕ HOÀNG BẢO	VY	10/01/05	TV24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 2000 – Số hiệu lớp: 1865
Giảng viên: Bùi Phương Uyên
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 011 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401562	NGUYỄN NGỌC MINH	ANH	18/07/06	TC24111			
2	22402225	NGUYỄN TRẦN QUỲNH	ANH	11/03/06	TC24111			
3	22400742	LƯU DIỆU	ÁI	29/05/03	TC24111			
4	22401004	VƯƠNG QUỐC	BẢO	03/12/06	TC24111			
5	22401513	TẠ QUANG QUỐC	CƯỜNG	31/10/06	FT24111			
6	22400944	NGUYỄN KHẢI	DUY	25/02/05	FT24111			
7	22401343	LÊ TIẾN	DŨNG	10/11/06	FT24111			
8	22400965	NGUYỄN QUỐC	ĐẶNG	02/05/06	FT24111			
9	22400957	LÂM HẢI	ĐẶNG	27/07/05	FT24111			
10	22400549	PHAN THÀNH	ĐỨC	24/07/06	TC24111			
11	22401631	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	03/06/06	FT24111			
12	22402611	LÊ QUỐC	HÀO	21/10/06	TC24111			
13	22402635	NGUYỄN HÙNG	HẬU	29/08/06	TC24111			
14	22401527	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	31/01/06	FT24111			
15	22402829	NGUYỄN VĂN	HIẾU	29/06/06	TC24111			Cấm thi
16	22401002	HỒ ĐẶNG VĂN	HUY	04/05/06	TC24111			
17	22402861	NGUYỄN TRẦN GIA	HUY	08/10/06	TC24111			
18	22402716	NGUYỄN VŨ THIÊN	HÙNG	18/02/06	FT24111			
19	22400189	ĐOÀN XUÂN	HƯƠNG	01/08/04	TC24111			
20	22402924	NGUYỄN HOÀNG GIA	KHANG	20/01/06	TC24111			
21	22400473	BÙI CHÍ	KHANH	25/01/06	FT24111			
22	22402011	HOÀNG GIA	KHANH	29/12/06	TC24111			
23	22403045	PHẠM HOÀNG ĐẶNG	KHOA	18/03/06	FT24111			Cấm thi
24	22401038	TRƯƠNG DUY	LỢI	08/12/06	FT24111			
25	22400810	LƯU TIỂU	MÃN	12/03/06	TC24111			
26	22402108	HỒ THỊ TRÀ	MY	18/04/06	TC24111			
27	22401354	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	03/07/06	TC24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00

Lớp học phần: 2000 – Số hiệu lớp: 1865

Giảng viên: Bùi Phương Uyên

Ngày thi: 02/01/2026

Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 012 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22302301	THÁI VÕ KIM	NGÂN	21/09/05	LG23111			
2	22401316	NGUYỄN TRỌNG	NGHĨA	22/08/05	FT24111			Cấm thi
3	22401776	TRẦN NHÂN	NGHĨA	17/03/06	FT24111			
4	22402699	NGUYỄN QUỲNH BẢO	NGỌC	16/11/06	TC24111			
5	22402751	ĐÌNH NGUYỄN MINH	NHẬT	03/04/06	FT24111			
6	22401938	LƯU TẤN	NHẬT	19/10/06	TC24111			
7	22500002	CAO LÊ UYÊN	NHI	15/08/05	DM25111			
8	22401526	NGUYỄN GIA	PHÚ	06/02/06	FT24111			
9	22401923	NGUYỄN HỒNG	PHƯỚC	08/08/02	TC24111			
10	22401569	NGUYỄN PHÙNG CÁT	PHƯƠNG	22/01/06	TC24111			
11	22400916	NGUYỄN DUY	QUANG	28/05/06	TC24111			
12	22400567	CHÂU MỸ	TÂM	06/03/06	TC24111			
13	22402878	NGUYỄN THỊ NGỌC	THẢO	21/07/06	TC24111			
14	22402299	LÂM SƠN	THẮNG	30/04/06	TC24111			
15	22400817	NGUYỄN NGỌC MINH	THUY	26/07/06	TC24111			
16	22401040	HỨA NGUYỄN MINH	THƯ	21/08/06	FT24111			
17	22401748	LÊ NGUYỄN MINH	THƯ	10/02/04	FT24111			
18	22400743	ĐÌNH THỊ THUY	TRANG	20/11/05	TC24111			
19	22401368	TẠ THUY	TRANG	10/05/06	FT24111			
20	22400587	HOÀNG NGỌC	TRÂM	22/11/06	TC24111			
21	22400942	NGÔ HOÀNG	TUẤN	05/03/06	TC24111			
22	22402006	TRẦN THỊ CẨM	TÚ	13/02/06	TC24111			
23	22402917	LÊ PHƯƠNG	UYÊN	28/10/06	TC24111			
24	22402736	PHAN QUANG	VINH	26/04/06	TC24111			
25	22401582	KA LÔ IT LÊ	VY	28/11/06	TC24111			
26	22402094	NGUYỄN BẢO	VY	16/10/06	TC24111			
27	22402860	TRẦN ĐÌNH KHÁNH	VY	11/03/06	FT24111			
28	22401793	LÊ KIM MỸ	YÊN	23/09/06	FT24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 2100 – Số hiệu lớp: 1866
Giảng viên: Đinh Thanh Lan
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 049 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22300256	ĐOÀN PHÚ	ANH	24/03/00	NH23111			
2	22300763	MAI NGỌC TRÂM	ANH	02/05/05	NH23111			
3	22303745	TÔ MAI	ANH	17/04/05	NH23111			
4	22303130	NGUYỄN THIÊN	BẢO	19/05/05	NH23111			
5	22300571	CAO TRÍ	ĐẠT	22/07/05	NH23111			
6	22300892	TRẦN QUẢNG	ĐIỀN	21/08/05	NH23111			
7	22301125	PHẠM THỊ NGỌC	HIỆP	17/07/05	NH23111			
8	22301665	LÊ QUỐC	HUY	07/05/05	NH23111			
9	22300227	LÊ THANH	HUY	19/01/05	NH23111			
10	22301058	NGUYỄN ANH	HUY	03/10/05	NH23111			
11	22300803	BÙI UY	HÙNG	13/10/05	NH23111			
12	22303875	HÙNG MĂNG	HƯNG	01/01/05	NH23111			
13	22301703	LÊ MINH	KHANG	04/03/05	NH23111			
14	22301864	TỔNG DUY	KHANG	24/06/05	NH23111			
15	22302748	TRỊNH PHÚC	KHANG	08/06/04	NH23111			
16	22301086	NGUYỄN LÂM BẢO	KHÁNH	30/04/05	NH23111			
17	22300740	NGUYỄN CÔNG TUẤN	KIÊN	25/10/05	NH23111			
18	22301820	LÊ THỊ THÚY	LOAN	20/11/05	NH23111			
19	22303886	VŨU KIM	LONG	25/09/05	NH23111			
20	22301581	TRỊNH NGUYỄN MAI	LY	09/12/00	NH23111			
21	22302510	ĐẶNG LÊ PHƯƠNG	MINH	15/03/05	NH23111			
22	22301936	VŨ NGỌC GIA	NGHI	14/12/05	NH23111			
23	22122728	NGUYỄN BẢO	NGỌC	02/02/03	MC21111			
24	22302089	NGÔ PHÚ	NGUYỄN	25/06/05	NH23111			
25	22302359	NGUYỄN MỸ	NHI	25/09/04	NH23111			
26	22301053	TẠ NGUYỄN MINH	NHỤT	12/12/02	NH23111			
27	22304018	NGUYỄN NGỌC THÀNH	PHÁT	27/07/05	NH23111			
28	22304101	TẮT KHẢI	PHONG	17/03/05	NH23111			
29	22303044	NGÔ HỒNG	PHÚC	06/03/05	NH23111			
30	22302465	PHAN THỊ HƯƠNG	QUỲNH	02/01/94	NH23111			
31	22301886	ĐOÀN VĨ	TÂN	26/06/05	NH23111			
32	22303036	HỒNG NGỌC	THẢO	17/01/05	NH23111			
33	22301151	LÊ LÂM ANH	THƯ	07/05/05	NH23111			
34	22302153	PHẠM HOÀI	THƯƠNG	20/07/04	NH23111			
35	22301020	LÊ THỊ NGỌC	TRÂM	01/10/03	NH23111			
36	22303739	NGUYỄN HOÀNG BẢO	TRÂN	17/09/05	NH23111			
37	22302173	NGUYỄN TÍN	TRUNG	17/07/05	NH23111			
38	22301479	NGUYỄN HOÀNG	TUẤN	15/06/05	NH23111			
39	22300511	NGUYỄN TRƯƠNG MỸ	UYÊN	22/08/05	NH23111			
40	22300749	PHẠM THỊ TỔ	UYÊN	15/07/05	NH23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 2200 – Số hiệu lớp: 1867
Giảng viên: Lê Thị Bích Thảo
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 013 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22302360	TẮT QUỐC	AN	02/09/05	TV23111			
2	22304078	ĐÀO YẾN	ANH	23/05/04	TV23111			
3	22300251	HÀ QUỲNH	ANH	24/09/05	DM23111			
4	22304107	BÙI THẾ	BẢO	09/06/05	TV23111			Cấm thi
5	22303071	HUỲNH BẢO	DUY	07/04/05	TV23111			
6	22303903	VÕ MAI OANH	ĐÀO	21/12/05	TV23111			
7	22303826	TRẦN NGUYỄN CÁT	ĐẠI	28/04/99	TV23111			
8	22301149	DƯƠNG MỸ	ĐÌNH	06/07/05	TV23111			
9	22302208	NGUYỄN TRUNG THU	HIỀN	16/12/05	FT23111			
10	22302565	PHẠM NGUYỄN TRẦN	HOÀNG	01/10/05	TV23111			
11	22302410	DU MỸ	HOA	24/02/05	TV23111			
12	22303813	NGUYỄN TRỌNG KHÁNH	HOÀNG	21/09/05	TV23111			
13	22304080	HOÀNG ĐỨC	HUY	16/02/05	TV23111			
14	22302405	LẠI TRỌNG	HƯNG	08/11/05	LG23111			
15	22103102	PHẠM GIA	HƯNG	23/10/03	TV21111			
16	22303925	TRỊNH THỊ THU	HƯƠNG	19/03/05	TV23111			
17	22304048	HSU CHIH	JYE	01/09/02	TV23111			
18	22302726	HUỲNH DUY	KHA	23/05/05	TV23111			
19	22303825	TRẦN ĐÀM DUY	KHANG	10/09/05	TV23111			
20	22302461	NGUYỄN ANH	KHOA	04/12/05	TV23111			
21	22302518	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	14/01/05	TV23111			
22	22303809	VŨ	KIỆT	21/11/05	TV23111			
23	22302540	TRẦN HOÀNG	LONG	03/05/05	TV23111			
24	22303233	NGUYỄN PHÁT	LỘC	30/01/05	TV23111			
25	22500010	NGUYỄN QUANG	MINH	07/12/05	TV251			
26	22113016	ĐẶNG THANH	NGÂN	02/04/03	MK21111			Cấm thi
27	22303904	TRẦN NGỌC	NGÂN	28/04/05	TV23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 2200 – Số hiệu lớp: 1867
Giảng viên: Lê Thị Bích Thảo
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 014 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22302327	TRẦN MỸ	NGÂN	04/11/04	TV23111			
2	22302203	NGUYỄN ĐẶNG CHÍ	NGHĨA	10/04/05	TV23111			Cấm thi
3	22303949	VĂN CHẤN	NGHĨA	16/11/03	TV23111			
4	22302566	NGUYỄN VĂN MINH	NHẬT	25/10/05	TV23111			
5	22302459	BÙI NGUYỄN TUYẾT	NHI	03/04/03	TV23111			
6	22302253	NGUYỄN VIỆT ANH	QUÂN	21/05/05	TV23111			
7	22303790	PHẠM NGUYỄN THANH	TÂM	04/05/05	TV23111			
8	22304022	ĐÌNH GIA	THÀNH	27/09/05	TV23111			
9	22302449	HÀ CÔNG	THÀNH	30/01/05	TV23111			Cấm thi
10	22303836	NGUYỄN PHÚ	THỊNH	11/08/05	TV23111			
11	22302416	LÊ PHƯỚC	THÔNG	05/10/05	TV23111			
12	22304083	NGUYỄN THỊ DIỆU	THUY	24/10/05	TV23111			
13	22302559	DƯƠNG TẤN BẢO	THÚY	29/12/05	TV23111			
14	22304075	ĐÌNH NGUYỄN NGỌC	THƯ	28/06/03	TV23111			
15	22303053	NGUYỄN MINH	THƯ	08/06/05	TV23111			
16	22303118	NHÂM VĂN	THƯ	31/10/05	TV23111			
17	22401690	HUỲNH PHÚC	TIẾN	11/10/05	DM24111			
18	22303936	NGUYỄN ANH	TIẾN	12/02/03	TV23111			
19	22303729	TRẦN QUỲNH	TRÂM	04/06/05	TV23111			
20	22303074	DƯƠNG ĐÌNH	TRI	16/08/05	TV23111			
21	22303060	TRẦN CHÍ	TRƯỜNG	20/03/05	TV23111			
22	22302569	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	TUYỀN	13/02/05	TV23111			
23	22303807	NGUYỄN THANH	TUYỀN	05/02/05	TV23111			
24	22303662	NGUYỄN THỤY THỰC	UYÊN	07/04/05	TV23111			
25	22300999	VÕ THỊ MỸ	UYÊN	24/10/03	TV23111			
26	22302573	BÙI TƯỜNG	VY	15/01/05	TV23111			
27	22303426	NGUYỄN THUẬN	VY	30/11/05	TV23111			
28	22303209	LÊ HỒNG	YẾN	06/12/05	TV23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 2300 – Số hiệu lớp: 1868
Giảng viên: Đinh Thị Thúy Hằng
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 016 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400071	LÊ TÚ	ANH	19/11/04	TV24111			
2	22400070	NGHIÊM THỊ NGỌC	ÁNH	09/02/04	TC24111			
3	22400915	LƯU TRƯỜNG	CHÍ	20/11/06	TV24111			
4	22401457	THÁI THƯỢNG	DUY	03/08/06	TV24111			
5	22401713	TRẦN BẢO	DUY	11/04/06	TV24111			Cấm thi
6	22401725	HUYỀN TUẤN	ĐẠT	11/10/06	TV24111			
7	22401586	LẠI ĐÌNH THÀNH	ĐẠT	15/05/06	TV24111			
8	22403008	NGUYỄN HOÀNG CHÂU	GIANG	29/08/05	LG24111			
9	22402021	VĂN ÁI NGỌC	HÀ	22/08/06	NT24111			
10	22401092	HÀ KIẾN	HÀO	05/10/06	TV24111			
11	22401157	NGUYỄN CÔNG	HẬU	28/02/06	TV24111			
12	22402837	ĐÌNH TRUNG	HIẾU	15/09/05	TV24111			
13	22400896	HUYỀN LÊ CHÍ	HIẾU	11/04/06	TV24111			
14	22402920	TRẦN VĂN	HIẾU	11/03/06	TV24111			
15	22303113	NGUYỄN LƯƠNG MỸ	HOA	15/06/05	NT23111			
16	22401121	LÊ TRẦN TƯỜNG	HY	01/11/06	TV24111			
17	22401544	VÕ LÝ AN	KHANG	27/01/06	TV24111			
18	22401258	LÊ TUẤN	KIỆT	17/12/06	TV24111			
19	22402077	HÀ PHƯƠNG	LINH	13/07/06	LG24111			
20	22402061	LÊ TRẦN PHÚ	NGÂN	07/09/06	TV24111			
21	22401298	LÂM XUÂN	NGHI	04/12/06	TV24111			
22	22402969	TRƯƠNG GIA	NGHI	01/03/06	TV24111			
23	22400471	ĐOÀN THANH	NGỌC	24/10/06	TV24111			
24	22303831	LÊ HỒNG	NGỌC	14/04/05	NL23111			
25	22402246	LƯU BẢO	NGỌC	23/09/06	TV24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 2300 – Số hiệu lớp: 1868
Giảng viên: Đinh Thị Thúy Hằng
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 018 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22403018	VÕ LÊ BÍCH	NGỌC	12/01/06	TV24111			
2	22401364	NGUYỄN GIA	NGUYỄN	10/09/06	TV24111			
3	22400923	NGUYỄN HOÀNG KHÔI	NGUYỄN	20/01/06	TV24111			
4	22401476	VĂN THANH HỒNG	NHUNG	27/02/06	TV24111			
5	22400961	VÕ CHÂU ÁI	PHƯƠNG	09/09/06	LG24111			
6	22402841	BÙI NGUYỄN DẠ	QUYÊN	16/06/06	TV24111			
7	22402733	PHẠM NGỌC	QUÝ	12/06/06	TV24111			
8	22401489	PHAN HOÀNG	THÁI	05/09/06	TV24111			
9	22204382	ĐÀO THANH	THẢO	21/08/04	NL22111			
10	22401842	PHẠM PHƯƠNG	THẢO	11/11/06	TV24111			
11	22401136	QUÁCH HẠNH	THI	09/03/06	TV24111			
12	22401366	PHẠM PHÚ	THỊNH	16/04/06	TV24111			
13	22401720	VŨ NGUYỄN CA	THUY	11/02/06	TV24111			
14	22402031	TRẦN THỊ THUỶ	TIẾN	10/08/06	TV24111			
15	22300091	TRƯƠNG HUỲNH NGỌC	TIỀN	27/03/03	MK23111			
16	22401261	ĐÌNH NGỌC	TRÂM	26/07/06	TV24111			
17	22401667	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	08/09/06	TV24111			
18	22402448	NGUYỄN NHẤT	TRÂN	11/11/06	TV24111			
19	22403056	HUỲNH MAI PHƯƠNG	TRINH	11/07/06	TV24111			
20	22401676	NGUYỄN BẢO	TRINH	18/12/06	TV24111			Cấm thi
21	22301853	TRẦN NGỌC THANH	TRÚC	30/06/05	NT23111			
22	22402959	HOÀNG QUỐC	TUẤN	02/12/06	TV24111			
23	2193172	PHẠM ANH	TUẤN	04/08/01	TV19111			
24	22014558	NGUYỄN VĂN	TÚ	27/11/02	MK20111			
25	22400869	HỒ NGỌC KHÁNH	VY	23/11/06	TV24111			
26	22401729	NGUYỄN ĐỖ THẢO	VY	06/04/03	NT24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tài chính Doanh nghiệp (TC202DV01) – Số tín chỉ: 3.00

Lớp học phần: 2400 – Số hiệu lớp: 1869

Giảng viên: Phùng Thế Vinh

Ngày thi: 02/01/2026

Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 003 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402718	HUỲNH NGỌC TUYẾT	ANH	17/10/06	TV24111			
2	22400586	NGUYỄN ĐỨC PHƯỚC	ANH	14/11/06	TV24111			
3	22401530	PHÙNG VÂN	ANH	17/02/06	TV24111			
4	22400577	KHUUU HIỀN	ÂN	24/09/05	TV24111			
5	22401558	NGUYỄN ĐỨC GIA	BẢO	22/02/06	TV24111			
6	22400037	PHẠM LINH	CHI	18/10/05	TV24111			
7	22400891	TRANG MINH	CHIẾN	24/06/06	TV24111			
8	22400655	CHU SÙNG	DUY	22/12/04	TV24111			
9	22401538	ĐINH TRẦN TRÍ	DŨNG	22/06/06	TV24111			
10	22401122	NGUYỄN HỮU	ĐỨC	03/03/06	TV24111			
11	22300846	NGUYỄN NHẬT	HÀO	13/02/05	LG23111			
12	22401640	TRẦN MINH	HIỂU	24/08/06	TV24111			
13	22401113	NGUYỄN LỮ	HỒNG	02/08/06	TV24111			
14	22300489	NGUYỄN VÕ HOÀNG	HUY	18/08/01	DM23111			
15	22402882	NGUYỄN VIỆT DUY	HƯNG	21/12/06	TV24111			
16	22301078	NGUYỄN LÊ MINH	KHẢI	10/01/05	KN23111			
17	22204992	LÊ ĐÀO ĐĂNG	KHOA	28/03/03	LG22111			
18	22400461	PHẠM THỊ TUYẾT	LAN	17/10/06	TV24111			
19	22400535	LƯƠNG THANH	LÊ	08/04/06	TV24111			
20	22401783	HOÀNG KHÁNH	LINH	18/08/06	TV24111			
21	22400709	ĐỖ HUY	LONG	24/05/06	TV24111			
22	22403047	PHẠM QUỐC	LONG	05/12/03	TV24111			
23	22400715	TRẦN PHI	LONG	27/10/06	TV24111			
24	22401654	BÙI GIA	LỘC	29/06/06	TV24111			
25	22401659	LÊ THỊ KIM	NGÂN	05/12/06	TV24111			
26	22402118	VÕ THIÊN GIA	NGHI	14/04/06	TV24111			
27	22402753	TRẦN TRỌNG	NGHĨA	05/06/06	TV24111			
28	22301494	PHẠM HOÀNG BẢO	NGỌC	15/12/05	TC23111			
29	22401823	ĐỒNG ÁNH	NGUYỆT	22/05/06	TV24111			
30	22400829	TRẦN ĐOÀN PHƯỚC	NGUYỄN	31/10/06	TV24111			
31	22401404	TRẦN LÊ Ý	NHƯ	24/12/06	TV24111			
32	22400175	NGÔ VÕ MINH	QUÂN	26/06/06	TV24111			
33	22402992	NGUYỄN ĐÌNH MINH	QUÂN	16/11/06	TV24111			Cấm thi
34	22400791	LÊ PHÚ	TÀI	16/06/04	TV24111			
35	22400822	VIÊN ĐỨC	THÀNH	06/05/06	TV24111			Cấm thi
36	22402676	PHẠM HỒNG	THIÊN	06/02/06	TV24111			
37	22401045	NGUYỄN TRUNG	THÔNG	17/09/06	TV24111			
38	22402160	NGUYỄN ANH	THƯ	12/09/06	TV24111			
39	22401050	NGUYỄN MINH	THƯ	17/10/06	TV24111			
40	22402017	PHAN THỊ MINH	THƯ	01/02/06	TV24111			
41	22400929	HUỲNH HỒ QUANG	TIẾN	18/09/06	TV24111			

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
42	22300028	NGUYỄN THU	TRANG	22/09/04	TC23111			
43	22302213	TRẦN NHÃ	UYÊN	10/03/05	TC23111			
44	22400421	HỒ THỊ THẢO	VY	10/12/05	TV24111			
45	22300107	NGÔ BẢO	VY	06/09/03	TV23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Quantitative Method in Finance (TC401DE02) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1324
Giảng viên: Đinh Thị Thúy Hằng
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 017 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22206917	TRẦN THANH	ĐANG	28/04/04	TC22111			
2	22207602	QUÁCH THÀNH	ĐẠT	03/05/04	TC22111			
3	22205898	LÊ TRẦN BẢO	HÂN	22/05/04	TC22111			
4	22202653	LƯƠNG NGỌC YẾN	NHI	05/04/04	TC22111			
5	2181188	NGUYỄN MINH	QUANG	23/04/00	GF1812			
6	22400812	LÊ TẤN	TÀI	13/06/03	TC24111			
7	22207571	NGUYỄN DANH	THÁI	07/12/04	TC22111			
8	22205921	NGÔ THỊ KIM	THƯ	15/01/04	TC22111			
9	22203947	TRẦN THỊ ANH	THƯ	07/06/04	TC22111			
10	22001022	NGUYỄN TRỌNG	TÍN	30/12/99	TC20111			
11	2193435	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	31/01/01	KN19111			
12	22006873	NGUYỄN HOÀN MỸ	TRÂN	23/01/02	GF20121			
13	22206470	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG	TRINH	20/05/04	TC22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Business Ethics (BA103DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1072
Giảng viên: Nguyễn Thị Trung Trinh
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 043 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22119413	ĐẶNG THIÊN	ANH	13/10/03	DL21121			
2	22114334	HÀ NGÂN	ANH	20/01/03	DL21121			
3	22113264	NGUYỄN NGỌC MINH	ANH	12/07/03	DL21121			
4	22300711	PHẠM LÊ CÔNG	DANH	25/04/02	KS23111			
5	22206488	LÊ QUANG	ĐẠT	20/12/04	DL22121			
6	22205499	VÕ TRƯỞNG THÀNH	ĐẠT	09/04/04	DL22121			
7	22002812	DƯƠNG ĐẠI	ĐỒNG	10/05/02	KS20111			
8	22204499	HỒ HOÀNG	GIA	04/09/04	DL22121			
9	22206165	NGUYỄN PHI	HÙNG	02/06/04	DL22121			
10	22205053	ĐINH NGUYỄN LÂM	KHANG	15/12/04	DL22121			
11	22205608	ĐÀM QUANG	MINH	16/10/04	TV22111			
12	22200453	NGUYỄN LÂM	MINH	29/10/04	DL22121			
13	22123024	NGUYỄN NGỌC BÍCH	NGÂN	12/11/03	DL21121			
14	22207195	TRẦN LÊ PHÚC	NGÂN	21/10/04	DL22121			
15	2190504	PHÙNG NGUYỄN ĐOAN	NGHI	06/06/99	DL19122			
16	2192873	HUỲNH DIỆP YẾN	NHI	05/07/01	DL19121			
17	22206096	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	NHƯ	29/01/04	DL22121			
18	22114439	PHẠM PHÚ	PHI	22/09/03	TV21111			Cấm thi
19	22205293	PHẠM VŨ HỒNG	PHI	29/07/04	DL22121			
20	22200350	PHAN HOÀNG MINH	QUÂN	13/10/04	DL22121			
21	22205901	TÔ LỆ	QUÂN	01/01/04	DL22121			
22	22200132	NGUYỄN KIM	SANG	02/04/04	DL22121			
23	2190943	ĐẶNG THỊ THU	THẢO	05/06/01	DL19121			
24	22205997	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	THẢO	04/10/04	TT22111			
25	22207594	NGUYỄN QUỐC	THẮNG	02/09/03	TV22111			
26	22101979	NGUYỄN HUY	THÔNG	25/12/03	TT21111			
27	22207222	VŨ MINH	TRÍ	18/08/04	DL22121			
28	22500079	NGUYỄN THỊ NHƯ	TUYẾT	30/08/04	MK25111			
29	22204850	LÂM PHƯƠNG	VINH	26/09/03	DL22121			
30	22011390	PHẠM NGỌC KHÁNH	VY	22/10/02	DL20121			
31	22119355	TỪ THẢO	VY	02/07/03	DL21121			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Business Operations Management (BA304DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1985
Giảng viên: Phan Võ Minh Thắng
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 004 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22207099	NGUYỄN QUỐC	BẢO	20/12/03	TV22111			
2	22207227	NGUYỄN THỊ THANH	BÌNH	10/06/03	TV22111			
3	22205764	TRỊNH NHƯ	BÌNH	24/03/04	TV22111			
4	22140261	TRẦN THÙY	DƯƠNG	24/07/02	TV21111			
5	22205927	VÕ THÀNH	ĐẠT	05/10/04	TV22111			
6	22205059	NGUYỄN HỒ PHƯƠNG	HÀ	12/02/03	TV22111			
7	22206478	NGUYỄN THỊ BÍCH	HẰNG	07/05/03	TV22111			
8	22014652	NGUYỄN HỮU	HOÀNG	11/10/02	TV20111			
9	22205345	ONG ĐỨC	HUY	21/09/04	TV22111			
10	22207266	HUỲNH THỊ THU	HƯƠNG	20/08/03	TV22111			
11	22207145	NGUYỄN THỊNH LÂM	KHANG	14/12/04	TV22111			
12	22207432	TRƯƠNG VĨ	KHANG	08/05/03	TV22111			Cấm thi
13	22207223	ĐẶNG QUANG	KHÁNH	01/07/04	TV22111			
14	22205157	PHẠM TUYẾT	KHẢ	26/02/04	TV22111			
15	22204764	NGUYỄN DUY	KHƯƠNG	23/01/04	TV22111			
16	22200493	NGUYỄN HOÀNG	LỘC	02/07/04	TV22111			
17	22101236	TRẦN VŨ KIỀU	MY	25/02/03	TV21111			
18	22207017	VÕ ĐÔNG	MY	06/05/04	TV22111			
19	22205319	ĐẶNG THỊ THANH	NGA	18/07/04	TV22111			
20	22205137	NGUYỄN THANH	NGÂN	19/04/04	TV22111			
21	22206282	VÕ CHÍ	NGHĨA	23/05/01	TV22111			
22	22116345	NGUYỄN THỊ YẾN	NHƯ	24/04/03	TV21111			
23	22205768	PHAN NGUYỄN THU	NHƯ	04/10/04	TV22111			
24	22116339	VÕ NGỌC QUỲNH	NHƯ	30/09/03	TV21111			
25	22202724	ĐÀO KIỀU	PHƯƠNG	01/04/04	TV22111			
26	22205672	TRẦN NGUYỄN	PHƯỚC	21/04/04	TV22111			
27	22207760	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH	05/03/03	TV22111			
28	22111684	NGUYỄN THÚY	QUỲNH	02/03/03	TV21111			
29	22116286	PHẠM NHƯ	QUỲNH	28/03/03	TV21111			
30	22205321	PHAN THANH	TÂN	31/05/04	TV22111			
31	22205599	TRẦN VIỆT	THẮNG	09/07/04	TV22111			
32	22206606	ĐỖ MINH	THIỆN	17/03/04	TV22111			
33	22206994	NGUYỄN NGỌC UYÊN	THY	19/06/03	TV22111			
34	22203734	TRẦN NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	UYÊN	02/04/04	TV22111			
35	22207016	TRƯƠNG TRIỀU	VINH	14/03/04	TV22111			
36	22107923	PHAN HOÀNG NGỌC	VĨ	11/03/03	TV21111			
37	22205730	ĐỖ ĐÌNH	VƯỢNG	03/01/04	TV22111			
38	22205605	ĐẶNG THỊ LAN	VY	05/02/04	TV22111			
39	22206587	MAI THUÝ	VY	21/11/01	TV22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Human Resource Management (HRM203DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1176
Giảng viên: Nguyễn Quốc Sĩ
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 048 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22206773	ĐỖ TRẦN ĐIẾP	ANH	14/05/04	NT22111			
2	22205827	NGUYỄN LÊ	ANH	17/12/02	NT22111			
3	22110509	NGUYỄN VŨ MINH	ANH	26/12/02	TV21111			
4	22206091	VÕ NGUYỄN VÂN	ANH	23/08/04	TV22111			
5	22123022	TRẦN NHƯ	BÌNH	28/08/03	LG21111			
6	22105753	HUỲNH NHẬT	DUY	15/06/03	TV21111			
7	22205631	NGUYỄN ĐÔNG	ĐAN	07/01/03	EC22111			
8	22102872	TẠ NGỌC	HUY	02/07/03	LG21111			
9	22206071	TRẦN ANH	HUY	10/01/04	TV22111			
10	22114637	HUỲNH TRÍ	HÙNG	19/10/03	LG21111			
11	22205527	NGUYỄN CHÍ	HÙNG	24/05/04	NT22111			
12	22001178	NGUYỄN QUỐC	HƯNG	06/11/02	DM20111			
13	22004237	DƯƠNG TRUNG	KHẢI	06/10/02	TV20111			Cấm thi
14	22207539	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	30/01/03	MK22111			
15	22201329	HÀ TUẤN	KIỆT	09/08/04	NT22111			
16	22003868	NGUYỄN PHI	LONG	13/04/02	HQ20111			
17	22207187	NGUYỄN PHƯỚC ĐỊNH	LONG	21/11/03	NT22111			
18	22006412	PHẠM LƯU NGỌC	MINH	28/11/02	HQ20111			
19	22205503	LÊ HÀ PHƯƠNG	NAM	16/12/04	NT22111			
20	22201723	TỬ NHÂN	NGHĨA	06/02/04	EC22111			
21	22200745	TRƯƠNG THÚY BẢO	NGỌC	02/09/04	MK22111			
22	22207198	ĐOÀN NGUYỄN TRỌNG	NGUYỄN	27/10/04	TV22111			
23	22500014	NGUYỄN THANH	NHÃ	21/07/04	MK25111			
24	22011964	HỒ THỊ UYẾN	NHI	02/04/02	TV20111			
25	22103049	PHẠM HẠO	NHIÊN	28/03/03	TV21111			
26	22100436	ĐỖ HỒNG	PHÚC	11/10/03	LG21111			
27	22205549	TRẦN THIÊN	PHÚC	28/01/04	TV22111			
28	22010889	HOÀNG ANH	QUỐC	20/06/02	TV20111			
29	22207647	NGUYỄN VĂN PHÚ	QUỐC	12/10/02	TV22111			
30	2191891	NGUYỄN HUỲNH PHƯƠNG	QUYÊN	19/03/01	TV19112			
31	22204556	NGUYỄN ĐỨC	THẮNG	04/11/04	TV22111			
32	22206694	PHAN MINH	THƯ	06/11/04	EC22111			
33	22400528	PHẠM HOÀNG MINH	THƯ	09/03/05	DM24111			
34	22206376	TRẦN ANH	THƯ	27/06/04	NT22111			
35	22118807	LÊ HOÀNG	THỨC	16/10/03	TV21111			
36	22106066	TRẦN MINH	TIẾN	05/06/03	TV21111			
37	2191208	NGUYỄN TRẦN	TOÀN	29/04/01	LG19111			Cấm thi
38	22012522	VÕ ĐĂNG THANH	TUYỀN	26/07/02	DM20111			Cấm thi
39	2191650	TIÊU ANH CÁT	TƯỜNG	22/12/00	VP19111			
40	2195212	TRẦN QUỲNH GIA	UY	08/11/01	TV19111			
41	22011311	LÊ HOÀNG THẢO	VY	27/01/02	TV20111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Software Testing (IT207DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1192
Giảng viên: Nguyễn Ngọc Tú
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 033 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22206051	MAI THẠCH	ANH	19/11/04	QL22111			
2	22300811	NGUYỄN KIM	ANH	26/02/05	PM23111			
3	22303506	NGUYỄN LƯƠNG TUẤN	ANH	25/04/05	PM23111			
4	22303822	NGUYỄN VĂN HOÀNG	ANH	04/04/05	PM23111			
5	22300410	HUỲNH KIM	ÁI	17/03/05	PM23111			
6	22300456	LÊ HẢI	ÂU	15/04/03	PM23111			
7	22300433	ĐOÀN HUỲNH GIA	BẢO	05/08/04	PM23111			
8	22201430	NGUYỄN MẠNH	BẢO	21/09/04	QL22111			
9	22301430	TRẦN GIA	BẢO	31/08/05	PM23111			
10	22207172	PHẠM PHÚ	BÌNH	01/10/04	QL22111			
11	22301500	VÕ DUY	BÌNH	02/07/05	PM23111			
12	22207110	NGUYỄN HOÀNG ĐỨC	DUY	10/11/04	QL22111			
13	22301557	TRƯƠNG QUỐC	DUY	04/01/05	PM23111			
14	22303093	NGUYỄN TRẦN QUANG	DŨNG	28/11/04	PM23111			
15	22301468	TRẦN LÊ ĐĂNG	DŨNG	04/07/05	PM23111			
16	22205773	CAO THIÊN	ĐẠT	16/02/04	QL22111			
17	22301301	PHẠM TẤN	ĐẠT	06/06/05	PM23111			
18	22304059	PHẠM TRUNG	ĐỨC	09/11/03	PM23111			
19	22200384	TẶNG VĨ	HÀO	02/11/04	QL22111			
20	22301746	TRẦN VŨ GIA	HÂN	06/01/05	PM23111			
21	22202147	NGUYỄN HUY	HOÀNG	16/05/04	QL22111			
22	22300886	ĐÀO ĐÌNH	HÒA	16/04/04	PM23111			
23	22300454	NGUYỄN DƯƠNG ANH	HUY	02/05/05	PM23111			
24	22303760	NGUYỄN VŨ MINH	HUY	23/11/05	PM23111			Cấm thi
25	22301939	TRẦN GIA	HUY	13/04/05	PM23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Software Testing (IT207DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1192
Giảng viên: Nguyễn Ngọc Tú
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 044 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22302422	VŨ BẢO	HUY	29/03/04	PM23111			
2	22204877	ĐỖ THANH	HÙNG	06/06/04	QL22111			
3	22207196	LÂM XUÂN	HÙNG	28/01/04	QL22111			
4	22302718	NGUYỄN LÂM	HÙNG	06/02/05	PM23111			
5	22300417	PHẠM QUANG MẠNH	HÙNG	14/09/05	PM23111			
6	22301218	QUAN MINH QUỐC	KHANG	06/10/05	PM23111			
7	22302539	NGÔ THẾ QUỐC	KHÁNH	04/09/05	PM23111			
8	22206507	NGUYỄN HOÀNG MINH	KHẢI	18/03/04	QL22111			
9	22206514	THÁI HOÀNG	KHẢI	25/01/04	QL22111			
10	22204882	LÊ ĐĂNG	KHOA	25/11/01	QL22111			
11	22303911	TRẦN VĂN	KHOA	31/10/05	PM23111			
12	22207398	HUỖNH MINH	KHÔI	12/07/04	QL22111			
13	22303750	PHAN TRẦN HOÀNG	KHÔI	30/09/05	PM23111			
14	22302141	LÂM TIẾN	KIỆT	31/07/05	PM23111			
15	22205772	NGUYỄN HOÀNG QUANG	KIỆT	19/06/04	QL22111			
16	22300236	TRẦN BÁ	LỢI	26/09/05	PM23111			Cấm thi
17	22207237	NGUYỄN PHƯƠNG	NAM	24/11/04	QL22111			
18	22301082	ĐẶNG VĂN	NGHĨA	01/08/05	PM23111			
19	22206855	ĐOÀN QUÝ	NHÂN	25/11/04	QL22111			
20	22300046	LÂM QUỐC	NHÂN	20/09/02	PM23111			
21	22205461	LÊ DANH	NHÂN	07/05/04	QL22111			
22	22400462	LÊ MINH	NHẬT	05/06/99	PM24111			
23	22300121	HOÀNG GIA	PHÚC	31/03/02	PM23111			
24	22302429	TRẦN ĐÌNH	PHÚC	21/04/05	PM23111			
25	22300363	HUỖNH NGỌC	QUANG	31/07/05	PM23111			
26	22301501	PHẠM NGỌC ANH	QUỐC	07/02/05	PM23111			
27	22206271	ĐOÀN THỊ NGUYỄN	SA	01/01/00	QL22111			
28	22300242	VŨ HOÀNG	SƠN	01/09/05	PM23111			
29	22301165	HUỖNH HỮU	TÂM	07/09/05	PM23111			
30	22204783	ĐẬU MINH	TÂN	23/04/04	QL22111			
31	22301177	NGUYỄN CHÍ	THIỆN	17/04/05	PM23111			
32	22300200	DƯƠNG MINH	THIỆN	12/10/05	PM23111			
33	22301490	HUỖNH TRUNG	TÍNH	28/04/05	PM23111			
34	22303092	MAI HOÀNG	TUẤN	20/01/03	PM23111			
35	22301098	ĐẶNG QUỐC	VIỆT	04/03/03	PM23111			
36	22301145	TRẦN QUANG	VINH	09/03/05	PM23111			
37	22300942	NGUYỄN HUỖNH ANH	VŨ	19/04/05	PM23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Luật Tài sản (LAW201DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1642
Giảng viên: Đào Duy Tân
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 006 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401267	VÕ THỊ KHÁNH	BĂNG	17/06/06	LW24111			
2	22400863	NGUYỄN THỊ THANH	DIỆU	06/01/06	BL24111			
3	22401349	VÕ NHẤT	DUY	22/07/06	LW24111			
4	22400400	LÊ NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	12/05/06	BL24111			
5	22400484	LỮ THIÊN	ĐĂNG	20/03/05	LW24111			
6	22200017	LÊ THÀNH	HẢO	21/05/03	BL22111			Cấm thi
7	22401273	ĐỖ NGOÇ KHÁNH	HÂN	01/11/06	BL24111			
8	22400970	NGÔ GIA	HÂN	25/11/06	LW24111			
9	22402888	TẠ LÊ NGỌC	HÂN	24/04/06	BL24111			
10	22401260	TRẦN NGUYỄN MAI	HÂN	20/06/06	BL24111			
11	22401051	NGUYỄN VIỆT MINH	HIẾU	24/01/02	LW24111			
12	22401024	NGUYỄN MINH	HOÀNG	20/01/06	BL24111			
13	22400725	BÙI DUY	HƯNG	13/05/06	BL24111			
14	22401808	PHẠM ĐỖ GIA	HƯNG	13/01/06	BL24111			
15	22400360	LÊ XUÂN	HƯƠNG	24/05/06	BL24111			
16	22401070	PHAN THANH	HƯƠNG	14/06/06	BL24111			
17	22401405	NGUYỄN LỮ ĐĂNG	KHOA	14/09/06	LW24111			
18	22402630	LÊ MAI	KHÔI	10/11/05	BL24111			
19	22401983	NGUYỄN TRẦN MINH	KHUÊ	22/12/06	BL24111			
20	22400031	NGUYỄN KHA TUẤN	KIỆT	08/07/03	LW24111			
21	22401098	NGUYỄN THẮNG	LỢI	16/04/06	LW24111			
22	22402912	LÊ CÔNG NGUYỄN	MINH	20/02/06	LW24111			
23	22402876	VÕ LÊ NGỌC	MINH	02/12/06	BL24111			
24	22402801	NGUYỄN LÂM GIA	NGHI	25/10/06	LW24111			
25	22401352	NGUYỄN HỒNG BẢO	NGỌC	17/09/06	BL24111			
26	22400827	PHẠM THỊ KIM	NGỌC	14/04/06	LW24111			
27	22400358	NGUYỄN THANH THẢO	NGUYỄN	15/11/06	BL24111			
28	22401264	PHAN THỊ THẢO	NGUYỄN	03/06/06	LW24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Luật Tài sản (LAW201DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1642
Giảng viên: Đào Duy Tân
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 007 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401501	TRẦN KIM	NGUYỄN	04/12/06	LW24111			
2	22400945	LÊ PHONG	NHÃ	08/04/06	BL24111			
3	22402849	LÊ THỊ YẾN	NHI	02/12/06	LW24111			
4	22400976	NGUYỄN LÊ UYÊN	NHI	10/04/06	BL24111			
5	22401154	NGUYỄN NGỌC THANH	NHI	20/02/06	BL24111			
6	22401514	NGUYỄN NGỌC Ý	NHI	31/07/05	LW24111			
7	22401623	THẠCH THỤY MỸ	NHUNG	26/03/06	LW24111			
8	22402972	LÂM GIA	PHÚ	10/11/06	LW24111			
9	22400649	NGUYỄN THỊ THANH	THANH	10/06/06	BL24111			
10	22400057	BÙI NGUYỄN	THÀNH	02/09/02	LW24111			
11	22401974	GIANG TRẦN NGỌC	THẢO	22/05/06	BL24111			
12	22401730	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	THẢO	08/10/06	BL24111			
13	22401981	NGUYỄN LÊ ANH	THƯ	12/07/06	LW24111			
14	22402772	TRẦN THỊ HOÀI	THƯƠNG	21/01/06	LW24111			
15	22400698	HUỲNH ĐĂNG CẨM	TIẾN	27/04/06	BL24111			
16	22401563	ĐÌNH KHẮC HOÀNG	TIẾN	22/06/06	LW24111			
17	22401020	NGUYỄN HOÀNG	TIẾN	01/12/06	LW24111			
18	22401324	ĐỖ HOÀNG UYÊN	TRANG	24/06/06	BL24111			
19	22401408	LÊ THỊ THỦY	TRANG	29/09/06	BL24111			
20	22302466	NGUYỄN THỊ THỦY	TRANG	09/08/05	BL23111			
21	22402321	LƯƠNG QUỲNH	TRÂM	20/06/06	LW24111			
22	22118126	HUỲNH MINH	TUẤN	17/12/03	BL21111			
23	22401992	NGUYỄN NGỌC CẨM	TÚ	13/10/06	LW24111			
24	22403121	TRẦN CẨM	TÚ	11/08/04	BL24111			
25	22401638	ÂU HẢI KHÁNH	VY	02/09/04	BL24111			
26	22402771	NGUYỄN KIM THẢO	VY	11/04/06	BL24111			
27	22402184	NGUYỄN MAI	VY	20/06/06	LW24111			
28	22401488	CÙ HOÀNG	YẾN	01/09/03	BL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Cargo and Insurance in International Transport (FIATA) (LG315DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1227
Giảng viên: Phạm Lệ Dung
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 15g30
Phòng thi: Phòng 049 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22206400	NGUYỄN VĂN	AN	06/08/04	LG22111			
2	22206166	LÊ DUY	BẢO	12/06/04	LG22111			
3	22205132	NGUYỄN NHẬT	BẰNG	06/06/04	LG22111			
4	22118484	DƯƠNG ANH	DUY	14/08/03	LG21111			
5	22118729	TRẦN QUỐC	ĐẠT	09/04/03	LG21111			
6	22200487	NGUYỄN TRÍ	ĐỨC	30/11/04	LG22111			
7	22204751	ĐÀO KHÁNH	HÀ	06/01/04	LG22111			
8	22206157	LƯU NGỌC	HIẾU	11/03/04	LG22111			
9	22204846	MÀNH THỊ THẢO	HIỀN	19/03/00	LG22111			
10	22206801	NGUYỄN MINH	HUY	05/06/04	LG22111			
11	22204978	NGUYỄN NHẬT	HUY	12/11/04	LG22111			
12	22200355	QUÁCH MINH	HUY	14/08/99	LG22111			
13	22202346	HOÀNG ANH	KHOA	31/05/04	LG22111			
14	22206184	CHU THỊ KHÁNH	LINH	05/08/04	LG22111			
15	22205803	LƯU KIM	LONG	01/02/04	LG22111			
16	22400040	VƯƠNG PHẠM HẢI	NAM	09/08/04	LG24111			
17	22205735	CAO TRẦN KHÁNH	NGÂN	09/10/04	LG22111			
18	22206814	ĐẶNG THANH	NHI	03/05/04	LG22111			
19	22205199	NGUYỄN QUỲNH	NHI	30/06/04	LG22111			
20	22301705	NGÔ PHÚ	QUANG	28/01/05	LG23111			
21	22300897	HUỲNH TRUNG	QUÂN	03/06/02	LG23111			
22	22206799	TRẦN CAO PHÚ	SANG	30/10/04	LG22111			
23	22204845	NGUYỄN THÀNH	TÀI	24/03/03	LG22111			
24	22206419	HUỲNH THỊ MỘNG	TRINH	23/04/04	LG22111			
25	22400049	LÊ NGỌC CẨM	TÚ	08/06/03	LG24111			
26	22202948	LÊ HOÀNG TÂM	UYÊN	23/10/04	LG22111			
27	22304097	VÕ ĐẶNG NGÂN	VI	11/06/91	LG23111			
28	22300023	NGUYỄN HUỲNH ANH	VŨ	05/06/01	LG23111			
29	22110622	NGUYỄN THÚY	VY	14/10/03	LG21111			
30	22207552	VƯƠNG BẢO	YẾN	23/02/00	LG22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: B2B Sales Management (MK412DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1269
Giảng viên: Lý Thị Mỹ Hạnh
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 003 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500287	PIN	ELISABET H	06/11/04	QT225			
2	22500288	MÜHL	DORINE	18/06/02	QT225			
3	22500295	BOISSONNET-MARQUET	CASSANDR A	03/10/05	QT225			
4	22500304	DUCLOS	JONAH	30/07/05	QT225			
5	22207216	HUỖNH TRẦN TÚ	ANH	10/08/04	DM22111			
6	22201241	NGÔ QUỲNH	ANH	14/09/04	DM22111			
7	22113318	TRƯƠNG THIÊN	BẢO	12/05/03	DM21111			
8	22200646	NGUYỄN THỊ KIỀU	DIỄM	18/05/04	DM22111			
9	22206978	LÊ VĂN	DŨNG	01/03/04	DM22111			
10	22106447	LÊ KHÁNH	HÀ	03/10/03	MC21111			
11	22207614	LÊ NGUYỄN HOÀNG	HÀ	19/04/01	DM22111			
12	22202416	HÀ THẾ	HÀO	24/12/04	DM22111			
13	22204632	NGUYỄN GIA	HÀO	14/02/04	DM22111			
14	22206738	TRẦN NGỌC	HÂN	21/09/04	DM22111			
15	22115057	TRẦN NGỌC	HIỀN	04/08/03	DM21111			
16	22202318	NGUYỄN DƯƠNG MINH	HOÀNG	24/09/04	DM22111			
17	22200386	NGUYỄN MINH	HUY	20/05/04	DM22111			
18	22206450	LÊ PHÚC	KHANG	11/09/04	DM22111			
19	22105304	NGUYỄN LÊ THỤY	LÂM	12/05/03	DM21111			
20	22200561	LÊ LỤC	LINH	19/01/04	DM22111			
21	22206572	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	18/05/03	DM22111			
22	22206209	NGUYỄN DANH	LONG	25/08/04	DM22111			
23	22200395	LÊ PHƯỚC	LỢI	09/10/04	DM22111			
24	22206147	PHAN HỮU	LỢI	06/01/04	DM22111			
25	22205018	HUỖNH BẢO	NGHI	04/01/04	DM22111			
26	22206020	NGÔ THỊ NGỌC	NHUNG	17/01/04	DM22111			
27	22205099	NGUYỄN MẠNH	QUANG	03/01/03	DM22111			
28	22203261	LƯU KỶ	QUÂN	09/08/04	DM22111			
29	22100884	TRẦN VĂN THÀNH	QUÂN	15/10/03	DM21111			
30	22205060	PHẠM THANH	THIÊN	25/01/04	DM22111			Cấm thi
31	22206229	NGUYỄN TẤN	THỊNH	25/05/04	DM22111			
32	22206968	NGUYỄN MỘNG	THƯ	10/10/04	DM22111			
33	22206605	PHẠM ANH	THƯ	22/05/04	DM22111			
34	22203164	NGUYỄN VÕ MINH	THY	02/10/04	DM22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Bank Lending (TC406DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1325
Giảng viên: Đỗ Thị Lệ Thu
Ngày thi: 02/01/2026
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 019 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22112097	LÊ MAI PHƯƠNG	ANH	31/10/03	KN21111			
2	22206630	TÔ NGỌC	ÁNH	17/01/03	TC22111			
3	22205470	NGUYỄN NGỌC MINH	CHÂU	16/03/04	KN22111			Cấm thi
4	22206289	TRẦN ANH	ĐÀO	18/10/04	TC22111			
5	22206350	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	20/09/04	KT22111			
6	22113888	CAO NGỌC	HÂN	12/01/03	TC21111			
7	22205898	LÊ TRẦN BẢO	HÂN	22/05/04	TC22111			
8	22200477	HUYỀNH NGỌC THẢO	LINH	18/06/04	TC22111			
9	22200742	PHAN NGUYỄN NHẬT	LINH	21/01/04	KN22111			
10	22207729	PHẠM PHI	LONG	30/09/02	KT22111			
11	22207213	LÊ MINH BẢO	NGỌC	11/01/04	KN22111			
12	22008110	LÊ	PHÁT	09/03/02	GF20121			
13	22117829	NGUYỄN TẤN	PHÁT	11/06/03	KN21111			
14	22206413	NGUYỄN THÀNH	PHÁT	15/02/03	TC22111			
15	22207419	NGÔ KIM	PHỤNG	12/04/01	KT22111			Cấm thi
16	22113047	NGUYỄN DIỆP PHƯƠNG	PHƯƠNG	30/11/03	KN21111			
17	22205333	TRẦN KIM	THANH	04/06/04	TC22111			
18	22205921	NGÔ THỊ KIM	THƯ	15/01/04	TC22111			
19	22006873	NGUYỄN HOÀN MỸ	TRẦN	23/01/02	GF20121			
20	22207458	TRẦN XUÂN	TRƯỜNG	12/07/03	TC22111			
21	22011520	NGUYỄN NGỌC	TUYẾT	24/05/02	KT20111			
22	22204351	NGUYỄN HOÀI TỐ	UYÊN	16/12/02	KN22111			
23	22114934	NGUYỄN NGỌC KIỀU	VÂN	29/11/03	KT21121			
24	22200014	NGÔ THỊ	VIỄN	19/04/00	KN22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Quản trị Nhân sự (HRM203DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1559
Giảng viên: Nguyễn Quốc Sĩ
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 044 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401329	DƯƠNG KIỀU	ANH	21/01/06	DM24111			
2	22401332	HUỲNH CHÂU	ANH	10/01/06	DM24111			
3	22401664	LÊ NGỌC	ANH	02/06/06	DM24111			
4	22200833	NGUYỄN THỊ KIM	ANH	22/06/04	TV22111			
5	22401629	HÀ GIA	ÂN	01/01/06	DM24111			
6	22401614	LÔ GIA	BẢO	23/03/06	DM24111			
7	22400413	PHẠM GIA	BẢO	08/02/06	DM24111			
8	22402889	VÕ BẢO	CHÂU	18/12/06	DM24111			
9	22206088	PHẠM HOÀNG	DÌNH	01/03/04	MK22111			
10	22401356	NGUYỄN VĂN KHƯƠNG	DUY	29/08/06	DM24111			
11	22200434	TRẦN NGỌC BẢO	DUY	20/07/04	TV22111			
12	22400366	LÊ NGUYỄN	ĐĂNG	14/05/05	DM24111			Cấm thi
13	22205059	NGUYỄN HỒ PHƯƠNG	HÀ	12/02/03	TV22111			
14	22402922	NGUYỄN THỊ THANH	HÀ	27/01/06	DM24111			
15	22400373	NGUYỄN NHƯ	HIỀN	13/04/06	DM24111			
16	22400993	HÀ BẢO	HOÀNG	04/08/04	DM24111			
17	2190984	TRẦN HUY	HOÀNG	18/04/01	TV19112			
18	22503593	HUỲNH NGỌC	HỒNG	31/05/01	TV251			Cấm thi
19	22301460	NGUYỄN GIA	HUY	31/10/05	DM23111			
20	22402465	NGUYỄN MINH	HUY	02/10/06	DM24111			
21	22400816	NGUYỄN DUY	KHANG	24/09/06	DM24111			
22	22401674	TRƯƠNG HIẾU	KHÁNH	24/05/06	DM24111			
23	22401669	PHAN NHẬT	KHÔI	07/10/06	DM24111			
24	22402898	ĐÀO NGỌC BẢO	LINH	20/05/06	DM24111			
25	22401284	LƯU THỊ CHÍ	LINH	05/06/06	DM24111			
26	22400788	NGUYỄN KHÁNH	LINH	06/03/06	DM24111			
27	22400871	ĐỖ ANH	LONG	05/11/06	DM24111			
28	22402741	LÊ QUANG	LONG	28/07/06	DM24111			
29	22400312	TRỊNH MINH	LỢI	02/09/06	DM24111			Cấm thi
30	22402398	ĐẶNG GIA	MÃN	28/01/06	DM24111			
31	22402122	CAO BÍCH KIM	NGÂN	26/05/06	DM24111			
32	22401407	TRƯƠNG MỸ	NGÂN	31/01/06	DM24111			
33	22402018	VÕ LÊ THIÊN	NGÂN	14/06/06	DM24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Quản trị Nhân sự (HRM203DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1559
Giảng viên: Nguyễn Quốc Sĩ
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 048 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402001	TRẦN LÊ THIÊN	NGHI	13/12/06	DM24111			
2	22402187	HUỖNH KHÁNH	NGỌC	18/07/06	DM24111			
3	22401339	NGUYỄN HỒNG	NGỌC	11/01/06	DM24111			
4	22109506	ILIA THIÊN	NGUYỄN	13/07/03	LG21111			
5	22401169	CAO THANH	NHẤT	01/01/06	DM24111			
6	22401319	CHƯƠNG ĐỒNG	PHI	07/12/06	DM24111			
7	22402911	ĐỖ GIA	PHÚ	19/08/06	DM24111			
8	22400961	VÕ CHÂU ÁI	PHƯƠNG	09/09/06	LG24111			
9	22401018	PHẠM THỊ MỸ	PHƯỢNG	01/03/06	DM24111			
10	22400032	HỒ TẤN MINH	QUÂN	20/01/03	DM24111			
11	22401936	NGUYỄN ĐOÀN MINH	QUÂN	07/07/06	DM24111			
12	22401897	HOÀNG THỊ TRÚC	QUỲNH	11/12/06	DM24111			
13	22401917	NGUYỄN DƯƠNG NHƯ	QUỲNH	15/09/06	DM24111			
14	22401705	DƯƠNG MINH	TÀI	13/02/05	DM24111			
15	22400924	HOÀNG ANH	TÀI	18/07/06	DM24111			
16	22400058	NGUYỄN TƯỚNG	TÀI	18/09/04	DM24111			
17	22401546	PHẠM THỊ THANH	TÂM	26/05/06	DM24111			
18	22500005	TRẦN NHẬT	TÂN	14/01/02	MK25111			
19	22401635	ĐÀO DUY	THÁI	25/01/06	DM24111			
20	22401622	NGUYỄN NGỌC MAI	THI	23/11/06	DM24111			
21	22402003	NGUYỄN THỊ NGỌC	THOA	21/07/06	DM24111			
22	22400219	DƯƠNG NGUYỄN MINH	THỨ	27/12/05	DM24111			
23	22400119	HUỖNH MINH	THỨ	22/04/06	DM24111			
24	22013505	NINH TRẦN BẢO	THỨ	27/05/02	MD20111			
25	22401149	NGUYỄN NGỌC THUỶ	TIỀN	03/07/06	DM24111			
26	22401491	LƯƠNG HUỖNH THÙY	TRANG	02/03/06	DM24111			
27	22401055	NGUYỄN HƯƠNG	TRÀ	22/05/06	DM24111			
28	22402846	LÊ NGỌC	TRÂM	15/01/06	DM24111			
29	22400215	TRẦN HỮU	TRỌNG	01/04/06	DM24111			
30	22401289	NGUYỄN ĐÌNH	TRUNG	30/05/06	DM24111			
31	22400404	HUỖNH GIA	TUẤN	18/06/06	DM24111			
32	22401696	PHẠM HOÀNG PHƯƠNG	UYÊN	16/02/06	DM24111			
33	22122484	NGUYỄN HỒNG THẢO	VÂN	10/05/03	LG21111			
34	22402271	TRỊNH KỶ	VĂN	28/10/06	DM24111			
35	22401701	NGUYỄN PHẠM TƯỜNG	VI	18/04/06	DM24111			
36	22401102	VŨ KHẮC NGUYỄN	VŨ	24/06/06	DM24111			
37	22401396	BÙI NGUYỄN HẠ	VY	26/11/06	DM24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Quản trị Nhân sự (HRM203DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1560
Giảng viên: Nguyễn Thanh Vân
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 032 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400811	LÊ HOÀNG MINH	AN	03/05/06	DM24111			
2	22401456	NGUYỄN QUỐC	AN	22/04/04	NL24111			
3	22400873	LÃ HỒNG	ANH	25/06/06	DM24111			
4	22402729	NGÔ HỨA PHƯƠNG	ANH	10/10/06	NL24111			
5	22401485	THÁI QUANG	ANH	16/09/03	SE24111			
6	22400513	TRẦN KIỀU	ANH	26/09/06	DM24111			
7	22400314	NGUYỄN QUANG	CẢNH	27/02/01	DM24111			
8	22401288	NGUY KHẢI	DOANH	09/10/06	DM24111			
9	22402939	NGUYỄN KHÁNH	DUY	15/11/06	SE24111			
10	22116855	TRẦN MINH	ĐẠO	19/08/03	MK21111			
11	22116852	NGUYỄN MINH	ĐẠT	04/12/03	MC21111			
12	22400561	HUỲNH XUÂN	ĐỨC	06/05/04	NT24111			
13	22401327	LÊ MINH	ĐỨC	17/06/06	DM24111			
14	22401743	TRẦN DUY	HẢI	02/03/06	SE24111			
15	22401087	TRẦN THANH	HẢI	18/07/06	DM24111			
16	22402952	TRẦN PHƯỚC	HIỆP	18/02/06	SE24111			
17	22401764	NGÔ THANH	HIỀN	23/03/06	NL24111			
18	22401333	NGUYỄN NGỌC	HIỀN	08/05/06	DM24111			
19	22400160	BẰNG LƯU QUANG	HUY	21/12/06	NL24111			
20	22500051	VÕ BÁ KIM	HƯƠNG	16/08/06	MK25111			
21	22400615	LÊ THIỆU	KHANG	19/01/06	SE24111			
22	22401832	BÙI VĂN	KHẢI	13/06/06	NL24111			
23	22400332	CHÂU ĐĂNG	KHOA	15/05/06	DM24111			
24	22402833	NGUYỄN TRUNG BẢO	KHÔI	12/10/06	NL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Quản trị Nhân sự (HRM203DV01) – Số tín chỉ: 3.00

Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1560

Giảng viên: Nguyễn Thanh Vân

Ngày thi: 03/01/2026

Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 049 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22403168	TRẦN KIỀU THIÊN	KIM	21/02/06	NL24111			
2	22500027	NGUYỄN VŨ NGỌC	LINH	24/03/05	NT25111			
3	22400661	NGUYỄN PHƯỚC HOÀNG	LỘC	23/12/04	DM24111			
4	22400074	ĐOÀN VIỆT	MỸ	11/07/02	SE24111			
5	22401385	HUỲNH KIM	NGÂN	16/11/06	NL24111			
6	22402828	HUỲNH SONG	NGÂN	25/10/06	NL24111			
7	22401451	MÃ NGỌC	NGHI	06/04/06	NL24111			
8	22401754	VÕ CẨM	NGHI	29/01/06	MK24111			
9	22400837	LÊ NGUYỄN BẢO	NGỌC	04/08/02	DM24111			
10	22401677	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGỌC	18/12/06	NL24111			
11	22400662	TRẦN THỊ THANH	NHÂN	18/07/06	DM24111			
12	22401480	NGUYỄN LÊ QUANG	NHẬT	03/03/06	NL24111			
13	22401266	NGUYỄN LÊ QUANG	PHÁT	20/10/06	DM24111			
14	22400554	ĐỖ HIỆP	PHONG	12/04/05	DM24111			Cấm thi
15	22401262	PHAN THẾ	PHONG	01/01/06	SE24111			
16	22402032	TRẦN NGỌC	PHỤNG	21/11/06	NL24111			
17	22401066	HUỲNH MAI	PHƯƠNG	17/11/06	DM24111			
18	22400419	LÊ HOÀI	PHƯƠNG	02/03/03	MK24111			
19	22401170	NGUYỄN LƯU	PHƯƠNG	28/11/06	DM24111			
20	22402719	HUỲNH PHÚ	QUÍ	01/09/06	SE24111			
21	22402778	NGUYỄN TẤN	SANG	20/08/06	NL24111			
22	22403207	SÔI NGỌC	SƠN	05/09/04	SE24111			
23	22402700	CAO QUỐC	THÁI	15/09/06	SE24111			
24	22400463	LÊ THUY PHƯƠNG	THẢO	20/05/06	NL24111			
25	22402944	NGUYỄN	THẮNG	31/07/06	SE24111			
26	22401291	PHAN TẠ BẢO	THIỆN	19/02/06	NL24111			
27	22401330	NGUYỄN GIA	THỊNH	25/11/06	DM24111			
28	22401034	THÁI BẢO HOÀI	THU	13/07/06	DM24111			
29	22402686	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	THUY	08/04/06	NL24111			
30	22400677	BÙI NGỌC ANH	THỰ	13/09/06	NL24111			
31	22400676	HỒ LÊ MINH	THỰ	09/10/06	NL24111			
32	22403108	LÊ VŨ HIỀN	TRANG	15/07/06	LG24111			Cấm thi
33	22401128	NGUYỄN ĐỖ BẢO	TRÂM	17/02/06	DM24111			
34	22401137	MẠCH KHẢI	TUẤN	15/06/06	DM24111			
35	2191024	NGUYỄN ANH	TUẤN	10/10/01	MK19111			Cấm thi
36	22401687	NGUYỄN	TÚ	11/02/05	SE24111			
37	22402054	NGUYỄN PHẠM NGỌC	TỶ	24/05/06	NL24111			
38	22401151	DƯƠNG PHONG	VINH	23/01/06	SE24111			
39	22400978	ĐỖ ÁNH GIA	VY	04/03/04	NL24111			
40	22401583	NGUYỄN NGỌC THUY	VY	30/06/06	NL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Quản trị Nhân sự (HRM203DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0300 – Số hiệu lớp: 1561
Giảng viên: Nguyễn Ngọc Uyên
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 003 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402762	HÀ NGỌC MỸ	ANH	01/05/06	MK24111			
2	22500001	HUỲNH TRÂM	ANH	16/05/06	TV251			
3	2194460	NGUYỄN DUY	ANH	15/08/01	NL19111			
4	22401069	NGUYỄN NGỌC VÂN	ANH	14/01/06	MK24111			
5	22401320	PHÙNG THỊ LAN	ANH	08/06/06	MK24111			
6	22400981	LÊ NGỌC	BÍCH	15/03/06	MK24111			
7	22402869	NGUYỄN TUYẾT NGOC	CHÂU	31/05/06	MK24111			
8	22003762	VƯƠNG TIẾN	ĐẠT	28/02/02	DM20111			
9	22402820	NGUYỄN NGỌC BẢO	HÂN	12/04/06	MK24111			
10	22401806	PHÙNG LÂM	HÂN	10/01/06	MK24111			
11	22500018	TRẦN PHÚC NGỌC CHÂU	HÂN	15/09/04	TV251			
12	22109909	TRỊNH NGỌC GIA	HÂN	25/11/03	TV21111			
13	22206302	NGUYỄN THỊ QUỲNH	HOA	08/08/04	LG22111			
14	22011197	LƯU VŨ HOÀNG	HUY	12/01/02	NT20111			
15	22207448	NGUYỄN ĐỨC	HUY	28/04/04	TV22111			
16	22400197	NGUYỄN QUỐC	HUY	17/01/06	MK24111			
17	22206703	TRẦN XUÂN	HƯƠNG	30/06/04	MK22111			
18	22401749	VŨ HOÀNG ANH	KHOA	09/01/06	MK24111			
19	22400933	VŨ VĂN	KIỆT	26/09/06	MK24111			
20	22400503	VŨ HUỲNH KHÚC	LAN	08/10/02	MK24111			
21	22401281	DƯƠNG KHÁNH	LINH	01/01/06	DM24111			
22	22401086	TRẦN LÊ TRÚC	LINH	07/05/06	MK24111			
23	22402179	ĐỖ UYỄN	MY	07/11/06	MK24111			
24	22011345	LÊ BẢO	MY	18/11/02	LG20111			
25	22401692	PHAN VŨ HÀ	MY	15/04/06	MK24111			
26	22401307	LƯU GIA	MỸ	20/12/06	MK24111			
27	22106288	HỒ LÊ YẾN	NGÂN	06/10/03	MK21111			
28	22400985	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	NGÂN	27/04/06	MK24111			
29	22400331	NGUYỄN NGỌC THUỶ	NGÂN	02/02/06	MK24111			
30	22401653	PHẠM TĂNG THANH	NGÂN	19/12/06	MK24111			
31	22400904	PHAN ĐIỂM	NGỌC	07/07/06	MK24111			
32	22400179	ĐÀO THANH	NGUYỆT	14/03/06	MK24111			
33	22117584	NGUYỄN ĐOÀN KHÔI	NGUYỄN	24/07/03	MK21111			
34	22400372	DIỆP TRƯƠNG KHÁNH	NHI	15/08/04	TC24111			
35	22402173	TRẦN HOÀNG PHƯƠNG	NHI	16/03/06	MK24111			Cấm thi
36	22401811	NGUYỄN NGỌC THÙY	NHIÊN	11/12/06	MK24111			
37	22402901	LÊ NGỌC QUỲNH	NHƯ	10/08/06	MK24111			
38	22400982	NGUYỄN HUỲNH BẢO	NHƯ	24/11/06	MK24111			
39	22401753	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	09/07/06	MK24111			
40	22402728	HOÀNG THỊ LÂM	OANH	14/04/06	MK24111			
41	22402868	LÃ DUY	PHÚC	26/04/06	MK24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Quản trị Nhân sự (HRM203DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0300 – Số hiệu lớp: 1561
Giảng viên: Nguyễn Ngọc Uyên
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 008 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22010827	LÊ NHẬT	PHƯƠNG	04/05/02	TV20111			
2	22401295	NGUYỄN ANH	PHƯƠNG	16/12/06	MK24111			
3	22401768	NGUYỄN THỊ MỸ	QUYÊN	05/01/05	MK24111			
4	22205935	NGUYỄN DUY	QUÝ	01/01/04	MK22111			
5	22122675	NGÔ THỊ DIỄM	QUỲNH	07/12/03	TC21111			Cấm thi
6	22402873	NGUYỄN NGỌC NHƯ	QUỲNH	04/08/06	MK24111			
7	22402680	LƯƠNG VĨNH	SANH	13/10/06	MK24111			
8	22403220	TRẦN TUẤN	TÀI	08/07/03	MK24111			
9	22012032	NGUYỄN NGỌC LAM	THANH	16/06/02	GF20121			
10	22400918	NGUYỄN TRUNG	THÀNH	14/12/05	MK24111			
11	22400085	NGUYỄN MINH	THĂNG	15/01/05	MK24111			Cấm thi
12	22301545	LƯU NGUYỄN HÒA	THUẬN	05/06/05	DM23111			
13	22400340	NGUYỄN HUỲNH ANH	THƯ	29/08/03	NL24111			
14	22401053	HOÀNG DUY	THỨC	08/08/06	MK24111			
15	22117790	PHẠM XUÂN	TIẾN	13/11/03	TC21111			Cấm thi
16	22400195	TRẦN MAI THỦY	TIẾN	18/03/06	MK24111			
17	22401988	HUỲNH TÚ	TRANG	10/09/06	MK24111			
18	2192973	NGUYỄN THÙY	TRANG	23/02/01	TV19112			
19	22401025	TRẦN THỊ BẢO	TRẦN	27/11/06	MK24111			
20	22402180	TRẦN HUỲNH TÚ	UYÊN	09/03/06	MK24111			
21	22402904	LÝ KHÁNH	VÂN	12/01/06	MK24111			
22	22206464	NGUYỄN THẢO	VÂN	02/05/04	NT22111			
23	22401914	LÊ KHÁNH	VY	02/09/04	MK24111			
24	22402712	NGÔ PHƯƠNG	VY	13/08/05	MK24111			
25	22401413	NGUYỄN NGỌC NHƯ	Ý	27/05/06	MK24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Quản trị Nhân sự (HRM203DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0400 – Số hiệu lớp: 1562
Giảng viên: Nguyễn Ngọc Uyên
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 011 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400071	LÊ TÚ	ANH	19/11/04	TV24111			
2	22402152	PHAN QUỲNH	ANH	10/01/06	MK24111			
3	22401039	TRẦN NGUYỄN LAN	ANH	25/01/06	MK24111			
4	22400733	LÊ NGUYỆT	ÁNH	19/09/06	MK24111			
5	22401675	HOÀNG TRỊNH THỰC	CHÂN	09/06/05	MK24111			
6	22401671	TRẦN DIỆU	CHÂU	05/01/06	MK24111			
7	22401592	TRẦN DƯƠNG MINH	CHÂU	25/09/06	MK24111			
8	22401694	VÕ NGỌC LINH	CHI	14/02/06	MK24111			
9	22402045	NGUYỄN CÔNG	DANH	10/08/06	MK24111			
10	22402962	PHẠM HOÀNG	DANH	19/08/06	MK24111			
11	22402717	NGUYỄN CAO BÁ	ĐẠT	06/01/06	MK24111			
12	22401387	ĐẶNG THI	HẠNH	22/04/06	MK24111			
13	22401392	PHẠM HOÀNG	HẠC	24/11/06	MK24111			
14	22400713	NGUYỄN TRẦN GIA	HÂN	28/05/06	MK24111			
15	22400154	HỨA GIA	HIỀN	25/09/06	MK24111			
16	22401299	CAO TUYẾT	HOA	04/05/06	MK24111			
17	22206767	NGUYỄN HUY	HOÀNG	06/10/04	MK22111			
18	22200355	QUÁCH MINH	HUY	14/08/99	LG22111			
19	22400995	VÕ NGỌC THIÊN	KIM	20/01/06	MK24111			
20	22402780	NGUYỄN BÁ	LỘC	06/07/06	MK24111			
21	22402078	NGUYỄN THỊ THẢO	MI	05/05/06	MK24111			
22	22401685	ĐẶNG BÌNH	MINH	07/02/06	MK24111			
23	22402832	NGUYỄN TRÀ	MY	19/11/06	MK24111			
24	22400579	TRẦN ÁNH	MY	05/02/06	MK24111			Cấm thi
25	22400795	NGUYỄN THỊ KIM	MỸ	05/08/06	MK24111			
26	22401080	TRẦN KIM	NGÂN	06/11/06	MK24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Quản trị Nhân sự (HRM203DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0400 – Số hiệu lớp: 1562
Giảng viên: Nguyễn Ngọc Uyên
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 012 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402812	BÙI HOÀNG SONG	NGHI	19/10/06	NL24111			
2	22402856	BÙI THỊ MINH	NGỌC	27/03/06	MK24111			
3	22122728	NGUYỄN BẢO	NGỌC	02/02/03	MC21111			
4	22400386	HUỲNH NGỌC KHÔI	NGUYỄN	08/10/03	TC24111			Cấm thi
5	22500002	CAO LÊ UYỄN	NHI	15/08/05	DM25111			
6	22400792	HUỲNH PHƯỢNG	NHI	01/03/06	MK24111			
7	22402894	NGUYỄN TẤN	PHÁT	13/03/05	TC24111			
8	2191464	ĐẶNG HỮU	PHÚC	20/12/01	TV19111			
9	22401719	ĐỖ XUÂN	PHÚC	02/08/06	MK24111			
10	22401788	LÂM MINH	PHÚC	30/08/06	MK24111			
11	22403152	LÊ NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	13/08/06	MK24111			
12	22403214	TẠ GIA	PHÚC	31/10/04	DM24111			Cấm thi
13	22400807	LÊ NGUYỄN NGỌC	PHƯƠNG	30/03/06	MK24111			
14	22400144	LÊ NGỌC	QUỲNH	20/11/03	DM24111			Cấm thi
15	22401125	ĐẶNG PHƯƠNG	THẢO	16/10/06	MK24111			
16	22401636	NGUYỄN HOÀNG HƯNG	THỊNH	09/11/06	MK24111			
17	22401082	TRẦN HƯNG	THỊNH	12/11/06	MK24111			
18	22400938	NGUYỄN VÕ LAN	THY	11/01/06	MK24111			
19	22401118	NGUYỄN HUỲNH MAI	TRÂM	24/01/06	MK24111			
20	22400955	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	01/01/06	MK24111			
21	22400435	VÕ THỊ NGỌC	TRÂN	29/06/06	MK24111			
22	22400753	TRẦN QUỐC	TRÍ	05/08/05	MK24111			
23	22102979	HUỲNH PHƯỚC	TRỌNG	19/11/03	MC21111			
24	22400574	NGUYỄN TRẦN THANH	TRÚC	13/12/06	MK24111			
25	22012990	NGUYỄN PHẠM VĂN	TƯỜNG	20/02/02	LG20111			
26	22401256	BÔ ĐẠI	VĨNH	28/08/06	MK24111			Cấm thi
27	22401567	LÊ THỊ YẾN	VY	27/10/06	MK24111			
28	22402758	VĂN TẤN	VỸ	12/08/05	DM24111			Cấm thi

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Interaction Design (IT305DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1194
Giảng viên: Nguyễn Ngọc Tú
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 006 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22300811	NGUYỄN KIM	ANH	26/02/05	PM23111			
2	22303506	NGUYỄN LƯƠNG TUẤN	ANH	25/04/05	PM23111			
3	22303822	NGUYỄN VĂN HOÀNG	ANH	04/04/05	PM23111			
4	22300410	HUỲNH KIM	ÁI	17/03/05	PM23111			
5	22300456	LÊ HẢI	ÂU	15/04/03	PM23111			
6	22301430	TRẦN GIA	BẢO	31/08/05	PM23111			
7	22301500	VÕ DUY	BÌNH	02/07/05	PM23111			
8	22301557	TRƯƠNG QUỐC	DUY	04/01/05	PM23111			
9	22303093	NGUYỄN TRẦN QUANG	DŨNG	28/11/04	PM23111			
10	22301468	TRẦN LÊ ĐĂNG	DŨNG	04/07/05	PM23111			
11	22301677	TRƯƠNG PHẠM TRIỀU	DƯỠC	09/01/05	QL23111			
12	22301673	VÕ MINH	ĐẠM	09/08/05	QL23111			
13	22301301	PHẠM TẤN	ĐẠT	06/06/05	PM23111			
14	22206513	HỒ KHÁNH	ĐĂNG	07/11/04	PM22111			
15	22304059	PHẠM TRUNG	ĐỨC	09/11/03	PM23111			
16	22301746	TRẦN VŨ GIA	HÂN	06/01/05	PM23111			
17	22300886	ĐÀO ĐÌNH	HÒA	16/04/04	PM23111			
18	22303760	NGUYỄN VŨ MINH	HUY	23/11/05	PM23111			Cấm thi
19	22301939	TRẦN GIA	HUY	13/04/05	PM23111			
20	22302718	NGUYỄN LÂM	HÙNG	06/02/05	PM23111			
21	22300417	PHẠM QUANG MẠNH	HÙNG	14/09/05	PM23111			
22	22301307	NGUYỄN TIẾN	HƯNG	19/09/05	QL23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Interaction Design (IT305DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1194
Giảng viên: Nguyễn Ngọc Tú
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 007 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22301218	QUAN MINH QUỐC	KHANG	06/10/05	PM23111			
2	22302539	NGÔ THẾ QUỐC	KHÁNH	04/09/05	PM23111			
3	22303911	TRẦN VĂN	KHOA	31/10/05	PM23111			
4	22303750	PHAN TRẦN HOÀNG	KHÔI	30/09/05	PM23111			
5	22302141	LÂM TIẾN	KIỆT	31/07/05	PM23111			
6	22300236	TRẦN BÁ	LỢI	26/09/05	PM23111			Cấm thi
7	22301082	ĐẶNG VĂN	NGHĨA	01/08/05	PM23111			
8	22300046	LÂM QUỐC	NHÂN	20/09/02	PM23111			
9	22301247	PHÙ CHÍ	PHÁT	25/03/05	QL23111			
10	22302429	TRẦN ĐÌNH	PHÚC	21/04/05	PM23111			
11	22300363	HUỲNH NGỌC	QUANG	31/07/05	PM23111			
12	22301501	PHẠM NGỌC ANH	QUỐC	07/02/05	PM23111			
13	22300242	VÕ HOÀNG	SON	01/09/05	PM23111			
14	22301349	TRẦN THÀNH	TÀI	24/05/05	QL23111			Cấm thi
15	22301165	HUỲNH HỮU	TÂM	07/09/05	PM23111			
16	22301270	HÀ HIỆP	THANH	21/06/05	QL23111			
17	22301177	NGUYỄN CHÍ	THIỆN	17/04/05	PM23111			
18	22300200	DƯƠNG MINH	THIỆN	12/10/05	PM23111			
19	2198670	NGUYỄN HỮU	TÍN	29/01/01	PM19111			Cấm thi
20	22301490	HUỲNH TRUNG	TÍNH	28/04/05	PM23111			
21	22106595	PHAN HOÀNG MINH	TRIẾT	07/10/03	PM21111			
22	22301098	ĐẶNG QUỐC	VIỆT	04/03/03	PM23111			
23	22301145	TRẦN QUANG	VINH	09/03/05	PM23111			
24	22300942	NGUYỄN HUỲNH ANH	VŨ	19/04/05	PM23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Interaction Design (IT305DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1197
Giảng viên: Nguyễn Ngọc Tú
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 004 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22301553	PHẠM QUỐC	AN	19/08/05	QL23111			
2	22014640	TÔ HOÀNG	ÂN	15/11/02	PM20111			
3	22300910	TRẦN NGUYỄN DUY	BẢO	20/02/05	QL23111			Cấm thi
4	22301461	NGÔ CHÍ	CƯỜNG	08/02/05	QL23111			
5	22301136	ĐẶNG HUY	DANH	19/08/05	QL23111			
6	22207189	ĐOÀN NGUYỄN KHƯƠNG	DUY	14/02/04	PM22111			
7	22200433	NGUYỄN QUANG	DŨNG	16/04/04	PM22111			
8	22300980	TRẦN GIA	ĐẠT	04/06/05	QL23111			
9	22301392	ĐOÀN ĐẠI QUỐC	GIA	07/02/05	QL23111			
10	22301558	LÊ PHAN QUỐC	HOÀNG	26/02/05	QL23111			
11	22301111	TRỊNH MINH	KHA	08/03/04	QL23111			
12	22301376	HỒ VŨ HOÀNG	KHANG	01/08/05	QL23111			
13	2195556	TRẦN TUẤN	KHANG	18/03/01	QL19111			
14	22300397	VI MINH	KHÁNH	16/09/05	QL23111			
15	22205593	HỒ ĐĂNG	KHOA	24/11/04	PM22111			
16	22301535	LÊ NGUYỄN ANH	KHÔI	17/02/05	QL23111			
17	22301534	CHOU VĨNH	KỶ	15/01/05	QL23111			
18	22301242	PHAN NGỌC	LÂM	07/06/05	QL23111			
19	22205579	HOÀNG MẠNH	LONG	16/08/04	PM22111			
20	22301555	THÁI MINH	LONG	08/05/05	QL23111			
21	22300713	TRẦN NGỌC	LONG	09/03/05	QL23111			
22	22301482	VÕ TOÀN	LỘC	08/03/05	QL23111			
23	22301493	TRẦN HOÀNG	MINH	20/08/04	QL23111			
24	22301466	CHUNG ĐẠI	NGHĨA	05/08/05	QL23111			Cấm thi
25	22301569	LÊ HIẾU	NHÂN	27/09/05	QL23111			
26	22206868	NGUYỄN HOÀNG TRỌNG	NHÂN	08/05/04	PM22111			
27	22301234	NGUYỄN NGỌC	PHÁT	29/09/05	QL23111			
28	22300438	NGUYỄN ĐĂNG GIA	PHÚ	13/03/05	QL23111			
29	22301624	LẠI HOÀNG	PHÚC	29/08/05	QL23111			
30	22301551	DƯƠNG ĐỨC	PHƯỚC	17/07/05	QL23111			Cấm thi
31	22301236	PHẠM MINH	QUANG	22/04/05	QL23111			
32	22301525	TRẦN NGUYỄN MINH	QUÂN	03/01/05	QL23111			Cấm thi
33	22300693	NGUYỄN QUANG	SƠN	29/01/04	QL23111			
34	22301620	ĐÀO VIỆT	SỸ	06/05/05	QL23111			
35	22205894	NAM THÀNH	TÀI	22/03/04	PM22111			
36	22301452	LƯU VĨNH	THÀNH	20/09/05	QL23111			
37	22301451	TRẦN PHAN	THẠCH	22/02/05	QL23111			Cấm thi
38	22301412	NGUYỄN TOÀN	THẮNG	04/03/05	QL23111			
39	22301542	TRẦN NHẬT	THẮNG	09/01/05	QL23111			
40	22301173	LÊ HOÀNG GIA	THỊNH	10/04/05	QL23111			
41	22300790	VOÔNG THÀNH	THU	09/03/05	QL23111			

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
42	22207519	NGUYỄN KHÁNH	TRUNG	23/03/97	PM22111			
43	22301237	TRẦN NGUYỄN TRUNG	VĨ	13/12/05	QL23111			Cấm thi
44	22301521	TRẦN TRÍ	VĨ	10/03/05	QL23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Interaction Design (IT305DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0300 – Số hiệu lớp: 1200
Giảng viên: Phạm Hồng Thanh
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 005 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22303047	NGÔ VĂN	ANH	12/03/05	QL23111			
2	22303686	TRỊNH ĐĂNG HỒNG	ANH	30/08/05	QL23111			
3	22300433	ĐOÀN HUỲNH GIA	BẢO	05/08/04	PM23111			
4	22301946	HOÀNG GIA	BẢO	18/03/05	QL23111			
5	22302379	PHẠM TẤN	CHÁNH	07/11/05	QL23111			
6	22301739	TRẦN DŨ	DUY	09/06/05	QL23111			Cấm thi
7	22301711	TRẦN KHÁNH	DUY	05/03/05	QL23111			
8	22303767	NGUYỄN ĐỨC	DŨNG	04/04/05	QL23111			
9	22302082	KIM THÀNH	ĐẠT	27/06/05	QL23111			
10	22303841	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	27/05/05	QL23111			
11	22302958	NGUYỄN TRỌNG	ĐẠT	19/07/05	QL23111			
12	22304109	TRẦN QUANG	GIÁP	06/01/04	QL23111			
13	22301879	LÊ PHƯƠNG ĐỨC	HẬU	16/10/05	QL23111			
14	22301953	TRẦN HUY	HOÀNG	15/09/05	QL23111			
15	22302408	DU MINH	HUY	05/11/04	QL23111			
16	22302432	LÊ TRỌNG	HUY	23/02/05	QL23111			
17	22300454	NGUYỄN DƯƠNG ANH	HUY	02/05/05	PM23111			
18	22302422	VŨ BẢO	HUY	29/03/04	PM23111			
19	22303395	NGUYỄN PHẠM MINH	HÙNG	27/10/05	QL23111			
20	22303180	LƯƠNG PHÚC	HƯNG	26/01/05	QL23111			
21	22302283	VŨ HOÀNG MINH	KHANG	25/11/05	QL23111			
22	22304034	ĐOÀN QUỐC	KHÁNH	04/09/04	QL23111			
23	22301970	LÊ HOÀNG MINH	KHIÊM	29/12/03	QL23111			
24	22302644	LÊ TUẤN	KHOA	14/09/05	QL23111			
25	22303067	NGUYỄN MINH	KHOA	29/07/05	QL23111			
26	22303496	LÊ TRẦN ĐÌNH	KHÔI	15/05/05	QL23111			
27	22303059	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	30/09/05	QL23111			
28	22303069	LƯU VĨNH	KIỆT	01/11/05	QL23111			
29	22303848	NGUYỄN TRUNG	KIỆN	15/04/05	QL23111			
30	22302073	MÃ HOÀNG	LÂN	23/11/05	QL23111			
31	22304143	TẠ NGỌC	LÂN	07/12/05	QL23111			
32	22301929	PHẠM TIẾN	LẬP	20/07/05	QL23111			
33	22303840	ĐÌNH HỮU	LỘC	30/09/05	QL23111			
34	22303116	TẶNG HOÀNG	LỰC	01/12/05	QL23111			
35	22302519	LÂM QUANG	MINH	02/11/05	QL23111			
36	22300767	NGÔ ĐỨC	MINH	24/06/03	QL23111			
37	22303733	TRẦN HOÀNG	MINH	12/04/05	QL23111			
38	22300643	LÝ VĨNH	NGHĨA	10/08/02	QL23111			
39	22303711	HÀ ĐĂNG	NGỌC	16/06/05	QL23111			
40	22301756	HỒ NGUYỄN GIA	NGUYỄN	09/04/05	QL23111			
41	22300407	NGUYỄN QUỐC	NGUYỄN	19/09/01	QL23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Interaction Design (IT305DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0300 – Số hiệu lớp: 1200
Giảng viên: Phạm Hồng Thanh
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 009 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22303879	ĐỖ NGUYỄN HOÀNG MINH	NHẬT	19/09/05	QL23111			Cấm thi
2	22302267	TRẦN BẢO	NHI	03/04/05	QL23111			
3	22304035	TRẦN VĂN	NHÚT	09/01/05	QL23111			
4	22300437	PHẠM THỊ KIM	OANH	05/10/99	QL23111			
5	22302293	HÀ VĂN TRƯỜNG	PHÚ	19/09/05	QL23111			
6	22301693	LÊ HỒNG	PHÚC	10/11/05	QL23111			
7	22302394	TỬ HOÀNG GIA	PHÚC	06/04/05	QL23111			
8	22011760	NHÂM MẠNH	QUÂN	18/07/02	PM20111			Cấm thi
9	22302424	PHẠM CAO MINH	QUÂN	14/10/05	QL23111			
10	22303795	NGUYỄN PHÚ	QUÍ	23/08/05	QL23111			
11	22300779	LÊ NGUYỄN CÔNG	TÀI	06/03/03	QL23111			
12	22301810	PHẠM ĐIỀN	TÂN	22/12/05	QL23111			
13	22303079	NGUYỄN TẤN	THÀNH	04/09/04	QL23111			
14	22303985	PHAN QUỐC	THẮNG	30/08/05	QL23111			Cấm thi
15	22301751	NGUYỄN HỮU	THIỆN	18/10/05	QL23111			
16	22303685	BÙI ĐỨC ĐẠT	THỊNH	16/01/05	QL23111			
17	22302423	ĐINH NGUYỄN MINH	THÔNG	25/12/05	QL23111			
18	22304007	NGUYỄN	TIẾN	23/06/05	QL23111			
19	22301796	NGUYỄN MINH	TIẾN	08/02/05	QL23111			
20	22301721	TRỊNH SỸ	TIẾN	04/12/05	QL23111			
21	22303322	NGUYỄN NGỌC YẾN	TRANG	29/09/05	QL23111			
22	22303467	HỒ MINH	TRÍ	30/08/05	QL23111			
23	22303642	NGUYỄN ĐỨC	TRUNG	17/11/05	QL23111			
24	22303092	MAI HOÀNG	TUẤN	20/01/03	PM23111			
25	22303851	VŨ HUỲNH ANH	TUẤN	23/04/05	QL23111			
26	22301804	LÊ NGUYỄN MINH	TÚ	06/07/05	QL23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Luật Đất đai – Môi trường (LAW106DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1639
Giảng viên: Vũ Duy Nam
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 033 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22304026	LÊ HOÀNG	AN	05/01/05	BL23111			
2	22206386	LIÊN THỊ KIM	ANH	13/07/00	BL22111			
3	22302386	NGUYỄN NGỌC VÂN	ANH	20/11/05	BL23111			
4	22303519	PHẠM PHÚC NAM	ANH	14/03/05	BL23111			
5	22302552	TRẦN THIÊN	ANH	20/01/05	BL23111			
6	22301124	HUỲNH BÁ QUỐC	BẢO	17/04/05	BL23111			
7	22303797	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH	27/01/05	BL23111			
8	22301420	HỒ THANH	CAO	19/10/05	BL23111			
9	22300893	NGUYỄN NGỌC BẢO	CHÂU	28/09/05	BL23111			
10	22303133	VŨ NGUYỄN MINH	CHÂU	18/02/05	BL23111			
11	22303842	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	07/04/04	BL23111			
12	22303193	NGUYỄN THỊ THUY	DƯƠNG	30/01/05	BL23111			
13	22301278	NGUYỄN TRIỀU	DƯƠNG	02/09/04	BL23111			
14	22301781	TRẦN	ĐẠT	02/12/03	BL23111			
15	22302285	NGUYỄN ĐÀO HÙNG	ĐÔNG	04/10/03	BL23111			
16	22301835	ĐÀO BÁ	ĐƯỢC	21/06/05	BL23111			
17	22303188	LÊ NHỰT	HÀO	28/11/05	BL23111			
18	22200017	LÊ THÀNH	HẢO	21/05/03	BL22111			Cấm thi
19	22302242	NGUYỄN THUÝ	HIỆP	12/10/03	BL23111			
20	22302296	TRẦN THỊ THANH	HIỀN	21/12/04	BL23111			
21	22303679	TRẦN THU	HIỀN	14/09/05	BL23111			
22	22301851	NGUYỄN SỸ	HOÀNG	30/04/05	BL23111			
23	22301457	TRẦN MINH	HUY	30/07/05	BL23111			
24	22303998	NGUYỄN THỊ MỸ	HUYỀN	02/05/99	BL23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Luật Đất đai – Môi trường (LAW106DV01) – Số tín chỉ: 3.00

Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1639

Giảng viên: Vũ Duy Nam

Ngày thi: 03/01/2026

Giờ thi: 08g00

Phòng thi: Phòng 043 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22303818	TRẦN NHẬT	KHANG	03/10/05	BL23111			
2	22301434	DƯƠNG QUỐC	KHÁNH	02/09/05	BL23111			
3	22301868	CAO THIÊN TỔNG	KHẢI	02/02/05	BL23111			
4	22102280	LEE HỒNG	LÂM	10/05/03	BL21111			
5	22303788	CHUNG CẢNH GIA	LINH	08/05/05	BL23111			
6	22301515	NGUYỄN XUÂN THÀNH	LONG	12/04/05	BL23111			
7	22300492	CHÂU GIA	LỢI	24/09/02	BL23111			
8	22207100	CHẾ CÔNG	LỢI	19/10/04	BL22111			
9	22300677	NGUYỄN TRẦN NHẬT	MINH	03/09/05	BL23111			
10	22206734	NGUYỄN THỊ YẾN	NGA	07/01/04	BL22111			
11	22303476	MA TRẦN BẢO	NGỌC	08/10/05	BL23111			
12	22303672	TRẦN PHÚC	NGUYỄN	26/02/05	BL23111			
13	22106927	NGUYỄN TRUNG	NHÂN	04/10/03	BL21111			
14	22303482	LÝ GIA BẢO	NHI	26/11/05	BL23111			
15	22303381	PHAN LÊ YẾN	NHI	27/08/05	BL23111			
16	22303874	LÊ TUẤN	PHONG	06/05/05	BL23111			
17	22206405	VÕ NGỌC THIÊN	PHÚC	17/01/04	NL22111			
18	22303817	LƯU HUÊ	PHƯƠNG	13/01/05	BL23111			
19	22302557	HỒ DIỄM	QUỲNH	17/12/05	BL23111			
20	22303699	LÊ CHÍ	TÂM	06/01/04	BL23111			
21	22301075	BÙI QUỐC	THẮNG	22/11/05	BL23111			
22	22301951	PHẠM THỊ MINH	THU	18/06/05	BL23111			
23	22303753	NGUYỄN HỒNG THANH	THUY	03/05/05	BL23111			Cấm thi
24	22303103	LÊ ANH	THƯ	13/05/05	BL23111			
25	22300729	PHẠM LÂM ANH	THƯ	24/04/05	BL23111			
26	22300948	HUYỀN NGUYỄN MINH	THƯƠNG	22/02/05	BL23111			
27	22301779	LÊ ĐỨC	TIẾN	27/04/05	BL23111			
28	22300084	NGUYỄN HUỲNH THÙY	TRANG	02/01/04	BL23111			
29	22302466	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	09/08/05	BL23111			
30	22118126	HUYỀN MINH	TUẤN	17/12/03	BL21111			
31	22300614	LÊ THU	UYÊN	29/07/04	BL23111			
32	22303756	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	UYÊN	24/02/05	BL23111			
33	22303888	HUYỀN TƯỜNG	VY	15/05/05	BL23111			
34	22300896	NGUYỄN THUY HỒNG	VY	01/11/05	BL23111			
35	22301105	HÀ NGỌC NHƯ	Ý	21/09/05	BL23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Strategic Management (BA302DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1080
Giảng viên: Trần Thị Út
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 049 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500289	DESUZINGE	ARNAUD	14/06/02	QT225			
2	22500290	GIRAUD	MATHIAS	13/08/02	QT225			
3	22301629	ĐÀO QUANG	AN	22/08/05	DL23111			
4	22301347	PHẠM PHAN HỒNG	ANH	20/06/05	DL23111			
5	22302453	LÊ PHẠM BẢO	CHÂU	30/07/05	EM23111			
6	22303398	TRẦN NHẬT	DUY	29/09/05	DL23111			
7	22301388	NGUYỄN QUỐC	ĐẠT	14/12/03	DL23111			
8	22301384	LÊ NGỌC	HÂN	10/02/05	DL23111			
9	22301956	LÝ THỤC	HÂN	12/06/05	EM23111			
10	22302541	PHẠM MAI NHƯ	HẰNG	18/11/05	EM23111			
11	22303666	CAO NGUYỄN MINH	HIẾU	21/09/05	DL23111			
12	22300224	BÙI VĨNH	KHANG	13/04/05	DL23111			
13	22303184	HUYỀN NHẬT	KHANG	02/12/05	EM23111			
14	22301642	NGUYỄN THANH	KIỆT	23/06/04	DL23111			
15	22301973	TRẦN NGỌC	LAM	15/06/05	DL23111			
16	22302504	NGUYỄN THÙY	LINH	25/11/05	DL23111			
17	22301685	TRƯƠNG TẤN	LỘC	01/09/05	DL23111			
18	22304082	VÕ TẤN	LỘC	04/11/05	EM23111			
19	22304017	LÝ HUỆ	MÃN	30/05/05	DL23111			
20	22303744	BÙI THANH	NGÂN	27/04/05	DL23111			
21	22302496	LÂM MỸ	NGÂN	02/02/05	EM23111			
22	22303185	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	14/10/05	EM23111			
23	22302411	ĐÀO NGUYỄN TUYẾT	NHUNG	29/09/05	EM23111			
24	22303212	TRẦN THỊ NGỌC	NHƯ	29/03/05	EM23111			
25	22301345	NGUYỄN MINH	PHÚC	27/08/05	DL23111			
26	22302087	TẶNG MỸ	PHỤNG	17/12/05	EM23111			
27	22302418	TRIỆU BỘI	QUÂN	07/10/05	EM23111			
28	22302441	LÊ VĂN	SAM	21/09/05	DL23111			
29	22302493	TRẦN THỊ ANH	THƯ	20/11/03	EM23111			
30	22302431	VÕ HOÀNG CÁT	TIỀN	16/04/05	EM23111			
31	22106066	TRẦN MINH	TIẾN	05/06/03	TV21111			
32	22301314	NGUYỄN BẢO	TRỌN	11/05/04	DL23111			
33	22303105	PHAN NGỌC ANH	TUẤN	03/02/03	DL23111			
34	22300444	TRẦN ANH MINH	TUẤN	14/10/05	DL23111			
35	22301528	KHA TÚ	TÚ	26/02/05	DL23111			
36	22301081	LẠI MINH	TÚ	11/04/01	DL23111			
37	22301448	VÕ ĐÌNH MINH	VI	01/05/05	DL23111			
38	22300237	PHẠM TẤN	VINH	09/03/05	DL23111			
39	22302247	VÕ THUÝ	VY	01/08/05	EM23111			Cấm thi
40	22303796	MAI THỊ NHƯ	Ý	26/08/05	EM23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Strategic Management (BA302DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1081
Giảng viên: Trần Thị Út
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 043 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500291	BEAUFILS	JUSTINE	02/09/03	QT225			
2	22300787	NGUYỄN TẤN DUY	AN	11/06/05	EM23111			
3	22304119	PHẠM KHÁNH	AN	21/06/02	EM23111			
4	22303101	PHẠM KIM TÚ	ANH	05/01/05	EM23111			
5	22301041	TẶNG ÂN	ÂN	30/03/04	EM23111			
6	22300455	NGUYỄN NGỌC MINH	CHÂU	07/03/05	EM23111			
7	22300524	PHẠM NGỌC MINH	CHÂU	25/06/05	EM23111			
8	22301213	TRẦN NGỌC BẢO	CHÂU	26/12/04	EM23111			
9	22303602	NGUYỄN KHẢ	DOANH	16/09/05	EM23111			
10	22206248	TRẦN MINH	DUY	22/10/03	TV22111			
11	22301954	LÊ THANH	HÀ	13/05/05	EM23111			
12	22304150	PHAN THANH	HÀO	24/11/00	NH23111			
13	22301465	NGUYỄN GIA	HÂN	31/12/05	EM23111			
14	22301863	NGUYỄN NGUYỆT	HÂN	17/12/05	EM23111			
15	22205604	NGUYỄN ĐỨC	HUY	23/09/04	EM22111			
16	22301029	BÙI MINH	KHANG	23/09/04	EM23111			
17	22300804	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	20/08/05	EM23111			
18	22301572	LÃ THUỖ	LINH	08/06/05	EM23111			
19	22300445	GIANG TIỂU	MY	04/08/05	EM23111			
20	22301009	DƯƠNG KIM	NGÂN	27/07/05	EM23111			
21	22300429	DƯƠNG XUÂN	NGÂN	21/03/05	EM23111			
22	22300498	ĐỖ MỘNG GIA	NGHI	10/03/05	EM23111			Cấm thi
23	22301227	VŨ PHƯƠNG	NGHI	19/08/05	EM23111			
24	22301873	LÊ THẢO	NHI	27/11/05	KS23111			
25	22301595	NGUYỄN GIA	NHI	23/09/05	EM23111			
26	22300176	HUỲNH KIM	NHƯ	12/03/05	EM23111			
27	22303515	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	21/09/05	EM23111			
28	22301004	ĐÀO THỊ HOÀNG	OANH	23/04/05	FT23111			
29	22300469	ĐẶNG MINH	PHÚC	02/03/05	EM23111			
30	22300473	LÊ CHÂU MỸ	PHƯỚC	05/10/04	EM23111			
31	22301933	TRƯƠNG NGỌC DIỄM	QUỲNH	28/01/05	EM23111			
32	22302433	NGUYỄN LÊ THANH	THẢO	20/06/05	EM23111			
33	22300671	NGUYỄN HƯNG	THỊNH	09/06/05	EM23111			
34	22301922	NGUYỄN ĐÌNH	THÔNG	11/06/05	EM23111			
35	22300789	VŨ NGUYỄN DIỄM	THUỖ	13/01/05	EM23111			
36	22301773	ĐẶNG HOÀI	THƯƠNG	02/04/05	EM23111			
37	22300649	HUỲNH THANH THẢO	VY	11/04/05	EM23111			
38	22301603	LÊ THẢO	VY	28/06/05	EM23111			Cấm thi
39	22300174	NGUYỄN PHẠM TƯỜNG	VY	29/05/05	EM23111			
40	22300263	NGUYỄN HOÀNG	YẾN	26/09/04	EM23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Strategic Management (BA302DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0300 – Số hiệu lớp: 1082
Giảng viên: Phan Võ Minh Thắng
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 044 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22201162	PHẠM NGUYỄN NHẬT	AN	01/02/04	TV22111			
2	22400469	NGUYỄN HUY	ANH	21/05/99	EM24111			
3	22206156	NGUYỄN LÊ HÀ	ANH	21/11/04	TV22111			
4	22300053	NGUYỄN QUỲNH	ANH	24/04/03	KT23111			
5	22206063	NGÔ PHÚ	CƯỜNG	25/09/04	TV22111			
6	22206363	ĐÌNH KHẢ	DI	26/09/04	EM22111			
7	22207394	PHẠM THỊ THU	ĐUỘC	14/07/04	TV22111			
8	22205751	PHẠM ANH	ĐỨC	21/04/04	TV22111			
9	22205268	SHAKIRIN	HAKIM	24/06/03	TV22111			
10	22200469	CÙ TRẦN PHÚC	HẬU	28/12/04	TV22111			
11	22207610	PHẠM XUÂN	HIỆN	16/09/04	TV22111			
12	22200262	BÙI PHƯƠNG GIA	HUY	02/01/04	EM22111			
13	22300020	BÙI BÌNH MINH	KHUÊ	21/03/03	TV23111			Cấm thi
14	22301927	TRẦN LÂM HUY	KIỆT	21/02/05	TC23111			
15	22204794	ĐẶNG HUỲNH ÁNH	KIM	14/08/04	TV22111			
16	22303944	NGÔ TẤN	MẠNH	03/10/95	TC23111			
17	22200713	NGÔ NGỌC THANH	MINH	11/02/04	TV22111			
18	22203823	ĐẶNG GIA	MỸ	23/03/04	TV22111			
19	22200428	LƯU GIA	PHÁT	13/08/04	TV22111			
20	22205278	TRẦN THỊ TIỀN	PHƯƠNG	12/07/03	TV22111			
21	22206026	ĐỖ NHẬT ANH	QUÂN	26/11/04	TV22111			
22	22300674	LÊ NGUYỄN HỮU	TÂM	05/03/05	EM23111			
23	22400033	LÊ THIÊN	THANH	09/12/04	MK24111			Cấm thi
24	22300854	NGUYỄN LÊ NHẬT	THANH	24/06/02	TC23111			
25	22205756	ĐÀO ĐỨC	THÀNH	06/05/04	TV22111			
26	22205778	TRẦN ĐÌNH	THẮNG	02/12/04	TV22111			
27	22201010	TRẦN PHÚC	THỊNH	15/01/04	TV22111			
28	22207004	ĐỖ THỊ	TRANG	02/01/04	TV22111			
29	22300028	NGUYỄN THU	TRANG	22/09/04	TC23111			
30	22014618	VÕ TRỌNG	TRÍ	11/08/02	TV20111			Cấm thi
31	22204364	NGUYỄN LÊ THANH	TRÚC	20/08/04	TV22111			
32	22206016	HỒNG GIA	TUẤN	10/09/04	TV22111			
33	22205953	THÁI TRUNG	TUẤN	07/08/04	TV22111			
34	22300786	LÊ SƠN	TÙNG	28/07/05	EM23111			
35	22206251	TRỊNH GIA	TƯỜNG	07/12/04	TV22111			
36	22400105	LƯƠNG NGUYỄN THU	UYÊN	20/08/03	MK24111			Cấm thi
37	22301576	TRỊNH THỊ DẠ	YẾN	23/10/05	TC23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Strategic Management (BA302DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0400 – Số hiệu lớp: 1083
Giảng viên: Trần Thị Út
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 008 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500282	DECALUWE	GUILLAUME	05/01/02	QT225			
2	22500295	BOISSONNET-MARQUET	CASSANDRA	03/10/05	QT225			
3	22500298	BRICARD	SARAH	26/07/05	QT225			
4	22500300	DUPLAIX	CASSANDRE	07/10/05	QT225			
5	22206773	ĐỖ TRẦN ĐIẾP	ANH	14/05/04	NT22111			
6	22302543	HUỲNH LÊ LAN	ANH	30/03/05	FT23111			
7	22203859	HUỲNH GIA	BẢO	07/12/04	TV22111			
8	22303485	VĂN ĐỨC	DUY	25/03/05	FT23111			
9	22300857	NGUYỄN BẢO	ĐĂNG	28/05/05	FT23111			
10	22303177	ĐẶNG PHƯƠNG	ĐÔNG	07/08/05	FT23111			
11	22301000	TRƯƠNG TUẤN	HÀO	19/09/05	FT23111			
12	22302208	NGUYỄN TRUNG THU	HIỀN	16/12/05	FT23111			
13	22303929	HỒ NGỌC QUỐC	HUY	22/09/05	FT23111			
14	22303649	NGUYỄN ĐĂNG	HUY	16/09/02	FT23111			
15	22122655	TRẦN THỌ	HUY	19/05/03	TATV21111			
16	22207147	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	21/11/02	NT22111			
17	22303690	TRẦN QUỲNH	HƯƠNG	20/11/05	FT23111			
18	22303824	MAI NGUYỄN GIA	KHÁNH	13/09/05	FT23111			
19	22301724	PHẠM THỊ KHÁNH	LINH	03/09/05	KT23111			
20	22303882	NGUYỄN VĂN	LONG	01/05/01	FT23111			Cấm thi

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Strategic Management (BA302DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0400 – Số hiệu lớp: 1083
Giảng viên: Trần Thị Út
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 009 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22303102	TRƯƠNG THỊ TRÚC	LY	11/10/05	FT23111			
2	22300170	PHÙ QUÁCH NGỌC	MAI	21/04/03	MK23111			
3	22302299	ĐẶNG GIA	MINH	11/10/05	FT23111			
4	22302723	NGUYỄN ĐỨC	MINH	20/06/05	FT23111			
5	22302117	SƠN NHẬT	MINH	30/01/05	FT23111			
6	22301829	NGUYỄN TRỊNH KHÔI	NGUYỄN	12/06/05	FT23111			Cấm thi
7	22303942	LÊ THỊ MỸ	NHUNG	08/02/05	FT23111			
8	22300841	NGUYỄN MAI LAN	PHƯƠNG	19/12/05	FT23111			
9	22205136	THÔNG TIỂU	PHƯƠNG	16/09/03	TV22111			
10	22400474	HOÀNG QUỐC	QUÂN	15/07/05	TV24111			Cấm thi
11	22300743	PHẠM NGUYỄN TRUNG	QUÂN	22/11/05	FT23111			
12	22303889	NGÔ TẤN	TÀI	30/07/03	FT23111			
13	22301344	LÊ HOÀNG MAI	THANH	20/04/05	FT23111			
14	22300534	LÊ PHÚC	THÀNH	03/05/05	FT23111			
15	22303384	PHẠM QUANG	THÀNH	18/04/05	FT23111			
16	22301055	VÕ PHÚ	THỊNH	14/08/05	FT23111			
17	22301423	HUỲNH NGỌC	THỨ	09/12/05	FT23111			
18	22301776	NGUYỄN HOÀNG	THY	23/12/05	FT23111			
19	22300360	PHẠM NGỌC UYÊN	THY	07/11/05	FT23111			
20	22401690	HUỲNH PHÚC	TIẾN	11/10/05	DM24111			
21	22303025	NGUYỄN NGỌC MỸ	TRÂN	10/02/05	FT23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Strategic Management (BA302DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0500 – Số hiệu lớp: 1084
Giảng viên: Trần Thị Út
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 004 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500305	LE GUERN	AGATHE	15/02/05	QT225			
2	22301337	NGUYỄN THÁI	AN	06/07/05	KN23111			
3	22303678	TRƯƠNG THỊ QUỲNH	CHI	14/01/05	KN23111			
4	22301369	DƯƠNG TIẾN	ĐẠT	25/08/05	KN23111			
5	22201987	ĐẶNG HUỲNH CÔNG	ĐỊNH	28/09/04	TV22111			
6	22301811	TRẦN THANH HƯƠNG	GIANG	29/11/05	KN23111			
7	22004473	LÊ NGUYỄN QUỐC	HÀO	06/03/02	EM20111			
8	22302104	NGUYỄN THỊ KIM	HẰNG	27/07/05	KN23111			
9	22302973	PHẠM THỊ MỸ	HOÀ	24/02/05	KN23111			
10	22303671	NGUYỄN THỊ THU	HUỆ	25/09/05	KN23111			
11	22301078	NGUYỄN LÊ MINH	KHÁI	10/01/05	KN23111			
12	22303298	MAI SỸ ANH	KHOA	20/09/05	KN23111			
13	22303737	TÔ CẨM	LOAN	23/03/05	KN23111			
14	22300632	LÊ KHAI	MÃN	11/10/05	DL23111			
15	22301310	HỒ HẢI	MỸ	19/10/04	KN23111			
16	22301632	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	28/02/05	TC23111			
17	22303436	NGUYỄN THỊ THANH	NHÂN	23/10/05	KN23111			
18	22300973	NGUYỄN HOÀNG YẾN	NHI	21/09/05	KN23111			
19	22301259	LÊ MINH	NHỰT	19/06/05	KN23111			
20	22302199	DƯƠNG NGUYỄN PHƯƠNG	OANH	14/02/05	KN23111			
21	22302138	HUỲNH TẤN	PHÁT	27/07/05	KN23111			Cấm thi
22	22302288	NGUYỄN TẤN	PHÁT	18/03/05	KN23111			
23	22300553	TRẦN HƯNG	PHÚ	17/05/05	KN23111			
24	22303691	HỒ BẢO	PHÚC	14/09/05	KN23111			
25	22303072	NGUYỄN VĂN	PHƯỚC	26/05/05	KN23111			
26	22302132	NGUYỄN ĐÌNH	SƠN	03/04/05	KN23111			
27	22011741	CAO LÊ PHƯƠNG	THỦY	04/08/02	TV20111			Cấm thi
28	22302268	GIÁP HÀ	TRANG	01/09/05	KN23111			
29	22122689	PHAN THỊ BÍCH	TRÂM	03/10/03	TV21111			Cấm thi
30	22302163	NGUYỄN NGỌC THÙY	VÂN	13/02/05	TC23111			
31	22303057	ĐOÀN THUY	VĂN	17/02/05	KN23111			
32	22300564	NGUYỄN TUYẾT	VY	23/09/04	KN23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Strategic Management (BA302DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0600 – Số hiệu lớp: 1085
Giảng viên: Trần Thị Út
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 048 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500288	MÜHL	DORINE	18/06/02	QT225			
2	22303174	NGUYỄN THỊ THÚY	AN	14/05/05	KS23111			
3	22300344	NGUYỄN TUẤN	AN	20/11/05	KS23111			
4	22302388	HÀ PHẠM ĐỨC	ANH	22/09/05	KS23111			
5	22301966	PHAN GIA	BẢO	15/07/05	KS23111			
6	22300378	LÊ BỘI	BỘI	29/08/03	KS23111			
7	22300711	PHẠM LÊ CÔNG	DANH	25/04/02	KS23111			
8	22300110	NGUYỄN HUYỀN	DIU	15/04/03	MK23111			
9	22302092	TRẦN KHẢ	DOANH	31/08/05	KS23111			Cấm thi
10	22301502	LÊ NGỌC MỸ	DUYÊN	19/12/05	KS23111			
11	22301519	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	GIANG	27/03/05	KS23111			
12	22205847	PHẠM HOÀNG	HẢI	11/03/04	NT22111			
13	22301941	NGÔ THỊ KHÁNH	HUYỀN	08/01/04	KS23111			Cấm thi
14	22302521	PHẠM THỊ NGỌC	KHÁNH	15/04/05	KS23111			
15	22304136	LÊ PHÚC	KHẢI	28/07/02	KS23111			
16	22302207	NGUYỄN DUY	KHÔI	24/12/05	KS23111			Cấm thi
17	22302339	TRẦN THỊ	LINH	18/04/05	KS23111			
18	22303241	NGUYỄN HUỲNH XUÂN	MAI	01/03/05	KS23111			
19	22301698	LÝ GIA	MÃN	14/08/05	KS23111			
20	22206466	LÊ NHẬT	NAM	08/12/04	NT22111			
21	22206946	MAI TRẦN BẢO	NGỌC	01/10/04	NT22111			
22	22206932	LÝ ĐỖ	NGUYỄN	10/11/04	NT22111			
23	22207143	NGUYỄN QUÁCH TUỆ	NHI	12/09/04	NT22111			
24	22301224	TRẦN KIM	NHUNG	16/12/05	KS23111			
25	22205500	TRỊNH HUỲNH THIÊN	PHÚC	02/08/04	TV22111			
26	22302149	ĐÀO LƯƠNG HOÀNG	QUÂN	17/12/05	KS23111			
27	22302916	NGÔ MINH	QUÂN	15/09/05	KS23111			
28	22000040	NGUYỄN LẬP	THÀNH	17/01/00	TV20111			Cấm thi
29	22301813	NGUYỄN MINH	THÀNH	21/09/05	KS23111			
30	22302354	LƯU DIỆU	THÔNG	28/03/03	KS23111			
31	22304103	NGUYỄN TRẦN CHUNG	THUY	29/10/05	KS23111			
32	22301530	KHA TÚ	TRINH	18/06/03	DL23111			
33	22301109	LÊ THỊ CẨM	TÚ	19/06/05	KS23111			
34	22301517	ĐẶNG TÚ	UYÊN	06/08/05	KS23111			
35	22300496	TRẦN GIA	UYÊN	08/10/05	KS23111			
36	22302200	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	VY	21/03/05	KS23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Strategic Management (BA302DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0700 – Số hiệu lớp: 1086
Giảng viên: Trần Thị Út
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 012 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22206948	PHẠM TRƯƠNG NHÂN	ÁI	29/10/04	NT22111			
2	22301400	TRẦN THỊ BẢO	CHÂU	28/09/05	KT23111			
3	22200003	VÕ THÀNH	DANH	02/05/97	TV22111			
4	22301848	NGUYỄN PHẠM MINH	ĐAN	24/08/05	KT23111			
5	22303732	LÊ NGUYỄN MINH	ĐẠT	14/07/05	KT23111			
6	22301872	NGUYỄN NGỌC GIA	HÂN	08/12/05	KT23111			
7	22301617	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	HOA	27/01/05	KT23111			
8	22301772	NGUYỄN ĐỨC	HƯNG	17/10/05	KT23111			
9	22207432	TRƯƠNG VĨ	KHANG	08/05/03	TV22111			
10	22303615	NGUYỄN THỊ HỒNG	KHANH	02/01/05	KT23111			
11	22301699	HUỲNH NGỌC THIÊN	KIM	29/01/05	KT23111			
12	22207729	PHẠM PHI	LONG	30/09/02	KT22111			
13	22205530	PHAN MINH	LUÂN	29/08/04	TV22111			
14	22301968	NGUYỄN LÊ THANH	NGÂN	16/09/05	KT23111			
15	22205194	NGUYỄN NGHĨA	NHÂN	02/05/04	TV22111			
16	22206061	LƯƠNG TRÚC	NHƯ	04/09/04	NT22111			
17	22300073	LÊ HỒNG	THÁI	19/01/03	TV23111			
18	22207594	NGUYỄN QUỐC	THẮNG	02/09/03	TV22111			Cấm thi
19	22200420	TRẦN BÙI NGỌC	TRÍ	17/03/04	TV22111			
20	22300664	HUỲNH THANH	TRÚC	25/09/05	KT23111			
21	2193172	PHẠM ANH	TUẤN	04/08/01	TV19111			
22	22014762	NGUYỄN HUỲNH	VƯƠNG	30/01/02	TV20111			
23	22303112	NGUYỄN NGỌC THANH	VY	02/11/05	KT23111			
24	22303179	NGUYỄN THỊ TRÚC	VY	03/06/05	KT23111			
25	22206650	SƠN LÂM NGUYỄN ĐA	VY	04/11/04	NT22111			
26	22301179	TRẦN THÚY	VY	11/11/05	KT23111			
27	22203653	VĂN LÊ LAN	VY	15/10/04	TV22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Strategic Management (BA302DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0800 – Số hiệu lớp: 1087
Giảng viên: Trần Thị Út
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 014 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22300256	ĐOÀN PHÚ	ANH	24/03/00	NH23111			
2	22300763	MAI NGỌC TRÂM	ANH	02/05/05	NH23111			
3	22300049	NGUYỄN NGỌC VÂN	ANH	10/09/02	NH23111			
4	22303745	TÔ MAI	ANH	17/04/05	NH23111			
5	22303130	NGUYỄN THIÊN	BẢO	19/05/05	NH23111			
6	22300571	CAO TRÍ	ĐẠT	22/07/05	NH23111			
7	22300892	TRẦN QUẢNG	ĐIỀN	21/08/05	NH23111			
8	22301593	NGUYỄN TRƯỜNG GIA	HÂN	24/08/05	KS23111			
9	22301125	PHẠM THỊ NGỌC	HIỆP	17/07/05	NH23111			
10	22301665	LÊ QUỐC	HUY	07/05/05	NH23111			
11	22300227	LÊ THANH	HUY	19/01/05	NH23111			
12	22301058	NGUYỄN ANH	HUY	03/10/05	NH23111			
13	22300803	BÙI UY	HÙNG	13/10/05	NH23111			
14	22303875	HÙNG MĂNG	HƯNG	01/01/05	NH23111			
15	22301703	LÊ MINH	KHANG	04/03/05	NH23111			Cấm thi
16	22301864	TỔNG DUY	KHANG	24/06/05	NH23111			
17	22302748	TRỊNH PHÚC	KHANG	08/06/04	NH23111			
18	22301086	NGUYỄN LÂM BẢO	KHÁNH	30/04/05	NH23111			
19	22302526	NGUYỄN THẾ	KHIẾM	05/10/05	KS23111			
20	22303669	PHAN NGUYỄN NGỌC	KHÔI	08/05/05	NH23111			
21	22300740	NGUYỄN CÔNG TUẤN	KIẾN	25/10/05	NH23111			Cấm thi

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Strategic Management (BA302DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0800 – Số hiệu lớp: 1087
Giảng viên: Trần Thị Út
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 015 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22301820	LÊ THỊ THÚY	LOAN	20/11/05	NH23111			
2	22303886	VUU KIM	LONG	25/09/05	NH23111			
3	22301581	TRINH NGUYỄN MAI	LY	09/12/00	NH23111			
4	22302510	ĐẶNG LÊ PHƯƠNG	MINH	15/03/05	NH23111			Cấm thi
5	22301936	VŨ NGỌC GIA	NGHI	14/12/05	NH23111			
6	22302089	NGÔ PHÚ	NGUYỄN	25/06/05	NH23111			
7	22302359	NGUYỄN MỸ	NHI	25/09/04	NH23111			
8	22301053	TẠ NGUYỄN MINH	NHỤT	12/12/02	NH23111			
9	22304018	NGUYỄN NGỌC THÀNH	PHÁT	27/07/05	NH23111			Cấm thi
10	22304101	TẮT KHẢI	PHONG	17/03/05	NH23111			
11	22303044	NGÔ HỒNG	PHÚC	06/03/05	NH23111			
12	22301886	ĐOÀN VĨ	TÂN	26/06/05	NH23111			
13	22303036	HỒNG NGỌC	THẢO	17/01/05	NH23111			
14	22301151	LÊ LÂM ANH	THƯ	07/05/05	NH23111			
15	22302153	PHẠM HOÀI	THƯƠNG	20/07/04	NH23111			
16	22301020	LÊ THỊ NGỌC	TRÂM	01/10/03	NH23111			
17	22303739	NGUYỄN HOÀNG BẢO	TRÂN	17/09/05	NH23111			
18	22302173	NGUYỄN TÍN	TRUNG	17/07/05	NH23111			
19	22301479	NGUYỄN HOÀNG	TUẤN	15/06/05	NH23111			
20	22300511	NGUYỄN TRƯƠNG MỸ	UYÊN	22/08/05	NH23111			
21	22300749	PHẠM THỊ TỔ	UYÊN	15/07/05	NH23111			
22	22301605	NGUYỄN BÙI MINH	XUÂN	03/04/05	KS23111			Cấm thi

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Strategic Management (BA302DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0900 – Số hiệu lớp: 1088
Giảng viên: Trần Thị Út
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 003 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22206722	TRẦN ĐẶNG DIỆU	AN	14/03/04	NT22111			
2	22301013	NGUYỄN TRÚC	ANH	04/10/05	TC23111			
3	22301425	VÕ MINH HOÀNG	ANH	18/04/05	TC23111			
4	22302287	TRẦN NGỌC	BÍCH	15/08/05	TC23111			
5	22303740	NGUYỄN VÕ NGỌC	CHÂU	01/06/05	TC23111			
6	22301114	LÂM KIM	CHI	11/10/00	TC23111			
7	22304087	TRƯƠNG QUỐC	CƯƠNG	29/03/01	TV23111			
8	22301867	TRẦN ĐỖ	ĐẠT	31/10/05	DL23111			
9	22205927	VÕ THÀNH	ĐẠT	05/10/04	TV22111			
10	22304099	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	07/03/02	TC23111			
11	22301192	LƯU KẾ	ĐIỀN	13/04/05	TC23111			
12	22300819	ĐOÀN THỌ HOÀNG	GIÁP	04/11/05	TC23111			
13	22206071	TRẦN ANH	HUY	10/01/04	TV22111			
14	22301827	PHẠM ĐỖ DIỆU	HUYỀN	22/10/05	KN23111			
15	22301504	NGUYỄN TUẤN	HƯNG	01/11/05	TC23111			
16	22300150	DƯƠNG TỔNG QUỲNH	HƯƠNG	27/10/00	DL23111			
17	22301832	NGUYỄN ANH	KHOA	03/11/05	TC23111			
18	22301394	PHÙ THỊ KHÁNH	MINH	26/06/04	TC23111			
19	22303891	NGUYỄN THỊ MINH	NGÂN	12/01/05	TC23111			
20	22301494	PHẠM HOÀNG BẢO	NGỌC	15/12/05	TC23111			
21	22207198	ĐOÀN NGUYỄN TRỌNG	NGUYỄN	27/10/04	TV22111			
22	22303063	TRẦN TUYẾT	NHI	24/05/05	TC23111			
23	22303728	LÊ THỊ CẨM	NHUNG	03/09/05	TC23111			
24	22302391	LƯU TÂM	NHƯ	22/09/05	KN23111			
25	22110863	TRẦN	PHÁT	27/10/03	TV21111			Cấm thi
26	22300975	NGUYỄN HỒNG	THẨM	24/03/05	TC23111			
27	22301061	HUYỀNH NGUYỄN MINH	THỨ	11/11/05	TC23111			
28	22303120	THÁI MINH	THỨ	04/02/05	TC23111			
29	22303786	TRẦN THANH	TRÚC	10/11/05	TC23111			
30	22303175	TRẦN ANH	TUẤN	17/06/05	TC23111			
31	22303434	NGUYỄN THỊ KIM	TUYỀN	13/02/05	TC23111			
32	22302108	PHẠM HOÀNG THANH	TÚ	17/10/05	TC23111			
33	22300495	HUYỀNH ĐÀO THÁI	VINH	14/10/02	TC23111			
34	22107923	PHAN HOÀNG NGỌC	VĨ	11/03/03	TV21111			
35	22303404	TRỊNH CHÍ	VĨ	29/03/05	TC23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Corporate Finance (TC202DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1315
Giảng viên: Bùi Phương Uyên
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 006 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22202757	NGUYỄN NGỌC	ANH	01/03/04	MK22111			
2	22110509	NGUYỄN VŨ MINH	ANH	26/12/02	TV21111			
3	22012030	TRẦN NAM	ANH	05/07/02	TANT20111			Cấm thi
4	22001372	TRẦN NGUYỄN HÙNG	ANH	21/11/02	TV20111			
5	22500179	TRƯƠNG NGỌC	ÁNH	05/01/03	TC25111			
6	22123022	TRẦN NHƯ	BÌNH	28/08/03	LG21111			
7	22205470	NGUYỄN NGỌC MINH	CHÂU	16/03/04	KN22111			Cấm thi
8	22011809	LÊ ĐẶNG HỒNG	DUYÊN	16/02/02	DM20111			
9	22206486	LƯƠNG THÀNH	ĐẠT	30/11/04	MK22111			
10	22140149	HUYỀN HẢI	ĐĂNG	03/11/01	HQ21111			
11	22011763	TIẾT KHẢI	ĐÔNG	14/10/02	MK20111			
12	22011916	NGUYỄN THỊ HẢI	HÀ	27/09/02	TANT20111			
13	22200313	TRẦN MINH	HÀO	21/07/04	TV22111			
14	22004446	LƯU HÒA TUẤN	HIỆP	20/12/02	NT20111			Cấm thi
15	22102872	TẠ NGỌC	HUY	02/07/03	LG21111			
16	22207772	TRƯƠNG THỊ KIM	HƯƠNG	24/09/03	NT22111			
17	22123135	TRẦN PHƯƠNG	KHANH	23/07/03	TV21111			Cấm thi
18	22004237	DƯƠNG TRUNG	KHẢI	06/10/02	TV20111			Cấm thi
19	22200066	NGUYỄN ẪN	KHÔI	23/05/04	MK22111			
20	22107814	NGUYỄN KHÁNH	LINH	07/11/03	TV21111			
21	22008837	NGUYỄN TRỌNG	LỊCH	30/09/02	LG20111			
22	22206598	HUYỀN KIẾN	LUÂN	29/09/04	MK22111			
23	22204711	PHẠM HỒ XUÂN	MAI	15/07/04	NT22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Corporate Finance (TC202DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1315
Giảng viên: Bùi Phương Uyên
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 10g15

Phòng thi: Phòng 007 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22206085	ĐẶNG KHÃ	MINH	11/10/04	NT22111			
2	22205503	LÊ HÀ PHƯƠNG	NAM	16/12/04	NT22111			
3	22207632	TRƯƠNG KHÁNH	NGÂN	16/03/02	MK22111			
4	22114466	TRẦN NGUYỄN BẢO	NGỌC	18/11/03	TV21111			
5	22205369	TRƯƠNG NHƯ	NGỌC	07/03/04	TV22111			
6	22122749	NGUYỄN ÁI THỰC	NHI	17/10/03	LG21111			
7	22112894	TRẦN ANH QUỐC	PHÁP	21/10/03	MK21111			Cấm thi
8	22112896	NGUYỄN HOÀNG	PHÁT	30/03/03	TV21111			
9	22100436	ĐỖ HỒNG	PHÚC	11/10/03	LG21111			
10	22207475	NGUYỄN KHÁNH THIÊN	PHƯƠNG	03/11/04	KT22111			
11	2191894	VŨ VĂN	QUYẾT	12/05/00	TV19112			Cấm thi
12	22204599	ĐỖ THỊ MỸ	TÂM	10/01/04	NT22111			
13	22206185	TẶNG MINH	TÂM	12/03/04	MK22111			
14	22205333	TRẦN KIM	THANH	04/06/04	TC22111			
15	22204601	NGUYỄN TẤN	THÀNH	29/08/04	LG22111			
16	22204675	PHAN THỊ VY	THẢO	23/12/04	NL22111			
17	22205552	NGÔ NGUYỄN GIA	THIỆN	07/10/04	MK22111			
18	22010109	NGUYỄN GIA THỦY	TIỀN	10/08/02	NT20111			
19	22500020	PHAN NGỌC BẢO	TRẦN	02/02/05	FT25111			
20	22122484	NGUYỄN HỒNG THẢO	VÂN	10/05/03	LG21111			
21	22200014	NGÔ THỊ	VIÊN	19/04/00	KN22111			
22	22201089	NGUYỄN PHÚC	VINH	25/02/04	MK22111			
23	22205815	NGUYỄN PHAN HOÀNG	VŨ	15/04/04	MK22111			
24	22011109	ĐINH BẢO	YÊN	13/07/01	LG20111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Kinh tế Vi mô (BA101DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1408
Giảng viên: Đinh Thị Lợi
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 031 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500001	HUỖNH TRÂM	ANH	16/05/06	TV251			
2	22400441	NGUYỄN DƯƠNG THỰC	ANH	02/02/05	DL24111			
3	22402085	NGUYỄN PHẠM QUỐC	ANH	10/09/06	NH24111			
4	22402934	NGUYỄN PHI	ANH	29/01/01	DL24111			
5	22402819	NGŨ QUỐC HỒNG	ÂN	29/10/06	DL24111			Cấm thi
6	22001154	BÙI QUANG	BÌNH	06/09/02	TT20111			Cấm thi
7	22205016	NGUYỄN BẢO	BÌNH	05/01/01	DM22111			Cấm thi
8	22400068	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	18/09/03	EC24111			
9	22403181	NGUYỄN ĐĂNG	ĐẠI	16/03/03	DL24111			
10	22500087	ĐẶNG TIẾN	ĐẠT	16/12/88	FT25111			
11	22400741	TRƯƠNG NHẬT	ĐÔNG	02/12/05	NH24111			
12	22400536	HỒ HOÀNG	GIA	09/11/06	LG24111			
13	22205059	NGUYỄN HỒ PHƯƠNG	HÀ	12/02/03	TV22111			
14	22400569	BÙI VĂN NHẬT	HÀO	11/01/06	DL24111			
15	22400387	DƯƠNG PHƯỚC	HẢI	09/11/06	DL24111			
16	22104232	HỒ THỊ NGỌC	HẰNG	05/07/03	KN21111			
17	22402823	CHUNG THANH	HIỂN	15/07/06	DL24111			
18	22400438	TRẦN MINH	HIỂN	05/11/06	DL24111			
19	22401723	ĐOÀN MINH	HOÀ	26/05/05	DL24111			
20	22004115	PHẠM TRẦN QUỐC	HƯNG	20/07/02	TT20111			
21	22500019	NGUYỄN QUANG	KHÁNH	25/03/05	SE25111			
22	22401895	VÕ TRUNG	KIẾN	30/03/06	NH24111			
23	22105304	NGUYỄN LÊ THỤY	LÂM	12/05/03	DM21111			
24	2190400	HUỖNH MAI CÁT	LINH	05/04/00	TT19111			Cấm thi
25	22205507	TRẦN HOÀNG	LONG	29/09/04	TV22111			
26	22113283	NGUYỄN HỮU	LỘC	24/05/03	TV21111			Cấm thi
27	22400702	PHAN LÊ NGỌC	MAI	21/03/06	DL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Kinh tế Vi mô (BA101DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1408
Giảng viên: Đinh Thị Lợi
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 048 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22011345	LÊ BẢO	MY	18/11/02	LG20111			
2	22401111	NGUYỄN ĐỖ THỊ NGỌC	MY	21/04/06	KS24111			
3	22400102	WANG KHIẾT	MY	26/01/06	DL24111			
4	22402863	HOÀNG PHƯƠNG	NAM	06/06/06	DL24111			
5	22205503	LÊ HÀ PHƯƠNG	NAM	16/12/04	NT22111			
6	22113016	ĐẶNG THANH	NGÂN	02/04/03	MK21111			Cấm thi
7	22403046	TẶNG MỸ	NGHI	14/10/06	NH24111			
8	22401633	ĐỖ THỊ BÍCH	NGỌC	30/03/06	NH24111			
9	22400736	NGUYỄN LÊ NHƯ	NGỌC	26/08/06	NH24111			
10	22401268	ĐỖ TRÍ	NGUYỄN	18/06/05	DL24111			
11	22402916	PHAN THÀNH	NGUYỄN	21/02/06	NH24111			
12	22205996	NGUYỄN HOÀNG THANH	NHÃ	17/06/04	TV22111			
13	22103049	PHẠM HẠO	NHIÊN	28/03/03	TV21111			
14	22401738	TRẦN THUỶ	NHIÊN	20/09/05	NH24111			
15	22401706	LƯƠNG GIA	NHON	10/01/06	NH24111			
16	22108413	TRẦN QUỐC	PHÁT	18/06/03	FM21111			
17	22401655	VÕ TRẦN HUY	PHÁT	23/04/06	NH24111			
18	22500230	TRỊNH PHI	PHI	09/07/05	TC25111			
19	22403095	HUỲNH THIÊN	PHÚC	19/08/06	NH24111			
20	22205462	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	19/04/04	NL22111			
21	22205468	CHUNG QUẾ	PHỤNG	20/12/04	NT22111			
22	22113282	NGUYỄN HỮU	PHƯỚC	24/05/03	TV21111			Cấm thi
23	22207351	TRƯƠNG PHƯƠNG	QUYÊN	01/09/04	MK22111			
24	22401810	LƯU HUỆ	SAN	06/12/06	DL24111			
25	22401072	CÁI HOÀNG	SANG	28/02/06	NH24111			
26	22403112	LÊ NGUYỄN AN	THIÊN	13/07/00	DL24111			
27	22500046	LIÊNG ĐỨC	THỊNH	15/09/03	DM25111			Cấm thi
28	22401637	NGUYỄN HƯNG	THỊNH	18/08/06	NH24111			
29	22402770	LÊ THỊ THANH	THÚY	30/10/06	DL24111			
30	22400657	VŨ ANH	THƯ	09/12/06	NH24111			
31	22400584	NGUYỄN THIÊN	TIÊN	22/05/06	NH24111			
32	22110983	LÊ MINH	TRIẾT	11/11/03	NT21111			Cấm thi
33	2191502	PHẠM MINH	TRÍ	18/12/01	TV19111			
34	22400104	LÊ ĐỨC	TRỌNG	14/09/06	DL24111			
35	22205006	VŨ NGUYỄN THANH	TRUNG	05/10/04	TV22111			
36	22402955	NGÔ THANH	TRÚC	18/06/06	DL24111			
37	22401342	VÕ CHÂU	TUẤN	29/04/06	EM24111			
38	22400034	BÙI LONG THIÊN	TỬ	24/09/99	NH24111			Cấm thi
39	22401512	NGUYỄN THANH	UYÊN	04/03/06	NH24111			
40	22302213	TRẦN NHÃ	UYÊN	10/03/05	TC23111			
41	22500056	LÀU MÍ	VÀ	25/03/05	NT25111			

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
42	22206464	NGUYỄN THẢO	VÂN	02/05/04	NT22111			
43	22206644	VŨ TRẦN QUỐC	VIỆT	17/07/04	TV22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Kinh tế Vi mô (BA101DV01) – Số tín chỉ: 3.00

Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1409

Giảng viên: Đinh Thị Lợi

Ngày thi: 03/01/2026

Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 043 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400158	ĐỖ TRÂM	ANH	14/11/06	EM24111			
2	22401067	HÀ PHƯƠNG	ANH	24/10/04	EM24111			
3	22402970	NGÔ QUỲNH	ANH	30/12/06	EM24111			
4	22400469	NGUYỄN HUY	ANH	21/05/99	EM24111			
5	22401292	NGUYỄN PHƯƠNG HỒNG	ÁNH	04/09/06	NT24111			
6	22500260	LƯƠNG VĂN TUẤN	BẢO	08/07/03	MK25111			
7	22500075	NGUYỄN QUỐC	BẢO	21/06/02	TV251			
8	22400910	NGUYỄN TRƯỜNG BĂNG	BĂNG	07/10/06	EM24111			
9	22401984	TRỊNH THỊ THANH	BÌNH	03/04/06	EM24111			
10	2190157	HUỲNH NGỌC BẢO	CHÂU	03/12/00	TT19111			
11	22401702	HÀ THUỖ	DƯƠNG	26/03/06	EM24111			
12	22204054	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	ĐĂNG	20/05/04	MK22111			
13	22403180	LÊ TÂM	ĐOAN	07/01/06	EM24111			
14	22400561	HUỲNH XUÂN	ĐỨC	06/05/04	NT24111			
15	22207355	TRƯƠNG PHÚ	HÀO	11/11/02	TV22111			
16	22400172	LÊ THỊ NGỌC	HẠNH	15/08/06	EM24111			
17	22500053	HỒ TRẦN GIA	HÂN	11/04/06	NT25111			Cấm thi
18	22400453	LÊ GIA	HÂN	26/11/06	EM24111			
19	22400906	PHAN NGUYỄN BẢO	HÂN	09/11/06	EM24111			
20	22500018	TRẦN PHÚC NGỌC CHÂU	HÂN	15/09/04	TV251			
21	22403134	NGUYỄN THÚY	HIỀN	05/06/05	EM24111			Cấm thi
22	22400683	TÔ THANH	HOÀNG	16/01/06	EM24111			
23	22300489	NGUYỄN VÕ HOÀNG	HUY	18/08/01	DM23111			
24	22206027	TRẦN THÀNH	HƯNG	01/11/04	TV22111			
25	22207154	BÙI THỊ THU	HƯỜNG	23/12/03	KT22111			
26	22401109	CAO ANH	KHOA	25/10/02	EM24111			
27	22400643	LÊ HỮU	LÂM	06/11/02	FT24111			
28	22400408	NGUYỄN PHẠM TRÚC	LINH	24/11/05	EM24111			
29	22401751	LÊ ĐÌNH	LONG	04/10/06	EM24111			
30	22401166	NGUYỄN PHƯỚC	LỘC	03/04/06	EM24111			
31	22500010	NGUYỄN QUANG	MINH	07/12/05	TV251			
32	22402848	PHẠM BẢO KHÁNH	MINH	30/08/06	EM24111			
33	22400082	NGUYỄN THẢO	MY	01/01/06	LG24111			
34	22401617	NGUYỄN GIA	MỸ	21/10/06	EM24111			
35	22014665	HUỲNH GIA	NGHI	09/01/01	TT20111			Cấm thi
36	22204620	NGUYỄN LÊ THÚY	NGỌC	12/09/04	MK22111			Cấm thi
37	22401697	NGUYỄN PHƯƠNG	NGUYỄN	10/10/06	EM24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Kinh tế Vi mô (BA101DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1409
Giảng viên: Đinh Thị Lợi
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 044 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400987	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	NGUYỄN	18/06/06	EM24111			
2	22401847	HUỲNH THỊ YẾN	NHI	05/08/06	EM24111			
3	22401971	NGUYỄN LÊ YẾN	NHI	26/06/06	EM24111			
4	22401610	LÊ QUỲNH	NHƯ	31/07/06	EM24111			
5	22114932	PHAN PHẠM PHƯƠNG	NHƯ	24/10/03	TV21111			
6	22400740	DƯƠNG KIỀU	OANH	02/11/03	EM24111			
7	22401948	LÝ DIỄM	PHONG	23/02/06	DM24111			
8	22205800	TRẦN CHÍ	PHONG	31/07/04	NT22111			
9	22200424	BÙI HOÀNG	PHÚ	04/06/04	KT22111			
10	22400954	NGUYỄN TRỌNG	PHÚC	14/10/06	EM24111			
11	22400691	TRẦN ĐẶNG THIÊN	PHÚC	15/12/06	EM24111			
12	22402845	HOÀNG HỒNG MAI	PHƯƠNG	31/10/06	EM24111			
13	22401969	THÁI NHÃ	PHƯƠNG	24/01/06	EM24111			
14	22402223	KỐC NGỌC QUANG	QUYÊN	09/09/06	EM24111			
15	22403043	NGUYỄN NGỌC NHƯ	QUỲNH	08/05/06	EM24111			
16	22401660	LÊ NHƯ	TÂM	14/11/03	DM24111			
17	22400161	HOÀNG NGỌC	THANH	15/07/06	EM24111			
18	22402174	QUANG THIÊN	THANH	28/05/06	EM24111			
19	22401665	TRẦN MINH THÁI	THANH	08/04/06	EM24111			
20	22204601	NGUYỄN TẤN	THÀNH	29/08/04	LG22111			
21	22400568	NGUYỄN NHƯ	THẢO	15/12/03	EM24111			Cấm thi
22	22401735	CAO HUỲNH ANH	THỨ	09/05/05	EM24111			
23	22402956	NGUYỄN THỊ MINH	THỨ	30/09/06	EM24111			
24	22206605	PHẠM ANH	THỨ	22/05/04	DM22111			
25	22400986	NGUYỄN NGÔ PHƯƠNG	THY	07/01/06	EM24111			
26	22400564	LÊ THUỖ BÍCH	TIỀN	25/05/06	EM24111			
27	22500048	NGUYỄN TRẦN NGỌC	TOÀN	04/07/06	TC25111			
28	22401603	NGUYỄN THỊ HOÀNG	TRANG	02/08/06	EM24111			
29	22401668	DƯƠNG THỊ NHƯ	TUYẾT	13/05/06	EM24111			
30	22500079	NGUYỄN THỊ NHƯ	TUYẾT	30/08/04	MK25111			
31	22400940	TRẦN NGỌC CÁT	TƯỜNG	05/12/06	EM24111			
32	22401418	HUỲNH THANH THẢO	VI	27/02/06	EM24111			
33	22006103	LÊ CẨM	VY	06/08/02	TT20111			Cấm thi
34	22400726	TỪ KHẢI	YẾN	15/02/06	EM24111			
35	22401344	ĐỖ LÊ NHƯ	Ý	03/06/06	EM24111			
36	22401006	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	05/03/06	EM24111			Cấm thi

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Kinh tế Vi mô (BA101DV01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0300 – Số hiệu lớp: 1410
Giảng viên: Nguyễn Minh Cao Hoàng
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 033 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402919	NGUYỄN HỒNG BẢO	ANH	04/09/06	EM24111			
2	22402093	NGUYỄN MINH THỦY	ANH	17/11/06	KS24111			
3	22401106	NGUYỄN QUỲNH	ANH	22/05/06	EM24111			
4	22401378	PHẠM NGỌC VÂN	ANH	23/10/06	EM24111			
5	22400903	VŨ THỊ KIỀU	ANH	08/03/06	KS24111			
6	22401494	DƯƠNG BẢO	ÂN	12/02/05	KS24111			
7	22400659	HUỲNH KHANG	BÌNH	08/05/06	KS24111			
8	22400872	NGUYỄN MINH	CHÂU	24/02/06	KS24111			
9	22500839	NGUYỄN THANH	DIỄM	07/05/05	SE25111			Cấm thi
10	22400861	HUỲNH THỊ MINH	DINH	09/08/06	KS24111			
11	22401093	PHAN PHÚC	ĐỊNH	29/09/06	EM24111			
12	22402021	VĂN ÁI NGỌC	HÀ	22/08/06	NT24111			
13	22400705	TÔ NAM	HẢI	12/05/06	KS24111			
14	22401152	HUỲNH PHẠM NGỌC	HÂN	23/09/06	KS24111			
15	22114746	LÊ NGỌC	HÂN	12/02/01	LG21111			
16	22400752	PHẠM MINH	HẬU	19/03/02	KS24111			
17	22123069	NGUYỄN THỊ NGỌC	HIỀN	04/08/03	MK21111			
18	22401541	TRẦN THỤY XUÂN	HIỀN	30/10/06	KS24111			
19	22400367	ĐÌNH ĐỨC	HÒA	08/12/06	KS24111			
20	22400506	NGUYỄN ĐỨC	HUY	27/12/06	EM24111			
21	22400899	NGUYỄN TRẦN QUỐC	HUY	19/06/06	EM24111			
22	22400318	LÂM GIA	HY	23/02/06	EM24111			
23	22500367	CHEN DE	KAI	07/12/05	NT25111			
24	22401176	NGUYỄN MINH	KHANG	29/01/06	KS24111			
25	22014533	PHAN NHẬT	KHANG	28/01/02	MK20111			
26	22400455	NGUYỄN PHÚ	KHÁNH	13/04/06	KS24111			
27	22400687	VŨ TRỌNG	KHÁNH	02/10/06	KS24111			
28	22009272	ĐÌNH NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	01/03/02	LG20111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Kinh tế Vi mô (BA101DV01) – Số tín chỉ: 3.00

Lớp học phần: 0300 – Số hiệu lớp: 1410

Giảng viên: Nguyễn Minh Cao Hoàng

Ngày thi: 03/01/2026

Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 049 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	2192021	ĐẶNG ANH	KHÔI	26/02/01	TV19111			Cấm thi
2	22400350	LÊ VŨ ANH	KHÔI	08/09/03	DM24111			
3	22400317	TRẦN HOÀNG	KIM	01/02/06	KS24111			
4	22401406	LÝ XƯƠNG	LÂM	02/04/06	KS24111			
5	22401519	TRẦN ĐOAN PHƯƠNG	LINH	18/12/06	KS24111			
6	22400198	NGUYỄN GIANG TRÀ	LÝ	29/03/06	EM24111			
7	22402705	HUỲNH	MAI	28/06/06	KS24111			
8	22501217	ĐẶNG ANH	MINH	01/11/02	LG25111			Cấm thi
9	22400847	NGUYỄN HOÀNG HẢI	MY	17/12/06	KS24111			
10	2180939	BÙI TRẦN KIM	NGÂN	12/03/00	NL1811			Cấm thi
11	22401110	NGUYỄN LỘC ĐÔNG	NGHI	01/06/06	EM24111			
12	22402727	NGUYỄN PHẠM PHƯƠNG	NGHI	05/06/06	KS24111			
13	22401976	MINH NGUYỄN BẢO	NGỌC	10/03/06	EM24111			
14	22401792	PHẠM HỒNG HẠNH	NGUYỄN	30/05/06	EM24111			
15	22100094	TRẦN NGUYỄN THẢO	NGUYỄN	17/05/02	DM21111			Cấm thi
16	22401756	NGUYỄN HOÀNG MINH	NHẬT	12/02/06	LG24111			
17	22500372	TRẦN KHÁNH	NHẬT	09/02/06	NT25111			
18	22400456	TRẦN XUÂN	NHI	16/10/06	KS24111			
19	22402679	HOÀNG NGỌC TÂM	NHƯ	09/03/06	KS24111			
20	22400663	DƯƠNG ANH	QUANG	01/06/06	EM24111			
21	22400870	NGUYỄN HOÀNG ANH	QUỐC	09/01/06	KS24111			
22	22400824	PHẠM XUÂN	QUỲNH	02/07/06	KS24111			
23	22401850	TRẦN NHƯ	QUỲNH	24/02/06	EM24111			
24	22400818	PHAN TRÚC	THANH	29/12/06	KS24111			
25	22400610	TỔNG MINH	THI	16/06/06	KS24111			
26	22401785	NGUYỄN NGỌC MINH	THUY	20/12/06	KS24111			
27	22401478	ĐỖ THỊ MINH	THƯ	29/12/06	KS24111			
28	22401389	LƯU ANH	THƯ	03/01/06	TV24111			
29	22400528	PHẠM HOÀNG MINH	THƯ	09/03/05	DM24111			
30	22400890	TRẦN NGỌC THỦY	TIỀN	01/03/06	KS24111			
31	22401318	NGUYỄN TRƯỜNG	TÍNH	11/06/06	KS24111			
32	22402763	HỒ THỊ QUẾ	TRÂN	16/09/06	KS24111			
33	22400015	LIỄU Ý	TRÂN	16/08/05	MK24111			
34	22400894	TRẦN PHƯƠNG	TRINH	04/01/04	KS24111			
35	22500201	ĐINH THÀNH	TRUNG	23/12/05	NT25111			
36	22401545	NGUYỄN HIẾU	TRUNG	23/09/06	KS24111			
37	22207217	ĐÀO QUANG	TUẤN	02/01/04	TV22111			
38	22205489	LÊ MINH	TUẤN	28/12/04	NT22111			
39	22400714	NGUYỄN HỒ THANH	TÙNG	23/05/99	DL24111			Cấm thi
40	22402097	BÙI KHÁNH	VÂN	08/07/06	KS24111			
41	22501945	ĐẶNG NGỌC TƯỜNG	VI	01/10/07	NT25111			

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
42	22401296	LƯƠNG ĐĂNG MINH	VIỆT	23/12/05	EM24111			
43	22402198	LAI TỪ THIỆU	VĨ	28/11/06	MK24111			
44	22400575	NGUYỄN PHƯƠNG	VY	07/07/06	EM24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Pricing Strategy (MK316DE01) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 2016
Giảng viên: Nghiêm Tấn Phong
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 004 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22101268	NGUYỄN CÔNG	BẰNG	08/04/02	MC21111			
2	22200646	NGUYỄN THỊ KIỀU	DIỄM	18/05/04	DM22111			
3	22205436	NGUYỄN HOÀNG NGỌC	DUY	29/09/04	MK22111			
4	22012386	TRẦN NGỌC ANH	DUY	15/05/00	MK20111			Cấm thi
5	22207199	HOÀNG TRỌNG	DŨNG	09/03/04	MK22111			
6	22116613	VŨ ĐỨC	DŨNG	23/06/03	MC21111			
7	22205274	NGÔ PHAN ÁNH	DƯƠNG	18/07/03	DM22111			
8	22207614	LÊ NGUYỄN HOÀNG	HÀ	19/04/01	DM22111			
9	22200179	NGUYỄN MINH	HOÀNG	08/06/04	MK22111			
10	22206966	ĐÀNG THỤC	HUỆ	04/11/04	MK22111			
11	22108049	HÀ QUANG	HUY	27/07/03	MK21111			
12	22206709	VÕ BÁ	HUY	21/05/04	MK22111			
13	22207436	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	04/06/04	MK22111			
14	22200066	NGUYỄN ẪN	KHÔI	23/05/04	MK22111			
15	22203815	TRẦN TUẤN	KIỆT	13/07/04	MK22111			
16	22007980	NGÔ KHÁNH	LINH	25/11/02	MK20111			
17	22202765	NGUYỄN KHÁNH	LINH	27/07/04	DM22111			
18	22200482	PHAN HỮU	LỢI	22/05/03	MK22111			
19	22114441	NGUYỄN HỮU NHẬT	MINH	14/07/03	DM21111			
20	22205062	VÕ NGỌC BẢO	NGÂN	05/01/04	MK22111			
21	22205009	TRƯƠNG BÍCH	NGỌC	01/02/01	DM22111			
22	22207413	NGUYỄN TƯ HOÀNG	NHI	18/10/04	MK22111			
23	22206111	TRẦN HOÀNG	PHƯƠNG	18/06/04	DM22111			
24	22108058	NGUYỄN CẢNH	TÂM	29/04/03	MK21111			
25	22206185	TẶNG MINH	TÂM	12/03/04	MK22111			
26	22206555	LƯƠNG TRẦN PHƯƠNG	THẢO	23/11/04	DM22111			
27	22201402	NGUYỄN HÀ AN	THUYỀN	11/10/04	MK22111			
28	22207087	TRẦN ĐẶNG DIỄM	TRINH	04/04/04	MK22111			
29	22114626	HUỲNH THANH	TUYỀN	10/03/03	MK21111			
30	22205957	THÁI NGUYỄN NGỌC	UYÊN	14/04/04	DM22111			
31	22204520	NGÔ YẾN	VI	15/03/04	DM22111			
32	22201089	NGUYỄN PHÚC	VINH	25/02/04	MK22111			
33	22302201	LÊ THÀNH	VŨ	30/09/05	MK23111			
34	22205929	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VY	22/07/04	DM22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Behavioral Finance (TC319DE01) – Số tín chỉ: 3.00

Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1323

Giảng viên: Nghiêm Tấn Phong

Ngày thi: 03/01/2026

Giờ thi: 13g15

Phòng thi: Phòng 003 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22122672	PHẠM NGUYỄN PHÚC	ANH	06/03/03	KT21121			
2	22204615	CUNG HỒNG	ÂN	25/10/01	TC22111			
3	22201096	NGÔ DUY	BẢO	27/11/04	TC22111			
4	22102517	NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	20/08/03	TC21111			
5	22206723	NGUYỄN TRÍ	DŨNG	02/11/03	KN22111			
6	22207602	QUÁCH THÀNH	ĐẠT	03/05/04	TC22111			
7	22207378	TRẦN MINH	HUY	03/07/04	KN22111			
8	22205469	VÕ TUẤN	KIỆT	24/11/04	TC22111			
9	2193128	CAO TRẦN DIỆU	LINH	01/01/01	GF19122			
10	22011740	TRẦN ÁI	LINH	12/11/02	GF20121			
11	2191558	TRẦN NGỌC BẢO	LONG	29/11/99	GF19122			Cấm thi
12	22200873	NGUYỄN ĐỨC	MINH	08/08/04	TC22111			
13	22207463	VIÊN THỊ THẢO	MY	15/01/04	KN22111			
14	22206024	NGUYỄN TÂM NHƯ	NGỌC	14/01/03	KN22111			
15	22117847	KHEO THẢO	NGUYỄN	20/07/03	TC21111			
16	22300109	LÊ THỊ THẢO	NHI	04/02/04	TC23111			
17	22008110	LÊ	PHÁT	09/03/02	GF20121			
18	22205532	TRANG THIÊN	PHONG	07/11/01	KN22111			
19	22200247	UÔNG VŨ HOÀNG	PHƯƠNG	12/07/04	KN22111			
20	22204908	HUYỀN LÂM	PHƯỚC	19/08/03	TC22111			
21	22200218	TRƯƠNG ANH	QUÂN	08/06/00	TC22111			
22	22205954	LÊ VĂN	QUÝ	19/10/03	KN22111			
23	22400812	LÊ TẤN	TÀI	13/06/03	TC24111			
24	22103129	TRẦN DUY	THANH	08/05/03	TC21111			
25	22207571	NGUYỄN DANH	THÁI	07/12/04	TC22111			Cấm thi
26	22001022	NGUYỄN TRỌNG	TÍN	30/12/99	TC20111			
27	22122631	NGUYỄN BẢO	TRANG	18/11/03	TC21111			
28	22011573	NGUYỄN MINH	TRÍ	06/09/02	TC20111			
29	22206444	NGUYỄN THANH THẢO	UYÊN	17/02/04	KN22111			
30	22004780	VŨ PHƯƠNG	UYÊN	05/07/02	TC20111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Quản trị Tài chính (TC304DV02) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1873
Giảng viên: Hồ Công Hưởng
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 007 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22200991	VÕ THỊ NGỌC	ANH	08/05/04	TV22111			
2	22009446	NGUYỄN VŨ AN	CHÂU	05/11/02	TC20111			
3	22205673	LÝ NGỌC	DUNG	25/10/04	TV22111			
4	22112614	TRƯƠNG HOÀNG	DUY	01/02/03	TV21111			Cấm thi
5	22008580	MAI NGUYỄN CAO KỲ	DUYÊN	18/08/02	TV20111			
6	22205841	TRẦN HỮU	ĐAN	09/08/04	TV22111			
7	22114141	NGUYỄN KHẮC PHƯƠNG	ĐÔNG	10/08/03	TC21111			
8	22116586	THÂN TRỌNG	ĐỨC	21/08/03	TV21111			
9	22200681	HOÀNG NGỌC	HÀ	07/01/04	TV22111			
10	22200469	CÙ TRẦN PHÚC	HẬU	28/12/04	TV22111			
11	22111103	NGUYỄN	HOÀNG	27/02/03	TV21111			
12	22107980	NGUYỄN MINH	HOÀNG	05/09/03	TV21111			
13	22205550	NGUYỄN ĐỨC	HUY	26/04/04	TV22111			
14	22205802	NGUYỄN PHẠM ANH	HUY	12/09/04	TV22111			
15	22108349	NINH TƯỜNG LÂM	HƯNG	13/05/03	TV21111			
16	22000597	LAI TUẤN	HỖ	11/10/02	TV20111			
17	22000133	NGUYỄN DUY	KHÁNH	14/09/01	TV20111			
18	22101455	HÀ NGUYỄN DUY	KHOA	04/03/03	TV21111			
19	22205502	LÊ ANH	KHÔI	05/10/04	TV22111			
20	22102957	VƯƠNG TUẤN	KIỆT	06/07/03	TV21111			
21	22204794	ĐẶNG HUỲNH ÁNH	KIM	14/08/04	TV22111			
22	22105592	ĐINH THỊ THANH	LAM	02/11/03	TV21111			
23	22003950	HUỲNH NHỰT	LÂM	06/11/02	TV20111			
24	22201331	NGUYỄN BẢO MINH	LỘC	22/04/04	TV22111			
25	22011982	ĐÀO XUÂN NHẬT	MINH	01/03/02	TV20111			
26	22205222	NGUYỄN QUỐC	MINH	19/05/04	TV22111			
27	2182903	PHẠM QUANG	MINH	21/04/00	KN1811			
28	22205346	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	24/01/04	TV22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Quản trị Tài chính (TC304DV02) – Số tín chỉ: 3.00
Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1873
Giảng viên: Hồ Công Hưởng
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 008 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22203823	ĐẶNG GIA	MỸ	23/03/04	TV22111			
2	22205554	BÙI PHƯƠNG	NAM	19/07/04	TV22111			
3	22400386	HUỖNH NGỌC KHÔI	NGUYỄN	08/10/03	TC24111			
4	22112864	NGÔ ĐÌNH MINH	NHẬT	01/10/03	TV21111			
5	22011964	HỒ THỊ UYÊN	NHI	02/04/02	TV20111			
6	22207597	HUỖNH KIM	NHI	17/03/04	TV22111			
7	22300109	LÊ THỊ THẢO	NHI	04/02/04	TC23111			
8	2191464	ĐẶNG HỮU	PHÚC	20/12/01	TV19111			
9	22114611	NGUYỄN TRỌNG	PHÚC	13/05/03	TV21111			
10	22012123	CHÂU KIM	PHỤNG	09/04/02	TC20111			
11	22204283	LƯU THỊ MINH	PHƯƠNG	15/10/04	TC22111			
12	22113047	NGUYỄN DIỆP PHƯƠNG	PHƯƠNG	30/11/03	KN21111			
13	22010889	HOÀNG ANH	QUỐC	20/06/02	TV20111			Cấm thi
14	22207009	LÊ HỮU	QUỐC	11/02/04	TV22111			
15	22104988	LÊ THỊ PHƯƠNG	QUYÊN	16/11/03	TV21111			
16	22400812	LÊ TẤN	TÀI	13/06/03	TC24111			
17	22400045	NGUYỄN LÊ VĨNH	THANH	01/11/02	TC24111			
18	22011741	CAO LÊ PHƯƠNG	THỦY	04/08/02	TV20111			
19	22117126	HUỖNH ĐỨC	TÍN	05/10/03	TV21111			
20	22206295	ĐỖ THU	TRANG	19/01/04	TV22111			
21	2193887	NGUYỄN THANH	TRIỆU	31/01/01	TV19112			Cấm thi
22	22206640	HUỖNH TRẦN QUỐC	VIỆT	25/04/04	TV22111			
23	22207184	LÊ HÙNG	VĨ	16/12/04	TV22111			
24	2198462	NGUYỄN CÔNG TRƯỜNG	VŨ	13/01/01	TV19111			
25	22000399	QUÁCH Ý	VY	27/09/01	TV20111			
26	22207018	NGÔ PHẠM TIỂU	YẾN	04/11/04	TV22111			
27	22206213	PHẠM HOÀNG	YẾN	16/04/04	TV22111			
28	22207352	TRẦN LÂM THIÊN	Ý	09/05/04	TV22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Trung 2 (TQ102DV03) – Số tín chỉ: 4.00

Lớp học phần: 0100 – Số hiệu lớp: 1913

Giảng viên: Thái Thị Hà Linh

Ngày thi: 03/01/2026

Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 043 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22303742	ĐỖ VŨ VÂN	ANH	26/06/05	TM23111			Cấm thi
2	22100337	NGUYỄN HOÀNG	ANH	15/05/03	TANT21111			
3	22302206	PHAN NGỌC PHƯƠNG	ANH	07/04/05	TM23111			
4	22300719	TUOT	HARDY	17/06/05	TM23111			Cấm thi
5	22207183	TRẦN DUY	HOÀNG	11/07/04	KS22111			
6	22206093	PHẠM VÕ GIA	HUY	12/07/04	TM22111			
7	22108304	TRẦN NGỌC ĐĂNG	HUY	02/05/03	TANT21111			
8	22301653	NGUYỄN NHƯ NGỌC	KHÁNH	02/09/05	TM23111			
9	22206646	LÂM THẾ	KIỆT	31/10/99	TM22111			
10	22302551	LÊ NGUYỄN THẢO	LAN	16/10/05	TM23111			
11	22302328	TRẦN NGỌC	LAN	01/09/03	TM23111			
12	2180072	NGÔ TRƯƠNG TUẤN	MINH	04/03/98	NH1811			
13	22302548	LƯU UYÊN	NGHI	31/08/05	TM23111			
14	22300902	NGUYỄN THỊ BẢO	NGỌC	15/10/05	TM23111			
15	22300494	DƯƠNG NGỌC	NHI	26/06/05	TM23111			
16	22300753	LÊ UYÊN	NHI	07/09/05	TM23111			
17	22303076	HUỲNH TUẤN	PHÁT	16/09/05	TM23111			
18	22300798	PHAN NGUYỄN HOÀNG	PHONG	14/09/05	TM23111			
19	22303484	LÊ HỒNG	QUÂN	06/03/05	TM23111			
20	22204791	ĐỖ THÀNH	TÀI	12/04/04	KS22111			
21	22011547	NGUYỄN PHẠM MINH	THƯ	23/09/01	KS20111			
22	22301654	TRẦN ANH	THƯ	11/12/05	TM23111			
23	22009293	BÙI LÊ MINH	THY	20/10/02	TM20111			
24	22204896	PHẠM NGỌC THUỶ	TIẾN	16/06/04	TM22111			
25	22303114	TRỊNH PHƯƠNG	TRANG	17/06/05	TM23111			
26	22200425	MAI ĐÌNH	TRUNG	05/03/04	KS22111			
27	22300786	LÊ SƠN	TÙNG	28/07/05	EM23111			
28	22303670	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	UYÊN	23/05/05	TM23111			
29	2193939	TRẦN LÊ TÚ	UYÊN	11/10/01	KS19111			
30	22303578	VÕ THỊ ÁI	VÂN	12/04/05	TM23111			
31	22301565	ĐẶNG NGUYỄN KHÁNH	VY	27/09/05	TM23111			
32	22303033	ĐỖ MINH	VY	14/05/05	TM23111			
33	22300812	VŨ HÀ BẢO	VY	14/04/05	TM23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Trung 2 (TQ102DV03) – Số tín chỉ: 4.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 1914
Giảng viên: Lã Thị Thùy Phương
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 044 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22000934	LÊ HOÀNG THẾ	BẢO	20/06/01	TM20111			
2	22302453	LÊ PHẠM BẢO	CHÂU	30/07/05	EM23111			
3	22301954	LÊ THANH	HÀ	13/05/05	EM23111			
4	22301384	LÊ NGỌC	HÂN	10/02/05	DL23111			
5	22301956	LÝ THỰC	HÂN	12/06/05	EM23111			
6	22302541	PHẠM MAI NHƯ	HẰNG	18/11/05	EM23111			
7	22303184	HUỲNH NHẤT	KHANG	02/12/05	EM23111			
8	22301973	TRẦN NGỌC	LAM	15/06/05	DL23111			
9	22301572	LÃ THUỶ	LINH	08/06/05	EM23111			
10	22302504	NGUYỄN THÙY	LINH	25/11/05	DL23111			
11	22301685	TRƯƠNG TẤN	LỘC	01/09/05	DL23111			
12	22304017	LÝ HUỆ	MÃN	30/05/05	DL23111			
13	22303744	BÙI THANH	NGÂN	27/04/05	DL23111			
14	22302496	LÂM MỸ	NGÂN	02/02/05	EM23111			
15	22301227	VŨ PHƯƠNG	NGHI	19/08/05	EM23111			
16	22301595	NGUYỄN GIA	NHI	23/09/05	EM23111			
17	22303185	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	14/10/05	EM23111			
18	22302411	ĐÀO NGUYỄN TUYẾT	NHUNG	29/09/05	EM23111			
19	22303212	TRẦN THỊ NGỌC	NHƯ	29/03/05	EM23111			
20	22302087	TẶNG MỸ	PHỤNG	17/12/05	EM23111			
21	22302418	TRIỆU BỘI	QUÂN	07/10/05	EM23111			
22	22301933	TRƯƠNG NGỌC DIỄM	QUỲNH	28/01/05	EM23111			
23	22301922	NGUYỄN ĐÌNH	THÔNG	11/06/05	EM23111			
24	22302493	TRẦN THỊ ANH	THƯ	20/11/03	EM23111			
25	22301773	ĐẶNG HOÀI	THƯƠNG	02/04/05	EM23111			
26	22302431	VÕ HOÀNG CÁT	TIỀN	16/04/05	EM23111			
27	22301314	NGUYỄN BẢO	TRỌN	11/05/04	DL23111			Cấm thi
28	22303105	PHAN NGỌC ANH	TUẤN	03/02/03	DL23111			Cấm thi
29	22301528	KHA TÚ	TÚ	26/02/05	DL23111			
30	22301081	LẠI MINH	TÚ	11/04/01	DL23111			
31	22301448	VÕ ĐÌNH MINH	VI	01/05/05	DL23111			
32	22300237	PHẠM TẤN	VINH	09/03/05	DL23111			
33	22301830	UTHAI SAEN KIM	VUI	16/12/05	DL23111			
34	22301603	LÊ THẢO	VY	28/06/05	EM23111			
35	22302247	VÕ THUÝ	VY	01/08/05	EM23111			Cấm thi
36	22303796	MAI THỊ NHƯ	Ý	26/08/05	EM23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Trung 2 (TQ102DV03) – Số tín chỉ: 4.00
Lớp học phần: 0300 – Số hiệu lớp: 1915
Giảng viên: Lý Hồng Dung
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 048 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22300787	NGUYỄN TẤN DUY	AN	11/06/05	EM23111			
2	22303174	NGUYỄN THỊ THÚY	AN	14/05/05	KS23111			
3	22300344	NGUYỄN TUẤN	AN	20/11/05	KS23111			
4	22302388	HÀ PHẠM ĐỨC	ANH	22/09/05	KS23111			
5	22206002	VÕ LÊ HOÀNG	ÂN	02/05/03	NH22111			
6	22300455	NGUYỄN NGỌC MINH	CHÂU	07/03/05	EM23111			
7	22301213	TRẦN NGỌC BẢO	CHÂU	26/12/04	EM23111			
8	22302092	TRẦN KHẢ	DOANH	31/08/05	KS23111			
9	22301502	LÊ NGỌC MỸ	DUYÊN	19/12/05	KS23111			
10	22301941	NGÔ THỊ KHÁNH	HUYỀN	08/01/04	KS23111			
11	22301029	BÙI MINH	KHANG	23/09/04	EM23111			
12	22300804	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	20/08/05	EM23111			
13	22302521	PHẠM THỊ NGỌC	KHÁNH	15/04/05	KS23111			
14	22304136	LÊ PHÚC	KHẢI	28/07/02	KS23111			
15	22302526	NGUYỄN THẾ	KHIÊM	05/10/05	KS23111			
16	2185725	LÊ NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	03/06/00	TM1811			Cấm thi
17	22302207	NGUYỄN DUY	KHÔI	24/12/05	KS23111			
18	22302339	TRẦN THỊ	LINH	18/04/05	KS23111			
19	22300429	DƯƠNG XUÂN	NGÂN	21/03/05	EM23111			
20	22300498	ĐỖ MỘNG GIA	NGHI	10/03/05	EM23111			Cấm thi
21	22301224	TRẦN KIM	NHUNG	16/12/05	KS23111			
22	22300469	ĐẶNG MINH	PHÚC	02/03/05	EM23111			
23	22300473	LÊ CHÂU MỸ	PHƯỚC	05/10/04	EM23111			
24	22302149	ĐÀO LƯƠNG HOÀNG	QUÂN	17/12/05	KS23111			
25	22302916	NGÔ MINH	QUÂN	15/09/05	KS23111			
26	22301813	NGUYỄN MINH	THÀNH	21/09/05	KS23111			
27	22300671	NGUYỄN HƯNG	THỊNH	09/06/05	EM23111			
28	22300789	VŨ NGUYỄN ĐIỂM	THUY	13/01/05	EM23111			
29	22140093	TRƯƠNG ĐÌNH	TUẤN	05/05/00	NH21111			
30	22301109	LÊ THỊ CẨM	TÚ	19/06/05	KS23111			
31	22300496	TRẦN GIA	UYÊN	08/10/05	KS23111			
32	22300649	HUYỀN THANH THẢO	VY	11/04/05	EM23111			
33	22302200	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	VY	21/03/05	KS23111			
34	22300174	NGUYỄN PHẠM TƯỜNG	VY	29/05/05	EM23111			Cấm thi
35	22011390	PHẠM NGỌC KHÁNH	VY	22/10/02	DL20121			
36	22301605	NGUYỄN BÙI MINH	XUÂN	03/04/05	KS23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Trung 2 (TQ102DV03) – Số tín chỉ: 4.00
Lớp học phần: 0400 – Số hiệu lớp: 1916
Giảng viên: Lý Hồng Dung
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 049 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22300256	ĐOÀN PHÚ	ANH	24/03/00	NH23111			
2	22300998	ĐỖ HỒNG NHẬT	ANH	21/12/05	TE23111			
3	22300763	MAI NGỌC TRÂM	ANH	02/05/05	NH23111			
4	22300049	NGUYỄN NGỌC VÂN	ANH	10/09/02	NH23111			
5	22302527	VÕ NGỌC QUỲNH	ANH	07/05/05	TE23111			
6	22303620	MAI HỒNG	ÂN	28/02/05	TE23111			
7	2191512	LÂM GIA	BẢO	23/10/01	KS19111			
8	22300567	NGUYỄN VƯƠNG GIA	CÁT	09/12/05	TM23111			
9	22302244	LÊ KIM HỒNG	CHÂU	28/11/03	TE23111			
10	22303039	TRẦN NGỌC BẢO	CHÂU	04/05/05	TE23111			
11	22301141	LÊ NGUYỄN BẢO	DUY	28/11/05	TE23111			
12	22301547	HỒ KỶ	DUYÊN	15/02/05	TE23111			
13	22303089	BÙI NGUYỄN THUỖ	DƯƠNG	07/05/05	TE23111			
14	22300571	CAO TRÍ	ĐẠT	22/07/05	NH23111			
15	22300892	TRẦN QUẢNG	ĐIỀN	21/08/05	NH23111			
16	22301125	PHẠM THỊ NGỌC	HIỆP	17/07/05	NH23111			
17	22301631	PHẠM NGUYỄN KIM	HIỀN	12/05/05	TM23111			
18	22303522	PHAN NGỌC KIM	HOÀNG	07/03/05	TE23111			
19	22300994	LÊ THỊ THU	HÒA	11/03/03	TE23111			
20	22301665	LÊ QUỐC	HUY	07/05/05	NH23111			
21	22301058	NGUYỄN ANH	HUY	03/10/05	NH23111			
22	22303875	HÙNG MĂNG	HƯNG	01/01/05	NH23111			
23	22301864	TỔNG DUY	KHANG	24/06/05	NH23111			
24	22301086	NGUYỄN LÂM BẢO	KHÁNH	30/04/05	NH23111			
25	22300740	NGUYỄN CÔNG TUẤN	KIÊN	25/10/05	NH23111			
26	22301820	LÊ THỊ THÚY	LOAN	20/11/05	NH23111			
27	22303886	VŨU KIM	LONG	25/09/05	NH23111			
28	2191260	NGUYỄN MINH	LUÂN	13/07/01	NH19111			
29	22301621	TRƯƠNG PHẠM THẢO	MINH	11/11/04	TE23111			Cấm thi
30	22302359	NGUYỄN MỸ	NHI	25/09/04	NH23111			
31	22301053	TẠ NGUYỄN MINH	NHỤT	12/12/02	NH23111			
32	22304101	TẮT KHẢI	PHONG	17/03/05	NH23111			
33	22301513	PHẠM THỊ THU	QUYÊN	17/07/05	TE23111			
34	22301886	ĐOÀN VĨ	TÂN	26/06/05	NH23111			
35	22303036	HỒNG NGỌC	THẢO	17/01/05	NH23111			
36	22300594	TRƯƠNG VĨNH	THỤY	09/12/04	TE23111			
37	2194094	NGUYỄN NGÔ THẢO	TRÂM	11/02/01	DL19121			
38	22302173	NGUYỄN TÍN	TRUNG	17/07/05	NH23111			
39	22301479	NGUYỄN HOÀNG	TUẤN	15/06/05	NH23111			
40	22303334	PHAN HOÀNG CÁT	TƯỜNG	23/12/05	TE23111			
41	22300511	NGUYỄN TRƯƠNG MỸ	UYÊN	22/08/05	NH23111			

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
42	22300749	PHẠM THỊ TỔ	UYÊN	15/07/05	NH23111			
43	22301361	NGHIÊM HUY	VŨ	19/05/05	TE23111			Cấm thi
44	22303821	DƯƠNG TƯỜNG	VY	26/07/05	TE23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Trung 2 (TQ102DV03) – Số tín chỉ: 4.00
Lớp học phần: 0500 – Số hiệu lớp: 2045
Giảng viên: Phạm Thành Anh
Ngày thi: 03/01/2026
Giờ thi: 15g30

Phòng thi: Phòng 006 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22206729	ĐẶNG KỲ	ANH	26/01/02	TM22111			Cấm thi
2	22007351	NGUYỄN QUỲNH	ANH	02/05/02	TATL20111			
3	22110522	NGUYỄN THỊ MINH	ANH	22/11/03	DL21121			
4	22303101	PHẠM KIM TÚ	ANH	05/01/05	EM23111			Cấm thi
5	22114264	PHẠM GIA	BẢO	27/11/02	TATL21111			
6	22303723	HUỲNH HỒNG	CHÂU	24/02/05	TM23111			
7	22206462	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	23/07/03	NH22111			Cấm thi
8	22006007	LÊ MINH	GIANG	22/12/02	TM20111			
9	22005169	LÊ NGUYỄN NGÂN	GIANG	21/06/02	TM20111			
10	2181982	VÕ MINH	HIẾU	10/05/00	TM1811			
11	22100167	NGUYỄN HOÀNG	KHANG	28/12/01	TM21111			
12	22201243	NGUYỄN HOÀNG	KIM	08/10/04	TE22111			
13	22101554	NGUYỄN HOÀNG	LONG	04/02/03	NH21111			
14	22122615	MAI HÀ KHÁNH	LY	07/05/03	TE21111			
15	22110900	HUỲNH HẢI	MINH	08/04/03	DL21121			
16	22000320	NGUYỄN THỊ SÔNG	NGÂN	05/04/01	TE20111			
17	22008191	NGUYỄN AN MINH	NHỰT	17/04/02	KS20111			
18	22104344	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	NHƯ	04/06/03	KS21111			
19	22300674	LÊ NGUYỄN HỮU	TÂM	05/03/05	EM23111			
20	22207508	NGUYỄN ĐÌNH	TÍN	24/07/02	TM22111			
21	22001783	NGUYỄN ĐAN	TRƯỜNG	20/12/02	KS20111			
22	22012273	TRẦN THỤY THANH	VY	27/12/02	KS20111			
23	22206786	PHAN HUỲNH NHƯ	Ý	13/02/04	KS22111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)